

JEFFREY ARCHER



~~Ấn~~ tượng sai lầm

False Impression

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC **vh**

JEFFREY ARCHER



~~n~~ tượng sai lầm

False Impression

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC **vh**



Ấn Tượng Sai Lầm

Jeff Archer

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[1](#)
[2](#)
[3](#)
[4](#)
[5](#)
[6](#)
[7](#)
[8](#)
[9](#)
[10](#)
[11](#)
[12](#)
[13](#)
[14](#)
[15](#)
[16](#)
[17](#)
[18](#)
[19](#)
[20](#)
[21](#)
[22](#)
[23](#)
[24](#)
[25](#)
[26](#)
[27](#)
[28](#)
[29](#)
[30](#)
[31](#)
[32](#)
[33](#)
[34](#)
[35](#)
[36](#)
[37](#)
[38](#)
[39](#)
[40](#)
[41](#)
[42](#)
[43](#)
[44](#)
[45](#)
[46](#)
[47](#)
[48](#)
[49](#)
[50](#)

Giới thiệu sách

Nhân vật chính trong Ấn tượng sai lầm là Anna Petrescu, một ngôi sao điện kinh đồng thời là tiến sĩ về lĩnh vực lịch sử tranh nghệ thuật của Đại học Pennsylvania. Cô bắt đầu làm việc ở Sotheby's và sau đó làm cho một ngân hàng, nơi có vị giám đốc Bryce Fenston cũng là một chuyên gia sưu tầm tranh.

Fenston Finance, một công ty tài chính chấp nhận tài sản thế chấp bằng các tác phẩm nghệ thuật khi cho vay những khoản tiền lớn. Đây là sự khác biệt của ông chủ ngân hàng, bởi hiếm khi các ngân hàng chấp nhận “nghệ thuật” làm tài sản thế chấp. Fenston đề ra chính sách đó, không phải bằng tình yêu đích thực dành cho nghệ thuật, mà vì hắn ta luôn bị ám ảnh bởi những bộ sưu tập của người khác. Và lần này “khách hàng tiềm năng” là phu nhân người Anh, Victoria Wentworth, chủ của bộ sưu tập gồm rất nhiều những kiệt tác của các họa sĩ danh tiếng, trong đó có bức *Chân dung người cắt tai* của Van Gogh. Tiến sĩ Anna Petrescu, nhân viên của công ty được cử đến lâu đài Wentworth để thẩm định giá trị tài sản của phu nhân Victoria Wentworth. Cô hiểu rõ giá trị của gia sản khổng lồ này và háo hức báo cáo với Fenston về việc bán bức *Chân dung người cắt tai* quý giá để giúp khách hàng của mình. Thật không may, ý tưởng “hảo tâm” của cô lại trái ngược hoàn toàn với kế hoạch của Fenston. Và rồi cái chết đột ngột của Victoria Wentworth, sự hỗn loạn của New York trong ngày khủng bố ngày 11 tháng 9 đã kéo Anna vào một chuyến phiêu lưu đầy mạo hiểm. Có tên trong danh sách những người mất tích sau vụ khủng bố, Anna rời khỏi Mỹ và bắt đầu cuộc hành trình tìm chủ nhân mới cho bức tranh quý giá.

Chuyến phiêu lưu qua Toronto, London, Bucharest, rồi Hồng Kông, Tokyo, lúc nào cũng cận kề nguy hiểm khi luôn có sự theo sát của Olga Krantz, nữ sát thủ chuyên nghiệp, đam mê giết người bằng nhát cửa cổ họng “rất ngọt”, và anh chàng đặc vụ FBI Jack, người theo dõi cô từ lâu. Anna và bức họa danh tiếng kia trở thành “mục tiêu” săn đuổi tới cùng của các âm mưu đen tối. Hành trình tìm câu trả lời cho những nghi vấn trong đầu Anna đã dần hé lộ rất nhiều sự thật về: ông chủ giàu có Fenston cùng những kẻ đứng sau hắn ta, gia đình quý tộc Wentworth, thương gia người Nhật thích sưu tầm những kiệt tác nghệ thuật và ngay cả người bạn thân thiết nhất của cô, Tina, cô thư ký của Fenston...

TẶNG TARA

10/9

1

Victoria Wentworth ngồi một mình bên chiếc bàn nơi Công tước Wellington đã từng ngồi ăn tối với 16 sỹ quan chiến trường của ngài vào cái đêm trước ngày ngài lên đường tới Waterloo.

Tướng Harry Wentworth ngồi bên phải ngài Công tước Thép vào tối hôm đó, và được giao nhiệm vụ chỉ huy cánh trái trong cuộc đổ sức. Khi kẻ thất trận là Napoleon tháo chạy khỏi chiến địa để rơi vào một kiếp sống lưu đầy, nhà vua Anh quốc đã tỏ lòng biết ơn đối với viên tướng bằng cách phong ông làm Bá tước xứ Wentworth, một tước hiệu vốn là niềm tự hào của cả dòng họ này kể từ năm 1915.

Những ý nghĩ đó lướt qua đầu Victoria khi bà đọc lại bản báo cáo của Bác sỹ Petrescu, lần này là lần thứ hai. Khi đọc hết trang cuối cùng, bà thở phào nhẹ nhõm. Một giải pháp cho mọi vấn đề của bà đã được tìm ra, rất rõ ràng vào lúc mười một giờ đêm.

Cánh cửa phòng ăn mở ra và Andrews, quản gia, trước kia vốn là một người hầu, một người đã phục vụ qua ba thế hệ nhà Wentworth, bước vào và thu dọn thìa đĩa.

“Cảm ơn”, Victoria nói, và đợi cho đến khi ông ta đã bước ra tới cửa, bà mới nói tiếp, “và mọi thứ đã được thu xếp để chuyển bức tranh ấy đi rồi chứ?” Bà không muốn nhắc đến tên của tác giả bức tranh.

“Vâng, thưa Phu nhân”, Andrews quay lại nhìn bà chủ của mình rồi trả lời. “Bức tranh ấy sẽ được chuyển đi trước khi Phu nhân xuống dùng bữa sáng”.

“Và mọi thứ đã được chuẩn bị chu đáo để đón tiếp Bác sỹ Petrescu rồi chứ?”

“Vâng, thưa Phu nhân”, Andrews nói. “Theo hẹn, Bác sỹ Petrescu sẽ tới vào lúc gần trưa ngày thứ Tư, và tôi đã báo cho đầu bếp biết rằng bà ấy sẽ dùng bữa trưa cùng Phu nhân ở nhà kính”.

“Cảm ơn, Andrews”, Victoria nói.

Viên quản gia cúi chào rồi nhẹ nhàng đóng chiếc cánh cửa sồi nặng nề sau lưng mình lại.

Khi Bác sỹ Petrescu tới Lâu đài Wentworth thì một trong những món đồ gia truyền quý giá nhất đang trên đường tới Mỹ, và dù kiệt tác ấy sẽ không bao giờ còn xuất hiện tại lâu đài này nữa, không ai ngoài những người thân thích có quan hệ huyết thống trực hệ với bà cần được biết về sự thật này.

Victoria gấp chiếc khăn ăn lại rồi đứng dậy và rời khỏi chiếc bàn. Bà cầm bản báo cáo của Bác sỹ Petrescu lên rồi rời khỏi phòng ăn và bước ra đại sảnh. Tiếng gót giày của bà vọng dọc theo hành lang lát đá hoa cương. Bà dừng lại tại chân cầu thang để ngắm bức tranh chân dung toàn thân khổ lớn của Catherine, Phu nhân Wentworth, do Gainsborough vẽ. Người phụ nữ trong tranh trông thật lộng lẫy. Bà ta mặc một chiếc váy dài bằng lụa, đeo một chuỗi hạt kim cương

và những bông hoa tai bằng đá quý. Victoria sờ lên rái tai mình và mỉm cười trước ý nghĩ rằng kiểu ăn mặc như thế thời đó hẳn bị coi là quá khêu gợi.

Victoria nhìn thẳng về phía trước khi bà leo lên cầu thang để về phòng ngủ của mình trên tầng hai. Bà cảm thấy không đủ sức để nhìn thẳng vào mắt những vị tổ tiên của mình trong các bức chân dung sống động do các họa sỹ nổi tiếng như Romney, Lawrence, Reynolds, Lely và Kneller vẽ, vì bà hiểu rõ việc làm của mình là một hành động hạ nhục họ. Victoria thuyết phục mình rằng trước khi đi ngủ, bà phải viết thư cho em gái để báo cho bà ta biết về quyết định của bà.

Arabella quá thông thái và nhạy cảm. Giá mà người em sinh đôi thân yêu ấy của bà ra đời trước bà vài phút chứ không phải sau vài phút, bà ta chắc chắn đã trở thành người thừa kế của khu đất này, và chắc chắn đã biết giải quyết vấn đề một cách khôn khéo hơn nhiều. Và tệ hơn là, khi Arabella biết chuyện này, bà ta sẽ không trách cứ, cũng không la lối, bà ta chỉ mím chặt môi theo cái kiểu đã được thừa kế từ dòng họ.

Victoria đóng cửa phòng ngủ lại, đi qua căn phòng và đặt bản báo cáo của Bác sỹ Petrescu lên bàn làm việc. Bà tháo búi tóc, và để cho mái tóc xoã xuống vai. Bà dành vài phút để chải tóc, trước khi bà cởi bộ quần áo đang mặc trên người ra rồi khoác lên mình một chiếc váy ngủ bằng lụa mà chị hầu phòng đã đặt ở cuối giường. Cuối cùng, bà xỏ chân vào đôi dép lê đi trong nhà. Không thể lãng tránh việc này thêm nữa, bà ngồi xuống bên bàn và cầm chiếc bút máy lên.

LÂU ĐÀI WENTWORTH

Ngày 10 tháng Chín năm 2001

Arabella yêu quý của chị,

Chị đã trì hoãn việc viết bức thư này quá lâu, bởi chị muốn em sẽ là người cuối cùng phải đón nhận tin tức không lấy gì làm tốt đẹp này.

Khi người cha thân yêu của chúng ta qua đời và chị được thừa hưởng gia sản này, phải một thời gian sau chị mới nắm hết được những khoản nợ nần của cha. Chị e rằng chính sự non nớt của chị đã làm cho các vấn đề trở nên tồi tệ hơn.

Chị nghĩ giải pháp tốt nhất để giải quyết là phải đi vay thêm, nhưng chuyện đó càng làm cho mọi chuyện thêm xấu đi. Rồi đến một lúc chị sợ rằng vì sự ngây thơ của chị mà chúng ta có thể sẽ phải bán khu đất này. Nhưng chị vui mừng báo cho em biết là cho đến giờ thì một giải pháp đã được tìm ra.

Thứ Tư này, chị sẽ gặp.

Victoria nghĩ rằng mình nghe thấy tiếng cánh cửa căn phòng ngủ mở ra. Bà băn khoăn không hiểu sao lại có một người nào đó trong số những kẻ ăn người ở có thể bước vào phòng bà mà không gõ cửa.

Khi Victoria ngoảnh lại để xem đó là ai, người đó đã tiến tới sát bên bà. Victoria ngược nhìn chăm chăm người phụ nữ mà bà chưa hề gặp này. Cô ta còn trẻ, mảnh mai và lùn hơn cả bà. Cô ta nở một nụ cười ngọt ngào khiến cô ta trông có vẻ dễ bị tổn thương. Victoria đáp trả lại cô ta cũng bằng một nụ cười, rồi bà nhận thấy cô ta đang cầm một con dao làm bếp trên tay phải.

“Ai” Victoria vừa lên tiếng thì một bàn tay vươn ra, túm chặt lấy tóc bà, kéo giật đầu bà ra sau ghế. Victoria cảm thấy cái lưỡi dao sắc lẹm như lưỡi dao lam đang chạm vào da cổ bà.

Chỉ trong tích tắc, lưỡi dao đã cắt đứt cổ họng bà như thể bà là một con cừu đang bị giết thịt

trong lò mổ. Vài giây trước khi Victoria chết, kẻ sát nhân cửa đút tai trái bà.

Anna Petrescu bấm vào cái nút trên đỉnh chiếc đồng hồ để bàn. Mặt đồng hồ sáng lên hiện rõ con số 5:56. Chỉ còn 4 phút nữa là nó sẽ đánh thức cô dậy với tin tức buổi sáng. Nhưng hôm nay thì không. Đầu óc cô đã suy nghĩ mông lung suốt đêm, và cô chỉ ngủ chập chờn được một lát. Đến lúc phải thức dậy, Anna đã đi đến quyết định sẽ làm gì nếu vị chủ tịch công ty không nhất trí với những đề xuất của mình. Cô tắt chuông báo thức, tránh để cho bất kỳ tin tức nào có thể làm mình mất tập trung suy nghĩ, rồi cô nhảy ra khỏi giường và đi thẳng vào nhà tắm. Anna đứng dưới vòi nước lâu hơn thường lệ, hy vọng nước lạnh sẽ làm cô hoàn toàn tỉnh táo trở lại. Người yêu sau cùng của cô - chỉ có Chúa mới nhớ là cô đã chia tay anh ta khi nào - cho rằng việc cô thường tắm trước khi chạy tập thể dục là một chuyện thật tức cười.

Sau khi lau khô người, Anna mặc một chiếc áo phông màu trắng và một chiếc quần soóc thể thao màu xanh. Mặc dù ông mặt trời vẫn chưa mọc, chẳng cần phải kéo rèm phòng tắm lên, cô cũng biết rằng hôm nay sẽ lại là một ngày đẹp trời, nắng ấm. Cô kéo khoá chiếc áo thể thao, chiếc áo ấy vẫn còn một chữ P hiện lên mờ mờ ở những chữ thêu màu xanh đậm đã bị tháo ra. Anna không muốn cho nhiều người biết chuyện cô đã từng là một thành viên trong đội thi đấu điền kinh của trường đại học Pennsylvania. Suy cho cùng thì cũng đã chín năm rồi. Cuối cùng Anna xỏ chân vào đôi giày thể thao hiệu Nike và cúi xuống buộc chặt dây giày. Chẳng có gì làm cô khó chịu bằng việc phải dừng lại giữa đường chạy buổi sáng để buộc lại dây giày. Thứ duy nhất mà cô mang theo trong buổi chạy sáng hôm đó là chiếc chìa khoá cửa trước, được buộc vào một sợi dây bạc mỏng mà cô đeo trên cổ. Anna khoá cửa trước của căn hộ bốn phòng của cô bằng hai lần khoá, bước qua hành lang và nhấn nút thang máy. Trong khi chờ đợi cái buồng thang máy cần nhả đi lên tầng mười, cô bắt đầu một loạt các động tác khởi động bằng cách co duỗi chân tay; những động tác đó kết thúc khi chiếc thang máy xuống đến tầng trệt.

Anna bước ra ngoài sảnh và mỉm cười với người gác cổng mà cô rất quý. Ông già vội mở chiếc cửa trước để cô không phải dừng lại đẩy cánh cửa ra.

“Chào Sam”, cô vừa nói vừa đi nhanh ra khỏi tòa nhà Thorton xuống phố East 54 và thẳng tiến tới công viên Central Park.

Vào tất cả các ngày trong tuần, cô đều chạy quanh đường chạy Southern Loop một vòng. Vào các ngày nghỉ cuối tuần, cô chạy lâu hơn một chút trên một đường chạy dài 6 dặm, khi chuyện muộn vài phút không gây ảnh hưởng gì. Hôm nay thì có.

Bryce Fenston hôm đó cũng thức dậy vào lúc 6 giờ sáng, bởi vì ông ta cũng có một cuộc hẹn. Fenston vừa tắm vừa lắng nghe bản tin buổi sáng: một kẻ đánh bom liều chết đã cho nổ tung một quả bom trên mình tại khu Bồ Tây - một chuyện đã trở nên quen thuộc như bản tin thời tiết, hoặc như bản tin tài chính - không khiến ông ta phải tăng âm lượng.

“Một ngày đẹp trời, nắng ấm, gió đông nam nhẹ, nhiệt độ cao nhất 77, thấp nhất 65”, giọng cô gái đọc bản tin thời tiết cất lên khi Fenston bước ra khỏi phòng tắm. Tiếp theo là một giọng nghiêm trang cho ông ta biết chỉ số Nikkei ở Tokyo đã tăng mười bốn điểm, và chỉ số Hang Seng của Hồng Kông giảm một điểm. Chỉ số FTSE của London vẫn chưa xác định xu hướng. Ông ta nghĩ rằng cổ phiếu của công ty tài chính Fenston Finance không thể có biến động mạnh, bởi vì chỉ có hai người khác biết được về việc làm táo bạo này của ông ta. Fenston hẹn ăn sáng

với một trong hai người đó vào lúc 7 giờ, và ông ta sẽ sa thải người kia vào lúc 8 giờ.

Đến 6:40, Fenston đã tắm và mặc quần áo xong. Ông ta liếc nhìn mình trong gương; giá mà ông ta cao thêm được hai in-sơ và gầy đi một chút. Chẳng có gì mà một thợ may giỏi và một đôi giày có đế trong đó Cuba sản xuất lại không thể chỉnh sửa được. Ông ta cũng muốn tóc mình mọc lại, nhưng không phải vào lúc có quá nhiều người đồng hương lưu vong của ông ta ở đây, những người có thể vẫn còn nhận ra ông ta nếu ông ta để tóc.

Dù cha ông ta từng là một người lái xe điện ở Bucharest, bất cứ ai mới nhìn qua người đàn ông ăn mặc chỉnh tề vừa bước ra khỏi tòa nhà bằng đá nâu trên phố East 79 và ngồi vào chiếc xe hơi sang trọng có tài xế riêng của mình đều sẽ nghĩ rằng ông ta sinh ra trong một gia đình thuộc tầng lớp thượng lưu, giàu có và quyền quý. Chỉ những ai nhìn thật kỹ mới phát hiện thấy ông ta đeo một viên kim cương trên tai trái - một kiểu làm đáng màu mè mà ông ta cho rằng sẽ khiến mình nổi bật so với những đồng nghiệp bảo thủ của mình. Không ai trong số nhân viên của ông ta dám nói điều ngược lại. Fenston ngồi vào ghế sau chiếc limousine. “Văn phòng”, ông ta ra lệnh cộc lốc trước khi ấn một chiếc nút trên chỗ để tay. Một tấm kính màu khói được nâng lên, ngăn cách ông ta với tài xế. Fenston cầm tờ *Thời báo New York* trên chiếc ghế bên cạnh lên xem. Ông ta lướt nhanh qua các trang để xem có títt báo nào bắt mắt không. Thị trưởng Guiliani có vẻ đã thất bại trong âm mưu của mình. Bằng việc cài cắm vợ mình vào Gracie Mansion, ông ta đã đặt bà ta vào một vị trí quá thuận lợi để lên tiếng với bất kỳ những ai muốn lắng nghe. Lần này là với tờ *Thời báo New York*. Fenston đang mải mê với các trang tài chính khi tài xế cho xe chạy vào đường FDR Drive, và ông ta vừa lướt đến trang cáo phó khi chiếc limousine dừng lại bên ngoài tòa Tháp đôi New York. Sẽ không có ai đưa tin cáo phó về cái chết duy nhất mà ông ta quan tâm, nhưng, công bằng mà nói, chưa một ai ở nước Mỹ này biết về cái chết đó.

“Tôi có một cuộc hẹn tại Phố Wall vào lúc 8:30”, Fenston nói với người tài xế của mình khi anh ta mở cửa sau cho ông ta. “Vì vậy đón tôi vào lúc 8:30”. Người tài xế gật đầu, trong khi Fenston đã sải những bước dài về phía đại sảnh. Cho dù có tới 99 chiếc thang máy trong tòa nhà này, chỉ có một chiếc duy nhất chạy thẳng lên nhà hàng trên tầng 107.

Khi Fenston bước ra khỏi thang máy một phút sau đó - ông ta đã từng nhầm tính rằng khoảng thời gian ông ta phải đi thang máy trong cả đời mình cộng dồn lại sẽ là một tuần - chủ nhà hàng nhận ra vị khách quen thuộc liền cúi đầu chào và đưa ông ta tới một chiếc bàn trong góc nhìn ra Tượng thần Tự do. Có một lần, khi vừa bước ra khỏi thang máy và nhìn thấy chiếc bàn quen thuộc của mình đã có người ngồi, ông ta liền bước lùi trở lại trong thang máy. Từ đó, chiếc bàn ở góc ấy luôn chẳng có ai được ngồi, để phòng ông ta bất ngờ xuất hiện.

Fenston chẳng hề ngạc nhiên khi thấy Karl Leapman đang đợi mình. Leapman chưa bao giờ chậm một phút trong suốt mười năm ông ta làm việc cho công ty Fenston Finance. Fenston băn khoăn không hiểu Leapman đã ngồi ở đó bao lâu, chỉ để đảm bảo rằng vị chủ tịch công ty không thể đến sớm hơn mình. Fenston nhìn xuống con người đã luôn cố chứng tỏ rằng vì ông chủ của mình, ông ta sẵn sàng nằm xuống mọi cớ rãnh nếu cần. Nhưng Fenston là người duy nhất đem lại công ăn việc làm cho Leapman sau khi ông ta ra tù. Những luật sư bị khai trừ khỏi luật sư đoàn với một án tù chung thân vì tội lừa đảo thì rất khó có cơ hội được tin dùng. Fenston bắt đầu nói, thậm chí trước khi ngồi xuống. “Bây giờ chúng ta đang tham dự đám rước của Van Gogh”, ông ta nói nhanh, “sáng nay chúng ta chỉ còn phải thảo luận một chuyện duy nhất. Làm thế nào để có thể thoát khỏi Anna Petrescu mà không khiến cô ta ngờ vực?”

Leapman mở một tập hồ sơ trước mặt mình và mỉm cười.

Những chuyện xảy ra sáng hôm ấy đều không có trong kế hoạch. Andrews đã nói với đầu bếp rằng ông ta sẽ xuống lấy chiếc khay đựng đồ ăn sáng của Wentworth để bê lên cho bà chủ ngay sau khi bức tranh được chuyển đi. Đầu bếp bị đau đầu, vì vậy người giúp việc của bà ta, một cô gái không đáng được tin cậy cho lắm, được giao nhiệm vụ chuẩn bị bữa sáng cho bà chủ. Chiếc xe thùng chống cướp đến muộn 40 phút, và viên tài xế non choẹt không chịu cho xe chạy nếu không được mời cà phê và bánh quy. Đầu bếp sẽ không bao giờ chịu đựng được những chuyện vớ vẩn như vậy, nhưng người giúp việc của bà ta đã nhượng bộ. Nửa giờ sau, Andrews thấy hai người bọn họ đang ngồi tán gẫu với nhau bên bàn ăn trong bếp.

Điều duy nhất khiến Andrews cảm thấy nhẹ nhõm là bà chủ chưa thức dậy trước khi viên tài xế cho xe chạy. Ông ta kiểm tra khay thức ăn, gấp lại chiếc khăn ăn và ra khỏi bếp để đưa bữa sáng lên tầng hai cho bà chủ. Andrews đỡ khay thức ăn trên một lòng bàn tay và gõ nhẹ lên cánh cửa trước khi mở nó ra bằng tay còn lại. Khi trông thấy bà chủ của mình nằm giữa một vũng máu đã đông lại trên sàn, ông ta há hốc miệng, rồi hét lên, đánh rơi chiếc khay và chạy đến bên cái xác.

Cho dù rõ ràng Phu nhân Victoria đã chết từ nhiều giờ trước đó, Andrews không muốn gọi điện báo cho cảnh sát trước khi người thừa kế tiếp theo của lâu đài Wentworth được thông báo về thảm kịch này. Ông ta nhanh chóng rời khỏi căn phòng, khoá cửa lại và lần đầu tiên chạy xuống cầu thang thay vì đi thang thả như mọi khi.

Arabella Wentworth đang phục vụ một vị khách khi Andrews gọi điện tới.

Bà đặt ống nghe xuống rồi xin lỗi vị khách, với lý do bà có việc gấp phải đi. Bà chuyển nốt báo hiệu Mở sang Đóng và khoá cửa tiệm đồ cổ nhỏ của mình lại, chỉ vài giây sau khi nghe thấy Andrews lắp bắp mấy từ khẩn cấp trong điện thoại, không theo cái cách nói năng quen thuộc của ông ta với bà trong suốt bao năm qua.

Mười lăm phút sau, Arabella đã đỗ chiếc xe mini của mình trên đám sỏi trước đại sảnh của lâu đài Wentworth. Andrews đang đứng trên bậc thềm cao nhất chờ bà.

“Tôi rất lấy làm tiếc, thưa bà chủ”, là tất cả những gì ông ta nói, trước khi dẫn chủ nhân mới của mình vào nhà và đi lên chiếc cầu thang bằng đá cẩm thạch. Khi thấy Andrews nắm chặt lan can để cố đứng cho vững, Arabella biết rằng chị mình đã chết. Arabella thường bắn khoăn tự hỏi không hiểu mình sẽ phản ứng như thế nào trong những trường hợp khủng hoảng. Bà cảm thấy dường như có phần yên tâm khi phát hiện ra rằng dù bà như muốn khuyu xuống khi nhìn thấy xác chị mình, bà đã không bị ngất đi. Tuy nhiên, chuyện đó vẫn rất khủng khiếp và gây chấn động mạnh đối với bà. Bà đưa tay nắm lấy cột giường để khỏi bị ngã trước khi quay mặt đi.

Máu phun khắp nơi, từng vệt đông lại trên thảm, trên tường, bàn làm việc và thậm chí cả trần nhà. Bằng một nỗ lực phi thường, Arabella buông chiếc cọc giường ra và loạng choạng bước về phía chiếc máy điện thoại trên chiếc bàn ở đầu giường. Bà đổ sụp xuống giường, cầm ống nghe lên và quay số 999. Khi nghe câu trả lời “Khẩn cấp, dịch vụ nào?” bà trả lời, “Cảnh sát.”

Arabella đặt ống nghe xuống. Bà quyết tâm đi ra cửa mà không ngoảnh lại nhìn xác chị mình. Bà đã thất bại. Chỉ một cái liếc nhìn, và lần này ánh mắt bà bắt gặp bức thư trên bàn. Bức thư ấy

bắt đầu bằng “Arabella yêu quý của chị”. Bà chộp lấy tờ giấy, và vì không muốn chia sẻ những suy nghĩ cuối cùng trong đời của chị gái với cảnh sát, bà nhét bức thư vào túi và loạng choạng bước ra khỏi phòng.

Anna chạy chậm dọc theo phố East 54, qua Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại, vượt Đại lộ 6 trước khi rẽ phải vào Đại lộ 7. Cô hoàn toàn không để ý đến những cái mốc quen thuộc như tác phẩm điêu khắc mang tên Tình yêu ngự trị ở góc phố East 55, hay tòa nhà Carnegie khi cô vượt qua phố East 57. Phần lớn sự tập trung và sức lực của cô là để tránh va vào những người đi làm theo vé tháng khi họ đâm sầm vào cô hay cắt ngang đường cô bằng những bước chân vội vã. Đối với Anna, việc chạy chậm chậm tới công viên Central Park chỉ là bước khởi động để cho người ấm lên, và cô không khởi động chiếc đồng hồ bấm giờ trên cổ tay trái cho đến khi cô qua Artisan's Gate và chạy vào trong công viên.

Khi đã ổn định tốc độ như mọi ngày, cô tập trung suy nghĩ vào cuộc hẹn với vị chủ tịch công ty vào lúc 8 giờ sáng hôm đó.

Anna đã từng cảm thấy ngạc nhiên và nhẹ nhõm khi Bryce Fenston mời cô về làm việc tại công ty Fenston Finance chỉ vài ngày sau khi cô bị sa thải khỏi vị trí Phó phòng Ấn tượng của nhà đấu giá Sotheby.

Người chủ trước của cô đã gần như nói thẳng với Anna rằng cô không còn đường tiến ở hãng nữa khi cô đã nhận về mình cái tội đánh mất một khách hàng quan trọng và để việc bán đấu giá một bộ sưu tập lớn lọt sang tay đối thủ cạnh tranh của họ là nhà đấu giá Christie. Anna đã bỏ ra hàng tháng để thuyết phục, tấn tỉnh, phỉnh phờ người khách hàng đặc biệt này để ông ta nhờ nhà đấu giá Sotheby đưa ra bán hộ mình bộ sưu tập của gia đình, và khi chia sẻ chuyện này với người tình, cô đã ngây thơ tin rằng anh ta sẽ giữ bí mật cho mình. Suy cho cùng, anh ta là một luật sư.

Khi tên vị khách hàng kia xuất hiện trên tờ *Thời báo New York*, Anna mất cả công việc lẫn người tình. Cũng chẳng có ích gì khi vài ngày sau, lại chính tờ báo này đưa tin rằng Tiến sỹ Anna Petrescu đã rời hãng Sotheby vì bị “chơi bẩn”, và nói thêm rằng chắc chắn cô sẽ có một công việc tốt ở hãng Christie nếu cô muốn. Bryce Fenston là người luôn có mặt tại tất cả các cuộc đấu giá lớn của phòng Ấn tượng, và chắc chắn là ông ta thấy rõ Anna luôn đứng trên chiếc bục cạnh người điều khiển đấu giá, ghi chép và làm công việc phát hiện người ra giá. Cô luôn bực mình khi nghe thấy ai đó bàn tán rằng sở dĩ cô được nhà đấu giá Sotheby thường xuyên đặt vào những vị trí nổi bật là vì cô xinh đẹp và có dáng thể thao chứ không phải vì cô được việc hơn người khác.

Anna nhìn đồng hồ khi khi cô chạy qua Playmates Arch: 2 phút 18 giây. Cô thường đặt ra mục tiêu kết thúc vòng chạy trong vòng 12 phút. Cô biết như thế là không nhanh, nhưng mỗi khi có ai đó vượt mình, cô vẫn cảm thấy bực, và thậm chí phát điên nếu đó là một phụ nữ. Anna về thứ 97 trong cuộc đua maratông ở New York hồi năm ngoái, vì vậy trên đường chạy ở công viên Central Park, ít có sinh vật hai chân nào có thể vượt được cô.

Những suy nghĩ của cô lúc này lại quay trở về với Bryce Fenston. Từ lâu trong giới nghệ thuật và ăn theo nghệ thuật - những nhà đầu giá, những phòng tranh và các nhà buôn - người ta đã biết rõ rằng Fenston đang sưu tầm tranh của các họa sỹ theo trường phái Ấn tượng, ông ta, cùng với Steve Wynn, Leonard Lauder, Anne Dias và Takashi Nakamura thường là những người tranh mua sau cùng mỗi khi có một bức tranh nào đó của trường phái này được đem ra đấu giá. Với những nhà sưu tầm như vậy, thứ ban đầu chỉ là một sở thích vô hại sẽ nhanh chóng trở thành một chứng nghiện, ngày càng nặng giống như nghiện ma túy. Với Fenston, người sở hữu những mẫu tranh của mọi họa sỹ thuộc trường phái Ấn tượng và hậu Ấn tượng

trừ Van Gogh, thậm chí ý nghĩ về việc sẽ được sở hữu một tác phẩm của họa sỹ bậc thầy người Hà Lan này cũng giống như được tiêm một liều hêrôin, và một khi đã mua được tác phẩm mà mình đang khao khát, ông ta lại khao khát một tác phẩm mới, giống như một con nghiện dật dờ đi tìm kẻ cung cấp ma túy để cắt cơn. Anna Petrescu là người có thể cắt cơn cho ông ta.

Khi Fenston đọc được trên tờ *Thời báo New York* rằng Anna bị sa thải khỏi nhà đấu giá Sotheby, ngay lập tức ông ta đề nghị cô về làm việc cho mình với một mức lương thể hiện mức độ nghiêm túc của ông ta trong công việc xây dựng bộ sưu tập của mình. Anna đi đến quyết định nhận lời mời của ông ta khi cô biết thêm rằng Fenston vốn là người gốc Rumania giống cô, và cũng giống như cô, đã chạy trốn khỏi chế độ Ceausescu và xin tị nạn tại Mỹ.

Chỉ vài ngày sau khi Anna về làm việc tại ngân hàng của ông ta, Fenston đã tìm cách thử thách kiến thức nhà nghề của cô. Phần lớn những câu hỏi mà ông ta đặt ra tại cuộc gặp đầu tiên của hai người trong bữa ăn trưa đều liên quan tới những bộ sưu tập lớn đang còn trong tay những gia đình thuộc thế hệ thứ hai hay thứ ba. Sau sáu năm làm việc tại Sotheby, hầu như không có bức tranh nào của các họa sỹ Ấn tượng được đem ra bán mà không qua tay Anna, hoặc ít nhất cũng phải qua mắt cô và nằm trong kho dữ liệu của cô.

Một trong những bài học đầu tiên mà Anna tiếp thu được sau khi vào làm cho Sotheby là tiền cũ thường là người bán và tiền mới thường là người mua, đó là lý do tại sao cô tiếp xúc với Phu nhân Victoria, con gái của Bá tước xứ Wentworth, đệ thất-tiền cũ, rất cũ-thay mặt cho Bryce Fenston-tiền mới, rất mới.

Anna cảm thấy ngạc nhiên trước việc Fenston luôn bị ám ảnh bởi những bộ sưu tập của người khác, cho đến khi cô phát hiện ra rằng chính sách của công ty là chấp nhận tài sản thế chấp bằng các tác phẩm nghệ thuật khi cho vay những khoản tiền lớn. Ít có ngân hàng nào chấp nhận “nghệ thuật”, dù là dưới hình thức nào, làm tài sản thế chấp. Bất động sản, cổ phiếu, trái phiếu, thậm chí nữ trang đều được, nhưng hiếm khi là nghệ thuật. Các chủ ngân hàng không hiểu gì về thị trường tranh và rất ngại nhận những tác phẩm nghệ thuật, vì việc cất giữ, bảo vệ và thường là phải đem bán những bức tranh ấy vừa tốn kém thời gian vừa không mang tính thực tế. Fenston Finance là một ngoại lệ hiếm hoi. Chẳng cần phải mất nhiều thời gian để Anna phát hiện ra rằng Fenston thực tế không có tình yêu đích thực dành cho nghệ thuật, và cũng không hiểu gì về nghệ thuật, ông ta là hình mẫu để Oscar Wilde đưa ra câu cách ngôn: *Người biết giá cả của mọi thứ là người chẳng biết giá trị của bất cứ thứ gì*. Nhưng phải mất nhiều thời gian Anna mới khám phá ra mục tiêu đích thực của ông ta.

Một trong những nhiệm vụ đầu tiên của cô là bắt tàu thủy sang Anh quốc để thẩm định giá trị gia sản của Phu nhân Victoria Wentworth, một khách hàng tiềm năng, người vừa xin vay một khoản tiền lớn từ công ty tài chính Fenston Finance. Bộ sưu tập tranh ở Lâu đài Wentworth hoá ra có rất nhiều tranh của các họa sỹ người Anh, bắt đầu được sưu tập từ đời Bá tước Wentworth đệ nhị. Ông ta là một nhà quý tộc lập dị rất giàu có, có khiếu nghệ thuật đủ để các thế hệ sau trong dòng họ này gọi ông ta là một họa sỹ nghiệp dư thiên tài. Trong đời mình, ông ta đã sưu tầm tranh của nhiều họa sỹ nổi tiếng như Romney, West, Constable, Stubb và Morland, cùng một tác phẩm kiệt xuất của Turner, bức Hoàng hôn ở Plymouth.

Bá tước đệ tam chẳng quan tâm gì tới nghệ thuật, và để cho bụi phủ kín bộ sưu tập cho đến khi con trai của ông ta, Bá tước đệ tứ, thừa kế gia tài và cùng gia tài ấy là con mắt nghệ thuật của ông mình.

Jamie Wentworth bỏ ra gần một năm để thực hiện một cái gọi là Chuyến đi Vĩ đại. Ông ta tới Paris, Amsterdam, Rome, Florence, Venice và St Petersburg trước khi quay trở lại Lâu đài Wentworth cùng với những bức tranh của Raphael, Tintoretto, Titian, Rubens, Holbein và Van

Dyck, đây là chưa kể đến một cô vợ người Ý. Tuy nhiên, Bá tước đệ ngũ, Charles Wentworth, mới là một tay chơi đích thực, cả theo nghĩa đen và nghĩa bóng. Ông ta không chỉ sưu tầm tranh mà còn sưu tầm cả gái. Trong một lần vui chơi ở Paris-chủ yếu là ở trường đua tại Longchamp, nhưng cũng có những lúc ở trên một chiếc giường tại khách sạn Crillon-cô bồ non của ông bá tước thuyết phục ông ta mua một bức tranh của một họa sỹ không tên tuổi tại chỗ ông bác sỹ của mình. Charles quay trở về Anh sau khi đã vứt bỏ cô nhân tình nhưng không quên bức tranh đó.

Ông ta gần như lãng quên nó trong phòng ngủ dành cho khách, dù ngày nay những phần lớn những người yêu thích tranh đều đánh giá bức *Chân dung người cắt tai* là một trong những kiệt tác của Van Gogh.

Anna đã nói với Fenston là phải hết sức thận trọng khi mua một tác phẩm nào đó của Van Gogh, bởi vì chuyện gian lận trong nghề này còn nhiều hơn chuyện gian lận trong giới chủ nhà băng-một lối nói nhiều ẩn ý mà Fenston chẳng thèm quan tâm. Cô nói với ông ta rằng có rất nhiều tranh giả được treo ở các phòng trưng bày tư nhân hoặc trong các bộ sưu tập cá nhân, thậm chí ở cả một vài bảo tàng lớn, kể cả bảo tàng quốc gia Oslo. Tuy nhiên, sau khi Anna xem xét kỹ những tài liệu liên quan đến bức Chân dung của Van Gogh, trong đó có một bức thư của Tiến sỹ Gachet có nhắc đến Charles Wentworth, một tấm biên lai cho khoản tiền 800 phờ-răng từ vụ mua bán ngày xưa, một giấy chứng thực của Louis van Tilborgh, người phụ trách phòng tranh ở Bảo tàng Van Gogh tại Amsterdam, cô cảm thấy đủ tự tin để nói với vị chủ tịch rằng bức tranh ấy đích thực là do bàn tay của vị họa sỹ thiên tài vẽ nên.

Với những người nghiện tranh Van Gogh, bức *Chân dung người cắt tai* là đỉnh cao mơ ước của họ. Dù bậc thầy hội họa này vẽ tới 35 bức chân dung trong suốt cuộc đời mình, chỉ có hai bức là được vẽ sau khi ông cắt tai trái của mình. Điều khiến các nhà sưu tập đều khao khát có được tác phẩm này là ở chỗ tác phẩm còn lại đang nằm ở Viện Courtauld ở London. Anna ngày càng lo lắng về mức độ nghiêm túc của Fenston trong việc giành bằng được bức tranh này.

Anna đã có 10 ngày vui vẻ ở Lâu đài Wentworth. Trong thời gian đó, cô lập danh mục và thẩm định giá trị của từng bức tranh trong bộ sưu tập. Khi quay trở lại New York, cô đã nói với ban giám đốc-chủ yếu gồm toàn bạn chí thân của Fenston hoặc các chính trị gia có quan hệ thân tình với ông ta-rằng bộ sưu tập đó thừa đủ để thế chấp cho một khoản vay trị giá 30 triệu đôla.

Cho dù Anna không quan tâm tới lý do tại sao Victoria Wentworth lại cần vay một khoản tiền lớn như vậy, cô thường nghe Victoria nói về nỗi đau buồn của mình trước cái chết yếu của người cha, sự từ chức của viên quản lý và nhiều chuyện khác. "Giá mà Arabella sinh trước mấy phút có phải là tốt hơn không..." là câu nói mà Anna nghe thấy nhiều nhất trong mười ngày cô sống ở Lâu đài Victoria Wentworth.

Trở về New York, Anna vẫn có thể nói rõ đến từng chi tiết của mỗi bức tranh trong bộ sưu tập mà không cần phải nhìn vào bất cứ tài liệu nào. Một khả năng thiên bẩm giúp cô luôn nổi bật so với chúng bạn tại đại học Penn và các đồng nghiệp tại nhà đấu giá Sotheby là trí nhớ kiểu đồ họa của cô. Một khi đã nhìn thấy một bức tranh nào đó, cô sẽ không bao giờ quên những hình ảnh được thể hiện trong tranh cũng như vị trí và lai lịch của nó. Vào các ngày chủ nhật thư nhàn, cô lại đem tài năng của mình ra thử bằng việc tới thăm một phòng tranh mới hay dạo qua các bảo tàng.

Khi trở về căn hộ của mình, cô sẽ viết lại tên của tất cả những bức tranh mà cô đã ngắm, trước khi kiểm tra lại trong các cuốn catalog. Kể từ khi tốt nghiệp đại học, Anna đã bổ sung bảo tàng Louvre, bảo tàng Prado, bảo tàng Uffizi, Phòng tranh Quốc gia ở Washington, bộ sưu tập Phillips và bảo tàng Getty vào ngân hàng trí nhớ của mình. Ba mươi bảy bộ sưu tập cá nhân và vô vàn các cuốn catalog cũng được lưu trữ trong đầu cô, và đó chính là thứ tài sản mà vì nó Fenston sẵn sàng trả cô một khoản tiền lương trên cả hậu hĩnh.

Trách nhiệm của Anna không vượt quá việc kiểm định giá trị các bộ sưu tập cá nhân của các khách hàng tiềm năng và viết báo cáo gửi lên ban giám đốc. Cô không bao giờ liên quan đến việc soạn thảo bất cứ một hợp đồng nào. Tất cả chuyện đó được giao vào tay một người duy nhất là Karl Leapman. Tuy nhiên, Victoria đã tiết lộ với cô rằng ngân hàng Fenston Finance bắt bà ta phải trả một khoản lãi kép là 16 phần trăm một năm. Anna nhanh chóng nhận ra rằng nợ nần, sự cả tin, sự ngây thơ và sự non nớt trong lĩnh vực tài chính của người khác là môi trường sống của Fenston Finance. Đây là một ngân hàng chỉ mong cho khách hàng của mình không trả được nợ. Anna chạy những bước dài hơn khi qua khu đu quay. Cô liếc nhìn đồng hồ - quá 12 giờ. Cô chau mày, nhưng ít nhất thì cũng không có ai vượt cô. Những suy nghĩ của cô lại quay trở về với bộ sưu tập của gia đình Wentworth, và kiến nghị mà cô sẽ đưa ra với vị chủ tịch vào sáng hôm đó. Anna đã quyết định là sẽ từ chức nếu vị chủ tịch cảm thấy không thể chấp nhận lời khuyên của cô, bất chấp việc cô nhận thấy mình không hề muốn quay trở lại làm việc cho Sotheby hay đầu quân cho Christie sau khi đã từng làm việc cho Fenston Finance.

Trong suốt gần một năm làm việc cho công ty của Fenston, cô đã học được cách sống chung với thói tự phụ của ông ta, thậm chí đã quen với những cơn giận dữ bất thường của con người đó, nhưng cô không thể tha thứ cho việc lừa dối khách hàng, đặc biệt là những khách hàng ngây thơ như Phu nhân Wentworth. Rời bỏ Fenston Finance sau một thời gian làm việc ngắn như vậy không tốt cho lý lịch của cô, nhưng một cuộc điều tra gian lận hẳn sẽ tồi tệ hơn nhiều.

“Khi nào thì chúng ta sẽ biết rằng bà ta đã chết?” Leapman nhấp một ngụm cà phê rồi hỏi.

“Tôi đang chờ sự khẳng định chắc chắn vào sáng nay”, Fenston nói.

“Bởi vì tôi phải liên hệ với luật sư của bà ta để nhắc ông ta rằng” - ông ta dừng lại - “khi có một cái chết đáng ngờ nào đó-” ông ta dừng lại lần thứ hai “mọi chuyện sẽ thuộc thẩm quyền của Luật sư đoàn New York”.

“Lạ là không có ai trong bọn họ thắc mắc về điều khoản đó trong hợp đồng”, Fenston vừa nói vừa cho một miếng bánh xốp vào miệng.

“Tại sao họ lại phải thắc mắc?” Leapman nói. “Suy cho cùng, họ làm sao biết được rằng mình sắp chết”.

“Và liệu cảnh sát có lý do gì để nghi ngờ chúng ta có liên quan đến chuyện này hay không?”

“Không”, Leapman trả lời. “Ngài chưa bao giờ gặp Victoria Wentworth, ngài không ký hợp đồng gốc, và ngài cũng chưa từng thấy bức tranh”.

“Chẳng có ai ngoài gia đình Wentworth và Petrescu”, Fenston nhắc. “Nhưng điều tôi vẫn muốn biết là còn bao nhiêu thời gian trước khi tôi có thể”.

“Khó nói lắm, nhưng có lẽ phải nhiều năm trước khi cảnh sát thừa nhận là họ thậm chí còn không biết phải nghi cho ai, đặc biệt là trong những vụ liên quan tới các nhân vật nổi tiếng”.

“Vài năm là đủ”, Fenston nói. “Đến lúc đó, khoản tiền lãi đủ để tôi giữ lại bức tranh của Van Gogh và bán hết các bức còn lại mà không hao mất một đồng vốn nào”.

“May mà tôi đã đọc được báo cáo của Petrescu”, Leapman nói, “bởi vì nếu bà ta nghe theo lời khuyên của cô ta, chúng ta sẽ chẳng thể làm gì”.

“Đúng thế”, Fenston nói, “nhưng bây giờ phải tìm cách rũ bỏ cô ta”.

Một nụ cười nửa miệng xuất hiện trên khuôn mặt của Leapman. “Dễ thôi”, ông ta nói, “chúng ta sẽ tấn công vào điểm yếu của cô ta”.

“Đó là gì vậy?” Fenston hỏi.

“Sự trung thực”.

Arabella ngồi một mình trong phòng khách, hoàn toàn không biết đến những gì đang diễn ra xung quanh mình. Chén trà Earl Grey trên chiếc bàn bên cạnh bà đã nguội lạnh, nhưng bà không để ý đến điều đó. Tiếng kêu duy nhất trong phòng là tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường. Đối với Arabella, thời gian dường như đã dừng lại.

Một chiếc xe cứu thương và vài chiếc xe cảnh sát đang đỗ trên đám sỏi trước đại sảnh. Mọi người đều vội vã với công việc của mình, những con người mặc đồng phục, áo khoác trắng, comple đen và thậm chí có người còn đeo cả mặt nạ, đến rồi đi mà không buồn để ý tới bà.

Có tiếng gõ cửa nhẹ. Arabella ngẩng lên và nhìn thấy một người bạn cũ đang đứng giữa cửa. Viên chánh thanh tra cảnh sát bỏ chiếc mũ đồng phục ra rồi bước vào phòng. Arabella đứng dậy khỏi ghế sô pha, đôi mắt đỏ ngầu, khuôn mặt tái nhợt. Người đàn ông cao lớn cúi xuống và hôn nhẹ lên cả hai má bà, rồi đợi cho Arabella ngồi xuống trước khi ông ta cũng ngồi xuống một chiếc ghế bọc da đối diện với bà. Stephen Renton đưa ra những lời an ủi. Đó là những lời an ủi thực lòng, ông ta đã quen biết với Victoria trong nhiều năm. Arabella cảm ơn ông ta, rồi ngồi thẳng người lên và hỏi khẽ, “Kẻ nào có thể làm một chuyện khủng khiếp như vậy, đặc biệt lại là đối với một người hiền lành như Victoria?”

“Dường như không có một câu trả lời đơn giản hay hợp lý cho câu hỏi đó”, viên sỹ quan cảnh sát nói. “Và việc truy tìm thủ phạm càng khó khăn hơn khi phải nhiều giờ sau xác chết mới được phát hiện. Kẻ sát nhân đã có đủ thời gian để trốn thoát”, ông ta dừng lại. “Bà có thể trả lời một vài câu hỏi được không?”

Arabella gật đầu. “Tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để giúp ông tìm ra kẻ sát nhân”. Bà ta nói lên cụm từ kẻ sát nhân bằng một giọng thể hiện sự căm hờn.

“Thông thường, câu hỏi đầu tiên của tôi trong các cuộc điều tra án mạng là bà có biết chị gái của mình có kẻ thù hay không, nhưng tôi phải thú thật rằng vì tôi biết quá rõ bà ấy nên tôi cho rằng chuyện bà ấy có kẻ thù là điều không thể xảy ra. Nhưng tôi muốn hỏi là bà có biết rõ những vấn đề mà Victoria đang phải đối mặt không, bởi vì” - ông ta ngập ngừng - “đã có nhiều lời đồn đại rằng từ khi cụ nhà mất, bà ấy đã phải gánh chịu nhiều khoản nợ”.

“Tôi không biết có phải như vậy không”, Arabella nói. “Sau khi lấy Angus, tôi chuyển đến sống ở Scotland và chúng tôi chỉ về thăm Lâu đài mỗi năm vài tuần vào mùa hè, vào dịp Lễ giáng sinh thì hai năm một lần. Mãi đến khi ông nhà tôi mất, tôi mới chuyển đến sống ở Surrey” - viên chánh thanh tra cảnh sát gật đầu, nhưng không ngắt lời - “và cũng nghe được những lời đồn đại đó. Người ta thậm chí còn đồn rằng nhiều đồ đạc trong cửa hàng đồ cổ của tôi vốn là đồ gia bảo, để Victoria có tiền trả cho nhân viên”.

“Và có chút sự thật nào trong những lời đồn ấy hay không?” Stephen hỏi.

“Không, chẳng có chút sự thật nào”, Arabella trả lời. “Khi Angus chết và tôi bán trang trại của mình ở Perthshire, tôi có thừa tiền để quay trở về Wentworth, mở một cửa hiệu nhỏ như mọi người thấy và biến một sở thích lâu nay của tôi thành một thứ giúp tôi kiếm tiền. Nhưng đúng là thi thoảng tôi cũng hỏi chị Victoria xem những lời đồn về tình hình tài chính của Cha có đúng hay không. Chị ấy nói chẳng có gì đáng phải lo và luôn khẳng định mọi chuyện đều trong vòng kiểm soát. Nhưng cũng không biết được, chị ấy rất ngưỡng mộ Cha, và trong con mắt của chị ấy, Cha không thể mắc sai lầm”.

“Liệu bà có thể nghĩ đến bất cứ điều gì có thể giúp tìm ra đầu mối...”

Arabella đứng dậy khỏi ghế sô pha, rồi không giải thích gì mà đi thẳng tới chiếc bàn làm việc ở góc phòng phía xa. Bà cầm bức thư dính đầy những vết máu được tìm thấy trên bàn làm việc của Victoria lên, quay trở lại chỗ ngồi của mình và đưa nó cho Stephen Renton.

Viên chánh thanh tra cảnh sát đọc bức thư đang viết dở giữa chừng đó hai lần trước khi hỏi, “Bà có hiểu Victoria định nói gì trong câu “một giải pháp đã được tìm ra” hay không?”

“Không”, Arabella thừa nhận, “nhưng có thể tôi sẽ trả lời được câu hỏi này nếu tôi nói chuyện với Arnold Simpson”.

“Tôi không dám tin là như vậy”, Stephen nói.

Arabella không trả lời. Bà ta biết bản năng của một chánh thanh tra cảnh sát nhắc nhở ông ta phải nghi ngờ tất cả các luật sư, những người không thể che giấu được việc họ luôn cho rằng mình ăn đứt bất kỳ một sỹ quan cảnh sát nào.

Viên chánh thanh tra cảnh sát đứng dậy, bước vòng qua bàn lại gần Arabella và ngồi xuống cạnh bà ta. Stephen cầm tay Arabella rồi nhẹ nhàng nói, “Goi cho tôi bất cứ khi nào bà cần. Đừng giữ bí mật với tôi, bởi vì tôi cần biết mọi thứ và tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để tìm ra thủ phạm đã sát hại chị gái của bà”.

“Chết tiệt”, Anna chửi thề khi một người đàn ông có mái tóc màu đen và dáng thể thao chạy vượt qua cô, giống như anh ta đã làm như vậy vài lần trong mấy tuần vừa qua. Anh ta không ngoảnh lại nhìn - những người chạy nghiêm túc không bao giờ nhìn lại kẻ chạy sau mình. Anna biết mình sẽ chẳng thể nào đuổi kịp anh ta, bởi vì nếu cố thì chỉ trong vòng 100 yard nữa, cô sẽ bị “rụng chân”. Đã có lần cô thoáng nhìn thấy khuôn mặt của tay cao thủ này, nhưng rồi anh ta lướt qua và tất cả những gì cô có thể thấy rõ là lưng chiếc áo phông màu xanh của anh ta trong khi anh ta tiếp tục chạy về phía strawberry Fields. Anna cố gạt bỏ hình ảnh anh ta ra khỏi đầu và lại tập trung suy nghĩ về cuộc gặp sắp tới với Fenston.

Anna đã gửi bản sao báo cáo của mình tới văn phòng của chủ tịch công ty, trong đó cô đề nghị ngân hàng nên bán bức chân dung càng nhanh càng tốt. Cô biết một nhà sưu tầm ở Tokyo rất say mê tranh của Van Gogh và có rất nhiều tiền để theo đuổi thú sưu tầm của mình. Và với bức tranh đó, cô còn phát hiện ra một điểm nữa có thể lợi dụng mà cô đã trình bày rõ trong báo cáo của mình. Van Gogh luôn ngưỡng mộ nền hội họa của Nhật Bản, và ở mặt sau tấm chân dung, ông đã vẽ lại bức tranh *Nàng Geishas* ngắm cảnh, điều mà Anna cho rằng sẽ khiến cho bức tranh càng trở nên hấp dẫn đối với Takashi Nakamura.

Nakamura là chủ tịch công ty thép lớn nhất ở Nhật Bản, nhưng gần đây ông ta đã dành rất nhiều thời gian để xây dựng bộ sưu tập nghệ thuật của mình. Ông ta đã phao lên rằng bộ sưu tập ấy sẽ là một phần của một quỹ mà cuối cùng ông ta sẽ hiến cho Nhà nước. Anna cũng cho rằng việc Nakamura là một con người đặc biệt kín đáo cũng là một lợi thế. Ông ta luôn giữ kín những chi tiết về bộ sưu tập của mình với kiểu cẩn thận điển hình của người Nhật Bản. Một vụ mua bán như vậy sẽ giúp Victoria Wentworth giữ thể diện - một điều mà người Nhật Bản luôn hiểu rõ. Anna đã từng có lần mua được một tác phẩm của Degas có tên là *Lớp khiêu vũ của quý bà Minette*. Trong vụ mua bán đó, người bán muốn được giữ bí mật và những nhà đấu giá lớn thường có sẵn dịch vụ như vậy dành riêng cho những người muốn tránh những cặp mắt tò mò của cánh nhà báo luôn đeo bám tại các phòng bán tranh. Cô hoàn toàn tin rằng Nakamura sẵn sàng bỏ ra ít nhất là 60 triệu đôla để có được bức tranh quý của họa sỹ bậc thầy người Hà Lan này. Vì vậy nếu Fenston chấp nhận đề nghị của cô - tại sao lại không? - mọi người đều sẽ hài lòng với kết quả mà điều đó đem lại. Khi Anna chạy qua quán Tavern ở khu Green, cô lại liếc nhìn đồng hồ.

Cô sẽ phải tăng tốc nếu cô vẫn hy vọng quay trở lại Artisan's Gate trong vòng 12 phút. Khi cô tăng tốc chạy xuống chân đồi, cô nghĩ đến chuyện nhẽ ra cô không nên để cho tình cảm cá nhân của một khách hàng làm ảnh hưởng đến nhận định của mình. Nhưng thành thật mà nói, Victoria cần phải được giúp đỡ. Khi Anna chạy qua Artisan's Gate, cô bấm vào nút dừng trên chiếc đồng hồ của mình: 12 phút 4 giây. “Chết tiệt!”. Anna chạy chậm chậm theo hướng về nhà mà không biết rằng mình đang bị người đàn ông mặc áo phông xanh bám theo sát gót.

Jack Delaney vẫn chưa biết chắc Anna Petrescu có phải là một kẻ tội phạm hay không.

Đặc vụ Jack Delaney của FBI nhìn theo Anna khi cô biến vào đám đông trên đường quay trở lại Thornton House, rồi anh chạy chậm chậm qua Sheep Meadow về phía hồ. Anh nghĩ về người phụ nữ mà anh đang điều tra trong sáu tuần qua. Cô ta không biết rằng một cuộc điều tra nữa cũng đang nhắm vào sếp của cô, một kẻ mà Jack tin chắc rằng đích thực là một tên tội phạm.

Đã gần một năm trôi qua kể từ khi viên sỹ quan phụ trách của Jack gọi anh tới văn phòng của ông ta và giao cho anh một đội điều tra gồm 8 nhân viên với một nhiệm vụ mới. Jack phải điều tra ba vụ án mạng khủng khiếp tại ba châu lục và cả ba vụ này đều có cùng một điểm chung: nạn nhân bị giết chết sau khi vay một khoản tiền lớn từ ngân hàng Fenston Finance. Jack nhanh chóng đi đến kết luận rằng các vụ giết người này đều được lên kế hoạch từ trước và được thực hiện bởi cùng một kẻ sát thủ chuyên nghiệp.

Jack chạy ngang qua Shakespeare Garden trên đường quay trở lại căn hộ nhỏ của anh tại West Side. Anh vừa hoàn chỉnh hồ sơ về một người mà Fenston mới tuyển dụng gần đây, dù anh chưa biết chắc cô ta là tông phạm hay chỉ là một người ngây thơ vô tội.

Jack bắt đầu bằng lý lịch gia đình của Anna Petrescu và phát hiện ra rằng bác của cô ta, George Petrescu, đã rời bỏ Romania và di cư tới Mỹ vào năm 1968, và định cư tại Danville, bang Illinois. Chỉ vài tuần sau khi Ceausescu tự phong mình làm tổng thống, George đã viết thư cho em trai và khuyên em mình sang Mỹ. Khi Ceausescu tuyên bố biến Romania thành một nước xã hội chủ nghĩa và phong vợ mình làm Phó Tổng thống, George lại viết thư cho em và giục già ông này mang cả cô con gái Anna di cư sang Mỹ.

Cho dù cha mẹ của Anna không chịu rời bỏ quê hương, họ đã thu xếp để đưa cô con gái 17 tuổi của mình vượt biên trái phép sang Mỹ vào năm 1987. Tại đây, cô sống với bác và được hứa hẹn là sẽ trở về Romania ngay sau khi Ceausescu bị lật đổ.

Anna đã không chịu trở về nước nữa. Cô thường xuyên viết thư về nhà, nài nỉ cha mẹ sang Mỹ với mình, nhưng chẳng mấy khi cô nhận được hồi âm. Hai năm sau, cô được biết là cha mình đã bị bắn chết trong một cuộc giao tranh ở biên giới, khi ông ta tham gia vào một cuộc binh biến nhằm lật đổ kẻ độc tài. Mẹ cô ta nhắc đi nhắc lại rằng bà ta sẽ không bao giờ rời bỏ quê hương, với lý do là, “Ai sẽ chăm sóc phần mộ của cha con?”

Tất cả những thông tin này đã được đội điều tra của Jack phát hiện thấy trong một bài luận của Anna được đăng trên tạp chí của trường trung học nơi cô ta theo học ngày trước. Một bạn học của cô ta cũng đã viết về cô bạn gái dịu dàng có mái tóc vàng và đôi mắt xanh, một cô gái đến từ một xứ sở nào đó gọi là Bucharest và gần như chẳng nói được một từ tiếng Anh nào. Đến cuối năm thứ hai ở trường, Anna đã trở thành một biên tập viên của tạp chí nội bộ của nhà trường. Và tờ tạp chí ấy đã cung cấp cho đội điều tra của Jack những thông tin quý giá đó.

Sau khi tốt nghiệp trung học, Anna đã giành được một suất học bổng để tới trường đại học Williams ở bang Massachusetts nghiên cứu về lịch sử nghệ thuật. Tiếp đến, cô ta tới trường đại học Pennsylvania để tiếp tục nghiên cứu và làm luận án tiến sỹ. Đề tài mà cô ta lựa chọn là *Phong trào Fauve*. Jack đã tra từ điển Webster để tìm hiểu về ý nghĩa của cụm từ này. Cuốn từ điển cho anh biết cụm từ ấy có liên quan tới một nhóm họa sỹ do Matisse, Derain và Vlaminck đứng đầu. Các họa sỹ thuộc phong trào này muốn xóa bỏ những ảnh hưởng của trường phái Ấn

tượng và hướng tới việc sử dụng những màu sắc tươi sáng và đối lập nhau. Qua việc tìm hiểu này, anh cũng được biết thêm khi còn trẻ, Picasso đã rời Tây Ban Nha để gia nhập nhóm này tại Paris ra sao. Những bức tranh của họa sỹ trẻ Picasso đã khiến công chúng bị sốc và được tờ Paris Match mô tả là “Sự tỉnh táo đã trở lại”. Điều đó càng khiến Jack muốn tìm đọc thêm về Vuillard, Luce và Camoin - những họa sỹ mà anh chưa từng nghe nói đến. Nhưng phải chờ đến lúc rảnh rỗi đã, trừ phi điều đó có thể giúp anh lần ra bằng chứng để tóm cổ Fenston.

Sau khi bảo vệ thành công luận án tiến sỹ tại đại học Penn, tiến sỹ Petrescu vào làm cho nhà đấu giá Sotheby. Bắt đầu từ đây, những thông tin mà Jack thu thập được chỉ còn mang tính phác họa bởi vì anh chỉ có thể cho phép các đội viên trong nhóm điều tra tiếp xúc một cách hạn chế với các đồng nghiệp cũ của cô ta. Tuy nhiên anh cũng đã được biết về trí nhớ đồ họa của Anna, sự làm việc nghiêm túc của cô ta, cũng như việc cô ta được tất cả mọi người yêu mến, từ người khuôn vác tới chủ tịch công ty. Nhưng không ai biết rõ tại sao cô ta lại bị sa thải, cho dù anh đã phát hiện ra rằng ban giám đốc mới của Sotheby cũng không sẵn lòng đón cô ta trở lại làm việc. Và Jack cũng không hiểu tại sao cô ta lại quyết định đầu quân cho công ty Fenston Finance, về mảng này trong cuộc điều tra của mình, anh phải dựa vào tài suy đoán, bởi vì anh không dám mạo hiểm tiếp cận bất kỳ ai đang làm việc cùng cô ta tại ngân hàng này, mặc dù rõ ràng Tina Forster, thư ký của chủ tịch công ty, đã trở thành người bạn thân nhất của cô ta.

Trong một khoảng thời gian ngắn làm việc tại công ty Fenston Finance, Anna đã tới thăm nhiều khách hàng mới, những người vừa vay những khoản tiền lớn từ ngân hàng này. Tất cả những khách hàng đó đều sở hữu những bộ sưu tập nghệ thuật lớn.

Jack e ngại rằng việc một trong những khách hàng đó phải chịu chung số phận với ba nạn nhân trước đó của Fenston chỉ còn là vấn đề thời gian.

Jack chạy vào phố West 86. vẫn còn ba câu hỏi cần được trả lời. Thứ nhất, Fenston đã biết Petrescu bao lâu trước khi cô ta về làm việc cho ngân hàng này? Thứ hai, gia đình hai người này có biết nhau tại Romania không? Thứ ba là cô ta có phải là kẻ ám sát đã được Fenston thuê hay không?

Fenston ngoáy chữ ký của mình trên tờ hoá đơn thanh toán tiền ăn sáng, đứng lên và không chờ cho Leapman uống hết ly cà phê, bước nhanh ra khỏi tiệm ăn. Ông ta bước vào một thang máy đang mở sẵn, nhưng chờ để Leapman ấn nút để xuống tầng 83. Một nhóm người Nhật Bản mặc comple đen và đeo caravat lụa bước vào cùng với họ. Những người này cũng vừa ăn sáng tại nhà hàng Windows on the World Fenston không bao giờ đề cập đến chuyện làm ăn khi đang ở trong thang máy, vì ông ta hiểu rõ rất nhiều đối thủ của mình đang chiếm cứ những tầng trên lẫn những tầng dưới trụ sở công ty của ông ta.

Khi cửa thang máy mở ra tại tầng 83, Leapman bước theo ông chủ ra ngoài, nhưng rồi rẽ theo lối khác và đi thẳng tới phòng Petrescu. Ông ta mở cửa phòng cô mà không thèm gõ để tìm Rebecca, trợ lý của Anna và yêu cầu cô ta chuẩn bị những hồ sơ mà Anna sẽ phải cần cho cuộc gặp với vị chủ tịch. Leapman tuôn ra một tràng những câu mệnh lệnh bằng một giọng không cho phép hỏi lại. Rebecca ngay lập tức đặt những hồ sơ đó lên bàn làm việc của Anna và tiếp tục lục lọi trong một chiếc thùng các tông lớn.

Leapman bước dọc hành lang rồi đi vào văn phòng của chủ tịch công ty. Họ bắt đầu bàn bạc chi tiết về chiến thuật để rũ bỏ Petrescu. Cho dù họ đã làm những chuyện này ba lần trong 8 năm qua. Leapman cảnh báo vị chủ tịch rằng lần này có thể sẽ khác.

“Ý ông là gì?” Fenston hỏi.

“Tôi không nghĩ Petrescu lại đầu hàng một cách dễ dàng”, ông ta nói. “Suy cho cùng thì cô ta sẽ không dễ dàng gì để kiếm được một công việc mới”.

“Tất nhiên là cô ta sẽ không chịu đi nếu tôi không muốn cô ta phải ra đi”, Fenston vừa nói vừa xoa hai tay vào nhau.

“Nhưng có lẽ trong trường hợp này, thưa chủ tịch, sẽ tốt hơn nếu tôi”.

Một tiếng gõ cửa làm ngắt quãng cuộc trao đổi của họ. Fenston ngẩng lên và trông thấy Barry Steadman, trưởng ban an ninh của công ty đang đứng giữa cửa.

“Xin lỗi vì đã làm phiền ngài, thưa ngài chủ tịch, nhưng có một nhân viên của hãng chuyển phát nhanh FedEx ở đây, nói rằng anh ta có một gói hàng trong này và không ai được ký nhận thay”.

Fenston vẫy người chuyển hàng vào và không thềm nói một lời, ký vào biên lai giao nhận. Không ai nói một lời nào cho đến khi người chuyển hàng đã ra khỏi phòng và Barry đã đóng cửa lại sau lưng anh ta.

“Có phải là bức thư chúng ta đang đợi không?” Leapman hỏi khẽ. “Chúng ta sẽ biết ngay thôi”, Fenston vừa nói vừa mở gói hàng và đổ những gì chứa trong gói hàng đó lên mặt bàn.

Cả hai đều nhìn chằm chằm xuống chiếc tai trái của Victoria Wentworth trên mặt bàn.

“Ông hãy lo việc trả nốt cho Krantz nửa triệu đôla còn lại”, Fenston nói.

Leapman gật đầu. “Và cô ta thậm chí còn gửi cho chúng ta một phần thưởng”, Fenston vừa nói vừa nhìn chiếc nhẫn kim cương cổ đính trên chiếc tai.

Anna gói ghém xong đồ đạc lúc vừa sau 7 giờ. Cô để chiếc va li lại trong đại sảnh với ý định là sẽ quay trở lại lấy nó trên đường tới sân bay ngay sau giờ làm việc. Chuyến bay của cô tới London theo lịch trình sẽ cất cánh vào lúc 5 giờ 40 phút chiều hôm đó, và sẽ hạ cánh xuống sân bay Heathrow ngay trước lúc bình minh vào ngày hôm sau. Anna thích bay đêm bởi vì cô có thể ngủ mà vẫn có đủ thời gian để chuẩn bị trước khi cùng ăn trưa với Victoria tại Lâu đài Wentworth. Cô chỉ hy vọng rằng Victoria đã đọc bản báo cáo của cô và đồng ý bán bức tranh của Van Gogh một cách bí mật để giải quyết tất cả những vấn đề của bà ta.

Anna rời tòa nhà chung cư của mình vào lúc 7:30, lần này là lần thứ hai. Cô vẫy một chiếc tắc xi - một sự vung tay quá trán, nhưng cô muốn trông mình thật phong độ trong cuộc gặp sắp tới với vị chủ tịch. Cô ngồi ở hàng ghế sau trong chiếc tắc xi và ngắm nghía mình trong một chiếc gương nhỏ. Bộ comple hiệu Anand Jon và chiếc áo cánh lụa mà cô vừa mua gần đây chắc chắn đủ để khiến nhiều người phải ngóai nhìn, cho dù chắc cũng có người ngạc nhiên vì đôi giày đế mềm màu đen của cô. Chiếc tắc xi rẽ phải vào đường FDR Drive và tăng tốc trong khi Anna kiểm tra lại điện thoại cầm tay của cô. Có ba tin nhắn, tất cả đều sẽ được cô giải quyết sau cuộc gặp này: một tin nhắn của cô thư ký Rebecca muốn gặp cô ngay và đây là một chuyện khá lạ bởi vì họ sẽ gặp nhau trong vài phút nữa; một tin nhắn khẳng định chuyến bay của cô từ BA, Hãng hàng không Anh quốc, và một tin nhắn mời cô tới ăn tối cùng Robert Brooks, chủ tịch mới của hãng Bonhams.

Chiếc tắc xi đỗ lại bên ngoài lối vào tòa Tháp Bắc 20 phút sau đó. Cô trả tiền cho tài xế rồi rời khỏi tắc xi và hoà vào dòng người đang đổ vào tòa nhà. Cô đi thang máy cao tốc, và chỉ không đầy một phút sau cô đã đặt chân lên tấm thảm màu xanh đậm của tầng quản trị. Có lần trong

thang máy Anna đã nghe lỏm thấy người ta nói rằng mỗi một tầng có diện tích là một mẫu Anh, và có khoảng năm mươi nghìn người làm việc trong tòa nhà không bao giờ đóng cửa này, tức là gần gấp đôi dân số của thị trấn Danville, bang Illinois, quê hương thứ hai của cô.

Anna đi thẳng vào phòng làm việc của mình và ngạc nhiên khi thấy Rebecca không chờ cô, đặc biệt là khi cô ta đã biết rằng cuộc gặp vào lúc 8 giờ của cô rất quan trọng. Nhưng cô cũng cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy tất cả các hồ sơ liên quan đều đã được xếp gọn gàng trên bàn làm việc của mình. Cô kiểm tra lại một lần nữa xem những hồ sơ ấy đã được sắp xếp theo đúng thứ tự mà cô yêu cầu hay chưa. Anna vẫn còn vài phút nữa, vì vậy cô mở tập hồ sơ mang tên Wentworth ra rồi đọc lại bản báo cáo của mình. “Bộ sưu tập của Lâu đài Wentworth có thể chia thành nhiều chủng mục. Mỗi quan tâm duy nhất của chúng ta là ...”

Mãi tới hơn 7 giờ Tina Forster mới thức dậy. Cuộc hẹn của chị với bác sỹ nha khoa phải đến 8:30, và Fenston đã nói rõ rằng chị không cần phải đi làm đúng giờ vào sáng hôm đó. Điều này bao giờ cũng có nghĩa là ông ta có một cuộc hẹn bên ngoài thành phố, hoặc là ông ta sắp đuổi việc một ai đó. Nếu đây là chuyện đuổi việc, ông ta không muốn thấy Tina lảng vảng quanh văn phòng và tỏ ý thông cảm với người vừa bị sa thải. Chị biết rằng người bị đuổi không thể là Leapman, bởi vì Fenston sẽ không thể sống sót nếu thiếu con người đó, và dù chị rất muốn thấy Barry Steadman bị tổng khứ khỏi nơi này, chị không dám mơ đến điều đó, bởi vì anh ta chưa bao giờ bỏ lỡ cơ hội nào để nhỉnh hót vị chủ tịch, một con người thích những lời nhỉnh hót chẳng khác gì một miếng bọt biển nằm trên bãi biển chờ đợi những con sóng triều.

Tina nằm trong bồn tắm - một sự xa xỉ mà chị thường chỉ dám ban tặng cho mình vào những kỳ nghỉ cuối tuần - và băn khoăn tự hỏi khi nào thì sẽ đến lượt mình bị đuổi việc. Chị đã làm trợ lý riêng cho Fenston được hơn một năm, và cho dù chị khinh bỉ con người này cũng như tất cả những gì mà ông ta theo đuổi, chị vẫn cố để ông ta không thể thiếu được mình. Tina biết chị không thể tính đến chuyện bỏ công ty này trước khi...

Chuông điện thoại đổ trong phòng ngủ của chị, nhưng chị chẳng vội trả lời. Chị đoán chắc là Fenston gọi để hỏi xem một hồ sơ nào đó được cất ở đâu hoặc cũng có thể là hỏi số điện thoại của ai đó. Thường thì câu trả lời sẽ là “trên bàn làm việc trước mặt ngài”. Chị băn khoăn không hiểu đó có thể là điện thoại của Anna không. Đó là người bạn duy nhất của chị kể từ khi chị chuyển từ West Coast đến đây. Không thể nào, chị kết luận, bởi vì Anna sẽ phải trình bày báo cáo của mình trước vị chủ tịch vào lúc 8 giờ và có thể là ngay lúc này đây đang giải thích rõ từng chi tiết đến lần thứ hai mươi.

Tina mỉm cười khi chị bước ra khỏi buồng tắm và choàng quanh mình một tấm khăn tắm. Chị đi qua hành lang rồi vào phòng ngủ của mình.

Mỗi khi có một vị khách nào đó ngủ lại qua đêm trong căn hộ chật chội của Tina, họ phải ngủ chung giường với chị hoặc ngủ trên ghế sofa. Không còn lựa chọn nào khác, bởi căn hộ của chị chỉ có một phòng ngủ. Gần đây chẳng có mấy ai ở lại, không phải vì thiếu lời mời. Nhưng sau những gì mà chị đã trải qua trong quá trình làm việc với Fenston, Tina cảm thấy mình không còn có thể tin cậy được ai nữa. Gần đây chị đã muốn tâm sự chuyện này với Anna, nhưng rồi nó vẫn là một bí mật mà chị không dám chia sẻ cùng ai.

Tina vén rèm lên cho dù đang vào tháng Chín, một buổi sáng trong lành với những tia sáng rực rỡ khiến chị nghĩ rằng mình có thể mặc một bộ váy mùa hè. Nó thậm chí có thể sẽ giúp chị cảm thấy thoải mái hơn khi phải nhìn vào chiếc khoan của vị nha sỹ.

Sau khi mặc xong quần áo và ngắm nhìn lại mình trong gương, Tina vào bếp và pha cho mình một ly cà phê. Chị không được phép ăn sáng, dù chỉ là một mẫu bánh mỳ - đó là mệnh lệnh của

người trợ lý phòng khám nha khoa - rồi chị bật ti vi lên để xem tin tức buổi sáng. Chẳng có gì đặc biệt. Một vụ đánh bom liều chết ở khu Bờ Tây, tiếp đến là chuyện một phụ nữ nặng ba trăm hai mươi pao đang kiện hãng McDonald vì đã hủy hoại cuộc sống tình dục của bà ta.

Khi chị vừa định tắt ti vi thì một cầu thủ bóng đá nổi tiếng xuất hiện trên màn hình.

Hình ảnh ấy khiến chị nghĩ đến người cha của mình.

Jack Delaney tới văn phòng của mình tại 26 Federal Plaza vào lúc 7 giờ sáng hôm đó. Anh cảm thấy đau đầu khi nhìn thấy từng chồng hồ sơ dày chất đầy trên bàn làm việc của mình. Tất cả các hồ sơ đó đều có liên quan tới cuộc điều tra của anh nhằm vào Bryce Fenston, và sau hơn một năm điều tra, anh vẫn chưa thu thập đủ chứng cứ để sắp mình có thể yêu cầu tòa án cho lệnh bắt giam nhân vật này.

Jack mở tập hồ sơ về Fenston với một hy vọng mong manh rằng biết đâu anh sẽ tình cờ bắt gặp một đầu mối nhỏ nhoi nào đó, một dấu vết mờ hồ nào đó hoặc là một nhầm lẫn nào đó giúp anh truy tìm ra mối quan hệ trực tiếp của Fenston với ba án mạng khủng khiếp xảy ra ở Marseille, Los Angeles và Rio de Janeiro.

Vào năm 1984, Nicu Munteanu, ba mươi hai tuổi, đã tới đại sứ quán Mỹ ở Bucharest và khẳng định mình có thể vạch mặt hai điệp viên đang làm việc ở trung tâm đầu não của Washington, và muốn đổi những thông tin này để lấy một tấm hộ chiếu sang Mỹ. Hàng tuần, đại sứ quán Mỹ nhận được hàng chục lời tuyên bố như vậy và gần như tất cả những lời tuyên bố đó đều được chứng minh là vô căn cứ, nhưng với trường hợp của Munteanu, thông tin cung cấp lại đặc biệt chính xác. Chỉ trong vòng một tháng, hai quan chức ngoại giao cao cấp của Liên xô tại Mỹ đã bị buộc phải lên máy bay để trở về Moscow, và Munteanu nhận được một tấm hộ chiếu sang Mỹ.

Nicu Munteanu hạ cánh xuống New York vào ngày 17 tháng Hai năm 1985. Jack hầu như không tìm được mấy thông tin về những hoạt động của Munteanu trong năm tiếp theo, nhưng con người này bỗng chốc có đủ tiền để tiếp quản công ty Fenston Finance, một ngân hàng nhỏ đang trên bờ vực phá sản ở Manhattan.

Nicu Munteanu đổi tên thành Bryce Fenston - đây không phải là một tội - nhưng không ai biết người đứng đằng sau ông ta là kẻ nào, chỉ biết rằng trong mấy năm tiếp theo đó, ngân hàng này bắt đầu nhận những khoản tiền gửi lớn từ những công ty giấu tên ở Đông Âu gửi sang. Rồi vào năm 1989, dòng tiền mặt bỗng nhiên cạn kiệt, cũng là năm mà Ceausescu và vợ của ông ta là Elena chạy khỏi Bucharest sau cuộc nổi dậy của dân chúng. Chỉ vài ngày sau vợ chồng nhà độc tài này đã bị bắt, bị đưa ra xét xử và lãnh án tử hình.

Jack nhìn qua cửa sổ ngắm nhìn cảnh Manhattan ở bên dưới và nhớ lại câu châm ngôn của FBI: đừng bao giờ tin vào những sự trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng cũng đừng bao giờ bỏ qua những chuyện đó.

Sau cái chết của Ceausescu, ngân hàng này dường như phải trải qua một vài năm khó khăn cho đến khi Fenston gặp được Karl Leapman, một luật sư bị đuổi khỏi nghiệp đoàn, một kẻ vừa được ra khỏi tù sau khi phải ngồi bóc lịch mấy năm vì tội lừa đảo. Chẳng bao lâu sau, ngân hàng này đã lấy lại phong độ và bắt đầu kiếm được những khoản lợi nhuận khổng lồ.

Jack nhìn xuống mấy bức ảnh của Bryce Fenston, người thường xuất hiện trong các cuộc đàm tiếu trên mặt báo với một trong những phụ nữ sành điệu nhất của New York trong vòng tay mình, ông ta khi thì được mô tả là một chủ nhà băng sáng giá, lúc thì là một nhà tài chính hàng đầu, cũng có khi lại là một nhà từ thiện hào phóng, và mỗi khi tên của ông ta được nhắc tới thì bộ sưu tập khổng lồ của ông ta cũng không bị bỏ qua. Jack gạt những bức ảnh ấy sang một bên. Anh vẫn chưa thể quen với việc một người đàn ông lại đeo khuyên tai, và anh thậm chí còn cảm thấy ngạc nhiên hơn trước việc một người khi đặt chân tới Mỹ có một mái tóc dày đầy đặn lại quyết định cạo trọc đầu mình. Ông ta đang lẩn trốn ai?

Jack đóng tập hồ sơ mang tên Munteanu/Fenston lại và mở tập hồ sơ về Pierre de Rochelle, nạn nhân đầu tiên ra.

Rochelle cần vay 70 triệu phờ rằng để lấy tiền trả cho phần đóng góp của mình tại một vườn nho. Kinh nghiệm duy nhất của ông ta về ngành rượu vang là công việc rửa sạch các chai đựng rượu. Chỉ cần nhìn qua cũng thấy rằng kế hoạch đầu tư của ông này không phù hợp với phương châm của ngân hàng là mọi dự án phải “khả thi”. Tuy nhiên, điều thu hút sự chú ý của Fenston khi ông ta nhìn thấy hồ sơ vay tiền của Rochelle là người đàn ông này vừa được thừa kế một Lâu đài tại Dordogne, mà trong đó mọi bức tường đều được treo kín những bức tranh của các họa sỹ theo trường phái Ấn tượng, trong đó có một bức của Degas, hai bức của Pissarro và một bức của Monet.

Vườn nho đó đã không cho thu hoạch trong suốt 4 năm và trong thời gian ấy, tòa lâu đài bắt đầu bị mọc ruột đến khi chỉ còn lại những vết treo tranh trên các bức tường. Đến lúc Fenston đưa bức tranh cuối cùng tới New York và cho vào bộ sưu tập cá nhân của ông ta thì khoản tiền vay ban đầu của Pierre đã tăng lên gấp đôi. Khi tòa lâu đài của ông này cuối cùng bị đưa ra đấu giá, Pierre đến sống ở một căn hộ nhỏ tại Marseille, nơi tối nào ông ta cũng uống đến say khướt. Mọi chuyện cứ thế diễn ra cho đến khi một phụ nữ trẻ đẹp vừa tốt nghiệp trường luật nói với Pierre, trong một giây phút tỉnh táo hiếm hoi của ông ta, rằng nếu Fenston Finance bán các bức tranh của Degas, Monet và Pissarro, ông ta không những có thể trả hết nợ nần mà còn có thể chuộc lại tòa lâu đài và thu hồi về toàn bộ phần còn lại của bộ sưu tập. Lời gợi ý đó không ăn nhập với các kế hoạch dài hạn của Fenston.

Một tuần sau đó, người ta phát hiện thấy cái xác say xỉn của Pierre de Rochelle bị vứt tại một thung lũng ở Marseille với cổ họng bị cắt đứt.

Bốn năm sau, cảnh sát Marseille phải khép vụ này lại với dòng chữ “KHÔNG DẤU VẾT” đóng trên bìa hồ sơ.

Khi vụ vay mượn được đưa ra tòa, Fenston đã bán tất cả các tác phẩm trừ các bức của Degas, Monet và Pissarro; và sau khi tính hết các món lãi kép, phí ngân hàng và tiền thuê luật sư, em trai của Pierre là Simon de Rochelle được thừa kế căn hộ ở Marseille của anh mình.

Jack đứng dậy khỏi bàn làm việc, vươn vai và ngáp một cách mệt mỏi, trước khi anh xem lại hồ sơ về Chris Adams Jr, dù anh gần như đã thuộc lòng những gì được viết trong đó. Chris Adams Senior từng quản lý một phòng tranh rất thành công ở Los Angeles, ông ta tập trung vào dòng tranh Trường phái Mỹ, vốn rất được các ngôi sao ở Hollywood ưa chuộng. Cái chết của ông ta trong một vụ tai nạn giao thông đã để lại cho con trai ông ta là Chris Adams Junior một bộ sưu tập lớn gồm tranh của Rothkos, Pollocks, Jasper Johns, Rauschenbergs và Warhol, trong đó có bức *Black Marilyn*.

Một bạn học cũ của Chris khuyên ông ta rằng cách tốt nhất để nhân đôi số tiền mà ông ta có là đầu tư vào cuộc cách mạng chấm com (Internet). Chris Jr nói rằng mình không có sẵn tiền mặt mà chỉ có phòng trưng bày tranh, bộ sưu tập tranh và chiếc du thuyền cũ Christina do cha mình để lại, và một nửa những thứ đó là phần của cô em gái. Fenston Finance đã ra tay giúp đỡ bằng cách cho anh ta vay 12 triệu đôla, theo các điều khoản thông thường. Cũng giống như trong nhiều cuộc cách mạng khác, nhiều kẻ phải bỏ mạng trên chiến trường và trong số đó có Chris Jr.

Fenston Finance để mặc cho khoản tiền kia đẻ mãi mà không hề có ý định làm khó khổ chủ của mình. Chuyện này cứ thế diễn ra cho đến khi Chris Jr đọc thấy trên tờ *Los Angeles Times* rằng bức *Shot Red Marilyn* của Warhol gần đây đã bán được hơn 4 triệu đôla. Anh ta ngay lập tức liên lạc với nhà đấu giá Christie ở LA, và được đảm bảo rằng những bức tranh của Rothkos,

Pollocks, và Jasper Johnses có thể đem lại cho anh ta những khoản tiền không kém. Ba tháng sau đó, Leapman lao vào văn phòng của vị chủ tịch với một cuốn catalog mới nhất của nhà đấu giá Christie, ông ta đã đánh dấu vào bảy lô khác nhau sắp được đưa ra đấu giá. Fenston gọi một cú điện thoại, rồi đặt chỗ trên chuyến bay tiếp theo tới Rome.

Ba ngày sau, người ta phát hiện thấy Chris Jr trong toa lét của một quán bar dành cho người đồng tính với cổ họng bị cắt đứt.

Lúc bấy giờ Fenston đang đi nghỉ ở Italy và Jack đã có được bản sao hoá đơn thanh toán khách sạn, vé máy bay và thậm chí cả những hoá đơn thanh toán bằng thẻ tín dụng cho các khoản chi tiêu của ông ta ở một số cửa hiệu và nhà hàng.

Những bức tranh ngay lập tức bị đưa ra khỏi danh mục đấu giá của Christie trong khi cảnh sát Los Angeles tiến hành những cuộc điều tra của họ. Sau mười tám tháng không tìm ra bằng chứng mới và đi vào ngõ cụt, hồ sơ về vụ này được ném vào tầng trệt cùng với những vụ việc bế tắc khác ở sở cảnh sát Los Angeles. Tất cả những gì mà em gái của Chris được thừa hưởng sau cái chết của người anh là mô hình chiếc tàu Christina, chiếc du thuyền yêu dấu của người cha.

Jack gạt tập hồ sơ về Chris Jr sang một bên, và nhìn chằm chằm xuống cái tên Maria Vasconcellos, một quả phụ người Brazil, vốn là chủ nhân của một tòa nhà với một bãi cỏ đầy những bức tượng. Moore, Giacometti, Remington, Botero và Calder là một vài tác giả trong số tác giả của những tác phẩm điêu khắc mà chồng của Senora Vasconcellos để lại. Thật không may, bà ta phải lòng một kẻ chuyên lừa gạt những người phụ nữ giàu có và khi hắn gợi ý - Chuông điện thoại trên bàn làm việc của Jack đổ chuông.

“Đại sứ quán của chúng ta ở London gọi điện tới”, thư ký của anh thông báo.

“Cảm ơn Sally”, Jack nói. Anh biết rằng đó chỉ có thể là Tom Crasanti, bạn của anh, người đã gia nhập FBI cùng ngày với anh.

“Thế nào, Tom, cậu khoẻ chứ?” anh hỏi trước cả khi nghe thấy giọng nói trong điện thoại.

“Cũng tạm”, Tom đáp. “Ngày nào cũng chạy, cho dù tớ không được khoẻ như cậu”.

“Thế thằng con nuôi của tớ thì sao?”

“Nó đang học chơi môn crike”.

“Tên phản bội. Có tin tốt lành gì không?”

“Không”, Tom nói. “Đó là lý do tại sao tớ gọi cho cậu. Cậu sẽ phải mở một hồ sơ nữa”.

Jack cảm thấy toàn thân mình nổi gai ốc. “Lần này là ai vậy?” anh hỏi khẽ. “Một phụ nữ, một Phu nhân, tên là Victoria Wentworth”.

“Bà ta chết như thế nào?”

“Giống hệt như ba trường hợp trước, bị cắt đứt họng, chắc chắn là bằng một con dao làm bếp”.

“Điều gì khiến cậu nghĩ rằng Fenston có liên quan đến vụ này?”

“Bà ta nợ ngân hàng này 30 triệu đôla”.

“Và lần này hẳn muốn gì?”

“Một bức chân dung của Van Gogh”.

“Giá trị?”

“Có thể là 70 triệu đôla”.

“Tớ sẽ đi chuyển máy bay tiếp theo tới London”.

8

Vào lúc 7:56, Anna gấp tập hồ sơ mang tên Wentworth lại rồi cúi xuống mở đáy ngăn kéo bàn làm việc của cô ra. Cô cất đôi giày đế mềm vào đó và lấy ra một đôi giày cao gót màu đen. Cô đứng dậy khỏi ghế, sắp xếp lại các tập hồ sơ và liếc nhìn vào gương - những sợi tóc đều nằm đúng vị trí.

Anna ra khỏi phòng làm việc và đi tới văn phòng lớn ở góc cuối hành lang. Một vài nhân viên của công ty chào cô, và cô đáp lại họ bằng một nụ cười. Một tiếng gõ nhẹ lên cánh cửa - cô biết Fenston đã ngồi chờ sẵn bên bàn làm việc của ông ta. Nếu cô chậm vài giây, ông ta sẽ không nhìn cô mà sẽ nhìn chăm chăm vào chiếc đồng hồ đeo tay của mình. Anna chờ để được gọi vào phòng, và cảm thấy ngạc nhiên khi cửa mở ra và trước mặt cô là Karl Leapman. Ông ta mặc một bộ comple giống hệt bộ comple mà Fenston đang mặc, dù chất vải thì hơi khác.

“Chào ông Karl”, cô chào ông ta với một nụ cười tươi tắn, nhưng không được đáp lại.

Vị chủ tịch ngược nhìn lên từ chỗ ngồi sau bàn làm việc và ra hiệu cho Anna ngồi đối diện với mình. Ông ta cũng không chào hỏi gì cô, nhưng ông ta vốn ít khi chào hỏi ai bao giờ. Leapman ngồi xuống chiếc ghế bên phải vị chủ tịch, hơi lùi về phía sau một chút, giống như một viên Hồng y Giáo chủ đang hầu cận đức Giáo hoàng. Thân phận đã được xác lập. Anna đoán rằng chỉ vài giây nữa, Tina sẽ xuất hiện với một ly cà phê đen trên tay, nhưng cửa phòng cô thư ký của vị chủ tịch vẫn đóng im. Anna ngược nhìn lên bức tranh vẽ cảnh *Argenteuil* của Monet treo trên bức tường sau lưng ghế của vị chủ tịch. Dù Monet nhiều lần vẽ phong cảnh thanh bình trên bờ sông này, đây là một trong những bức đẹp nhất. Anna đã có lần hỏi vị chủ tịch xem ông ta có được bức tranh này từ đâu, nhưng ông ta lảng tránh câu hỏi của cô, và cô cũng không truy tìm được bất kỳ tài liệu nào về nguồn gốc của bức tranh.

Cô nhìn Leapman. vẻ ngoài gầy gò và đói khát của ông ta khiến cô liên tưởng tới nhân vật Cassius[1]. Dù là vào thời gian nào trong ngày, trông ông ta vẫn có vẻ như cần phải được cạo râu. Cô nhìn sang Fenston, một người chắc chắn không giống Brutus, và khẽ xoay mình một cách khó chịu trên ghế, cố để không tỏ ra rằng mình bị sự yên lặng làm cho bối rối. Sự yên lặng đó cuối cùng bị phá vỡ bằng một cái gật đầu của Fenston.

[1] Gaius Cassius Longinus, một vị tướng của La mã và là một trong những người chủ mưu ám sát Julius Caesar. Vào năm 49 trước công nguyên, ông ta đã chống lại Caesar trong một cuộc nội chiến dưới quyền chỉ huy của Pompey, một vị tướng và đồng thời là một chính khách quyền uy của La mã. Dù được Caesar ân xá, Cassius sau đó đã trở thành nhân vật chủ chốt trong một âm mưu ám sát nhằm vào Caesar. Sau khi Caesar bị giết chết, ông ta lại xây dựng một đội quân để chống lại Mark Antony, tổng tư lệnh quân đội của Caesar và Tam đầu chế, bộ tam cai quản Rome

sau khi Caesar bị ám sát. Cùng với người đồng mưu là Marcus Junius Brutus, một chính khách của La mã, Cassius bao vây quân thù của ông ta tại Philippi ở Macedonia nhưng sau đó đã bị đánh bại. Cassius tự sát để tránh bị kẻ thù của mình bắt sống (ND).

“Tiến sỹ Petrescu, có thông tin đáng buồn khiến ngài chủ tịch phải lưu tâm”, Leapman vào đề. “Có vẻ như”, ông ta tiếp tục, “cô đã gửi một trong những tài liệu riêng tư và bí mật của ngân hàng chúng ta cho một vị khách hàng, trước khi ngài chủ tịch có đủ thời gian để cân nhắc vấn đề”.

Ban đầu, Anna bị bất ngờ, nhưng rồi cô nhanh chóng lấy lại được sự bình tĩnh và đáp lại một cách từ tốn. “Ông Leapman, nếu ông đang muốn nói đến bản báo cáo của tôi, liên quan đến khoản tiền mà Wentworth định vay, thì ông đã nói đúng. Đúng là tôi có gửi một bản báo cáo cho Phu nhân Victoria Wentworth”.

“Nhưng ngài chủ tịch không có đủ thời gian để đọc kỹ bản báo cáo đó và để cân nhắc trước khi cô gửi nó cho khách hàng”, Leapman vừa nói vừa nhìn xuống mấy dòng ghi chú trên tờ giấy trước mặt.

“Không phải như vậy, thưa ông Leapman. Cả ông và ngài chủ tịch đều nhận được một bản sao báo cáo của tôi vào ngày 1 tháng Chín, trong đó tôi đề nghị nên tư vấn cho Phu nhân Victoria trước kỳ thanh toán tới”

“Tôi không nhận được bản báo cáo đó”, Fenston nói một cách cộc cằn. “Nhưng thực tế”, Anna nói, mắt vẫn không rời khỏi Leapman, “ngài chủ tịch đã xác nhận việc đã nhận được bản báo cáo của tôi, khi văn phòng chủ tịch gửi lại tôi mẫu đánh giá mà tôi gửi kèm cùng bản báo cáo”.

“Tôi chưa nhìn thấy bản báo cáo ấy”, Fenston nhắc lại.

“Có chữ ký tắt của ngài chủ tịch ở đây”, Anna vừa nói vừa lấy tờ mẫu đánh giá ra rồi đặt lên bàn trước mặt Fenston. Ông ta phớt lờ không thèm nhìn.

“Ít nhất thì cô cũng phải chờ ý kiến của tôi”, Fenston nói, “trước khi chuyển bản sao một tài liệu nhạy cảm như vậy ra khỏi nơi này”.

Anna vẫn chưa hiểu tạo sao bọn họ lại giở trò này ra với cô.

“Tôi đã đợi một tuần, thưa ngài chủ tịch”, cô trả lời. “Trong thời gian đó ngài đã không có ý kiến gì về những kiến nghị của tôi, cho dù theo lịch thì tối nay tôi sẽ bay đi London để gặp Phu nhân Victoria vào chiều mai. Tuy nhiên”, Anna tiếp tục trước khi vị chủ tịch phản ứng, “hai hôm trước tôi cũng đã gửi giác thư tới ngài”. Cô lại mở tập hồ sơ của mình ra, và đặt tờ giấy thứ hai lên bàn, trước mặt vị chủ tịch. Một lần nữa, ông ta phớt lờ. “Nhưng tôi chưa đọc báo cáo của cô”, Fenston nhắc lại. Rõ ràng là ông ta đang bám theo một kịch bản được dựng sẵn.

Bình tĩnh, cô bé, bình tĩnh, Anna nghe thấy tiếng nói của cha mình vang lên bên tai.

Cô hít một hơi dài trước khi tiếp tục. “Báo cáo của tôi chỉ là kiến nghị, không hơn không kém, gửi lên ban giám đốc. Và tôi cũng là thành viên của ban giám đốc. Tôi chỉ muốn nói rằng nếu chúng ta bán bức Van Gogh, dù là bí mật hay thông qua một nhà đấu giá nào đó thì khoản tiền thu được cũng thừa đủ để thanh toán khoản tiền vay cho ngân hàng này, cả gốc lẫn lãi”.

“Nhưng có thể tôi không có ý định bán bức tranh đó”, Fenston nói, rõ ràng là sai với kịch bản.

“Ngài cũng không thể làm gì khác, nếu đó là yêu cầu của khách hàng”.

“Nhưng tôi có thể tìm ra một giải pháp khác tốt hơn cho vấn đề Wentworth”.

“Nếu quả thật là thế, thưa ngài chủ tịch”, Anna nói bằng một giọng không cảm xúc, “tôi thực sự ngạc nhiên khi ngài không hỏi ý kiến trưởng phòng nghiệp vụ phụ trách việc này, để chúng ta có thể thảo luận về bất kỳ sự khác biệt nào trong nhận thức và quan điểm trước khi tôi lên đường sang Anh quốc vào tối nay”.

“Thật là một ý nghĩ xác láo”, Fenston cao giọng. “Tôi không cần phải báo cáo với ai”.

“Tôi không nghĩ rằng như thế là xác láo, thưa ngài chủ tịch, chỉ là chuyện tuân thủ luật pháp mà thôi”, Anna nói bằng một thái độ bình tĩnh. “Theo quy định của pháp luật, ngân hàng có trách nhiệm phải thông báo cho khách hàng biết về những giải pháp thay thế. Tôi tin là ngài hiểu rõ rằng theo những quy định mới về hoạt động ngân hàng, do IRS đề xuất và mới được Quốc hội thông qua”.

“Và tôi tin là cô hiểu rõ rằng cô có trách nhiệm phục vụ tôi trước tiên”.

“Không, nếu tôi tin rằng một ai đó đang vi phạm luật pháp”, Anna đáp lại, “bởi vì tôi không bao giờ chấp nhận những chuyện như vậy”.

“Cô thách tôi đuổi việc cô à?”

Fenston quát lên.

“Không, nhưng có vẻ như ông đang ép tôi phải từ chức”, Anna nói bằng một giọng điềm đạm.

“Dù gì thì”, Fenston vừa nói vừa xoay ghế và nhìn ra cửa sổ, “rõ ràng cô đã không còn vai trò gì trong ngân hàng này, đơn giản vì cô không có tinh thần đồng đội-một điều mà người ta đã cảnh báo tôi khi cô bị đuổi khỏi Sotheby”.

Đừng nổi giận, Anna nghĩ. Cô mím môi và nhìn chăm chăm vào bộ mặt nhìn nghiêng của Fenston. Cô vừa chuẩn bị lên tiếng thì nhận thấy có một cái gì đó khác lạ trên bộ mặt ấy. Đó chính là một chiếc khuyên tai mới. Điều đó, phù phiếm là bản chất của con người này, không thể nói khác đi. Vị chủ tịch xoay ghế lại và nhìn thẳng vào mặt cô. Cô nhìn trả lại.

“Thưa ngài chủ tịch, tôi biết cuộc nói chuyện này được ghi âm, vì vậy tôi phải làm rõ một điều. Có vẻ như ngài không hiểu gì về những quy định của ngành ngân hàng, và chắc chắn ngài không biết gì về bộ luật lao động, bởi vì ép buộc một đồng nghiệp lừa đảo một phụ nữ gây thương tích để chiếm đoạt gia sản của người ấy là một tội ác, và tôi nghĩ rằng ông Leapman đây, với những kinh nghiệm của mình, về cả hai khía cạnh của luật pháp, có thể giải thích cho ngài hiểu”.

“Cút ngay, trước khi tôi tống cô ra ngoài”, Fenston thét lên, đồng thời đứng bật dậy và nhào người về phía Anna. Cô chăm chăm đứng lên, quay lưng lại phía Fenston và bước ra cửa.

“Và điều đầu tiên cô có thể làm là dọn bàn làm việc của mình đi vì tôi muốn cô phải cuốn xéo khỏi nơi này trong vòng mười phút. Nếu sau đó cô vẫn còn lảng vảng ở đây, tôi sẽ gọi bảo vệ quăng cô ra ngoài”.

Anna không nghe thấy những lời cuối cùng của vị chủ tịch bởi vì lúc đó cô đã khép cánh cửa lại sau lưng mình.

Người đầu tiên cô nhìn thấy khi bước ra hành lang là Barry; rõ ràng anh ta đã nhận được chỉ thị phải đứng chờ sẵn ở đó. Giờ thì cô có thể khẳng định rằng toàn bộ tấn trò này đã được dàn dựng từ rất lâu trước khi cô bước vào văn phòng chủ tịch. Anna bước theo hành lang và cố giữ

bình tĩnh. Barry theo sát gót cô, đôi khi gã chạm cả vào khuỷu tay cô. Cô bước qua một thang máy đã mở sẵn và bắn khoả không hiểu nó đang chờ ai, chắc chắn là không phải chờ cô. Anna trở lại phòng làm việc của mình sau khi rời khỏi đó trong vòng chưa đầy 15 phút. Lần này Rebecca đang chờ cô. Cô ta đang đứng sau bàn làm việc của cô và đặt tay lên một chiếc thùng các tông lớn màu nâu. Anna bước qua phòng lại phía chiếc bàn, và khi cô vừa định bật chiếc máy tính lên thì nghe thấy một giọng nói sau lưng mình, “Không được đụng vào bất cứ thứ gì. Đồ đặc riêng của cô đã được đóng gói rồi, vì vậy đi đi thôi”. Anna quay lại và thấy Barry đang đứng ở giữa cửa.

“Em xin lỗi”, Rebecca nói. “Em đã cố gọi điện để báo trước cho chị, nhưng”.

“Không được nói chuyện với cô ta”, Barry quát lên, “đưa chiếc thùng cho cô ta đi. Cô ta không còn là người của công ty nữa”. Barry đặt tay lên cán chiếc dùi cui bên hông gã. Anna tự hỏi không hiểu gã có biết trông gã lộ bịch đến mức nào không. Cô quay lại nhìn Rebecca và mỉm cười. “Không phải lỗi tại em”, cô nói với người thư ký của mình khi cô ta chuyển cho cô chiếc thùng.

Anna đặt chiếc thùng xuống bàn, ngồi xuống và kéo ngăn tủ ra.

“Không được sờ đến những tài sản của công ty”, Barry nói.

“Tôi nghĩ ngài chủ tịch sẽ không cần đến đôi giày đế bằng của tôi”, Anna vừa nói vừa cởi đôi giày cao gót ra và cho vào chiếc hộp. Rồi cô đi đôi giày đế bằng vào chân, buộc chặt dây lại, nhấc chiếc thùng lên và đi thẳng ra hành lang. Cô không thể giữ được vẻ điềm tĩnh nữa. Mọi người đều biết rằng tiếng quát tháo trong văn phòng chủ tịch và việc cô bị Barry theo sát chỉ có thể, có nghĩa là cô đã bị tổng khứ khỏi nơi này. Lần này những người có mặt trong hành lang đều vội chui vào phòng mình, tránh phải chào hỏi và nói chuyện với cô.

Gã trưởng ban an ninh đưa người mà gã có nhiệm vụ giám sát tới một căn phòng rộng ở phía cuối hành lang mà Anna chưa từng đặt chân tới. Khi cô đã bước vào trong, Barry lại đứng chắn giữa cửa. Rõ ràng là những người trong phòng này đã được báo trước, bởi vì chẳng có ai dám chào cô; họ sợ chuyện đó sẽ bị báo lại với vị chủ tịch. Một anh chàng đưa cho cô một tờ giấy có con số 9116 in đậm. Tiền lương hàng tháng của Anna. Cô ký vào tờ giấy, không nói một lời.

“Tiền sẽ được chuyển vào tài khoản của chị cuối chiều nay”, anh ta nói, mắt vẫn nhìn xuống.

Anna ngoảnh lại và thấy kẻ giám sát mình vẫn đứng đó với một bộ mặt đầy hăm dọa. Khi cô rời khỏi phòng kế toán, Barry theo sát cô trong hành lang không người.

Khi tới thang máy, Barry ấn nút có mũi tên chỉ xuống, trong khi Anna chuyển tay ôm chiếc thùng.

Cả hai đang chờ buồng thang máy mở ra, và đúng vào lúc đó thì chiếc máy bay thuộc chuyến bay số 11 của hãng hàng không American Airlines đâm vào tầng thứ 94 của tòa Tháp Bắc.

Ruth Parish nhìn lên chiếc bảng điện tử báo giờ khởi hành của các chuyến bay được trên tường trước mặt bà. Bà thở phào nhẹ nhõm khi thấy chuyến bay 107 của hãng United tới sân bay JFK cuối cùng cũng đã khởi hành vào lúc 1:40 chiều. Chậm hơn lịch trình 40 phút.

Ruth và chồng mình là Sam đã sáng lập nên công ty Art Locations gần mười năm trước, và khi ông ta bỏ rơi bà để chạy theo một phụ nữ trẻ đẹp, bà được tiếp quản công ty này. Ruth vui đầu vào công việc với những chuyến máy bay, tàu hỏa và tàu chở hàng chẳng bao giờ đúng lịch trình. Vận chuyển những tác phẩm nghệ thuật vĩ đại và không vĩ đại từ nơi này đến nơi khác giúp bà có thể kết hợp khiếu tổ chức với niềm đam mê cái đẹp của mình, dù nhiều khi bà chỉ được nhìn thoáng qua những tác phẩm nghệ thuật mà bà chuyên chở. Ruth đi lại khắp nơi trên thế giới để nhận tiền hoa hồng của những chính phủ đang muốn tổ chức các cuộc triển lãm quốc gia, đồng thời bà cũng làm ăn với các chủ phòng tranh, các nhà buôn và các nhà sưu tầm cá nhân, những người thường chẳng quan tâm tới chuyện gì ngoài việc chuyển những bức tranh quý từ ngôi nhà này sang ngôi nhà khác. Theo năm tháng, nhiều khách hàng đã trở thành những người bạn thân của bà. Nhưng Bryce Fenston thì không. Từ lâu Ruth đã rút ra kết luận rằng những cụm từ như “cảm ơn” và “xin mời” không có trong vốn từ vựng của ông ta, và rõ ràng bà cũng không có tên trong danh sách những người được nhận thiệp mừng giáng sinh của nhân vật này. Yêu cầu gần đây nhất của Fenston là chuyển một bức tranh của Van Gogh từ Lâu đài Wentworth thẳng tới văn phòng của ông ta tại New York, không được chậm trễ một phút nào.

Việc kiểm một giấy phép xuất khẩu cho một kiệt tác như vậy không phải là khó, bởi vì hiếm có bảo tàng hay viện nghiên cứu nào có đủ 60 triệu đôla để ngăn chặn việc đó. Đặc biệt là sau khi Phòng tranh Quốc gia của Scotland đã không kiểm đủ 7,5 triệu bảng Anh để ngăn chặn việc đưa bức tranh *Người đàn bà lúc bình minh* ra khỏi nước này. Bức tranh ấy hiện nay đã thuộc về một nhà sưu tầm cá nhân ở Mỹ.

Khi một người có tên là Andrews, quản gia của Lâu đài Wentworth, gọi điện vào hôm trước để báo rằng bức tranh đã được chuẩn bị sẵn sàng, Ruth đã thu xếp để đưa một chiếc xe tải chống cướp có độ an toàn cao tới Lâu đài đó vào lúc 8 giờ sáng. Bà đi đi lại lại trong khi suốt ruột chờ đợi chiếc xe. Nó quay trở lại và đỗ trước văn phòng của bà lúc sau 10 giờ sáng.

Sau khi bức tranh đã được đưa xuống, Ruth giám sát kỹ lưỡng việc đóng gói để chuyển nó tới New York, một công việc mà bà thường giao cho các nhân viên quản lý của mình. Bà đứng cạnh người thợ đóng hàng già dặn nhất của mình trong khi ông ta cẩn thận bọc bức tranh một cách chuyên nghiệp bằng giấy không thấm nước và chống a xít rồi đặt nó vào một chiếc thùng lót xốp mà ông ta đã thức cả đêm để đóng cho kịp. Các đinh vít được vít chặt khắp quanh chiếc thùng, và chỉ những ai có dụng cụ chuyên dụng mới có thể mở được. Những đèn báo đặc biệt được gắn lên thùng; các đèn báo này sẽ hiện màu đỏ nếu có ai đó tìm cách mở chiếc thùng ra trong chuyến đi. Người thợ đóng hàng viết dòng chữ HÀNG DỄ VỠ lên hai bên hông thùng và con số 47 lên cả bốn góc thùng. Người nhân viên hải quan nhướng mày khi kiểm tra giấy tờ vận chuyển, nhưng vì đã có giấy phép xuất khẩu kèm theo, anh ta lại hạ mày xuống.

Ruth lái xe tới chỗ chiếc máy bay 747 đang nằm chờ và tiếp tục công việc giám sát cho đến chiếc thùng đã biến vào trong khoang hành lý khổng lồ.

Bà chờ cho đến khi chiếc cánh cửa nặng nề đã nằm an toàn vào chỗ của nó rồi mới lái xe quay trở lại văn phòng của mình. Bà kiểm tra đồng hồ và mỉm cười. Chiếc máy bay cất cánh vào lúc

1:40 chiều.

Ruth bắt đầu nghĩ đến bức tranh sắp được đưa từ bảo tàng Rijksmuseum ở Amsterdam tới vào tối hôm đó để kịp tham dự cuộc triển lãm *Những người phụ nữ* của Rembrandt do Học viện Hoàng gia tổ chức. Nhưng bà phải gọi điện tới Fenston Finance để báo cho họ biết rằng bức tranh của Van Gogh đang trên đường tới đích trước đây.

Bà quay số của Anna tại New York và chờ tín hiệu trả lời.

Một tiếng nổ khủng khiếp vang lên, và tòa tháp bắt đầu chao đảo từ bên này sang bên kia.

Anna bị ném dọc theo hành lang và cuối cùng cô nằm bẹp xuống sàn như vừa bị một võ sỹ hạ gục. Các cánh cửa thang máy mở ra, và cô nhìn thấy một quả cầu lửa cuộn cuộn tìm kiếm những con mồi. Những luồng hơi nóng đập vào mặt cô như thể cánh cửa của một chiếc lò khổng lồ vừa bị bật ra. Anna nằm bẹp dưới sàn, choáng váng.

Ý nghĩ đầu tiên của cô là tòa nhà chắc đã bị sét đánh, nhưng rồi cô ngay lập tức gạt bỏ ý nghĩ đó bởi vì bầu trời hôm ấy không có lấy một gợn mây. Một sự yên lặng kỳ quái bao trùm tòa nhà và Anna tự hỏi phải chăng cô đã chết, nhưng rồi sự yên lặng kỳ quái ấy nhanh chóng bị phá tan bởi những tiếng la hét “Chúa ơi!”, trong khi kính vỡ, bàn ghế và những thanh kim loại bay qua những chiếc cửa sổ trước mặt cô.

Chắc chắn là một quả bom, đó là ý nghĩ thứ hai của cô. Những ai đã từng có mặt trong tòa nhà đó vào năm 1993 đều kể lại những gì đã xảy đến với họ vào cái buổi chiều tháng Hai buốt giá ấy. Nhiều câu chuyện được kể lại hoàn toàn là sản phẩm của óc tưởng tượng, nhưng sự thật thì rất giản đơn. Một chiếc xe tải chất đầy thuốc nổ được đưa vào gara ngầm bên dưới tòa nhà. Khi nó phát nổ, sáu người bị thiệt mạng và hơn một nghìn người khác bị thương. Năm tầng hầm bị phá hủy hoàn toàn, và phải mất nhiều giờ người ta mới có thể sơ tán hết những người đang có mặt trong tòa nhà. Kể từ đó, tất cả những ai làm việc trong Trung tâm Thương mại Thế giới đều phải tham gia luyện tập cứu hỏa thường xuyên. Anna cố nhớ lại những gì mà người ta đã căn dặn cô phải làm trong những tình huống như thế này.

Cô nhớ đến những lời chỉ dẫn màu đỏ được in đậm dán trên cửa thoát hiểm dẫn vào cầu thang bộ tại tất cả các tầng: “Trong trường hợp khẩn cấp, không nên quay trở lại bàn làm việc, không được sử dụng thang máy, thoát ra ngoài bằng cầu thang bộ theo lối thoát hiểm gần nhất”. Nhưng trước hết Anna phải thử xem cô có thể đứng dậy được không đã. Cô nhận thấy một mảng trần đã rơi đè lên người mình và tòa nhà vẫn đang lắc lư. Cô cố gắng lấy lại bình tĩnh và gượng đứng dậy. Mặc dù trên người cô có nhiều vết thương, dường như không có vết thương nào đặc biệt nguy hiểm, và không có một chiếc xương nào bị gãy. Cô thử làm vài động tác khởi động, giống như những khi cô chuẩn bị tập chạy.

Anna bỏ lại chiếc thùng các tông và loạng choạng đi về phía cầu thang C ở giữa tòa nhà. Một vài đồng nghiệp của cô cũng đã lấy lại được bình tĩnh, vài một vài người thậm chí còn quay trở lại phòng làm việc để lấy đồ đạc và tài liệu.

Khi đi dọc hành lang, Anna gặp một số người và được chào hỏi bằng những câu hỏi mà cô không có câu trả lời.

“Chúng ta phải làm gì?” cô thư ký hỏi.

“Chúng ta nên đi lên hay đi xuống?” chị lao công quét dọn vệ sinh hỏi. “Chúng ta có nên đợi người ta đến cứu không?” một thương gia tóc vàng hỏi.

Đây là những câu hỏi dành cho trưởng ban an ninh, nhưng không thấy Barry đâu.

Khi tới cầu thang bộ, cô nhập vào một nhóm người đang trong trạng thái hoảng loạn, một số thì yên lặng, một số khác thì gào thét; họ gần như chẳng biết phải làm gì tiếp theo. Không ai biết nguyên nhân của tiếng nổ và lý do tại sao tòa nhà vẫn còn lắc lư. Dù một số bóng đèn ở cầu thang đã bị tắt, dải dạ quang dọc theo viền các bậc cầu thang vẫn đủ để cô nhìn rõ mọi người.

Một số người quanh cô đang cố liên lạc với bên ngoài qua điện thoại di động, nhưng hầu như chẳng có mấy ai thành công. Một anh chàng đang nói chuyện với vợ quay sang nói với những người xung quanh: “Một chiếc máy bay đã đâm vào tòa tháp”. “Nhưng ở đâu, ở đâu?” nhiều giọng nói cùng lên tiếng. Anh ta chuyển câu hỏi đó cho vợ mình. “Ở phía trên, tầng thứ chín mươi mấy gì đó”, anh ta vừa nghe điện thoại vừa nói với những người xung quanh.

“Nhưng chúng ta phải làm gì bây giờ?” viên kế toán trưởng, người vẫn đứng yên ở bậc cầu thang trên cùng từ nãy tới giờ, hỏi. Anh chàng kia lại chuyển câu hỏi đó cho vợ, và chờ đợi câu trả lời. “Thị trưởng khuyên mọi người phải ra khỏi tòa nhà càng nhanh càng tốt”.

Nghe thấy vậy, tất cả mọi người đang có mặt trong cầu thang đều vội ào xuống tầng 82. Anna ngoái nhìn lại qua các cửa sổ bằng kính và ngạc nhiên khi thấy nhiều người vẫn ngồi yên tại bàn làm việc của họ, như thể họ đang trong nhà hát và đang chờ đợi màn tiếp theo.

Anna nghe theo lời khuyên của ông thị trưởng. Cô bắt đầu đếm các bậc cầu thang trong khi đi xuống. Mỗi tầng mười tám bậc. Điều đó có nghĩa là còn ít nhất một nghìn năm trăm bậc nữa trước khi cô xuống đến đại sảnh. Cầu thang ngày càng đông người hơn khi hàng đoàn người từ các tầng đang đổ dồn về đó, khiến cho nó có vẻ giống như một chuyến tàu điện ngầm vào giờ cao điểm. Anna ngạc nhiên khi thấy mọi người gần như đã lấy lại được vẻ bình thản.

Dòng người trong cầu thang nhanh chóng chia thành hai làn, một làn chuyển động chậm ở mé trong, và một làn chuyển động nhanh ở mé ngoài. Nhưng cũng giống như trên mọi con đường cao tốc, luật lệ không phải lúc nào cũng được tuân thủ, vì vậy đôi khi dòng người nghẽn lại một lúc rồi mới lại tuôn xuống một cách khó nhọc. Mỗi khi xuống đến một chiều nghỉ ở cầu thang lại có người dừng lại, trong khi những người khác vẫn cố cất bước.

Anna vượt một ông già đội mũ nỉ đen. Cô nhớ là đã từng gặp ông ta nhiều lần trong mấy năm qua, và lần nào ông ta cũng đội chiếc mũ đó. Cô quay lại mỉm cười chào ông ta và ông ta nhắc mũ ra.

Tiến lên, tiến lên, tiến lên, cô rẽ dòng người để lao xuống, đôi khi chỉ mất không đầy một phút để xuống hết một tầng, nhưng thường thì cô bị cản lại bởi những người vừa xuống được vài ba tầng đã kiệt sức. Làn bên ngoài ngày càng đông khiến cô khó có thể bứt phá tốc độ.

Anna nghe thấy một mệnh lệnh rõ ràng đầu tiên khi cô xuống đến tầng thứ 68.

“Tránh sang bên phải, giữ đều tốc độ”, một giọng nói vang lên ở đâu đó bên dưới cô. Cho dù mệnh lệnh đó ngày càng nghe rõ hơn sau mỗi bậc cầu thang mà cô đi qua, phải xuống mấy tầng nữa Anna nhìn thấy người lính cứu hỏa đầu tiên đang chậm chậm tiến về phía cô. Anh ta mặc một bộ quần áo chống cháy rộng thùng thình, và mồ hôi chảy ròng ròng sau chiếc mũ cứu hỏa mang số hiệu 28 của anh ta. Anna không hiểu anh ta sẽ ra sao sau khi leo lên 30 tầng nữa. Đồng thời có vẻ anh ta phải mang theo quá nhiều thứ trên mình: những cuộn dây thùng trên một bên vai và hai bình ô xy trên lưng, giống như một nhà leo núi đang tìm cách chinh phục đỉnh Everest. Một người lính cứu hỏa nữa xuất hiện ngay phía sau anh ta, vác theo một chiếc vòi phun dài lòng thòng, sáu chiếc sào và một bình nước uống. Anh lính cứu hỏa này đổ nhiều mồ hôi đến mức chốc chốc anh ta lại dừng lại, tháo chiếc mũ ra và đổ một ít nước lên đầu.

Những người tiếp tục rời bỏ bàn làm việc và hoà vào dòng người đang di tản xuống dưới hầu hết đều câm lặng, cho đến khi một ông già trước mặt Anna bị vấp ngã vào một người phụ nữ. Người phụ nữ bị cạnh bậc cầu thang cửa đứt chân và quay lại trách mắng ông già.

“Không sao đâu”, một giọng nói cất lên sau lưng Anna. “Tôi đã trải qua chuyện này hồi năm 1993, và tôi có thể nói với chị rằng như thế này chưa là gì cả”.

Anna cúi xuống đỡ ông già dậy, giảm tốc độ và tránh sang bên để nhường chỗ cho vài người khác vượt qua.

Cứ mỗi khi xuống đến một chiều nghỉ mới, Anna lại nhìn chằm chằm những người còn ngồi nán lại bàn làm việc qua các ô cửa kính. Dường như họ hoàn toàn không để ý đến dòng người đang tuôn xuống trước mặt mình. Cô thậm chí còn nghe lỏm được những mẩu đối thoại qua những chiếc cánh cửa rộng mở. Một người ở tầng 62, một nhà môi giới, đang cố thực hiện một giao dịch trước khi thị trường mở cửa vào lúc 9 giờ. Một người khác thì nhìn cô chằm chằm, như thể ô cửa sổ bằng kính là một chiếc màn hình ti vi và ông ta đang tường thuật một trận bóng đá. Ông ta đang tường thuật lại mọi chuyện với một người bạn ở Tháp Nam.

Ngày càng có nhiều lính cứu hỏa xuất hiện trèo ngược lại hướng di tản của dòng người, biến cầu thang thành một xa lộ hai chiều với những câu mệnh lệnh không ngớt của họ, “Tránh sang bên phải, giữ đều tốc độ”. Anna tăng tốc, nhưng một số người dường như không đi nổi nữa, và chính họ luôn làm chậm bước tiến của cô. Cho dù tòa nhà không còn lắc lư nữa, nét kinh hoàng vẫn hiện rõ trên khuôn mặt những người quanh cô. Họ không biết chuyện gì đã diễn ra trên đầu họ, và cũng không biết cái gì đang chờ họ bên dưới. Anna cảm thấy như mình có tội khi cô vượt qua một bà cụ đang được hai thanh niên khiêng xuống bằng một chiếc ghế da. Hai chân bà cụ sưng phồng, và bà cụ thở một cách khó nhọc.

Tiến lên, tiến lên, tiến lên, hết tầng này đến tầng khác, Anna cố giữ vững tốc độ, nhưng rồi đến lúc cô thấm mệt.

Cô nghĩ tới Tina và Rebecca, và cầu nguyện cho cả hai người ấy được an toàn. Cô thậm chí còn hình dung thấy cảnh Fenston và Leapman vẫn còn ngồi lại trong văn phòng chủ tịch với niềm tin rằng họ là những người hoàn toàn bất khả xâm phạm trước bất kỳ một mối hiểm nguy nào.

Anna bắt đầu cảm thấy tự tin rằng giờ đây cô đã được an toàn và cuối cùng sẽ thoát khỏi cơn ác mộng này.

Cô thậm chí còn mỉm cười trước ý nghĩ về việc cô sẽ thuật lại chuyện này như thế nào, vừa lúc ấy có ai đó la lên ngay sau lưng cô, “Một chiếc máy bay nữa đã lao vào Tháp Nam!”

Jack giật mình vì một tiếng nổ giống tiếng bom ở phía bên kia phố. Sally chạy vào phòng và nói với anh rằng một chiếc máy bay đã đâm vào Tháp Bắc của Trung tâm Thương mại Thế giới.

“Hy vọng là nó đâm thẳng vào văn phòng của Fenston”, anh nói.

Những suy nghĩ tiếp theo của anh trở nên nghiêm túc hơn và được anh thể hiện rõ khi cùng bàn bạc với Dick Macy, chỉ huy trưởng, và những nhân viên mật vụ cao cấp khác tại chỉ huy sở. Trong khi các nhân viên khác ôm lấy điện thoại để tìm hiểu xem đích thực chuyện gì đang diễn ra ở cách đó một dặm, Jack nói với viên chỉ huy trưởng rằng anh tin chắc đó là một vụ tấn công khủng bố đã được lên kế hoạch tỉ mỉ. Khi chiếc máy bay thứ hai lao vào Tháp Nam vào lúc 9:03, tất cả những gì Macy nói là, “Đúng, nhưng là tổ chức khủng bố nào?”

Suy nghĩ tiếp theo của anh đến một cách bất chợt. Anh đã hy vọng rằng Anna Petrescu sẽ bình yên vô sự, nhưng khi Tháp Nam đổ sụp xuống 56 phút sau đó, anh đoán rằng Tháp Bắc cũng sẽ chung số phận.

Anh quay trở lại bàn làm việc và bật máy tính lên. Thông tin đổ về như thác từ văn phòng tiền tiêu của họ ở Massachusetts. Các báo cáo cho biết hai chiếc máy bay đó cất cánh từ bên ngoài Boston, và còn hai chiếc nữa đang bay trên bầu trời. Những cuộc gọi điện thoại của hành khách cho thấy hai chiếc máy bay này cũng đã bị bọn khủng bố chiếm giữ. Một trong hai chiếc đang bay về phía New York.

Tổng thống George Bush đang thăm một trường học ở Florida khi vụ tấn công thứ nhất xảy ra, và ông ta ngay lập tức được đưa tới căn cứ không quân Barksdale ở Louisiana. Phó Tổng thống Dick Cheney đang ở Washington, ông ta đã ra lệnh bắn hạ hai chiếc còn lại. Mệnh lệnh của ông ta đã không được thực hiện.

Cheney cũng muốn biết tổ chức khủng bố nào đã thực hiện các vụ tấn công này, bởi vì tối hôm đó Tổng thống sẽ phải lên truyền hình để trấn an dân chúng, và ông ta phải có câu trả lời. Jack vẫn ngồi tại bàn làm việc, nhận những cú điện thoại của đồng nghiệp tại hiện trường, và báo cáo lại cho Macy. Một trong số các nhân viên mật vụ, Joe Corrigan, báo cáo rằng có người trông thấy Fenston và Leapman bước vào một tòa nhà ở Phố Wall ngay trước khi chiếc máy bay thứ nhất đâm vào Tháp Bắc. Jack nhìn chòng hồ sơ trên bàn và chia tay với mong ước của mình về một “Vụ việc đã được khép lại”.

“Thế còn Petrescu?” anh hỏi.

“Không biết”, Joe đáp. “Tất cả những gì tôi có thể nói với anh là người ta thấy cô ấy bước vào tòa tháp lúc 7 giờ 46 phút, và chưa thấy bước ra”. Jack trông lên màn hình tivi. Chiếc máy bay thứ ba đã lao vào Lầu Năm Góc. Nhà trắng sẽ là mục tiêu tiếp theo, anh nghĩ.

“Một chiếc máy bay thứ hai đã đâm vào Tháp Nam”, một phụ nữ ở bậc cầu thang ngay phía trên Anna lặp lại câu nói. Anna không tin rằng loại tai nạn khủng khiếp như vậy lại có thể xảy ra hai lần trong một ngày.

“Không phải là tai nạn”, một giọng nói phía sau cô cất lên như đọc được suy nghĩ của cô. “Chiếc

máy bay duy nhất đâm vào một tòa nhà ở New York là vào năm 45. Bay vào tầng thứ 79 của tòa nhà Empire State Building. Nhưng hôm đó sương mù dày đặc, và thời đó cũng chưa có những thiết bị định hướng và điều khiển hiện đại như ngày nay. Và đừng quên là vùng trời trên thành phố này là vùng cấm bay, vì vậy đây là một âm mưu đã được lên kế hoạch kỹ lưỡng. Tôi cá rằng chúng ta không phải là những nạn nhân duy nhất.

Mọi người bắt đầu nói về đủ thứ âm mưu, những vụ tai nạn kỳ quái hay những câu chuyện về các vụ tấn công khủng bố. Nếu di chuyển nhanh hơn, họ sẽ tạo nên một tình trạng hỗn loạn. Anna nhận thấy mọi người tranh nhau nói vì muốn che dấu sự sợ hãi tốt cùng của họ.

“Tránh sang bên phải, giữ đều tốc độ”, là tiếng la không ngớt phát ra từ những bộ đồng phục đang đi ngược chiều với dòng người. Một số người trong dòng di tản dừng lại vì quá mệt, tạo cơ hội cho Anna vượt lên phía trước. Cô cảm thấy biết ơn những giờ luyện tập tại công viên Central Park và những mũi adrenalin đã giúp cô giữ vững phong độ.

Khi xuống đến khoảng tầng thứ 40, Anna bắt đầu ngửi thấy mùi khói, và cô có thể nghe thấy ai đó ở tầng dưới đang ho rũ rượi. Khi cô xuống đến chiều nghỉ tiếp theo, khói trở nên dày đặc hơn ùa vào lồng phổi cô. Cô lấy tay che mắt và gập người lại vì ho. Anna nhớ lại cô đã đọc thấy ở đâu đó rằng 90 phần trăm những ca tử vong trong các vụ hỏa hoạn là do hít phải khói. Nỗi sợ hãi của cô ngày càng gia tăng khi cô thấy dòng người ở đằng trước mình đi chậm lại rồi dừng hẳn, Chứng họ đã trở thành một đại dịch. Phải chăng họ đã bị kẹt vào bẫy, lên cũng không xong mà xuống cũng không được?

“Tiếp tục đi đi”, một lính cứu hỏa đi ngược chiều ra lệnh. “Vài tầng dưới còn tệ hơn nữa, nhưng rồi mọi người sẽ thoát khỏi đám khói này”, anh ta an ủi những người còn lưỡng lự. Anna nhìn chằm chằm vào khuôn mặt người lính cứu hỏa vừa đưa ra mệnh lệnh ấy. Cô quyết định nghe theo lời anh lính, và tin tưởng rằng những gì tồi tệ nhất đã ở lại phía sau. Cô tiếp tục vừa che mắt vừa ho và dò dẫm đi xuống. Người lính cứu hỏa nói đúng, khi cô xuống được thêm ba tầng nữa, khói đã tan hết.

Anna quyết định chỉ nghe theo lời những người lính cứu hỏa đang đi ngược chiều và không thềm để ý đến bất cứ nhận định nào của những kẻ nghiệp dư đang đi tản xuống dưới. Một cảm giác nhẹ nhõm xâm chiếm những người vừa thoát ra khỏi đám khói, và họ ngay lập tức cố tăng tốc. Nhưng dòng người không thể tiến nhanh được vì bị một số người chậm chân ngáng đường. Anna cố giữ bình tĩnh khi cô phải đi sau một ông già mù được một con chó dẫn đường. “Đừng sợ khói, Rosie”, ông già nói. Con chó ve vẩy đuôi.

Xuống, xuống, xuống, tốc độ là do người đi trước quyết định. Khi Anna xuống đến quán cà phê không người ở tầng thứ 39, dòng lính cứu hỏa đông nghịt được tiếp viện thêm những nhân viên của Cảnh vụ và các sỹ quan cảnh sát của Đơn vị Cứu trợ Khẩn cấp, những viên sỹ quan được yêu mến nhất ở New York vì họ chỉ xuất hiện để cứu người, không vé phạt, không bắt bớ. Anna cảm thấy như mình có lỗi. Trong khi cô tìm mọi cách để đi xuống cho nhanh thì lại có biết bao nhiêu người đang cố làm điều ngược lại.

Khi Anna xuống đến tầng thứ 24, một số người đi trước cô dừng bước để thở, một số khác thậm chí còn dừng lại để tán chuyện, trong khi một số khác nữa thì vẫn chưa chịu rời khỏi bàn làm việc vì không tin rằng chuyện xảy ra ở tầng thứ 94 lại có thể ảnh hưởng tới họ. Anna nhìn quanh, cố tìm kiếm một khuôn mặt quen thuộc, Tina, Rebecca, hoặc thậm chí là Barry, nhưng chẳng có ai, cô đang ở trong một miền đất lạ.

“Tôi đang rà soát tất cả các tầng”, cô trông thấy một viên sỹ quan đang nói trên bộ đàm. Anna nhìn theo viên sỹ quan trong khi anh ta đi kiểm tra từng phòng. Đó không phải là một chuyện có thể làm xong trong chốc lát, bởi vì mỗi một tầng rộng bằng cả một sân bóng đá.

Ở tầng thứ 21, một người vẫn ngồi lì ở bàn làm việc của mình; ông ta vừa thực hiện một vụ giao dịch tiền tệ trị giá một tỉ đôla và đang chờ câu trả lời xác nhận.

“Ra ngoài ngay”, viên sỹ quan quát lên, nhưng người đàn ông ăn mặc bảnh bao kia phớt lờ mệnh lệnh của anh ta và vẫn tiếp tục gõ lên bàn phím. “Tôi nói RA NGOÀI NGAY”, viên sỹ quan chỉ huy cứu hỏa lại quát lên, trong khi hai lính cứu hỏa dưới quyền của anh ta nhắc người đàn ông ra khỏi ghế và khiêng ông ta ra ngoài cầu thang. Nhà môi giới tiền tệ miễn cưỡng gia nhập vào dòng người.

Khi Anna xuống đến tầng thứ 20, cô gặp phải một vấn đề mới. Giờ đây cô phải lội qua những vũng nước và đi dưới những dòng nước đang đổ lên đầu mình từ những bình phun và những đường ống nước vỡ ở khắp các tầng. Cô thận trọng bước qua những tấm kính vỡ và những mẩu nhiên liệu đang cháy. Dòng người đi chậm lại. Cô cảm thấy mình giống như một cổ động viên bóng đá đang tìm cách len ra khỏi sân vận động đen đặc toàn người là người và chỉ có một cổng mở. Khi xuống đến gần tầng 10, tốc độ của cô tăng lên đáng kể. Tất cả những tầng bên dưới đều đã được sơ tán hết, và ngày càng có ít người cản đường cô.

Tại tầng 10, Anna nhìn vào một căn phòng không người qua chiếc cửa mở toang. Màn hình vi tính vẫn nhấp nháy, và những chiếc ghế như đang chờ chủ nhân quay trở lại từ phòng vệ sinh. Những ly cà phê và những lon Coke uống dở vẫn còn đó. Giấy vương vãi khắp nơi, nhưng một bức ảnh gia đình vẫn nằm nguyên chỗ. Một ai đó phía sau va vào cô, vì vậy cô lại vội đi tiếp.

Khi Anna xuống đến tầng 7, nước và những đồ vật nổi lềnh bềnh bao lấy cô. Khi cô đang thận trọng bước qua những mảnh vỡ đủ loại quanh mình thì nghe thấy một giọng nói cất lên từ một chiếc loa đầu đó bên dưới. Ban đầu cô không nghe rõ, nhưng rồi tiếng nói trên loa to dần, thúc giục cô tiến bước, “Tiến lên, không được nhìn lại phía sau, không được sử dụng điện thoại di động làm cản đường người khác”.

Thêm ba tầng nữa và Anna đã xuống đến đại sảnh. Cô lội bì bõm trong nước, và đi qua chỗ chiếc thang máy vừa đưa cô lên văn phòng của mình vài giờ trước đó. Nước ở đâu bỗng nhiên dội ào ào xuống đầu cô, nhưng dù sao thì cô cũng đã ướt như chuột lột từ đầu đến chân.

Những mệnh lệnh phát ra từ chiếc loa ngày càng rõ hơn và thúc ép hơn. “Tiến lên, ra khỏi tòa nhà ngay, càng nhanh càng tốt”. Không dễ như thế đâu, Anna muốn nói với họ như vậy. Khi ra đến chiếc cửa quay mà cô vừa đi qua ban sáng, cô thấy nó đã bị bẹp dúm. Chắc là nó đã bị những làn sóng lính cứu hỏa đập vỡ để lấy lối mang những dụng cụ của họ vào tòa nhà.

Anna cảm thấy mất phương hướng và không biết phải làm gì tiếp theo.

Cô có nên đứng đây chờ đồng nghiệp của mình không? Cô đứng gần như bất động, nhưng chỉ trong vài giây, trước khi cô nghe thấy một mệnh lệnh gấp gáp khác gần như đang chìa thẳng vào một mình cô.

“Đi tiếp đi, thưa quý bà, không được sử dụng điện thoại di động, đừng nhìn lại phía sau”.

“Nhưng đi đâu?” một ai đó la lên.

“Qua thang cuốn, xuống khu mua bán, và rời khỏi tòa nhà càng nhanh càng tốt”.

Anna hoà vào đoàn người mệt mỏi bước về phía cầu thang cuốn. Cô để mặc chiếc thang cuốn đưa mình xuống khu phòng chờ trước khi bước lên một chiếc thang cuốn khác để đi lên khu dạo chơi, nơi cô vẫn thường cùng Tina và Rebecca ăn trưa và nghe hoà nhạc ngoài trời. Không còn không khí trong lành nữa và tất nhiên là cũng chẳng có tiếng đàn violông, chỉ còn tiếng loa vang lên, “Đừng nhìn lại phía sau, đừng nhìn lại phía sau”. Anna phớt lờ mệnh lệnh ấy, và

chuyện đó chẳng những làm cô chậm bước lại mà còn khiến cô bị ngã. Đầu gối cô đập mạnh xuống nền nhà. Cô trông thấy một người, người đầu tiên, rồi một người nữa, chắc là những người bị kẹt lại trên những tầng từ thứ 90 trở lên, nhảy ra khỏi cửa sổ để chọn một cái chết tức thì thay vì phải chịu đau đớn trong biển lửa. “Đứng dậy đi, thưa bà và đi tiếp đi”.

Anna cố gương dậy và loạng choạng đi về phía trước, thỉnh thoảng cô nhận ra rằng những viên sỹ quan đang làm nhiệm vụ di tản đều cố tránh không nhìn vào mắt những người đang chạy ra khỏi tòa nhà và không chịu trả lời bất kỳ một câu hỏi cá nhân nào. Cô cho rằng họ phải làm thế vì không muốn làm chậm lại quá trình di tản và cản đường những người còn đang mắc kẹt trong tòa nhà.

Khi Anna đi qua cửa hàng sách Border, cô liếc nhìn vào cửa kính và trông thấy trên giá một cuốn sách đang bán rất chạy có tựa đề Valhalla Rising.

“Đi tiếp đi, thưa bà”, một giọng nói nhắc lại, lần này thậm chí còn to hơn. “Tới đâu”, cô hỏi một cách tuyệt vọng.

“Tới đâu cũng được, nhưng cứ đi đi”.

“Theo hướng nào?”

“Hướng nào cũng được, miễn là rời xa tòa nhà này càng nhanh càng tốt”. Anna nôn ra tất cả những gì còn sót lại trong dạ dày rồi lại tiếp tục cất bước.

Khi tới lối ra vào khu Plaza, cô đi qua những chiếc xe cứu hỏa và trông thấy rất nhiều những chiếc xe cứu thương đang chăm sóc những người bị thương và những người kiệt sức không còn nhắc nổi chân. Anna không muốn họ phải lãng phí thời gian vì mình. Khi ra tới đường, cô nhìn lên và trông thấy một biển chỉ dẫn có một mũi tên màu đen. Cô căng mắt nhìn và chỉ trông thấy dòng chữ “Tòa thị chính”. Anna bước nhanh. Cô bắt đầu chạy và chẳng mấy chốc đã vượt qua những người thoát ra khỏi tòa nhà trước cô vì họ làm việc ở những tầng dưới. Rồi cô nghe thấy một tiếng động lạ phía sau mình. Nó giống một tiếng sấm đang ngày càng to dần, từng giây một. Cô quay đầu lại nhìn, dù không muốn. Anna đứng như trời trồng. Trước mắt cô là tòa Tháp Nam đang đổ sụp xuống như nó chỉ là một mô hình được làm bằng tre. Chỉ trong vài giây, toàn bộ phần còn lại của tòa tháp đều vỡ tan và rơi xuống, bụi và những mảnh vỡ tung lên phủ kín cả khu vực, kèm theo đó là một núi lửa và khói dày đặc lơ lửng trên bầu trời một lúc, rồi bắt đầu luồn qua những con phố đông nghẹt người, nhấn chìm bất kỳ ai trên đường đi của nó. Anna chạy như chưa từng chạy bao giờ, nhưng cô biết chuyện đó chẳng có ích gì. Chỉ vài giây nữa, con mẫng xà màu xám kia sẽ đuổi kịp cô và bóp nghẹt cô bằng hơi thở chỉ toàn lửa và khói của nó. Anna tin chắc rằng mình sắp chết. Cô chỉ mong sao không phải chịu đựng sự tra tấn quá lâu.

Từ một căn phòng an toàn trên Phố Wall, Fenston nhìn chăm chăm vào tòa tháp đôi của Trung tâm Thương mại Thế giới.

Ông ta không dám tin vào mắt mình khi thấy chiếc máy bay thứ hai đâm thẳng vào Tháp Nam.

Trong khi phần lớn người dân New York đang nghĩ cách cứu giúp bạn bè, đồng nghiệp và người thân vượt qua bi kịch này, một số người khác nghĩ cách đưa nước Mỹ ra khỏi đau thương này, Fenston chỉ nghĩ đến một điều duy nhất.

Ông ta và Leapman tới Phố Wall để gặp một khách hàng chỉ vài giây trước khi chiếc máy bay thứ nhất lao vào Tháp Bắc. Fenston hủy cuộc hẹn, và suốt một tiếng đồng hồ sau đó, ông ta tìm

cách liên lạc bằng điện thoại công cộng với văn phòng của mình. Không có ai trả lời. Leapman cũng cố làm theo chủ mình bằng điện thoại di động.

Khi Fenston nghe thấy tiếng động thứ hai giống như một vụ phun trào núi lửa, ông ta quăng ống nghe và lao ra phía cửa sổ. Leapman cũng vội vã chạy theo. Cả hai cùng đứng yên lặng nhìn cảnh tòa Tháp Nam đang đổ xuống.

“Chẳng bao lâu nữa Tháp Bắc cũng sẽ đổ”, Fenston nói.

“Và Petrescu chắc sẽ không thể sống sót”, Leapman nói.

“Tôi không quan tâm tới đồ khỉ gió ấy”, Fenston nói. “Vấn đề là nếu Tháp Bắc đổ, tôi sẽ mất tiền, và lượng tiền đó chưa được bảo hiểm”.

Anna chạy hết tốc lực, và cô nhận thấy mọi thứ quanh mình đang trở nên tĩnh lặng hơn sau mỗi bước chạy của cô. Những tiếng la hét lắng dần, và cô biết mình phải tiếp tục chạy nữa. Đường như phía sau cô không còn ai, lần đầu tiên trong đời, cô mong có người vượt mình trên đường chạy, ai cũng được, để cô không phải cảm thấy mình là người duy nhất còn lại trên trái đất. Giờ thì cô hiểu được cảm giác của những người bị tuyết lở rượt đuổi với tốc độ gấp hàng chục lần tốc độ tối đa của con người. Cô cũng đang chạy trốn tuyết lở, một trận tuyết lở màu đen. Anna hít những hơi thở sâu trong khi bắt cơ thể mình phải đạt tới một tốc độ mà cô chưa từng biết đến. Cô kéo chiếc áo cánh bằng lụa màu trắng- giờ đã chuyển thành màu đen và ướt sũng- lên che miệng, chỉ một tích tắc trước khi cô bị con rồng màu đen bắt kịp.

Một dòng không khí cuồng nộ quật cô xuống đất và quăng cô về phía trước, nhưng cô cố đứng dậy và chạy tiếp. Chỉ được vài bước, cô cảm thấy nghẹt thở như sắp bị ngạt đi. Cô cố lao lên vài bước nữa, vài bước nữa, cho đến khi cô đập đầu vào một vật cứng. Anna đặt tay lên bề mặt một bức tường và bắt đầu dò dẫm tìm đường đi. Nhưng cô đang tránh xa hay đang xông vào giữa luồng khói? Tro và bụi xộc đầy vào miệng, mắt, tai, mũi cô và bám vào da cô. Cô có cảm giác như mình sắp bị thiêu sống. Cô nghĩ tới hình ảnh những người nhảy ra khỏi tòa nhà. Một cái chết như vậy nhẹ nhàng hơn rất nhiều so với việc bị khói và lửa tra tấn đến chết. Giờ thì cô đã hiểu cảm giác của họ, nhưng cô đâu có ở trên một tòa nhà cao tầng nào để có thể nhảy xuống. Cô chỉ còn có thể nghĩ đến một điều là bao lâu nữa mình sẽ chết ngạt. Cô bước lên một bước nữa, quỵ xuống và bắt đầu cầu nguyện.

Đức Chúa trời... Cô cảm thấy lòng nhẹ nhõm, và khi cô vừa chuẩn bị nhắm mắt để buông mình vào một giấc ngủ vĩnh hằng thì trông thấy ánh đèn pha của xe cảnh sát. *Người ở trên thiên đường...* Cô thu hết tàn lực đứng lên và loạng choạng bức về phía ánh đèn. *Tên Người là linh thiêng...* nhưng chiếc xe chạy nhanh quá, và không nhận thấy tiếng kêu cứu yếu ớt của cô. *Vương quốc của Người...* Anna lại ngã xuống và bị mép đường cửa rách đầu gối, *Người là đáng tối thượng,* nhưng cô chẳng cảm thấy gì. *Dưới trần thế, cũng như trên thiên đường.* Cô bám vào mép hè đường và không hiểu bằng cách nào đó, cô tiến lên được một vài in-sơ nữa. Cô vừa sắp tắc thở thì cảm thấy mình chạm vào một cái gì đó âm ẩm. Còn sống không? “Cứu”, cô kêu lên một cách yếu ớt và hoàn toàn không hy vọng nhận được câu trả lời.

“Đưa tay cho tôi”, câu trả lời đến ngay lập tức. Cánh tay của anh ta rất rắn chắc. “Cố đứng lên nào!”

Với sự giúp đỡ của anh ta, bằng một phép màu nào đó, Anna đã đứng dậy được. “Cô có trông thấy ánh đèn ở đằng kia không?” giọng nói hỏi cô, nhưng cô thậm chí chẳng trông thấy anh ta đang chỉ tay về hướng nào. Anna xoay một vòng, và nhìn chằm chằm vào không gian tối đen đang bao phủ quanh mình. Bỗng cô hét lên một tiếng kêu vui sướng khi cô nhìn thấy một tia nắng đang xuyên qua màn khói dày đặc. Cô nắm chặt tay người lạ và cả hai cùng nhích dần về phía luồng sáng mỗi lúc một lớn dần, cho đến khi cô bước ra khỏi địa ngục và trở về với New York.

Anna quay sang nhìn người vừa cứu cô. Một hình người phủ đầy tro bụi. Nếu không có chiếc mũ và phù hiệu, cô sẽ không thể nhận ra đó là một viên cảnh sát. Anh ta mỉm cười và đôi hàm răng trắng bóng của anh ta hiện ra trên khuôn mặt đen như bồ hóng. “Cứ nhắm hướng ánh sáng mà đi”, anh ta nói, và biến vào màn khói đen kịt trước khi cô kịp nói lời cảm ơn. Amen.

Fenston chỉ dùng tìm cách liên lạc với văn phòng của mình khi tòa Tháp Bắc đổ sụp xuống trước mắt ông ta. Ông ta để ống nghe xuống rồi chạy dọc theo hành lang để tìm Leapman. Gã đang ngoặc ngoạc dòng chữ “ĐÃ BÁN” lên cánh cửa một văn phòng không có người.

“Ngày mai sẽ có mười nghìn người tới thuê chỗ này”, gã nói. “ít nhất thì chúng ta cũng đã giải quyết được một chuyện”.

“Ông có thể thay thế một văn phòng, nhưng thứ ông không thể thay thế là tiền của tôi”, Fenston nói một cách bức bối. Ông ta dừng lại. “Và nếu tôi không sờ được vào bức Van Gogh.”

Leapman nhìn đồng hồ. “Chắc đã bay qua được một nửa Đại Tây Dương”.

“Hy vọng là thế, bởi vì bây giờ thậm chí chúng ta chẳng còn tài liệu nào để chứng minh bức tranh đó thuộc về mình”, Fenston vừa nói vừa nhìn ra ngoài cửa sổ. Ông ta nhìn chăm chăm vào đám mây xám xịt đang lơ lửng trên khu vực nơi trước đó tòa Tháp đôi vẫn vươn lên kiêu hãnh.

Anna nhập vào một nhóm người tả tơi khi họ thoát ra khỏi bóng tối. Mọi người quanh cô trông đều rã rời như thể họ vừa kết thúc một cuộc chạy maratông, nhưng vẫn chưa đến đích. Thoát ra khỏi bóng đen kinh hoàng đó, Anna nhận thấy mình không dám nhìn thẳng vào ông mặt trời; thậm chí việc mở mí mắt ra cũng đã là một khó khăn đối với cô. Đi tiếp, đi tiếp, cô loạng choạng, từng ly một, từng bước một và sau mỗi bước lại gặp người ho ra bụi và tro. Cô tự hỏi không hiểu còn bao nhiêu thứ chất lỏng đen đặc ấy đọng lại trong người cô. Đi tiếp được vài bước nữa, cô khụy gối xuống, rồi tiếp tục ho và khạc nhổ. Khi ngẩng nhìn lên, cô thấy một đám người đang nhìn mình một cách kinh ngạc, như thể cô vừa hạ cánh xuống từ một hành tinh khác.

“Chị đã có mặt ở một trong hai tòa tháp đó à?” một người hỏi cô. Anna không còn sức để trả lời, và cô quyết định tránh xa những cặp mắt tò mò ấy càng nhanh càng tốt. Đi được vài bước nữa, Anna đụng phải một du khách Nhật Bản đang cúi khom người để chụp ảnh cô. Cô bức mình xua tay. Ông ta lại cúi thấp mình hơn nữa và xin lỗi.

Khi tới ngã tư tiếp theo, cô ngã ngồi xuống bên vỉa hè và nhìn lên biển chỉ đường-cô đang ở giao lộ giữa phố Franklin và phố Nhà thờ. “Mình chỉ còn cách nhà Tina vài khu nhà nữa” là ý nghĩ đầu tiên của cô. Nhưng Tina vẫn còn ở đâu đó sau cô, làm sao cô ấy có thể sống sót? Không một tín hiệu cảnh báo, một chiếc xe buýt đỗ lại ngay sát bên cô. Cho dù trên xe đã chật cứng người, giống như những toa xe điện ở San Francisco vào giờ cao điểm, mọi người vẫn cố mở một đường cho cô lên. Chiếc xe buýt dừng lại ở mọi góc phố, để đón một số người lên và thả một số người khác xuống, và không có ai hỏi thu tiền. Dường như mọi người dân New York đang đoàn kết lại để vượt qua thảm kịch này.

“Chúa ơi”, Anna thì thầm khi ngồi trên xe buýt, hai tay ôm lấy mặt. Lần đầu tiên cô nghĩ tới những người lính cứu hỏa đi ngược chiều với mình nơi cầu thang bộ, tới Tina và Rebecca, những người chắc có lẽ là đã thiệt mạng. Một thảm kịch không chỉ còn là một bản tin khi một nạn nhân của nó là người mà ta quen biết.

Khi chiếc xe buýt dừng lại tại một ngôi làng gần công viên Quảng trường Washington, Anna gần như ngã ra khỏi xe. Cô loạng choạng đi lên vỉa hè, ho ra những cục bụi đen kịt. Cô đã cố nhịn để không ho trên xe buýt. Một người phụ nữ cúi xuống và đưa cho cô một chai nước. Anna súc miệng và nhổ ra một bãi nước đen nhờ. Cô tiếp tục súc miệng hết chai nước mà không dám uống lấy một giọt. Người phụ nữ chỉ về phía một khách sạn nơi những người thoát nạn đang vào ra từng đoàn. Chị ta nắm lấy tay Anna, rồi đưa cô tới khách sạn đó và dẫn cô tới tận toa lét dành cho nữ giới ở tầng trệt. Trong toa lét đầy người, cả nam lẫn nữ. Anna nhìn mình trong

gương và hiểu tại sao những người đi đường lại nhìn cô một cách tò mò như vậy. Trông cô như thể vừa bị ai đó dội mấy thùng nước tro lên đầu. Cô rửa tay dưới vòi nước cho đến khi chỉ còn những vết đen bám ở móng tay. Rồi cô bắt đầu tìm cách gột rửa lớp bụi bám trên mặt-một công việc đầy khó khăn. Cô quay lại để cảm ơn người phụ nữ lạ, nhưng chị ta, cũng giống như viên cảnh sát kia, đã biến mất.

Anna khập khiễng đi ra đường, cổ họng khô rất, đầu gối rớm máu, chân phồng rộp và đau nhức. Vừa loạng choạng đi dọc khu Waverly Place, cô vừa cố nhớ số nhà của Tina. Cô đi qua nhà hàng Waverley Diner không một bóng người, rồi dừng lại trước số nhà 273.

Anna nắm lấy thanh thép quen thuộc ở bao lơn như nắm một sợi dây cứu mệnh và khập khiễng đi lên những bậc thềm tới cánh cửa trước. Cô lấy tay lần theo những cái tên gắn trên một tấm bảng cạnh cửa: Amato, Kravits, Gambino, O'Rourke, Forster... Forster, Forster, cô lặp lại cái tên một cách sung sướng, trước khi ấn cái chuông nhỏ. Nhưng làm sao Tina có thể trả lời tiếng gọi chuông của cô, khi mà chắc chắn là cô ta đã chết, là ý nghĩ duy nhất của Anna lúc đó. Cô bỏ tay ra khỏi bảng tên như thể điều đó có thể làm cho Tina sống lại. Cuối cùng cô quay mình bước đi, nước mắt chảy dàn dụa trên khuôn mặt bám đầy tro bụi, rồi thành linh một giọng nói bực bội lên tiếng hỏi, "Ai đấy?"

Anna khuyu xuống bậc thềm.

"Ôi, Chúa ơi", cô kêu lên, "cậu vẫn còn sống, vẫn còn sống".

"Nhưng cậu không thể", một giọng nói đầy ngờ vực cất lên.

"Mở cửa ra", Anna nói, "và cậu sẽ thấy mình vẫn còn đây".

Tiếng chốt cửa được rút ra là âm thanh tuyệt vời nhất mà Anna được nghe ngày hôm ấy.

“Câu vẫn còn sống ư?” Tina vừa nói vừa mở toang cánh cửa và ôm chầm lấy bạn. Anna trông giống một người vừa chui ra từ ống khói, nhưng điều đó không ngăn cản Tina ôm chặt lấy cô.

“Mình đang nghĩ lại chuyện cậu lúc nào cũng làm mình bật cười và đang tự hỏi không hiểu từ giờ trở đi mình có còn được cười nữa hay không, vừa lúc ấy thì có tiếng chuông”.

“Còn mình thì nghĩ rằng dù cậu có tìm cách thoát được ra khỏi tòa nhà, cậu cũng khó mà sống sót khi tòa tháp đổ xuống”.

“Nếu có một chai sâm banh, tớ sẽ mở để chúng ta ăn mừng”, Tina nói và buông bạn ra.

“Mình chỉ cần một cốc cà phê, và thêm một cốc nữa, rồi mình sẽ đi tắm”.

“May quá, mình có cà phê”, Tina nói rồi nắm lấy tay bạn mình và dẫn Anna tới căn bếp nhỏ ở cuối hành lang. Anna để lại phía sau cô những dấu chân xám xịt trên thảm.

Anna ngồi xuống chiếc bàn tròn nhỏ bằng gỗ và để tay vào lòng trong khi chiếc tivi không tiếng đang chiếu những hình ảnh liên quan tới câu chuyện. Cô cố ngồi yên vì biết rằng bất kỳ thứ gì bị cô chạm vào đều vấy bẩn. Tina dường như không để ý đến chuyện đó.

“Mình biết chuyện này nghe có vẻ kỳ cục”, Anna nói, “nhưng mình thực sự không biết chuyện gì đang xảy ra”. Tina vặn to chiếc tivi.

“Chỉ 15 phút”, Tina vừa nói vừa rót cà phê, “và cậu sẽ biết hết mọi chuyện”.

Anna nhìn hình ảnh quay đi quay lại cảnh một chiếc máy bay đang đâm vào Tháp Nam, những người nhảy ra khỏi cửa sổ từ các tầng trên cao để chọn một cái chết ít đau đớn, và sự sụp đổ của Tháp Nam rồi đến Tháp Bắc.

“Và một chiếc máy bay nữa đâm vào Lầu Năm góc à?” cô hỏi. “Vậy có tất cả bao nhiêu chiếc?”

“Còn một chiếc thứ tư nữa”, Tina vừa nói vừa đặt hai cốc cà phê lên bàn, “nhưng không ai biết chắc nó đang hướng tới đâu”.

“Nhà Trắng, chắc là thế”, Anna nói, vừa lúc cô trông thấy Tổng thống Bush trên màn hình. Ông ta đang nói từ căn cứ không quân Barksdale ở Louisiana: “Hoa Kỳ sẽ truy tìm và tiêu diệt những kẻ đã thực hiện những hành động hèn nhát này”.

Tivi lại chuyển sang những hình ảnh về chiếc máy bay thứ hai đang lao vào Tháp Nam.

“Ôi, Chúa ơi”, Anna thốt lên. “Mình thậm chí còn chưa nghĩ tới những hành khách vô tội trên những chiếc máy bay đó. Kẻ nào đã gây nên tất cả những chuyện này?” cô hỏi, trong khi Tina rót thêm cà phê cho cô.

“Bộ Ngoại giao khá thận trọng”, Tina nói. “Và tất cả những đối tượng khả nghi nhất-Nga, Triều Tiên, Iran, Iraq- đều vội lên tiếng, “Không phải tôi”, và thề rằng họ sẽ làm tất cả để giúp truy tìm những kẻ phải chịu trách nhiệm”.

“Nhưng các cơ quan truyền thông nói gì, bởi vì họ chẳng có lý do gì để phải giữ mồm giữ miệng”.

“CNN thì nói thẳng thủ phạm là nhóm khủng bố Al-Qaeda ở Afghanistan - mình nghĩ mình đã đánh vần chính xác cái tên đó, nhưng cũng không dám chắc vì chưa bao giờ chúng ta nghe nói đến tổ chức này”, Tina vừa nói vừa ngồi xuống chiếc ghế đối diện với Anna.

“Mình nghĩ bọn chúng là một lũ cuồng tín tôn giáo, nhưng kẻ mà theo mình chỉ muốn nuốt chửng Ả-rập Xêút để chiếm đoạt nguồn dầu lửa ở đó”. Anna nhìn lên màn hình tivi và lắng nghe bình luận viên đang nói về cảm giác của những người trong Tháp Bắc khi chiếc máy bay đầu tiên đâm vào đó. Làm sao ông biết được cảm giác ấy, Anna muốn hỏi ông ta. Một trăm phút thu lại thành vài giây, rồi quay đi quay lại giống như một mẫu quảng cáo quen thuộc. Khi trên tivi hiện ra hình ảnh Tháp Nam đang đổ sụp xuống và khói bụi bốc lên cuồn cuộn, Anna ho rũ rượi và làm tro bụi bay khắp xung quanh.

“Cậu không sao chứ”, Tina vừa hỏi vừa đứng bật dậy và nhoài người về phía bạn.

“Không sao đâu”, Anna nói rồi uống một ngụm cà phê. “Mình tắt tivi được không, mình không thể chịu được cảnh ấy thêm nữa”.

“Tất nhiên là được”, Tina vừa nói vừa đưa tay với chiếc điều khiển từ xa. Những hình ảnh trên màn hình liền tan biến.

“Mình không thể không nghĩ đến những người bạn của chúng ta trong tòa tháp”, Anna nói, trong khi Tina rót thêm cà phê vào cốc của cô. “Mình băn khoăn không biết liệu Rebecca...”

“Không thấy tin tức gì từ cô ấy”, Tina nói. “Barry là người duy nhất đã lên tiếng cho đến giờ phút này”.

“Ừ, mình cũng tin rằng Barry là người đầu tiên thoát ra khỏi tòa tháp. Anh ta sẽ xô ngã tất cả những ai cản đường. Nhưng anh ta đã gọi cho ai?” Anna hỏi.

“Fenston, bằng điện thoại di động”.

“Fenston?” Anna hỏi. “Làm sao ông ta có thể thoát ra khi mà mình vừa rời văn phòng của ông ta được vài phút thì máy bay đâm vào tòa tháp?”

“Lúc đó ông ta đã tới Phố Wall rồi - ông ta có hẹn với một khách hàng tiềm năng. Tài sản duy nhất của khách hàng đó là một bức tranh của Gauguin. Đờn nào ông ta chậm trễ trong những chuyện như vậy”.

“Thế còn Leapman?” Anna nhấp một ngụm cà phê rồi hỏi.

“Sau ông ta một bước, như mọi khi”, Tina nói.

“Và đó là lý do tại sao cửa thang máy lại mở sẵn”.

“Cửa thang máy à?” Tina hỏi lại. “Chuyện đó không quan trọng”, Anna nói. “Nhưng tại sao sáng nay cậu lại không đi làm?”

“Mình có hẹn với nha sỹ”, Tina nói. “Cuộc hẹn ấy đã được mình ghi vào nhật ký từ mấy tuần nay rồi”. Tina dừng lại, nhìn qua bàn rồi nói tiếp, “Từ khi nghe tin, mình liên tục gọi điện cho cậu, nhưng chỉ nghe thấy tiếng chuông. Vậy cậu đã ở đâu?”

“Bị tống ra khỏi phòng”, Anna nói.

“Lính cứu hỏa lôi đi à?” Tina hỏi.

“Không”, Anna đáp, “con vợ n Barry ấy hộ tống mình”.

“Nhưng tại sao?” Tina ngạc nhiên hỏi tiếp.

“Bởi vì Fenston vừa đuổi việc mình”, Anna nói.

“Đuổi việc cậu?” Tina hỏi lại một cách ngờ vực. “Tại sao ông ta lại đuổi cậu, vô lý thế?”

“Vì trong bản báo cáo mà mình gửi lên ban giám đốc, mình có kiến nghị rằng Victoria Wentworth nên bán bức Van Gogh, vì điều đó sẽ cho phép bà ấy không những thanh toán được nợ mà còn giữ lại được toàn bộ những tài sản khác”.

“Nhưng bức Van Gogh ấy là lý do duy nhất khiến Fenston đồng ý cho Victoria vay tiền”, Tina nói. “Mình nghĩ là cậu biết rõ điều đó. Ông ta đã săn tìm một bức như vậy trong nhiều năm trời. Chẳng đời nào ông ta chịu bán nó đi và giải thoát cho Victoria. Nhưng không thể vì chuyện đó mà ông ta sa thải cậu. Cái có mà-”

“Mình cũng gửi một bản sao báo cáo đó cho khách hàng, mà mình nghĩ đó chỉ là chuyện đạo đức nghề nghiệp”.

“Fenston thì có bao giờ nghĩ đến đạo đức nghề nghiệp. Nhưng đó cũng không phải lý do khiến ông ta phải đuổi việc cậu ngay lập tức như thế”.

“Bởi vì mình sắp bay đi Anh quốc để báo cho Victoria Wentworth biết là mình thậm chí đã tìm được một khách hàng tiềm năng cho bà ấy. Một nhà sưu tầm nổi tiếng người Nhật Bản tên là Takashi Nakamura, một người mà mình nghĩ sẽ rất vui sướng nếu vụ mua bán diễn ra nhanh gọn, nếu chúng ta biết cách ra giá”.

“Cậu thật sai lầm khi đề cập đến cái tên Nakamura”, Tina nói. “Dù là giá cao đến mấy, Fenston cũng không bao giờ chịu bán cho Nakamura, bởi vì cả hai người bọn họ đều đã cố tìm cho bằng được một bức tranh của Van Gogh trong nhiều năm trời, và cũng là hai người luôn theo đến cùng trong mọi cuộc bán đấu giá tranh của các họa sỹ Ấn tượng”.

“Tại sao ông ta không nói với mình điều đó?” Anna nói.

“Bởi vì Fenston không mấy khi muốn cho ai biết mình đang theo đuổi cái gì”, Tina nói.

“Nhưng chúng ta cùng một đội mà”.

“Cậu ngây thơ quá, Anna ạ. Cậu không biết là trong đội của Fenston chỉ có một người duy nhất thôi sao?”

“Nhưng ông ta không thể bắt Victoria giao bức tranh trừ phi-”

“Mình không dám chắc về điều đó”, Tina nói.

“Tại sao?”

“Hôm qua Fenston đã gọi cho Ruth Parish và lệnh cho bà ta chuyển bức tranh tới New York ngay lập tức. Mình nghe rõ ông ta lặp lại cụm từ “ngay lập tức””.

“Trước khi Victoria có cơ hội được làm theo lời khuyên của mình”.

“Đó cũng là lý do tại sao ông ta sa thải cậu trước khi cậu kịp lên máy bay và làm vỡ kế hoạch của ông ta. Cậu phải nhớ là”, Tina nói thêm, “cậu không phải là người đầu tiên phải chịu cảnh này”.

“Cậu muốn nói gì?” Anna hỏi.

“Nếu có ai đó biết được việc làm của Fenston, người đó sẽ ngay lập tức bị đuổi ra khỏi cửa”.

“Thế tại sao ông ta chưa sa thải cậu?”

“Bởi vì mình chưa bao giờ đưa ra một kiến nghị mà ông ta không muốn nghe theo”, Tina nói. “Mình nghĩ mình vẫn an toàn nếu cứ làm theo nguyên tắc ấy, ít nhất là trong lúc này”.

Anna đập tay xuống bàn vì giận dữ, làm một đám mây bụi nhỏ bay lên.

“Mình ngốc quá”, cô nói. “Nhẽ ra mình đã phải hiểu ra chuyện đó, bây giờ thì mình chẳng thể làm gì nổi”.

“Mình không chắc là như thế”, Tina nói. “Chúng ta còn chưa biết liệu Ruth đã tới Lâu đài Wentworth lấy bức tranh ấy và gửi đi hay chưa. Nếu chưa, cậu vẫn còn đủ thời gian để gọi cho Victoria và khuyên bà ấy giữ lại bức tranh cho đến khi cậu thoả thuận xong với Nakamura-cách đó có thể giúp bà ấy trả hết nợ cho Fenston và ông ta chẳng thể làm gì được”, Tina nói thêm, vừa lúc chuông điện thoại cầm tay của chị vang lên. Chị kiểm tra mã số người gọi: Sếp. Chị đặt tay lên môi. “Fenston đấy”, chị cảnh báo. “Có lẽ ông ta muốn kiểm tra xem cậu đã liên lạc với mình chưa”, chị vừa nói vừa bấm nút nghe.

“Cô có biết là ai đang còn nằm trong đồng đồ nát không?” Fenston hỏi trước khi Tina kịp lên tiếng.

“Anna à?”

“Không”, Fenston nói. “Petrescu đã chết rồi”.

“Chết rồi ư?” Tina vừa nhắc lại vừa nhìn bạn mình qua bàn. “Nhưng-”

“Đúng thế đấy. Khi Barry báo cáo, anh ta khẳng định đã trông thấy cô ta nằm trên sàn, vì vậy cô ta không thể sống sót được”.

“Tôi nghĩ ông sẽ thấy-”

“Đừng lo gì về Petrescu nữa”, Fenston nói. “Tôi đã có kế hoạch thay thế cô ta, nhưng thứ mà tôi không thể thay thế là tiền của tôi”.

Tina cảm thấy bị sốc đến mức gần như không thể lên tiếng, và chị vừa định nói cho Fenston biết ông ta đã nhầm thì chợt nghĩ rằng chị có thể biến sự nhầm lẫn của Fenston thành lợi thế của Petrescu.

“Như thế cũng có nghĩa là chúng ta đã mất bức tranh Van Gogh à?”

“Không”, Fenston nói. “Ruth Parish đã báo lại rằng bức tranh đang trên đường từ London tới đây. Tối nay sẽ tới sân bay JFK, và Leapman sẽ đi nhận về”.

Tina ngồi bịch xuống ghế với một cảm giác thất vọng.

“Nhớ là 6 giờ sáng mai cô phải có mặt”.

“Sáu giờ?”

“Đúng vậy”, Fenston nói. “Và đừng có phàn nàn. Hôm nay cô đã được nghỉ cả ngày rồi còn gì”.

“Thế tôi phải báo cáo ở đâu?” Tina hỏi, chẳng buồn tranh luận với ông ta.

“Tôi đã thuê văn phòng mới trên tầng 32 của tòa nhà Trump Building ở số 40 Phố Wall, vì vậy chúng ta vẫn có thể hoạt động bình thường”, ông ta đập điện thoại.

“Ông ta nghĩ rằng cậu đã chết”, Tina nói, “và ông đang cuống lên vì bị mất tiền”, chị nói thêm và đập nắp điện thoại lại.

“Ông ta sẽ nhanh chóng phát hiện ra là mình đã nhầm”, Anna nói.

“Chỉ khi cậu muốn cho ông ta biết”, Tina nói. “Có ai nhận ra cậu khi cậu thoát ra khỏi tòa nhà ấy không?”

“Cứ nhìn mình đây thì biết”, Anna nói.

“Thế thì cứ im tiếng đã, trong khi đó bọn mình sẽ nghĩ cách xem cần phải làm gì. Fenston nói bức Van Gogh đang trên đường tới đây và Leapman sẽ tới sân bay JFK để nhận ngay khi máy bay hạ cánh”.

“Thế thì chúng ta có thể làm gì?”

“Mình sẽ tìm cách làm cho ông ta bị chậm giờ, trong khi đó cậu đi lấy bức tranh”.

“Nhưng mình biết làm gì với nó”, Anna hỏi, “trong khi chắc chắn Fenston sẽ cho người đi tìm mình”.

“Cậu có thể lên chuyến bay đầu tiên tới London, và gửi trả lại bức tranh cho Victoria”.

“Mình không thể làm thế nếu không được sự cho phép của Victoria”, Anna nói.

“Lạy Chúa, Anna, cậu lớn lên ở đâu vậy? Cậu phải thôi cái kiểu suy nghĩ của một bà hiệu trưởng ấy đi và bắt đầu nghĩ xem Fenston sẽ làm gì nếu ông ta ở vào địa vị của cậu”.

“Ông ta đã biết mấy giờ máy bay sẽ hạ cánh”, Anna nói. “Vì vậy việc đầu tiên mình phải làm là-”

“Việc đầu tiên cậu phải làm là đi tắm, trong khi mình kiểm tra giờ hạ cánh của máy bay và đồng thời kiểm tra lịch trình của Leapman”, Tina vừa nói vừa đứng dậy. “Bởi vì có một điều chắc chắn là trong bộ dạng như thế này, họ sẽ chẳng cho cậu nhận bất cứ thứ gì ở sân bay”.

Anna uống hết cốc cà phê rồi theo bạn bước ra hành lang. Tina mở cửa phòng tắm và nhìn bạn mình thật kỹ. “Gặp lại cậu sau-” chị ngập ngừng – “một tiếng nữa”.

Lần đầu tiên trong ngày, Anna cười phá lên.

Anna chậm chậm cởi hết quần áo ra rồi vứt thành một đống trên nền nhà tắm. Cô liếc nhìn vào gương, và thấy trong đó một người hoàn toàn xa lạ. Cô cởi chiếc dây chuyền bằng bạc quanh cổ ra và đặt nó lên thành bồn tắm, gần một chiếc du thuyền mô hình. Cuối cùng cô cởi đồng hồ ra. Chiếc đồng hồ đã dừng chạy lúc 8 giờ 46 phút. Chỉ chậm vài giây nữa là cô đã bước vào thang máy.

Đứng dưới vòi nước hoa sen, cô bắt đầu nghĩ đến kế hoạch táo bạo của Tina. Cô vặn to cả hai vòi và để cho nước xối lên người một lúc trước khi bắt đầu kỳ cọ. Cô nhìn dòng nước chuyển dần từ màu đen sang màu xám, nhưng dù có kỳ mạnh đến đâu, dòng nước chảy từ người cô xuống vẫn có màu xám. Anna kỳ mãi cho đến khi da cô đỏ ửng lên và đau rất, trước khi cô chú ý đến lọ dầu gội đầu. Anna gội đầu ba lần trước khi bước ra khỏi vòi nước, nhưng chắc phải còn lâu mọi người mới nhận ra rằng mái tóc cô vốn có màu vàng tự nhiên. Anna chẳng buồn lau khô người; cô cúi xuống, cảm phích bồn tắm và vặn vòi nước. Nằm trong bồn tắm đầy bọt xà phòng, cô nhớ lại tất cả những gì vừa diễn ra trong ngày hôm đó.

Cô nghĩ đến những người bạn và những đồng nghiệp chắc còn bị mắc kẹt trong đồng đồ nát, và thấy mình thật may mắn. Nhưng bây giờ chưa phải là lúc để than khóc. Cô còn phải cứu Victoria thoát khỏi một cái chết từ từ.

Những suy nghĩ của Anna bị gián đoạn vì tiếng gõ cửa của Tina. Chị bước vào và ngồi lên thành bồn. “Trông khá lên nhiều rồi”, chị vừa nói vừa mỉm cười sau khi ngắm nhìn thân thể vừa được kỳ cọ kỹ của Anna.

“Mình đã nghĩ về ý kiến của cậu”, Anna nói, “và giá mình có thể-”

“Thay đổi kế hoạch”, Tina nói. “FAA vừa thông báo rằng mọi chuyến bay trên bầu trời nước Mỹ đều phải hạ cánh ngay và không một chiếc máy bay nào được bay vào nước Mỹ trước khi có thông báo mới, vì vậy vào lúc này bức Van Gogh đang trên đường quay trở lại sân bay Heathrow”.

“Vậy thì mình phải gọi điện cho Phu nhân Victoria ngay”, Anna nói, “và nói với bà ấy yêu cầu Ruth Parish đưa bức tranh trở lại Lâu đài Wentworth”.

“Đồng ý”, Tina nói. “nhưng mình vừa phát hiện ra rằng Fenston còn mất một thứ quan trọng hơn cả tiền bạc”.

“Đối với ông ta thì cái gì là quan trọng hơn tiền?” Anna hỏi.

“Hợp đồng với Victoria, và tất cả các tài liệu chứng minh rằng bức Van Gogh là của ông ta, cùng với toàn bộ tài sản của Lâu đài Wentworth trong trường hợp Phu nhân Wentworth không trả được nợ”.

“Nhưng ông ta không giữ các tài liệu sao lưu à?”

Tina ngập ngừng. “Có”, chị nói, “trong một chiếc két ở văn phòng của ông ta”.

“Nhưng đừng có quên là Victoria cũng có những tài liệu đó”.

Tina lại ngập ngừng. “Không, nếu bà ấy chấp nhận hủy bỏ chúng”.

“Victoria sẽ không bao giờ làm chuyện đó”, Anna nói.

“Sao cậu không gọi điện cho bà ấy thử xem? Nếu bà ấy chấp nhận, cậu sẽ có thêm thời gian để

thu xếp bán bức tranh giúp bà ấy thanh toán nợ cho Fenston Finance, trước khi ông ta kịp giờ trở”.

“Chỉ còn một vấn đề”.

“Gì vậy?” Tina hỏi.

“Mình không có số điện thoại của bà ấy. Tài liệu về bà ấy nằm trong văn phòng của mình và mình đã mất mọi thứ, kể cả điện thoại di động và ví”.

“Mình tin chắc tổng đài quốc tế có thể giúp giải quyết chuyện này”, Anna nói. “Tại sao cậu không lau khô người đi và mặc một chiếc áo ngủ của tớ vào. Sau đó chúng ta sẽ tìm xem có bộ nào hợp với cậu không”.

“Cảm ơn cậu”, Anna vừa nói vừa nắm lấy tay bạn.

“Cậu sẽ không cảm ơn mình nếu cậu biết mình cho cậu ăn trưa bằng món gì. Mình đâu có nghĩ là sẽ được đón tiếp cậu, và vậy cậu sẽ phải ăn món mỳ thừa của Trung Quốc”.

“Nghe có vẻ tuyệt đấy”, Anna nói và đứng dậy bước ra khỏi bồn tắm rồi với một chiếc khăn quấn quanh mình.

“Gặp cậu sau vài phút nhé”, Tina nói, “lúc đó lò vi sóng đã hoàn thiện món sủi trường của mình”. Chị quay mình bước ra khỏi phòng tắm.

“Tina, mình hỏi cậu một chuyện được không?”

“Bất cứ chuyện gì”.

“Tại sao cậu vẫn tiếp tục làm việc cho Fenston, trong khi rõ ràng là cậu ghét cay ghét đắng ông ta, chẳng khác gì mình?”

Tina lưỡng lự. “Chuyện gì cũng được, trừ chuyện đó”, cuối cùng đáp và nhẹ nhàng khép cánh cửa phòng tắm lại sau lưng mình.

Ruth Parish cầm ống nghe lên.

“Chào Ruth”, một giọng nói quen thuộc vang lên. “Ken Lane ở hãng hàng không United đây, báo cho bà biết là chuyến bay 107 của chúng tôi tới New York đã được lệnh quay trở lại, và chúng tôi tính rằng máy bay sẽ hạ cánh xuống sân bay Heathrow sau một giờ nữa”.

“Nhưng tại sao?” Ruth hỏi.

“Mọi chi tiết lúc này đều chưa rõ”, Ken thừa nhận, “chỉ biết là các thông báo phát đi từ sân bay JFK cho thấy dường như tòa tháp đôi ở New York đã bị khủng bố tấn công. Tất cả các sân bay của Mỹ đều cấm máy bay lên xuống, và không một máy bay nào được bay vào Mỹ cho đến khi có thông báo mới”.

“Chuyện đó xảy ra khi nào?”

“Vào lúc khoảng 1:30 theo giờ London, lúc ấy chắc bà đang ăn trưa. Bà có thể biết thêm chi tiết về vụ này trên tất cả các kênh”.

Ruth cầm lấy chiếc điều khiển từ xa rồi chĩa vào màn hình tivi.

“Bà có muốn đưa bức tranh vào nhà kho không?” Ken hỏi, “hay bà muốn chúng tôi trả nó về Lâu đài Wentworth?”

“Tất nhiên là bức tranh ấy sẽ không trở lại Wentworth”, Ruth nói. “Tôi sẽ để bức tranh ấy lại qua đêm tại một trong những nhà kho phi hải quan, và sẽ đưa nó lên chuyến bay đầu tiên tới New York sau khi JFK dỡ bỏ lệnh cấm”. Ruth dừng lại. “Ông có thể báo cho tôi 30 phút trước khi máy bay hạ cánh để tôi thu xếp xe tải của tôi tới chờ ở sân bay không?”

“Tôi sẽ gọi”, Ken nói.

Ruth gác ống nghe rồi nhìn lên màn hình tivi. Bà bấm số 501 trên chiếc điều khiển từ xa. Hình ảnh đầu tiên mà bà trông thấy là một chiếc máy bay đang lao vào Tháp Nam.

Giờ thì bà hiểu tại sao Anna lại chưa gọi cho bà.

Trong khi lau khô người, Anna bắt đầu suy đoán lý do tại sao Tina vẫn tiếp tục làm việc cho Fenston. Cô lắc đầu. Suy cho cùng, Tina hoàn toàn có thể kiếm được một công việc khá hơn.

Cô khoác chiếc áo lên người và xỏ chân vào đôi dép lê, rồi đeo chiếc dây chuyền lên cổ và đeo chiếc đồng hồ vào tay. Cô ngắm nhìn mình trong gương; vẻ ngoài đúng là đã khá hơn nhiều, nhưng Anna vẫn còn cảm thấy choáng váng khi nghĩ lại những gì mà cô vừa trải qua vài giờ trước. Cô băn khoăn không hiểu cơn ác mộng này sau bao nhiêu năm tháng mới thôi ám ảnh cô.

Cô mở cửa phòng tắm và đi dọc theo hành lang, tránh những dấu chân đầy tro mà cô đã để lại trên thảm trước đó. Khi cô bước vào trong bếp, Tina dừng bày biện bàn ăn và đưa cho cô chiếc

điện thoại di động của mình.

“Đã đến lúc gọi cho Victoria và nói với bà ấy về việc cậu sắp làm”.

“Mình sắp làm gì?” Anna hỏi.

“Đầu tiên là hỏi xem bà ấy có biết hiện giờ bức Van Gogh đang ở đâu không”.

“Được khoá kín ở một phòng phi hải quan tại sân bay Heathrow, mình cá là như thế, nhưng chỉ có một cách để biết chính xác”. Anna quay số 00. “Tổng đài quốc tế xin nghe”.

“Tôi cần một số điện thoại ở Anh quốc”.

“Văn phòng hay nhà ở?”

“Nhà ở”.

“Tên?”

“Wentworth, Victoria”.

“Địa chỉ?”

“Lâu đài Wentworth, Surrey”.

Một hồi yên lặng kéo dài trước khi Anna nhận được câu trả lời, “Xin lỗi bà, số máy nằm ngoài danh bạ”.

“Thế có nghĩa là gì?”

“Có nghĩa là tôi không thể cho bà biết số máy này”.

“Nhưng đây là trường hợp khẩn cấp”, Anna nài nỉ.

“Xin lỗi, thưa bà, dù vậy tôi vẫn không thể cho bà số máy này”.

“Nhưng tôi là một người bạn thân”.

“Dù bà là Nữ Hoàng thì cũng vậy, tôi xin nhắc lại, tôi không thể cho bà biết số điện thoại này”. Đầu kia đã dập máy. Anna chau mày.

“Thế kế hoạch B là gì?” Tina hỏi. “Chẳng còn cách nào khác mà đích thân mình sẽ phải sang Anh và tìm cách gặp Victoria để trao đổi với bà ấy và báo cho bà ấy biết ý định của Fenston”.

“Tốt. Vậy thì vấn đề tiếp theo là cậu định vượt qua biên giới nước nào?”

“Làm sao mình có thể ra khỏi nước Mỹ một khi mình còn không thể quay về căn hộ của mình để lấy đồ đạc, trừ phi mình nói cho cả nước Mỹ biết là mình còn sống và đang đùa cợt họ?”

“Chẳng gì có thể ngăn cản được cậu nếu cậu muốn đi”, Tina nói. “Hãy nói cho mình biết cậu cần gì và mình sẽ gói gém vào một túi đồ-”

“Không cần”, Anna nói. “Tất cả những gì mình cần là chuẩn bị sẵn sàng và chờ cậu ở đại sảnh. Đừng quên là mình đã chuẩn bị để tối nay bay đi London”.

“Vậy thì tất cả những gì mình cần là chìa khoá phòng cậu”, Tina nói.

Anna cởi chiếc dây chuyền bạc đeo trên cổ ra và đưa chiếc chìa khoá cho Tina.

“Làm sao mình có thể qua mặt người gác cổng?” Tina hỏi. “ông ta sẽ hỏi mình muốn gặp ai”.

“Không thành vấn đề”, Anna nói.

“Ông ấy tên là Sam. Nói là cậu tới thăm David Sullivan, ông ta sẽ cười và bấm thang máy cho cậu”.

“David Sullivan là ai?” Tina hỏi.

“Anh ta có một căn hộ trên tầng 4, và hiếm khi đưa một cô gái nào đó về nhà hai lần. Anh ta trả Sam vài đôla mỗi tuần để tất cả các cô gái đến với anh ta đều nghĩ rằng mình là bạn gái duy nhất của anh ta”.

“Nhưng như thế vẫn chưa giải quyết được vấn đề tiền nong”, Tina nói. “Đừng quên là cậu đã bị mất ví và thẻ tín dụng, và tất cả những gì mang trên mình chỉ còn 70 đôla”.

“Hôm qua mình vừa rút 3.000 đôla”, Anna nói. “Khi vận chuyển một bức tranh quý, cậu không thể để xảy ra chuyện một nhân viên kiểm soát đỡ người nào đó chặn cậu lại. Mình cũng còn 500 đôla nữa để trong ngăn kéo cạnh giường ngủ”.

“Và cậu sẽ phải dùng đến đồng hồ của mình”, Tina nói.

Anna cởi đồng hồ ra và đổi cho Tina. Tina nhìn kỹ chiếc đồng hồ của Anna. “Cậu sẽ không được quên thời điểm chiếc máy bay lao vào tòa nhà”, Tina nói, vừa lúc chiếc lò vi sóng kêu bíp bíp.

“Chưa chắc còn ăn được”, Tina vừa nói vừa đặt lên bàn một tô mỳ gà và một bát cơm rang còn thừa từ hôm trước. Họ vừa ăn vừa bàn về những phương án khác nhau để thoát ra khỏi thành phố, cũng như những địa điểm thích hợp để vượt biên giới ra khỏi nước Mỹ.

Khi họ đã vét hết không còn sót một mẫu thức ăn thừa nào, cũng là lúc họ đã cân nhắc tất cả những con đường có thể ra khỏi Manhattan, cho dù Anna vẫn còn lưỡng lự chưa biết nên đi theo hướng Nam hay hướng Bắc. Tina cho bát đĩa vào bồn và nói, “Tại sao cậu không tính xem đi đường nào thì nhanh nhất, trong lúc mình tìm cách vào và ra khỏi phòng cậu mà không bị Sam nghi ngờ?”

Anna ôm chặt lấy bạn. “Cẩn thận nhé”, cô nói, “ngoài kia là địa ngục đấy”.

Tina đứng trên bậc thềm cao nhất trước cửa nhà và nhìn quanh. Có chuyện gì đó không bình thường. Và chị đã nhận ra đó là chuyện gì. New York đã thay đổi!

Đường phố không còn tấp nập với những con người không-có-thời- gian-để-nói-chuyện, những con người vội vã nhất và cũng giàu sức sống nhất trên trái đất này. Tina cảm thấy thành phố yên ắng giống như một ngày Chủ nhật. Nhưng Chủ nhật cũng không yên ắng đến thế. Mọi người đứng tụm lại thành từng nhóm và cùng nhìn về khu Trung tâm Thương mại Thế giới. Thứ âm thanh nền duy nhất là tiếng còi hú không ngớt như muốn nhắc nhở mọi người rằng thảm kịch xảy ra chỉ cách chỗ họ vài tòa nhà.

Tina xuống phố đón tắc xi, nhưng màu vàng quen thuộc của những chiếc xe tắc xi đã bị thay thế bằng màu đỏ, trắng, xanh của xe cứu hỏa, cứu thương và xe cảnh sát đang chạy về mọi hướng. Từng nhóm người tụ tập tại các góc phố và vỗ tay cổ vũ khi một chiếc xe của một trong ba sắc màu này chạy qua, như thể đó là những tân binh đang rời xa tổ quốc để chiến đấu chống lại kẻ thù. Bây giờ thì kẻ thù đã ở ngay đây, Tina nghĩ.

Tina cứ đi, đi mãi, qua hết tòa nhà này đến tòa nhà khác, và chị hiểu rằng cũng giống như vào những ngày Chủ nhật, dân sống trong nội đô thành phố phải tự sửa đường ống nước cho nhà mình. Lúc này chị lại trông thấy một đoàn người kỳ dị đang đi quanh thành phố trong trạng thái thất thần. Trong hơn một thế kỷ qua New York luôn đón nhận những con người thuộc mọi sắc tộc, mọi màu da và giờ đây nó có thêm những công dân mang một màu da mới-màu xám tro. Chúng tộc mới này dường như vừa từ lòng đất chui lên và đang đi quanh khu Manhattan giống như những vận động viên maratông khắp khiêng lê bước về nhà sau khi đã bị những vận động viên nhanh chân hơn bỏ rơi. Nếu có ai đó nhìn lên bầu trời New York vào buổi tối mùa thu hôm ấy hẳn sẽ nhận thấy một điều khác thường nữa. Bầu trời New York không còn lung linh với những tòa nhà chọc trời rực sáng một cách kiêu hãnh nữa mà đã bị một đám mây bụi khổng lồ bao phủ. Rồi lần đầu tiên chị nhìn thấy những thanh thép nhô lên khỏi mặt đất-đó là tất cả những gì còn sót lại của một trong những tòa tháp cao nhất thế giới. Ông nhà sỹ đã cứu mạng chị. Tina bước qua những cửa hiệu và những nhà hàng không người trong một thành phố vốn chưa bao giờ đóng cửa. New York sẽ bình phục, nhưng mọi chuyện sẽ không bao giờ còn như xưa nữa. Những kẻ khủng bố sống ở những vùng đất xa xôi: Trung Đông, Palestine, Israel, thậm chí ở cả Tây Ban Nha, Đức, Bắc Ailen. Chị nhìn lên bầu trời. Bọn khủng bố đã đến cướp đi mạng sống của những người dân New York vô tội, và chúng đã để lại địa chỉ của mình.

Tina trông thấy một chiếc tắc xi hiếm hoi chạy qua, và chị vội vẫy một cách tuyệt vọng. Chiếc tắc xi phanh kết một tiếng và dừng lại sát bên chị.

Anna quay vào trong bếp và bắt đầu rửa bát đĩa. Cô cố gắng để bắt trí óc đừng nghĩ đến những khuôn mặt đi ngược chiều với mình trong cầu thang, những khuôn mặt mà cô sợ sẽ đọng lại trong kí ức của cô suốt cuộc đời. Cô phát hiện ra mặt trái của khả năng thiên bẩm đặc biệt của mình.

Cô tập trung nghĩ đến Victoria Wentworth và những phương cách để ngăn chặn Fenston hủy hoại cuộc sống của người khác. Liệu Victoria có tin rằng Anna đã không biết một sự thật là Fenston đã lên kế hoạch để chiếm đoạt bức Van Gogh và hút cạn máu của bà ta? Làm sao bà ta tin được điều đó khi mà Anna, với tư cách là chuyên gia trong nghề và là một thành viên của ban giám đốc, lại để mình bị đánh lừa một cách dễ dàng như vậy?

Anna rời khỏi căn bếp và đi tìm một tấm bản đồ. Cô tìm thấy hai tấm trong giá sách treo phía trên bàn làm việc của Tina: một tấm *Đường phố Manhattan* và một tấm *Địa đồ Bắc Mỹ* xếp cạnh một cuốn sách viết về John Adams, vị tổng thống thứ hai của Mỹ. Cô dừng lại để ngắm nhìn tấm áp phích có ảnh của Rothko treo ở phía đối diện với giá sách - không phải thời đại của cô, nhưng cô biết Tina rất hâm mộ nghệ sỹ này, bởi vì trong văn phòng của Tina cũng có một tấm như thế. Chuyện ấy đã trở thành chuyện của quá khứ, Anna nghĩ và bắt đầu óc mình quay trở về với hiện tại. Cô quay trở lại căn bếp và trải tấm bản đồ New York lên mặt bàn.

Sau khi đã quyết định về việc cô sẽ ra khỏi Manhattan theo lối nào, Anna gấp tấm bản đồ đó lại và mở tấm *Địa đồ Bắc Mỹ* ra với hy vọng nó sẽ giúp cô chọn được điểm vượt biên thích hợp.

Anna nhìn chỉ mục về Mehico và Canada, và rồi bắt đầu ghi chú tỉ mỉ như thể cô đang chuẩn bị một báo cáo để trình lên ban giám đốc; bao giờ cô cũng đưa ra hai phương án để lựa chọn, và bao giờ cũng kết thúc các bản báo cáo bằng một lựa chọn và cô cho là tối ưu nhất. Khi gấp tấm bản đồ lại, cô đã biết chắc mình cần đi theo hướng nào để tới được Anh quốc một cách kịp thời nhất.

Ngồi trong tắc xi trên đường tới Thornton House, Tina nghĩ cách làm thế nào để vào trong căn hộ của Anna, lấy hành lý ra mà không bị người gác cổng nghi ngờ. Khi chiếc tắc xi dừng lại bên ngoài tòa nhà, Tina định thò tay vào túi áo khoác.

Chị không mặc áo khoác. Chị đỏ mặt. Chị đã rời khỏi nhà mình mà không đem theo tiền. Chị nhìn chằm chằm vào tấm thẻ nhựa của người tài xế tắc xi: Abdul Affridi - một chuỗi tràng hạt đúng đưa sát gương chiếu hậu. Anh ta nhìn quanh, nhưng không cười. Hôm nay không có ai cười.

“Tôi quên mang tiền rồi”, Tina nói và chờ đợi những lời chửi thề.

“Không sao”, người tài xế lẩm bẩm rồi nhảy ra khỏi xe và mở cửa cho chị. Mọi thứ ở New York đều đã thay đổi.

Tina cảm ơn anh ta rồi vừa hồi hộp đi về phía cổng ra vào tòa nhà vừa nhấm lại kịch bản. Nhưng kịch bản ấy thay đổi khi chị trông thấy Sam đang ngồi sau buồng gác và ôm mặt khóc.

“Có chuyện gì vậy”, Tina hỏi. “Bác có bạn làm trong Trung tâm Thương mại Thế giới à?”

Sam nhìn lên. Trên bàn, trước mặt ông già là bức ảnh của Anna đang chạy trong một cuộc thi maratông. “Cô ấy vẫn chưa về”, ông già nói. “Tất cả những người trong khu nhà này đều đã về cách đây hàng giờ rồi”.

Tina ôm lấy ông già. Lại một nạn nhân nữa. Chị rất muốn nói cho ông già biết là Anna còn sống. Nhưng không phải vào lúc này.

Sau 8 giờ, Anna mới xong việc và bắt đầu lướt qua các kênh tivi. Chỉ có một câu chuyện duy nhất. Cô thấy mình không thể xem những hình ảnh ấy mà không nghĩ đến những điều kinh hoàng mà cô đã trải qua. Cô vừa định tắt tivi thì nghe thông báo là Tổng thống Bush sắp có bài phát biểu trước toàn dân. “Xin kính chào tất cả các bạn. Hôm nay, nhân dân Mỹ...” Anna chăm chú nghe, và gật đầu khi vị Tổng thống nói tiếp: “Các nạn nhân là những hành khách trên máy bay, những người làm việc trong các văn phòng, những doanh nhân, những nhân viên thư ký...” Anna lại nghĩ tới Rebecca. “Không ai trong chúng ta có thể quên ngày hôm nay...” vị Tổng thống kết luận, và Anna thấy có thể đồng ý với ông ta. Cô tắt tivi khi trên đó lại hiện ra hình ảnh tòa Tháp Nam đang sụp đổ, giống như đỉnh điểm của một thảm họa.

Anna lại trải tấm bản đồ New York ra và kiểm tra lại một lần nữa, rồi một lần nữa, tuyến đường mà cô đã chọn để ra khỏi thành phố. Khi cô đang chăm chú ghi lại từng chi tiết những gì mà cô cần làm trước khi lên đường vào sáng hôm sau thì cánh cửa trước mở toang và Tina loạng choạng bước vào-chiếc máy tính xách tay đeo một bên vai, còn chiếc va li được kéo lê phía sau. Anna chạy ra hành lang đón bạn. Tina trông như sắp ngất đi.

“Xin lỗi vì đã để cậu phải sốt ruột”, Tina vừa nói vừa để mọi thứ xuống sàn đại sảnh rồi đi theo hành lang đã được Anna hút sạch bụi bẩn tới căn bếp. “Không có mấy xe buýt chạy trên đường”, chị nói thêm, “đặc biệt là khi ta không mang theo tiền”, rồi chị ngồi bịch xuống ghế. “Mình sợ là mình đã ăn bớt tiền của cậu, món 500 đôla ấy, nếu không thì chắc phải đến nửa đêm mình mới về tới đây”. Anna cười. “Bây giờ đến lượt mình pha cà phê cho cậu”, cô đề nghị.

“Mình chỉ bị chặn lại có mỗi một lần, một anh cảnh sát rất dễ thương kiểm tra hành lý của cậu, và hoàn toàn tin rằng mình là một hành khách từ sân bay trở về vì tất cả các chuyến bay đều đã bị hoãn. Mình thậm chí còn đưa vé cho anh ta xem”.

“Có rắc rối gì chỗ căn hộ của mình không?” Anna vừa hỏi vừa rót cà phê cho bạn.

“Chỉ có mỗi một chuyện là phải an ủi Sam. Ông ấy chắc là quý cậu lắm. Có vẻ như ông ấy đã khóc nhiều giờ liền. Mình thậm chí còn chẳng cần phải nhắc đến cái tên Sullivan, bởi vì tất cả những gì Sam muốn là kể cho mình nghe về cậu. Đến khi mình vào trong thang máy, thậm chí ông ấy cũng chẳng để ý xem mình đi đâu”.

Tina nhìn quanh bếp. Chưa bao giờ chị thấy nó sạch như lúc này. “Vậy là cậu đã lên xong kế hoạch rồi chứ?” chị vừa hỏi vừa nhìn xuống tấm bản đồ đang trải trên mặt bàn ăn.

“Ừ”, Anna nói. “Có lẽ tốt nhất là đi phà tới New Jersey rồi thuê một chiếc xe, bởi vì tin mới nhất cho biết tất cả các cây cầu và đường hầm đều đã bị đóng cửa. Cho dù tới biên giới Canada còn hơn bốn trăm dặm, mình nghĩ chẳng có lý do gì mà mình không tới sân bay Toronto vào tối mai, và như thế mình sẽ tới London vào sáng ngày kia”.

“Cậu có biết chuyến phà sớm nhất vào buổi sáng khởi hành lúc mấy giờ không?” Tina hỏi.

“Về lý thuyết, dịch vụ này phục vụ 24 trên 24 giờ”, Anna nói, “nhưng trên thực tế, sau năm giờ sáng thì phà mới chạy, và cứ 15 phút có một chuyến. Nhưng ai mà biết được ngày mai phà có chạy không, chưa nói gì đến chuyện có chạy đúng giờ không”

“Dù gì thì”, Tina nói, “cậu cũng nên đi nghỉ sớm, và cố gắng ngủ cho ngon giấc. Mình sẽ đặt đồng hồ báo thức vào lúc 4:30”.

“4 giờ đi”, Anna nói. “Nếu phà khởi hành vào lúc 5 giờ, mình muốn là người đứng xếp hàng đầu tiên. Mình nghĩ việc ra khỏi New York có lẽ là chặng đường khó khăn nhất trong cả chuyến đi sắp tới”.

“Vậy thì cậu phải ngủ trong phòng ngủ”, Tina vừa cười vừa nói, “còn 31936 mình sẽ ngủ trên ghế bành”.

“Cậu vất vả quá”, Anna vừa nói vừa rót đầy cốc cà phê cho bạn. “Hôm nay cậu làm được quá nhiều chuyện”.

“Như thế này thì ăn thua gì”, Tina nói.

“Nếu Fenston biết cậu đã làm gì, ông ta sẽ đuổi cậu ngay lập tức”.

“Đó là điều mình ít bận tâm nhất”, Tina trả lời nhưng tránh đưa ra lời giải thích.

Jack gấp dài một cái ngoài chủ ý. Một ngày quá dài, và anh có cảm giác đêm sẽ còn dài hơn.

Không ai trong đội của anh tính đến chuyện về nhà, và dáng vẻ cũng như giọng nói của họ cho thấy họ đều đã kiệt sức. Điện thoại trên bàn làm việc của anh đổ chuông.

“Tôi nghĩ là phải báo cho sếp biết”, Joe nói, “rằng Tina Forster, thư ký của Fenston, đã có mặt tại Thorton House vài giờ trước. Bốn mươi phút sau, cô ta ra khỏi tòa nhà, mang theo một chiếc va li và một chiếc máy tính xách tay, rồi đem tất cả về nhà cô ta”. Jack ngồi thẳng đứng. “Vậy thì Petrescu chắc chắn vẫn còn sống”, anh nói.

“Và cô ta không muốn chúng ta nghĩ như vậy”, Joe nói thêm.

“Nhưng tại sao?”

“Có lẽ cô ta muốn chúng ta nghĩ rằng cô ta bị mất tích hoặc đã chết”, Joe nói.

“Không phải chúng ta”, Jack nói.

“Vậy thì ai?”

“Fenston, tôi cuộc đấy”.

“Tại sao?”

“Tôi cũng chưa biết”, Jack nói, “nhưng tôi chắc chắn sẽ tìm ra nguyên nhân”.

“Và anh định làm điều đó bằng cách nào, sếp?”

“Bằng cách cho một đội theo dõi nhà của Tina Forster cho đến khi Anna Petrescu rời khỏi đó”.

“Nhưng chúng ta đâu có biết chắc là cô ta đang ở trong đó”, Joe nói.

“Tôi biết chắc cô ta đang ở trong đó”, Jack nói và đặt ống nghe xuống.

16

Suốt đêm hôm đó, Anna chỉ chợp mắt được vài phút. Cô suy nghĩ về tương lai của mình. Cô đi đến kết luận rằng có lẽ cô sẽ trở về Danville để mở một phòng tranh trưng bày các tác phẩm của những họa sỹ trong vùng, bởi vì chắc chắn Fenston sẽ kể cho tất cả các nhà tuyển dụng tiềm năng về câu chuyện của cô theo cách mà ông ta muốn. Cô bắt đầu cảm thấy rằng hy vọng sống sót duy nhất của cô là vạch mặt Fenston, và cô hiểu rằng cô sẽ không thể làm được điều đó nếu không có được sự hợp tác toàn diện của Victoria, và một phần trong sự hợp tác ấy là đốt bỏ toàn bộ các tài liệu liên quan đến vụ giao dịch, kể cả bản báo cáo của cô.

Anna ngạc nhiên thấy mình vẫn hoàn toàn mạnh khỏe khi Tina gõ cửa phòng cô vào lúc 4 giờ sáng.

Cô đi tắm, rồi gội đầu và cảm thấy gần như đã lấy lại hoàn toàn sức sống.

Bên bàn ăn sáng với cà phê và bánh mì, Anna cùng Tina rà soát lại toàn bộ kế hoạch. Họ thống nhất với nhau một số nguyên tắc mà cả hai phải tuân thủ trong lúc cô đi xa. Anna không còn điện thoại di động và thẻ tín dụng, vì vậy cô thống nhất chỉ liên lạc với Tina bằng số điện thoại nhà của Tina, và phải luôn gọi từ máy điện thoại công cộng-không bao giờ gọi từ cùng một số máy. Anna sẽ xưng tên là "Vincent", và không được sử dụng bất kỳ một cái tên nào khác.

Mỗi cú điện thoại không được kéo dài quá một phút.

Anna rời căn nhà của Tina lúc 4:52. Cô mặc quần bò, áo phông, áo khoác mỏng và đội mũ lưỡi trai. Cô không biết chắc điều gì đang đợi mình khi cô bước đi trên vỉa hè vào buổi sáng tinh mơ đó. Trên phố chẳng có mấy người, và tất cả đều cúi đầu-ánh mắt nhìn xuống của họ thể hiện thành phố này đang có tang. Không ai liếc nhìn Anna lần thứ hai khi cô bước nhanh trên hè phố với một chiếc va li phía sau và một chiếc máy tính đeo ở một bên vai. Dù nhìn theo hướng nào, cô vẫn trông thấy một đám mây khổng lồ xám xịt phủ trên thành phố. Đám mây khói bụi dày đặc kia đã tan, nhưng giống như một căn bệnh, nó đã lây lan đến những vùng khác của Cơ thể. Không hiểu sao lúc mới thức dậy, Anna lại nghĩ là nó đã tan biến, nhưng giờ đây cô nhận ra rằng nó sẽ còn ở đó rất lâu nữa.

Anna đi qua một hàng người đang đứng xếp hàng để chờ được cho máu với hy vọng người ta sẽ tìm được thêm những người còn sống sót. Cô là một người sống sót, nhưng lúc này cô không muốn ai phát hiện ra điều đó.

Fenston ngồi bên bàn làm việc của mình trong văn phòng mới của ông ta trên Phố Wall. Lúc này là 6 giờ sáng. Ở London là 11 giờ. Cú điện thoại đầu tiên trong ngày của ông ta là gọi cho Ruth Parish.

"Bức Van Gogh của tôi đâu?" ông ta hỏi mà chẳng thèm chào hỏi cũng chẳng thèm xưng danh.

"Chào ông Fenston", Ruth nói. "Chắc ông cũng biết là mọi chuyến bay đều bị hoãn, và chiếc máy bay chở bức tranh của ông đã phải quay trở lại sau khi đã bay được nửa đường. Vì thảm kịch xảy ra hôm qua".

"Thế bây giờ nó ở đâu?" Fenston lại hỏi.

“Đã được cất an toàn tại một trong những phòng được đảm bảo an ninh tuyệt đối ở khu vực phi hải quan. Tất nhiên, chúng ta sẽ phải làm lại thủ tục khai báo hải quan và xin lại giấy phép xuất khẩu. Nhưng chẳng cần phải bận tâm tới những chuyện đó trước khi-”

“Làm ngay hôm nay đi”, Fenston nói.

“Sáng nay tôi có kế hoạch chuyển bốn bức của Vermeers từ-”

“Vermeer cái cục c... Nhiệm vụ đầu tiên của bà là đảm bảo rằng bức tranh của tôi đã được bọc gói cẩn thận và sẵn sàng lên đường”.

“Nhưng công việc giấy tờ cũng phải mất vài ngày”, Ruth nói. “Chắc ông cũng biết là hiện nay có rất nhiều đơn hàng bị tồn đọng vì-”

“Vì cái chết tiệt”, Fenston nói. “Ngay khi FAA dỡ bỏ lệnh cấm, tôi sẽ cho Karl Leapman tới nhận bức tranh ngay”.

“Nhưng nhân viên của tôi cũng đang phải làm suốt ngày đêm để giải quyết những chuyện phát sinh do”

“Tôi cho bà biết nhé”, Fenston nói. “Nếu bức tranh đã sẵn sàng khi máy bay của tôi hạ cánh xuống sân bay Heathrow, tôi sẽ trả gấp ba tiền công cho bà”.

Fenston đặt ống nghe xuống, và tin chắc rằng những từ duy nhất mà Ruth ghi nhớ là “gấp ba”, ông ta đã lầm. Ruth ngạc nhiên khi thấy ông ta không đề cập gì đến những cuộc tấn công vào tòa Tháp đôi, và cũng không nhắc gì đến Anna. Cô ấy có còn sống không? Và nếu cô ấy còn sống thì tại sao người đi nhận bức tranh lại không phải là cô ấy?

Tina đã nghe lỏm được mọi chi tiết của cuộc nói chuyện giữa Fenston với Ruth Parish từ máy nhánh trong văn phòng của cô mà Fenston không hề hay biết. Tina ước chi có thể liên lạc với Anna để báo tin cho Anna biết - một sự việc mà hai người không tính đến. Có lẽ tối nay Anna sẽ gọi về cho chị.

Tina tắt nút chuyển đường dây điện thoại, nhưng vẫn để nguyên màn hình camera theo dõi trên góc bàn làm việc của chị. Điều đó cho phép chị quan sát mọi thứ, và quan trọng hơn là có thể biết những ai ra vào văn phòng chủ tịch. Fenston không hay biết gì về chuyện này, bởi vì ông ta chẳng bao giờ hỏi. Ông ta cũng chẳng bao giờ thêm bước chân vào phòng chị, một khi ông ta có thể triệu tập chị bằng cách ấn một chiếc nút. Còn nếu Leapman bước vào phòng mà không gõ cửa, chị sẽ tắt màn hình ngay lập tức.

Khi Leapman thuê trụ sở mới trên tầng 32 của tòa nhà này, ông ta không để ý gì đến phòng làm việc của thư ký. Dường như mối quan tâm duy nhất của ông ta là làm thế nào để vị chủ tịch có được một không gian rộng rãi nhất trong điều kiện cho phép, trong khi chính ông ta thì chiếm một phòng ở cuối hành lang. Tina không nói gì với ông ta về những thiết bị an ninh và điện tử đặc biệt trong phòng làm việc của chị. Chị hiểu rằng đến một lúc nào đó sẽ có người phát hiện ra chuyện này, nhưng chị hy vọng đến khi đó chị đã thu thập đủ thông tin cần thiết để khiến Fenston phải chịu một số phận tồi tệ hơn cả những gì mà ông ta đã gây ra cho chị.

Sau khi đặt ống nghe xuống, Fenston ấn một chiếc nút ở cạnh bàn làm việc của ông ta. Tina cầm bút chì, sổ ghi chép và đi sang văn phòng chủ tịch.

“Việc đầu tiên tôi muốn cô phải làm”, Fenston bắt đầu, trước cả khi Tina kịp khép cửa lại, “là tìm hiểu xem tôi còn lại bao nhiêu nhân viên. Hãy thông báo với họ về địa điểm mới của chúng ta, và yêu cầu họ đi làm ngay”.

“Tôi thấy trưởng ban an ninh là người đầu tiên đã có mặt ở đây sáng nay”, Tina nói.

“Đúng, anh ta có tới”, Fenston nói, “và anh ta khẳng định đã ngay lập tức yêu cầu tất cả các nhân viên của công ty sơ tán sau khi chiếc máy bay đầu tiên đâm vào Tháp Bắc”.

“Và anh ta đã làm gương cho mọi người”, Tina nói mỉa.

“Ai nói thế với cô?” Fenston hỏi mà không thèm ngừng đầu lên.

Tina ngay lập tức hối hận vì đã trót nói ra những lời đó. Chị nói, “Tới trưa tôi sẽ gửi danh sách cho ngài”, và vội quay mình bước ra ngoài.

Suốt buổi sáng hôm ấy, chị tìm cách liên lạc với 43 nhân viên của Fenston Finance từng làm việc trong Tháp Bắc. Đến 12 giờ trưa, chị liên lạc được với 34 người trong số đó. Chị đặt danh sách chín người mất tích, có lẽ là đã chết, lên bàn của Fenston trước khi đi ăn trưa.

Anna Petrescu là cái tên thứ sáu trong danh sách đó.

Khi Tina đặt danh sách những người mất tích lên bàn của Fenston cũng là lúc Anna tới được Cầu tàu 11 bằng tắc xi, xe buýt, đôi chân, rồi lại tắc xi.

Một hàng người dài đang kiên nhẫn chờ phà đi New Jersey. Cô đứng vào cuối hàng, rồi đeo một cặp kính đen lên, và kéo sụp mũ lưỡi trai xuống che gần kín mắt. Cô đứng khoanh tay trước ngực, cổ áo khoác dựng lên, đầu cúi xuống, và như thế thì chỉ những ai không biết giữ ý mới bắt chuyện với cô.

Cảnh sát kiểm tra thẻ căn cước của tất cả những ai rời khỏi Manhattan. Cô nhìn theo khi một anh chàng tóc đen, da ngăm đen bị lôi sang một bên. Anh ta có vẻ kinh ngạc khi thấy có tới ba nhân viên cảnh sát vây quanh mình, một người hỏi, hai người lục soát.

Phải mất gần một giờ đồng hồ, Anna mới tiến đến đầu hàng. Cô bỏ chiếc mũ lưỡi trai ra, để lộ mái tóc vàng và làn da mịn màng của mình.

“Cô tới New Jersey vì việc gì?” một viên cảnh sát hỏi khi kiểm tra thẻ căn cước của cô.

“Một người bạn của tôi làm việc ở Tháp Bắc, và chị ấy vẫn còn mất tích”. Anna dừng lại. “Và tôi nghĩ tôi nên tới thăm bố mẹ chị ấy”.

“Xin lỗi cô”, viên cảnh sát nói. “Tôi hy vọng họ sẽ tìm thấy cô ấy”.

“Cảm ơn anh”, Anna nói rồi nhanh chóng xách hành lý lên cầu thang xuống phà. Cô đã nói dối và cô xấu hổ vì chuyện đó tới mức cô không dám nhìn lại phía sau. Cô đứng tựa vào lan can phà và ngược nhìn đám mây xám xịt vẫn còn lơ lửng trên khu Trung tâm Thương mại Thế giới và những tòa nhà cạnh đó. Cô băn khoăn không hiểu phải mất bao nhiêu ngày, bao nhiêu tuần thì đám mây ấy mới tan biến. Rồi họ sẽ làm gì với khu đất tan hoang đó, và họ sẽ làm gì để tưởng nhớ những người đã thiệt mạng? Cô nhìn lên bầu trời trong xanh trên đầu mình. Thiếu vắng một cái gì đó. Dù nơi đây chỉ cách JFK và La Guardia vài dặm, trên trời không có bóng một máy bay nào, như thể tất cả các máy bay trên trái đất này đều đã bất ngờ di tản đến một thế giới khác mà không hề báo trước.

Động cơ nổ phành phạch, và chiếc phà già nua chậm chậm rời khỏi cầu tàu bắt đầu hành trình

vượt qua Hudson để tới New Jersey.

Đồng hồ trên tháp cầu tàu điểm một giờ. Nửa ngày đã trôi qua.

“Ít nhất phải vài ngày nữa máy bay mới được phép cất cánh từ sân bay JFK” Tina nói.

“Kể cả máy bay tư nhân à?” Fenston hỏi.

“Không có ngoại lệ”, Tina đáp.

“Hoàng gia Arập được phép rời vào ngày mai”, Leapman, lúc này đang đứng bên cạnh vị chủ tịch, nói xen vào, “nhưng có vẻ đó là trường hợp ngoại lệ duy nhất”.

“Trong khi đó, tôi sẽ cố gắng để ngài có tên trong danh sách mà báo giới gọi là ưu tiên”, Tina nói, mặc dù chị biết rằng cơ quan cảnh vụ sẽ không bao giờ xếp việc ông ta muốn đi lấy bức Van Gogh vào danh sách những trường hợp khẩn cấp.

“Chúng ta có bạn ở JFK không?” Fenston hỏi.

“Có vài người”, Leapman đáp, “nhưng tất cả bọn họ đều thành lĩnh có rất nhiều mối quan hệ với những nhân vật cỡ bự”.

“Có cách nào khác không?” Fenston vừa hỏi vừa nhìn cả hai người.

“Có lẽ ông nên lái xe đến Mêhicô hoặc Canada”, Tina nói, “và đi máy bay hạng thương gia tới đó”. Chị thừa biết rằng ông ta sẽ không bao giờ chọn cách đó.

Fenston lắc đầu và quay sang nói với Leapman, “Hãy cố tìm lấy một người bạn, một ai đó đang cần một thứ gì đó. Bao giờ cũng có những người như vậy”.

“Tôi sẽ lấy bất cứ chiếc xe nào mà các anh có”, Anna nói.

“Bây giờ chúng tôi không còn chiếc nào”, chàng thanh niên trông có vẻ mệt mỏi ngồi sau chiếc bàn làm việc trong cửa hiệu cho thuê xe mang tên Happy Hire nói bằng một giọng phân bua. “Và có lẽ phải đến sáng mai mới có xe về”, anh chàng đeo tấm thẻ mang tên Hank ấy nói thêm. Anh ta đã hoàn toàn quên câu phương châm của cửa hàng đặt trên mặt bàn tiếp tân, Không ai rời khỏi cửa hiệu Happy Hire của chúng tôi mà không mang theo một nụ cười hạnh phúc. Anna không che dấu nỗi vẻ thất vọng.

“Tôi không nghĩ là chị muốn đi xe tải?” Hank ước thử. “Không phải là mô đen mới nhất, nhưng nếu chị vội”.

“Tôi sẽ thuê”, Anna nói và nghĩ đến hàng người dài dằng dặc xếp hàng sau cô ở bến phà. Chắc hẳn họ đều muốn cô nói không thuê. Hank đặt một mẫu đăng ký lên mặt bàn và bắt đầu điền vào những ô trống. Anna đưa bằng lái xe cho anh ta để anh ta điền tiếp vào một số chỗ trống còn lại trong mẫu đăng ký. “Chị muốn thuê trong bao lâu?” Hank hỏi.

“Một ngày, có thể là hai - tôi sẽ để nó lại sân bay Toronto”.

Sau khi đã điền đầy đủ các ô trống nhỏ trên mẫu đăng ký, Hank xoay ngược tờ giấy lại để Anna ký.

“Hết 60 đôla, và tôi cần 200 đôla tiền đặt cọc”.

Anna chau mày, rồi đưa cho anh ta 260 đôla.

“Và tôi cần thẻ tín dụng của chị”. Anna đẩy một tờ 100 đôla về phía anh ta qua mặt bàn. Lần đầu tiên cô biết đến hành động hối lộ.

Hank cho tiền vào túi. “Đó là chiếc xe tải trong ô ba mươi tám”, Hank vừa nói vừa đưa chìa khoá cho cô.

Khi Anna tìm thấy ô ba mươi tám, cô hiểu tại sao đây là chiếc xe cuối cùng còn sót lại. Cô mở cửa sau rồi cho chiếc va li và chiếc máy tính lên xe. Sau đó cô đi về phía trước xe và ngồi vào chiếc ghế lái bọc nhựa. Cô kiểm tra các đồng hồ. Chiếc xe đã chạy được 98617 dặm, và vận tốc tối đa là 90 dặm một giờ. Cô nghĩ may ra thì chiếc xe có thể chạy với vận tốc bằng một nửa con số đó. Rõ ràng chiếc xe này đã đi đến chạng cuối cùng của cuộc đời nó, và bốn trăm dặm tiếp theo sẽ làm nó tắt thở. Cô băn khoăn không hiểu nó có còn bán được nổi 360 bảng hay không.

Anna khởi động chiếc xe và tập trung tâm trí để đưa nó ra khỏi lô đỗ xe. Cô trông thấy một người đàn ông trong gương chiếu hậu ở cửa xe; anh ta vội nhảy tránh sang một bên. Chỉ vài trăm mét sau đó, cô đã phát hiện ra rằng chiếc xe này không phải sinh ra để đua tốc độ hay để đem đến cho ta sự thoải mái. Cô liếc nhìn xuống tấm bản đồ về các tuyến đường mà cô đã trải ra trên chiếc ghế còn lại bên cạnh mình, và bắt đầu tìm kiếm những biển chỉ đường dẫn tới Jersey Turnpike và Del Water Gap. Cho dù từ sáng tới giờ cô chưa có gì vào bụng, Anna quyết định phải cho xe chạy vài chục dặm trước khi nghĩ đến chuyện ăn uống.

“Anh nói đúng, sắp ạ”, Joe nói, “cô ta không tới Danville”.

“Vậy cô ta tới đâu?”

“Sân bay Toronto”.

“Xe hơi hay xe lửa?”

“Xe tải”, Joe đáp.

Jack thử tính xem chuyến đi sẽ mất bao nhiêu thời gian, và kết luận rằng phải tới cuối chiều ngày hôm sau Petrescu mới tới Toronto.

“Tôi đã gần thiết bị định vị toàn cầu lên thanh ba đờ sóc sau xe của cô ta”, Joe nói thêm, “vì vậy chúng ta có thể theo dõi cô ta suốt ngày đêm”.

“Và hãy bố trí một nhân viên theo dõi cô ta ở sân bay”.

“Anh ta đã được thông báo chi tiết”, Joe nói, “với yêu cầu là phải báo cho tôi biết cô ta định bay tới đâu”.

“Cô ta sẽ bay đi London”, Jack nói.

Đến 3 giờ chiều hôm đó, Tina đã có thể loại thêm bốn cái tên khỏi danh sách những người mất tích. Ba người trong số đó đang tham gia bỏ phiếu vòng đầu để bầu thị trưởng, người còn lại bị nhỡ tàu.

Fenston nhìn qua danh sách. Leapman đứng cạnh và đặt một ngón tay lên cái tên duy nhất mà ông ta quan tâm. Fenston gật đầu và mỉm cười.

“Đỡ mất công”, Leapman bình luận. “Có tin gì mới từ JFK không?” Fenston hỏi.

“Ngày mai họ cho phép một vài chiếc cất cánh”, Leapman nói, “các nhà ngoại giao khách mời, các đội cứu thương của bệnh viện, và một số chính khách cao cấp do Bộ Ngoại giao bảo lãnh. Nhưng tôi đã thu xếp để chúng ta được cất cánh vào sáng sớm ngày thứ Sáu”, ông ta dừng lại. “Có người cần một chiếc xe mới”. “Mô đen nào?” Fenston hỏi.

“Một chiếc Ford Mustang”, Leapman trả lời.

“Tưởng là Cadillac”, Fenston mỉm cười.

Vào lúc 3 giờ chiều hôm đó, Anna đã tới ngoại ô của thành phố Scraton, nhưng cô quyết định cho xe chạy tiếp thêm vài giờ nữa. Trời quang đãng, không khí khô hanh, và con đường cao tốc ba làn xe đông nghịt xe cô chạy theo hướng bắc, và hầu hết mọi chiếc xe khác đều vượt xe của cô. Anna thư giãn một chút khi những tòa nhà cao tầng đã được thay thế bằng những hàng cây to hai bên đường. Hầu hết các xe lộ đều có vận tốc tối đa là 55 dặm một giờ và vận tốc như vậy là phù hợp với cô.

Nhưng cô vẫn phải nắm chặt vô lăng để chiếc xe tải không dạt sang làn khác. Anna liếc nhìn bảng đồng hồ. Cô tính sẽ tới Buffalo vào lúc 7 giờ, và có thể cô sẽ phải nghỉ một lát tại đó.

Cô nhìn vào gương chiếu hậu, bỗng nhiên cô có cảm giác của một kẻ tội phạm đang trên đường chạy trốn. Ta không được sử dụng điện thoại di động hay thẻ tín dụng, và tiếng hú của xe cảnh sát làm nhịp tim ta tăng gấp đôi. Một cuộc sống phải luôn dè chừng những người xa lạ, và cứ chốc chốc lại phải ngoái nhìn qua vai. Ngay lúc này, Anna ước gì được trở lại New York, được sống giữa bạn bè và được làm công việc mà cô yêu thích. Cha cô đã từng nói - “ôi, Chúa ơi”, Anna nói to một mình. Nếu mẹ cô nghĩ cô đã chết thì sao? Còn bác George và gia đình ở Danville thì sao? Cô có nên liều gọi điện cho họ không? Tệ thật, cô không thích hợp với hoàn cảnh của một kẻ tội phạm.

Leapman bước vào phòng Tina mà không thèm gõ cửa. Chị vội vàng tắt chiếc màn hình bên cạnh bàn làm việc của mình.

“Anna Petrescu có phải là bạn của cô không?” Leapman hỏi mà không giải thích lý do.

“Phải”, Tina nói mà không ngừng đầu lên.

“Phải à?” Leapman hỏi lại.

“Đã từng”, Tina chữa lại.

“Vậy cô chưa có thêm tin gì về cô ta à?”

“Nếu có, sao tôi lại phải đưa tên chị ấy vào danh sách mất tích?”

“Sao lại không?” Leapman nói.

“Tôi không nhận được tin gì về chị ấy”, Tina nhìn thẳng vào mặt Leapman. “Nếu ông biết được tin gì về chị ấy, làm ơn cho tôi biết”, chị nói thêm.

Leapman cau mày và bước ra khỏi phòng.

Anna đánh xe vào một quán ăn vắng khách. Cô yên lòng khi thấy chỉ có hai chiếc xe khác đang đỗ trong bãi để xe, và khi cô bước vào trong quán, chỉ có ba vị khách đang ngồi gần quầy thu tiền. Anna tìm một chỗ ngồi quay lưng lại với quầy thu tiền, kéo sụp mũ xuống và đọc qua thực đơn. Cô gọi món xúp cà chua và món gà rán.

Mười đôla và ba mươi phút sau, cô lại lên đường. Cho dù từ sáng tới giờ cô không uống gì ngoài cà phê, chỉ một lúc sau cô đã thấy buồn ngủ. Cô đã cho xe chạy một mạch suốt 8 giờ và đi được hơn ba trăm dặm trước khi dừng lại để ăn tối, và bây giờ thì cô phải cố gắng để mi mắt đừng sụp xuống.

NẾU CẢM THẤY MỆT, HÃY DỪNG LẠI ĐỂ NGHỈ NGƠI, dòng chữ in đậm ấy trên một tấm biển bên đường càng khiến cô ngáp nhiều hơn. Cô phát hiện thấy một chiếc xe tải mười hai bánh đang dạt vào điểm tạm nghỉ phía trước mặt cô. Anna liếc nhìn đồng hồ - hơn mười một giờ. Cô đã ở trên đường gần chín tiếng. Cô quyết định phải nghỉ ngơi vài giờ trước khi đi hết chặng đường còn lại. Suy cho cùng, cô còn khối thời gian để ngủ trên máy bay.

Anna cũng bắt chước chiếc xe tải, cô đánh xe vào điểm tạm nghỉ và cho xe dừng lại ở đầu xa nhất. Cô đỗ xe của mình sau một chiếc đại xa khác rồi nhảy ra khỏi xe, kiểm tra tất cả các cửa xe trước khi trèo lên thùng sau. Cô yên tâm vì phía sau cô không có một chiếc xe nào. Anna cố gắng tạo một chỗ nằm thoải mái, và lấy chiếc máy tính xách tay làm gối. Chưa bao giờ cô phải nằm trong một tư thế khó chịu như thế này, nhưng chỉ vài phút sau cô đã ngủ thiếp đi.

“Petrescu vẫn làm tôi lo lắng”, Leapman nói.

“Sao một mục đàn bà đã chết lại có thể dọa được ông?” Fenston hỏi.

“Bởi vì tôi không tin rằng cô ta đã chết”.

“Làm sao cô ta có thể sống sót?” Fenston vừa nói vừa nhìn đám mây vẫn chưa chịu tan đang lơ lửng trên khu Trung tâm Thương mại Thế giới bên ngoài cửa sổ.

“Cũng giống như chúng ta đã sống sót”, Leapman nói.

“Những chúng ta đã kịp rời khỏi tòa nhà ngay”, Fenston nói.

“Có thể cô ta cũng đã kịp rời khỏi tòa nhà. Chính ngài đã ra lệnh cho cô ta phải rời khỏi đó trong vòng mười phút”.

“Barry lại nghĩ khác”.

“Barry vẫn sống”, Leapman nhắc nhở ông ta.

“Cho dù Petrescu có sống sót, cô ta cũng chẳng làm được gì”, Fenston nói.

“Cô ta có thể tới London trước tôi”, Leapman nói.

“Nhưng bức tranh đã được cất an toàn tại Heathrow”.

“Nhưng tất cả mọi giấy tờ chứng minh bức tranh đó là của ngài đều được cất trong chiếc két ở văn phòng ngài tại Tháp Bắc, và nếu Petrescu có thể thuyết phục-”

“Thuyết phục ai? Victoria Wentworth thì đã chết rồi, đừng có quên là Petrescu đang mất tích, và chắc là cũng đã chết rồi”.

“Nhưng nếu thế thì cũng tiện lợi cho cô ta nếu cô ta thực sự còn sống”, Leapman nói.

“Vậy thì hãy làm cho điều đó trở nên bất tiện đối với cô ta”.

18

Tiếng đập cửa ầm ầm làm Anna giật mình tỉnh dậy. Cô dụi mắt và nhìn qua cửa kính. Một người đàn ông bụng phệ mặc quần bò đang dậm thành thành lên cốp xe. Trên tay kia của ông ta là một can bia không nắp đang sùi bọt. Anna vừa định la lên thì phát hiện thấy còn một người nữa đang cố gắng cạy bật cửa xe sau. Một xô nước lạnh cũng không làm cô tỉnh nhanh hơn thế.

Anna bò vào ghế lái và xoay khoá khởi động. Cô nhìn vào gương bên và giật mình khi thấy một chiếc xe tải hạng bốn mươi tấn đang đỗ ngay sau xe cô, khiến cô gần như không có đường thoát. Cô ấn tay lên còi xe, và điều đó chỉ càng khích lệ gã đàn ông đang cầm can bia trèo lên cốp xe và bò về phía cô. Anna nhìn rõ mặt gã, và gã nhìn cô bằng một ánh mắt dâm dật qua kính xe. Cô cảm thấy lạnh toát người và bủn rủn hết chân tay. Gã bò lại gần hơn nữa, rồi há chiếc miệng không răng ra và thè lưỡi liếm lên cửa kính, trong khi đồng bọn của gã vẫn tiếp tục tìm cách cạy bật cửa sau. Cuối cùng động cơ cũng khởi động.

Anna đánh mạnh tay lái, nhưng khoảng không giữa hai chiếc xe tải chỉ cho phép cô tiến lên được vào mét trước khi cho xe lùi lại. Cô nghe thấy một tiếng la to khi gã đàn ông đang sau xe nhảy sang một bên. Anna gài số một và đạp mạnh lên chân ga. Khi chiếc xe lao về phía trước, gã đàn ông bụng phệ trượt khỏi cốp xe và ngã ụch xuống đất. Anna gài số lùi, và cầu nguyện lần này sẽ có đủ chỗ để thoát ra. Nhưng trước khi xoay hết vòng vô lăng, cô liếc nhìn thấy gã đàn ông thứ hai lúc này đang nhìn cô chăm chăm qua cửa kính. Gã bám hai bàn tay hộ pháp lên nóc xe và bắt đầu lắc mạnh. Cô đạp mạnh lên chân ga, và chiếc xe chậm chậm kéo gã về phía trước, nhưng nó vẫn không thoát được ra ngoài. Anna lại cài số lùi lần thứ ba và kinh hoàng khi thấy hai bàn tay của gã đàn ông thứ nhất lại xuất hiện trên cốp xe trong khi gã đang cố đu người đứng lên. Gã lão đảo tiến về phía trước và gí sát mũi vào kính xe, rồi làm một cử chỉ xoay ngón tay trở hướng xuống dưới. Sau đó gã nói to với tên đồng bọn của mình, “Tuần này tao làm trước đấy nhé”. Tên đồng bọn ngừng lắc xe và phá lên cười hô hố.

Anna toát mồ hôi lạnh khi thấy gã đàn ông bụng phệ đang khật khưỡng tiến về phía trước. Cô liếc nhìn vào gương bên và thấy tên còn lại đang trèo lên cabin chiếc xe của gã.

Ngay lập tức Anna hiểu rõ bọn chúng đang nghĩ gì. Cô sẽ trở thành món mồi ngon của chúng. Anna đạp mạnh chân ga đến mức xe của cô đâm vào chiếc đại xa phía sau vừa lúc gã lái xe bật đèn pha lên. Cô gài trở lại số một, cũng là lúc chiếc xe tải phía trước nổ máy và xả một luồng khói đen kịt vào kính xe cô. Anna đánh mạnh tay lái xoay một vòng và lại đạp mạnh vào chân ga. Chiếc xe tải nhỏ của cô nhảy về phía trước, vừa lúc chiếc đại xa phía trước xe cô bắt đầu lùi. Xe cô đâm vào chắn bùn bánh trước của chiếc đại xa, và thanh ba đòn sóc cùng chắn bùn bánh trước của xe cô bị xé toạc. Rồi cô cảm thấy mình bị xô mạnh từ phía sau khi chiếc đại xa còn lại đâm mạnh vào đít xe cô và làm bật thanh ba đòn sóc phía sau. Chiếc xe tải nhỏ của cô lao ra khỏi khe trống trong gang tấc và xoay tròn đủ ba trăm sáu mươi độ trước khi dừng lại. Anna nhìn sang bên vừa khi hai chiếc đại xa, vì không phản ứng kịp, đâm sầm vào nhau.

Cô tăng tốc cho xe chạy qua bãi đỗ, vượt qua một vài chiếc xe tải khác và lao lên xa lộ. Cô nhìn vào gương chiếu hậu và thấy hai chiếc đại xa đang xoay xở để thoát khỏi nhau.

Một tiếng phanh rít lên cùng một loạt tiếng còi cất lên giận dữ khi cô suýt lao vào một dòng xe đang chạy trên đường. Người tài xế trên chiếc xe đầu tiên ấn còi rất lâu để Anna hiểu rõ thái độ của anh ta. Anna vẫy vẫy tay thể hiện thái độ biết lỗi khi chiếc xe đó vượt qua cô, nhưng mắt cô vẫn không rời gương chiếu hậu; cô chỉ sợ lại trông thấy hai chiếc đại xa kia đuổi theo. Anna

đạp mạnh chân ga cho đến khi nó chạm sát sàn xe; cô quyết tâm thử xem chiếc xe có thể chạy với vận tốc tối đa là bao nhiêu. Sáu mươi tám dặm một giờ là câu trả lời.

Anna nhìn vào gương bên. Một chiếc đại xa mười tám bánh đang gần đuổi kịp cô trên làn xe bên cạnh. Cô giữ vững tay lái và đạp mạnh chân ga hơn nữa, nhưng chiếc xe của cô không thể cố hơn. Chiếc đại xa phía sau đang mỗi lúc tiến lại gần hơn, từng mét một và cô biết chẳng mấy chốc nữa nó sẽ biến thành một chiếc xe ủi. Anna ấn mạnh lòng bàn tay trái lên còi, nhưng nó chỉ phát ra những tiếng kêu khò khè chẳng đủ để dọa mấy con sáo trong tổ. Một tấm biển lớn xuất hiện bên vệ đường; nó cho biết còn một dặm nữa là đến điểm rẽ vào đường I-90.

Anna đánh xe sang làn đường ở giữa và chiếc đại xa bám theo cô như một cục nam châm. Chiếc xe giờ đã gần tới mức Anna có thể trông thấy rõ gã tài xế trên xe. Một cái cười trơ lợi và tiếp theo là tiếng còi bấm liên hồi đuổi theo cô.

Một tấm biển khác hiện ra cho biết rằng chỉ còn nửa dặm nữa là tới chỗ rẽ. Cô cho xe chạy vào làn tốc độ cao, khiến cho một loạt xe đang lao lên phải phanh gấp và chạy chậm lại. Còi lại vang lên liên hồi, nhưng cô phớt lờ và giảm tốc độ xuống còn 50, và những tiếng còi giờ đã trở thành một dàn hợp xướng.

Chiếc đại xa mười tám bánh vượt lên và chạy song song với xe cô. Cô giảm tốc độ, chiếc xe kia cũng giảm tốc độ; còn một phần tư dặm nữa, một tấm biển khác cho biết. Cô nhìn thấy chỗ rẽ phía xa xa và thầm cảm ơn Chúa khi những tia nắng đầu tiên hiện ra sau những đám mây, bởi vì giờ đây không một chiếc đèn nào trên xe cô còn hoạt động.

Anna biết cô chỉ có một cơ hội duy nhất và cô phải chọn thời điểm thật chuẩn xác. Cô nắm chặt tay lái khi tới chỗ rẽ vào đường I-90 và cho xe lao qua bãi cỏ xanh hình tam giác ngăn cách hai xa lộ. Rồi cô thành lĩnh đạp mạnh chân ga, và dù chiếc xe của cô lần này không nhảy chồm về phía trước, nó chạy lên và tiến thêm được vài yard. Đã đủ chưa? Gã tài xế trên chiếc đại xa phản ứng ngay tức thì và cũng bắt đầu tăng tốc. Khi gã chỉ còn cách xe của cô một thân xe nữa, Anna thành lĩnh đánh tay lái sang phải, trượt qua làn đường ở giữa và làn đường bên trong trước khi lao qua bờ cỏ. Chiếc xe của cô nhảy chồm chồm qua bãi cỏ mấp mô hình tam giác tới làn đường rẽ ngoài cùng. Một chiếc xe hơi đang chạy trên làn đường phía trong phải quặt tay lái để tránh đâm vào cô, trong khi một chiếc khác dạt ra phía ngoài. Khi Anna đã cho xe chạy ổn định ở làn đường trong cùng, cô nhìn sang bên và thấy chiếc đại xa mười tám bánh tiếp tục lao đi trên con đường cao tốc rồi mất hút.

Cô giảm tốc độ xuống còn 50 dặm một giờ, cho dù tim cô vẫn còn đập nhanh gấp ba lần bình thường. Cô cố gắng thư giãn. Cũng giống như đối với một vận động viên, tốc độ hồi phục là tối quan trọng. Rồi cô nhìn vào gương bên. Nhịp tim cô ngay lập tức tăng lên 150 khi cô trông thấy chiếc đại xa thứ hai đang đuổi theo. Đồng bọn của gã bụng phệ đã không lặp lại sai lầm của bạn mình.

Khi người lạ mặt bước vào đại sảnh, Sam ngừng đầu lên nhìn ông ta từ phía sau bàn làm việc của mình. Làm một người gác cổng, ta phải có khả năng đưa ra những quyết định ngay tức thì về những con người bước vào tòa nhà của ta. Cần phải đưa họ vào nhóm “Xin chào ngài” hay “Tôi có thể giúp được gì cho bà?” hay chỉ đơn giản là “Xin chào?” Sam nhìn kỹ người đàn ông cao lớn, trung tuổi vừa mới bước vào. Ông ta mặc một bộ comple hàng hiệu nhưng đã khá cũ, chỗ vải hai bên khuỷu tay đã mòn đến mức sáng bóng lên, và cổ ống tay áo sơ mi cũng đã bị mòn xơ ra. Ông ta đeo một chiếc caravat mà Sam nghĩ rằng đã được đeo đến lần thứ một nghìn.

“Xin chào ông”, Sam quyết định xếp ông ta vào nhóm này.

“Chào ông”, người đàn ông trả lời. “Tôi là người của Sở Nhập cư”.

Điều này làm Sam lo lắng. Cho dù ông sinh ra tại Harlem, ông nghe người ta nói rằng có một số người bị trục xuất do nhầm lẫn.

“Tôi có thể giúp gì cho ông?” Sam hỏi.

“Tôi kiểm tra danh sách những người vẫn còn mất tích, và được cho là đã chết, sau vụ tấn công khủng bố vào hôm thứ Ba”.

“Có cụ thể là ai không?” Sam hỏi một cách thận trọng.

“Có”, người đàn ông nói. Ông ta đặt chiếc cặp của mình lên mặt bàn, mở cặp và lấy ra một danh sách, ông ta rê ngón tay dọc theo danh sách và dừng lại tại cái tên Ps. “Anna Petrescu”, ông ta nói. “Đây là địa chỉ cuối cùng của cô ta mà chúng tôi có”.

“Từ khi cô ấy đi làm vào sáng hôm thứ Ba tới nay, tôi chưa hề trông thấy cô ấy”, Sam nói, “cho dù có một số người khác cũng đã hỏi thăm về cô ấy, và một người bạn của cô ấy có đến lấy đi mấy thứ”.

“Cô ta lấy đi những gì?”

“Tôi không biết”, Sam nói. “Tôi chỉ nhận ra chiếc vali”.

“Ông có biết tên cô ta không?”

“Ông cần biết làm gì?”

“Có thể có ích nếu chúng ta liên lạc được với cô ta. Mẹ của Anna rất lo lắng”.

“Không, tôi không biết tên cô ta”, Sam thú nhận.

“Liệu ông có thể nhận ra cô ta nếu tôi đưa cho ông một tấm ảnh của cô ta không?”

“Có thể”, Sam đáp.

Một lần nữa, người đàn ông lại mở cặp ra. Lần này ông ta lấy ra một tấm ảnh rồi đưa cho Sam.

Ông già nhìn kỹ tấm ảnh một lúc.

“Đúng, chính là cô ta. Một cô gái khá xinh”, ông già dừng lại, “nhưng không bằng Anna. Anna là một cô gái đẹp”.

Anna nhận thấy tốc độ tối đa theo quy định trên đường I-90 là 70 dặm một giờ. Cô sẽ rất sung sướng nếu được chạy quá tốc độ quy định, nhưng dù cô có đạp mạnh chân ga tới đâu, chiếc xe cũng không thể chạy quá tốc độ 68 dặm một giờ.

Cho dù chiếc đại xa kia còn cách cô khá xa, nó đang nhanh chóng rút ngắn khoảng cách, và lần này cô không có chiến lược thoát thân. Cô cầu Chúa cho một biển báo đường hiện ra. Khi chiếc xe tải chỉ còn cách cô khoảng 50 yard, và sắp đè nát cô, thì Anna nghe thấy tiếng hú của xe cảnh sát.

Cô thở phào nhẹ nhõm trước ý nghĩ mình sẽ bị cảnh sát giao thông chặn lại, và cô không quan tâm tới việc họ có tin lời cô hay không khi cô giải thích với họ lý do tại sao cô lại cho xe lao qua hai làn đường cao tốc và bờ dốc ngăn cách hai xa lộ, chưa nói đến chuyện tại sao xe của cô lại mất cả hai thanh ba đờ sóc, mất chần bùn trước và không một chiếc đèn nào hoạt động. Cô vừa định cho xe giảm tốc độ thì thấy chiếc xe tuần tra của cảnh sát vượt lên qua chiếc đại xa và chạy ngay sau xe của cô. Viên sỹ quan thanh tra giao thông nhìn lại sau và ra hiệu cho gã tài xế trên chiếc đại xa cho xe dừng lại. Anna quan sát qua gương biên khi cả hai chiếc xe kia chạy chậm lại rồi dừng hẳn bên vệ đường.

Phải hơn một giờ sau cô mới lấy lại được bình tĩnh để không phải cứ chốc chốc lại nhìn vào gương biên. Thêm một giờ nữa, Anna bắt đầu cảm thấy đói và cô cho xe dừng lại tại một quán cà phê bên đường để ăn sáng. Khi bước vào quán, cô chọn một chỗ ngồi ở góc trong. Cô đọc kỹ thực đơn trước khi gọi một suất “cỡ đại” - trứng, thịt muối, xúc xích, bánh mì, bánh kếp, và cà phê. Không phải là suất ăn thông thường của cô, nhưng tất cả những gì vừa diễn ra trong 48 giờ qua đều bất thường.

Vừa ăn, Anna vừa xem lại bản đồ. Hai gã say rượu kia đã giúp cô giữ đúng lịch trình. Anna tính rằng cô đã đi được 380 dặm, nhưng còn phải đi ít nhất là 50 dặm nữa thì cô mới tới được biên giới Canada. Cô xem tấm bản đồ kỹ hơn. Điểm dừng tiếp theo, Tháp Niagara và Anna tính rằng để tới đó cô cần phải mất thêm một giờ đồng hồ nữa.

Chiếc tivi phía sau quầy thu ngân đang đưa tin buổi sáng. Hy vọng tìm thấy thêm những người sống sót ngày càng tan biến. New York đã bắt đầu để tang những người thiệt mạng và bắt tay vào công việc dọn dẹp đầy khó khăn vất vả. Một buổi lễ tưởng niệm, có cả Tổng thống tham dự, sẽ được tổ chức ở Washington DC như là một phần của quốc tang. Tổng thống có dự định sẽ bay tới New York và thăm Bãi Trống. Tiếp theo là Thị trưởng Giuliana xuất hiện trên màn hình, ông ta mặc một chiếc áo phông mang những chữ cái NYPD, và đội một chiếc mũ lưỡi trai có in những chữ cái NYFD một cách đầy tự hào. Ông ta ca ngợi tinh thần của người dân New York, và cam kết sẽ làm hết sức mình để thành phố có thể đứng dậy càng sớm càng tốt.

Lúc này hình ảnh sân bay JFK hiện ra, với một phát ngôn viên của sân bay khẳng định rằng những chuyến bay thương mại đầu tiên sẽ được cất cánh vào sáng hôm sau. Câu nói đó đã quyết định thời trình của Anna. Cô biết mình phải tới London trước khi Leapman có mặt ở đó nếu cô muốn có cơ hội thuyết phục Victoria...

Anna liếc nhìn ra cửa sổ. Hai chiếc xe tải đang chạy vào bãi đỗ. Cô cứng người, và không dám nhìn khi hai người tài xế ra khỏi ca bin. Khi họ bước vào quán cũng là lúc cô đang nhìn quanh để tìm cửa thoát hiểm. Hai người tài xế ngồi ngay tại quầy tiếp tân, họ mỉm cười với cô hầu

bàn và không thèm đưa mắt nhìn Anna. Trước kia cô chưa bao giờ hiểu tại sao lại có người mắc chứng hoang tưởng.

Anna nhìn đồng hồ: 7.55. Cô uống cạn cốc cà phê, để 6 đôla lên mặt bàn và bước lại buồng điện thoại công cộng ở góc xa trong quán. Cô quay số 212...

“Chào sếp, tôi là đặc vụ Roberts”.

“Xin chào, đặc vụ Roberts”, Jack vừa trả lời vừa ngả người ra sau ghế, “anh có gì để báo cáo không?”

“Tôi đang đứng ở một trạm dừng xe, một nơi nào đó giữa New York và biên giới Canada”.

“Và anh đang làm gì ở đó, đặc vụ Roberts?”

“Tôi đang cầm một thanh ba đòn sóc”. “Để tôi đoán xem nhé”, Jack nói, “thanh ba đòn sóc ấy từng được gắn trên một chiếc xe tải nhỏ màu trắng do kẻ tình nghi lái”.

“Đúng thế, thưa sếp”.

“Thế chiếc xe bây giờ ở đâu?” Jack hỏi bằng một giọng cố tỏ ra bình tĩnh.

“Tôi không biết, thưa sếp. Khi kẻ tình nghi đánh xe vào trạm nghỉ, thú thật là tôi cũng chớp mắt một lát. Khi tôi tỉnh dậy, chiếc xe tải của kẻ tình nghi đã biến mất, chỉ còn lại thanh ba đòn sóc có gắn thiết bị định vị toàn cầu trên đó .

“Vậy thì hoặc là cô ta quá khôn ngoan, hoặc là cô ta đã gặp tai nạn”, Jack nói.

“Chắc là thế”. Roberts dừng lại, rồi nói thêm, “Bây giờ tôi phải làm gì, sếp?”

“Đầu quân cho CIA”, Jack đáp.

“Xin chào, Vincent đây, có tin gì không?”

“Đúng như cậu tiên đoán, Ruth Parish đã cất bức tranh tại một phòng an toàn ở khu phi hải quan của sân bay”.

“Thế thì mình phải lấy nó ra”, Anna nói.

“Không dễ như thế đâu”, Tina nói, “bởi vì sáng mai Leapman sẽ bay đi London để lấy bức tranh, vì vậy cậu chỉ còn 24 giờ nữa trước khi ông ta bắt gặp cậu”. Chị ngập ngừng. “Và cậu gặp một khó khăn lớn”.

“Chuyện gì nữa thế?” Anna hỏi. “Leapman không tin là cậu đã chết”.

“Tại sao ông ta lại nghĩ thế?”

“Bởi vì ông ta liên tục hỏi chuyện về cậu, vì vậy cậu phải hết sức cẩn thận. Đừng bao giờ quên phản ứng của Fenston khi Tháp Bắc sụp đổ. Dù hàng chục nhân viên của ông ta có thể vẫn còn mắc kẹt trong đó, thứ duy nhất ông ta quan tâm là tiền của ông ta. Chỉ có Chúa mới biết ông ta

sẽ làm gì khi mất bức tranh Van Gogh đó. Những họa sỹ đã chết đối với ông ta còn quan trọng hơn tất cả những người còn sống”.

Anna có thể nhận thấy những giọt mồ hôi đang lăn trên trán mình khi cô gác ống nghe. Cô nhìn đồng hồ: 32 giây.

“Người bạn của chúng ta ở JFK thông báo đã thu xếp để chúng ta cất cánh vào lúc 7:30 sáng mai”, Leapman nói. “Nhưng tôi chưa báo cho Tina”.

“Vì sao chưa?” Fenston hỏi.

“Bởi vì ông già gác cổng tại chung cư của Petrescu cho biết một người trông giống Tina đã tới căn hộ của Petrescu vào tối hôm thứ Ba”.

“Tối thứ Ba?” Fenston nhắc lại. “Nhưng điều đó có nghĩa là-”

“Và cô ta lấy đi một chiếc vali”. Fenston cau mày nhưng không nói gì- “Ngài có muốn tôi làm gì đó không?”

“Ông đang có gì trong đầu?” Fenston hỏi.

“Đầu tiên là phải đặt máy nghe trộm trong phòng cô ta. Rồi nếu Petrescu liên lạc với cô ta, chúng ta sẽ biết rõ ả đang ở đâu và đang định làm gì”. Fenston không trả lời, và điều đó đối với Leapman hàm nghĩa một sự đồng ý.

Biên giới Canada 4 dặm, một tấm biển bên đường thông báo. Anna mỉm cười - và nụ cười tắt ngấm ngay khi cô trông thấy một đoàn xe dài hút tầm mắt trước mặt mình.

Cô bước xuống đường và duỗi chân tay cho đỡ mỏi. Anna nhăn mặt khi nhìn lại chiếc xe tã nát của mình.

Làm sao cô có thể giải thích với công ty Happy Hire? Cô không hề muốn phải mất thêm tiền cho chiếc xe cà tàng này - 500 đôla cho bất kỳ hỏng hóc đầu tiên nào, nếu cô nhớ không lầm. Trong khi vận động tay chân, Anna vẫn để ý thấy phía đường bên kia không có một ai. Đường như không còn ai dám đặt chân đến Mỹ. Trong suốt 20 phút sau đó, Anna chỉ tiến thêm được 100 yard, và dừng lại trước một trạm xăng. Cô nhanh chóng đưa ra một quyết định - phá vỡ một thói quen lâu năm khác. Cô đánh xe qua đường tới sân trước trạm xăng, qua các máy bơm xăng, và đỗ chiếc xe lại bên một thân cây to, ngay phía sau một tấm biển đề dòng chữ Rửa Xe Siêu Hạng. Anna lấy vali và chiếc máy tính phía sau xe và bắt đầu đi bộ trên chặng đường dài bốn dặm từ đó tới biên giới.

“Bác thành thật xin lỗi”, Arnold Simpson vừa nói vừa nhìn Arabella Wentworth qua chiếc bàn làm việc của ông. “Một công việc khủng khiếp”, ông nói rồi bỏ thêm một cục đường vào cốc trà của mình. Arabella không nói gì, trong khi Simpson ngồi ngả về phía trước và đặt cả hai tay lên bàn như sắp cầu nguyện, ông mỉm cười một cách hiền từ với vị khách hàng của mình và vừa chuẩn bị nói thì Arabella mở tập hồ sơ trong lòng ra và hỏi, “Với tư cách là một luật sư của gia đình cháu, có lẽ bác có thể giải thích cho cháu biết tại sao cha cháu và chị Victoria lại mắc nhiều nợ, trong một khoảng thời gian ngắn đến như vậy?”

Simpson ngồi ngả người ra rồi nhìn Arabella qua cặp kính hình bán nguyệt của ông. “Cha cháu và bác”, ông bắt đầu nói, “là bạn thân của nhau trong 40 năm cho đến ngày cha cháu mất. Chắc là cháu biết, ông ấy và bác cùng học với nhau ở Eton”. Simpson dừng lời rồi đưa tay lên vuốt chiếc caravat màu xanh đậm mà dường như ông đã đeo nó hàng ngày kể từ khi rời khỏi ghế nhà trường.

“Cha cháu thường nói là “học cùng nhau” chứ không nói là “cùng học với nhau”, Arabella nói. “Vậy là có thể bác có câu trả lời cho câu hỏi của cháu”.

“Bác đang định nói về điều đó”, Simpson nói và nhìn quanh trên bàn.

“A, đây rồi”, ông nói và cầm một tập hồ sơ có đề dòng chữ “Lloyd tại London” lên. Ông mở tập hồ sơ ra và sửa lại kính. “Khi cha cháu trở thành một cái tên tại Lloyd vào năm 1971, ông ấy đã làm cho rất nhiều nghiệp đoàn và sử dụng khu bất động sản này làm tài sản thế chấp. Trong nhiều năm, ngành bảo hiểm có thu nhập rất cao và hàng năm cha cháu kiếm được những khoản tiền rất lớn”. Simpson rê ngón tay trên một danh sách dài gồm toàn những con số. “Nhưng bác có nói cho cha cháu biết”, Arabella hỏi, “về ý nghĩa của trách nhiệm hoàn trái vô hạn không?”

“Bác phải thú nhận là”, Simpson nói và không để ý đến câu hỏi ấy của Arabella, “cũng giống như bao nhiêu người khác, bác không hề nghĩ rằng lại phải chứng kiến những năm tháng tẻ nhạt kéo dài chưa từng thấy như vậy”.

“Chẳng khác gì một kẻ đánh bạc hy vọng làm giàu từ vòng quay của bánh xe roulette”, Arabella nói. “Vậy tại sao bác không khuyên cha cháu cắt lỗ và rời khỏi bàn cờ bạc?”

“Cha cháu là một con người bướng bỉnh”, Simpson nói, “và sau khi đã trải qua nhiều năm tháng tồi tệ, vẫn tin rằng thời hoàng kim sẽ quay trở lại”.

“Nhưng đó không phải là tất cả mọi chuyện”, Arabella vừa nói vừa lật những trang hồ sơ.

“Đáng tiếc rằng đó chưa phải là tất cả mọi chuyện”, Simpson thừa nhận. Có vẻ như ông đang lún sâu hơn trên chiếc ghế và gần như biến mất sau cạnh bàn.

“Và chuyện gì đã xảy ra với danh mục những cổ phiếu mà gia đình cháu đã tích tụ trong suốt bao nhiêu năm qua?”

“Đó là những thứ đầu tiên mà cha cháu phải bán để cân đối tài khoản. Thực tế là”, vị luật sư gia đình lật sang một trang hồ sơ khác, “đến khi cha cháu mất, bác nghĩ rằng khoản thấu chi của ông ấy đã lên đến 10 triệu bảng”.

“Nhưng không phải với ngân hàng Coutts”, Arabella nói, “bởi vì theo giấy tờ để lại thì khoảng ba năm trước cha cháu đã chuyển tài khoản sang một ngân hàng nhỏ ở New York gọi là ngân hàng Fenston Finance”.

“Đúng thế đấy, cháu ạ”, Simpson nói. “Thực tế là cho đến nay bác vẫn chưa biết bằng cách nào mà ngân hàng đó”

“Chuyện đó đối với cháu không có gì là khó hiểu”, Arabella vừa nói vừa lấy từ tập hồ sơ ra một bức thư. “Rõ ràng là họ đã chọn cha cháu làm mục tiêu”.

“Nhưng bác vẫn không hiểu bằng cách nào mà họ biết”

“Họ chỉ cần đọc các trang tài chính. Người ta thông báo về những vấn đề của Lloyd hàng ngày, và tên của cha cháu thường xuyên xuất hiện, cùng với tên của một vài người khác, những người phải gắn số phận với những nghiệp đoàn bất hạnh”.

“Đó chỉ đơn thuần là suy diễn của cháu”, Simpson nói.

“Chỉ là bác không bao giờ nghĩ đến chuyện đó mà thôi”, Arabella nói. “Hoàn toàn không phải là suy diễn. Cháu lấy làm lạ là tại sao bác lại để cho bạn thân của mình rời bỏ Coutts, một ngân hàng đã phục vụ gia đình suốt gần 200 năm, để làm ăn với một bọn vô lương tâm”.

Simpson đỏ mặt. “Có lẽ cháu đã nhiễm thói quen của mấy chính trị gia luôn dựa vào sự suy diễn”.

“Không, thưa bác”, Arabella trả lời. “Người chồng quá cố của cháu cũng được mời tham gia vào Lloyd. Người môi giới thuyết phục anh ấy rằng trang trại của chúng cháu đủ để bảo lãnh cho mọi khoản nợ nếu có và anh ấy đã tống ông ta ra cửa”.

Simpson không nói gì.

“Và bác có thể làm ơn cho cháu biết, với tư cách là cố vấn của Victoria, bằng cách nào mà chị ấy có thể làm cho khoản nợ đó tăng lên gấp đôi chỉ trong vòng một năm?”

“Không phải là lỗi của bác”, Simpson nói. “Cháu nên dành sự giận dữ của mình cho nhân viên thuế vụ, kẻ luôn đòi phần xôi thịt của mình”, Simpson vừa nói vừa tìm tập hồ sơ mang tên “Thuế Chết”.

“A, đây rồi. Kho bạc sẽ được hưởng 40 phần trăm những tài sản của người chết, trừ phi những tài sản đó được chuyển giao trực tiếp cho vợ hoặc chồng. Bác nghĩ là người chồng quá cố của cháu đã giải thích kỹ chuyện này với cháu. Tuy nhiên, bác đã cố gắng xoay xở và bác tự hào là phải rất khôn khéo mới làm được chuyện này, để đi đến một thỏa thuận là nộp 11 triệu bảng cho thanh tra thuế vụ và Victoria đã rất hài lòng về sự thu xếp này”.

“Chị cháu là một phụ nữ không chồng ngay thơ chưa từng rời khỏi nhà mà không có cha đi cùng, một người phải đến lúc 30 tuổi mới có tài khoản riêng”, Arabella nói, “vậy mà bác vẫn để cho chị ấy tiếp tục ký hợp đồng với Fenston Finance, chính chuyện đó càng khiến chị ấy gánh thêm nhiều nợ nần”.

“Chỉ có cách đó, hoặc là đem bán đấu giá khu bất động sản”.

“Không phải thế”, Arabella nói. “Cháu chỉ cần gọi một cú điện thoại tới Lord Hindlip, chủ tịch hãng Christie, và Ông ta cho cháu biết rằng bức tranh Van Gogh của gia đình cháu có thể bán

được trên 30 triệu bảng nếu đem ra đấu giá”.

“Nhưng cha cháu không bao giờ chấp nhận bán bức tranh đó”.

“Khi bác chấp nhận khoản vay thứ hai, cha cháu đâu còn sống”, Arabella vặn lại. “Nhẽ ra bác đã phải khuyên chị cháu làm thế”.

“Bác không còn lựa chọn nào khác, theo những điều khoản ban đầu của hợp đồng”.

“Một hợp đồng mà bác là người chứng kiến và bác đã không đọc. Bởi vì không những bác chấp nhận trả lãi 16 phần trăm cho khoản tiền vay, mà bác còn đồng ý dùng bức Van Gogh làm tài sản thế chấp”.

“Nhưng lúc nào ta cũng có thể yêu cầu họ bán bức tranh ấy, và mọi chuyện sẽ được giải quyết”.

“Lại sai tiếp, bác Simpson ạ”, Arabella nói. “Nếu bác đã đọc hết hợp đồng, bác sẽ thấy rằng chuyện đó sẽ dẫn đến tranh chấp và sẽ được đưa ra xử ở New York. Cháu không tin rằng bác có thể thắng ở sân sau của Fenston Finance”.

“Cháu cũng không thể làm thế”, Simpson nói, “bởi vì-”

“Cháu là ruột thịt của chị Victoria”, Arabella nói.

“Nhưng không có di chúc cho thấy Victoria sẽ để lại gia sản cho ai”, Simpson nói to bằng một giọng bực tức.

“Đó là thứ mà bác đã cố xoay sở bằng khả năng tài tình của mình”.

“Bác và chị cháu lúc đó đã thảo luận về việc-”

“Hơi muộn”, Arabella nói. “Cháu đang phải đương đầu với một cuộc chiến pháp lý, với một kẻ bất lương nhưng có lợi thế về mặt pháp luật, nhờ công của bác”.

“Bác tự tin nói rằng”, Simpson vừa nói vừa một lần nữa đặt tay lên bàn như sắp cầu nguyện, “bác sẽ thu xếp chuyện này trong-”

“Cháu sẽ nói cho bác biết bác cần phải làm gì”, Arabella vừa nói vừa đứng lên. “Bác hãy gói tất cả những hồ sơ liên quan đến tài sản của gia đình cháu và chuyển tới Lâu đài Wentworth”. Arabella nhìn thẳng vào ông luật sư. “Và đồng thời, bác hãy gửi kèm theo đó hoá đơn thanh toán cho một giờ tư vấn quý báu cuối cùng của bác”.

Anna bước đi giữa đường, chiếc máy tính đeo trên vai trái và chiếc vali được kéo theo sau. Hành khách trong những chiếc xe đang đỗ trên đường tò mò nhìn người khách bộ hành đơn độc đi qua.

Dặm đường đầu tiên mất 15 phút và một gia đình đang ngồi ăn trên bãi cỏ bên vệ đường mời cô một cốc rượu vang. Dặm đường thứ hai mất 18 phút, nhưng cô vẫn chưa nhìn thấy cột mốc biên giới đầu. Phải hai mươi phút sau, cô mới đi qua một tấm biển đề dòng chữ *Biên giới - 1 dặm* và cô bắt đầu tăng tốc.

Dặm đường cuối cùng nhắc cô nhớ đến những cơ bắp đau nhức sau một chặng đường chạy dài và mệt mỏi, rồi cô trông thấy vạch đích. Một mũi adrenalin sẽ giúp cô lấy lại sức.

Khi Anna còn cách thanh chắn khoảng vài trăm yard, những ánh mắt tò mò khiến cô có cảm giác mình giống như một người chen lấn không chịu xếp hàng chờ đến lượt mình. Cô tránh ánh mắt của mọi người và đi chậm lại. Khi tới vạch trắng, nơi người ta yêu cầu các tài xế tắt máy xe và chờ, cô đứng sang một bên. Hôm đó có hai nhân viên hải quan làm nhiệm vụ, trước mặt họ là một đoàn xe dài một cách bất thường. Họ ngồi trong hai booth gác nhỏ, kiểm tra giấy tờ của tất cả mọi người một cách cẩn thận hơn ngày thường. Anna cố bắt lấy ánh mắt của người nhân viên trẻ tuổi với hy vọng anh ta sẽ thương hại cô, nhưng chẳng cần soi gương Anna cũng biết rằng sau 24 giờ trên đường, trông cô chẳng khác mấy so với khi vừa thoát ra khỏi Tháp Bắc.

Cuối cùng, người nhân viên trẻ tuổi ra hiệu cho cô lại gần. Anh ta kiểm tra giấy tờ thông hành của Anna và nhìn cô một cách ngờ vực. Cô đã đi bộ bao xa với những hành lý này? Anh ta kiểm tra rất kỹ hộ chiếu của cô. Mọi thứ có vẻ ổn.

“Cô sang Canada làm gì?” Anh ta hỏi.

“Tôi sắp tham dự một cuộc hội thảo tại đại học McGill. Đó là một phần trong luận văn tiến sĩ của tôi về phong trào Tiền Raphaelite”, cô vừa nói vừa nhìn thẳng vào anh chàng. “Cụ thể là họa sỹ nào?” anh ta làm ra vẻ thờ ơ hỏi.

Một con lừa cổ tỏ ra hiểu biết hay là một người hâm mộ thực sự. Anna quyết định đi sâu vào lĩnh vực chuyên môn của cô. “Rossetti, Holman Hunt và Morris, cùng một số họa sỹ khác”.

“Thế còn Hunt nữa thì sao?”

“Afred Hunt à? Không thực sự là một người thuộc trường phái Tiền Raphaelite, nhưng-”

“Nhưng cũng là một họa sỹ giỏi không kém”.

“Đúng thế”, Anna nói.

“Ai là người đứng ra tổ chức hội thảo này?”

“Hả, Vern Swanson”, Anna trả lời và hy vọng anh chàng nhân viên hải quan chưa từng nghe nói tới vị chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực này.

“Tuyệt, vậy là tôi sẽ có cơ hội gặp ông ấy”.

“Tức là thế nào?”

“Nếu ông ấy vẫn còn làm Giáo sư Lịch sử Nghệ thuật tại đại học Yale thì ông ấy sẽ khởi hành từ New Haven, đúng không và vì không có chuyến bay nào được rời khỏi Mỹ, đây sẽ là điểm duy nhất mà ông ấy có thể đi qua để sang Canada”.

Anna chưa biết nói lại ra sao thì một phụ nữ phía sau đã cứu cô. Bà ta bắt đầu to tiếng với chồng và căn vặn về việc phải xếp hàng đợi quá lâu. “Tôi đã từng tới đại học McGill”, anh chàng nhân viên hải quan nói và mỉm cười, rồi đưa trả hộ chiếu cho cô. Anna không biết đôi má của cô có để lộ việc cô đã nói dối hay không. “Tất cả chúng ta đều buồn về những gì xảy ra ở New York”, anh ta nói thêm. “Cảm ơn”, Anna nói và bước qua biên giới. *Chào mừng bạn đến với Canada.*

“Ai đấy”, một giọng nói cất lên.

“Bị đứt mạch trên tầng mười”, một người đàn ông đứng bên ngoài cửa đáp. Anh ta mặc một bộ đồng phục màu xanh, đội mũ lưỡi trai và xách một hộp đựng đồ nghề. Anh ta nhắm mắt lại và cười với chiếc camera an ninh. Khi nghe thấy tiếng bíp, anh ta bước qua cửa vào bên trong và không ai hỏi gì thêm.

Anh ta đi qua buồng thang máy và bắt đầu trèo lên cầu thang bộ. Cách này sẽ giúp anh ta tránh mặt mọi người. Anh ta dừng lại khi lên đến tầng thứ mười và đảo mắt nhìn khắp hành lang. Không có ai; 3:30 chiều luôn là thời điểm yên tĩnh nhất. Không cần giải thích lý do, đó chỉ là vấn đề kinh nghiệm. Khi đến cửa phòng cần đến, anh ta bấm chuông. Không có ai trả lời. Tất nhiên là người ta đã nói cho anh ta biết rằng phải vài giờ nữa chủ nhân của căn hộ mới đi làm về. Anh ta đặt chiếc hộp đồ nghề xuống và kiểm tra hai chiếc khoá cửa. Hardly Fort Knox.

Với sự chính xác của một bác sỹ phẫu thuật trước một ca mổ, anh ta mở hộp đồ nghề và lấy ra một vài thứ dụng cụ.

Hai phút bốn mươi giây sau, anh ta đã có mặt trong căn hộ. Anh ta nhanh chóng xác định vị trí của các máy điện thoại; có tất cả ba chiếc. Chiếc thứ nhất đặt trên bàn làm việc ở phòng trước, bên dưới một bức ảnh của Marilyn Monroe. Chiếc thứ hai đặt cạnh giường, kề liền một tấm ảnh gia đình. Kẻ đột nhập nhìn người phụ nữ trong ảnh. Cô ta đứng giữa hai người đàn ông giống nhau như đúc; chắc hẳn đó là bố đẻ và anh trai ruột của cô ta.

Chiếc máy điện thoại thứ ba đặt trong bếp. Anh ta nhìn vào cánh cửa tủ lạnh và cười nhả nhỏ; chủ nhân căn hộ này và anh ta cùng hâm mộ một ban nhạc.

Sáu phút chín giây sau đó, anh ta đã bước ra hành lang, xuống cầu thang bộ và bước ra cửa trước.

Công việc đã được hoàn thành trong khoảng thời gian chưa đầy mười phút. Tiền công là một nghìn đôla. Không giống bác sỹ phẫu thuật.

Anna là một trong số những người cuối cùng bước lên chuyến xe buýt rời khỏi Thác Niagara lúc 3 giờ chiều. Hai giờ sau đó, chiếc xe buýt dừng lại bên bờ hồ Ontario. Anna là người đầu tiên xuống xe, không dừng lại một giây nào để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của những tòa nhà Mies van der Rohe đang thống trị bầu trời Toronto, cô vẫy chiếc tắc xi đầu tiên đang chạy tới.

“Làm ơn cho tới sân bay, càng nhanh càng tốt”.

“Cổng nào?” người lái xe hỏi.

Anna ngập ngừng. “Châu Âu”.

“Cổng số ba”, người tài xế nói và cho xe chạy. “Cô từ đâu tới?” anh ta bắt chuyện.

“Boston”, Anna trả lời. Cô không muốn nói về New York.

“Khủng khiếp thật, chuyện xảy ra ở New York ấy”, anh ta nói. “Một giây phút của lịch sử mà mọi người đều nhớ chính xác là mình đang ở đâu. Lúc đó tôi đang ngồi trong xe của mình, nghe tin qua đài. Còn cô thì sao?”

“Tôi đang ở trong Tháp Bắc”, Anna nói.

Anh ta trở mặt kinh ngạc.

Chỉ mất hơn 25 phút để đi hết chặng đường dài 17 dặm từ Phố Bay tới sân bay quốc tế Lester B. Pearson, và trong khoảng thời gian đó người tài xế tắc xi không nói thêm một lời nào. Khi anh ta dừng lại bên ngoài lối vào cổng số ba, Anna xuống xe và lấy tiền trả anh ta, rồi vội bước nhanh vào sân bay. Cô nhìn lên bảng thông báo giờ bay, 5 giờ 28 phút.

Chuyến bay cuối cùng tới Heathrow vừa đóng cửa. Anna chửi thề. Mắt cô lướt trên danh sách các thành phố với những chuyến bay còn lại vào tối hôm đó: Tel Aviv, Băng Cốc, Hồng Kông, Sydney, Amsterdam.

Amsterdam. Thật vừa khéo, Anna nghĩ. Chuyến bay KL692, khởi hành lúc 18.00, cổng C31, mua vé thôi. Anna chạy vội tới bàn KLM và hỏi người đàn ông ngồi sau bàn, thậm chí trước khi anh ta kịp ngừng đầu lên, “Có còn vé đi Amsterdam không anh?”

Anh ta dừng công việc đếm vé của mình lại. “Còn, nhưng cô phải nhanh lên, họ sắp đóng cửa rồi”.

“Còn chỗ nào gần cửa sổ không?”

“Cửa sổ, lối đi, ở giữa, bất kỳ ở chỗ nào cũng có”.

“Thế là thế nào?”

“Chẳng có mấy ai đi máy bay và không phải vì hôm nay là ngày thứ 13”.

“JFK vừa khẳng định lại rằng chúng ta sẽ có chỗ trên chuyến bay lúc 7 giờ 20 phút sáng ngày mai”, Leapman nói.

“Tốt”, Fenston nói. “Gọi điện cho tôi khi máy bay cất cánh. Khi nào thì tới Heathrow?”

“Khoảng 7 giờ”, Leapman đáp. “Art Locations sẽ đợi trên đường băng để đưa bức tranh lên máy bay. Khoản tiền công cao gấp ba lần bình thường dường như đã giúp họ tập trung đầu óc tốt hơn”.

“Và ông tính khi nào thì sẽ quay về đến đây?”

“Kịp giờ ăn sáng vào ngày kia”.

“Có tin gì về Petrescu không?”

“Không”, Leapman đáp. “Cho đến lúc này, Tina mới chỉ nhận một cú điện thoại, của một người đàn ông”. “Không có tin gì từ-”

Tina bước vào phòng.

“Cô ta đang trên đường tới Amsterdam”, Joe nói.

“Amsterdam?” Jack nhắc lại và gõ ngón tay lên mặt bàn.

“Vâng, cô ta nhớ chuyển bay tới Heathrow”.

“Vậy là cô ta sẽ đi chuyến bay đầu tiên tới London vào sáng mai”. “Chúng ta đã bố trí người tại Heathrow”, Joe nói. “Sếp có muốn bố trí người ở đâu nữa không?”

“Có, Gatwick và Stansted”, Jack nói. “Nếu sếp tính đúng, cô ta sẽ tới London chỉ vài giờ trước Leapman”. “Ý cậu là gì?”

“Máy bay riêng của Fenston đã được quyền cất cánh từ JFK vào lúc 7 giờ 20 phút sáng ngày mai. Và hành khách duy nhất trên đó là Leapman”. “Vậy thì có thể là họ đã lên kế hoạch gặp nhau”, Jack nói. “Gọi cho đặc vụ Crasanti tại đại sứ quán của chúng ta ở London và yêu cầu anh ta hãy bố trí thêm nhân viên tại cả ba sân bay. Tôi muốn biết chính xác hai người kia đang định làm gì”.

“Chúng ta không hoạt động trên lãnh thổ của mình”, Joe nhắc nhở. “Nếu người Anh phát hiện ra, đừng nói gì đến CIA-”

“Tại cả ba sân bay”, Jack nhắc lại trước khi gác máy.

Chỉ vài giây sau khi Anna bước lên máy bay, cửa máy bay được khoá lại. Cô được dẫn tới chỗ ngồi của mình và được yêu cầu thắt dây an toàn, bởi vì máy bay sẽ cất cánh ngay. Anna vui mừng vì thấy các chỗ ngồi cạnh cô đều trống không, và ngay sau khi đèn nhắc thắt dây an toàn tắt, cô nhắc các tay ghế lên và nằm xuống, kéo lên mình hai tấm chăn trước khi gác đầu lên một chiếc gối. Cô thiếp đi trước khi máy bay ổn định độ cao.

Có ai đó chạm nhẹ vào vai cô. Anna chửn thẳm. Cô quên không nói với họ là cô không cần ăn. Anna nhìn cô chiêu đãi viên và nói với cô ta, “Không, cảm ơn”. Rồi cô lại vui đầu định ngủ tiếp.

“Xin lỗi, nhưng tôi phải mời chị ngồi dậy và thắt dây an toàn”, cô chiêu đãi viên nói một cách lịch sự. “Chúng ta sẽ hạ cánh trong vòng hai mươi phút nữa. Có lẽ chị nên chỉnh lại đồng hồ của mình, giờ địa phương ở Amsterdam lúc này là 6 giờ 55 phút sáng”.

22

Leapman đã thức dậy từ lâu trước khi chiếc limousine tới đón ông ta. Hôm nay không phải là ngày mà ông ta có thể ngủ quá giấc.

Ông ta xuống khỏi giường và đi thẳng vào bếp. Dù cố cạo nhẵn tới mức nào, Leapman biết rằng râu của ông ta sẽ lại mọc lên lởm chởm từ rất lâu trước khi ông ta lên giường vào buổi tối. Chỉ cần để qua một kỳ nghỉ cuối tuần là ông ta đã có một bộ râu rậm. Sau khi tắm và cạo râu xong, ông ta chẳng buồn ăn sáng. Cô chiêu đãi viên trên chiếc máy bay riêng của ông chủ sẽ phải chuẩn bị bữa sáng cho ông ta. Có ai trong khu nhà chung cư xuống cấp ở một khu vực nghèo nàn này lại có thể tưởng tượng được rằng chỉ vài giờ nữa, Leapman sẽ là hành khách duy nhất trên một chiếc Gulfstream V bay tới London?

Ông ta bước tới chiếc tủ quần áo khép hờ và lấy ra bộ complê mới nhất, chiếc áo sơ mi vừa vặn nhất và chiếc caravat chưa đeo lần nào. Ông ta không thể để cho viên phi công trông bảnh bao lịch sự hơn mình được.

Leapman đứng bên cửa sổ chờ chiếc limousine nhận thấy rất rõ rằng căn hộ của mình chỉ hơn căn buồng giam trong tù nơi ông ta đã ngồi bóc lịch 4 năm có một chút. Ông ta nhìn xuống Phố 43 khi một chiếc limousine bóng loáng dừng lại ở trước cửa tòa nhà.

Leapman bước lên ghế sau xe và không thềm nói với tài xế câu nào. Bắt chước Fenston, ông ta ấn một chiếc nút trên chỗ để tay và quan sát tấm cửa kính màu khói được nâng lên, ngăn cách ông ta với người lái xe. Trong suốt 24 giờ tới, ông ta sẽ sống trong một thế giới khác hẳn. Bốn mươi lăm phút sau đó, chiếc limousine rời xa lộ Van Wyck và rẽ vào lối dẫn tới sân bay JFK. Người tài xế đánh xe qua một lối đi mà ít có hành khách nào phát hiện ra và cho xe dừng lại bên ngoài một ngôi nhà nhỏ chỉ dành để phục vụ cho những ai có máy bay riêng. Leapman bước ra khỏi xe và được đưa tới một căn phòng riêng, nơi viên phi công lái chiếc Gulfstream V của Fenston đang chờ ông ta.

“Có hy vọng cất cánh sớm hơn kế hoạch không?” Leapman hỏi ngay khi vừa ngồi xuống chiếc ghế bành to bọc da.

“Không, thưa ngài”, viên phi công trả lời, “cứ 45 giây lại có một chuyến bay và giờ cất cánh của chúng ta đã được ấn định là 7 giờ 30”.

Leapman cần nhần, rồi giở các tờ báo buổi sáng ra đọc.

Tờ *Thời báo New York* đưa tin rằng Tổng thống Bush sẽ thưởng 50 triệu đôla cho ai bắt được Osama Bin Laden, một chuyện mà Leapman cho rằng chẳng khác gì cách tiếp cận luật pháp và trật tự ở Texas trong mấy trăm năm qua. Giá trị cổ phiếu của công ty Fenston Finance bị tụt 12 cent theo đánh giá của tờ *Tạp chí Phố Wall*, một số phận mà nhiều công ty có trụ sở tại Trung tâm Thương mại Thế giới phải hứng chịu. Một khi ông ta có được bức Van Gogh, công ty sẽ thoát ra khỏi giai đoạn cổ phiếu bị mất giá. Dòng suy nghĩ của Leapman bị cắt đứt bởi một thành viên của phi hành đoàn.

“Lên máy bay được rồi, thưa ngài, chúng ta sẽ cất cánh trong vòng 15 phút nữa”.

Một chiếc xe khác đưa Leapman tới chân cầu thang máy bay, và chiếc máy bay bắt đầu chạy lấy

đà thậm chí trước khi ông ta uống xong ly nước cam, nhưng phải đến khi chiếc máy bay ổn định độ cao ở 30 nghìn bộ so với mực nước biển và tín hiệu báo thắt dây an toàn đã tắt, ông ta mới bắt đầu thư giãn, ông ta dướn người về phía trước, cầm ống nghe lên và quay số đường dây riêng của Fenston.

“Tôi đã cất cánh”, ông ta nói, “và chẳng có lý do gì mà tôi lại không trở về vào giờ này sáng ngày mai” ông ta dừng lại - “với một ông già Hà Lan ngồi bên cạnh”.

“Gọi cho tôi khi ông hạ cánh”, vị chủ tịch trả lời.

Tina ngắt đường dây nối thông với máy chính của chủ tịch công ty.

Mấy hôm nay Leapman thường xộc vào phòng chị mà không gõ cửa, ông ta không dấu diếm việc ông ta nghi ngờ là Anna vẫn còn sống và vẫn bí mật liên lạc với chị.

Máy bay riêng của vị chủ tịch đã cất cánh đúng giờ vào sáng hôm đó, và chị đã nghe được toàn bộ nội dung cuộc nói chuyện của Fenston với Leapman. Chị nhận thấy Anna chỉ còn vài giờ trước ông ta, với điều kiện là Anna đã tới được London. Tina hình dung thấy cảnh Leapman trở về New York vào ngày hôm sau với một nụ cười nhả nhở trên mặt và đưa bức Van Gogh cho vị chủ tịch. Tina tiếp tục tải xuống những hợp đồng mới nhất mà trước đó chị đã gửi theo đường thư điện tử tới địa chỉ riêng của mình - một công việc mà chị chỉ làm khi Leapman không có mặt trong văn phòng và Fenston thì đang chúm đầu vào công việc.

Chuyến bay đầu tiên từ sân bay Schipol tới London Gatwick vào sáng hôm đó theo lịch trình sẽ cất cánh vào lúc 10 giờ. Anna mua vé của hãng British Airways và được thông báo là chuyến bay sẽ khởi hành chậm 20 phút. Nhân sự chậm trễ này, cô đi tắm và thay quần áo. Schipol đã quá quen thuộc với những hành khách qua đêm. Anna chọn một bộ quần áo giản dị nhất trong hành trang ít ỏi của cô cho cuộc gặp gỡ sắp tới với Victoria.

Vừa ngồi nháp cà phê trong quán Caffè Nero, Anna vừa giở những trang báo của tờ Herald Tribune: “50 triệu đôla tiền thưởng”, là nội dung của một tit báo trên trang hai - thấp hơn giá trị của bức Van Gogh nếu nó được đem ra đấu giá tại bất kỳ một nhà đấu giá nào. Anna không lãng phí thời gian cho bài báo bởi vì cô phải tập trung vào những vấn đề ưu tiên của mình và suy nghĩ xem phải nói gì với Victoria.

Trước hết, cô phải tìm hiểu xem bức Van Gogh hiện nay đang được cất ở đâu. Nếu Ruth Parish đang cất bức tranh trong kho, cô sẽ phải khuyên Victoria gọi điện cho Ruth và yêu cầu bà ta cho nó trả lại Lâu đài Wentworth ngay lập tức, và dặn Victoria nói thêm với Ruth rằng Fenston Finance sẽ không được phép làm ngược lại với yêu cầu của Lâu đài Wentworth, đặc biệt là khi hợp đồng duy nhất về việc này đã biến mất. Cô có cảm giác là Victoria sẽ không đồng ý làm việc đó, nhưng nếu bà ta đồng ý, Anna sẽ liên lạc với Nakamura ở Tokyo và cố tìm hiểu xem liệu- “Chuyến bay 8112 của hãng hàng không British Airways tới London Gatwick bắt đầu đón khách tại cửa D14”, tiếng loa phóng thanh cất lên thông báo đã đến giờ lên máy bay.

Khi máy bay bay qua eo biển Măng sơ, Anna xem xét lại kế hoạch của mình một lần nữa và cố tìm ra một điểm sai lầm nào đó trong lập luận của cô. Có lẽ không có sai lầm mang tính logic nào. Máy bay hạ cánh xuống London Gatwick chậm 35 phút.

Anna nhìn đồng hồ khi cô đặt chân xuống đất Anh, và hiểu rằng cô chỉ còn 9 giờ nữa trước khi Leapman hạ cánh xuống Heathrow. Ngay sau khi qua cửa kiểm tra hộ chiếu và lấy hành lý, Anna đi tìm thuê một chiếc xe. Cô tránh xa chiếc bàn của công ty Happy Hire và đứng xếp hàng trước chiếc bàn của hãng Avis.

Anna không trông thấy một anh chàng trẻ tuổi ăn mặc bảnh bao đang đứng trong quầy hàng miễn thuế và nói nhỏ vào điện thoại di động, “Cô ta đã hạ cánh. Tôi đang bám theo”.

Leapman ngả người trên chiếc ghế da to, êm ái hơn bất cứ thứ gì trong căn hộ của ông ta ở Phố 43. Cô chiêu đãi viên đem cà phê đen cho ông ta, đứng trong một chiếc cốc sứ có miệng mạ vàng đặt trên một chiếc khay bạc. Ông ta nghĩ tới nhiệm vụ trước mặt mình, ông ta biết mình chẳng qua chỉ là một gã ăn mày, cho dù trong chiếc bị ăn mày của ông ta có cả một bức tranh của Van Gogh, một trong những bức tranh quý giá nhất trên thế gian này. Ông ta khinh bỉ Fenston, một kẻ chưa bao giờ coi trọng ông ta. Chỉ cần Fenston ghi nhận công lao đóng góp của ông ta, chỉ cần Fenston thi thoảng nói lời cảm ơn vì những việc làm của ông ta, như thế cũng đã đủ. Đúng là Fenston đã đưa ông ta ra khỏi ngục tù, nhưng là để đưa ông ta vào một kiểu ngục tù khác.

Ông ta đã phục vụ Fenston gần mười năm nay và đã chứng kiến gã di dân thô lậu từ Bucharest này leo dần lên những bậc thang của tiền tài và danh vọng - một chiếc thang mà ông ta phải đứng dưới để giữ cho chắc, với thân phận của một tên nô lệ. Nhưng qua đêm nay thôi, điều đó sẽ thay đổi. Chỉ cần mụ kia mắc một sai lầm và vị trí của ông ta với Fenston sẽ hoán đổi cho nhau. Fenston sẽ ngồi tù, còn ông ta sẽ ôm trọn cả một gia tài khổng lồ trong tay. “Ngài có dùng thêm cà phê không ạ”, cô chiêu đãi viên hỏi.

Chẳng cần phải có bản đồ, Anna vẫn tìm được đường tới Lâu đài Wentworth, cho dù cô phải luôn chú ý để không bị lạc đường khi phải đi trên những con đường đông nghịt xe cộ.

Bốn mươi phút sau, cô đánh xe vào cổng tòa lâu đài. Anna hầu như chẳng biết gì về kiến trúc Baroque từng thịnh hành vào cuối thế kỷ 17 và những căn nhà của quý tộc Anh vào cuối thế kỷ 18 trước khi cô đặt chân đến Lâu đài Wentworth. Cao ốc này - Victoria gọi tòa Lâu đài bằng cái tên như vậy - được Ngài John Vanbrugh xây dựng vào năm 1697. Đây là công trình đầu tay của ông ta trước khi ông ta xây dựng Lâu đài Howard và sau đó là Cung điện Blenheim cho một vị tướng thắng trận khác và trước khi ông ta trở thành một kiến trúc sư nổi tiếng nhất thời bấy giờ.

Con đường dài chạy từ cổng vào tòa lâu đài được bao phủ bởi những tán sồi dày đặc. Một vài cây sồi cổ thụ đã bị đổ trong trận bão vào năm 1987 và để lại những lỗ hổng lớn. Anna lái xe qua một chiếc hồ đầy chim Magoi Koi, những con chim di cư đến từ Nhật Bản, rồi qua hai chiếc sân tennis và một bãi cỏ phủ đầy lá vàng của mùa xuân. Khi cô ngoặt vào lối rẽ, tòa lâu đài hiện ra sừng sững giữa một khu rừng cổ thụ rộng hàng ngàn mẫu Anh.

Victoria đã từng nói với Anna rằng tòa lâu đài này có tất cả 67 phòng, trong đó có 14 phòng dành cho khách. Căn phòng mà cô đã ở tại tầng một, phòng Van Gogh, có diện tích bằng căn hộ của cô tại New York. Khi tới đại sảnh, Anna để ý thấy lá cờ treo trên tháp đồng của tòa lâu đài chỉ được kéo lên ngang nửa thân cột cờ. Vừa cho xe dừng lại, Anna vừa băn khoăn không hiểu người bà con cao niên nào của Victoria vừa qua đời.

Chiếc cánh cửa khổng lồ bằng gỗ sồi mở ra trước khi cô lên đến bậc cầu thang trên cùng. Cô cầu nguyện rằng Victoria có mặt ở nhà, rằng Fenston chưa biết là cô đang có mặt ở nước Anh.

“Xin chào bà”, người quản gia nói bằng một giọng rất lịch sự. “Tôi có thể giúp được gì cho bà?”

Tôi đây mà, Andrews, Anna muốn nói như vậy và cô cảm thấy rất ngạc nhiên khi ông ta ăn nói

với mình bằng một kiểu cách trang trọng như thế. Cô cũng đáp lại bằng một giọng trang trọng, “Tôi muốn nói chuyện với Phu nhân Victoria, chuyện khẩn”.

“Tôi e rằng sẽ rất khó”, Andrews trả lời, “nhưng tôi sẽ đi xem liệu Phu nhân có thời gian rảnh để tiếp bà hay không. Xin bà vui lòng chờ ở đây cho đến khi có câu trả lời”.

Ông ta muốn nói gì, *Tôi e rằng sẽ rất khó, nhưng tôi sẽ đi xem liệu Phu nhân...*

Trong khi ngồi chờ ở đại sảnh, Anna ngắm nhìn bức tranh của Catherine, Phu nhân Wentworth, do Gainsborough vẽ. Cô nhớ lại từng bức tranh trong tòa Lâu đài này, nhưng mắt cô dừng lại ở bức tranh mà cô yêu thích treo ở cuối cầu thang, bức Bà Siddons của họa sỹ Romney. Cô nhìn sang lối dẫn vào phòng khách và được đón chào bằng bức Actaeon, Vô địch xứ Derby của họa sỹ Stubbs, vẽ con ngựa yêu thích của Ngài Harry Wentworth. Bức tranh vẫn còn nguyên vẹn trong khung. Nếu Victoria nghe theo lời khuyên của cô, ít nhất bà ta cũng cứu được phần còn lại của bộ sưu tập.

Viên quản gia quay lại với những bước sải đều.

“Phu nhân sẽ tiếp bà ngay bây giờ”, ông ta nói, “nếu bà vui lòng tới phòng khách”. Ông ta hơi cúi thấp đầu, trước khi dẫn cô qua đại sảnh.

Anna cố tập trung vào kế hoạch sáu điểm của cô, nhưng trước tiên cô cần phải giải thích tại sao cô lại chậm hơn so với giờ hẹn gặp tới 48 tiếng, cho dù chắc chắn Victoria đã biết về những gì diễn ra ở New York vào hôm thứ Ba và có thể sẽ ngạc nhiên khi thấy cô vẫn còn sống.

Khi Anna bước chân vào phòng khách, cô thấy Victoria đang ngồi trên ghế sofa, đầu cúi xuống, mình mặc đồ tang màu đen. Một con chó giống Labrador đang ngủ dưới chân bà ta. Theo như cô biết thì Victoria đâu có nuôi chó và cô ngạc nhiên khi thấy bà ta không đón chào cô bằng cử chỉ thân mật thường thấy. Victoria ngẩng đầu lên và Anna há hốc miệng, trong khi Arabella nhìn cô một cách lạnh lùng. Trong tích tắc, cô hiểu tại sao Lâu đài Wentworth lại treo cờ rủ. Anna đứng lặng và phải cố gắng để chấp nhận sự thật là cô sẽ không bao giờ còn được gặp lại Victoria nữa, cô sẽ phải thuyết phục người em gái của Victoria, một người mà cô chưa bao giờ gặp mặt. Anna thậm chí còn không biết tên bà ta. Người phụ nữ có ngoại hình giống hệt Victoria kia chẳng thềm đứng dậy và chẳng thềm chìa tay ra.

“Cô có muốn dùng một chút trà không, Tiến sỹ Petrescu?” Arabella hỏi bằng một giọng lạnh lùng cho thấy câu trả lời mà bà muốn nhận là, *Không, xin cảm ơn*.

“Không, xin cảm ơn”, Anna nói. Cô vẫn đứng nguyên tại chỗ. “Liệu tôi có thể biết Victoria đã chết như thế nào không?” cô hỏi khẽ.

“Tôi nghĩ là cô đã biết”, Arabella trả lời bằng một giọng lạnh lùng.

“Tôi không hiểu bà muốn nói gì”, Anna nói.

“Vậy cô tới đây làm gì”, Arabella hỏi, “nếu không phải là để lấy đi những gì còn lại ở lâu đài này?”

“Tôi tới để cảnh báo Victoria đừng cho họ đem bức Van Gogh đi, trước khi tôi có cơ hội”

“Họ đã đem bức tranh ấy đi vào hôm thứ Ba”, Arabella nói. Bà dừng lại rồi nói tiếp, “Bọn họ cũng chẳng thềm đợi cho đến khi lễ tang được tổ chức xong”.

“Tôi đã cố liên lạc, nhưng họ từ chối không cho tôi xin số điện thoại của lâu đài. Nếu tôi liên lạc

được”, Anna lẩm bầm mảy câu không rõ, rồi nói thêm, “Và bây giờ thì quá muộn rồi”.

“Quá muộn cho chuyện gì?” Arabella hỏi.

“Tôi gửi cho Victoria một bản sao báo cáo của tôi, trong đó tôi đề nghị-”

“Đúng, tôi đã đọc bản báo cáo đó”, Arabella nói, “nhưng cô nói đúng, bây giờ đã quá muộn để làm chuyện đó. Luật sư mới của tôi đã cảnh báo tôi rằng phải mất nhiều năm mới có thể bán được tòa lâu đài, và đến khi đó, chúng tôi đã mất hết chẳng còn gì”.

“Chắc chắn đó là lý do khiến ông ta không muốn tôi sang Anh quốc để trực tiếp nói chuyện với Victoria”, Anna nói mà không giải thích.

“Tôi không dám chắc là tôi hiểu ý cô”, Arabella vừa nói vừa nhìn cô chăm chú.

“Tôi đã bị Fenston sa thải vào hôm thứ Ba”, Anna nói, “vì đã gửi một bản sao báo cáo của tôi cho Victoria”.

“Victoria đã đọc bản báo cáo đó”, Arabella nói nhỏ. “Tôi có một bức thư khẳng định chị ấy đang định làm theo lời khuyên của cô, nhưng đó là trước khi xảy ra cái chết thương tâm của chị ấy”.

“Bà ấy đã chết như thế nào?” Anna hỏi.

“Chị ấy đã bị giết, bằng một cách hèn nhát và tàn nhẫn”, Arabella nói. Bà dừng lại và nhìn thẳng vào Anna rồi nói thêm, “Và tôi chắc chắn rằng Fenston có thể kể rõ chi tiết cho cô nghe”. Anna cúi đầu, không nghĩ ra được một lời nào để nói; kế hoạch sáu điểm của cô đã tan thành mây khói. Fenston đã hủy hoại tất cả. “Chị Victoria quá tin người, quá ngây thơ”, Arabella nói tiếp, “không ai đáng bị đối xử như vậy, huống hồ là một người tốt tính như chị ấy”.

“Tôi xin thành thật chia buồn”, Anna nói, “bây giờ tôi mới biết chuyện. Bà phải tin tôi. Tôi thực sự bị bất ngờ”. Arabella nhìn ra bãi cỏ bên ngoài cửa sổ và im lặng hồi lâu. Bà quay lại nhìn Anna.

“Tôi tin cô”, cuối cùng Arabella nói. “Ban đầu tôi nghĩ cô chính là kẻ phải chịu trách nhiệm về chuyện này”. Bà dừng lại. “Bây giờ thì tôi biết là mình đã lầm. Nhưng tiếc thay, mọi chuyện đã quá muộn. Bây giờ chúng ta chẳng còn làm được gì”.

“Chưa hẳn là như thế”, Anna vừa nói vừa nhìn Arabella với một đôi mắt đầy quyết tâm. “Nhưng nếu để tôi có thể làm được chuyện gì đó, tôi cần phải có sự tin tưởng của bà, cũng giống như Victoria đã tuyệt đối tin tưởng tôi”.

“Ý cô là gì. Tin tưởng cô?” Arabella hỏi lại.

“Hãy cho tôi một cơ hội”, Anna nói, “để chứng tỏ rằng tôi không có liên quan gì tới cái chết của Victoria”.

“Nhưng cô có thể làm gì?” Arabella hỏi.

“Lấy lại bức Van Gogh”.

“Nhưng như tôi đã nói, bọn họ đã đưa bức tranh ấy đi”.

“Tôi biết”, Anna nói, “nhưng chắc chắn nó vẫn còn ở nước Anh, bởi vì Fenston đã sai một người tên là Leapman sang đây để nhận”. Anna nhìn đồng hồ. “Ông ta sẽ hạ cánh xuống Heathrow

trong vòng vài giờ nữa”.

“Nhưng cho dù cô giữ lại được bức tranh đi nữa, làm sao chuyện đó của thể giải quyết được mọi vấn đề?” Anna nói qua về kế hoạch sáu điểm của cô, và hài lòng khi thấy Arabella thì thoáng lại gật đầu. Khi trình bày xong kế hoạch, cô nói thêm, “Tôi cần có sự ủng hộ của bà, nếu không những gì tôi đang nghĩ trong đầu cũng đủ để khiến tôi bị bắt giam”. Arabella yên lặng một lát, trước khi nói, “Cô là một cô gái dũng cảm và có lẽ bản thân cô chưa đánh giá hết lòng dũng cảm của mình. Nhưng nếu cô đã sẵn lòng chấp nhận một sự rủi ro lớn đến như vậy, thì chẳng có lý gì mà tôi lại không hết sức ủng hộ cô tới cùng”.

Anna mỉm cười với khuôn mặt lạnh lùng trước mặt mình, và nói, “Bà có thể kiểm tra lại xem ai là người đã tới lấy bức Van Gogh không?”

Arabella đứng dậy và đi tới bàn làm việc; con chó đã thức dậy và chạy theo bà. Bà cầm một tấm danh thiếp lên. “Một người tên là Ruth Parish”, bà nói, “của công ty Art Locations”.

“Đúng như tôi đã dự đoán”, Anna nói. “Vậy thì tôi phải đi ngay, bởi vì tôi chỉ còn vài giờ trước khi Leapman hạ cánh”.

Anna bước tới trước và chìa tay ra, nhưng Arabella không đáp lại. Bà nắm lấy cánh tay của Anna và nói, “Nếu tôi có thể làm gì đó để cùng cô báo thù cho người chị thân yêu của tôi...”

“Bất cứ chuyện gì chứ?”

“Bất cứ chuyện gì”, Arabella nói.

“Khi tòa Tháp Bắc sụp đổ, tất cả các hồ sơ liên quan tới khoản vay của Victoria đều không còn”, Anna nói, “kể cả hợp đồng gốc. Bản sao duy nhất đang do bà giữ. Nếu-”

“Cô không cần phải nói thêm”, Arabella nói.

Anna mỉm cười. Người đang nói chuyện với cô không phải là Victoria. Cô quay người bước đi và ra tới đại sảnh trước cả khi viên quản gia kịp mở cửa.

Arabella đứng bên cửa sổ nhìn theo cho đến khi chiếc xe của Anna đã khuất bóng. Bà tự hỏi không biết liệu bà có còn được gặp lại cô gái ấy không.

“Petrescu”, một giọng nói cất lên, “vừa rời khỏi Lâu đài Wentworth. Cô ta đang chạy theo hướng vào trung tâm London. Tôi đang bám theo cô ta và sẽ báo cáo tình hình cho sếp”.

Anna lái xe ra khỏi Lâu đài Wentworth, quay lên đường M25, và tìm kiếm biển chỉ đường tới sân bay Heathrow. Lúc này đã gần hai giờ chiều, vì vậy cô không còn cơ hội gọi điện cho Tina nữa, bởi vì chắc chắn Tina đang ngồi bên bàn làm việc của mình tại Phố Wall. Nhưng cô thực sự cần phải thực hiện một cuộc gọi khác nếu cô muốn có cơ hội thành công trong kế hoạch của mình.

Vừa lái xe qua làng Wentworth, Anna vừa cố nhớ lại quán ăn mà Victoria đã từng đưa cô tới để ăn tối. Rồi cô nhìn thấy một lá cờ của dòng họ Wentworth đang bay trong gió, ngang thân cột cờ.

Anna đỗ xe ngay cạnh lối ra vào quán ăn mang tên Wentworth Arms. Cô bước qua quầy tiếp tân và tiến thẳng tới quầy bar.

“Cô có thể đổi cho tôi 5 đôla được không?” cô hỏi cô gái phục vụ quầy.

“Tôi cần thực hiện một cuộc gọi điện thoại”.

“Tất nhiên, cưng”, cô ta trả lời ngay, rồi mở ngăn kéo đựng tiền và đưa cho Anna hai đồng tiền xu mệnh giá một bảng Anh. Đúng là đồ cướp ngày, Anna muốn nói với cô ta như vậy, nhưng cô không có thời gian để cãi cọ.

“Điện thoại ở ngay sau nhà ăn, phía bên phải”.

Anna quay số điện thoại mà cô đã thuộc lòng trong đầu. Chỉ sau hai tiếng chuông và một giọng nói cất lên, “Xin chào, Sotheby xin nghe”. Anna cho một đồng xu vào khe, và nói, “Làm ơn cho tôi nói chuyện với Mark Poltimore”.

“Cô chờ một chút, tôi sẽ nối máy ngay”.

“Mark Poltimore xin nghe”.

“Mark, Anna đây, Anna Petrescu”.

“Anna, một bất ngờ thật tuyệt vời. Tất cả bọn tôi đều lo cho cô. Thế cô đã ở đâu vào hôm thứ Ba?”

“Amsterdam”, cô đáp.

“Cảm ơn Chúa vì điều đó”, Mark nói. “Khủng khiếp quá. Còn Fenston?”

“Lúc đó không có mặt trong tòa nhà”, Anna nói, “và đó là lý do tại sao tôi lại gọi cho anh. Ông ấy muốn biết quan điểm của anh về bức Van Gogh”.

“Về tính xác thực hay về giá cả?” Mark hỏi. “Bởi vì nếu nói đến chuyện nguồn gốc của các bức tranh, tôi chỉ là đàn em của cô”.

“Không có gì phải nói về nguồn gốc của bức tranh này”, Anna nói, “nhưng tôi cần tham khảo thêm ý kiến của anh về giá trị của nó”.

“Tôi có biết bức này không?”

“*Chân dung người cụt tai*”, Anna nói.

“Bức chân dung của Lâu đài Wentworth à?” Mark hỏi lại. “Tôi đã biết gia đình này từ lâu và không nghĩ rằng họ sẽ bán bức tranh đó”.

“Tôi đâu có nói là họ sẽ bán”, Anna nói mà không giải thích gì thêm.

“Cô có thể đưa bức tranh tới đây để tôi xem kỹ hơn được không?”

“Tôi rất muốn thế, nhưng tôi không có phương tiện vận chuyển đủ độ an toàn. Tôi hy vọng anh có thể giúp cho chuyện đó”.

“Bây giờ bức tranh ở đâu?” Mark hỏi. “Trong một nhà kho an toàn ở Heathrow”.

“Thế thì tốt rồi”, Mark nói. “Hàng ngày chúng tôi đều có một chuyến hàng gửi đi từ Heathrow. Chiều mai có được không?”

“Hôm nay thì tốt hơn”, Anna nói, “anh biết ông chủ của tôi rồi đấy”.

“Cứ giữ máy nhé, tôi cần phải kiểm tra xem họ đã bay chưa”. Đường dây rơi vào yên lặng và Anna có thể nghe rõ tiếng đập thành thịch của tim mình. Cô dứt đồng xu còn lại vào khe. Mark đã quay trở lại. “Cô may mắn nhé. Người phụ trách của chúng tôi sẽ nhận một vài thứ cho hãng vào lúc khoảng 4 giờ chiều. Thế nào, có ổn không?”

“Tốt, nhưng anh có thể làm ơn giúp tôi một chuyện nữa không? Nhờ anh yêu cầu họ gọi cho Ruth Parish của công ty Art Locations, ngay trước khi xe tới?”

“Không có vấn đề gì. Và bao lâu nữa chúng ta sẽ phải định giá bức tranh ấy?”

“Bốn mươi tám giờ nữa”.

“Cô sẽ chọn Sotheby nếu cô có ý định bán bức tranh ấy chứ, Anna?”

“Tất nhiên”.

“Tôi nóng lòng muốn được thấy bức tranh ấy quá rồi đấy”, Mark nói.

Anna gác ống nghe, và cảm thấy kinh sợ khi thấy mình nói dối một cách dễ dàng như vậy. Cô bắt đầu nhận ra rằng đối với Fenston, việc đánh lừa cô là một chuyện hết sức đơn giản.

Cô lái xe ra khỏi Wentworth Arms, và hiểu rằng mọi chuyện bây giờ tùy thuộc vào việc lúc này Ruth Parish có mặt ở văn phòng hay không. Khi ra đến đường lớn, Anna cho xe chạy trên làn tốc độ thấp và vừa điều khiển xe vừa suy nghĩ về những tình huống xấu có thể xảy ra. Liệu Ruth có biết về việc cô đã bị sa thải hay không? Biết đâu Fenston đã nói với bà ta rằng cô đã chết? Liệu Ruth có chấp nhận tư cách của cô trong một việc quan trọng như vậy? Anna biết mình chỉ có một cách duy nhất để tìm hiểu về tất cả những chuyện này. Cô thậm chí còn định gọi điện cho Ruth, nhưng rồi cô hiểu rằng bất kỳ sự cảnh báo trước nào đều giúp cho bà ta có thêm thời gian để kiểm tra lại. Nếu muốn có cơ hội, cô phải làm cho Ruth không kịp trở tay.

Anna chìm sâu vào những suy nghĩ của mình tới mức cô suýt đi qua lối rẽ vào sân bay Heathrow. Sau khi rời khỏi đường M25, cô cho xe chạy qua các biển chỉ đường tới cổng số một,

số hai, số ba, số bốn và hướng thẳng tới khu nhà kho này ngay sát đường Southern Perimeter.

Cô đánh xe vào khu vực đỗ xe dành riêng cho khách ngay bên ngoài văn phòng của công ty Art Locations. Cô ngồi trong xe một lúc để lấy lại bình tĩnh. Tại sao cô không bỏ mặc mọi chuyện và chỉ việc đánh xe đi khỏi nơi này? Cô đâu có cần phải dính líu vào chuyện này, đâu có cần phải mạo hiểm như vậy. Rồi cô nghĩ tới Victoria, và vai trò vô tình của cô trong cái chết của người phụ nữ hiền lành ấy. “Xông lên đi, cô em”, Anna nói to với chính mình. “Hoặc là họ chưa biết gì, hoặc là họ đã biết tất cả, và cho dù họ đã được cảnh báo, cô em vẫn có thể thoát ra và leo lên xe chỉ trong vòng hai phút. Anna nhìn vào gương. Có nét gì khác thường khiến họ phát hiện ra không? “Tiến lên”, cô lại tiếp tục khích lệ mình và cuối cùng cô mở cửa xe ra. Cô hít một hơi thở thật sâu và bước qua đường nhựa về phía lối vào tòa nhà. Cô đẩy cửa ra và bước tới chỗ người nhân viên tiếp tân mà cô chưa từng gặp. Một sự khởi đầu không thuận lợi.

“Ruth có ở đây không?” Anna hỏi một cách vui vẻ, như thể ngày nào cô cũng ghé qua văn phòng này.

“Không, bà ấy đang ăn trưa ở Học viện Hoàng gia để thảo luận về cuộc triển lãm tranh Rembrandt sắp tới”. Anna hết sức thất vọng.

“Nhưng có lẽ bà ấy sắp về”.

“Vậy thì tôi sẽ đợi”, Anna nói và cố nở một nụ cười.

Cô ngồi xuống một chiếc ghế trong phòng đợi, cầm lên một tờ báo Newsweek cũ có in hình Al Gore ở trang bìa và giở qua các trang báo. Cô liên tục nhìn lên chiếc đồng hồ treo tường trong quầy tiếp tân; kim đồng hồ chậm chậm quay: 3.10, 3.15, 3.20.

Cuối cùng, Ruth bước qua cửa vào lúc 3.22 phút. “Có tin nhắn không?” bà hỏi cô nhân viên tiếp tân.

“Không”, cô gái đáp, “nhưng có một người phụ nữ đang chờ bà”.

Anna nín thở khi Ruth tiến lại chỗ cô.

“Anna”, bà reo lên. “Thật tuyệt vời khi được gặp lại cô”. Vậy là đã vượt qua rào cản đầu tiên. “Tôi đang băn khoăn không biết cô có còn theo đuổi công việc này sau thảm kịch ở New York hay không”. Rào cản thứ hai đã được dỡ bỏ. “Đặc biệt là khi ông chủ của cô nói với tôi rằng một ông Leapman nào đó sẽ đích thân tới lấy bức tranh”. Qua rào cản thứ ba. Không ai nói với Ruth rằng Anna bị liệt vào danh sách mất tích và có nhiều khả năng là đã chết.

“Trông cô có vẻ hơi mệt”, Ruth nói. “Cô không sao chứ?”

“Tôi khỏe mà”, Ann vừa nói vừa loạng choạng bước qua rào cản thứ tư, nhưng ít nhất thì cô vẫn còn đứng trên đôi chân của mình, cho dù còn đến sáu rào cản nữa mới tới đích thì cô vẫn tiến lên.

“Cô ở đâu vào hôm thứ Ba ấy?” Ruth hỏi bằng một giọng đầy quan tâm. “Chúng tôi sợ xảy ra tình huống xấu nhất. Tôi thực sự muốn hỏi ông Fenston, nhưng cô biết đấy, chẳng ai có cơ hội hỏi han ông ấy điều gì”.

“Đang giải quyết công việc của công ty ở Amsterdam”, Anna đáp, “nhưng Karl Leapman gọi điện cho tôi tối hôm qua và yêu cầu tôi bay qua đây để kiểm tra xem mọi thứ đã sẵn sàng chưa, để khi ông ta hạ cánh thì chỉ việc đưa bức tranh lên máy bay”.

“Chúng tôi đã sẵn sàng hơn cả mức mà ông ấy mong muốn”, Ruth nói, “nhưng tôi sẽ lấy xe đưa cô tới nhà kho và cô sẽ được thấy tận mắt. Chờ một phút nhé. Tôi cần kiểm tra xem có ai gọi điện không và báo cho thư ký biết tôi sắp đi đâu”.

Anna đi đi lại lại một cách lo âu, băn khoăn không biết Ruth có gọi tới New York để kiểm tra câu chuyện của cô không. Nhưng bà ta gọi để làm gì? Chưa bao giờ bà ta làm chuyện đó. Vài phút sau, Ruth đã quay trở lại. “Cái này vừa được chuyển tới bàn làm việc của tôi”, Ruth vừa nói vừa đưa cho Anna một bức thư điện tử. Tim Anna như ngừng đập. “Khẳng định lại rằng ông Leapman sẽ hạ cánh vào lúc khoảng 7 giờ tối nay. Ông ta muốn chúng ta đợi trên đường băng, chuẩn bị sẵn sàng để chuyển bức tranh lên máy bay, vì ông ta định sẽ cho máy bay đỗ lại trên đường băng chỉ khoảng một giờ”.

“Đúng là Leapman”, Anna nói.

“VẬY thì chúng ta nên đi ngay bây giờ”, Ruth vừa nói vừa bước ra phía cửa.

Anna gật đầu, đi theo Ruth ra khỏi tòa nhà và nhảy lên ghế ngồi dành cho hành khách trên chiếc xe Range Rover của Ruth.

“Khủng khiếp thật, chuyện xảy ra với Phu nhân Victoria ấy”, Ruth vừa nói vừa đánh xe hướng về phía Nam của cổng hàng hoá. “Báo chí đang làm ồn lên về một vụ giết người - kẻ sát nhân bí hiểm, cắt cổ họng bằng dao làm bết - nhưng cảnh sát vẫn chưa bắt được ai”.

Anna không nói gì, những từ “cắt cổ” và “kẻ sát nhân bí hiểm” vang trong đầu cô. Phải chăng đó chính là lý do khiến Arabella gọi cô là một phụ nữ dũng cảm?

Ruth cho xe dừng lại bên ngoài một tòa nhà bê tông không có nét gì đặc biệt. Trước kia Anna cũng đã từng tới chỗ này vài lần. Cô nhìn đồng hồ: 3 giờ 40 phút chiều.

Ruth đưa cho người nhân viên bảo vệ xem thẻ ra vào của mình. Anh ta ngay lập tức mở khoá chiếc cửa bằng thép dày. Anh ta đi theo hai người dọc theo hành lang dài màu xám bằng bê tông. Anna có cảm giác như đang ở trong một boong ke. Người nhân viên bảo vệ dừng lại ở chiếc cánh cửa thứ hai. Trên chiếc cánh cửa này có một bảng mã. Chờ cho đến khi nhân viên bảo vệ đã lùi ra xa, Ruth bấm mật mã gồm sáu con số của mình lên bảng mã. Bà kéo mạnh chiếc cánh cửa nặng nề và hai người bước vào một căn phòng bê tông hình vuông. Một chiếc nhiệt kế trên tường cho biết nhiệt độ trong phòng là 20 độ C.

Bao quanh phòng là những giá gỗ, trên đó xếp đầy những bức tranh sắp được chuyển tới khắp nơi trên thế giới, tất cả đều được đóng gói trong những chiếc thùng màu đỏ đặc trưng của công ty Art Locations. Ruth kiểm tra kho hàng của mình, trước khi bước qua căn phòng tới một chiếc giá xếp đầy tranh. Bà gõ nhẹ lên chiếc thùng có ghi con số 47 ở cả bốn góc.

Anna bước theo Ruth và cố câu giờ. Cô cũng xem xét cả kho hàng, rồi xem đến thùng số 47, Vincent Van Gogh, *Chân dung người cụt tai*, 24x18 inch.

“Mọi thứ đều có vẻ ổn”, Anna nói vừa khi người nhân viên bảo vệ xuất hiện ở cửa.

“Xin lỗi đã ngắt lời bà, thưa bà Parish, nhưng có hai nhân viên của Sotheby đang chờ ở ngoài, nói rằng họ được lệnh nhận bức Van Gogh để đem đi thẩm định”.

“Cô có biết gì về chuyện này không?” Ruth quay sang hỏi Anna.

“Ồ, tất nhiên”, Anna nói, không để lỡ một nhịp nào, “chủ tịch yêu cầu tôi đem bức Van Gogh đi định giá để làm bảo hiểm trước khi đưa về New York. Họ chỉ cần bức tranh trong vòng một giờ,

và sau đó họ sẽ trả lại ngay”.

“Ông Leapman không đề cập gì đến chuyện này”, Ruth nói. “Không thấy nói đến trong thư điện tử của ông ta”.

“Thành thật mà nói”, Anna nói, “Leapman là một người hoàn toàn mù tịt, ông ta không phân biệt nổi một bức Van Gogh với một bức Van Morrison”. Anna dừng lại. Thường thì cô chẳng bao giờ làm liều, nhưng cô không thể để Ruth gọi điện cho Fenston để kiểm tra lại. “Nếu bà còn nghi ngờ chuyện gì, tại sao không gọi điện cho Fenston để kiểm tra xem?” cô nói. “Như thế mọi chuyện sẽ rõ ràng hơn”.

Anna chờ đợi một cách lo âu trong khi Ruth cân nhắc đề nghị của cô. “Làm thế để ông ta đập vỡ đầu tôi à”, cuối cùng Ruth nói. “Không, cảm ơn, tôi nghĩ tôi sẽ nghe theo lời cô. Nhưng cô phải ký vào lệnh xuất kho?”

“Tất nhiên”, Anna nói, “Cũng chỉ là công việc bình thường của một nhân viên ngân hàng”. Cô hy vọng giọng mình nghe vẫn bình thường.

“Và cô sẽ giải thích sự thay đổi này với Leapman chứ?”

“Không cần thiết”, Anna nói, “bức tranh sẽ được trả lại từ rất lâu trước khi Leapman hạ cánh”.

Ruth trông có vẻ yên tâm, bà quay sang nói với người nhân viên bảo vệ, Số 47.

Cả hai người cùng đi theo anh ta và theo dõi anh ta lấy chiếc thùng bọc giấy đỏ trên giá xuống rồi đưa ra chiếc xe tải chống cướp của hãng Sotheby.

“Ký vào đây”, người tài xế nói.

Anna bước lên và ký vào giấy xuất kho.

“Khi nào thì anh sẽ đưa trả lại bức tranh?” Ruth hỏi người lái xe.

“Tôi không biết gì về-”

“Tôi đã yêu cầu Mark Poltimore gửi trả lại bức tranh trong vòng vài giờ”, Anna nói chen vào.

“Tốt nhất là bức tranh phải được trả lại trước khi Leapman tới”, Ruth nói, “tôi không muốn có rắc rối với ông ta”.

“Có lẽ bà sẽ yên tâm hơn nếu tôi cùng đi với họ tới hãng Sotheby?” Anna hỏi một cách ngây thơ. “Như thế tôi có thể giục họ làm nhanh hơn một chút”.

“Không quá phiền đến cô chứ?” Ruth hỏi.

“Trong hoàn cảnh này, như thế là tốt nhất”, Anna nói rồi trèo lên chiếc xe tải và ngồi giữa hai nhân viên bảo vệ của Sotheby.

Ruth vẫy tay theo cho đến khi chiếc xe tải khuất sau chiếc cổng và hoà vào dòng xe chạy về hướng trung tâm London.

Chiếc máy bay Gulfstream V của Fenston hạ cánh xuống sân bay Heathrow vào lúc 7.22, và Ruth đã đứng chờ sẵn trên đường băng để đón chào khách hàng của mình. Bà đã làm việc kỹ lưỡng với bên Hải quan và cung cấp cho họ đầy đủ mọi chi tiết liên quan để các giấy tờ cần thiết sẽ được chuẩn bị xong ngay khi Anna trở về.

Trong suốt một giờ qua, Ruth càng lúc càng hay nhìn về phía cổng. Bà sốt ruột mong cho chiếc xe tải kia mau trở lại. Bà đã gọi cho hãng Sotheby, và được một cô gái làm trong phòng Ấn tượng của họ cho biết là bức tranh đã được đưa về đó. Nhưng đã hơn hai tiếng đồng hồ trôi qua. Có lẽ nhẽ ra bà nên gọi sang Mỹ để kiểm tra lại, nhưng tại sao lại phải nghi ngờ một trong những khách hàng đáng tin cậy nhất của mình.

Ruth hướng sự chú ý của mình sang chiếc máy bay và quyết định chưa nói gì. Suy cho cùng, Anna chắc chắn sẽ trở lại trong vòng vài phút nữa.

Chiếc cánh cửa trên thân máy bay mở ra và những bậc cầu thang được hạ xuống. Cô chiêu đãi viên bước sang một bên để nhường lối đi cho vị hành khách duy nhất của mình. Karl Leapman bước xuống đường băng và bắt tay Ruth, trước khi cùng với bà bước lên một chiếc limousine của sân bay để tới đại sảnh dành riêng cho chủ nhân của những chiếc máy bay tư nhân cách đó không xa. Ông ta chẳng thèm giới thiệu về bản thân mình, Ruth phải tự biết ông ta là ai. “Có vấn đề gì không?” Leapman hỏi. “Chẳng có gì theo như tôi biết”, Ruth trả lời một cách tự tin. Lúc đó chiếc limousine vừa đỗ lại bên ngoài tòa nhà điều hành. “Chúng tôi đã làm theo mọi chỉ thị trong thư của ông, dù đã xảy ra cái chết thương tâm của Phu nhân Victoria”.

“Được”, Leapman vừa nói vừa bước ra khỏi xe. “Công ty chúng tôi sẽ gửi một vòng hoa tới viếng bà ta” và không dừng lại, ông ta nói thêm, “mọi thứ đều đã sẵn sàng để máy bay có thể cất cánh bay trở về Mỹ trong vòng một giờ nữa?”

“Vâng”, Ruth nói. “Chúng tôi sẽ đưa bức tranh lên máy bay khi phi công tiếp xong nhiên liệu - có lẽ không đến một giờ. Sau đó ông có thể lên đường”.

“Rất tốt”, Leapman vừa nói vừa đưa tay đẩy cánh cửa xoay. “Chúng tôi đã đặt giờ bay vào lúc 8:30 và tôi không muốn bị muộn giờ”.

“Thế thì có lẽ tôi nên để ông ngồi lại đây, còn tôi sẽ đi xem xét mọi chuyện”, Ruth nói, “nhưng tôi sẽ thông báo cho ông biết ngay khi bức tranh được đưa lên máy bay một cách an toàn”.

Leapman gật đầu và lại ngồi xuống chiếc ghế da to. Ruth quay mình bước đi.

“Ngài có uống gì không?” người nhân viên quầy Bar hỏi.

“Rượu Scotch pha đá”, Leapman nhìn lướt qua thực đơn rồi nói.

Khi ra đến cửa, Ruth quay đầu lại nói, “Khi Anna quay trở lại, nhờ ông nói với cô ấy rằng tôi đang ở chỗ Hải quan, chờ hoàn thiện thủ tục giấy tờ”.

“Anna?” Leapman la lên và đứng bật dậy.

“Vâng, cô ấy đã đến đây từ đầu giờ chiều”.

“Làm gì?” Leapman vừa hỏi vừa lao lại chỗ Ruth.

“Chỉ là để kiểm tra lại bức tranh, và để đảm bảo rằng chỉ thị của ông Fenston được thực hiện chính xác”, Ruth nói và cố tỏ ra như không có chuyện gì quan trọng.

“Chỉ thị gì?” Leapman hét lên.

“Đưa bức Van Gogh tới nhà đấu giá Sotheby để định giá cho việc làm bảo hiểm”.

“Chủ tịch đâu có yêu cầu thế”, Leapman nói.

“Nhưng Sotheby đã cho xe đến, và Tiến sỹ Petrescu đã khẳng định việc này”.

“Petrescu đã bị sa thải từ ba hôm trước. Liên lạc với Sotheby ngay”. Ruth chạy vội tới chỗ để máy điện thoại và quay số tổng.

“Cô ta giao dịch với ai ở Sotheby?”

“Mark Poltimore”, Ruth vừa nói vừa đưa ống nghe cho Leapman. “Poltimore”, ông ta hét lên ngay khi vừa nghe thấy lời chào trong máy, rồi nhận ra rằng mình đang nói chuyện với một chiếc máy trả lời tự động. Ông ta đập mạnh chiếc ống nghe xuống. “Bà có số máy nhà riêng của anh ta không?”

“Không”, Ruth nói, “nhưng tôi có số máy di động của anh ta”.

“Vậy thì gọi đi”.

Ruth nhanh chóng tìm số điện thoại trong máy của mình và lại quay số. “Mark?” bà hỏi to.

Leapman giật lấy chiếc ống nghe. “Poltimore?”

“Xin nghe”.

“Tôi là Leapman. Tôi là-”

“Tôi biết ông, ông Leapman ạ”, Mark nói.

“Tốt, bởi vì theo tôi biết thì anh đang giữ bức Van Gogh của chúng tôi”.

“Đã từng giữ, nói thế thì chính xác hơn”, Mark trả lời, “cho đến khi Tiến sỹ Petrescu, giám đốc nghệ thuật của các ông, thông báo với chúng tôi rằng ông đã đổi ý và yêu cầu đưa bức tranh trở lại phi trường Heathrow ngay lập tức để ông đưa nó sang New York”.

“Và anh đã nghe theo?” Leapman hỏi bằng một giọng cao dần theo mỗi từ thoát ra từ miệng ông ta.

“Chúng tôi không còn lựa chọn nào khác, ông Leapman ạ. Suy cho cùng, cô ấy là người được ủy thác”.

“Chào, Vincent đây”.

“Chào. Có đúng như những gì mình vừa nghe không?”

“Cậu nghe thấy gì?”

“Rằng cậu đã đánh cắp bức Van Gogh”.

“Đã báo cho cảnh sát chưa?”

“Chưa, ông ta không dám liều như vậy đâu, ít nhất bởi vì giá cổ phiếu của công ty đang giảm mạnh và vì bức tranh chưa được bảo hiểm”.

“Vậy ông ta định làm gì?”

“Ông ta sẽ cử một người tới London để truy tìm cậu, nhưng không biết đó là ai”

“Có thể khi họ tới London, mình đã rời khỏi đó”.

“Cậu đi đâu?”

“Ve nhà”.

“Và bức tranh đã an toàn rồi chứ?”

“An toàn tuyệt đối”.

“Hay lắm, nhưng còn một chuyện nữa mà cậu cần phải biết”.

“Chuyện gì vậy?”

“Fenston sẽ dự đám tang của cậu vào chiều nay”.

Điện thoại ngắt. Bốn mươi hai giây. Anna gác ống nghe và cảm thấy lo lắng cho Tina. Cô đã đặt bạn mình vào một hoàn cảnh quá nguy hiểm. Fenston sẽ làm gì nếu ông ta phát hiện ra lý do tại sao cô luôn đi trước ông ta một bước?

Cô bước lại bàn làm thủ tục.

“Cô có đem theo hành lý gì không?” người phụ nữ ngồi sau quầy hỏi. Anna lấy chiếc thùng màu đỏ ra khỏi xe đẩy và đặt lên cân. Sau đó cô đặt chiếc vali cạnh chiếc thùng.

“Hơi quá cân một chút, thưa bà”, người phụ nữ nói. “Tôi e là bà phải trả thêm tiền, 32 bảng”. Anna rút ví ra và lấy tiền đưa cho người phụ nữ.

Cô ta dán một chiếc nhãn lên vali của cô và dính một chiếc nhãn khác có dòng chữ “Dễ vỡ” lên chiếc thùng màu đỏ. “Cổng 43”, cô ta vừa nói vừa đưa vé cho Anna. “Ba mươi phút nữa sẽ mở cửa. Chúc một chuyến bay bình an”.

Anna bước về phía phòng chờ khởi hành.

Dù Fenston phái ai tới London để tìm cô, kẻ đó chắc chắn sẽ chỉ có mặt ở thành phố này sau khi cô đã cất cánh. Nhưng Anna hiểu rằng chỉ cần bọn họ đọc kỹ bản báo cáo của cô, họ sẽ biết bức tranh cuối cùng sẽ được đưa tới đâu. Anna chỉ cần đảm bảo rằng cô sẽ tới đó trước họ. Nhưng trước tiên cô phải gọi điện thoại cho một người mà đã mười năm nay cô không hề liên lạc, để báo trước cho người đó biết rằng cô đang trên đường đi. Anna đi thang máy lên tầng hai và đứng vào hàng người đang chờ để qua cửa kiểm tra. “Cô ta đang đi về phía cổng 43”, một giọng nói cất lên, “và sẽ lên chuyến bay BA 272 tới Bucharest khởi hành lúc 7:44 phút...”

Fenston cố len vào một hàng người gồm toàn những nhân vật tai to mặt lớn khi Tổng thống Bush và Thị trưởng Giuliana bắt tay với các nhân vật đại diện cho những người tham dự buổi lễ tại Bãi Trống.

Ông ta quanh quẩn ở đó cho đến khi chiếc trực thăng của Tổng thống đã cất cánh rồi mới tìm chỗ đứng lẫn vào đám đông những người đang tham dự lễ tang, ông ta đứng ở cuối đám đông và lắng nghe những cái tên được đọc to lên. Mỗi cái tên đi kèm với một tiếng chuông.

Greg Abbot

Ông ta nhìn quanh đám đông.

Kelly Gullickson

Ông ta nhìn kỹ khuôn mặt những người thân của các nạn nhân đang tập trung để tưởng nhớ những người thân yêu của họ.

Anna Petrescu

Fenston biết mẹ của Petrescu sống ở Bucharest và không có mặt trong buổi lễ này. Ông ta chăm chú quan sát những con người xa lạ đang đứng quanh mình, và băn khoăn không hiểu ai trong số họ là Bác George, đến từ Danville, Illinois.

Rebecca Rangere

Ông ta liếc nhìn Tina. Nước mắt đang chảy ròng ròng trên khuôn mặt chị, chắc chắn không phải là dành cho Anna Petrescu.

Brulio Real Polanco

Vị tu sỹ cúi đầu. Ông đọc lời cầu nguyện, rồi gấp cuốn Kinh Thánh lại và làm dấu chữ thập. “Nhân danh Cha, Con và Thánh thần”, ông nói to.

“Amen”, đám đông đồng thanh đáp lại.

Tina nhìn sang chỗ Fenston, không một giọt nước mắt, chỉ có kiểu đổi chân quen thuộc cho thấy ông ta đang buồn chán. Trong khi những người khác đứng tụm lại thành từng nhóm nhỏ để tưởng nhớ những nạn nhân của vụ khủng bố, Fenston bỏ đi mà không nói với ai một lời nào. Ông ta một mình bước ra chỗ chiếc xe đang chờ mình ở bên ngoài.

Tina đứng giữa mấy người đang than khóc, nhưng mắt chị không rời Fenston. Tài xế đang giữ cánh cửa xe cho ông ta. Fenston bước lên xe và ngồi cạnh một người phụ nữ mà Tina chưa từng gặp bao giờ. Không ai nói một lời nào cho đến khi người tài xế đã ngồi vào sau vô lăng, bấm một chiếc nút trên bảng điều khiển và tấm kính màu khói nâng lên ngăn cách anh ta với hai người ngồi sau. Rồi chỉ trong tích tắc, chiếc xe đã hoà vào dòng xe cộ trên đường. Tina nhìn theo cho đến khi nó khuất hẳn. Chị hy vọng Anna sắp gọi cho mình - có quá nhiều điều cần báo cho Anna biết và giờ đây chị còn phải tìm hiểu xem người phụ nữ ngồi trong xe với Fenston là ai. Bọn họ có nói chuyện về Anna không? Phải chăng Tina đã đưa bạn mình vào một tình huống nguy hiểm không đáng có? Bức Van Gogh hiện đang ở đâu?

Người phụ nữ ngồi cạnh Fenston mặc một bộ đồ màu xám. Bình thường như bao nhiêu người bình thường khác là thứ mà cô ta cần. Cô ta chưa bao giờ đặt chân đến phòng làm việc hay phòng ở của Fenston, cho dù cô ta đã quen biết Fenston gần hai chục năm nay. Cô ta gặp Fenston lần đầu khi ông ta còn là tay chân của Tổng thống Nicolae Ceausescu.

Nhiệm vụ chủ yếu của Fenston trong triều đình Ceausescu là chuyển những khoản tiền khổng lồ vào vô số các tài khoản ở khắp nơi trên thế giới - những khoản tiền thưởng dành cho đám tay sai trung thành của kẻ độc tài. Khi một kẻ nào đó trong đám tay sai ấy không còn trung thành nữa, người phụ nữ ngồi cạnh Fenston trừ khử kẻ đó, và Fenston phân phối lại những tài sản của kẻ xấu số. Tài năng đặc biệt của Fenston là rửa tiền, tại những nơi xa xôi như Cook Islands và tại những nơi ngay sát hông nhà như Thụy Sĩ. Còn chuyên môn của cô ta là giết người - công cụ của cô ta là dao làm bếp, có sẵn ở khắp nơi, và không cần đến ống giảm thanh.

Cả hai đều biết, theo nghĩa đen, những cái xác kia được chôn ở đâu. Vào năm 1985, Ceausescu quyết định cử người của mình tới New York để mở một chi nhánh ngân hàng riêng ở hải ngoại cho ông ta. Trong khoảng thời gian bốn năm sau đó, Fenston mất liên lạc với người phụ nữ hiện giờ đang ngồi bên cạnh ông ta, cho mãi đến năm 1989, khi Ceausescu bị bắt, bị đưa ra xét xử và bị tử hình vào ngày Giáng sinh. Trong số những kẻ thoát được số phận này có Olga Krantz. Cô ta đã vượt qua biên giới của bảy quốc gia trước khi tới Mêhicô, rồi từ đó vượt biên sang Mỹ để trở thành một trong vô số những kẻ nhập cư trái phép không có bảo hiểm thất nghiệp và được một ông chủ vô lương tâm thu nạp. Ông chủ ấy đang ngồi cạnh cô ta Fenston là một trong số ít những người biết được lý lịch nhân thân thực sự của Krantz. Lần đầu tiên ông ta trông thấy Krantz là khi cô ta xuất hiện trên truyền hình lúc mới 14 tuổi với tư cách là một vận động viên thể dục dụng cụ của Romania trong cuộc đua tài với Liên Xô.

Krantz được xếp thứ hai, sau đồng đội của mình là Mara Moldoveanu, và báo chí lúc bấy giờ đã bắt đầu nói đến huy chương vàng và huy chương bạc dành cho họ tại kỳ Olympic tiếp theo. Đáng tiếc là cả hai người này đều không có cơ hội sang Moscow. Moldoveanu chết trong một tai nạn thương tâm khi bị ngã gẫy cổ lúc đang luyện tập. Lúc đó trong phòng tập chỉ có hai người là Moldoveanu và Krantz. Krantz thề sẽ giành huy chương vàng để tưởng nhớ bạn mình.

Những gì xảy ra với Krantz không đáng sợ như tai nạn đã xảy ra với Moldoveanu. Cô ta bị bong gân khi đang khởi động để luyện tập chỉ vài ngày trước khi thể vận hội Olympic được khai mạc. Cô ta biết mình chẳng còn cơ hội thứ hai. Giống như những vận động viên chưa có một thành tích thực sự xuất sắc nào, tên tuổi của cô ta nhanh chóng biến mất trên mặt báo. Fenston tưởng sẽ không bao giờ nghe nói đến tên cô ta nữa, cho đến một buổi sáng nọ khi ông ta nghĩ mình đã trông thấy Krantz bước ra khỏi văn phòng của Ceausescu. Cô gái kia trông có vẻ già hơn đôi chút, nhưng vẫn cái dáng đi thoăn thoắt ấy và không ai có thể quên được đôi mắt lạnh ánh thép kia. Chỉ cần vài câu hỏi đúng chỗ và Fenston đã biết rằng Krantz lúc này đã là đội trưởng đội cận vệ của Ceausescu. Công việc chính của cô ta là bẻ gãy xương những ai dám cản đường kẻ độc tài và vợ ông ta. Giống như mọi vận động viên khác, Krantz muốn trở thành cao thủ số một trong nghề của mình. Sau khi đã đạt đến mức siêu hạng trong ngón bẻ tay, bẻ chân, bẻ cổ, Krantz chuyển sang ngón "cắt họng", một ngón nghề mà không ai có thể tranh cướp huy

chương vàng với cô ta. Những giờ luyện tập miệt mài đã dẫn đến sự điêu luyện. Trong khi những người khác đi xem bóng đá hay xem phim vào tối thứ Bảy, cô ta lại chui vào một lò sát sinh ở ngoại ô Bucharest. Cô ta dành kỳ nghỉ cuối tuần để luyện tập kỹ năng “cắt họng” trên cừu và bê. Kỷ lục Olympic của cô ta là 42 cái họng trong một giờ.

Không một ai trong cái lò sát sinh ấy có thể bì với cô ta.

Ceausescu trả công cho cô ta rất hậu. Fenston trả cho cô ta còn hậu hơn. Điều khoản hợp đồng lao động của Krantz rất đơn giản. Cô ta phải có mặt 24/24 giờ, và không được làm việc cho bất kỳ một ai khác. Trong vòng 12 năm, khoản tiền công của cô ta đã tăng từ 250 nghìn bảng lên một triệu bảng. Cảnh chạy ăn từng bữa của dân nhập cư bất hợp pháp hoàn toàn xa lạ đối với Krantz. Fenston rút một tập hồ sơ trong cặp ra rồi đưa cho Krantz mà không nói một lời nào. Cô ta lật trang bìa ra và nhìn kỹ năm tấm ảnh mới chụp của Anna Petrescu.

“Hiện nay cô ta đang ở đâu?” Krantz hỏi bằng một giọng Trung Âu đặc sệt.

“London”, Fenston trả lời, trước khi ông ta đưa cho Krantz một tập hồ sơ nữa.

Cô ta lại mở tập hồ sơ ra và lần này chỉ có một tấm ảnh duy nhất. “Ai vậy”, cô ta hỏi.

“Ông ta còn quan trọng hơn cả Anna Petrescu”, Fenston trả lời.

“Sao lại có thể như thế?” Krantz vừa hỏi vừa xem kỹ tấm ảnh.

“Bởi vì ông ta là kẻ không thể thay thế”, Fenston nói, “không giống như Petrescu. Nhưng làm gì thì làm, không được giết cô ta trước khi cô ta đưa cô tới chỗ bức tranh”.

“Nếu cô ta không làm điều đó thì sao?”

“Cô ta sẽ làm điều đó”, Fenston nói. “Còn khoản tiền công của tôi cho việc bắt cóc một gã đã cụt sẵn một tai là bao nhiêu?” Krantz hỏi.

“Một triệu đôla. Trả trước một nửa, nửa kia sẽ được trả nốt khi cô giao ông ta cho tôi, còn nguyên vẹn”.

“Thế còn cô gái kia?”

“Cũng thế, nhưng cô chỉ được nhận tiền sau khi tôi đã tham dự đám tang thứ hai của cô ta”. Fenston gõ nhẹ lên tấm kính trước mặt và tài xế cho xe dừng lại bên lề đường. “Tiện đây xin nói thêm”, Fenston nói, “tôi đã chỉ đạo cho Leapman gửi tiền vào chỗ cũ, như mọi khi”. Krantz gật đầu, mở cửa xe, bước ra ngoài và biến mất trong đám đông.

26

“Tạm biệt Sam”, Jack nói, vừa lúc chiếc điện thoại cầm tay của anh bắt đầu chơi bản “Danny Boy”. Anh cứ để mặc chuông điện thoại rung cho đến khi anh đã quay trở ra phố East 54 bởi vì anh không muốn Sam nghe được nội dung cuộc nói chuyện của mình. Vừa bước về phía đại lộ Số Năm, anh vừa bấm cái nút màu xanh trên điện thoại. “Anh có gì cho tôi vậy, Joe?”

“Petrescu hạ cánh xuống sân bay Gatwick”, Joe nói. “Cô ta thuê một chiếc xe và lái thẳng đến Lâu đài Wentworth”.

“Cô ta ở đó bao lâu?”

“Ba mươi phút, không hơn. Khi ra khỏi lâu đài, cô ta rẽ vào một quán rượu gần đây để gọi điện thoại trước khi lái xe tới Heathrow, tại đó cô ta đã tìm gặp Ruth Parish tại văn phòng của bà ta ở công ty Art Locations”. Jack không ngắt lời anh ta. “Vào lúc khoảng bốn giờ, một chiếc xe tải của hãng Sotheby xuất hiện, nhận một chiếc thùng màu đỏ-”

“Kích thước?”

“Một chiều ba bộ, một chiều hai bộ, khoảng thế”.

“Chẳng cần phải nghĩ cũng biết trong đó là cái gì”, Jack nói. “Chiếc xe tải đi tới đâu?”

“Họ đưa bức tranh tới văn phòng Cánh Tây của hãng Sotheby”.

“Còn Petrescu?”

“Cô ta cùng đi với họ. Khi chiếc xe tải đến phố Bond, hai nhân viên bốc vác đưa chiếc thùng xuống và cô ta theo họ vào trong”.

“Bao lâu sau thì cô ta quay ra?”

“Hai mươi phút, và lần này cô ta đi một mình, vác theo chiếc thùng màu đỏ. Cô ta vẫy một chiếc tắc xi, cho chiếc thùng lên xe và biến mất”.

“Biến mất?” Jack hỏi giật giọng. “Anh nói gì, biến đi đâu?”

“Chúng tôi không có nhiều nhân viên”, Joe nói. “Phần lớn người của chúng tôi lúc này đang phải làm việc suốt ngày đêm để xác định các nhóm khủng bố có liên quan đến vụ khủng bố hôm thứ Ba”.

“Đã hiểu”, Jack dịu giọng nói.

“Nhưng vài giờ sau đó, chúng tôi đã phát hiện ra cô ta đang ở đâu”.

“Ở đâu?” Jack hỏi.

“Sân bay Gatwick. Anh đừng quên”, Joe nói, “là một phụ nữ trẻ đẹp mang theo một chiếc thùng màu đỏ thì không thể lẫn vào đâu được trong đám đông”.

“Nhưng ai chứ đặc vụ Roberts thì vẫn có thể không phát hiện ra”, Jack vừa nói vừa vẫy một chiếc tắc xi. “Đặc vụ Roberts à?” Joe hỏi.

“Để khi khác đi”, Jack vừa nói vừa trèo lên ghế sau xe tắc xi. “Vây lần này cô ta đi đâu?”

“Bucharest”.

“Tại sao cô ta lại đưa bức tranh vô giá ấy đến Bucharest?” Jack hỏi. “Theo lệnh của Fenston, tôi cá đấy”, Joe nói. “Suy cho cùng, đó là thành phố quê hương của ông ta và cả của cô ta nữa, theo tôi thì không có chỗ nào tốt hơn để giấu bức tranh”.

“Vây thì phái Leapman đến London để làm gì nếu không phải là để lấy bức tranh?”

“Nghĩ bình thôi”, Joe nói, “và điều đó cũng giải thích tại sao Fenston lại tham dự lễ tang của Anna Petrescu khi ông ta biết rõ cô ta vẫn còn sống và đang làm việc cho mình”.

“Còn một cách giải thích khác mà chúng ta phải cân nhắc”, Jack nói.

“Gì vậy, sếp?”

“Có thể cô ta không làm việc cho Fenston nữa và cố ý ăn cắp bức tranh”.

“Tại sao cô ta lại liều như vậy”, Joe nói, “trong khi cô ta biết là Fenston sẽ truy tìm cô ta bằng được?”

“Tôi không biết, nhưng chỉ có một cách để khám phá chuyện này”. Jack bấm nút màu đỏ trên điện thoại, và đưa cho tài xế tắc xi một địa chỉ ở West Side.

Fenston tắt chiếc máy ghi âm và cau mày. Cả hai người bọn họ đều đã nghe cuộn băng này đến lần thứ ba. “Khi nào thì ngài đuổi cổ con chó cái ấy đi?” Leapman hỏi.

“Chưa, khi mà cô ta là người duy nhất có thể dẫn chúng ta đến chỗ bức tranh”, Fenston đáp.

Leapman nhăn mặt. “Và ngài có nghe thấy từ quan trọng nhất trong cuộc nói chuyện của chúng không?” ông ta hỏi. Fenston nhướng mày. “Đi”, Leapman nói. Fenston vẫn không nói gì. “Nếu cô ta dùng từ về, ‘tôi đang về’, thì chắc chắn đích đến của cô ta là New York”.

“Nhưng cô ta lại dùng từ đi”, Fenston nói, “vây thì cô ta đi Bucharest”.

Jack ngồi ngả người trên ghế tắc xi và cố phán đoán xem bước đi tiếp theo của Petrescu sẽ là gì. Anh vẫn chưa biết nên xếp Anna vào hàng tội phạm chuyên nghiệp hay nghiệp dư. Và Tina Forster đóng vai trò gì trong phương trình này? Liệu có khả năng cả Fenston, Leapman, Petrescu và Forster đều làm việc cùng nhau? Nếu thế, tại sao Leapman chỉ ở lại London vài giờ rồi vội vàng trở lại New York? Bởi vì chắc chắn ông ta không gặp Petrescu và không đưa được bức tranh sang New York. Nhưng nếu Petrescu hành động một mình, cô ta chắc chắn phải biết rằng việc Fenston bắt được mình chỉ là vấn đề thời gian. Dù rằng Jack phải thừa nhận là Petrescu hiện giờ đang sống trên đất của mình, và có vẻ như cô ta không đánh giá hết những mối nguy hiểm đang chờ cô ta.

Nhưng Jack vẫn băn khoăn không hiểu tại sao Petrescu lại đi đánh cắp một bức tranh trị giá hàng chục triệu đôla, trong khi hơn ai hết cô ta phải biết rằng cô ta sẽ không thể bán được bức

tranh ấy mà không bị phát hiện. Thế giới nghệ thuật quá bé nhỏ và số người có đủ tiền để mua bức tranh đó còn bé nhỏ hơn. Và cho dù cô ta có thành công đi chăng nữa, cô ta sẽ làm gì với khoản tiền khổng lồ thu được? FBI sẽ lần ra nguồn gốc của những khoản tiền lớn như vậy chỉ trong vài giờ, cho dù cô ta gửi ở đâu, đặc biệt là sau những gì xảy ra vào hôm thứ Ba. Hoàn toàn vô lý. Trong khi chiếc tắc xi đang chạy vào công viên Central Park, Jack cố tìm ra một lô gic hợp lý cho tất cả những gì vừa diễn ra trong mấy ngày qua. Sau vụ 11/9, anh tưởng mình sẽ được rút ra khỏi vụ này, nhưng Macy nói rằng không nhất thiết phải tung mọi nhân viên vào việc truy lùng bọn khủng bố và nương tay với các tội ác khác.

Việc xin trát khám nhà Anna trong khi cô ta vẫn còn trong danh sách những người mất tích không có gì khó khăn đối với Jack. Suy cho cùng, người thân và bạn bè cần phải được liên lạc để xem họ có biết tin gì về cô ta không. Và rồi còn một khả năng nữa, Jack lập luận với bên tòa án, là cô ta đã nhốt mình trong nhà vì bị sốc. Tòa đã ký lệnh khám nhà cô ta mà không vạ vạ gì thêm.

Sam bật khóc ngay khi vừa nghe nhắc đến tên Anna. Ông già nói với Jack rằng ông ta sẽ làm bất cứ chuyện gì nếu cần để giúp đỡ anh. Ông già đưa anh lên phòng Anna và thậm chí còn mở cửa cho anh.

Jack bước quanh căn hộ nhỏ và gọn gàng của Anna trong khi ông già chờ ngoài hành lang. Anh chẳng biết được gì thêm ngoài những gì anh đã biết. Một cuốn sổ ghi chép cho anh biết số điện thoại của bác cô ta tại Danville, Illinois, và một chiếc phong bì cho anh biết địa chỉ của mẹ cô ta tại Bucharest. Có lẽ điều ngạc nhiên duy nhất là một bức tranh của Picasso, có chữ ký bằng bút chì của chính họa sỹ, treo ngoài phòng khách. Anh nhìn kỹ hình dấu sỹ và con bò tót trong tranh, rõ ràng là tranh vẽ. Anh không nghĩ là cô ta đã ăn cắp bức tranh để treo nó trong phòng khách cho mọi người chiêm ngưỡng. Hay đây là phần thưởng mà Fenston dành cho cô ta vì đã giúp ông ta đoạt được bức Van Gogh? Nếu đúng là như vậy thì chuyện này có thể phần nào giải thích việc cô ta đang làm. Rồi anh bước vào phòng ngủ và tìm thấy chứng cứ khẳng định việc Tina đã có mặt trong căn phòng này vào buổi tối hôm 11/9. Bên cạnh giường ngủ của Anna có một chiếc đồng hồ. Jack kiểm tra kim đồng hồ: 8.46.

Jack trở ra phòng khách và nhìn qua tấm ảnh đặt ở góc bàn làm việc.

Chắc hẳn đó là cha mẹ của cô ta.

Anh mở ngăn kéo ra, và tìm thấy một tệp thư mà anh chẳng thể đọc. Phần lớn các bức thư đều được ký "Mama", cho dù có một vài bức được ký bởi do ai đó có tên là Anton. Jack băn khoăn không hiểu người này là bà con hay là bạn bè. Anh nhìn lại tấm ảnh và bỗng nghĩ rằng nếu mẹ anh trông thấy tấm ảnh này, chắc hẳn bà sẽ mời Anna tới để nếm thử món hầm kiểu Ailen của bà.

"Chết tiệt", Jack nói to đến nỗi người tài xế tắc xi hỏi anh, "Có chuyện gì vậy?"

"Tôi quên không gọi điện cho mẹ tôi".

"Thế thì anh gặp rắc rối to rồi", người lái xe nói, "tôi hiểu điều đó, vì tôi cũng là người Ailen".

Cha của Jack luôn muốn anh trở thành một luật sư và cả cha lẫn mẹ anh đều hy sinh tất cả để cố biến mơ ước ấy thành hiện thực. Sau 26 năm làm việc cho NYPD, cha của Jack đi đến kết luận là chỉ có luật sư và tội phạm là những người có thể kiếm lời từ tội ác, vì vậy ông cụ nghĩ rằng con trai của mình cần phải có sự lựa chọn khôn ngoan hơn mình.

Phớt lờ lời khuyên của cha, Jack đầu quân cho FBI chỉ vài ngày sau khi anh tốt nghiệp đại học Colombia với tấm bằng cử nhân luật. Cha anh vẫn không ngớt phàn nàn về việc anh đã không

nghe lời ông, còn mẹ anh thì lúc nào cũng hỏi khi nào anh cho bà được bế cháu.

Jack rất yêu thích công việc của mình, từ những giây phút đầu tiên khi anh được đưa tới Quantico để huấn luyện, tới khi được điều đến chỉ nhánh ở New York, rồi được đề bạt làm Sĩ quan Điều tra Cao cấp.

Dường như anh là người duy nhất cảm thấy ngạc nhiên khi mình được đề bạt nhanh hơn những người cùng trang lứa. Thậm chí cha anh cũng chúc mừng anh, trước khi ông nói thêm, “Điều này chứng minh rằng nếu con theo nghề luật sư thì sẽ thành công tới cỡ nào”.

Macy cũng đã tỏ ý là ông ta hy vọng rằng Jack sẽ ngồi vào vị trí của ông ta khi ông ta được điều trở lại Washington. Nhưng trước khi điều đó có thể xảy ra, Jack phải đưa được tên tội phạm nguy hiểm này vào tù đã. Và cho tới lúc này, Jack phải thừa nhận rằng anh hầu như chưa chạm được vào Bryce Fenston, và đang phải dựa vào một đấu sỹ nghiệp dư với hy vọng sẽ giáng cho ông ta một quả nốc ao.

Anh dừng dòng suy nghĩ miên man lại, và bấm điện thoại gọi cho thư ký của mình.

“Sally, đặt cho tôi một chỗ trên chuyến bay đầu tiên tới London, và tiếp theo là từ London đi Bucharest. Tôi đang trên đường về nhà để chuẩn bị mọi thứ”.

“Tôi phải báo cho anh biết là”, cô thư ký của Jack nói, “JFK đã chật cứng chỗ cho đến hết tuần tới”.

“Sally, hãy bằng cách nào đó hãy kiếm cho tôi một chỗ, dù ngồi cạnh phi công cũng được”.

Luật lệ rất đơn giản. Mỗi ngày Krantz lại ăn cắp một chiếc điện thoại cầm tay. Cô ta chỉ gọi cho Fenston một lần, và sau đó vứt điện thoại đi. Như thế thì không ai có thể dò ra cô ta. Fenston đang ngồi bên bàn làm việc của mình thì tín hiệu màu đỏ bật sáng trên đường dây điện thoại riêng của ông ta. Chỉ một người duy nhất biết số điện thoại này. Ông ta cầm ống nghe lên.

“Cô ta ở đâu?”

“Bucharest”, câu trả lời chỉ có thế và Fenston gác máy.

Krantz vứt chiếc điện thoại cầm tay xuống sông Thames và vẫy một chiếc tắc xi.

“Gatwick”.

Khi Jack bước xuống cầu thang máy bay, anh không ngạc nhiên khi thấy Tom Crasanti đang đứng chờ mình trên đường băng. Một chiếc xe đỗ phía sau người bạn cũ của anh, máy vẫn đang nổ và cửa sau xe đã được một đặc vụ khác mở sẵn.

Không ai nói gì cho đến khi cửa xe đã được đóng lại và chiếc xe đã lăn bánh trên đường.

“Petrescu ở đâu?” là câu hỏi đầu tiên của Jack.

“Cô ta đã hạ cánh xuống Bucharest”.

“Còn bức tranh?”

“Cô ta đưa qua cửa Hải quan trong một chiếc xe đẩy”, Tom nói.

“Cô ta có phong cách độc đáo đấy”.

“Đúng thế”, Tom nói, “nhưng hình như cô ta không biết điều gì đang chờ mình”.

“Tôi nghĩ là cô ta sẽ hiểu ra”, Jack nói, “bởi vì có một điều chắc chắn là nếu cô ta đánh cắp bức tranh, tôi sẽ không phải là người duy nhất truy lùng cô ta”.

“Vậy thì anh cũng phải theo dõi cả những kẻ đang truy lùng cô ta nữa”, Tom nói.

“Câu nói đúng”, Jack nói, “và vì thế tôi phải tới được Bucharest trước khi cô ta đi tới cái đích tiếp theo của mình”.

“Vậy thì không còn thời gian để lãng phí nữa”, Tom nói, “chúng tôi đã cho một máy bay chờ sẵn để đưa anh tới Gatwick và họ sẽ hoãn chuyến bay tới Bucharest trong ba mươi phút”.

“Làm thế nào mà anh xoay sở được như thế?” Jack hỏi.

“Chiếc máy bay là của chúng ta, còn việc hoãn giờ bay thì phải nhờ họ. Ngài đại sứ đã gọi điện cho Bộ Ngoại giao. Tôi không biết ông ấy nói gì”, Tom thừa nhận, cùng lúc đó họ dừng lại cạnh chiếc máy bay trực thăng, “nhưng anh chỉ có ba mươi phút”.

“Cám ơn vì tất cả”, Jack vừa nói vừa xuống xe và bắt đầu bước về phía chiếc máy bay trực thăng.

“Và đừng có quên là”, Tom nói to trong tiếng quay vù vù của cánh quạt, “chúng ta không có cơ quan đại diện chính thức ở Bucharest, vì vậy anh phải tự mình xoay sở mọi chuyện”.

Anna bước vào phòng đợi của sân bay Otopeni, sân bay quốc tế của Bucharest. Cô đẩy một chiếc xe chất đầy một thùng gỗ, một chiếc vali lớn và một chiếc laptop. Cô dừng lại khi trông thấy một người đàn ông đang lao về phía mình.

Anna nhìn ông ta một cách ngờ vực. Ông ta khoảng sáu mươi tuổi, tóc đã bắt đầu hói, nước da tươi tắn và mang một bộ ria mép đen và dày. Ông ta mặc một bộ complê có vẻ hơi chật, và điều đó cho thấy trước kia hẳn là ông ta trông thon thả hơn.

Ông ta dừng lại trước mặt Anna.

“Tôi là Sergei”, ông ta nói bằng tiếng mẹ đẻ. “Anton nói cho tôi biết cô đã gọi điện và yêu cầu được đón ở sân bay. Ông ấy cũng đã đặt phòng cho cô tại một khách sạn nhỏ trong thành phố”. Sergei cầm lấy chiếc xe đẩy của Anna và đẩy về phía chiếc tắc xi đang chờ sẵn của mình, ông ta mở cửa sau chiếc xe Mercedes màu vàng đã đi được ba trăm nghìn dặm theo con số ghi trên đồng hồ và chờ cho đến khi Anna đã ngồi vào trong xe ông ta mới cho hành lý vào cốp sau và ngồi vào sau vô lăng.

Anna nhìn qua cửa sổ xe và quan sát sự thay đổi của thành phố - nó gần như đã hoàn toàn thay đổi, và giờ đây đã trở thành một thủ đô đầy sức sống đang khẳng định vị thế của mình ở châu Âu. Những tòa nhà văn phòng hiện đại và trung tâm mua bán đã thế chỗ cho những tòa nhà xám xịt dưới chế độ Cộng sản mà mới chỉ một thập niên trước còn thống trị nơi này.

Sergei dừng lại bên ngoài một khách sạn nhỏ nấu mình cuối một con phố nhỏ. Ông ta vác chiếc thùng màu đỏ ra khỏi cốp xe trong khi Anna lấy hành lý và bước vào trong khách sạn.

“Việc đầu tiên tôi muốn làm là đi thăm mẹ tôi”, Anna nói sau khi đã làm thủ tục đăng ký vào khách sạn. Sergei nhìn đồng hồ. “Tôi sẽ đón cô vào lúc 9 giờ. Như thế cô sẽ được chợp mắt vài tiếng”.

“Cảm ơn”, Anna nói.

Ông ta nhìn theo cho đến khi cô bước vào trong thang máy cùng với chiếc thùng màu đỏ.

Jack đã nhận ra Anna khi anh đang đứng xếp hàng để lên máy bay. Chỉ là kỹ năng quan sát cơ bản: lùi lại phía sau, trong trường hợp người bị anh theo dõi lại đang ở phía sau anh. Vấn đề là đừng để cho người bị theo dõi nhận ra rằng anh đang bám theo họ. Phải hành động một cách tự nhiên, đừng bao giờ ngoái nhìn lại. Không phải là chuyện dễ.

Thầy giáo của anh tại Quantico tối nào cũng bắt anh phải luyện kỹ năng theo dõi sau khi tan lớp. Nhiệm vụ của anh là phải bám theo một lính mới trên đường về nhà. Nếu anh mất dấu anh ta, anh sẽ bị phạt. Jack đã một lần bị mất dấu anh ta và để bù lại, anh đã bám theo chính thầy giáo của mình trên đường về nhà mà không bị phát hiện.

Jack bước lên bậc cầu thang máy bay. Anh không ngoảnh nhìn lại.

Khi Anna bước ra khỏi khách sạn lúc vừa hơn chín giờ, cô thấy Sergei đang đứng bên cạnh chiếc xe Mercedes cũ của ông ta.

“Chào ông Sergei”, Anna nói khi ông ta mở cửa sau xe cho cô.

“Chào cô. Cô vẫn muốn đi thăm mẹ mình chứ?”

“Có chứ”, Anna nói. “Mẹ tôi sống ở-”

Sergei xua tay để thể hiện rằng ông ta đã biết cần phải đưa cô tới đâu. Anna mỉm cười hài lòng khi ông ta đánh xe qua trung tâm thành phố, ngang qua một đài phun nước khổng lồ. Nhưng khi xe ra đến ngoại ô thành phố bức tranh ngay lập tức chuyển sang màu đen trắng. Khi xe đi đến khu Berceni, Anna nhận ra rằng chế độ mới vẫn còn phải vượt qua một chặng đường dài nếu họ muốn thành công trong chương trình THỊNH VƯỢNG CHO TẤT CẢ mà họ đã hứa hẹn với cử tri sau khi chế độ Ceausescu sụp đổ. Anna nhận ra những hình ảnh quen thuộc của thời thơ ấu. Cô thấy người dân ở đây trông có vẻ già hơn độ tuổi của họ. Chỉ có bọn trẻ đang chơi bóng đá trên đường phố là dường như không nhận thấy sự xuống cấp quanh mình. Anna ngạc nhiên khi thấy mẹ mình vẫn khăng khăng ở lại nơi này sau khi cha cô đã bị sát hại trong cuộc nổi dậy. Đã bao lần cô cố thuyết phục bà sang Mỹ với họ, nhưng bà là một người không thể lay chuyển.

Vào năm 1987, Anna được một người bác mà cô chưa từng gặp mời tới Illinois. Ông bác thậm chí còn gửi cho cô hai trăm đôla để thêm tiền lộ phí cho cô. Cha cô đã yêu cầu cô lên đường và lên đường ngay, nhưng chính mẹ cô là người đã tiên đoán rằng cô sẽ không bao giờ quay trở lại. Cô mua một chiếc vé một chiều, và ông bác của cô đã hứa sẽ trả tiền cho chuyến trở về của cô bất kỳ khi nào cô muốn trở lại Bucharest.

Lúc đó Anna mới 17 tuổi và cô đã phải lòng nước Mỹ thậm chí từ trước khi tàu cập bến. Vài tuần sau đó Ceausescu bắt đầu đàn áp những ai dám chống lại chế độ độc tài tàn bạo của ông ta. Cha cô đã viết thư để cảnh báo Anna rằng cô không nên trở về nước vì tình hình rất nguy hiểm.

Đó là bức thư cuối cùng của ông. Ba tuần sau đó, ông tham gia vào cuộc nổi dậy và từ đó chẳng ai gặp lại ông nữa.

Anna rất nhớ mẹ và liên tục giục bà sang Mỹ. Nhưng câu trả lời của bà không bao giờ thay đổi. “Đây là quê hương, nơi mẹ đã sinh ra và cũng là nơi mẹ sẽ nằm xuống. Mẹ đã quá già để có thể bắt đầu một cuộc đời mới”. Quá già ư? Mẹ mới 51 tuổi, nhưng đó là 51 năm đã làm nên sự cứng đầu kiêu Romania, vì vậy Anna buộc phải chấp nhận thực tế là không ai có thể lay chuyển nổi mẹ mình. Một tháng sau đó, bác George của cô xin cho Anna vào học tại một trường ở địa phương. Trong khi sự bất ổn xã hội ở Romania vẫn tiếp diễn, Anna tốt nghiệp đại học và sau đó kiếm được học bổng làm nghiên cứu sinh tiến sỹ tại đại học Penn, trong một lĩnh vực không có rào cản ngôn ngữ. Tiến sỹ Petrescu vẫn đều đặn hàng tháng viết thư cho mẹ, dù cô biết phần lớn thư từ của cô không đến được tay bà, vì những bức thư hiếm hoi của bà mà cô nhận được bao giờ cũng chứa đựng những câu hỏi mà cô đã trả lời.

Quyết định đầu tiên mà cô đưa ra sau khi tốt nghiệp đại học và đầu quân cho hãng Sotheby là mở một tài khoản riêng cho mẹ mình ở Bucharest và cứ đến ngày mồng một hàng tháng cô lại chuyển vào tài khoản đó 400 đôla. Cho dù cô muốn...

“Tôi sẽ chờ cô”, Sergei nói khi chiếc tắc xi đỗ lại bên ngoài một tòa nhà chung cư đồ nát tại khu Piazza Resitei.

“Cảm ơn”, Anna nói rồi ngược nhìn tòa nhà có từ thời trước chiến tranh nơi cô đã sinh ra và cũng là nơi mẹ cô hiện giờ đang sinh sống. Anna băn khoăn không hiểu mẹ tiêu tiền vào những việc gì. Cô bước đi trên lối đi phủ đầy cỏ dại mà ngày xưa cô đã từng cho là rất rộng vì cô không thể nhảy qua.

Bọn trẻ đang chơi bóng đá trên đường tò mò nhìn người phụ nữ lạ mặc quần bò mài, áo khoác mỏng, đi một đôi giày thể thao sành điệu đang bước đi trên con đường đầy ổ gà.

Thang máy phớt lờ việc cô bấm nút - chẳng có gì thay đổi - và đó là lý do tại sao, Anna nhớ lại, những căn phòng đắt giá nhất bao giờ cũng ở những tầng dưới. Cô không hiểu tại sao mẹ cô không chịu chuyển đi nơi khác. Số tiền mà cô gửi thừa đủ để bà có thể thuê một căn hộ sang trọng tại một khu vực khác trong thành phố. Anna cảm thấy như mình có tội và cảm giác ấy gia tăng theo mỗi bậc cầu thang mà cô bước lên. Cô đã quên mất sự tồi tệ của cuộc sống nơi này, nhưng giống như những đứa trẻ đang chơi dưới phố kia, cuộc sống ấy đã từng là một phần của đời cô. Khi cuối cùng Anna tới được tầng mười sáu, cô dừng lại để thở. Hèn gì mẹ cô chẳng mấy khi rời khỏi căn hộ. Những tầng trên cao nữa là nơi sinh sống của các cụ già trên 60 tuổi, những con người cũng hiếm khi ra khỏi nhà giống như mẹ cô. Anna lưỡng lự một chút rồi gõ lên chiếc cánh cửa chưa từng được sơn lại kể từ khi cô rời đi.

Cô chờ một lát trước khi một bà già ốm yếu, tóc bạc trắng, mặc quần áo màu đen mở hé cánh cửa. Mẹ và con nhìn nhau chăm chăm, cho đến khi Elsa Petrescu mở toang cánh cửa, vòng tay ôm lấy cô con gái và kêu lên bằng một giọng già nua như chính vẻ ngoài của bà, “Anna, Anna, Anna”. Cả hai mẹ con cùng oà khóc. Bà già cứ bám chặt lấy tay Anna trong khi cô đưa bà vào căn hộ nơi cô đã sinh ra. Mọi thứ đều sạch sẽ và Anna vẫn có thể nhớ mọi thứ, bởi vì chẳng có gì thay đổi. Bộ bàn ghế mà bà nội đã để lại cho họ, những bức ảnh đen trắng của gia đình, một chiếc thùng đựng than không có than, một tấm thảm cũ mòn tới mức không ai biết ban đầu nó có màu gì. Thử đồ vật mới duy nhất trong căn phòng này là một bức tranh lớn treo trên tường. Anna ngắm nhìn bức chân dung của cha mình và càng hiểu rõ hơn tình yêu nghệ thuật của cô bắt đầu từ đâu.

“Anna, Anna, có quá nhiều chuyện mẹ muốn hỏi con”, mẹ cô nói. “Mẹ nên bắt đầu từ đâu?” bà già vừa hỏi vừa nắm chặt tay cô con gái.

Mặt trời đã sắp lặn mà Anna vẫn chưa trả lời hết các câu hỏi của mẹ mình. Cô lại nài nỉ, “mẹ ơi sang Mỹ sống với con đi”.

“Không”, mẹ cô trả lời một cách cương quyết, “tất cả bạn bè và những kỷ niệm của mẹ đều ở đây. Mẹ đã quá già để có thể bắt đầu một cuộc sống mới”.

“Thế tại sao mẹ không chuyển tới một căn hộ khác? Con có thể tìm cho mẹ một phòng đẹp hơn ở một tầng thấp hơn”

“Đây là nơi bố mẹ đã cưới nhau”, mẹ cô nói nhỏ, “đây là nơi mẹ đã sinh ra con, là nơi mẹ đã sống suốt ba mươi năm với bố con và cũng là nơi mẹ sẽ nằm xuống”. Bà già nhìn lên và mỉm cười với con gái “ai sẽ chăm lo cho mồ mả của cha con?” bà hỏi như thể bà chưa bao giờ hỏi câu hỏi đó. Bà nhìn vào mắt cô con gái. “Con biết là cha rất vui khi thấy con được sống yên ổn ở Mỹ với bác con” - bà dừng lại - “và bây giờ mẹ hiểu là cha con đã tính đúng”.

Anna nhìn quanh căn phòng. “Thế tại sao mẹ không tiêu một ít tiền mà con vẫn gửi về cho mẹ hàng tháng?”

“Mẹ có tiêu đấy chứ”, mẹ cô nói, “nhưng mẹ không tiêu cho mình”, bà thừa nhận, “bởi vì mẹ chẳng cần gì”.

“Thế thì mẹ tiêu vào việc gì?” Anna hỏi.

“Anton”.

“Anton?” Anna hỏi lại.

“Đúng thế, Anton”, mẹ cô nói. “Con biết là cậu ta đã được ra khỏi tù rồi chứ?”

“À vâng”, Anna nói, “Anh ấy viết cho con ngay sau khi Ceaurescu bị bắt và hỏi xem con có giữ một tấm ảnh nào của cha không để cho anh ấy mượn”. Anna nhìn lên bức chân dung của cha mình và mỉm cười.

“Giống như là người thật”, mẹ cô nói.

“Đúng là giống thật”, Anna nói.

“Họ đã trả lại cho Anton công việc cũ của cậu ấy tại học viện. Cậu ấy bây giờ là giáo sư rồi đấy. Nếu con lấy cậu ấy thì bây giờ con đã là vợ của một giáo sư rồi”.

“Anh ấy vẫn còn vẽ chứ ạ?” cô hỏi để tránh câu hỏi tiếp theo của mẹ mình mà cô đã đoán biết trước.

“Vẫn vẽ”, mẹ cô đáp, “nhưng công việc chính của cậu ấy bây giờ là dạy học ở trường Đại học Nghệ thuật. Ở đất nước Romania này có ai sống được bằng nghề vẽ tranh đâu”, mẹ cô nói bằng một giọng buồn bã.

“Người tài như cậu ấy nhẽ ra cũng nên sang Mỹ mà sống”.

Anna lại nhìn lên bức chân dung khổ lớn của cha mình do Anton vẽ. Mẹ cô nói đúng; với một tài năng như thế, anh có thể gạt hái được nhiều thành công ở New York. “Nhưng anh ấy làm gì với khoản tiền mẹ cho?” cô hỏi.

“Cậu ấy mua giấy, sơn, bút vẽ và tất cả những thứ khác mà sinh viên của cậu ấy không đủ tiền mua và con thấy đấy, khoản tiền con gửi đã được dùng đúng chỗ và đã giúp ích được cho rất nhiều người”. Bà cụ dừng lại. “Anton là mối tình đầu của con, đúng không Anna?”

Anna không tin nổi là mẹ cô vẫn còn có thể làm cho cô phải đỏ mặt. “Vâng ạ”, cô thú nhận, “và có lẽ con cũng là mối tình đầu của anh ấy”.

“Bây giờ cậu ấy có vợ rồi và đã có một cậu con trai tên là Peter”. Bà cụ lại dừng lại. “Con có người yêu chưa?”

“Chưa mẹ ạ”.

“Có phải đó là lý do khiến con trở về nước không? Hay con đang phải chạy trốn ai?”

“Điều gì khiến mẹ hỏi con như thế?” Anna hỏi.

“Nhìn vào mắt con là mẹ biết, vừa có vẻ buồn bã, vừa có vẻ sợ sệt”, bà cụ vừa nói vừa nhìn cô con gái, “cũng như hồi còn bé, con đâu có dấu nổi mẹ điều gì”.

“Đúng là con có một vài chuyện”, Anna thừa nhận, “nhưng chẳng có chuyện gì mà không thể giải quyết”. Cô mỉm cười. “Thực tế thì con nghĩ là Anton có thể giúp con giải quyết một trong những chuyện đó và có lẽ con sẽ tới học viện để tìm gặp anh ấy và mời anh ấy đi uống nước.”

Mẹ có gì muốn nhắn cho anh ấy không?”

Mẹ cô không trả lời. Bà cụ đã ngủ thiếp đi. Anna đắp lại tấm chăn mỏng cho mẹ và hôn lên trán bà. “Con sẽ trở lại vào sáng ngày mai”, cô thì thầm.

Cô nhẹ nhàng ra khỏi phòng. Khi xuống đến chân chiếc cầu thang đầy rác bẩn, cô hài lòng khi thấy chiếc xe Mercedes cũ màu vàng vẫn đang đỗ bên vệ đường.

Anna quay trở lại khách sạn, rồi sau khi lau qua mình và thay quần áo, người tài xế tắc xi đưa cô tới Học viện Nghệ thuật.

Tòa nhà này vẫn không hề mất đi vẻ tao nhã và quyến rũ của nó và khi Anna bước lên những bậc thềm về phía những chiếc cánh cửa khổng lồ được trạm trổ tinh xảo, những ký ức ập về đầy ắp trong cô và cô nhớ tới những tác phẩm nghệ thuật vĩ đại treo trong các phòng trưng bày mà cô tưởng chẳng bao giờ còn được nhìn thấy. Anna bước tới quầy tiếp tân để hỏi xem giáo sư Teodorescu sẽ giảng bài ở phòng nào.

“Ở hội trường tầng ba”, cô gái ngồi sau quầy tiếp tân nói, “nhưng bài giảng đã bắt đầu rồi”.

Anna cảm ơn cô sinh viên và không cần hỏi đường, cô bước lên những bậc cầu thang rộng bằng đá hoa cương lên tầng ba. Cô dừng lại nhìn vào tờ thông báo dán bên ngoài hội trường:

ẢNH HƯỞNG CỦA PICASSO ĐỐI VỚI NỀN NGHỆ THUẬT THẾ KỶ HAI MƯƠI.

Giáo sư Anton Teodorescu

Bảy giờ tối nay

Bên cạnh đó là một mũi tên chỉ đường. Chẳng cần có mũi tên ấy cô cũng biết mình phải đi theo lối nào. Cô đẩy nhẹ cánh cửa và hài lòng khi thấy bên trong rất tối. Cô bước lên những bậc thềm sát bên tường và chọn một chỗ ngồi ở phía sau.

Trên màn chiếu là hình ảnh bức tranh Gurernica. Anton đang giải thích với các sinh viên rằng bức tranh khổng lồ này được vẽ vào năm 1937 trong thời kỳ nội chiến ở Tây Ban Nha, khi Picasso đang ở đỉnh cao phong độ. Anh nói tiếp rằng Picasso đã mất ba tuần để phác họa lại hình ảnh những trận đánh bom và sự chết chóc này, và rõ ràng thái độ căm ghét của nhà họa sỹ đối với Franco, kẻ độc tài của Tây Ban Nha thời bấy giờ được thể hiện rõ trong tranh. Các sinh viên đang chăm chú lắng nghe và ghi chép sự giảng bài say sưa và hấp dẫn của Anton khiến Anna nhớ lại lý do mà ngày xưa cô đã phải lòng anh, để rồi không chỉ mất đi sự trinh trắng của mình cho một nhà họa sỹ mà còn bắt đầu một cuộc tình không bao giờ phai đối với nghệ thuật.

Khi buổi thuyết trình của Anton kết thúc, tiếng vỗ tay không ngớt cho thấy các sinh viên rất hứng thú với bài giảng của anh. vẫn như ngày nào, anh luôn biết cách khuyến khích mọi người nuôi dưỡng lòng nhiệt tình đối với đề tài mà mình đã chọn.

Anna ngắm nhìn mỗi tình đầu của mình trong khi Anton nhặt các tài liệu và cho vào chiếc cặp cũ của mình. Cao lớn, gầy gò, tóc xoăn, áo khoác nhung cũ sờn và sơ mi hở cổ khiến anh trông giống như một chàng sinh viên chẳng bao giờ già. Cô nhận thấy anh có béo hơn một chút nhưng trông lại càng quyến rũ hơn.

Khi những sinh viên cuối cùng đã ra khỏi lớp. Anna đi lên phía bục giảng.

Anton liếc nhìn lên sau cặp kính, với dáng vẻ như anh đang chờ để đón nhận một câu hỏi từ một cô cậu sinh viên nào đó. Khi thấy người đó là Anna, anh không nói gì, chỉ nhìn cô chăm chăm.

“Anna”, cuối cùng anh reo lên. “Ơn Chúa là anh đã không nhận ra em đang ngồi ở dưới kia vì chắc chắn là em biết về Picasso nhiều hơn anh”.

Anna hôn lên hai bên má Anton và vừa cười vừa nói, “Anh vẫn quyến rũ như ngày nào và tán vắn rất hay”. Anton nắm tay lại như thể đang phòng thủ và nhe răng ra cười. “Sergei có tới sân bay đón em không?”

“Có ạ, cảm ơn anh”, Anna nói. “Anh gặp ông ấy ở đâu?”

“Trong tù”, Anton nói. “Ông ấy đã may mắn không bị chế độ Ceausescu thủ tiêu. Và em đã đi thăm mẹ chưa?”

“Rồi ạ”, Anna đáp, “và mẹ em vẫn sống trong những điều kiện chẳng khác nhà tù là mấy”.

“Đúng thế đấy và anh cũng đã thử hết cách rồi. Nhưng tiền của em và sự hảo tâm của bà cụ đã giúp những sinh viên giỏi của anh-”

“Em biết”, Anna nói, “mẹ đã nói với em”.

“Em không thể hình dung hết đâu”, Anton nói tiếp. “Để anh dẫn em đi xem kết quả đầu tư của em nhé”. Anton cầm tay Anna như thể họ còn là sinh viên và dẫn cô tới chiếc hành lang dài ở tầng một, nơi mà các bức tường được treo đầy những bức tranh đủ loại.

“Tranh của các sinh viên đoạt giải thưởng của năm”, Anton nói và nắm chặt tay Anna như một người thầy đầy tự hào về học trò của mình. “Và tiền mua những thứ cần thiết để vẽ các bức tranh này đều là tiền em gửi. Thực tế là có cả một giải thưởng mang tên em đấy, giải Petrescu”.

Anh dừng lại. “Nếu có em đứng ra lựa chọn người đoạt giải thì không chỉ vinh dự cho anh mà còn vinh dự cho tất cả những sinh viên nào được em trao giải”.

“Mũi em sắp nổ rồi đây này”, Anna vừa nói vừa mỉm cười, rồi cô bước về phía một dãy tranh dài. Cô chậm chậm đi tới đi lui dọc theo hành lang, thì thoảng lại dừng lại để xem xét kỹ một bức tranh nào đó. Rõ ràng Anton đã dạy cho sinh viên của mình biết về tầm quan trọng của việc vẽ tranh bằng các chất liệu đơn giản trước khi cho phép họ sử dụng các phương tiện khác. Đừng sờ vào bút lông trước khi sử dụng thành thạo bút chì là câu anh thường nói. Nhưng những đề tài đa dạng và các cách tiếp cận táo bạo cho thấy anh luôn khuyến khích sinh viên tự bộc lộ chính bản thân mình. Nhiều bức tranh ở đây thể hiện một tài năng đáng nể. Cuối cùng Anna dừng lại bên một bức sơn dầu có tựa đề *Tự do*, vẽ cảnh mặt trời đang mọc trên bầu trời Bucharest.

“Em biết có một người sẽ rất thích bức tranh này”, cô nói.

“Em tinh lắm”, Anton vừa nói vừa mỉm cười. “Danuta Sekalska là sinh viên xuất sắc nhất của năm học này, và cô bé đã được trường stale ở London nhận vào học. vấn đề bây giờ là lấy đâu ra tiền”. Anh nhìn đồng hồ. “Em có thời gian không, chúng mình đi uống chút gì nhé?”

“Vâng”, Anna đáp, “vì thú thật là em cũng muốn nhờ anh giúp một việc”, cô dừng lại, “chính xác là hai việc”.

Anton lại nắm tay Anna và đưa cô đi dọc hành lang tới căng tin của học viện. Khi họ bước vào căn phòng lớn, Anna được đón tiếp bằng những tiếng cười đùa vui vẻ của từng nhóm giảng viên đang vừa tán chuyện vừa uống cà phê. Họ dường như không nhận thấy rằng mọi thứ đồ đạc, từ bàn ghế, cốc chén, thậm chí cả bánh quy ở đây đều sẽ bị bắt kỳ ai tìm đến Đội quân Cứu tế ở Bronx từ chối. Anton rót hai cốc cà phê. “Đen, nếu anh nhớ không nhầm. Không được như

Starbucks”, anh nói đùa, “nhưng cứ từ từ rồi chúng mình cũng sẽ tới đó”. Mọi người ngoài đầu nhìn khi Anton dẫn cô học trò cũ của mình tới gần lò sưởi. Anh ngồi đối diện với cô. “Nào, anh có thể giúp gì em, Anna?” anh hỏi. “Bởi vì rõ ràng anh là người mắc nợ em”.

“Chuyện về mẹ em”, cô nói nhỏ. “Em cần anh giúp. Cụ không chịu tiêu đồng nào cho bản thân. Thậm chí không, bàn ghế không, tivi không, điện thoại không”.

“Em nghĩ là anh không thử à?” Anton nói. “Thế theo em thì cái tính ngang bướng của em từ đâu mà có? Anh thậm chí còn mời cụ đến sống với gia đình anh. Không phải là cung điện, nhưng vẫn gấp hàng vạn lần cái căn hộ tồi tàn ấy”. Anton uống một hơi cà phê. “Nhưng anh hứa là sẽ tiếp tục thử xem” - anh dừng lại - “thử nài ép nữa xem sao”.

“Cảm ơn anh”, Anna nói rồi im lặng nhìn Anton chăm thuốc. “Và em thấy là mình đã thất bại trong việc thuyết phục anh bỏ thuốc lá”.

“Thì ở đây có phải là New York đâu. Làm gì có những ánh đèn rực rỡ để anh quên được thuốc lá”, anh vừa cười vừa nói. “Việc thứ hai là gì?”

“Anh sẽ phải suy nghĩ kỹ về việc này”, Anna nói bằng một giọng đều đều.

Anton đặt cốc cà phê xuống, rút một hơi thuốc và chăm chú lắng nghe Anna giải thích từng chi tiết.

“Em đã nói với mẹ chưa?”

“Chưa”, Anna thừa nhận. “Em nghĩ có lẽ tốt nhất là không nên nói với mẹ lý do tại sao em lại về Bucharest”.

“Anh có bao nhiêu thời gian?”

“Ba, có thể là bốn. Tùy thuộc vào mức độ thành công của em”, Anna nói mà không giải thích gì thêm.

“Còn nếu anh bị bắt thì sao?” Anton hỏi rồi lại rút một hơi thuốc.

“Thì anh lại quay trở lại nhà tù”, Anna thừa nhận.

“Còn em?”

“Bức tranh có thể được gửi sang New York để làm bằng chứng chống lại em. Nếu anh cần thêm tiền để-”

“Không, anh vẫn đang còn cầm 8.000 đôla tiền của mẹ em, vì vậy-”

“Tám nghìn đôla?”

“Ở Romania, đôla tiêu lâu hết lắm”.

“Em có thể hối lộ anh không?”

“Hối lộ anh à?”

“Nếu anh nhận lời giúp em, em sẽ chu cấp tiền cho cô bé sinh viên của anh, Danuta Sekalska, sang London học”.

Anton suy nghĩ một lát. “Và em sẽ trở lại sau ba ngày?” anh vừa hỏi vừa dụi tắt mẩu thuốc lá.

“Cùng lắm là bốn ngày”, Anna nói. “Vậy thì hy vọng anh sẽ không làm em thất vọng”.

“Vincent đây”.

“Cậu ở đâu?”

“Đi thăm mẹ mình”.

“Vậy thì đừng ở đó lâu”.

“Tại sao?”

“Kẻ truy đuổi đã biết cậu ở đâu”.

“Vậy thì mình e là gã sẽ lại vồ hụt mình”.

“Chưa chắc đã là đàn ông”.

“Điều gì khiến cậu nghĩ như vậy?”

“Mình thấy Fenston nói chuyện với một người phụ nữ mặc đồ đen trong chiếc xe của ông ta khi mình tham dự đám tang của cậu”.

“Như thế không có nghĩa là-”

“Mình đồng ý, nhưng mình chưa từng trông thấy cô ta bao giờ”.

“Có thể đó là một trong số những bạn gái của Fenston”.

“Kiểu đàn bà như cô ta không thể là bạn gái của bất kỳ ai”.

“Cô ta trông thế nào?”

“Cao năm bộ, tóc đen, dáng thể thao”.

“Chỗ mình sắp tới có rất nhiều người như thế”.

“Và cậu có đem theo bức tranh đi cùng không?”

“Không, mình đã để nó ở một chỗ không ai có thể nhìn thấy”.

Cuộc nói chuyện kết thúc ở đó.

Leapman ấn chiếc nút tắt. “Một chỗ không ai có thể nhìn thấy”, ông ta nhắc lại.

“Có thể, không phải là sẽ?” Fenston nói. “Chắc chắn vẫn còn đựng trong thùng”.

“Đúng thế, nhưng tiếp theo cô ta sẽ đi đâu?”

“Tới một nơi có nhiều người cao năm bộ, tóc đen”.

“Nhật Bản”, Leapman nói.

“Sao ông biết?” Fenston hỏi.

“Báo cáo của cô ta cũng đã nói lên điều đó. Cô ta sẽ tìm cách bán bức tranh cho một người sẵn sàng mất cả gia tài để có nó”.

“Nakamura”, Fenston nói.

Jack làm thủ tục vào một khách sạn có cái tên rất kêu trên tấm biển nê ông là Bucharest International. Suốt cả buổi tối, anh hết bật máy sưởi lên vì trời quá lạnh, rồi lại tắt máy sưởi đi vì không chịu được tiếng ồn. Anh thức dậy lúc 6 giờ, bỏ ăn sáng vì sợ bữa sáng cũng bất ổn như chiếc máy sưởi.

Từ lúc bước lên máy bay, anh đã bị mất dấu cô gái kia, như thế có nghĩa rằng hoặc là anh đã mắc sai lầm, hoặc là cô ta quá cao tay. Nhưng anh đã giải toả được một mối nghi ngờ của mình. Chắc chắn Anna hoạt động độc lập và điều đó có nghĩa là Fenston sắp phải người tới đây để săn lùng cô ta. Nhưng Petrescu đang có mưu đồ gì và cô ta có nhận thức được những nguy hiểm đang chờ mình không? Jack nhận định rằng chỗ thích hợp nhất để phục kích Anna là tại nhà mẹ của cô ta. Lần này anh sẽ không bám theo mà ngồi chờ đối tượng. Anh băn khoăn không hiểu người phụ nữ mà anh đã phát hiện ra khi đang đứng xếp hàng chờ lên máy bay có nghĩ giống anh không, nếu thế cô ta có phải là tay chân của Fenston không, hay cô ta làm việc cho một ai khác?

Người khuân vác hành lý ở khách sạn đưa cho anh mượn một tấm bản đồ, nhưng chỉ có khu trung tâm là được mô tả chi tiết, còn khu ngoại ô thì hầu như chỉ là vài đường phắc qua, vì vậy anh bước tới ki ốt bên kia đường và mua một cuốn sách hướng dẫn du lịch có tựa đề Những điều cần biết về Bucharest Không có một dòng nào nói về quận Berceni nơi mẹ Anna sinh sống, cho dù khu Piazza Resitei cũng được đưa vào một tấm bản đồ khổ lớn được gấp lại đính kèm trong cuốn sách. Với sự trợ giúp của một que diêm và tỉ lệ xích ghi ở góc dưới bên trái tấm bản đồ, Jack đi đến kết luận là nơi đó cách chỗ anh đang ở khoảng 6 dặm về phía Bắc. Anh quyết định là sẽ đi bộ trong ba dặm đầu, không chỉ vì anh cần tập thể dục, mà còn vì anh muốn biết mình có bị kẻ nào theo dõi hay không.

Jack rời khách sạn International vào lúc 7:30, và bắt đầu rải những bước dài trên phố.

Anna cũng trải qua một đêm thao thức, bởi vì cô khó có thể ngủ được khi dưới gầm giường là một chiếc thùng màu đỏ. Cô bắt đầu nghi ngờ về việc Anton sẽ chấp nhận một sự mạo hiểm không cần thiết đối với anh để giúp đỡ cô thực hiện kế hoạch của mình. Hai người đã hẹn gặp nhau vào lúc 6 giờ sáng tại Học viện, một cái giờ mà không một sinh viên tự trọng nào có thể đưa ra.

Khi bước ra khỏi khách sạn, người đầu tiên Anna trông thấy là Sergei. Ông ta đang đứng bên chiếc xe Mercedes già nua của mình đỗ ở lối vào. Cô băn khoăn không biết ông ta đã đứng ở đó từ khi nào.

“Chào cô”, ông ta nói rồi đỡ lấy chiếc thùng màu đỏ và cho vào cốp sau xe. “Chào bác Sergei”, Anna đáp. “Cháu muốn quay trở lại Học viện, nơi cháu sẽ để chiếc thùng này lại”. Sergei gật đầu và mở cửa sau xe cho cô.

Trên đường tới Piata Universitatii, Anna được biết rằng Sergei có một bà vợ, rằng họ đã sống với nhau được ba mươi năm và có một người con trai đang phục vụ trong quân đội.

Anna vừa định hỏi xem ông ta đã bao giờ gặp mẹ mình chưa thì cô trông thấy Anton đang đứng ở bậc thềm dưới cùng của Học viện. Trông anh có vẻ lo lắng và bồn chồn.

Sergei cho xe dừng lại, xuống xe và lấy chiếc thùng ra khỏi cốp.

“Nó đẩy hả”, Anton hỏi rồi nhìn chiếc thùng đầy vẻ ngờ vực. Anna gật đầu. Anton đi theo Sergei khi ông ta bê chiếc thùng và bước lên các bậc thềm. Anton mở cửa trước cho ông ta rồi cả hai cùng biến vào trong. Anna chốc chốc lại ngó đồng hồ và sốt ruột nhìn về phía cổng ra vào. Họ chỉ đi có vài phút, nhưng cô cảm thấy hình như mình đang bị những con mắt theo dõi. Phải chăng tay chân của Fenston ngay lúc này đây đang bám theo cô? Phải chăng ông ta đã đoán được chỗ cô cất dấu bức tranh? Rồi cuối cùng Anton với Sergei cũng hiện ra trên bậc thềm, cả hai cùng khiêng một chiếc thùng gỗ khác. Dù kích thước vẫn thế, trên chiếc thùng này không có kí hiệu gì. Sergei cho chiếc thùng mới vào cốp sau xe, đóng nắp cốp lại rồi lên xe và ngồi vào sau vô lăng.

“Cảm ơn”, Anna nói rồi hôn vào hai bên má Anton.

“Khi em đi vắng, chắc anh cũng mất ăn mất ngủ”, Anton nói khẽ.

“Em sẽ trở về, sau ba hoặc bốn ngày là cùng”, Anna hứa, “và em sẽ lấy bức tranh đi, lúc ấy anh sẽ không phải lo gì nữa”. Cô trèo lên ghế sau xe.

Chiếc xe bắt đầu lăn bánh, và Anna nhìn qua kính hậu. Anton vẫn đứng đó, một bóng hình lẻ loi. Trông anh có vẻ lo lắng. Liệu anh có đáng phải mạo hiểm không? Anna tự hỏi.

Jack không ngoái nhìn lại, nhưng khi đi hết dặm đường đầu tiên, anh rẽ vào một siêu thị và nấp sau một chiếc cột lớn. Anh chờ cho người phụ nữ kia bước qua. Không thấy cô ta đâu. Một kẻ nghiệp dư sẽ bước qua và sẽ không cưỡng lại được mong muốn liếc nhìn vào chỗ khuất sau chiếc cột, thậm chí là rẽ vào siêu thị theo con mồi. Anh không đứng ở đó lâu, vì biết rằng làm thế sẽ khiến cô ta nghi ngờ. Anh mua một ít thịt muối với bánh mỳ và bước trở ra đường. Vừa nhai bữa sáng của mình, anh vừa cố nghĩ xem tại sao mình lại bị theo dõi. Cô ta làm việc cho ai? Mục đích của cô ta là gì?

Phải chăng cô ta hy vọng rằng anh sẽ dẫn cô ta tới chỗ Anna? Phải chăng anh là đối tượng của một chiến dịch phản gián? Hay chỉ là hoang tưởng?

Sau khi ra khỏi trung tâm thành phố, anh dừng lại để nhìn bản đồ. Anh quyết định vậy một chiếc tắc xi, bởi vì anh sợ là sẽ khó kiếm tắc xi ở khu Berceni, khi anh cần phải cơ động. Một chiếc tắc xi cũng sẽ giúp anh cắt đuôi dễ dàng hơn, bởi vì nếu có một chiếc tắc xi nào đó đuổi theo anh, nó phải có màu vàng, và sẽ không thể lẫn vào đâu được một khi ra đến vùng ngoại ô. Anh xem kỹ bản đồ một lần nữa, rẽ trái ở góc phố tiếp theo, không ngoảnh nhìn lại, thậm chí cũng chẳng liếc nhìn vào các cửa hiệu hai bên đường. Nếu cô ta là một kẻ chuyên nghiệp, việc anh ngoảnh nhìn lại phía sau sẽ là một sai lầm nghiêm trọng, bởi vì nó báo cho cô ta biết rằng anh đã đề phòng. Anh vậy một chiếc tắc xi.

Anna yêu cầu người tài xế của mình - bây giờ cô đã xem ông ta là tài xế riêng của cô - đưa cô trở lại tòa nhà mà họ đã tới hôm trước. Tất nhiên là Anna muốn gọi điện cho mẹ mình để báo cho bà biết trước khi nào thì cô tới, nhưng mẹ cô là người không chấp nhận điện thoại. Mẹ cô đã nói với cô rằng điện thoại cũng giống như thang máy, nếu đã hỏng thì chẳng bao giờ có ai đến sửa, mà lại vẫn phải mất tiền phí. Anna biết mẹ mình chắc chắn đã dậy từ lúc sáu giờ sáng để đảm bảo rằng mọi thứ trong căn hộ sạch đến mức không có một hạt bụi nào của bà, đã được lau chùi đến lần thứ ba trước khi Anna tới.

Khi Sergei cho xe dừng lại ở đầu lối đi đầy cỏ dại dẫn vào tòa nhà Piazza Resitei, Anna nói với ông ta rằng cô sẽ trở lại trong vòng một giờ, và sau đó sẽ tới sân bay Otopeni. Sergei gật đầu.

Một chiếc tắc xi dừng lại bên cạnh anh. Jack bước vòng qua phía người tài xế, và ra hiệu cho anh ta hạ cánh cửa sổ xuống.

“Anh có biết tiếng Anh không?”.

“Một chút”, người tài xế ngập ngừng nói.

Jack mở tấm bản đồ ra và chỉ tay vào địa chỉ Piazza Resitei, trước khi anh ngồi vào chiếc ghế sau lưng tài xế. Người lái xe tắc xi nhăn mặt, và ngoái nhìn Jack như muốn đảm bảo rằng anh không lầm. Jack gật đầu. Anh ta nhún vai rồi cho xe chạy tới cái địa chỉ mà chưa một du khách nào yêu cầu anh ta đưa tới đó.

Chiếc tắc xi len vào làn đường giữa và cả hai cùng nhìn vào gương chiếu hậu. Một chiếc tắc xi khác đang bám theo họ. Không thấy có khách ngồi trên xe, nhưng rất có thể cô ta ngồi lọt ở ghế sau. Anh đã mất dấu cô ta, hay cô ta đang ngồi trên một trong ba chiếc tắc xi mà anh thấy trong gương chiếu hậu? Cô ta là một kẻ chuyên nghiệp, cô ta đang ngồi trên một trong những chiếc tắc xi kia và Jack có cảm giác là cô ta biết anh đang tới đâu.

Jack biết thành phố nào cũng có những khu đổ nát, những tòa nhà xuống cấp, nhưng anh chưa từng trông thấy một cái gì đó giống như khu Berrceni, một khu vực chỉ gồm toàn những khối bê tông ghóm ghieác mọc lên giữa một bãi đất hoang tàn. Thậm chí gọi khu này là ổ chuột cũng không xứng.

Khi chiếc tắc xi bắt đầu chạy chậm lại, Jack phát hiện thấy một chiếc Mercedes cũ đang đỗ bên vệ đường cách họ chừng 200 thước, trên một con phố chắc chưa từng in dấu bánh xe tắc xi.

“Đi tiếp đi”, anh giục, nhưng người tài xế vẫn cho xe chạy chậm dần. Jack đập mạnh vào vai anh ta và ra hiệu để anh ta cho xe chạy tiếp.

“Nhưng đây là địa chỉ ông muốn tới”, người tài xế tắc xi khẳng khẳng nói. “Đi tiếp đi”, Jack gắt.

Người lái xe có vẻ ngạc nhiên, anh ta nhún vai và tăng tốc cho xe chạy qua chỗ chiếc Mercedes đang đỗ.

“Quạt vào lối rẽ tiếp theo”, Jack vừa nói vừa chỉ về chỗ rẽ phía trước bên trái. Người tài xế gật đầu, và trông anh ta lại càng có vẻ bối rối. Anh ta chờ chỉ dẫn tiếp theo. “Quay vòng trở lại”, Jack nói một cách chậm rãi, “và dừng lại ở cuối đường”.

Người tài xế làm theo chỉ dẫn mới của anh, và liên tục ngoái nhìn ra sau lưng với một khuôn mặt đầy vẻ hoang mang.

Ngay khi chiếc xe vừa đỗ lại, Jack bước ra khỏi xe và chậm chậm đi về phía góc đường, vừa đi vừa tự nguyện rửa mình về sai lầm ngớ ngẩn này của anh. Anh băn khoăn không hiểu người phụ nữ kia đang ở đâu, bởi vì rõ ràng là cô ta đã không mắc phải sai lầm như anh. Nhẽ ra anh phải nghĩ đến chuyện Anna có thể đã tới đó trước mình, và phương tiện mà cô ta sử dụng chắc chắn phải là một chiếc tắc xi.

Jack nhìn lên khối bê tông màu xám, và thề rằng từ giờ trở đi, anh sẽ không bao giờ phàn nàn về căn hộ một phòng ngủ của mình ở West Side nữa. Anh phải đợi 40 phút trước khi Anna ra khỏi tòa nhà đó. Anh đứng yên không động đậy trong khi Anna bước về phía chiếc Mercedes màu vàng kia.

Jack nhảy vào chiếc tắc xi của mình và vừa chỉ về phía trước vừa nói nhanh, “Đuổi theo họ, nhưng đừng tiến lại gần, đợi cho đến khi lên đường lớn đã”. Anh cũng không biết chắc người tài

xế tắc xi có hiểu mình nói gì hay không. Anh ta đánh xe khỏi vệ đường, và dù Jack liên tục vỗ vào vai anh ta và nhắc, “Đi chậm lại”, hai chiếc tắc xi vẫn bám sát nhau giống như hai con lạc đà giữa sa mạc khi họ chạy qua những con đường vắng. Jack lại chửi thề, anh biết là mình đã bị lộ da. Bây giờ thì một kẻ nghiệp dư cũng có thể phát hiện ra anh.

“Cô có nhận ra là có người đang theo dõi cô không?” Sergei hỏi sau khi xe đã lăn bánh.

“Không, nhưng cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu có ai đó theo dõi cháu”, Anna đáp và thấy ớn lạnh vì Sergei đã nhắc đến nỗi sợ hãi lớn nhất của cô. “Bác có nhìn thấy họ không?” cô hỏi.

“Chỉ thoáng qua thôi”, Sergei đáp. “Một người đàn ông, khoảng trên ba mươi tuổi, dáng thể thao, tóc đen, e là tôi chỉ nhìn thấy có ngần ấy”. Vậy là Tina đã sai khi nghĩ rằng kẻ đang săn lùng cô là một phụ nữ, đó là ý nghĩ đầu tiên của Anna. “Và đó là một kẻ chuyên nghiệp”, Sergei nói thêm.

“Sao bác biết”, Anna hỏi bằng một giọng lo lắng.

“Khi chiếc tắc xi chạy qua chỗ tôi, anh ta không nhìn lại”, Sergei nói. “Tôi cũng không dám chắc anh ta ở về phía nào của luật pháp”.

Anna rùng mình, còn Sergei thì liếc nhìn vào gương chiếu hậu. “Và tôi khẳng định rằng anh ta đang bám theo chúng ta, nhưng đừng có ngoái lại làm gì”, Sergei nói nhanh, “bởi vì nếu cô làm thế, anh ta sẽ biết là cô đã phát hiện ra anh ta”.

“Cảm ơn bác”, Anna nói.

“Cô vẫn muốn tôi đưa cô ra sân bay chứ?”

“Cháu không còn lựa chọn nào khác”, Anna đáp.

“Tôi có thể cắt đuôi anh ta”, Sergei nói, “nhưng như thế thì anh ta sẽ biết rằng cô đã phát hiện ra anh ta”.

“Cũng chẳng giúp ích được gì”. Anna nói. “Anh ta đã biết cháu sẽ đi đâu”.

Jack lúc nào cũng mang theo hộ chiếu, ví và thẻ tín dụng trong mình, để đề phòng trường hợp khẩn cấp. “Chết tiệt thật”, anh nói khi trông thấy tấm biển chỉ đường tới sân bay và chợt nhớ tới chiếc vali của anh trong phòng khách sạn.

Có ba hay bốn chiếc tắc xi khác cũng đang chạy về hướng sân bay Otopeni, và Jack băn khoăn không hiểu người phụ nữ kia đang ngồi trong chiếc xe nào, liệu cô ta có mua vé lên cùng chuyến bay với Anna Petrescu hay không.

Anna đưa cho Sergei một tờ 20 đôla, từ rất lâu trước khi xe tới sân bay, và nói cho ông ta biết cô đã đặt chỗ trên chuyến bay nào khi trở về.

“Bác có thể đón cháu được không?” cô hỏi.

“Tất nhiên là được”, Sergei nói và cho xe dừng lại bên ngoài cổng Quốc tế.

“Anh ta có còn bám theo chúng ta không?” Anna hỏi.

“Còn”, Sergei nói và nhảy ra khỏi xe. Một nhân viên khuôn vác xuất hiện, giúp cô cho chiếc thùng và chiếc vali lên xe đẩy.

“Tôi sẽ có mặt ở đây để đón cô khi cô trở về”, Sergei hứa với Anna trước khi cô biến vào trong đám đông.

Chiếc xe tắc xi của Jack phanh kết lại phía sau chiếc Mercedes màu vàng. Anh nhảy xuống và chạy lại chỗ người tài xế, rồi nhìn qua cửa sổ và vẫy vẫy một tờ 10 đôla. Sergei hạ cửa kính xuống rồi đưa tay cầm lấy tờ tiền. Jack mỉm cười.

“Người phụ nữ trong xe của ông, ông có biết cô ta đi đâu không?”

“Có chứ”, Sergei vừa nói vừa vẫy vẫy ria mép.

Jack lại rút ra một tờ mười đôla nữa, và Sergei vui vẻ đón nhận món quà trời cho ấy.

“Này, thế cô ta đi đâu?” Jack hỏi.

“Đi nước ngoài”, Sergei trả lời rồi gài số và phóng xe đi.

Jack chửi thề, và chạy vội về chỗ chiếc tắc xi của mình, trả tiền phí - ba đôla - rồi bước nhanh vào sân bay. Anh đứng yên một chỗ và nhìn quanh. Ít giây sau, anh đã phát hiện thấy Anna đang rời khỏi quầy làm thủ tục và đi về phía cầu thang cuốn.

Anh chờ cho đến khi Anna đã đi khuất mới bước theo. Khi anh đến đỉnh của chiếc cầu thang cuốn, Anna đã ở trong quán cà phê. Cô chọn một chỗ ngồi ở góc phía xa, nơi cô có thể quan sát được mọi chuyện và quan trọng hơn nữa là quan sát được mọi người. Ngoài việc anh đang là mục tiêu theo dõi của một người phụ nữ, người phụ nữ mà anh theo dõi cũng đã phát hiện ra anh và đã đề phòng. Jack sợ rằng chuyện này sẽ kết thúc giống như một bài thảo luận trong lớp ở Quantico về những sai lầm dẫn đến thất bại trong việc theo dõi kẻ tình nghi.

Anh quay trở xuống tầng một và nhìn lên bảng điện tử thông báo các chuyến bay. Chỉ có năm chuyến bay quốc tế khởi hành từ Bucharest trong ngày hôm đó: Moscow, Hồng Kông, New Delhi, London và Berlin.

Jack loại bỏ Moscow, bởi vì 40 phút nữa máy bay sẽ cất cánh, mà Anna vẫn còn ngồi trong quán cà phê. Máy bay đi New Delhi và Berlin thì đến chiều tối mới cất cánh. Ít có khả năng là Hồng Kông, dù máy bay tới đó sẽ cất cánh sau hai giờ nữa. 20 phút sau chuyến bay tới Hồng Kông sẽ là chuyến bay tới London. Chắc chắn là London, anh suy luận, nhưng anh không thể liều. Anh sẽ mua hai vé, một vé đi Hồng Kông và một vé đi London. Nếu cô ta không xuất hiện ở cổng khởi hành đi Hồng Kông, anh sẽ lên chiếc máy bay đi London. Anh băn khoăn không biết người phụ nữ đang theo dõi Anna có tính toán giống anh không, cho dù anh có cảm giác là cô ta đã biết Anna sẽ đi đâu. Sau khi mua hai vé, và giải thích hai lần rằng anh không mang theo hành lý gì, Jack đi về phía cửa 33 để thực hiện việc quan sát. Anh chọn một chỗ ngồi giữa những hành khách đang chờ ở cửa 31 để lên chuyến bay đi Moscow. Jack thậm chí còn nghĩ đến chuyện quay trở về khách sạn để lấy chiếc vali, thanh toán tiền rồi trở lại sân bay, nhưng ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua, bởi vì nếu phải lựa chọn giữa việc mất hành lý và mất dấu đối tượng, anh sẽ không có nhiều thời gian để tính toán.

Jack gọi điện cho viên quản lý ở khách sạn Bucharest! International bằng điện thoại di động của mình, và không giải thích gì, anh yêu cầu ông ta cho người thu dọn phòng và cho tất cả đồ đạc của anh vào chiếc vali rồi mang xuống dưới phòng tiếp tân. Anh có thể hình dung ra khuôn mặt đầy vẻ ngạc nhiên của ông ta. Tuy nhiên, khi anh đề nghị ông ta cộng thêm 20 đôla vào hoá đơn khách sạn, anh nhận được ngay câu trả lời, “Tôi sẽ đích thân làm điều đó, thưa ngài”.

Jack bắt đầu băn khoăn rằng biết đâu Anna đang tìm cách đánh lạc hướng kẻ theo dõi mình. Cô

ta vờ như sắp bay ra nước ngoài, nhưng thực tế thì cô ta sẽ quay trở về Bucharest và lấy bức tranh. Không có gì nghiệp dư hơn cái cách mà anh bám theo xe cô ta. Nhưng nếu cô ta đã biết rằng có người đang theo dõi mình, giống như mọi kẻ nghiệp dư khác, cô ta sẽ cố tìm cách cắt đuôi càng nhanh càng tốt. Chỉ có những cao thủ trong nghề mới có thể nghĩ ra được cái kế hoạch quái quỷ kia để rũ bỏ kẻ đang đeo bám mình. Liệu có khả năng Anna là một kẻ chuyên nghiệp và vẫn đang làm việc cho Fenston? Lý do gì khiến anh bị theo dõi?

Chuyến bay 3211 đi Moscow đã bắt đầu nhận hành khách lên máy bay khi Anna bước qua chỗ Jack. Trông cô có vẻ bình thản. Cô ngồi xuống giữa những hành khách đang chờ để lên chuyến bay 017 của hãng Cathay Pacific đi Hồng Kông. Jack đi xuống đại sảnh, tránh xa tầm quan sát của Anna và chờ thông báo mở cửa đón khách cho chuyến bay 017. Bốn mươi phút sau, anh lại đi lên thang cuốn, lần này là lần thứ ba.

Cả ba người cùng lên chiếc Boeing 747 đi Hồng Kông, vào ba thời điểm khác nhau. Một người ngồi ghế hạng sang, một người ngồi ghế hạng thương gia và người còn lại ngồi hàng ghế tiết kiệm.

30

“Tôi xin lỗi vì đã làm phiền Phu nhân, nhưng hãng Simpson & Simpson vừa chuyển tới một thùng lớn đựng tài liệu, và tôi không biết để chiếc thùng đó ở đâu”.

Arabella đặt cây bút xuống và ngược nhìn lên. “Andrews, ông có còn nhớ hồi tôi còn bé và ông còn là người hầu không?”

“Có, thưa Phu nhân”, Andrews trả lời bằng một giọng bối rối.

“Và mỗi kỳ Giáng sinh chúng ta đều chơi trò Săn tìm Gói quà?”

“Đúng thế, thưa Phu nhân”.

“Và có một lần, ông đã dấu một hộp sôcôla. Victoria và tôi đã tìm suốt cả một buổi chiều, nhưng vẫn không tìm thấy”.

“Vâng, thưa Phu nhân. Phu nhân Victoria cho rằng tôi đã ăn mất hộp sôcôla đó và đã oà khóc”.

“Nhưng ông vẫn không chịu nói cho chị ấy biết ông đã dấu chiếc hộp ở đâu”.

“Đúng thế, thưa Phu nhân, nhưng tôi phải thú thực là cha của Phu nhân đã hứa sẽ cho tôi sáu xu nếu tôi không nói ra chỗ dấu”.

“Tại sao cha tôi lại làm thế?” Arabella hỏi.

“Bởi vì ngài hy vọng sẽ có được một buổi chiều Giáng sinh yên ả, để uống một ly poóctô, hút một điếu xì gà, trong khi cả hai cô con gái của ngài đều đang bận rộn”.

“Nhưng chúng tôi chẳng bao giờ tìm thấy chiếc hộp đó”, Arabella nói.

“Và tôi cũng chẳng bao giờ nhận được món tiền thưởng ấy”, Andrews nói.

“Ông có còn nhớ là mình đã dấu nó ở đâu không?”

Andrews suy nghĩ một lát, rồi một nụ cười xuất hiện trên khuôn mặt ông ta.

“Có, thưa Phu nhân”, ông ta nói, “và tôi tin chắc rằng nó vẫn còn ở đó”. “Tốt, bởi vì tôi muốn ông để chiếc thùng mà Simpson & Simpson vừa chuyển đến vào đúng chỗ đó”.

“Vâng, thưa Phu nhân”, Andrews nói bằng một giọng cố tỏ ra là mình hiểu ý của chủ.

“Và kỳ Giáng sinh tiếp theo, Andrews ạ, nếu tôi muốn tìm lại nó, ông phải nhớ là không bao giờ được chỉ chỗ cho tôi”.

“Và lần này tôi có được nhận sáu xu không, thưa Phu nhân?”

“Sáu xilinh, với điều kiện là không ai khác ngoài ông biết được chỗ đó”.

Anna cựa quậy trên chiếc ghế hạng tiết kiệm ở sát bên cửa sổ máy bay. Nếu người đàn ông mà Fenston phải đi để truy lùng cô có mặt trên chuyến bay này, mà gần như chắc chắn là như vậy, thì ít nhất Anna cũng biết bây giờ cô đang phải đối mặt với những chuyện gì. Cô bắt đầu nghĩ về anh ta, và bằng cách nào mà anh biết cô đang ở Bucharest. Bằng cách nào mà anh ta biết địa chỉ của mẹ cô và liệu anh ta đã biết đích đến tiếp theo của cô là Tokyo hay chưa?" Người đã chạy đến bên chiếc tắc xi của Sergei và đập đập vào cửa kính khi cô đang quan sát anh ta từ phía quầy làm thủ tục có vẻ như không ngờ rằng mình sẽ phải lên máy bay. Anna băn khoăn không hiểu có phải những cú điện thoại của cô gọi cho Tina đã khiến cô bị lộ hay không. Anna hoàn toàn tin tưởng ở sự trung thành của bạn mình, vì vậy nếu cô bị lộ vì những cú điện thoại ấy thì cũng là ngoài ý muốn của Tina. Leapman là một kẻ xảo quyệt, ông ta chẳng ngại gì mà không đặt máy nghe trộm điện thoại của Tina, và làm những chuyện tồi tệ hơn thế.

Trong hai cuộc nói chuyện vừa qua với Tina, Anna đã cố tình tung ra một vài thông tin để kiểm tra xem các cuộc nói chuyện của họ có bị nghe trộm hay không. Rõ ràng những thông tin đó đã có người khác biết được: *Đi, và Chỗ mình sắp tới có rất nhiều người như thế*. Lần sau, cô sẽ tung ra những tin tức khiến cho kẻ đang theo dõi cô kia hoàn toàn lạc lối.

Jack ngồi trên một chiếc ghế hạng thương gia, vừa uống Coke vừa cố gắng xâu chuỗi các sự việc diễn ra trong hai ngày qua. Nếu chỉ có một mình tác chiến, hãy đón chờ những kịch bản tồi tệ nhất, thầy giáo huấn luyện của anh nhắc đi nhắc lại câu nói đó với tất cả các lính mới.

Anh cố gắng để tìm ra sợi chỉ xuyên suốt tất cả các sự việc. Anh đang bám theo một người phụ nữ có ý định đánh cắp một bức tranh trị giá 60 triệu đôla, nhưng cô ta đã để bức tranh lại Bucharest, hay cô ta đã chuyển nó sang một chiếc thùng khác và sẽ bán cho ai đó ở Hồng Kông? Rồi anh lại nghĩ tới người phụ nữ cũng đang bám theo Anna. Chuyện này thì dễ giải thích hơn.

Nếu Petrescu đã đánh cắp bức tranh, thì người phụ nữ kia rõ ràng là người được Fenston thuê để theo dõi cô ta cho đến khi tìm ra nơi cất dấu bức tranh. Nhưng tại sao cô ta luôn biết trước những bước đi tiếp theo của Anna, và liệu cô ta đã phát hiện ra rằng anh cũng đang theo dõi Anna hay chưa? Và cô ta sẽ làm gì khi đã tìm được bức Van Gogh? Jack nghĩ chỉ có một cách duy nhất để giải thoát cho chính mình là đi trước hai người kia một bước và phải tìm cách để lái họ theo mình. Anh thấy mình đã rơi vào một chiếc bẫy mà anh luôn căn dặn người của mình phải đề phòng. Đừng bao giờ nghĩ rằng kẻ tình nghi là một người vô tội. Chuyện đó là việc của bồi thẩm đoàn. Còn anh thì luôn luôn phải nghĩ rằng họ là những kẻ có tội, và đừng bao giờ ngạc nhiên trước bất cứ điều gì. Anh nhớ là các thầy giáo của mình chưa bao giờ nhắc đến chuyện anh phải làm gì nếu kẻ tình nghi là một phụ nữ hấp dẫn, dù trong tài liệu đào tạo của FBI có một chỉ dẫn về trường hợp này: "Trong bất kỳ trường hợp nào, đặc vụ viên không được phép có quan hệ riêng tư với bất kỳ một đối tượng điều tra nào". Vào năm 1999, cuốn tài liệu này đã được cập nhật theo sự chỉ đạo của Quốc hội và cụm từ "dù là nam hay nữ" đã được bổ sung sau cụm từ "bất kỳ đối tượng điều tra nào".

Nhưng Jack vẫn băn khoăn không hiểu Anna định làm gì với bức Van Gogh. Nếu cô ta tìm cách bán bức tranh ở Hồng Kông, cô ta sẽ gửi khoản tiền khổng lồ thu được ở đâu, và cô ta sẽ tiêu khoản tiền đó bằng cách nào? Jack không nghĩ rằng cô ta định sống ở Bucharest trong suốt phần đời còn lại của mình.

Và rồi anh nhớ ra rằng cô ta đã tới Lâu đài Wentworth.

Krantz ngồi một mình trên một chiếc ghế hạng sang. Cô ta bao giờ cũng mua vé hạng sang, bởi

vì nó cho phép cô ta lên máy bay sau cùng, và rời khỏi máy bay đầu tiên, trong bất kỳ chuyến bay nào, đặc biệt là khi cô ta biết chính xác nạn nhân của mình đang đi tới đâu.

Nhưng lúc này cô ta đã nhận ra rằng còn một người khác nữa cũng đang theo dõi Petrescu, và cô ta phải thận trọng hơn. Suy cho cùng, cô ta không thể giết Petrescu trước con mắt chứng kiến của bất kỳ ai đó.

Krantz băn khoăn không hiểu người đàn ông tóc đen cao ráo kia là ai, và anh ta sẽ báo cáo với ai. Phải chăng Fenston đã phái anh ta đi để kiểm tra cô ta, hay là anh ta làm việc cho một chính phủ nước ngoài? Nếu thế thì là chính phủ nào? Chắc chắn phải là chính phủ Mỹ hoặc là chính phủ Romania. Hẳn anh ta là một người chuyên nghiệp bởi vì trước đó cô ta chưa từng phát hiện ra anh ta. Cô ta đoán rằng anh ta là người Mỹ. Cô ta hy vọng mình đoán đúng, bởi vì nếu cô ta phải giết anh ta, thì đó sẽ là một phần thưởng.

Krantz không hề nghỉ ngơi trên chuyến bay dài tới Hồng Kông. Huấn luyện viên của cô ta ở Moscow luôn nhắc đi nhắc lại rằng việc tập trung thường bị mất đi vào ngày thứ tư. Ngày mai.

31

“Những hành khách đi tiếp...”

“Đó là tất cả những gì mình cần”, Jack nói một mình.

“Ngài cần gì, thưa ngài”, cô chiêu đãi viên hỏi.

“Quá cảnh”.

“Đích đến cuối cùng của ngài là nơi nào, thưa ngài?”

“Tôi cũng không biết nữa”, Jack nói. “Tôi có bao nhiêu lựa chọn?”

Cô chiêu đãi viên cười. “Ngài vẫn muốn đi tiếp về phương đông chứ ạ?”

“Có vẻ hay đấy”.

“Vậy thì có thể là Tokyo, Manila, Sydney hoặc Auckland”.

“Cảm ơn”, Jack vừa nói vừa nghĩ rằng thế thì có gì mà phải cảm ơn, rồi anh nói thêm, “Nếu tôi quyết định ngủ qua đêm ở Hồng Kông, tôi sẽ phải qua cửa kiểm tra hộ chiếu, trong khi nếu tôi muốn quá cảnh...”

Cô chiêu đãi viên tiếp tục trêu anh, “Khi xuống khỏi máy bay, thưa ngài, sẽ có những biển báo rất rõ ràng chỉ đường cho ngài tới nơi lấy hành lý hoặc phòng làm thủ tục quá cảnh. Ngài đã gửi hành lý đi thẳng tới đích, hay ngài phải đi lấy hành lý?”

“Tôi không có hành lý gì”, Jack thừa nhận.

Cô chiêu đãi viên gật đầu, mỉm cười và quay sang giúp đỡ một vài hành khách khác tỉnh táo hơn cái ông khách ngơ ngẩn này.

Jack hiểu rõ rằng khi xuống khỏi máy bay, anh phải ngay lập tức tìm được một chỗ kín đáo và thuận tiện để quan sát Anna mà không để cho người phụ nữ kia quan sát được mình.

Anna lơ đãng nhìn ra ngoài cửa sổ trong lúc máy bay từ từ hạ cánh xuống sân bay Chek Lap Kok.

Cô chẳng thể nào quên được lần đầu tiên mình bay tới Hồng Kông cách đây vài năm. Đầu tiên, mọi chuyện có vẻ như bình thường, rồi đến phút cuối, không hề cảnh báo trước, viên phi công cho máy bay nhào xuống và lao thẳng về phía mấy quả đồi. Rồi ông ta cho máy bay hạ cánh giữa những tòa nhà chọc trời, làm cho những vị khách lần đầu tiên đi máy bay tới Hồng Kông phải há miệng vì sợ hãi, trước khi chiếc máy bay chạm xuống đường băng ngắn lao thẳng tới khu Kowloon, như thể anh ta đang đóng một cảnh trong một bộ phim về cuộc chiến năm 1944. Khi chiếc máy bay dừng lại, một vài hành khách vỗ tay. Anna vui mừng khi biết rằng Hồng Kông đã có một sân bay mới, và điều đó có nghĩa là cô không phải chứng kiến cảnh hạ cánh rợn

tóc gây kia.

Cô nhìn đồng hồ. Cho dù máy bay chậm 20 phút, phải hơn hai giờ nữa cô mới bay tới đích tiếp theo. Trong khoảng thời gian đó, cô sẽ kiểm một cuốn sách hướng dẫn du lịch ở Tokyo, một thành phố mà cô chưa từng đặt chân tới.

Khi máy bay dừng lại, Anna chậm chậm bước dọc theo lối đi, và chờ cho những hành khách khác lấy hành lý từ các ô để hành lý trên đầu. Cô nhìn quanh, băn khoăn không hiểu người đàn ông mà Fenston phải đi có đang quan sát mình hay không. Cô cố giữ bình tĩnh, dù cho mỗi khi có một người đàn ông nào đó nhìn về phía cô, tim cô lại thót lại. Cô tin chắc rằng anh ta đã xuống máy bay và lúc này đang ngồi rình cô ở đâu đó. Thậm chí anh ta đã biết đích đến cuối cùng của cô. Anna đã quyết định cần phải tung tin như thế nào trong cuộc nói chuyện điện thoại sắp tới của cô với Tina để đánh lạc hướng hoàn toàn kẻ được Fenston phải đi.

Anna bước xuống khỏi máy bay và nhìn quanh để tìm biển báo. Ở phía cuối một hành lang dài, một mũi tên hướng dẫn các hành khách quá cảnh đi về phía tay trái. Cô bước đi cùng với một nhóm hành khách khác trong khi phần đông các hành khách đều rẽ phải.

Khi cô bước vào phòng chờ quá cảnh, cô được đón chào bởi một khu vực rực sáng ánh đèn neon như đang rình rập để moi ngoại tệ của các vị khách bị cầm tù. Anna đi từ cửa hiệu này sang cửa hiệu khác, ngắm nghía những một thời trang mới nhất, những thiết bị điện tử, điện thoại di động và đồ nữ trang. Cho dù cô trông thấy một vài món mà trong những hoàn cảnh bình thường chắc chắn là cô đã cầm lên xem, điểm duy nhất mà cô bước vào là một cửa hàng bán sách với đủ các loại báo và tạp chí bằng đủ thứ tiếng cùng một số cuốn sách đang bán chạy. Cô bước tới khu sách hướng dẫn du lịch, nơi có đủ các loại sách cung cấp thông tin về tất cả các quốc gia, kể cả những quốc gia xa xôi như Azerbaijan và Zanzibar.

Mắt cô dừng lại ở quầy sách về Nhật Bản, trong đó có một số cuốn về Tokyo. Cô cầm lấy cuốn sách hướng dẫn du lịch Nhật Bản mang tên Lonely Planet, cùng với một cuốn sách hướng dẫn du lịch bỏ túi về Tokyo mang tên Berlitz. Cô bắt đầu đọc lướt qua vài trang trong hai cuốn sách đó.

Jack tạt vào một cửa hàng bán đồ điện tử ở phía bên kia của khu mua sắm, nơi anh có thể nhìn rõ đối tượng của mình. Tất cả những gì anh có thể thấy là cô ta đang đứng dưới một tấm biển lớn nhiều màu sắc có đề dòng chữ Du lịch. Giá mà Jack có thể tiến lại đủ gần để nhìn rõ tựa đề của cuốn sách mà cô ta đang đọc, nhưng anh biết mình không được phép liếc. Anh bắt đầu đếm các giá sách với hy vọng có thể xác định được quốc gia nào đã thu hút được sự chú ý của Anna.

“Tôi có thể giúp gì không, thưa ngài?”, một cô gái trẻ sau quầy hỏi. “Không, trừ phi cô có một chiếc ống nhòm”, Jack nói, mắt anh vẫn không rời Anna.

“Rất nhiều, thưa ngài”, cô bán hàng trả lời, “và ngài thấy mô đen này thế nào? Đây là mô đen có giảm giá đặc biệt trong tuần này. Giá cũ là 90 đôla, giá mới là 60 đôla”.

Jack nhìn quanh trong khi cô gái lấy một chiếc ống nhòm từ trên giá xuống và đặt lên mặt quầy.

“Cảm ơn”, Jack nói. Anh cầm chiếc ống nhòm lên và chĩa về phía Anna. Cô ta vẫn đang lật giở các trang sách của cuốn sách kia, nhưng Jack không nhìn rõ tựa đề của nó.

“Tôi muốn lấy mô đen mới nhất”, anh vừa nói vừa đặt trả chiếc ống nhòm có giảm giá đặc biệt lên mặt quầy. “Loại ống nhòm có thể nhìn rõ biển chỉ đường cách 100 mét”.

Cô gái bán hàng cúi xuống, mở một ngăn tủ rồi lấy ra một chiếc ống nhòm khác.

“Đây là ống nhòm hiệu Leica, tầm xa nhất, cỡ 12x50”, cô ta nói. “Ngài có thể nhìn thấy rõ nhãn hiệu trên những gói cà phê ở quầy cà phê góc kia”.

Jack chỉnh tiêu cự ống nhòm. Anna đang đặt cuốn sách mà cô vừa đọc lên giá, và cầm một cuốn sách cạnh đó lên. Jack phải đồng ý với cô bán hàng, đây đúng là loại ống nhòm rất tốt. Anh có thể nhìn thấy dòng chữ Nhật Bản và thậm chí cả dòng chữ Tokyo ở hàng sách phía trên đó. Anna gấp cuốn sách lại, mỉm cười và đi về phía quầy thu ngân. Cô cầm một tờ Herald Tribune lên và đứng vào hàng chờ.

“Có tốt không, thưa ngài?”, cô bán hàng hỏi.

“Rất tốt”, Jack vừa nói vừa đặt trả chiếc ống nhòm lên mặt quầy, “nhưng tôi e là tôi không đủ tiền mua. Cảm ơn cô”, anh nói thêm trước khi bước ra khỏi cửa hiệu.

“Lạ thật”, cô bán hàng nói với bạn mình phía sau quầy. “Tớ đã nói giá với ông ta đâu”.

Anna đã đi tới đầu hàng chờ và đang trả tiền cho hai cuốn sách, cùng lúc đó Jack đang đi nhanh về phía đối diện. Anh đứng vào một hàng chờ khác ở phía cuối của đại sảnh.

Khi lên đến đầu hàng, anh hỏi mua một chiếc vé đi Tokyo.

“Vâng, thưa ngài, chuyến bay nào - Cathay Pacific hay Hàng không Nhật Bản?”.

“Khi nào máy bay cất cánh?”, Jack hỏi.

“Hàng không Nhật Bản chuẩn bị mở cửa đón khách, bởi vì máy bay sẽ cất cánh sau bốn mươi phút nữa. Chuyến bay 301 của hãng Cathay phải một tiếng rưỡi nữa mới cất cánh”.

“Cho một vé hạng thương gia”, Jack nói, “của hãng Hàng không Nhật Bản.”

“Ngài có hành lý gì không?”.

“Chỉ có hành lý xách tay thôi”.

Cô gái bán vé đưa vé cho anh, kiểm tra hộ chiếu của anh và nói: “Mời ngài đi về phía cửa 71, máy bay sắp mở cửa đón khách ngay bây giờ”. Jack bước trở lại về phía quán cà phê. Anna đang ngồi ở gần quầy thu ngân, chăm chú vào cuốn sách mà cô vừa mua. Anh cẩn thận tìm chỗ khuất để tránh ánh mắt của cô bởi vì anh biết chắc rằng cô đã nhận ra là mình đang bị theo dõi. Những phút sau đó, Jack đi loanh quanh mua những món đồ tại vài cửa hiệu mà trong những hoàn cảnh bình thường chắc anh chẳng bao giờ đặt chân vào, chỉ là để vừa theo dõi được người phụ nữ đang ngồi trong quán cà phê kia, vừa không để cô theo dõi lại. Cuối cùng anh mua một chiếc túi ngủ mà người ta cho phép mang lên máy bay trong hành lý xách tay, một chiếc quần bò, bốn chiếc áo sơ mi, bốn đôi tất, bốn chiếc quần lót, hai chiếc caravat (loại giảm giá đặc biệt), một gói dao lam, kem cạo râu, xà bông dưỡng da, kem đánh răng và bàn chải đánh răng. Anh cứ đứng mãi trong quầy dược phẩm để chờ xem Anna sắp đứng lên chưa.

“Thông báo cuối cùng cho những hành khách trên chuyến bay 416 của hãng Hàng không Nhật Bản đi Tokyo. Xin mời quý khách tới ngay cổng 71 để làm thủ tục lên máy bay”.

Anna lật một trang sách nữa trong cuốn sách của cô, và điều đó khiến Jack hiểu rằng cô sẽ đi chuyến bay của hãng Cathay Pacific khởi hành một giờ sau đó. Lần này anh sẽ chờ cô. Anh xách gói hành lý của mình và đi về phía cửa 71. Anh là một trong những hành khách cuối cùng lên máy bay.

Anna nhìn đồng hồ, rồi cô gọi thêm một cốc cà phê và lại chăm chú đọc tờ *Herald Tribute*. Các trang báo đầy những câu chuyện về hậu quả của vụ 11/9, cùng một bài viết về lễ tưởng niệm được tổ chức tại Washington DC với sự có mặt của Tổng thống. Gia đình và bạn bè của cô tin rằng cô đã chết, hoặc vẫn còn mất tích? Đã có người nhìn thấy cô tại London, và liệu cái tin ấy đã được truyền tới New York hay chưa? Chắc chắn Fenston muốn mọi người tin rằng cô đã chết, ít nhất là cho tới khi ông ta đã lấy được bức Van Gogh. Tất cả điều đó sẽ thay đổi tại Tokyo, nếu - một cái gì đó đã khiến Anna ngẩng lên và cô phát hiện thấy một anh chàng có mái tóc đen, dày đang nhìn mình chằm chằm. Anh ta vội quay mặt đi. Cô đứng lên khỏi ghế và bước lại phía anh ta.

“Anh đang theo dõi tôi à?”, cô hỏi.

Anh chàng kia nhìn Anna một cách bối rối. “Non, non, mademoiselle, mais peut-être voulez vous prendre un verre avec moi?” [2]

[2] *Tiếng Pháp, có nghĩa là: Không, không, thưa cô, nhưng liệu tôi có thể mời cô cùng uống một ly không? (ND).*

“Đây là thông báo đầu tiên cho các hành khách...”.

Có một cặp mắt dõi theo Anna khi cô xin lỗi anh chàng người Pháp kia, thanh toán tiền, và chậm chậm đi về phía cửa 69.

Krantz chỉ rời mắt khỏi Anna khi cô đã lên máy bay.

Krantz là một trong những hành khách cuối cùng lên chuyến bay CX 301. Sau khi bước vào trong máy bay, cô ta rẽ trái và ngồi vào chiếc ghế bên cửa sổ ở hàng ghế đầu như thường lệ. Cô ta biết rằng Anna đang ngồi ở đâu đó cuối các dãy ghế ở hạng tiết kiệm, nhưng cô ta không biết anh chàng người Mỹ kia đã biến đi đâu. Anh ta đã nhớ chuyến bay, hay anh ta vẫn đang lúng lúng ở Hồng Kông để tìm Petrescu?

Chuyến bay của Jack hạ cánh xuống sân bay quốc tế Narita của Tokyo chậm 40 phút, nhưng anh không lo, vì anh đến trước cả hai người phụ nữ kia gần một tiếng đồng hồ. Sau khi qua cửa Hải quan, nơi dừng chân đầu tiên của anh là bàn hỏi đáp. Bốn mươi phút nữa thì chuyến bay của hãng Cathay Pacific sẽ hạ cánh.

Anh nhìn khắp một lượt các cửa ra, và cố suy đoán xem Anna sẽ đi theo hướng nào sau khi qua cửa Hải quan. Cô sẽ lựa chọn phương tiện gì để vào thành phố: tắc xi, tàu điện, hay xe buýt? Nếu cô vẫn còn giữ chiếc thùng, chắc chắn cô sẽ chọn tắc xi. Sau khi đã nhìn kỹ các cửa mà Anna có nhiều khả năng lựa chọn nhất, Jack bước tới một quầy của Ngân hàng Tokyo để đổi 500 đôla lấy 53.868 yên. Anh cất những tờ tiền có mệnh giá lớn vào ví rồi quay lại đại sảnh. Anh quan sát những hành khách vừa xuống máy bay. Anh nhìn lên. Trên đầu anh, về phía bên trái, là một gác lửng nhìn xuống đại sảnh. Anh bước lên cầu thang và kiểm tra vị trí đó. Cho dù khu gác lửng ấy đã chật cứng người, nó là một nơi thật lý tưởng. Có hai buồng điện thoại công cộng được gắn chặt vào tường, và nếu anh đứng sau buồng thứ hai, anh có thể quan sát thấy tất cả những ai vừa từ cửa Hải quan bước ra. Jack nhìn lại bảng thông báo. 20 phút nữa, chuyến bay CX 301 sẽ hạ cánh. Có đủ thời gian để anh thực hiện nhiệm vụ cuối cùng của mình. Anh ra khỏi sân bay và đứng vào hàng chờ xe tắc xi. Tổ chức thu xếp tắc xi cho khách là một người mặc comple màu xanh nhạt; anh ta không chỉ kiểm soát xe tắc xi mà còn hướng dẫn cho khách. Khi Jack lên đến đầu hàng đợi, anh leo lên một chiếc Toyota màu xanh và yêu cầu người tài xế đỗ sang bên kia đường. Người lái xe ngạc nhiên nhìn Jack rồi làm theo chỉ dẫn của anh.

“Đợi đây cho đến khi tôi quay lại”, anh nói thêm và để chiếc túi mới của mình lên ghế sau tắc xi. “Tôi sẽ quay trở lại trong vòng ba mươi phút, bốn mươi phút là cùng”. Anh lấy từ ví ra một tờ 5000 yên. “Và anh có thể để cho đồng hồ chạy”. Người tài xế gật đầu, nhưng có vẻ càng ngạc nhiên hơn.

Jack quay trở lại sân bay vừa lúc chuyến bay CX 301 mới hạ cánh.

Anh bước lên gác lửng và đứng nấp vào sau buồng điện thoại thứ hai.

Anh chờ để quan sát xem ai là người đầu tiên bước qua cửa với một tấm nhãn màu xanh trắng quen thuộc của hãng hàng không Cathay Pacific dính trên hành lý. Đã lâu lắm rồi anh không phải chờ một người phụ nữ nào ở sân bay, đừng nói đến là phải chờ hai người phụ nữ cùng một lúc. Và liệu anh có thể nhận ra họ không? Chỉ dẫn trên bảng báo lại nháy một lần nữa. Các hành khách đi chuyến bay CX 301 đang trong sảnh chờ hành lý. Jack bắt đầu tập trung. Anh không phải đợi lâu. Krantz là người đầu tiên bước ra - cô ta cần phải thế, cô ta có việc phải làm. Cô ta đi về phía đám đông những người đang đứng chờ, những người không cao hơn cô ta là mấy. Cô ta lẩn vào giữa đám đông trước khi mạo hiểm nhìn quanh. Chốc chốc, đám đông kiên nhẫn ấy lại dịch chuyển như một làn sóng, khi có một số người rời đi và một số người khác mới tới. Krantz dịch chuyển theo làn sóng ấy để không ai phát hiện ra cô ta. Nhưng một mái tóc vàng lẩn giữa những mái tóc đen đã làm cho công việc của Jack trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Nếu cô ta theo sát Anna, Jack sẽ biết chính xác mình đang gặp phải đối tượng nào.

Trong khi vừa phải để mắt đến người phụ nữ gầy, lùn, gân guốc, có mái tóc vàng kia, anh vừa phải liên tục ngoảnh lại nhìn dòng người vừa bước ra, trong đó có một số mang theo những hành lý có dính tấm nhãn xanh trắng của Cathay. Jack bước lên một bước, và cầu nguyện để cô ta đừng ngược nhìn lên, nhưng cô ta đang dán mắt vào dòng người vừa bước ra.

Chắc chắn cô ta đã phán đoán rằng Anna chỉ có thể bước ra từ một trong ba cửa, bởi vì cô ta đã chọn một vị trí rất thích hợp để có thể quan sát được cả ba cửa đó.

Jack cho tay vào túi áo trong, rút ra một chiếc điện thoại cầm tay mới hiệu Samsung, mở chiếc điện thoại ra và chìa thẳng về phía đám đông. Cô ta biến mất trong vài giây, rồi một người đàn ông đứng tuổi bước về phía trước để đón người mà ông ta đang đợi, cô ta lại hiện ra trong tích tắc. Bấm nút, và cô ta lại biến mất. Jack vẫn tiếp tục vừa để mắt đến cô ta, vừa không rời hàng người vẫn đang tuôn ra đại sảnh. Khi anh quay lại, một người phụ nữ cúi xuống để bế con lên, và cô ta lại hiện ra. Bấm nút. Cô ta lại biến mất. Jack quay lại và thấy Anna đang rải những bước dài qua cửa xoay. Anh đóng nắp điện thoại lại, và hy vọng rằng hai ảnh chụp kia đủ để các nhân viên công nghệ xác định nhân thân của cô ta. Jack không phải là người duy nhất quay đầu lại và chăm chú theo dõi khi Anna bước ra đại sảnh, với một chiếc xe đẩy trên đó có một chiếc vali và một chiếc thùng gỗ. Anh lùi vào chỗ nấp khi Anna dừng lại và ngược nhìn lên. Cô kiểm tra lại xem có thể ra theo lối nào. Cô rẽ phải. Tắc xi. Jack biết cô còn phải đứng vào một hàng chờ dài trước khi có được tắc xi, vì vậy anh để cho cả hai người phụ nữ rời khỏi sân bay trước khi anh bước xuống khỏi gác lửng. Khi đã xuống đến sảnh, anh chọn lối đi vòng ra chỗ chiếc tắc xi của mình. Anh đi về phía cuối sảnh và bước ra vỉa hè. Anh giấu mình sau một chiếc xe buýt đang chờ khách trên đường tới bãi đỗ xe ngầm, rồi tiếp tục đi dọc theo một hàng xe dài nữa và bước ra từ đầu kia của gara. Anh cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy chiếc tắc xi màu xanh vẫn đang đỗ ở đó, máy đang nổ, và đồng hồ đo đường đang chạy. Anh trèo lên ghế sau và nói với tài xế: “Có thấy người phụ nữ tóc vàng kia không, người thứ bảy trong hàng chờ tắc xi? Tôi muốn anh bám theo cô ta, nhưng đừng để cô ta phát hiện”.

Jack hướng sự chú ý sang Anna, người thứ năm trong hàng chờ tắc xi.

Khi lên đến đầu hàng, cô không leo lên tắc xi ngay mà đi vòng lại phía cuối hàng. Cô quá khôn ngoan, Jack nghĩ và quan sát phản ứng của người phụ nữ kia. Anh vỗ nhẹ vào vai người tài xế và nói: “Ngồi yên”, khi cô ta leo lên một chiếc tắc xi. Chiếc tắc xi chở cô chạy đi và biến mất sau một góc tường. Jack biết chắc cô ta sẽ đỗ lại cách chỗ rẽ vài mét và chờ cho Anna xuất hiện. Cuối cùng, Anna lại lên đến đầu hàng chờ tắc xi một lần nữa. Jack vỗ nhẹ lên vai người tài xế và nói: “Bám theo người phụ nữ kia, giữ khoảng cách vừa phải, nhưng đừng để mất dấu cô ta”.

“Nhưng có phải người phụ nữ ấy đâu?”, người tài xế hỏi lại.

“Tôi biết”, Jack nói. “Thay đổi kế hoạch”.

Người tài xế trông có vẻ bối rối. Người Nhật không hiểu cụm từ “Thay đổi kế hoạch”.

Khi chiếc tắc xi của Petrescu chạy qua chỗ anh và rẽ vào đường lớn, Jack thấy một chiếc tắc xi giống hệt như thế rời khỏi đường rẽ và bám theo sau. Cuối cùng thì cũng đến lượt anh là người đuổi theo chứ không phải là người bị theo đuổi.

Lần đầu tiên Jack cảm thấy biết ơn những điểm tắc nghẽn giao thông không bao giờ hết mà những ai thường qua lại trên tuyến đường từ sân bay Narita vào trung tâm thành phố Tokyo đều xem là chuyện bình thường. Anh có thể giữ khoảng cách mà không bao giờ mất dấu đối tượng.

Một giờ sau đó, chiếc xe tắc xi chở Anna dừng lại bên ngoài khách sạn Seiyo ở quận Ginza. Một người trực tầng khách sạn bước tới để giúp cô mang hành lý lên phòng, nhưng khi trông thấy chiếc thùng, anh ta liền vẫy tay gọi thêm một người nữa để giúp mình. Sau khi Petrescu và chiếc thùng đã biến vào trong khách sạn được một lúc, Jack mới tính đến chuyện bước vào trong đó. Rồi anh phát hiện thấy Người Lùn đã ẩn mình ở góc xa của đại sảnh, nơi cô có thể quan sát toàn bộ cầu thang bộ và thang máy mà không bị ai sau quầy tiếp tân để ý.

Ngay khi phát hiện thấy cô ta ngồi đó, Jack lùi lại qua cửa xoay và quay ra sân. Một người trực tầng chạy tới. “Ngài có cần tắc xi không ạ?”.

“Không, cảm ơn”, anh nói rồi chỉ tay về phía một chiếc cánh cửa bằng kính ở phía bên kia sân và hỏi, “Đó là gì thế? .

“Phòng tập thể dục của khách sạn, thưa ngài”, người trực tầng trả lời. Jack gật đầu, đi vòng qua sân rồi bước vào tòa nhà. Anh bước tới quầy tiếp tân.

“Số phòng, thưa ngài?”, một anh chàng mặc đồng phục của khách sạn hỏi anh.

“Tôi không nhớ”, Jack nói.

“Tên?”.

“Petrescu”.

“A, Tiến sỹ Petrescu”, anh ta nói và nhìn vào màn hình trước mặt mình, “phòng 118. Ngài có cần tủ đựng đồ không?”.

“Để sau đi”, Jack nói. “Đợi vợ tôi đã”. Anh ngồi xuống một chiếc ghế bên cửa sổ trông ra sân và chờ Anna xuất hiện. Anh nhận thấy lúc nào cũng có hai hay ba chiếc tắc xi xếp hàng chờ, vì vậy việc bám theo cô có vẻ sẽ không thành vấn đề. Nhưng nếu cô xuất hiện mà không có chiếc thùng, anh tin chắc rằng Người Lùn sẽ nghĩ cách để tước đoạt nó khỏi tay “vợ” anh.

Trong khi Jack kiên nhẫn ngồi chờ bên cửa sổ, anh mở nắp máy điện thoại di động và gọi cho Tom ở London. Anh cố không nghĩ đến sự khác biệt về múi giờ.

“Cậu ở đâu?”, Tom hỏi khi trông thấy dòng chữ “Cóm xịn” hiện lên trên màn hình điện thoại.

“Tokyo”.

“Petrescu đang làm gì ở đó?”.

“Tớ không biết chắc, nhưng tớ sẽ không ngạc nhiên nếu thấy cô ta đang tìm cách bán bức tranh quý hiếm ấy cho một nhà sưu tầm nổi tiếng nào đó”.

“Cậu đã biết người phụ nữ đang bám theo cô ta là ai chưa?”

“Chưa”, Jack nói, “nhưng tớ có chụp được hình của cô ta hai lần tại sân bay”.

“Hay lắm”, Tom nói.

“Tớ sẽ gửi hai bức ảnh ấy cho cậu ngay bây giờ”, Jack nói. Anh bấm mã số vào điện thoại của mình và chỉ tích tắc sau đó, hai hình ảnh kia đã xuất hiện trên màn hình điện thoại của Tom.

“Hơi mờ”, Tom nói ngay, “nhưng tớ tin là nhân viên công nghệ sẽ có thể cải thiện chất lượng ảnh đủ để chúng ta nhận diện rõ cô ta. Còn thông tin gì không?”.

“Cô ta cao khoảng năm bộ, gầy, tóc vàng cắt ngắn và có đôi vai của một vận động viên bơi lội”.

“Còn gì nữa không?”.

Tom vừa hỏi vừa ghi chép.

“Còn, sau khi kết thúc vụ bắn nhau của băng nhóm ở Mỹ ấy, cậu hãy tới Đông Âu ngay. Tớ có cảm giác cô ta là người Nga, hoặc có thể là người Ukraina”.

“Thậm chí có thể là người Romania?”, Tom hỏi.

“Ừ nhỉ, tớ đần quá”, Jack nói.

“Cũng đủ thông minh để chụp hai bức ảnh. Chưa có ai làm được chuyện đó, và có thể đây sẽ là bước đột phá lớn nhất của chúng ta trong vụ này”.

“Kể ra được khen thì cũng thích, nhưng tớ phải thú nhận là cả hai người bọn họ bây giờ đã biết về sự có mặt của tớ”, Jack nói.

“Vậy thì tớ phải khẩn trương tìm hiểu xem cô ta là ai. Tớ sẽ liên lạc với cậu ngay sau khi những nhân viên dưới tầng trệt có sản phẩm”.

Tina bật chiếc nút dưới bàn làm việc của chị. Chiếc màn hình nhỏ trên góc bàn sáng lên. Fenston đang nói chuyện điện thoại. Chị bật nút chuyển mạch nối với máy riêng của ông ta, và chăm chú lắng nghe. “Ông nói đúng”, một giọng nói cất lên, “cô ta đang ở Nhật Bản”.

“Vậy thì có thể cô ta có hẹn với Nakamura. Mọi thông tin về ông ta đều có trong tập hồ sơ mà cô đang cầm. Đừng quên rằng lấy lại bức tranh quan trọng hơn là loại bỏ Petrescu”.

Fenston đặt máy xuống.

Tina tin chắc rằng giọng nói kia là của người phụ nữ mà chị đã trông thấy trong xe của Fenston. Chị cần phải báo cho Anna biết.

Leapman bước vào phòng chị.

Anna bước ra khỏi vòi tắm hoa sen, vớ tay lấy một chiếc khăn tắm và lau khô người. Cô liếc nhìn chiếc đồng hồ điện tử ở góc màn hình tivi. Mới 12 giờ trưa, giờ mà phần lớn các thương gia người Nhật tới câu lạc bộ của họ để ăn trưa. Không phải là lúc có thể quấy rầy Nakamura.

Sau khi lau khô người, Anna lấy một chiếc áo choàng mỏng treo sau cửa nhà tắm. Cô ngồi xuống cuối giường và bật máy tính xách tay lên. Cô gõ mật khẩu của mình, MIDAS, và truy cập vào tệp lưu trữ thông tin về những nhà sưu tầm giàu có nhất trên thế giới: Gates, Cohen, Lauder, Magnier, Nakamura, Rales, Wynn.

Cô rê con trở tới cái tên của ông ta. Nakamura, nhà tư bản công nghiệp.

Đại học Tokyo 1966-1970, Kỹ sư xây dựng. UCLA 1971-1973, Thạc sỹ Kinh tế. Bắt đầu làm việc cho công ty Maruha từ năm 1974, Thành viên ban Giám đốc năm 1989, Tổng giám đốc năm 1997, Chủ tịch năm 2001. Anna lướt xuống phần thông tin về công ty thép Maruha. Bản cân đối thường niên năm trước cho thấy doanh thu của công ty là gần 3 tỷ đôla, lợi nhuận ròng là 400 triệu. Ông Nakamura nắm giữ 22 % cổ phần của công ty này, và theo xếp hạng của Forbes, ông ta là người giàu thứ chín trên thế giới. Một vợ, ba con, hai gái một trai. Sở thích: gôn và nghệ thuật. Không có thông tin chi tiết về những tật nguyền của ông ta theo tin đồn, cũng không có thông tin chi tiết về bộ sưu tập ấn tượng của ông ta, một bộ sưu tập được nhiều người đánh giá là toàn mỹ nhất trong số các bộ sưu tập cá nhân.

Nakamura đã một vài lần nói về bộ sưu tập này và khẳng định đó là tài sản của công ty. Cho dù hãng Christie luôn giấu kín thông tin về khách mua trong các vụ đấu giá tranh, những ai làm trong lĩnh vực nghệ thuật đều biết rằng Nakamura chính là người tranh mua sau cùng trong cuộc bán đấu giá bức Hoa Hướng Dương của Van Gogh vào năm 1987, khi ông ta bị một người bạn cũ và cũng là đối thủ của mình là Yasuo Goto, chủ tịch công ty bảo hiểm Yasuda Fire & Marine Insurance, người đã trả 39.921.750 bảng Anh để có được bức tranh ấy. Kể từ khi rời khỏi Sotheby, Anna hầu như không cập nhật được thông tin gì về Nakamura. Bức tranh Lốp khiêu vũ của quý bà Minette của Degas mà cô đã mua cho ông ta tỏ ra là một vụ đầu tư khôn ngoan, và Anna hy vọng ông ta nhớ rõ điều đó. Cô hoàn toàn tin chắc rằng cô đã chọn đúng người có thể giúp mình thoát ra khỏi tình cảnh khó khăn này. Cô mở vali ra và chọn một bộ vét màu xanh dương cùng một chiếc áo sơ mi màu kem, một chiếc váy ngắn, một đôi giày da có đế thấp; không trang điểm, không trang sức. Vừa là quần áo, Anna vừa nghĩ tới người đàn ông mà cô chỉ mới gặp một lần, và băn khoăn không hiểu cô có để lại ấn tượng gì đối với ông ta không. Sau khi thay quần áo, Anna nhìn lại mình trong gương. Đúng cách ăn mặc mà một thương gia Nhật Bản kỳ vọng ở một thành viên ban giám đốc của hãng Sotheby.

Anna kiểm tra số điện thoại riêng của ông ta trong máy tính. Cô ngồi xuống đuôi giường, cầm điện thoại lên, hít một hơi thật sâu và quay số.

“Hai, Shacho-Shitso desu”, một giọng nói cất lên trong máy.

“Xin chào, tên tôi là Anna Petrescu. Ông Nakamura có thể còn nhớ tôi là người của nhà đấu giá Sotheby”.

“Cô muốn được phỏng vấn à?”.

“Ờ, không, tôi chỉ muốn nói chuyện với ông Nakamura”.

“Xin chờ một lát, để tôi xem ông ấy có thể nói chuyện với cô không”.

Làm sao ông ta có thể nhớ nổi cô chỉ sau một lần gặp?

“Tiến sỹ Petrescu, rất vui khi được nói chuyện với cô. Hy vọng cô lâu nay vẫn khỏe?”.

“Vâng, cảm ơn ông, Nakamura San”.

“Cô đang ở Tokyo à? Bởi vì nếu tôi không nhầm thì giờ này đang là nửa đêm ở New York”.

“Vâng, tôi đang ở Tokyo, và không biết ông có thể bố trí cho tôi được gặp một lát không?”.

“Cô không đăng ký phỏng vấn, nhưng bây giờ đã có tên trong danh sách rồi. Tôi có ba mươi phút rảnh vào lúc 4 giờ chiều nay. Có tiện cho cô không?”.

“Thế thì hay quá”, Anna nói.

“Cô có biết văn phòng của tôi không?”.

“Tôi có địa chỉ”.

“Cô ở khách sạn nào vậy?”.

“Khách sạn Seiyo”.

“Nếu tôi nhớ không nhầm thì người của Sotheby thường ở tại khách sạn Imperial”. Anna thấy miệng mình khô lại. “Văn phòng của tôi cách khách sạn đó khoảng 20 phút xe chạy. Tôi mong được đón tiếp cô vào lúc 4 giờ chiều nay. Tạm biệt, Tiến sỹ Petrescu”.

Anna đặt ống nghe xuống và ngồi yên tại chỗ một lúc. Cô cố nhớ lại chính xác những lời ông ta nói. Cô thư ký của ông ta muốn nói gì khi hỏi cô. “Cô muốn được phỏng vấn à?” và tại sao ông Nakamura lại nói, “Cô không đăng ký phỏng vấn, nhưng bây giờ đã có tên trong danh sách rồi”? Hay ông ta đã biết rằng cô sẽ gọi?

Jack cúi người về phía trước để nhìn cho rõ hơn. Hai người trực tầng đang bước ra khỏi khách sạn, vác theo chiếc thùng gỗ mà Anna đã đổi cho Anton Teodorescu trên bậc thềm của Học viện tại Bucharest. Một trong hai người trực tầng nói gì đó với người tài xế trên chiếc tắc xi đỗ ở đầu hàng, và người tài xế ra khỏi xe rồi cẩn thận đặt chiếc thùng gỗ vào cốp sau. Jack đứng dậy và bước về phía cửa sổ, cẩn thận để phòng để không ai nhìn thấy anh. Anh chờ và nghĩ rằng có thể lại là một báo động giả. Anh nhìn lại hàng tắc xi đang chờ, có tất cả bốn chiếc. Anh nhìn về phía cửa ra vào phòng tập thể dục và tính rằng mình có thể ra đến chiếc tắc xi thứ hai trong vòng 20 giây.

Anh nhìn về phía những cánh cửa trượt của khách sạn và băn khoăn không hiểu Petrescu bao giờ thì xuất hiện. Nhưng người tiếp theo làm cho các cánh cửa trượt mở ra lại là Người Lùn. Cô ta đi qua chỗ người gác cửa rồi bước nhanh ra đường. Jack biết cô ta không bao giờ bắt tắc xi của khách sạn để có nguy cơ bị nhớ mặt; với những người như cô ta, anh không bao giờ có được cơ hội ấy.

Jack hướng sự chú ý của mình tới cửa khách sạn, bởi vì anh biết rằng Người Lùn lúc này đang ngồi trên một chiếc tắc xi ở một chỗ khuất nào đó để chờ cả Anna và anh.

Vài giây sau, Petrescu xuất hiện. Cô ăn mặc như thể sắp tham dự một cuộc họp của ban giám đốc. Người gác cửa hộ tống cô ra tới chiếc tắc xi ở đầu hàng chờ và mở cửa sau ra cho cô. Chiếc tắc xi từ từ lăn bánh rồi hoà vào dòng xe cộ trên đường.

Jack đã ngồi vào ghế sau của chiếc tắc xi thứ hai trước khi người gác cửa có cơ hội mở cửa cho anh.

“Đuổi theo chiếc tắc xi kia”, Jack vừa nói vừa chỉ tay về phía trước, “và nếu anh không để mất dấu, anh sẽ được thưởng gấp đôi tiền”. Người tắc xi tăng tốc. “Nhưng”, Jack nói thêm, “đừng lộ liễu quá”. Anh biết Người Lùn đang ngồi trên một chiếc tắc xi màu xanh nào đó trước mặt họ.

Chiếc tắc xi chở Anna rẽ trái tại Ginza rồi chạy theo hướng Bắc, rời xa khu mua sắm nhộn nhịp, hướng về quận Marunouchi, khu văn phòng nổi tiếng của thành phố. Jack băn khoăn không hiểu có phải cô đang đi gặp khách hàng tiềm năng hay không.

Chiếc tắc xi màu xanh kia rẽ trái ở ngã tư tiếp theo, và Jack lại nhắc người tài xế của mình: “Đừng để mất dấu cô ta”. Người lái xe chuyển làn đường, rồi vượt lên và bám theo chiếc xe kia, giữ một khoảng cách bằng ba thân xe. Cả hai chiếc tắc xi dừng lại tại điểm đèn đỏ tiếp theo. Chiếc tắc xi của Petrescu bật xi nhan báo rẽ phải, và khi đèn tín hiệu chuyển sang màu xanh, một vài chiếc xe khác chạy theo. Jack biết Người Lùn đang ngồi trên một trong những chiếc xe ấy. Khi họ chạy vào con đường cao tốc ba làn, Jack có thể nhìn thấy một dãy đèn tín hiệu giao thông trên đầu, tất cả đều có màu xanh. Anh chửn thẳm. Anh thích đèn đỏ; dừng lại rồi chạy tiếp bao giờ cũng tốt hơn nếu anh đang bám theo một đối tượng.

Tất cả đều chạy an toàn qua tín hiệu đèn xanh thứ nhất và thứ hai, nhưng khi tín hiệu thứ ba chuyển sang màu hổ phách, chiếc tắc xi của anh là chiếc cuối cùng vượt qua ngã tư. Khi chạy qua Cung điện Hoàng gia, anh vỗ vai người lái xe để động viên anh ta. Anh cúi người về phía trước, và hy vọng tín hiệu đèn giao thông tiếp theo vẫn giữ màu xanh. Nó chuyển sang màu hổ phách ngay khi chiếc tắc xi chở Anna vượt qua ngã tư.

“Vượt đi, vượt đi”, Jack giục người lái xe khi thấy hai chiếc tắc xi trước mặt bám theo Anna. Nhưng thay vì tăng tốc và vượt đèn đỏ, anh ta cho xe chạy chậm lại rồi dừng hẳn. Jack vừa định quát lên thì thấy một chiếc xe cảnh sát dừng lại bên cạnh họ. Anh nhìn chằm chằm về phía trước. Chiếc Toyota màu xanh đã dừng lại ở tín hiệu đèn đỏ tiếp theo. Anh vẫn còn cơ hội. Anh hy vọng chiếc xe tuần tra của cảnh sát sẽ rẽ phải, để anh có thể lấy lại thời gian đã mất, nhưng chiếc xe ấy vẫn như cố tình bám chặt lấy xe anh. Anh nhìn theo chiếc tắc xi kia rẽ vào đại lộ Eitai-dori. Anh nín thở, và lại hy vọng đèn tín hiệu đèn chuyển màu, nhưng rồi nó vẫn chuyển sang màu hổ phách và chiếc xe trước mặt họ dừng lại, rõ ràng là nó đã phát hiện ra chiếc xe cảnh sát phía sau. Khi cuối cùng đèn tín hiệu chuyển sang màu xanh, sau 60 giây dài đằng dặc, chiếc tắc xi của anh quặt trái, và trước mặt họ là một biển đèn xanh. Để mất dấu Petrescu đã là quá tệ, nhưng ý nghĩ về việc Người Lùn vẫn đang bám theo cô ta khiến Jack quay lại và nguyên rủa chiếc xe tuần tra của cảnh sát, vừa lúc đó thì nó rẽ phải và mất hút.

Krantz chú ý theo dõi khi chiếc tắc xi màu xanh lách sang làn đường bên trong và dừng lại bên ngoài một tòa nhà hiện đại xây bằng đá hoa cương trắng ở otemachi. Tấm biển trên cổng ra vào, Công ty Thép Maruha, được viết bằng cả tiếng Nhật và tiếng Anh, giống như phần lớn các công ty quốc tế khác tại Tokyo.

Krantz để cho chiếc tắc xi của mình chạy qua trước cổng tòa nhà rồi mới yêu cầu tài xế cho xe dừng lại sát vỉa hè. Cô ta quan sát qua gương chiếu hậu khi Anna xuống xe. Tài xế chiếc tắc xi của Anna lấy chiếc thùng từ trong cốp sau ra. Anna giúp anh ta, và người gác cửa cũng chạy xuống. Krantz tiếp tục theo dõi khi hai người đàn ông bê chiếc thùng lên các bậc thềm và bước vào trong tòa nhà. Ngay khi họ vừa khuất khỏi tầm quan sát, Krantz trả tiền tắc xi, bước xuống

và đi nhanh qua vỉa hè. Cô ta không bao giờ yêu cầu tắc xi đợi mình nếu không thật cần thiết. Cô ta làm thế để tránh khả năng có ai đó nhớ mặt mình. Cô ta cần phải suy tính nhanh, đề phòng Anna bất ngờ quay ra. Nhiệm vụ hàng đầu của cô ta là lấy lại bức tranh. Sau khi đã thực hiện xong nhiệm vụ ấy, cô ta được tự do thủ tiêu Petrescu, nhưng vì mới xuống máy bay, cô ta chưa kiếm được vũ khí phù hợp. Cô ta hài lòng khi thấy anh chàng người Mỹ kia không còn là mối đe dọa đối với mình nữa, và băn khoăn không hiểu có phải giờ này anh ta vẫn đang lùng sục khắp Hồng Kông để tìm Anna và bức tranh hay không.

Có vẻ như bức tranh đã được đưa tới đích. Có cả một trang đầy đủ chi tiết về Nakamura trong hồ sơ mà Fenston đưa cho cô ta. Nếu Anna xuất hiện cùng với chiếc thùng, thì chắc chắn là Anna đã thất bại, và cô ta có thể thực hiện cả hai nhiệm vụ của mình một cách dễ dàng hơn nhiều. Nếu Anna bước ra chỉ với một chiếc cặp trên tay, Krantz sẽ phải đưa ra một quyết định nhanh chóng. Cô ta lại nhìn quanh để đảm bảo rằng lúc nào cũng có đầy xe tắc xi chạy trên đường. Chỉ trong vài phút mà có hàng chục chiếc chạy qua, một nửa trong số đó không có khách. Người tiếp theo bước qua cửa là người tài xế chiếc xe tắc xi chở Anna. Anh ta ngồi vào sau vô lăng chiếc xe Toyota của mình. Cô ta chờ Petrescu xuất hiện, nhưng chiếc tắc xi kia lướt ra giữa đường và chạy chậm chậm để bắt khách. Krantz có cảm giác cô ta còn phải chờ lâu.

Cô ta đứng cạnh tường một tòa nhà bách hoá tổng hợp phía bên kia đường và chờ đợi. Cô ta nhìn dọc con phố đầy những cửa hàng đủ loại, cho đến khi đôi mắt cô ta dừng lại ở một cửa hàng mà cô ta mới chỉ được đọc thấy trước kia và luôn muốn được bước chân vào đó: không phải là Gucci, không phải là Burberry, không phải là Klein, mà là Cửa hàng Dao Kéo Nozaki.

Krantz bị hút về phía cửa hàng ấy như một chiếc ghim bị nam châm hút. Khi băng qua đường, mắt cô ta vẫn không rời cửa trước của Công ty Thép Maruha, vì cô ta sợ rằng Petrescu có thể bất ngờ xuất hiện.

Cô ta phán đoán rằng cuộc gặp giữa Petrescu và Nakamura có thể sẽ kéo dài. Thậm chí nếu ông ta không đủ tiền để mua bức tranh, ông ta vẫn muốn biết nhiều điều liên quan đến nó.

Sau khi sang bên kia đường, Krantz nhìn chăm chăm vào cửa hàng Dao Kéo như một đứa trẻ nhìn món quà Giáng sinh đến sớm. Nhíp, bấm móng tay, kéo dành cho người thuận tay trái, dao nhíp, kéo thợ may, dao rựa, kiếm Nhật cổ. Krantz cảm thấy mình đã sinh nhầm thế kỷ. Cô ta bước vào trong và được đón chào bằng những hàng dao đủ loại dành cho công việc bếp núc, những loại dao đã làm nên sự nổi tiếng của ông Takai, hậu duệ của một kiếm sỹ Samurai. Cô ta nhìn thấy ngay chủ nhân của cửa hiệu đang mài dao cho khách hàng trong góc. Krantz muốn được bắt tay với ông, một người mà cô ta đánh giá là một nghệ nhân đại tài, nhưng cô ta biết mình không có thời gian để làm điều đó.

Vừa để mắt theo dõi cánh cửa ở mặt tiền của công ty Maruha, cô ta vừa bắt đầu xem xét kỹ những dụng cụ được làm bằng tay, sắc và nhẹ, với cái tên NOZAKI được khắc chìm ở cả hai mặt lưỡi.

Từ lâu Krantz đã áp dụng nguyên tắc không bao giờ mang vũ khí giết người mà cô ta ưa thích lên máy bay, vì vậy cô ta không còn lựa chọn nào khác ngoài việc mua một sản phẩm của địa phương ở bất kỳ nơi nào mà Fenston phái cô ta tới để giúp ông ta khoá tài khoản của một khách hàng bất hạnh nào đó.

Krantz bắt đầu cẩn thận lựa chọn trong những âm thanh khích lè của các loại dụng cụ nhỏ treo trên trần. Cô ta nhìn qua đường, chưa thấy bóng dáng Petrescu đâu. Cô ta quay trở lại với công việc lựa chọn của mình, bắt đầu bằng những loại dao nhỏ - gọt hoa quả, thái rau, cắt bánh mỳ, thái thịt. Cô ta xem xét kỹ trọng lượng, độ cân đối và kích thước của lưỡi dao. Không quá 8 inch, không dưới 4 inch.

Vài phút sau, cô ta đã có ba ứng viên tiềm năng. Cuối cùng, cô ta quyết định chọn loại dao dài 14cm, đã từng giành được giải thưởng mang tên Global GS5, loại dao được cho là có thể thái bít tết dễ dàng như cắt dưa hấu.

Cô ta đưa con dao cho một cô gái bán hàng. Cô gái mỉm cười - cổ bé quá - và gói con dao lại rồi đưa cho Krantz. Cô ta trả bằng tiền yên. Đola có thể gây sự chú ý, và cô ta không có thể tín dụng. Một cái nhìn cuối cùng về phía ông Takai trước khi cô ta miễn cưỡng rời khỏi cửa hàng, đi sang bên kia đường và đứng vào một chỗ khuất.

Trong khi chờ Petrescu xuất hiện, Krantz bóc lớp giấy gói ra và cố cưỡng lại ý muốn được thử món đồ mới của mình. Cô ta đút con dao vào lớp lót đặc biệt trong chiếc quần bò của mình. Rất vừa, giống như đút một khẩu súng vào bao.

Cô nhân viên tiếp tân không giấu được vẻ ngạc nhiên khi người gác cửa xuất hiện với một chiếc thùng gỗ. Cô ta đưa hai tay lên che miệng, một phản ứng ít thấy ở người Nhật. Anna không giải thích gì, chỉ nói tên mình. Cô nhân viên tiếp tân kiểm tra danh sách những người sẽ được chủ tịch công ty phỏng vấn vào chiều hôm đó, và đánh một dấu tích cạnh cái tên “Tiến sỹ Petrescu”.

“Ngài Nakamura lúc này đang phỏng vấn một ứng viên khác”, cô ta nói, “nhưng sẽ xong ngay bây giờ”.

“Phỏng vấn họ để làm gì?”, Anna hỏi.

“Tôi không biết”, cô nhân viên tiếp tân trả lời và tỏ vẻ ngạc nhiên khi một người đến xin được phỏng vấn lại đưa ra một câu hỏi như vậy.

Anna ngồi ở phòng chờ và thi thoảng lại liếc nhìn chiếc thùng được đặt dựa vào tường. Cô mỉm cười trước ý nghĩ về cái cách mà cô sẽ áp dụng để thuyết phục một người bỏ ra đến 60 triệu đôla.

Sự đúng giờ luôn là nỗi ám ảnh của người Nhật Bản, vì vậy Anna không ngạc nhiên khi một người phụ nữ ăn mặc lịch sự xuất hiện vào lúc 4 giờ kém 2 phút, cúi chào và mời Anna đi theo mình. Cô ta cũng nhìn chiếc thùng gỗ, nhưng không thể hiện phản ứng của mình mà chỉ hỏi: “Cô có cần đem chiếc thùng kia lên văn phòng chủ tịch không?”.

“Có, làm ơn giúp tôi”, Anna nói và không giải thích gì thêm.

Cô thư ký dẫn Anna đi dọc theo một hành lang dài, ngang qua nhiều cánh cửa không ghi tên và chức vị trên đó. Khi tới cánh cửa cuối cùng, cô thư ký gõ nhẹ, rồi mở cánh cửa ra và nói: “Tiến sỹ Petrescu”.

Ông Nakamura đứng dậy từ sau bàn làm việc của mình và bước lại để đón Anna, lúc này đang há hốc miệng. Một phản ứng không do người đàn ông thấp lùn, tóc đen, mặc comple hàng hiệu gây ra. Chính căn phòng làm việc của ông Nakamura đã khiến Anna bị ngộp thở. Căn phòng có hình vuông, và một trong các bức tường là một tấm kính liễn. Anna nhìn qua tấm kính ra khu vườn tĩnh lặng bên ngoài, một dòng suối uốn lượn quanh co, luồn qua một cây cầu gỗ. Hai bên bờ suối là những hàng liễu, với những cành nhánh mềm mại rủ bên ban công. Trên bức tường phía sau bàn làm việc của ông Nakamura là một bức tranh lớn vẽ khung cảnh mà cô đang nhìn thấy. Anna quay sang nhìn vị chủ nhân của căn phòng.

Ông Nakamura mỉm cười, rõ ràng ông ta rất vui khi thấy vị khách của mình ngạc nhiên đến như vậy trước bức tranh của Monet, nhưng câu hỏi đầu tiên của ông ta cũng làm Anna bị sốc không kém. “Làm sao cô có thể sống sót qua vụ 11/9, khi mà, nếu tôi nhớ không nhầm, văn phòng làm việc của cô đặt ở Tháp Bắc?”

“Tôi đã gặp may”, Anna trầm giọng nói, “mặc dù tôi sợ rằng một số đồng nghiệp của mình...”.

Ông Nakamura giơ một bàn tay lên. “Tôi xin lỗi”, ông ta nói, “tôi vô tâm quá. Chúng ta sẽ bắt đầu bằng cách kiểm tra trí nhớ đồ họa của cô nhé, và trước tiên là lịch sử của ba bức tranh trong căn phòng này? Đầu tiên là bức của Monet”.

"*Rặng liễu ở Vetheuil*", Anna nói. "Chủ nhân trước kia của nó là ông Clark ở Sangton, bang Ohio. Khi ông ta quyết định chia tay bà Clark, bà vợ thứ ba của mình, bức tranh này đã thuộc về bà ta. Đây cũng là bức Monet thứ ba mà ông ta phải chia tay. Christie đã bán đấu giá bức tranh sơn dầu này được 26 triệu đôla, nhưng tôi không biết người mua chính là ngài".

Ông Nakamura lại mỉm cười hài lòng.

Anna nhìn sang bức tường đối diện và dừng lại. "Đôi khi tôi vẫn băn khoăn tự hỏi không biết bức tranh đặc biệt kia hiện giờ đang ở đâu", cô nói. "Đó là một bức của Renoir, tất nhiên. *Quý bà Duprez và Các con*, còn được gọi là *Bài tập đọc*. Roger Duprez đã bán bức tranh này tại Paris, một bức tranh mà cha ông ta đã mua của nhà họa sỹ vào năm 1868. Vì vậy tôi không thể biết ngài đã trả bao nhiêu tiền để có được nó", Anna nói thêm rồi quay sang bức tranh còn lại. "Rất dễ", cô vừa nói vừa mỉm cười. "Đó là một trong những tác phẩm cuối cùng của Manet, có lẽ được vẽ vào năm 1871", cô dừng lại, "có tên là *Bữa ăn tối trong quán cà phê Guerbois*. Ngài sẽ thấy vợ của nhà họa sỹ ngồi ở góc bên phải và đang nhìn thẳng vào ông ta".

"Và chủ nhân trước kia của nó?"

"Phu nhân Charlotte Churchill. Sau cái chết của chồng mình, bà ta đã buộc phải bán nó".

Nakamura cúi đầu. "Vị trí ấy là của cô".

"Vị trí gì, ngài Nakamura?", Anna hỏi bằng một giọng ngạc nhiên.

"Cô không tới đây để ứng tuyển vào vị trí giám đốc quỹ của tôi à?"

"Không", Anna nói và bây giờ cô mới hiểu những gì mà cô nhân viên tiếp tân muốn ám chỉ khi cô ta nói rằng vị chủ tịch đang phỏng vấn một ứng viên khác. "Mặc dù tôi rất hân hạnh khi được ngài cân nhắc, ngài Nakamura ạ, tôi thật sự đến gặp ngài vì một chuyện hoàn toàn khác".

Vị chủ tịch gật đầu. Ông ta có vẻ thất vọng, rồi ông ta đưa mắt nhìn chiếc thùng gỗ.

"Một món quà tặng nho nhỏ", Anna vừa nói vừa mỉm cười.

"Nếu thế, và nếu cô thứ lỗi, tôi không thể mở món quà tặng của cô trước khi cô ra về, vì nếu không tôi e là sẽ xúc phạm cô". Anna gật đầu; cô đã biết rõ phong tục đó. "Xin mời cô ngồi".

Anna mỉm cười.

"Nào, mục đích thực sự của cô là gì khi cô tới thăm tôi?", ông ta vừa hỏi vừa ngả người ra sau ghế rồi nhìn cô chăm chú.

"Tôi nghĩ là tôi đang có một bức tranh mà ngài sẽ không thể cưỡng nổi."

"Tầm cỡ Degas à?", Nakamura hỏi bằng một giọng quan tâm.

"Ồ vâng", cô trả lời bằng một giọng hơi quá phấn khích.

"Họa sỹ?"

"Van Gogh".

Nakamura mỉm cười nhưng nụ cười ấy không cho biết ông ta có quan tâm hay không.

“Tên?”.

“*Chân dung người cụt tai*”.

“Với một bức tranh nổi tiếng của Nhật Bản được vẽ lại ở sau lưng bức tranh ấy, nếu tôi nhớ không nhầm”, Nakamura nói.

“*Nàng Geishas ngắm cảnh*” Anna nói, “thể hiện mối quan tâm đặc biệt của Van Gogh đối với nền nghệ thuật Nhật Bản”.

“Cô đúng là một bậc thầy”, Nakamura nói. “Nhưng bây giờ đến lượt tôi”.

Trông Anna có vẻ ngạc nhiên, nhưng cô không nói gì. “Tôi cho rằng đó phải là bức *Chân dung của Lâu đài Wentworth*, do vị hầu tước đệ ngũ mua?”.

“Bá tước”.

“Bá tước. A, liệu tôi có bao giờ hiểu được những tước hiệu của người Anh không nhỉ? Tôi cứ tưởng từ này trong tiếng Anh là một cái tên cơ đấy”.

“Chủ nhân đầu tiên của nó?”, Anna hỏi.

“Tiến sỹ Gachet, bạn thân của Van Gogh và cũng là một người rất ngưỡng mộ ông ấy”.

“Thế còn ngày tháng?”.

“1889”, Nakamura trả lời, “khi Van Gogh sống tại Arles, ngay sau khi Gauguin trở lại Paris”.

“Và Tiến sỹ Gachet đã trả bao nhiêu tiền cho bức tranh đó?”, Anna hỏi, và hiểu rõ rằng chẳng có mấy ai trên trái đất này dám đùa cợt người đàn ông trước mặt cô.

“Người ta thường nghĩ rằng Van Gogh chỉ bán duy nhất một bức tranh trong cuộc đời mình, bức *Vườn nho đỏ*. Tuy nhiên, Tiến sỹ Gachet không chỉ là một người bạn thân, mà còn rõ ràng là một nhà bảo trợ của Van Gogh. Trong bức thư mà ông ta gửi cho Van Gogh sau khi nhận được bức tranh, ông ta đã bỏ vào đó một tấm séc trị giá 600 phờ răng”.

“800”, Anna vừa nói vừa mở chiếc cặp của mình và đưa một bản sao bức thư ấy cho Nakamura. “Khách hàng của tôi đang giữ bản gốc”, cô nói thêm.

Nakamura đọc bức thư được viết bằng tiếng Pháp mà không cần nhờ dịch. Ông ta ngẩng lên và mỉm cười. “Cô đang nghĩ đến con số nào trong đây?”, ông ta hỏi.

“60 triệu đôla”, Anna nói mà không hề lưỡng lự.

Nakamura tỏ vẻ ngạc nhiên, nhưng ông ta không nói gì trong một lúc.

“Tại sao một kiệt tác được mọi người công nhận lại rẻ đến như vậy?” cuối cùng ông ta hỏi. “Chắc chắn phải kèm theo một vài điều kiện”.

“Vụ mua bán phải được giữ kín”, Anna trả lời.

“Đó luôn là lựa chọn của tôi, như cô biết rõ đấy”, Nakamura nói.

“Ngài sẽ không được bán lại tác phẩm này sau ít nhất mười năm nữa”.

“Tôi mua tranh”, Nakamura nói. “Tôi bán thép”.

“Trong thời gian đó, bức tranh này không được phép trưng bày ở bất kỳ phòng tranh công cộng nào”.

“Cô đang bảo vệ ai vậy?”, Nakamura bất ngờ hỏi. “Bryce Fenston, hay Victoria Wentworth?”.

Anna không trả lời, và bây giờ cô đã hiểu tại sao vị chủ tịch công ty Sotheby đã từng nhận xét rằng đừng bao giờ đánh giá thấp con người này.

“Đáng ra tôi không nên hỏi cô những câu hỏi như vậy”, Nakamura nói. “Tôi xin lỗi”, ông ta nói thêm rồi đứng lên.

“Có lẽ cô cho phép tôi suy nghĩ về đề nghị này trong tối nay”, ông ta cúi thấp mình, rõ ràng muốn nói rằng cuộc gặp đã kết thúc.

“Tất nhiên, Nakamura San”, cô nói và cũng cúi đầu để đáp trả.

“Hãy bỏ cái từ San ấy đi, Tiến sỹ Petrescu. Trong lĩnh vực chuyên môn của cô, tôi còn lâu mới có thể theo nổi cô”.

Cô muốn nói, hãy gọi tôi là Anna, trong lĩnh vực chuyên môn của ông, tôi hoàn toàn không biết gì, nhưng không hiểu sao cô lại không nói được.

Nakamura bước lại phía cô, và liếc nhìn chiếc thùng gỗ. “Tôi rất muốn biết trong đó đựng món quà gì. Có lẽ chúng ta sẽ gặp lại nhau vào ngày mai, Tiến sỹ Petrescu nhé, sau khi tôi đã có chút ít thời gian để cân nhắc đề nghị của cô”.

“Cảm ơn, ngài Nakamura”.

“10 giờ có được không? Tôi sẽ bảo tài xế đến đón cô vào lúc 9 giờ 40 phút”. Anna cúi chào và ông Nakamura đáp trả. Ông ta bước tới mở cánh cửa ra và nói thêm, “giá mà cô về đây làm giám đốc cho quỹ của tôi thì tốt biết mấy!”.

Krantz vẫn đang đứng ở một chỗ khuất để theo dõi khi Petrescu bước ra khỏi tòa nhà. Cuộc gặp gỡ chắc chắn đã có kết quả tốt đẹp bởi vì một chiếc limousine đã chờ sẵn và người tài xế mở cửa sau cho Anna, và quan trọng hơn nữa là không thấy chiếc thùng gỗ kia đâu. Krantz có hai lựa chọn. Cô ta tin chắc rằng Petrescu sẽ trở lại khách sạn để ngủ qua đêm, trong khi bức tranh chắc chắn đã được để lại trong tòa nhà kia. Cô ta nhanh chóng đưa ra quyết định.

Anna ngồi ngả người ra sau ghế trên chiếc xe của Nakamura, và lần đầu tiên trong suốt bao ngày qua cô được thư giãn một lát. Cô hoàn toàn tin rằng thậm chí nếu ông Nakamura không đồng ý trả 60 triệu đôla, ông ta chắc chắn vẫn trả một cái giá hợp lý. Nếu không thì tại sao ông ta lại cho xe đưa đón cô và mời cô quay trở lại vào ngày hôm sau.

Khi xe đưa Anna tới khách sạn Seiyo, cô đi thẳng tới bàn tiếp tân để lấy chìa khoá rồi bước tới cầu thang máy. Nếu cô rẽ phải thay vì rẽ trái, thì cô sẽ đi ngang qua chỗ một người Mỹ có khuôn mặt bối rối đang ngồi đó.

Đôi mắt của Jack không rời khỏi Anna khi cô bước vào trong buồng thang máy không có một ai. Anna chỉ có một mình. Không thấy chiếc thùng đâu, và cũng không thấy Người Lùn đâu. Chắc chắn cô ta đã quyết định bám theo bức tranh thay vì bám theo người bán tranh. Jack phải nhanh chóng quyết định sẽ làm gì nếu Petrescu lại xuất hiện cùng với hành lý của mình và lên đường tới sân bay. Ít nhất thì lần này hành lý của anh đã sẵn sàng.

Krantz đã đứng ở những chỗ khuất khác nhau trong suốt gần một giờ đồng hồ, và chỉ di chuyển khi các bóng râm thay đổi dưới ánh nắng mặt trời. Cuối cùng thì chiếc xe hơi của Nakamura cũng quay trở lại và đỗ bên ngoài lối vào công ty thép Maruha. Một lát sau, các cánh cửa trước mở ra và cô thư ký của Nakamura xuất hiện cùng với một người đàn ông mặc đồng phục màu đỏ bê theo chiếc thùng gỗ. Người tài xế mở cốp xe, trong khi người gác cửa đặt chiếc thùng vào trong đó. Người tài xế lắng nghe cô thư ký truyền đạt lại những yêu cầu của vị chủ tịch. Vị chủ tịch cần phải thực hiện vài cuộc gọi điện thoại sang Mỹ và sang Anh trong đêm, và vì thế sẽ ở lại trong công ty. Vị chủ tịch đã xem bức tranh và muốn nó được đưa tới nhà của mình tại vùng thôn quê.

Krantz nhìn qua dòng xe cộ. Cô ta biết mình sẽ có một cơ hội, và chỉ cần tín hiệu đèn đỏ. Cô ta cảm thấy biết ơn khi thấy đó là đường một chiều. Cô ta đã biết rằng những ngọn đèn tín hiệu giao thông ở đầu kia của phố sẽ có màu xanh trong bốn mươi lăm giây. Trong thời gian đó, Krantz đếm được khoảng mười ba chiếc xe chạy qua ngã tư. Cô ta bước ra khỏi chỗ khuất và thận trọng đi dọc theo vỉa hè, giống như một con mèo, vì cô ta hiểu rằng cô ta sắp đánh liều với mạng sống của mình.

Chiếc limousine màu đen của Nakamura xuất hiện trên phố và hòa vào dòng xe cộ buổi chiều muộn.

Đèn giao thông đang có màu xanh, nhưng trước chiếc limousine còn có mười lăm chiếc xe hơi khác. Krantz đứng đối diện với chỗ mà cô ta nghĩ là chiếc limousine sẽ dừng lại. Khi đèn chuyển màu đỏ, cô ta chậm chậm bước về phía chiếc limousine; suy cho cùng cô ta còn những bốn mươi lăm giây nữa. Khi chỉ còn cách chiếc xe một bước, Krantz ngã về phía vai phải và lăn dưới chiếc xe. Cô ta nắm chặt lấy hai bên khung ngoài, và đu mình lên. Đó là một trong những thế lợi của một người chỉ cao có bốn bộ 12 inch và nặng dưới 100 pao. Khi đèn chuyển sang màu xanh và chiếc limousine lao đi, không còn thấy cô ta đâu nữa.

Có một lần, trên các ngọn đồi ở Romania, trong lúc đang chạy trốn những người nổi dậy, Krantz đã bám sát vào gầm một chiếc xe tải hai tấn giống như một thỏi nam châm và để nó đưa mình qua hàng chục dặm đường trên những con đường gồ ghề. Cô ta bám chặt vào gầm xe trong suốt bốn mươi một phút, và khi mặt trời lặn, cô ta thả mình rơi xuống đất, hoàn toàn kiệt sức. Sau đó cô ta đi bộ nốt quãng đường mười bốn dặm còn lại và vượt biên một cách an toàn.

Chiếc limousine chạy với tốc độ lúc nhanh lúc chậm qua thành phố, và 20 phút sau, người tài xế cho xe rời khỏi đường cao tốc và bắt đầu chạy vào một vùng toàn đồi núi. Vài phút sau, chiếc xe lại rẽ tiếp, và lần này là một con đường nhỏ hơn, đồng thời ít xe cộ hơn. Krantz muốn thả mình xuống đất, nhưng cô ta biết rằng mỗi một phút mà cô ta có thể bám chặt vào gầm xe đều đem lại lợi thế cho cô ta. Chiếc xe dừng lại ở một giao lộ, ngoặt trái và tiếp tục chạy trên một con đường rộng gồ ghề. Khi họ dừng lại tại giao lộ tiếp theo, Krantz chăm chú lắng nghe. Một chiếc xe tải đang chạy qua trước mặt họ khiến chiếc limousine phải dừng lại.

Cô ta từ từ duỗi tay phải, lúc này đã gần như tê dại, rồi rút con dao trong ống quần bò ra, xoay mình sang một bên và đâm lưỡi dao vào lớp sau bên phải. Cô ta đâm liên tiếp cho đến khi nghe thấy một tiếng xì mạnh. Khi chiếc xe lại lăn bánh, cô ta thả mình xuống đất và không cử động cho đến khi không còn nghe thấy tiếng động Cơ xe nữa. Cô ta lăn mình sang bên vệ đường và

nhìn theo chiếc limousine chạy lên con đường dốc. Mãi đến khi chiếc xe đã khuất cô ta mới ngồi dậy.

Khi chiếc limousine đã khuất sau ngọn đồi, cô ta đứng thẳng lên rồi bắt đầu một loạt các bài tập khởi động. Chẳng việc gì phải vội. Suy cho cùng, nó sẽ phải chờ ở sườn đồi bên kia. Sau khi đã lấy lại được sức lực, Krantz bắt đầu chậm chậm trèo lên đỉnh đồi. Cô ta có thể trông thấy một khu nhà xinh đẹp ẩn mình dưới những chân đồi cách đó vài dặm.

Khi Krantz lên đến đỉnh đồi, cô ta nhìn thấy người tài xế từ xa, đang quỳ một bên gối để kiểm tra chiếc lốp xì hơi. Cô ta nhìn dọc con đường trước mặt, một con đường rõ ràng là của tư nhân và có thể sẽ dẫn đến khu dinh thự của Nakamura. Khi thấy cô ta bước lại gần, người tài xế nhìn lên và mỉm cười. Krantz cũng cười đáp lại, và bước tới sát bên anh ta. Anh ta vừa chuẩn bị mở miệng nói thì bằng một động tác rất nhanh Krantz đã đá mạnh vào cổ, rồi sau đó là vào hạ bộ của anh ta bằng chân trái. Cô ta nhìn người tài xế đổ xuống mặt đường, giống như một con rối vừa bị cắt hết dây. Trong một lát thoáng qua, cô ta đã tính đến chuyện cắt đứt cổ họng người tài xế, nhưng bây giờ cô ta phải quan tâm đến bức tranh trước tiên, vì vậy chẳng việc gì phải phiền lòng vì chuyện đó, một khi mà tối nay cô ta vẫn còn có nạn nhân để cắt họng. Và dù gì đi nữa, cô ta đâu có được trả tiền để cắt họng người này.

Một lần nữa Krantz lại nhìn dọc con đường, vẫn không có ai. Cô ta chạy về phía trước chiếc limousine và rút chùm chìa khoá ra, rồi quay trở lại mở cốp xe. Nắp cốp mở ra và cô ta nhìn thấy chiếc thùng gỗ. Nhẽ ra cô ta phải mỉm cười, nhưng cô ta chỉ có thể cười sau khi đã biết chắc rằng mình đã kiếm được 1 triệu đôla đầu tiên.

Krantz cầm lấy một chiếc tuốc nơ vít to từ bộ đồ sửa xe trong cốp và chọc vào một vết nứt ở góc trên bên phải của chiếc thùng. Cô ta phải cố hết sức mới có thể mở được nắp thùng ra. Phần thưởng của cô ta được bọc trong giấy bóng. Cô ta lấy tay xé lớp bọc ra, rồi nhìn chăm chăm vào bức tranh trước mặt. Đó là bức tranh đã giành được giải thưởng của Danuta Sekalska, có tựa đề *Tự do*.

Jack ngồi chờ suốt một giờ đồng hồ nữa, một mắt nhìn ra cửa để chờ Người Lùn, còn một mắt thì nhìn về phía thang máy để chờ Petrescu, nhưng không ai trong hai người đó xuất hiện. Rồi lại một giờ nữa trôi qua, và đến lúc đó Jack đã tin rằng Anna chắc chắn sẽ ở lại qua đêm. Anh một mình bước về phía quầy tiếp tân và hỏi xem họ có còn phòng trống hay không.

“Tên, thưa ngài”, cô nhân viên ghi sổ hỏi.

“Fitzgerald”, Jack trả lời.

“Hộ chiếu, thưa ngài?”.

“Tất nhiên”, Jack vừa nói vừa lấy một tấm hộ chiếu ra khỏi túi áo trong đưa cho cô nhân viên.

“Ngài sẽ ở đây trong bao lâu, thưa ngài Fitzgerald?”.

Giá mà Jack có thể trả lời được câu hỏi đó.

35

Sáng hôm sau, khi Anna thức dậy, việc đầu tiên cô làm là gọi điện tới Lâu đài Wentworth.

“Giống như một cuộc chạy đua sát nút, phải nhanh lên mới kịp”, Arabella cảnh báo, sau khi Anna đã nói hết mọi chuyện với bà.

“Phu nhân muốn nói gì?”, Anna hỏi. “Fenston đã ra lệnh tuyên bố phá sản đối với *Lâu đài Wentworth*, ông ta chỉ cho tôi hai tuần để thanh toán hết nợ nần, nếu không ông ta sẽ rao bán tài sản của Lâu đài Wentworth trên thị trường. Vì vậy hy vọng là Nakamura không biết chuyện đó, bởi vì nếu ông ta biết, cô sẽ bị yếu thế khi đàm phán giá cả và thậm chí có thể khiến ông ta nghĩ lại”.

“Tôi sẽ gặp ông ta vào lúc 10 giờ sáng nay”, Anna nói. “Tôi sẽ gọi lại cho Phu nhân ngay sau khi biết quyết định của ông ta, nhưng lúc đó sẽ là nửa đêm ở Anh quốc”.

“Nửa đêm thì có sao”, Arabella nói, “tôi sẽ chờ”.

Sau khi đặt máy điện thoại xuống, Anna bắt đầu điểm lại những chiến thuật mà cô sẽ đưa ra trong cuộc gặp với Nakamura. Thực tế là trong mười hai giờ qua, cô hầu như chẳng nghĩ đến chuyện gì khác ngoài chuyện đó.

Cô biết là Arabella sẽ hài lòng với bất kỳ một giá nào nếu khoản tiền thu được có thể giúp bà ta thanh toán nợ nần cho Fenston và đảm bảo rằng tòa Lâu đài sẽ thoát khỏi sự rình rập của các chủ nợ. Anna tính rằng chỉ cần 50 triệu đôla là đủ. Cô đã quyết định là sẽ chấp nhận bán bức tranh với mức giá đó, để còn nhanh chóng quay trở về New York và xoá dòng chữ “mất tích” bên cạnh cái tên của mình cũng như để làm quen trở lại với những đường chạy trong công viên Central. Thậm chí cô có thể sẽ hỏi Nakamura về những chi tiết liên quan tới cái chức giám đốc kia.

Anna nán lại trong buồng tắm một lúc - một sự nuông chiều mà cô chỉ dám dành cho bản thân vào những kỳ nghỉ cuối tuần - trong khi vẫn tiếp tục suy nghĩ về cuộc gặp sắp tới với Nakamura. Cô mỉm cười khi hình dung ra cảnh Nakamura mở gói quà mà cô tặng ông ta. Với bất kỳ một nhà sưu tầm nghiêm túc nào, việc phát hiện ra những hoạ sỹ bậc thầy tương lai cũng đem lại niềm vui sướng giống như khi trả một khoản tiền lớn để có được một tác phẩm của một hoạ sỹ đã thành danh. Khi Nakamura trông thấy bức tranh Tự do, và nếu ông ta có thể đánh giá được tài năng ẩn chứa trong đó, chắc chắn ông ta sẽ treo nó trong bộ sưu tập cá nhân của mình.

Anna suy nghĩ rất lâu về việc cần phải mặc gì cho cuộc gặp gỡ lần thứ hai của họ. Cuối cùng cô chọn một chiếc váy màu be có một viền đăng ten khiêm tốn, một chiếc thắt lưng da to bản màu nâu và một chiếc dây chuyền đeo cổ giản dị bằng vàng - một cách ăn mặc có thể bị xem là quá kín đáo ở New York, nhưng gần như là hơi khiêu gợi ở Tokyo. Hôm qua cô đã chọn cách ăn mặc cho buổi mở đầu, bây giờ cô phải chọn một cách ăn mặc khác cho buổi kết thúc.

Lần thứ ba trong buổi sáng ngày hôm đó, cô lại mở chiếc túi của mình ra để kiểm tra xem cô có đem theo bản sao bức thư của Tiến sỹ Gachet gửi Van Gogh, cùng với một hợp đồng đơn giản chỉ dài một trang mà các nhà buôn chuyên nghiệp thường xem là khuôn mẫu hay không. Anna cảm thấy tin tưởng rằng một khi Nakamura đã nhìn thấy bức tranh... Cô nhìn đồng hồ. Cuộc

gặp với Nakamura được ấn định vào lúc 10 giờ, và ông ta đã hứa cho xe tới đón cô vào lúc 9 giờ 40 phút. Cô sẽ xuống chờ ở dưới đại sảnh. Người Nhật Bản rất nhanh mắt kiên nhẫn với những người không đúng hẹn. Anna đi thang máy xuống đại sảnh và bước tới quầy tiếp tân. “Tôi sẽ làm thủ tục ra khỏi khách sạn vào chiều nay”, cô nói, “hãy chuẩn bị sẵn hoá đơn cho tôi”.

“Tất nhiên, thưa Tiến sỹ Petrescu”, cô nhân viên tiếp tân nói. “Tôi có thể hỏi là trong tủ rượu nhỏ trên phòng của bà còn lại những gì không ạ?”. Anna suy nghĩ một lát. “Hai chai nước khoáng Evian”.

“Cảm ơn bà”, cô nhân viên tiếp tân nói và bắt đầu gõ những thông tin vào chiếc máy tính trước mặt mình trong khi một người trực tăng chạy lại phía cô.

“Tài xế riêng đã tới đón bà”, anh ta nói rồi đưa Anna tới chỗ chiếc xe limousine đang chờ.

Jack đang ngồi sẵn trong một chiếc tắc xi khi Anna xuất hiện ở cổng ra vào khách sạn. Anh đã quyết tâm không để mất dấu Anna lần thứ hai. Suy cho cùng, Người Lùn chắc cũng đang chờ Anna, và thậm chí có thể cô ta đã biết rõ Anna sẽ đi đâu.

Krantz cũng ngủ qua đêm ở trung tâm Tokyo, nhưng không giống Petrescu, cô ta không ngủ trong khách sạn mà là trong cabin của một chiếc cầu cẩu, ở độ cao khoảng 100 năm mươi bộ trên không. Cô ta hoàn toàn tin rằng chẳng có ai đến tìm mình ở một chỗ như thế. Cô ta nhìn xuống thành phố Tokyo bên dưới khi mặt trời bắt đầu mọc trên Cung điện Hoàng gia. Cô ta nhìn đồng hồ. 5 giờ 56 phút. Đã đến lúc phải xuống, nếu cô ta muốn không bị ai nhìn thấy.

Sau khi đã xuống mặt đất, Krantz hoà vào dòng người đi làm theo vé tháng và biến xuống ga điện ngầm. Sau bảy chặng tàu điện ngầm, Krantz hiện lên mặt đất ở ga Ginza và nhanh chóng đi về phía khách sạn Seiyo. Cô ta lẩn nhanh vào khách sạn, giống một vị khách thường xuyên, không làm thủ tục, không ở qua đêm. Krantz tìm một chỗ ngồi ở góc sảnh, nơi cô ta có thể quan sát rõ cả hai thang máy, trong khi chỉ có những người hầu bàn tận tình nhất mới có thể trông thấy cô ta. Đó là một sự chờ đợi rất lâu, nhưng sự kiên nhẫn là một khả năng được phát triển nhờ tập luyện - giống như bất kỳ một khả năng nào khác.

Người tài xế đóng cửa sau xe lại. Không phải là anh chàng tối qua, Anna chưa bao giờ quên mặt một ai mà cô đã từng gặp. Anh ta đánh xe đi mà không nói lấy một lời nào.

Anna cảm thấy tự tin hơn khi mà cô đã vượt qua được những cột mốc quan trọng.

Khi người tài xế lại mở cửa sau xe cho cô, Anna có thể trông thấy cô thư ký của Nakamura đang đứng chờ cô trong sảnh. 60 triệu đôla, Anna thì thầm với chính mình khi cô bước lên cầu thang, và không bớt một xu nào. Các cánh cửa kính trượt ra, và cô thư ký cúi thấp mình để chào Anna.

“Xin chào bà, Tiến sỹ Petrescu. Ngài Nakamura San đang chờ gặp bà”. Anna mỉm cười và đi theo cô ta dọc theo cái hành lang với những căn phòng không có biển đề ở bên ngoài. Một cái gõ nhẹ lên cánh cửa, rồi cô thư ký mở cửa văn phòng của Nakamura ra và nêu tên khách, Tiến sỹ Petrescu. Một lần nữa, căn phòng này lại làm cô choáng váng, nhưng cô cố không há miệng ra như lần trước. Nakamura đứng dậy từ sau bàn làm việc và cúi chào. Anna cúi chào đáp trả trước khi ông ta mời cô ngồi xuống chiếc ghế đối diện với mình qua bàn làm việc. Nụ cười của ngày hôm qua đã bị thay thế bằng một bộ mặt cau có. Anna cho rằng đó chỉ là chiến thuật đàm phán giá cả. “Tiến sỹ Petrescu”, ông ta vừa bắt đầu nói vừa mở một tập hồ sơ trước mặt mình, “có vẻ như trong cuộc gặp mặt của chúng ta ngày hôm qua, cô đã không thành thật cho lắm đối với tôi”.

Anna thấy miệng mình khô lại khi Nakamura liếc nhìn một số giấy tờ trên bàn. Ông ta bỏ kính ra rồi nhìn thẳng vào Anna. Cô cố để không bị mất bình tĩnh.

“Chẳng hạn như cô đã không cho tôi biết rằng cô không còn làm việc cho Fenston Finance nữa, cô cũng không đề cập gì đến chuyện cô đã bị sa thải khỏi ban giám đốc vì những việc làm không phù hợp với tư cách của một cán bộ ngân hàng”. Anna cố giữ đều hơi thở. “Cô cũng không cho tôi biết gì về việc Phu nhân Victoria đã bị sát hại, vào thời điểm khi bà ta sắp phải thanh toán nợ nần cho ngân hàng Fenston Finance” - ông ta lại đeo kính lên - “một khoản tiền trị giá 30 triệu đôla. Cô cũng quên không đề cập gì đến chuyện hiện nay cảnh sát New York đã đưa cô vào danh sách những người mất tích, có thể là đã chết. Nhưng điều tệ hại nhất mà cô đã quên không nói với tôi là bức tranh mà cô đang muốn bán cho tôi, theo cách gọi của cảnh sát, là đồ ăn cắp”. Nakamura khép tập hồ sơ lại, bỏ kính ra và lại nhìn cô chăm chăm. “Có lẽ có một câu trả lời đơn giản cho chúng hay quên ấy?”.

Anna muốn đứng bật dậy và lao ra khỏi căn phòng, nhưng cô không thể nhúc nhích chân tay. Cha cô đã luôn dặn cô rằng khi bị phát hiện, hãy thú nhận. Cô thú nhận tất cả. Thực tế là cô còn cho ông ta biết hiện giờ bức tranh đang được giấu ở đâu. Sau khi cô kết thúc, Nakamura yên lặng một lát. Anna ngồi chờ với sự lo lắng rằng cô sẽ bị tổng ra khỏi tòa nhà này, không kèn không trống.

“Bây giờ thì tôi hiểu tại sao cô không muốn bức tranh ấy bị đem ra bán trong vòng mười năm, và tất nhiên là cũng không muốn nó được đem ra trưng bày. Nhưng tôi muốn hỏi cô định làm gì để đối phó với ông chủ cũ của mình. Rõ ràng ông Fenston muốn có bức tranh hơn là thu hồi nợ.”

“Nhưng mấu chốt là ở chỗ đó”, Anna nói. “Một khi khoản thấu chi kia đã được thanh toán, Lâu đài Wentworth có thể bán bức tranh cho bất kỳ ai nếu họ muốn”.

Nakamura gật đầu. “Giả sử tôi tin cô, và nếu tôi vẫn muốn mua bức *Chân dung*, tôi cũng muốn đưa ra vài điều kiện”.

Anna gật đầu.

“Thứ nhất là, bức tranh phải do Phu nhân Arabella trực tiếp bán, sau khi các thủ tục pháp lý đã được thể hiện rõ”.

“Tôi thấy không có lý do gì để phản đối chuyện đó”, Anna nói.

“Thứ hai là, tôi muốn bức tranh ấy phải có giấy chứng thực của Bảo tàng Van Gogh tại Amsterdam”.

“Chuyện đó chẳng khó khăn gì đối với tôi”, Anna nói.

“Vậy thì điều kiện thứ ba của tôi sẽ gây khó khăn cho cô”, Nakamura nói, “đó là cái giá mà tôi sẽ trả cho bức tranh, bởi vì tôi tin rằng mình đang ở một vị thế mà theo cách nói của người Mỹ, một cách nói mà thực tình tôi không thích, là tôi đang cầm lái”. Anna miễn cưỡng gật đầu.

“Nếu, và xin nhắc lại, nếu cô có thể đáp ứng những điều kiện khác của tôi, tôi sẽ sẵn sàng mua bức tranh đó với giá 50 triệu đôla, một cái giá mà tôi đã tính là đủ để Phu nhân Arabella trả nợ và các khoản thuế”.

“Nhưng nếu đem đấu giá thì bức tranh ấy phải đem về 70, thậm chí là 80 triệu”, Anna phản đối.

“Với điều kiện là có thể đem nó ra đấu giá ngay bây giờ”, Nakamura trả lời. “Tôi xin lỗi”, ông ta

nói thêm. “Cô đã biết là tôi rất vụng ăn nói”. Lần đầu tiên ông ta mỉm cười. “Dù vậy, tôi được biết là ông Fenston đã ra yêu cầu tuyên bố phá sản đối với khách hàng của cô, và với những gì mà tôi biết về người Mỹ, chắc chắn phải còn lâu mới xong thủ tục pháp lý, và luật sư của tôi tại London cho biết Phu nhân Arabella sẽ không thể gánh nổi những chi phí pháp lý mà những thủ tục rườm rà mất thời gian đó làm phát sinh”.

Anna hít sâu một hơi.

“Nếu, và tôi xin nhắc lại, nếu” - Nakamura mỉm cười - “tôi chấp nhận các điều kiện của ngài, để đổi lại ngài cũng nên tỏ thiện chí”.

“Và cô đang nghĩ gì trong đầu?”. “Ngài sẽ đặt trước 10%, 5 triệu đôla, làm giao kèo với các luật sư của Arabella tại London, và khoản tiền đó sẽ được hoàn lại nếu ngài không muốn mua nữa”.

Nakamura lắc đầu. “Không. Tiến sỹ Petrescu, tôi không thể chấp nhận kiểu thiện chí đó”.

Anna cảm thấy thất vọng.

“Tuy nhiên, tôi sẵn sàng đặt năm triệu đôla làm giao kèo với các luật sư của tôi tại London, phần còn lại sẽ được trả khi thanh toán hợp đồng”.

“Cảm ơn”, Anna nói và không giấu nổi một tiếng thở phào nhẹ nhõm. Nhưng Nakamura tiếp tục. “Sau khi đã chấp nhận các điều kiện của cô, tôi muốn cô nên tỏ thiện chí”, ông ta vừa nói vừa đứng dậy. Anna cũng lo lắng đứng dậy theo. “Nếu vụ giao dịch này thành công, cô hãy cân nhắc chức vụ giám đốc quỹ của tôi một cách nghiêm túc”.

Anna mỉm cười, nhưng không cúi mình. Cô chìa tay ra và nói: “Nói theo cách nói của người Mỹ, một cách nói đáng ghét nhưng rất phù hợp trong trường hợp này, chúng ta đã thoả thuận xong”. Cô quay mình bước đi. “Và còn một chuyện nữa trước khi cô ra về”, Nakamura vừa nói vừa cầm một chiếc phong bì ở bàn làm việc lên. Anna quay đầu lại, hy vọng trông mình không quá bối rối. “Nhờ cô làm ơn chuyển bức thư này cho cô Danuta Sekalska, một tài năng vĩ đại mà tôi tin là sẽ sớm chín muồi”. Anna mỉm cười khi vị chủ tịch đi cùng với cô dọc theo hành lang và ra chỗ chiếc limousine đang chờ. Họ nói chuyện về những sự kiện khủng khiếp vừa qua ở New York, và những hậu quả lâu dài đối với nước Mỹ. Tuy nhiên, Nakamura không đá động gì tới lý do tại sao người tài xế hàng ngày của ông ta lại phải vào viện vì những chấn thương nghiêm trọng.

Nhưng suy cho cùng thì người Nhật Bản luôn cho rằng cần phải giữ lại một vài bí mật cho gia đình.

Cứ mỗi khi Jack đặt chân tới một thành phố lạ, ít khi anh thông báo cho đại sứ quán biết về sự có mặt của mình. Họ thường đặt ra quá nhiều câu hỏi mà anh không muốn trả lời. Tokyo cũng không phải là ngoại lệ, nhưng anh lại muốn có câu trả lời cho một vài câu hỏi của chính anh, và anh biết cần phải gặp ai.

Một kẻ phạm tội lừa đảo từng bị Jack tổng giam đã có lần nói cho anh biết rằng mỗi khi anh ra nước ngoài và cần thông tin, hãy chọn một khách sạn hạng sang để ở. Nhưng đừng làm phiền người quản lý, cũng đừng trông đợi gì ở tiếp tân, mà hãy hỏi người gác cửa. Hãy hỏi xem anh ta kiếm sống bằng cách nào, tiền lương là bao nhiêu.

Với 50 đôla, Jack đã biết mọi thứ cần biết về ông Nakamura, thậm chí cả sự thật nguyên của ông ta do sở thích chơi gôn gây ra khi ông ta 14 tuổi.

Krantz theo dõi khi Petrescu bước ra khỏi tòa nhà và lên chiếc xe limousine của Nakamura. Cô ta ngay lập tức vẫy một chiếc tắc xi và yêu cầu tài xế cho cô ta xuống cách khách sạn Seiyo 100 thước. Nếu Petrescu sắp lên đường, chắc chắn cô vẫn còn phải lấy hành lý và thanh toán hoá đơn.

Sau khi người tài xế tạm thời của Nakamura cho Anna xuống khách sạn Seiyo, cô vội lấy chìa khoá ở quầy tiếp tân rồi chạy lên phòng mình ở tầng hai. Cô ngồi ở đầu giường và gọi điện cho Arabella. Arabella vẫn còn thức.

“Một Portia đích thực”, là câu nhận xét cuối cùng của Arabella khi Anna đã kể hết mọi chuyện cho bà. Portia nào, Anna bắn khoăn tự hỏi. Kẻ báo ứng của Shylock, hay là vợ của Brutus? Cô cởi chiếc dây chuyền vàng, tháo chiếc thắt lưng ra, cởi bỏ đôi giày và cuối cùng cởi bỏ váy. Rồi cô mặc một chiếc áo phông, một chiếc quần bò và đi một đôi giày thể thao. Cho dù cô sẽ làm thủ tục ra khỏi khách sạn vào lúc giữa trưa, cô vẫn có đủ thời gian để thực hiện một cuộc gọi điện thoại nữa. Anna cần phải gieo đầu mối.

Tiếng chuông điện thoại đổ một lúc trước khi cô nghe thấy một giọng gái ngủ cất lên.

“Ai đấy?”.

“Vincent đây”.

“Chúa ơi, mấy giờ rồi? Mình đang ngủ say”.

“Cậu có thể ngủ tiếp sau khi đã nghe tin của mình”.

“Cậu đã bán bức tranh rồi à?”.

“Sao cậu biết?”.

“Được bao nhiêu?”.

“Cũng đủ”.

“Chúc mừng cậu. Vậy bây giờ cậu định đi đâu?”.

“Đi lấy bức tranh”.

“Ở đâu thế?”.

“Vẫn ở chỗ cũ. Cậu lại đi ngủ đi nhé”. Tín hiệu điện thoại tắt.

Tina mỉm cười và quay trở lại giường ngủ. Fenston sẽ bị đánh bại trong trò chơi của chính mình.

“Ôi chúa ơi”, chị nói to, và tỉnh ngủ hẳn. “Mình đã quên không nói với cậu ấy rằng kẻ truy đuổi là một phụ nữ, và kẻ ấy đã biết cậu ấy đang ở Tokyo”.

Fenston vươn một cánh tay qua giường và sờ tìm máy điện thoại, mắt ông ta vẫn nhắm nghiền.

“Mẹ kiếp, ai lại gọi vào giờ này thế?”

“Vincent vừa gọi điện”.

“Và lần này cô ta gọi về từ đâu?”, Fenston hỏi, mắt ông ta thành linh mở to.

“Tokyo”.

“Vậy là cô ta đã gặp Nakamura”.

“Chắc chắn là như thế”, Leapman nói, “và tuyên bố là cô ta đã bán được bức tranh”.

“Anh không thể bán thứ mà anh không có”, Fenston vừa nói vừa bật chiếc bóng đèn ở cạnh giường lên. “Cô ta có nói mình sắp đi đâu không?”.

“Đi lấy bức tranh”.

“Cô ta có nói bức tranh để ở đâu không?”.

“Vẫn ở chỗ cũ”, Leapman trả lời. “Vậy thì chắc chắn là ở London”, Fenston nói.

“Sao ngài biết chắc điều đó?”, Leapman hỏi.

“Bởi vì nếu cô ta đã đưa bức tranh tới Bucharest, tại sao lại không đưa nó tới Tokyo? Không, chắc chắn cô ta đã để nó lại London”, Fenston nói, “vẫn ở chỗ cũ”.

“Tôi không dám chắc như thế”, Leapman nói.

“Vậy ông nghĩ nó đang ở đâu?”.

“Ở Bucharest, vẫn ở chỗ cũ, trong chiếc thùng màu đỏ”.

“Không, chiếc thùng chỉ là mồi nhử thôi”.

“Vậy thì làm sao chúng ta có thể tìm được bức tranh?”, Leapman hỏi. “Quá đơn giản”, Fenston nói. “Bây giờ khi Petrescu nghĩ rằng cô ta đã bán được bức tranh cho Nakamura, việc tiếp theo của cô ta sẽ là đi lấy nó. Và lần này Krantz sẽ chờ cô ta, và sau đó cô ta sẽ có một kết cục có một cái gì đó giống Van Gogh. Nhưng trước hết, tôi cần phải gọi một cú điện thoại đã”, ông ta đập máy xuống trước khi Leapman có cơ hội hỏi xem ông ta định gọi cho ai.

Anna làm thủ tục ra khỏi khách sạn lúc vừa sau 12 giờ trưa. Cô đi tàu điện để ra sân bay, vì không còn đủ tiền để đi tắc xi. Cô nghĩ rằng một khi cô đã lên tàu điện, người đàn ông kia sẽ bám theo cô, và cô muốn tạo điều kiện dễ dàng cho anh ta. Suy cho cùng, chắc anh ta đã được thông báo về điểm dừng chân tiếp theo của cô.

Điều mà cô không biết là người bám theo cô đang ngồi phía sau cô tám hàng ghế.

Krantz mở tờ báo Shin bui ra, sẵn sàng để đưa nó lên che mặt nếu Petrescu nhìn quanh. Petrescu vẫn ngồi yên.

Đã đến lúc phải gọi điện. Krantz bấm số và chờ cho đến tiếng chuông thứ mười. Khi đầu dây bên kia đã nhấc máy, cô ta vẫn không nói gì. “London”, là từ duy nhất mà Fenston nói trước khi tín hiệu điện thoại tắt. Krantz ném chiếc điện thoại cầm tay ra ngoài cửa sổ, và nhìn theo cho đến khi nó rơi xuống trước một chiếc tàu khác đang chạy tới.

Khi tàu điện dừng lại tại cổng vào sân bay, Anna nhảy xuống và đi thẳng tới quầy bán vé của hãng Hàng không Anh quốc. Cô hỏi giá vé hạng tiết kiệm tới London, cho dù thực ra cô không hề có ý muốn mua vé. Suy cho cùng lúc này cô chỉ còn lại 35 đôla. Nhưng Fenston không thể biết điều đó. Cô kiểm tra bảng báo giờ bay. Có 90 phút giữa hai chuyến bay. Anna chậm chậm đi về phía cửa 91B, và cố gắng để sao cho bất kỳ ai đang bám theo cô sẽ không thể mất dấu cô. Cô ghé vào tất cả các cửa hàng trên lối đi tới cửa khởi hành và tới đó vừa khi mọi người bắt đầu lên máy bay. Cô cẩn thận chọn một chỗ ngồi ở phòng đợi, cạnh một cậu bé. “Những hành khách từ hàng ghế...”, cậu bé kêu toáng lên và bỏ chạy, và bà mẹ cậu ta vội đuổi theo.

Jack chỉ sao nhãng trong một tích tắc, và cô đã biến mất. Cô đã lên máy bay hay đã quay trở lại? Có lẽ cô đã biết rằng có tới hai người đang bám theo mình. Jack nhìn khắp lượt đại sảnh bên dưới anh. Họ đang đón các hành khách hạng thương gia lên máy bay, và chẳng thấy tăm hơi cô đâu. Anh điểm mặt những hành khách còn lại đang ngồi trong sảnh, và chắc chắn anh đã không thể nhận ra người phụ nữ kia nếu cô không sờ lên mái tóc mình. Không còn là một mái tóc vàng cắt ngắn nữa, mà là một mái tóc giả màu đen. Cô trông cũng có vẻ bối rối.

Krantz lưỡng lự khi loa thông báo mời các hành khách hạng nhất lên máy bay. Cô ta bước về phòng vệ sinh dành cho phụ nữ, ngay sau chỗ Anna vừa ngồi. Một lát sau, cô ta trở lại chỗ ngồi. Khi họ thông báo lần cuối để mời tất cả các hành khách còn lại lên máy bay, cô ta là người cuối cùng chìa vé ra.

Jack nhìn theo khi cô ta khuất dần trong lối lên máy bay. Làm sao cô ta có thể biết chắc rằng Anna sẽ bay đi London? Phải chăng anh đã bị cả hai người bọn họ bỏ rơi một lần nữa? Jack đợi cho đến khi cánh cửa đã đóng lại, và cảm thấy buồn bực trước ý nghĩ rằng cả hai người phụ nữ kia đang sắp bay đi London. Nhưng anh vẫn băn khoăn: có một cái gì đó khác lạ ở Anna kể từ khi cô rời khách sạn; có vẻ như cô muốn tạo điều kiện dễ dàng cho những ai muốn theo dõi mình.

Jack đợi cho đến khi nhân viên cuối cùng của hãng Hàng không Anh quốc rời đi. Anh vừa chuẩn bị đi xuống tầng trệt để mua vé chuyến bay tiếp theo tới London thì cánh cửa phòng vệ sinh nam mở ra.

Anna bước ra ngoài.

“Cho tôi nói chuyện với ông Nakamura”.

“Xin phép hỏi tên ngài là gì?”.

“Bryce Fenston, chủ tịch công ty Fenston Finance”.

“Tôi sẽ kiểm tra xem ngài Nakamura có thể nghe máy không, thưa ông Fenston”.

“Ông ấy phải nghe máy”, Fenston nói.

Tín hiệu đường dây yên lặng. Một lát sau, một giọng nói cất lên, “Xin chào, ông Fenston, tôi là Takashi Nakamura, tôi có thể giúp được gì cho ông?”.

“Tôi gọi điện để cảnh báo cho ông biết”.

“Cảnh báo ư?”, Nakamura hỏi.

“Tôi được biết là Petrescu đang tìm cách bán cho ông một bức Van Gogh”.

“Đúng vậy”, Nakamura nói.

“Và cô ta đòi bao nhiêu?”, Fenston hỏi.

“Tôi nghĩ, theo cách nói của người Mỹ, một tay và một chân”.

“Nếu ông ngu ngốc đến mức đồng ý mua bức tranh đó, ông Nakamura ạ, đó sẽ là tay và chân của ông đấy”, Fenston nói, “vì bức tranh ấy là của tôi”.

“Tôi không nghĩ nó là của ông. Tôi nghĩ...”

“Vậy thì ông đã nghĩ sai. Có lẽ ông cũng không biết rằng Petrescu không làm việc cho ngân hàng này nữa”.

“Tiến sỹ Petrescu đã giải thích rất rõ điều đó, thực tế là...”

“Và cô ta có nói với ông rằng mình đã bị đuổi việc không?”.

“Có, cô ta đã nói”.

“Nhưng cô ta có nói rõ nguyên nhân không?”.

“Từng chi tiết”.

“Và ông vẫn cảm thấy có thể làm ăn với cô ta à?”.

“Đúng thế. Thực tế là tôi đang thuyết phục cô ấy tham gia vào ban giám đốc của tôi, với tư cách là giám đốc quỹ của công ty”.

“Bất chấp thực tế là tôi đã sa thải cô ta vì những hành vi không xứng đáng với tư cách cán bộ của một ngân hàng?”

“Không phải là một ngân hàng, mà là ngân hàng của ông”.

“Đừng chơi chữ với tôi”, Fenston nói. “Thế đấy”, Nakamura nói, “vậy thì để tôi nói rõ hơn nhé, nếu Tiến sỹ Petrescu về làm cho công ty này, cô ấy sẽ nhanh chóng thấy rằng chúng tôi không chấp nhận chính sách lừa đảo khách hàng để chiếm đoạt gia sản của họ, đặc biệt khi đó là những quý bà cao tuổi”.

“Vậy ông nghĩ gì về những thành viên ban giám đốc dám ăn cắp những tài sản trị giá hàng trăm triệu đôla của công ty?”.

“Tôi thấy vui khi ông đánh giá bức tranh cao như thế, bởi vì chủ nhân của nó...”

“Tôi là chủ nhân của nó”, Fenston hét lên, “theo luật pháp bang New York”. “Một thứ luật pháp không có giá trị ở Tokyo”.

“Nhưng không phải là công ty của ông cũng có các văn phòng ở New York hay sao?”.

“Cuối cùng thì chúng ta cũng đã tìm được một điểm để nhất trí với nhau”, Nakamura nói.

“Vậy thì chẳng có lý do gì tôi không cho ông xem một trát tòa ở New York, nếu ông ngu ngốc đến mức cố mua bức tranh của tôi”.

“Và trát tòa ấy sẽ triệu ai?”, Nakamura hỏi.

“Ông muốn nói gì?”, Fenston hét lên trong ống nghe.

“À, tức là các luật sư của tôi sẽ phải tìm hiểu xem họ đang đối mặt với ai. Đó sẽ là Bryce Fenston, chủ tịch công ty Fenston Finance, hay sẽ là Nicu Munteanu, kẻ rửa tiền cho Ceausescu, nhà độc tài quá cố của Romania?”

“Đừng dọa tôi, Nakamura, nếu không tôi sẽ...”

“Bẻ gãy cổ tài xế của tôi?”

“Lần sau sẽ không phải là tài xế của ông nữa đâu”.

Yên lặng một lúc, rồi Nakamura nói: “Vậy thì có thể tôi nên xem lại có nhất thiết phải trả cái giá cao như thế cho bức Van Gogh không”.

“Một quyết định đúng đắn đấy”, Fenston nói.

“Cảm ơn, ông Fenston. Ông đã thuyết phục tôi tin rằng suy cho cùng thì kế hoạch ban đầu của tôi chưa hẳn là những gì hay nhất”.

“Tôi biết cuối cùng ông cũng sẽ tỉnh ra”, Fenston nói và dập máy điện thoại.

Khi Anna lên chuyến bay tới Bucharest một giờ sau đó, cô tin rằng mình đã rũ bỏ được người của Fenston. Sau cú điện thoại của cô cho Tina, bọn họ sẽ tin rằng cô đang trên đường tới London để lấy bức tranh, nơi nó vẫn được cất ở chỗ cũ. Đó là một đầu mối mà chắc chắn Fenston và Leapman sẽ không tranh cãi.

Có lẽ cô đã quá cầu kỳ khi bỏ ra nhiều thời gian như vậy tại bàn của hãng Hàng không Anh quốc, rồi sau đó lại đi tới cửa 91B trong khi cô không hề mua vé. Cậu bé kia hoá ra là một phần thưởng dành cho cô, nhưng chính cô cũng ngạc nhiên vì sự ầm ĩ mà cậu ta gây ra khi cô tóm được cậu ta.

Mối lo lắng duy nhất của cô chính là Tina. Vào giờ này ngày mai, Fenston và Leapman chắc chắn sẽ phát hiện ra rằng cô đã lừa bọn họ, và biết rằng cô đã phát hiện ra việc bọn họ nghe trộm các cuộc nói chuyện của cô với Tina. Anna sợ rằng mất việc chỉ là chuyện nhỏ nhất trong những gì sẽ xảy đến với Tina.

Khi máy bay cất cánh rời khỏi đất nước Nhật Bản, đầu óc của Anna lại hướng tới Anton. Cô hy vọng khoảng thời gian ba ngày không phải là quá dài.

Gã sát thủ của Fenston đuổi theo cô dọc theo một con đường rợp bóng cây. Ở cuối con đường là một bức tường đá cao với những hàng rào dây thép gai. Anna biết cô không còn lối thoát. Cô quay lại để đương đầu với kẻ thù của mình, lúc này đã dừng lại và đứng cách cô chỉ vài bộ. Gã người lùn xấu xí rút khẩu súng lục ra khỏi bao, mở khoá an toàn, cười nhăn nhở và chĩa thẳng họng súng vào ngực cô. Cô quay đi và cảm thấy viên đạn đang xuyên qua vai mình... “Bà nên chỉnh đồng hồ, lúc này ở Bucharest là 3 giờ 20 phút chiều”.

Cô giật mình tỉnh dậy. “Hôm nay là ngày bao nhiêu?”, Anna hỏi cô chiêu đãi viên hàng không.

“Thứ Ba, ngày 20, thưa bà”.

Anna dụi mắt và chỉnh lại đồng hồ. Cô đã giữ đúng hẹn với Anton là sẽ trở về trong vòng bốn ngày. Bây giờ vấn đề lớn nhất của cô là đưa bức tranh tới London, đồng thời... “Kính thưa các quý ông và các quý bà, trưởng phi hành đoàn đã bật tín hiệu báo thất dẫy an toàn. Chúng ta sẽ hạ cánh xuống Bucharest trong vòng 20 phút nữa”.

Cô mỉm cười trước ý nghĩ rằng vào giờ này, người của Fenston chắc đã hạ cánh xuống Hồng Kông, và chắc đang băn khoăn không hiểu tại sao cô chưa xuất hiện ở khu bán hàng miễn phí hải quan. Anh ta sẽ tiếp tục bay tới London, hay anh ta sẽ đánh liều chuyển sang một chuyến bay đi Bucharest? Có lẽ anh ta sẽ hạ cánh xuống Bucharest vừa lúc cô lên đường đi London.

Khi Anna bước ra ngoài, cô vui mừng khi thấy Sergei đang đứng bên cạnh chiếc Mercedes màu vàng của ông ta và đón cô bằng một nụ cười. Ông ta mở cửa sau cho cô. Vấn đề của Anna lúc này là cô chỉ còn vừa đủ tiền để trả tiền tắc xi.

“Tới đâu?”, ông ta hỏi.

“Trước tiên, cháu muốn tới Học viện”, cô nói với ông ta.

Anna rất muốn chia sẻ với Sergei tất cả những gì mà cô vừa trải qua, nhưng cô cảm thấy ông ta chưa đủ thân thiết với mình để cô có thể làm điều đó. Không tin tưởng mọi người là một kinh nghiệm mà cô chẳng thấy dễ chịu chút nào. Sergei đỗ xe lại dưới chân bậc thềm, nơi cô đã chia tay Anton trước khi ra sân bay. Cô không cần phải yêu cầu anh đợi nữa. Cô sinh viên ở bàn tiếp tân nói với Anna rằng bài giảng của Giáo sư Teodorescu về “Tác giả” vừa mới bắt đầu.

Anna lên thính đường trên tầng hai. Cô bước theo hai người sinh viên vào trong và tìm một chỗ ngồi ở cuối hàng ghế số hai. Cô hy vọng sẽ có được vài phút cách ly khỏi thế giới hiện thực. “Tác giả và nguồn gốc”, Anton bắt đầu, và đưa tay vuốt tóc theo cái cách quen thuộc mà các sinh viên thường nhại lại sau lưng anh, “là nguồn gốc của những bàn cãi và bất đồng giữa các học giả trong giới nghệ thuật hơn bất kỳ đề tài nào khác. Tại sao? Bởi vì nó là một đề tài mở, quyến rũ và không có hồi kết. Không nghi ngờ gì nữa, một vài phòng tranh nổi tiếng nhất trên thế giới gần đây đã trưng bày những tác phẩm không phải do những họa sỹ được ghi tên trên khung tranh vẽ nên. Tất nhiên là cũng có trường hợp khi nhà họa sỹ vẽ những nét chính, chẳng hạn như với bức *Đồng trinh* hay bức *Kitô*, rồi để cho người trợ giúp hoàn thành nốt tác phẩm. Vì vậy, chúng ta cần phải xem một số bức tranh nào đó, cùng vẽ một đề tài, là do một họa sỹ bậc thầy vẽ nên, hay một vài bức trong số đó là tác phẩm của những sinh viên ngôi sao của họa sỹ ấy, mà vài trăm năm sau người ta tưởng lầm là những tác phẩm của chính người họa sỹ bậc thầy ấy”. Anna mỉm cười khi nghe anh dùng cụm từ “sinh viên ngôi sao”, và nhớ tới bức thư mà cô phải chuyển cho Danuta Sekalska.

“Chúng ta hãy cùng xem xét một vài ví dụ”, Anton tiếp tục, “và thử xem các bạn có thể phát hiện bàn tay của một người non nớt hơn hay không. Đầu tiên là một bức tranh hiện đang được trưng bày ở bảo tàng Frick tại New York”. Một hình chiếu được đưa lên màn hình phía sau Anton. “Rembrandt, tôi đã nghe các bạn đồng thanh nói thế, nhưng dự án nghiên cứu Rembrandt, được thực hiện vào năm 1974, đã cho một câu trả lời khác. Người ta tin rằng có ít nhất là hai người đã góp tay làm nên tác phẩm *Kỵ sỹ Ba Lan*. Một người trong số đó có thể là Rembrandt. Bảo tàng Metropolitan, chỉ cách bảo tàng Frick vài tòa nhà ở phía bên kia của đại lộ số Năm, đã không giấu nổi sự lo lắng khi cũng chính các nhà học giả danh tiếng này khẳng

định rằng hai bức chân dung của Gia đình Beresteyn, được bảo tàng này mua vào năm 1929, không phải là tác phẩm của họa sỹ bậc thầy người Hà Lan này”.

“Đừng mất ngủ thái quá vì những chuyện mà hai bảo tàng này gặp phải, bởi vì trong số 12 bức tranh mà người ta cho là của Rembrandt trong bộ sưu tập Wallace của London, chỉ có bức *Titus, Con trai Họa sỹ*, đã được chứng minh là do chính họa sỹ này vẽ”. Anna bắt đầu quan tâm tới mức cô lấy giấy bút ra ghi chép. “Họa sỹ thứ hai mà tôi muốn các bạn quan tâm là Goya, nhà họa sỹ vĩ đại người Tây Ban Nha. Bảo tàng Prado ở Madrid đã mất ăn mất ngủ khi Juan Jose Junquera, một chuyên gia hàng đầu về Goya, cho rằng “những bức tranh đen”, trong đó có những hình ảnh đầy ám ảnh như *Sa tạng ăn thịt con*, không thể là tác phẩm của Goya, và ông chỉ ra rằng căn phòng mà các bức tranh này được vẽ lên tường chỉ được hoàn thành sau khi nhà họa sỹ đã qua đời. Nhà phê bình nghệ thuật xuất sắc người úc là Robert Hughes, trong cuốn sách của mình về Goya, cho rằng đó là các tác phẩm của con trai nhà họa sỹ”.

“Và bây giờ tôi sẽ nói về các họa sỹ ấn tượng. Nhiều bức tranh của Manet, Monet, Matisse và Van Gogh hiện đang được trưng bày tại các phòng tranh hàng đầu trên thế giới chưa được các học giả xác nhận tính chân thực. Chẳng hạn bức *Hoa Hướng Dương*, được nhà đấu giá Christie bán ra với cái giá chưa đến 40 triệu đôla vào năm 1987, vẫn còn cần phải được Louis van Tilborgh của bảo tàng Van Gogh công nhận tính xác thực”.

Khi Anton chuẩn bị đưa một hình ảnh khác lên màn chiếu, ánh mắt anh dừng lại chỗ Anna đang ngồi. Cô mỉm cười, và anh chiếu lên màn ảnh một bức tranh của Raphael thay vì một bức tranh của Van Gogh khiến các sinh viên cười khúc khích. “Như các bạn thấy đấy, tôi cũng nhầm lẫn, không phân biệt được bức tranh nào là của họa sỹ nào”. Tiếng cười biến thành tiếng vỗ tay. Rồi Anna ngạc nhiên khi thấy anh quay mặt lại và nhìn thẳng vào chỗ cô. “Thành phố vĩ đại này”, anh nói mà không nhìn vào những ghi chú của mình, “đã sinh ra một học giả bậc thầy cho chính mình trong lĩnh vực này. Người đó hiện nay đang làm việc tại New York. Thời chúng tôi còn là sinh viên, chúng tôi đã có những buổi thảo luận sâu đậm về bức tranh đặc biệt này”. Bức tranh của Raphael lại xuất hiện trên màn hình. “Sau các buổi học, chúng tôi thường gặp nhau tại điểm hẹn ưa thích”, anh lại nhìn về phía Anna, “Koskies, nơi mà tôi biết nhiều bạn vẫn chọn làm điểm hẹn. Chúng tôi thường gặp nhau vào lúc 9 giờ, sau buổi học tối”. Anh hướng sự chú ý lên bức tranh trên màn hình. “Đây là một bức chân dung có tên gọi là *Madonna mặc áo hồng*, mới được Phòng tranh Quốc gia London mua về gần đây. Các chuyên gia về Raphael không phải lúc nào cũng nhất trí với nhau, nhưng nhiều người trong số họ lo ngại khi có quá nhiều những bức tranh vẽ cùng một đề tài và được cho là của cùng một tác giả. Một số cho rằng bức tranh này là tác phẩm của “trường phái Raphael”, hoặc “hậu Raphael””. Anton lại nhìn xuống thính đường: chiếc ghế cuối cùng ở hàng ghế thứ hai đã không còn người ngồi.

Anna tới Koskies vài phút trước giờ hẹn. Chỉ có duy nhất một cô sinh viên trong thính đường nhận ra việc người thầy trên bục giảng đã đi lạc đề một lúc để ám chỉ cho cô biết họ sẽ gặp nhau ở đâu sau giờ học. Cô không thể không nhận ra cái nhìn đầy lo lắng trong đôi mắt Anton, một cái nhìn chỉ có ở những ai đã sống sót qua một chế độ độc tài.

Anna nhìn quanh căn phòng. Cô nhớ lại cái thời sinh viên của mình, vẫn những chiếc bàn nhựa và ghế nhựa đó. Không phải là một nơi gặp gỡ thích hợp của một giáo sư nghệ thuật và một nhà buôn bán các tác phẩm nghệ thuật. Cô gọi hai ly rượu vang đỏ. Anna vẫn nhớ cái thời khi đối với cô một buổi tối ở Koskies, nơi cô có thể thảo luận với bạn bè về Constantin và U2, Tom Cruise và John Lennon, và mút kẹo bạc hà trên đường về nhà để mẹ cô không phát hiện ra rằng cô đã hút thuốc và uống rượu, là một cái gì đó rất quyến rũ. Cha cô luôn đồng loã với cô - ông sẽ nháy mắt và chỉ cho cô biết mẹ cô đang ở trong phòng nào.

Anna nhớ lại cái lần đầu tiên khi cô và Anton làm tình với nhau. Trời lạnh đến mức cả hai vẫn

mặc áo khoác trên mình, và khi xong chuyện ấy, Anna thậm chí còn băn khoăn không hiểu sau này mình có muốn làm lại một lần nữa hay không. Dường như hồi ấy chưa có ai giải thích với Anton rằng phụ nữ cần nhiều thời gian hơn để đạt cảm giác cực khoái.

Anna nhìn lên khi có một người đàn ông cao gầy bước về phía mình. Cô gần như không dám chắc rằng đó là Anton. Người đàn ông ấy mặc một chiếc áo khoác nhà binh quá cỡ, với một chiếc khăn len to xù quấn quanh cổ. Trên đầu anh ta là một chiếc mũ lông trùn lấy cả hai tai. Một lối ăn mặc thích hợp với mùa đông New York, là ý nghĩ đầu tiên của cô.

Anton ngồi xuống chiếc ghế đối diện với cô và bỏ mũ ra, những vẫn giữ nguyên những gì khoác trên người. Anh biết chiếc lò sưởi duy nhất hoạt động trong căn phòng này nằm ở góc phía xa.

“Anh vẫn còn giữ được bức tranh đấy chứ?”, Anna hỏi. Cô không thể chờ lâu hơn.

“Vẫn còn nguyên”, Anton nói. “Bức tranh ấy chưa phút nào rời khỏi phòng vẽ của anh trong thời gian em đi xa, và thậm chí ngay cả những sinh viên vô tâm nhất của anh cũng có thể thấy đó không phải là phong cách quen thuộc của anh”, anh nói thêm trước khi nhấp một ngụm rượu. “Dù thú thật là anh sẽ rất vui nếu rũ bỏ được cái kẻ cụt tai ấy. Anh không sợ đi tù, nhưng đúng là bốn ngày qua anh mất ăn mất ngủ vì nó. Thậm chí vợ anh cũng bắt đầu nghi ngờ có cái gì đó không ổn ở anh”.

“Em xin lỗi”, Anna nói khi Anton bắt đầu vê một điếu thuốc. “Nhẽ ra em không nên đặt anh vào một hoàn cảnh nguy hiểm như vậy, và điều tệ hơn là em lại phải nhờ anh giúp một chuyện nữa”. Anton tỏ vẻ thông cảm, và chờ để xem thỉnh cầu cuối cùng của cô là gì. “Anh nói là anh còn giấu 8.000 đôla của mẹ em ở nhà anh”.

“Đúng thế, phần lớn người Romania thường giấu tiền dưới đệm, đề phòng có sự thay đổi chính quyền vào lúc nửa đêm”, Anton nói rồi châm điếu thuốc.

“Em cần mượn một ít trong số đó”, Anna nói. “Em sẽ trả lại đầy đủ ngay khi về tới New York”.

“Đó là tiền của em, Anna, em có thể lấy hết mà dùng”.

“Không, đó là tiền của mẹ em, nhưng đừng để bà biết đấy nhé, nếu không bà lại lo là em đang gặp khó khăn về chuyện tiền nong và đang bắt đầu bán hết đồ đạc”.

Anton không cười. “Nhưng đúng là em đang gặp khó khăn, phải không?”.

“Sẽ qua ngay, khi em lấy lại bức tranh”.

“Em có muốn anh giữ hộ nó cho em một ngày nữa không?”, anh vừa hỏi vừa nhấp một ngụm rượu.

“Không, cảm ơn anh”, Anna nói, “nhưng điều đó chỉ có nghĩa là cả anh và em, không ai có thể ngủ ngon. Em nghĩ đã đến lúc giải thoát cho anh khỏi bức tranh ấy”.

Anna đứng lên mà không nói thêm lời nào. Cô không hề dự định đến ly rượu.

Anton uống cạn ly của mình, dập tắt điếu thuốc lá và để lại vài đồng xu trên mặt bàn. Anh đội mũ lên và bước theo Anna. Anna nhớ lại lần cuối cùng mà cả hai người cùng nhau bước ra khỏi quán rượu này. Anna nhìn dọc con phố trước khi nắm lấy tay Anton, lúc này đang thì thầm vào tai Sergei.

“Em có thời gian để thăm mẹ không?” Anton hỏi khi Sergei đang mở cửa sau ra cho Anna.

“Không, khi mà mỗi bước chân em đều đang bị theo dõi”.

“Anh có thấy ai đâu”, Anton nói.

“Anh không thể nhìn thấy”, Anna nói. “Anh chỉ có thể cảm thấy”. Cô dừng lại. “Và em đã nhầm khi nghĩ rằng mình đã rũ bỏ được anh ta”.

“Cô nói đúng”, Sergei nói và cho xe chạy.

Không ai nói gì trên chặng đường ngắn tới nhà Anton. Khi Sergei cho xe dừng lại, Anna nhảy ra ngoài rồi bước theo Anton vào nhà. Anh vội dẫn cô tới một căn gác xếp trên tầng thượng. Cho dù cô có thể nghe thấy tiếng Sibelius vọng lên từ một căn phòng ở tầng dưới, rõ ràng Anton không muốn cô gặp vợ anh.

Anna bước vào một căn phòng toàn tranh. Đôi mắt cô ngay lập tức dừng lại trên *Chân dung người cụt tai* trong bức tranh của Van Gogh. Cô mỉm cười. Bức tranh vẫn nằm trong chiếc khung quen thuộc, trong một chiếc thùng màu đỏ được mở nắp.

“Không thể tốt hơn”, Anna nói. “Bây giờ tất cả những gì em cần làm là chuyển nó đến tay người cần chuyển”.

Anton không bình luận gì, và khi Anna quay lại, cô thấy anh đang quỳ ở một góc phòng để nhấc một tấm ván lên. Anh thò tay vào trong và lấy ra một chiếc phong bì dày, rồi đút vào túi áo trong. Sau đó anh quay lại chỗ chiếc thùng đỏ, đẩy nắp lại và bắt đầu đóng chặt đinh vào chỗ cũ. Điều đó chỉ càng chứng tỏ rằng anh muốn rũ bỏ Người cụt tai càng sớm càng tốt. Sau khi đã đóng chặt chiếc đinh cuối cùng, không nói một lời, anh nâng chiếc thùng lên và dẫn Anna ra khỏi phòng rồi đi xuống cầu thang.

Anna mở cửa trước để Anton bước ra phố. Cô cảm thấy mừng khi thấy Sergei đang đứng chờ ở đuôi xe với cốp xe đã được mở sẵn. Anton đặt chiếc thùng màu đỏ vào cốp xe rồi xoa hai tay vào nhau. Cử chỉ đó thể hiện sự vui sướng của anh khi được thoát khỏi bức tranh. Sergei đập mạnh nắp cốp rồi quay trở lại chỗ ngồi của mình sau vô lăng.

Anton rút chiếc phong bì dày từ trong túi áo ra rồi đưa cho Anna.

“Cảm ơn anh”, cô nói, và đưa cho anh một chiếc phong bì khác, nhưng không phải là thư gửi cho anh.

Anton nhìn tên người nhận trên phong bì, mỉm cười và nói, “Anh sẽ đưa tận tay cô bé. Cho dù kế hoạch của em là gì”, anh nói thêm, “anh mong là em sẽ thành công”.

Anh hôn vào cả hai bên má cô trước khi biến vào trong nhà.

“Tối nay cô sẽ ở đâu?”, Sergei hỏi khi cô ngồi lên chiếc ghế cạnh ông ta. Anna nói với ông ta địa chỉ cần tới.

Khi Anna thức dậy, Sergei đang ngồi hút thuốc trên nắp cốp xe. Anna vươn vai và dụi mắt. Đây là lần đầu tiên cô ngủ trên ghế sau của một chiếc xe hơi, nhưng rõ ràng là vẫn tốt hơn nhiều so với ghế sau của xe tải. Cô chui ra khỏi xe và duỗi chân.

Chiếc thùng gỗ vẫn còn ở nguyên chỗ cũ.

“Chào cô”, Sergei nói. “Cô ngủ có ngon không?”.

Cô cười. “Có vẻ ngon hơn giấc ngủ của bác”.

“Sau 20 năm trong quân đội, giấc ngủ trở thành một thứ xa xỉ”, Sergei nói. “Nhưng xin mời cô ăn sáng với tôi”. Ông ta quay lại xe và lấy ra một chiếc hộp thiếc nhỏ từ dưới ghế lái. Ông ta mở nắp hộp ra: hai ổ bánh mỳ, một quả trứng luộc, một lát pho mát, hai củ khoai tây, một quả cam và một bình cà phê.

“Bác lấy đâu ra tất cả những thứ này vậy?”, Anna vừa bóc cam vừa hỏi. “Bữa tối của hôm qua”, Sergei giải thích, “do bà vợ chu đáo của tôi chuẩn bị đấy”.

“Bác giải thích việc tối qua bác không về nhà với bác gái như thế nào?”, Anna hỏi.

“Tôi nói thật mọi chuyện với bà ấy”, Sergei nói. “Tôi đã ở bên một người con gái xinh đẹp suốt đêm”, Anna đỏ mặt. “Nhưng tôi sợ mình đã quá già để có thể làm cho bà ấy tin chuyện đó”, ông ta nói thêm. “Vậy tiếp theo chúng ta sẽ làm gì? Cướp ngân hàng à?”.

“Nếu bác biết có ngân hàng nào có đủ 50 triệu đôla tiền lẻ”, Anna vừa cười vừa nói. “Nếu không cháu sẽ phải đưa nó lên chuyến bay tiếp theo tới London, vì vậy cháu cần phải tìm hiểu xem khi nào thì người ta mở cửa nhận hàng”.

“Khi người đầu tiên xuất hiện”, Sergei vừa nói vừa bóc vỏ quả trứng. “Thường là vào lúc 7 giờ”, ông ta nói thêm trước khi đưa quả trứng cho Anna.

Anna cắn một miếng. “Vậy thì cháu cần phải có mặt ở đó trước 7 giờ, để đảm bảo rằng chiếc thùng này sẽ được đưa lên máy bay”. Cô nhìn đồng hồ. “Vậy có lẽ ta nên đi thôi bác ạ!”.

“Tôi không nghĩ thế?”.

“Ý bác là gì ạ?”, Anna hỏi bằng một giọng lo lắng.

“Khi một người phụ nữ như cô phải ngủ qua đêm trong một chiếc xe, ắt hẳn phải có lý do. Và tôi nghĩ lý do đang nằm kia”, Sergei vừa nói vừa chỉ vào chiếc thùng. “Vì vậy nếu cô làm thủ tục lên máy bay cùng với một chiếc thùng màu đỏ, đó sẽ là một việc làm thiếu thận trọng”. Anna tiếp tục nhìn ông ta chằm chằm, nhưng cô không nói gì. “Phải chăng trong chiếc thùng đó có đựng một thứ mà cô không muốn chính quyền quan tâm?”. Ông ta dừng lại, nhưng Anna vẫn không nói gì. “Theo tôi thì”, Sergei nói. “Cô biết đấy, khi tôi còn là một đại tá trong quân đội, mỗi khi tôi cần làm một việc gì đó mà không muốn cho ai biết, tôi bao giờ cũng chọn một anh chàng hạ sỹ nào đó dưới quyền để giao nhiệm vụ. Như thế, theo kinh nghiệm của tôi, chẳng bao giờ khiến ai để ý. Tôi nghĩ hôm nay tôi có thể làm một hạ sỹ dưới quyền của cô”.

“Nhưng nếu bác bị bắt thì sao?”.

“Vậy thì tức là tôi đã làm được một việc có ích. Cô có nghĩ nghề lái tắc xi là một nghề rất hợp với một đại tá quân đội, một người đã từng chỉ huy cả một trung đoàn như tôi không? Đừng lo lắng, thưa cô. Một vài nhân viên cũ của tôi làm việc ở hải quan sân bay, và nếu giá cả hợp lý, họ sẽ không đưa ra nhiều câu hỏi”.

Anna mở chiếc cặp, lấy chiếc phong bì mà Anton đã đưa cho cô ra rồi đưa cho Sergei năm tờ 20 đôla. “Không, thưa cô”, ông ta xua tay, “chúng ta không hối lộ cảnh sát trưởng, chỉ là vài nhân viên địa phương thôi”, ông ta nói thêm rồi cầm lấy một tờ. “Và hơn nữa, sau này có thể tôi vẫn còn cần nhờ họ giúp vài chuyện, vì vậy ta không nên phá giá”.

Anna cười. “Và khi ký biên nhận, bác Sergei, bác phải ký làm sao để không ai có thể đọc được nhé”.

Sergei nhìn cô chằm chằm. “Tôi hiểu”, ông ta nói rồi dừng lại. “Cô cứ ở đây, và đừng để cho người ta nhìn thấy. Tất cả những gì tôi cần là vé máy bay của cô”.

Anna lại mở cặp ra, cất bốn tờ tiền còn lại vào chiếc phong bì rồi lấy vé đưa cho Sergei, ông ta lên xe, khởi động máy và vẫy tay chào tạm biệt cô.

Anna nhìn theo chiếc xe cho đến khi nó khuất sau góc phố, mang theo bức tranh, hành lý, vé máy bay, cùng 20 đôla của cô. Tài sản bảo lãnh mà cô có cho tất cả những thứ đó là một miếng pho mát, một ổ bánh mì và một bình cà phê.

Fenston cầm ống nghe lên sau hồi chuông thứ mười.

“Tôi vừa hạ cánh xuống Bucharest”, cô ta nói. “Chiếc thùng màu đỏ mà ông đang truy tìm đã được đưa lên một chuyến bay tới London, sẽ hạ cánh xuống sân bay Heathrow vào khoảng 4 giờ chiều nay”.

“Thế còn cô ta?”.

“Tôi không biết kế hoạch của cô ta là gì, như khi tôi...”.

“Hãy đảm bảo rằng cô đã vớt cái xác ấy lại Bucharest”.

Tín hiệu tắt.

Krantz bước ra khỏi sân bay, đặt chiếc điện thoại cầm tay xuống dưới bánh một chiếc xe tải và chờ cho nó chuyển bánh rồi mới quay trở lại Cổng vào. Cô ta nhìn lại bảng báo giờ bay và các chuyến bay, nhưng lần này cô ta không nghĩ Anna sẽ bay tới London; buổi sáng hôm ấy cũng có một chuyến bay tới New York.

Nếu Anna đi trên chuyến bay đó, cô ta sẽ phải giết Anna ngay tại sân bay này. Đây không phải là lần đầu tiên, tại nơi này.

Krantz đứng nép vào một chiếc máy bán đồ uống tự động và chờ đợi. Cô ta quan sát để không bỏ qua một chiếc tắc xi nào thả khách xuống sân bay. Cô ta chỉ quan tâm tới một chiếc tắc xi đặc biệt, và một vị khách đặc biệt. Petrescu sẽ không thể lừa cô ta lần nữa, bởi vì lần này, cô ta đã được đảm bảo.

Sau ba mươi phút, Anna bắt đầu cảm thấy bồn chồn. Sau bốn mươi phút, cảm giác bồn chồn

biến thành lo lắng. Sau năm mươi phút, cảm giác của cô đã gần với sự kinh hãi. Một giờ sau khi Sergei rời đi, cô bắt đầu có ý nghĩ rằng biết đâu Sergei đang làm việc cho Fenston. Vài phút sau đó, một chiếc Mercedes cũ màu vàng hiện ra ở góc cua.

Sergei mỉm cười. “Trông cô có vẻ như vừa trút được nỗi ngò vức”, ông ta vừa nói vừa mở cửa xe cho cô và đưa trả cô tấm vé.

“Không, không”, Anna nói và cảm thấy như mình có tội.

Sergei lại mỉm cười. “Chiếc thùng đã được đưa lên cùng chuyến bay đi London với cô”, ông ta nói khi đã ngồi vào sau vô lăng.

“Tốt quá”, Anna nói, “vậy có lẽ bây giờ cháu cũng nên đi ngay là vừa”.

“Đồng ý”, Sergei nói rồi khởi động máy. “Nhưng cô phải cẩn thận, bởi vì gã người Mỹ đã ở sẵn đó để chờ cô”.

“Anh ta không quan tâm tới cháu”, Anna nói, “anh ta chỉ quan tâm tới chiếc thùng thôi”.

“Nhưng gã đã trông thấy tôi đưa nó vào chỗ gửi hàng, và chỉ cần 20 đôla, gã sẽ biết chiếc thùng được chuyển đi đâu”.

“Cháu không cần quan tâm đến chuyện đó nữa”, Anna nói mà không giải thích gì thêm.

Sergei có vẻ ngạc nhiên, nhưng không hỏi gì thêm, ông ta cho xe chậm chậm chạy lên xa lộ và hướng về phía sân bay.

“Cháu nợ bác quá nhiều”, Anna nói. “4 đô”, Sergei nói, “cộng thêm một bữa tối. Tổng cộng là 5 đô”.

Anna mở cặp, lấy chiếc phong bì, rồi cất hết tiền trong đó vào cặp. Sau đó cô cho năm tờ mệnh giá 100 đôla vào lại phong bì rồi dán lại như cũ.

Cô đưa chiếc phong bì cho Sergei.

“5 đôla”, cô nói.

“Cảm ơn cô”, ông già trả lời.

“Anna”, cô nói rồi hôn lên hai bên má ông già. Nếu Anna ngoảnh nhìn lại, cô sẽ trông thấy cảnh một người lính già đang khóc. Cô không biết rằng Đại tá Sergei Slatinarus là người đã ở bên cạnh cha cô khi ông bị thủ tiêu.

Khi Tina bước ra khỏi thang máy, chị thấy Leapman bước ra khỏi phòng mình. Chị lánh vào phòng vệ sinh.

Tim chị đập thành thịch khi chị nghĩ đến những hậu quả mà mình có thể sẽ phải gánh chịu. Liệu ông ta đã biết chuyện chị có thể nghe lỏm mọi cuộc điện thoại của chủ tịch và có thể quan sát tất cả những ai vào ra phòng làm việc của Fenston? Nhưng điều tệ hại hơn là, liệu ông ta có biết chuyện trong suốt một năm qua, chị đã gửi tất cả các tài liệu mật vào hòm thư điện tử của mình? Tina cố giữ nét mặt bình thường khi chị bước trở ra hành lang và chậm chậm đi về phía phòng làm việc của mình. Có một điều mà chị biết chắc, đó là Leapman sẽ không để lại một dấu vết nào cho thấy ông ta đã vào phòng chị.

Chị ngồi xuống bàn làm việc và bật màn hình theo dõi lên. Chị cảm thấy như phát sốt. Leapman đang trong phòng chủ tịch và đang nói gì đó với Fenston, còn Fenston thì đang chú ý nghe.

Khi Anna hôn lên má Sergei, Jack nhận ra đó chính là ông già đã cuỗm 20 đôla của anh hôm trước - một món tiền mà anh không thể đưa vào hoá đơn thanh toán. Anh nghĩ tới chuyện cả hai người phải thức thâu đêm, trong khi Anna có thể ngủ đây. Nếu ông già kia chỉ cần chớp mắt một lúc, Jack nghĩ Người Lùn sẽ không bỏ qua cơ hội và sẽ cuỗm chiếc thùng đi, cho dù kể từ khi cô ta lên máy bay đi London, anh không nhìn thấy cô ta đâu nữa. Anh băn khoăn không biết bây giờ cô ta đang ở đâu. Chắc là không xa nơi này. Mỗi giờ trôi qua, Jack càng nhận ra rằng ông già kia không chỉ đơn thuần là một tài xế tắc xi, mà là một người rất trung thành với Anna. Chắc hẳn phải có lý do.

Jack biết không nên lãng phí thời gian vào việc tìm cách hối lộ ông già. Nhưng người quản lý việc tiếp nhận hàng gửi đã ra hiệu cho anh vào văn phòng của mình, và thậm chí còn in cả tờ biên nhận cho anh xem. Chiếc thùng được gửi theo chuyến bay sắp cất cánh. Đích đến là London. Đã được đưa lên máy bay, ông ta khẳng định với anh. Không phải là một khoản đầu tư tồi với năm mươi đôla, dù anh không thể luận ra chữ ký.

Nhưng cô ta có lên cùng chuyến bay đó không? Jack vẫn cảm thấy băn khoăn. Nếu bức Van Gogh vẫn còn trong chiếc thùng kia, vậy thì chiếc thùng mà Anna đưa tới Nhật Bản cho Nakamura đựng gì trong đó? Anh không còn lựa chọn nào khác ngoài việc chờ đợi để xem cô ta có lên cùng chuyến bay đó hay không.

Sergei nhìn theo Anna khi cô bước về phía cổng ra vào sân bay, tay kéo theo chiếc vali. Ông sẽ gọi cho Anton ngay, để báo cho Anton biết rằng ông đã đưa Anna đến sân bay một cách an toàn. Anna quay lại vẫy tay chào, và ông không để ý thấy một người khách đang ngồi lên ghế sau xe, cho đến khi ông nghe thấy tiếng sập cửa.

Ông nhìn vào gương chiếu hậu.

“Đi đâu, thưa cô?”, ông hỏi.

“Sân bay cũ”, cô ta nói.

“Tôi nghĩ là sân bay đó không còn được sử dụng nữa”, ông nói, nhưng cô ta im lặng. Một số khách đi xe rất ít lời.

Khi xe đến chỗ rẽ vào sân bay cũ, Sergei lại liếc nhìn vào gương chiếu hậu. Khuôn mặt cô ta trông quen quen. Phải chăng ông đã từng chở cô ta? Ông cho xe chạy nhanh hơn. Chiếc sân bay cũ đúng là đã bị bỏ hoang như ông nói. Không có một chiếc máy bay nào còn đậu ở đó kể từ khi Ceausescu tìm cách tẩu thoát từ sân bay này vào năm 1989. Ông lại nhìn vào gương chiếu hậu, trong khi vẫn giữ đều tốc độ, và thỉnh thoảng Ông nhớ ra. Bây giờ thì Sergei đã nhớ rõ ông gặp cô ta khi nào. Trước kia tóc dài hơn, có màu vàng, và cho dù đã một thập kỷ trôi qua, đôi mắt kia vẫn không hề thay đổi - một đôi mắt không để lộ bất kỳ cảm xúc nào khi giết người, một đôi mắt mà nạn nhân không thể quên cả khi đã chết. Đại đội của ông bị bao vây tại biên giới với Bulgaria. Họ nhanh chóng bị bắt và bị dồn tới trại tù binh gần nhất. Ông có thể nghe thấy tiếng kêu của những thanh niên tình nguyện trẻ tuổi trong đội quân của mình. Nhiều người trong số họ chỉ vừa mới rời ghế nhà trường. Và rồi, một khi họ đã khai hết với cô ta, hoặc không khai gì, cô ta cắt cổ họ trong khi nhìn chăm chăm vào mắt họ. Khi biết chắc là họ đã chết, bằng một động tác rất nhanh, cô ta cắt đứt đầu họ rồi vứt vào đồng đầu lâu trong xà lim. Kể cả những tay đao phủ chai lì nhất cũng phải tránh ánh mắt của các nạn nhân, nhưng cô ta thì không.

Trước khi rời đi, cô ta sẽ bỏ ra chút thời gian để nhìn qua những người chưa bị giết. Đêm nào cô ta cũng nói lời chia tay bằng một câu: “Tao vẫn chưa quyết định ngày mai sẽ đến lượt đứa

nào”. Chỉ có ba người của ông sống sót, vì có một đợt tù nhân mới, với những thông tin mới. Nhưng trong suốt 37 đêm không ngủ, Đại tá Sergei Slatinaru không biết bao giờ thì đến lượt mình. Nạn nhân cuối cùng của cô ta chính là cha của Anna, một trong những người dũng cảm nhất mà ông từng gặp.

Khi cuối cùng họ được giải thoát, một trong những nhiệm vụ đầu tiên của ông là báo cho mẹ Anna về cái chết của Đại úy Petrescu. Ông đã nói dối, và nói với mẹ Anna rằng chồng của bà đã hy sinh một cách anh dũng trên chiến trường. Tại sao lại phải đẩy những cơn ác mộng của ông cho một người phụ nữ vô tội? Và rồi Anton gọi điện nói rằng mình vừa nhận được điện thoại của con gái Đại úy Petrescu; cô đang trên đường tới Bucharest, và liệu ông có thể...

Khi đất nước thay đổi và tình hình lắng xuống, những tội ác của Krantz bị phơi bày. Cô ta bị bắt giam, cô ta trốn thoát sang Mỹ. Cũng có tin đồn cô ta đã bị giết. Sergei cầu nguyện cho cô ta còn sống để ông có được cơ hội tự tay giết chết cô ta. Nhưng ông sợ rằng cô ta sẽ chẳng bao giờ còn xuất hiện ở đất nước Romania này nữa, bởi vì quá nhiều người có thể nhận ra cô ta và sẽ đứng xếp hàng để chờ được báo thù. Nhưng tại sao cô ta lại quay trở lại? Cái gì trong chiếc thùng kia có thể khiến cô ta hành động liều lĩnh như vậy? Sergei cho xe chạy chậm lại khi tới dải đất hoang, nơi trước kia từng là đường băng nhưng bây giờ chỉ toàn cỏ dại. Ông giữ một tay trên vô lăng, còn tay kia từ từ luồn xuống ghế để tìm khẩu súng mà ông đã không sử dụng kể từ khi Ceausescu bị tử hình. “Cô muốn tôi dừng lại ở đâu, thưa cô?”, ông hỏi như thể họ đang ở giữa một con phố đông đúc. Ông nắm chặt lấy báng súng. Cô ta không trả lời. Ông liếc nhìn vào gương chiếu hậu, và hiểu rằng mọi cử động bất thường nào của ông cũng sẽ khiến cô ta cảnh giác. Không những cô ta có lợi thế ngồi sau lưng ông, mà giờ đây cô ta còn theo dõi mọi cử động của ông. Ông biết một trong hai người sẽ phải chết trong vòng một phút nữa.

Sergei luồn ngón tay trở vào cò súng, chậm chậm lấy khẩu súng ra khỏi ghế và từ từ giơ tay lên, từng li một. Ông vừa chuẩn bị thả phanh thì một bàn tay túm lấy tóc ông và giật mạnh đầu ông ra đằng sau. Chân ông trượt ra khỏi chân ga và chiếc xe từ từ dừng lại giữa đường băng.

Ông giơ khẩu súng lên 1 inch nữa. “Cô ta đi đâu?”, Krantz vừa hỏi vừa kéo mạnh đầu ông ra đằng sau và nhìn vào mắt ông.

“Cô gái nào?”, ông cố nói, và có thể cảm thấy một lưỡi dao chạm vào da mình ngay bên dưới mang tai.

“Đừng giở trò với tôi, ông già. Cô gái mà ông đã thả xuống sân bay ấy”.

“Cô ta không nói”. Thêm 1 inch nữa. “Cô ta không nói, dù ông đã chở cô ta đi khắp nơi? Đi đâu?” cô ta hét lên, và lưỡi dao ấn mạnh hơn vào da ông.

Thêm 1 inch nữa.

“Tôi cho ông một cơ hội cuối cùng”, cô ta rít lên và ấn sâu lưỡi dao vào cổ ông. Máu đã bắt đầu chảy. “Cô - ta - đi - đâu?”, Krantz gằn từng tiếng. “Tôi không biết”, Sergei la to, đồng thời giơ súng lên, chĩa về phía đầu cô ta và bóp cò.

Viên đạn xuyên qua vai Krantz và làm cô ta bật về phía sau, nhưng cô ta vẫn không buông tóc Sergei ra. Sergei kéo cò lần nữa, nhưng giữa hai lần bắn là cả một giây đồng hồ. Vừa đủ để cô ta cắt đứt cổ họng ông chỉ bằng một động tác.

Thứ mà Sergei nhìn thấy trước khi chết là đôi mắt lạnh lùng kia.

Leapman vẫn chưa ngủ khi chuông điện thoại của ông ta đổ. Nhưng dù sao thì ông ta cũng chẳng mấy khi ngủ, dù ông ta biết rằng chỉ có một người có thể gọi cho ông ta vào cái giờ ấy.

Ông ta cầm điện thoại lên, và nói: “Xin chào ngài chủ tịch”, như thể ông ta đang ngồi ở bàn làm việc trong văn phòng của mình.

“Krantz đã biết bức tranh đang ở đâu”

“Ở đâu vậy?”, Leapman hỏi.

“Ở Bucharest, nhưng đang trên đường tới Heathrow”.

Leapman muốn nói *Tôi đã nói rồi mà*, nhưng ông ta cưỡng lại được, “Khi nào thì máy bay hạ cánh?”.

“Ngay sau 4 giờ, giờ London”.

“Tôi sẽ cử người chờ sẵn để lấy bức tranh”.

“Và phải đưa lên chuyến bay đầu tiên tới New York”.

“Vậy Petrescu đâu?”, Leapman hỏi.

“Không biết”, Fenston nói, “nhưng Krantz đang chờ cô ta ở sân bay. Vì vậy đừng hy vọng cô ta sẽ đi trên cùng chuyến bay đó”.

Leapman nghe thấy tiếng dập máy. Fenston không bao giờ nói lời tạm biệt. Ông ta ra khỏi giường, cầm cuốn sổ ghi số điện thoại lên và rê ngón tay cho đến khi ông ta nhìn thấy cái tên viết tắt Ps. Ông ta nhìn đồng hồ và quây số văn phòng của bà ta. “Ruth Parish đây”.

“Xin chào bà Parish. Karl Leapman đây”.

“Xin chào ông Leapman”, Ruth đáp lại bằng một giọng dè chừng.

“Chúng tôi đã tìm thấy bức tranh”.

“Các ông đã lấy lại được bức Van Gogh rồi à?”, Ruth hỏi.

“Không, chưa, nhưng đó là lý do tôi gọi cho bà.

“Tôi có thể giúp được gì?”

“Nó đang trên đường từ Bucharest tới, sẽ hạ cánh ngay trước cửa văn phòng của bà vào lúc sau bốn giờ chiều nay”, ông ta dừng lại. “Bà hãy có mặt ở đó để lấy bức tranh”.

“Tôi sẽ có mặt. Nhưng ai là người ký nhận?”.

“Việc chó gì phải quan tâm tới chuyện ấy? Đó là bức tranh của chúng tôi và được đựng trong

thùng của bà. Chỉ cần đảm bảo là lần này bà sẽ không để lạc nó nữa”. Leapman gác máy trước khi Ruth có cơ hội để phản đối.

Ruth Parish và bốn nhân viên của bà đã chờ sẵn trên đường băng khi chuyến bay 019 từ Bucharest hạ cánh xuống sân bay Heathrow. Khi hàng hoá chuẩn bị được đưa ra khỏi khoang hàng, chiếc xe Range Rover của Ruth cùng một chiếc xe tải chống cướp và một chiếc xe chở hàng của hải quan đã đỗ sẵn cách khoang hàng chỉ 20 m.

Nếu Ruth nhìn lên, bà sẽ thấy khuôn mặt đang mỉm cười của Anna sau chiếc cửa sổ ở gần đuôi máy bay. Nhưng bà không nhìn lên.

Ruth bước ra khỏi chiếc xe của mình và đứng cạnh người nhân viên hải quan. Trước đó bà đã báo cho anh ta biết rằng bà muốn chuyển một bức tranh trên chuyến bay sắp hạ cánh sang một chuyến bay tới một cái đích khác. Người nhân viên hải quan trông có vẻ ngần ngại, và hẳn khoản không hiểu tại sao Ruth lại chọn một nhân viên cao cấp như mình đi làm một công việc tẻ nhạt như thế.

Nhưng khi được biết về giá trị của bức tranh, anh ta đã thay đổi thái độ. Khi khoang hàng mở ra, cả hai người bọn họ cùng bước về phía trước, nhưng chỉ có người nhân viên hải quan nói chuyện với người phụ trách việc dỡ hàng. “Có một chiếc thùng gỗ trong khoang hàng” - anh ta nhìn sổ ghi chép “kích thước ba bộ nhân hai bộ, cao 2 hoặc 3 inch. Trên đó có đóng dấu in lôgô của hãng Art Locations ở cả hai mặt, và có con số 47 ở bốn góc. Tôi muốn anh đưa nó xuống trước tiên”.

Người phụ trách dỡ hàng truyền đạt mệnh lệnh đó cho hai nhân viên của mình trong khoang hàng. Khi hai nhân viên dỡ hàng xuất hiện trở lại cũng là lúc Anna đang đi về phía cửa kiểm tra hộ chiếu. “Đúng là nó rồi”, Ruth nói khi thấy hai người đó vác một chiếc thùng màu đỏ ra mép khoang. Người nhân viên hải quan gật đầu. Một chiếc xe nâng chạy tới, khéo léo đón lấy chiếc thùng từ trên khoang và hạ xuống đất. Người nhân viên hải quan kiểm tra giấy ký nhận, tiếp theo là lôgô và con số 47 ở bốn góc.

“Mọi thứ có vẻ ổn, bà Parish ạ. Nhờ bà làm ơn ký vào đây”.

Ruth ký vào tờ biên nhận, nhưng không thể luận ra chữ ký của người gửi. Đôi mắt của người nhân viên hải quan không rời chiếc xe nâng khi nó đưa kiện hàng tới chỗ chiếc xe tải của Art Locations. Hai nhân viên của Ruth đưa kiện hàng lên thùng xe.

“Tôi sẽ cùng đi với bà tới chỗ chiếc máy bay sắp cất cánh, thưa bà Parish, để tôi có thể đảm bảo rằng kiện hàng đã được đưa lên máy bay và sẽ được chuyển đến đúng đích cần đến. Đến lúc đó tôi mới có thể ký giấy bàn giao”.

“Tốt quá”, Ruth nói, mặc dù mỗi ngày bà phải làm thủ tục này vài ba lần. Anna đã ra tới khu vực nhận hành lý khi chiếc xe tải của Art Locations bắt đầu lượn từ cổng số 3 sang cổng số 4. Người tài xế cho xe đỗ lại cạnh một chiếc máy bay của hãng United Airlines đang chuẩn bị cất cánh đi New York.

Chiếc xe tải chờ trên đường băng hơn một giờ đồng hồ. Cuối cùng thì khoang hàng cũng mở ra. Trong khoảng thời gian đó, Ruth đã kịp biết về tiểu sử của người nhân viên hải quan, và thậm chí còn biết cả việc anh ta định cho đưa con thứ ba của mình theo học trường nào nếu anh ta được thăng chức trong dịp này. Sau đó Ruth theo dõi việc đưa hàng lên máy bay, một quá trình ngược lại với những gì vừa diễn ra trước đó hơn một giờ đồng hồ. Cửa sau của chiếc xe tải được mở ra, bức tranh được đặt lên xe nâng, được chở tới sát mép khoang hàng, được nâng lên

và được hai nhân viên đưa vào trong khoang.

Người nhân viên hải quan ký vào cả ba hoá đơn gửi hàng và chào tạm biệt Ruth trước khi trở về phòng làm việc của mình. Bình thường thì Ruth cũng sẽ trở về văn phòng của bà, điền vào các giấy tờ có liên quan, kiểm tra các tin nhắn và kết thúc ngày làm việc. Nhưng đây không phải là một công việc bình thường. Bà ngồi trong xe và đợi cho đến khi tất cả hành lý của các hành khách đã được đưa lên máy bay và khoang hàng đã được khoá lại. Bà vẫn chưa cho xe chuyển bánh, thậm chí cả khi chiếc máy bay đã bắt đầu chạy trên đường băng. Bà đợi cho đến khi chiếc máy bay đã rời khỏi mặt đất rồi mới gọi điện tới New York cho Leapman. Thông điệp của bà rất ngắn gọn. “Kiện hàng đang trên đường tới đích”.

Jack cảm thấy ngạc nhiên. Anh đã theo dõi Anna khi cô bước ra sảnh, đổi tiền ở quầy của Travelex và đứng vào hàng chờ tắc xi. Xe của Jack đã đỗ ở bên kia đường với hai kiện hành lý, máy nổ sẵn. Anh chờ chiếc tắc xi của Anna chạy qua.

“Đi đâu vậy, anh bạn”, người tài xế hỏi.

“Tôi cũng chưa biết”, Jack thú nhận, “nhưng tôi cá là sẽ tới kho gửi hàng”. Jack nghĩ là Anna sẽ cho xe chạy thẳng tới kho gửi hàng để lấy kiện hàng mà người tài xế tắc xi của cô đã gửi đi từ Bucharest.

Nhưng Jack đã lầm. Thay vì rẽ phải, khi tấm biển lớn màu xanh chỉ đường tới kho hàng hiện ra trước mắt họ, chiếc tắc xi của Anna ngoặt trái và tiếp tục chạy về phía Tây theo đường M25.

“Cô ta không tới kho hàng, anh bạn ạ, bây giờ anh cá là cô ta đi đâu, Gatwick chẳng?”.

“Thế chiếc thùng ấy đựng gì?”, Jack hỏi.

“Tôi biết thế nào được, anh bạn”.

“Ôi, tôi ngu quá đi mất”, Jack nói.

“Tôi không có nhận xét gì về điều đó, anh bạn ạ, nhưng sẽ tốt hơn nếu tôi biết chúng ta đang đi tới đâu”.

Jack cười. “Tôi nghĩ đó sẽ là Lâu đài Wentworth”.

“Đúng thế, anh bạn”.

Jack cố gắng thư giãn, nhưng cứ mỗi khi anh liếc nhìn vào gương chiếu hậu, anh lại càng tin chắc rằng có một chiếc tắc xi nữa cũng đang bám theo Anna. Có một hình người mờ mờ ngồi ở hàng ghế sau trên chiếc tắc xi kia. Tại sao cô ta vẫn không buông tha Anna, dù chắc chắn là bức tranh đã được gửi lại tại kho hàng?

Khi chiếc tắc xi chở anh rẽ khỏi đường M25 và chạy vào con đường dẫn tới Wentworth, chiếc tắc xi kia tiếp tục chạy thẳng về hướng Gatwick.

“Suy cho cùng thì anh cũng không đến nổi ngốc như anh tưởng đâu, anh bạn ạ. Có vẻ như đúng là Wentworth”.

“Ừ, nhưng tôi bị hoang tưởng”, Jack thú nhận.

“Quyết định đi, anh bạn”, người lái xe nói khi chiếc tắc xi của Anna rẽ vào cổng Lâu đài Wentworth và mất hút sau khúc cua. “Anh bạn có muốn tôi tiếp tục bám theo không?”.

“Không”, Jack nói. “Nhưng tôi cần tìm một chỗ để ngủ qua đêm. Anh có biết khách sạn nào quanh đây không?”.

“Khi giải gôn khai mạc, tôi đưa rất nhiều khách đến Wentworth Arms. Vào mùa này trong năm, chắc họ có thể thu xếp cho anh bạn một phòng”.

“Vậy thì đi tới đó”, Jack nói.

“Ok, anh bạn”.

Jack ngả người ra ghế và bấm một số điện thoại.

“Đại sứ quán Mỹ”.

“Xin cho gặp Tom Crasanti”.

Khi Krantz tỉnh dậy sau cuộc phẫu thuật, điều đầu tiên mà cô ta nhận thấy là cảm giác đau buốt ở vai phải. Cô ta cố nhấc đầu khỏi gối vài inch và nhìn quanh căn phòng nhỏ được sơn trắng: chỉ có những đồ vật thật cần thiết - một chiếc giường, một chiếc tủ, một tấm ga, một chiếc chăn và một chiếc quạt nhỏ để giường. Chắc là bệnh viện, nhưng không phải là bệnh viện tư, bởi vì không có cửa sổ, không có hoa, không đồ ăn thức uống. Krantz cố nhớ lại những gì đã xảy ra với cô ta. Cô ta nhớ là khẩu súng của người tài xế tắc xi đã chĩa thẳng vào tim cô ta, và chỉ nhớ được có thế. Cô ta chỉ có đủ thời gian để quay đi 1 inch, không hơn, trước khi viên đạn xé bả vai cô ta. Chưa bao giờ cô ta phải đối mặt với thần chết ở cự ly gần đến thế. Viên đạn thứ hai bị trượt hoàn toàn, nhưng cô ta đã có được khoảng thời gian một giây giữa hai lần bắn của người tài xế tắc xi, đủ để cô ta cắt đứt họng ông ta.

Chắc chắn ông ta là một người trong nghề, một cựu sỹ quan cảnh sát, cũng có thể là một cựu binh. Cô ta chỉ nhớ được có thế, bởi vì sau khi kịp cắt họng ông già, chắc chắn cô ta đã ngất đi.

Jack đăng ký ngủ qua đêm tại Wentworth Arms, và đặt một bàn ăn tối vào lúc 8 giờ. Sau khi tắm rửa và thay quần áo, anh mong đợi phút giây được nghiêng ngấu một tảng bít tết to dày. Cho dù chắc chắn Anna đã ngủ lại Lâu đài Wentworth, Jack vẫn không thể yên tâm khi anh nghĩ tới chuyện Người Lùn có thể đang lảng vảng đâu đây. Anh đã yêu cầu Tom thông báo cho cảnh sát địa phương, trong khi bản thân anh vẫn tiếp tục tự mình theo dõi. Anh ngồi trong phòng đợi, nhắm nháp một cốc Guinness và nghĩ về Anna. Trước khi đồng hồ điểm 8 giờ, Tom bước vào, nhìn quanh và thấy bạn mình đang ngồi gần lò sưởi. Jack đứng dậy chào anh ta, và xin lỗi vì đã lôi anh ta xuống Wentworth trong khi nhẽ ra anh ta đã được hưởng một buổi tối vui vẻ với câu lạc bộ Chloe và Hank.

“Một khi quán này có thể chế được món đồ uống Tom Collins ngon lành thì cậu sẽ không phải nghe lời phàn nàn của tớ”, Tom trả lời.

Tom đang giải thích với Jack về lịch sử hơn nửa thế kỷ của câu lạc bộ Hank thì người phục vụ bàn bước tới và ghi các món mà hai người gọi. Cả hai cùng chọn bít tết, nhưng với tư cách là một người Texas, Tom thú nhận anh vẫn không thể nào quen với kiểu bít tết của Anh quốc, vì theo anh thì bít tết bò của Anh quốc trông giống như được làm từ thịt cừu.

“Tôi sẽ gọi cho hai anh”, người phục vụ bàn nói, “ngay khi bàn ăn sẵn sàng”.

“Cảm ơn”, Jack nói, trong khi Tom cúi xuống và mở cặp ra. Anh ta lấy ra một tập hồ sơ dày và đặt lên bàn. Chuyện phiếm chưa bao giờ là sở trường của anh ta.

“Hãy bắt đầu bằng những tin quan trọng trước nhé”, Tom vừa nói vừa mở tập hồ sơ ra. “Bọn mình đã xác định được người phụ nữ trong bức ảnh mà cậu gửi tới từ Tokyo”. Jack bỏ cốc đồ uống xuống và tập trung vào nội dung của tập hồ sơ. “Tên cô ta là Olga Krantz, và cô ta có một điểm chung với Tiến sỹ Petrescu”.

“Đó là gì vậy?”, Jack hỏi.

“Mọi người cũng nghĩ rằng cô ta đã mất tích, có thể đã chết. Như cậu có thể thấy trong hồ sơ về cô ta”, Tom vừa nói thêm vừa đẩy một tờ giấy qua bàn, “chúng ta đã mất dấu cô ta vào năm 1989, khi cô ta không còn là vệ sỹ của Ceaurescu nữa. Nhưng bây giờ thì có thể kết luận cô ta hiện nay đang làm việc cho Fenston”.

“Chỉ là suy diễn”, Jack nói, cùng lúc đó, người hầu bàn đem đến một ly Tom Collins và một cốc Guinness.

“Không phải thế, nếu cậu xem xét các sự kiện một cách logic”, Tom nói, “và nối kết các chi tiết lại với nhau”, anh ta nói thêm rồi nhấp một ngụm rượu, “Ừm, không phải tồi. Suy cho cùng, cô ta và Fenston có thời cùng làm việc cho Ceausescu”.

“Chỉ là trùng hợp”, Jack nói. “Không thể đứng vững trước toà”.

“Có thể, nếu cậu biết rõ công việc của cô ta”.

“Cậu thử nói xem nào”, Jack nói.

“Cô ta có nhiệm vụ loại bỏ bất kỳ ai có thể gây nguy hiểm cho Ceausescu”.

“Vẫn chỉ là suy diễn”.

“Cho đến khi cậu phát hiện ra cách thức giết người của cô ta”.

“Một con dao làm bếp?”, Jack hỏi mà không nhìn xuống tờ giấy trước mặt.

“Cậu đoán đúng”, Tom nói.

“Nếu cậu đúng, thì còn một mắt xích nữa trong chuỗi logic này”.

“Gì vậy?”, Tom hỏi.

“Anna sẽ là nạn nhân tiếp theo của cô ta”

“Không, chuỗi logic bị vỡ ở chỗ này, bởi vì sáng nay Krantz đã bị bắt tại Bucharest.”

“Cái gì?”, Jack hỏi.

“Cảnh sát địa phương đã bắt giữ cô ta”, Tom nói thêm.

“Khó có thể tin là họ lại tiếp cận được cô ta, dù là cách một dặm”, Jack nói. “Tớ luôn bị mất dấu cô ta ngay cả khi tớ biết cô ta đang ở đâu”.

“Cảnh sát địa phương thừa nhận rằng”, Tom nói, “cô ta lúc đó đang bị bắt tỉnh”.

“Cho tớ biết chi tiết đi”, Jack nói một cách nôn nóng.

“Có vẻ như, và người ta vẫn đang gửi thêm các báo cáo bổ sung khi tớ rời đại sứ quán, là Krantz đã cãi cò với một người tài xế tắc xi. Trong túi ông này có 500 đôla. Ông ta đã bị cắt đứt họng, còn cô ta thì bị dính đạn vào vai. Chúng ta không biết lý do của vụ việc này, nhưng vì ông ta bị giết chỉ vài phút trước khi cậu cất cánh, bọn tớ nghĩ cậu có thể giúp làm rõ chuyện này”.

“Chắc Krantz muốn biết Anna sẽ đi chuyến bay nào, nhưng ông già kia sẽ không đời nào nói cho cô ta biết. Ông ta bảo vệ Anna giống như một người cha bảo vệ cho con gái mình, và 500 đôla chỉ là trùng hợp. Krantz không bao giờ giết người vì một món tiền nhỏ như thế. Và người tài xế tắc xi này không phải là phường lừa đảo khách hàng”.

“Dù thế nào thì bây giờ Krantz cũng đã bị khoá chặt. Nếu may mắn, cô ta sẽ được ngồi tù cho

đến hết đời. Nhưng chắc cô ta khó có thể gặp may như thế, bởi vì một nửa nước Romania muốn bóp cổ cô ta”. Tom liếc nhìn xuống tập hồ sơ. “Và hoá ra người tài xế tắc xi kia là Đại tá Sergei Slatinaru, một người anh hùng trong cuộc nổi dậy”. Tom uống một hớp bia trước khi nói thêm, “Vậy là cậu không còn phải lo lắng cho sự an toàn của Petrescu nữa”.

Người hầu bàn xuất hiện và mời hai người bọn họ vào phòng ăn.

“Cũng giống như phần lớn người Romania, tớ chỉ có thể yên tâm khi tận mắt thấy Krantz đã chết”, Jack nói. “Nếu không, tớ vẫn còn lo cho Anna”.

“Hay mời cô ta tới đây với bọn mình?”.

“Quên chuyện đó đi, chắc lúc này cô ta đang ăn tối với Phu nhân Arabella tại Lâu đài Wentworth”.

Một người hầu bàn đặt một bát xúp khoai tây trước mặt Tom và một đĩa xa lát Caesar trước mặt Jack.

“Có thêm tin gì về Anna không?”.

“Không nhiều”, Tom thú nhận, “nhưng tớ có thể nói cho cậu biết rằng cô ta đã gọi cho Sở cảnh sát New York từ sân bay Bucharest. Cô ta yêu cầu họ gạch tên mình ra khỏi danh sách những người mất tích, nói rằng cô ta đang ở Romania thăm mẹ mình. Cô ta cũng gọi cho bác mình ở Danville, Illinois, và Phu nhân Arabella ở Lâu đài Wentworth”.

“Vậy thì cuộc gặp của cô ta ở Tokyo hẳn là đã thất bại”, Jack nói.

“Cậu phải giải thích chuyện đó cho tớ nghe”, Tom nói.

“Cô ta đã có một cuộc gặp gỡ tại Tokyo với một nhà tài phiệt trong ngành thép gọi là Nakamura, ông ta có một bộ sưu tập tranh ấn tượng lớn nhất thế giới, theo lời của người gác cửa tại khách sạn Seiyo cho tớ biết”. Jack dừng lại. “Chắc chắn là cô ta đã không bán được bức tranh Van Gogh cho Nakamura, và vì thế cô ta đã đưa bức tranh trở lại London, và từ đó gửi sang New York”.

“Có thể là như thế”, Tom vừa nói vừa lấy một tờ giấy từ tập hồ sơ ra. “Tiện đây xin nói thêm, cô ta đang bị hãng Happy Hire truy tìm. Họ nói rằng cô ta đã để một chiếc xe của họ lại biên giới Canada, mất chặn bừa trước, mất cả hai thanh ba đòn sóc, tất cả các bóng đèn đều cháy”.

“Đó chỉ là chuyện vặt”, Jack nói.

“Cậu phải lòng cô gái này à?”, Tom hỏi.

Jack không trả lời. Người hầu bàn xuất hiện bên cạnh họ. “Hai bát tét, một tái, một chín”, anh ta nói.

“Tái là của tớ”, Tom nói.

Người hầu bàn đặt hai chiếc đĩa xuống rồi nói: “Chúc ngon miệng”.

“Lại thêm một lối nói mà người Mỹ đã xuất khẩu”, Tom cắn nhai.

Jack mỉm cười. “Cậu có biết thêm gì về Leapman không?”

“Ồ, có”, Tom nói. “Chúng ta đã biết thêm nhiều điều về Leapman”. Anh ta liếc nhìn một tập hồ sơ khác trên bàn. “Ông ta là người Mỹ, thế hệ thứ hai, và học luật ở đại học Colombia. Không giống như cậu”, Tom vừa nói vừa cười nhả nhỏ. “Sau khi tốt nghiệp, ông ta làm việc cho nhiều ngân hàng, thường là thăng tiến rất nhanh, cho đến khi ông ta dính vào một vụ lừa đảo. Ngón nghề của ông ta là bán trái phiếu cho những bà quả phụ không có thật”. Tom dừng lại. “Quả phụ thì có thật, trái phiếu thì không có thật”. Jack cười, “ông ta ngồi tù hai năm tại Trung tâm Cải tạo Rochester ở New York, và bị cấm hành nghề suốt đời tại bất kỳ một ngân hàng hay một tổ chức tài chính nào”.

“Nhưng ông ta là cánh tay phải của Fenston?”.

“Đúng là của Fenston, nhưng không phải của ngân hàng Fenston Finance. Tên của ông ta không xuất hiện trong bảng lương của họ, dù là với tư cách người quét dọn. Ông ta đóng thuế thu nhập cá nhân đối với khoản tiền mà ông ta nhận hàng tháng từ một bà cô của mình ở Mêhicô”.

“Thôi đi nào...”, Jack nói.

“Và cho dù cậu có nói gì, phòng của mình vẫn chưa tìm ra bất cứ một đầu mối nào cho thấy bà cô ấy thực sự tồn tại hay không”.

“Có mối quan hệ nào với người Romania không?”, Jack vừa hỏi vừa cắt bút tất.

“Không, với những gì chúng ta biết”, Tom nói.

“Leapman có thể sẽ là đầu mối tốt nhất của chúng ta”, Jack nói. “Giá mà chúng ta có thể tóm ông ta để khai thác...”.

“Không có hy vọng”, Tom nói. “Kể từ khi ra tù, ông ta hết sức cẩn thận, thậm chí ông ta còn chưa bao giờ bị phạt vì tội đỗ xe không đúng quy định, và tớ nghĩ rằng ông ta còn sợ Fenston hơn cả sợ chúng ta”.

“Giá mà Hoover còn sống”, Jack nhả nhỏ nói.

Cả hai người cùng nâng cốc, trước khi Tom nói thêm, “Vậy khi nào cậu bay về Mỹ? Tớ hỏi như thế để biết khi nào thì tớ có thể quay trở lại với công việc hàng ngày”.

“Ngày mai, tớ nghĩ thế”, Jack nói. “Bây giờ khi Krantz đã bị bắt, tớ cần phải quay trở lại New York. Macy chắc sẽ muốn biết tớ có tìm ra mối quan hệ nào giữa Krantz và Fenston hay không”.

“Và cậu có tìm ra không?”, Tom hỏi. Cả Jack lẫn Tom không ai chú ý tới hai người đàn ông đang nói chuyện với người trưởng nhóm hầu bàn. Chắc chắn không phải họ đang đặt bàn, bởi vì họ không để áo khoác lại quầy tiếp tân. Sau khi người trưởng nhóm hầu bàn đã trả lời câu hỏi của họ, họ đi thẳng qua phòng ăn.

Tom đang cho các tập hồ sơ vào cặp của mình thì hai người bạn họ bước tới bên bàn.

“Xin chào các ông”, người cao lớn hơn nói. “Tôi là Thám tử, Trung sỹ Frankman, còn đây là đồng nghiệp của tôi, Thám tử, Hạ sỹ Ross. Tôi xin lỗi vì đã làm hỏng bữa ăn của các ông, nhưng tôi cần nói đôi lời với ông”, anh ta vừa nói vừa chạm tay vào vai Jack.

“Tại sao, tôi đã làm gì?”, Jack vừa hỏi vừa đặt dao và đĩa xuống. “Đỗ xe trên vạch vàng đôi à?”.

“Tôi e là nghiêm trọng hơn thế, thưa ông”, viên trung sỹ nói, “và vì vậy tôi phải mời ông về

đồn”.

“Vì tội gì?”, Jack hỏi.

“Tôi nghĩ sẽ là khôn ngoan hơn nếu chúng ta không tiếp tục nói chuyện ở một quán ăn đông người”.

“Và theo lệnh của ai...”.

“Tôi nghĩ ông không nên tham dự vào chuyện này”.

“Đó là quyền của tôi”, Tom nói và móc phù hiệu FBI từ túi áo trong ra. Anh ta vừa định mở chiếc ví da ra thì Jack chạm vào khuỷu tay anh và nói, “Không nên gây chú ý. Không nên để Cục phải dính líu vào chuyện này”.

“Bọn người này nghĩ họ đang nói chuyện với...”.

“Thôi nào, Tom. Đây không phải là nước Mỹ. Tớ sẽ đi với họ tới đồn cảnh sát để giải quyết chuyện này”. Tom miễn cưỡng cho tẩm phù hiệu FBI vào túi áo, và cho dù anh ta không nói gì, khuôn mặt của anh ta nói rõ với hai người cảnh sát kia cảm xúc của anh ta. Khi Jack đứng lên, viên trung sỹ ngay lập tức cho còng vào tay anh.

“Này, có thật cần thiết phải làm thế không?”, Tom nói.

“Tom, đừng can dự vào chuyện này”, Jack nói bằng một giọng ôn hoà.

Tom miễn cưỡng theo Jack ra khỏi phòng ăn, qua một căn phòng đầy khách, những người chăm chú nói chuyện và ăn uống như thể không có chuyện gì bất thường xảy ra quanh họ. Khi ra tới cửa, Tom nói, “Cậu có cần tớ cùng đi tới đồn cảnh sát không?”.

“Không”, Jack trả lời, “tại sao cậu không ở lại. Đừng lo, tớ sẽ về kịp giờ để uống cà phê”.

Có hai người phụ nữ nhìn Jack chằm chằm từ phía bên kia hành lang.

“Có phải anh ta không, thưa bà?”.

“Đúng là anh ta”, một trong hai người phụ nữ ấy khẳng định.

Khi Tina nghe thấy tiếng mở cửa, chị ngay lập tức tắt màn hình theo dõi. Chị không nhìn lên, bởi vì chỉ có một người không bao giờ gõ cửa khi bước vào phòng chị.

“Tôi nghĩ cô biết Petrescu đang trên đường trở về New York?”.

“Tôi đã nghe nói”, Tina vừa nói vừa tiếp tục đánh máy.

“Nhưng cô có nghe nói rằng”, Leapman đặt cả hai tay lên bàn chị, “cô ta đã tìm cách đánh cắp bức tranh Van Gogh?”.

“Bức tranh trong phòng chủ tịch à?”, Tina hỏi một cách ngây thơ.

“Đừng vờ vịt với tôi”, Leapman nói. “Cô nghĩ tôi không biết là cô nghe lỏm mọi cuộc nói chuyện điện thoại của chủ tịch à?”. Tina ngừng đánh máy và nhìn lên. “Có lẽ đã đến lúc báo cho ngài Fenston biết về nút chuyển mạch dưới bàn làm việc của cô, và việc cô có thể theo dõi chủ tịch mỗi khi ông ấy nói chuyện với bất kỳ ai trong văn phòng”.

“Ông dọa tôi đấy à, ông Leapman?”, Tina hỏi. “Bởi vì nếu thế, tôi cũng có chuyện muốn nói với chủ tịch”.

“Và tại sao tôi lại phải quan tâm tới chuyện của cô?”, Leapman hỏi.

“Về những cuộc điện thoại mà hàng tuần ông nhận được từ một người tên là Pickford, và có thể chúng ta sẽ biết ai là người đang vờ vịt”. Leapman bỏ tay ra khỏi bàn và đứng thẳng dậy.

“Tôi nghĩ cơ quan điều tra sẽ rất quan tâm khi biết rằng ông đã quấy rối nhân viên của một ngân hàng mà ông không làm việc cho nó, không có văn phòng trong đó, và không nhận lương của ngân hàng ấy”.

Leapman lùi lại một bước.

“Lần sau tới thăm tôi, ông Leapman, ông hãy gõ cửa, như bất kỳ một vị khách nào của ngân hàng”.

Leapman lùi lại một bước nữa, lưỡng lự, rồi bước ra ngoài mà không nói lấy một lời.

Khi cánh cửa đóng lại, Tina run tới mức chị phải nắm chặt lấy tay ghế.

Khi chiếc xe cảnh sát trở về đồn, Jack bị đẩy xuống xe. Sau khi viên trung sỹ trực ban đã ghi tên anh, hai viên thám tử đưa anh xuống cầu thang tới phòng thẩm vấn. Trung sỹ Frankham bảo anh ngồi xuống một chiếc ghế đối diện với anh ta qua bàn làm việc. Một chuyện mà Jack chưa từng trải qua bao giờ. Hạ sỹ Ross đứng yên lặng ở một góc.

Jack băn khoăn không hiểu ai trong hai người bọn họ sẽ chứng minh được rằng mình là một cảnh sát giỏi hơn.

Trung sỹ Frankham ngồi xuống, đặt một tập hồ sơ lên bàn và lấy ra một tờ khai mẫu.

“Tên?”, Frankham bắt đầu.

“Jack Fitzgerald Delaney”, Jack đáp. “Ngày sinh?”.

“22 tháng 10 1963”.

“Nghề nghiệp?”.

“Sỹ quan điều tra cao cấp của FBI, văn phòng New York”.

Viên trung sỹ bỏ bút xuống, nhìn lên và nói: “Ông có mang thẻ không?”. Jack đưa thẻ FBI và chứng minh thư của anh cho anh ta.

“Cảm ơn ông”, Frankham nói sau khi đã xem kỹ hai tấm thẻ. “ông có thể chờ ở đây một lát được không?”.

Anh ta đứng dậy và quay sang người đồng nghiệp của mình. “Anh có thể mời Đặc vụ Delaney một cốc cà phê không? Chuyện này cần phải mất chút thời gian”. Khi ra tới cửa, anh ta nói thêm, “Và hãy giúp ông ấy thắt lại caravat, dây lưng và dây giày nhé”. Hoá ra trung sỹ Frankham nói đúng, bởi vì một giờ sau chiếc cánh cửa nặng nề mới mở ra và một người lớn tuổi hơn có nước da đen sạm bước vào. Ông ta mặc một bộ đồng phục được cắt may cẩn thận, có viền bạc trên ống tay, ngù vai, và mũ. Ông ta bỏ mũ ra và để lộ một mái tóc muối tiêu, rồi ngồi xuống chiếc ghế đối diện với Jack.

“Xin chào ông Delaney. Tôi là Renton, Chánh thanh tra Renton, và bây giờ khi chúng tôi đã kiểm tra lại thông tin về ông, xin ông làm ơn trả lời một vài câu hỏi của chúng tôi”.

“Nếu tôi có thể”, Jack nói.

“Tôi nghĩ là ông có thể”, Renton nói.

“Vấn đề là ông có muốn hay không”. Jack không trả lời.

“Chúng tôi đã nhận được lời phàn nàn từ một nguồn tin đáng tin cậy rằng trong suốt tuần qua, ông đã bám theo một phụ nữ mà không báo trước cho cô ta biết. Điều này vi phạm điều luật chống quấy rối đã được áp dụng ở nước Anh từ năm 1997, mà chắc chắn là ông cũng biết. Tuy nhiên, tôi nghĩ là ông có một lời giải thích đơn giản”.

“Tiến sỹ Petrescu liên quan đến một cuộc điều tra đang được tiến hành, mà phòng của tôi đã tham gia trong một thời gian”.

“Cuộc điều tra ấy có liên quan gì tới cái chết của Phu nhân Victoria Wentworth hay không?”.

“Có”, Jack trả lời.

“Và Tiến sỹ Petrescu bị tình nghi là thủ phạm giết người?”.

“Không”, Jack trả lời một cách quả quyết. “Rất may là kẻ sát nhân đã bị bắt tại Bucharest”.

“Và ông cảm thấy không thể chia sẻ thông tin này với chúng tôi?”, Renton nói. “Bất chấp thực tế là các ông biết chúng tôi cũng đang tiến hành điều tra vụ này”.

“Tôi xin lỗi, thưa ngài”, Jack nói. “Chính tôi cũng mới đi đến kết luận vài giờ trước. Nhưng tôi tin chắc văn phòng London của chúng tôi sẽ thông báo cho các ngài”.

“Ông Tom Crasanti đã thông báo vắn tắt với tôi, nhưng tôi nghĩ ông ta làm chuyện đó chỉ vì đồng nghiệp của mình đang bị tạm giữ”. Jack không nói gì. “Nhưng đúng là ông ta có khẳng định với tôi rằng các ông sẽ thông báo diễn tiến của vụ điều tra này cho chúng tôi”. Một lần nữa, Jack không nói gì. Viên chánh thanh tra cảnh sát đứng dậy. “Tạm biệt, ông Delaney. Tôi đã ra lệnh thả ông ngay lập tức, và hy vọng ông có một chuyến bay an toàn về nước”.

“Cảm ơn ngài”, Jack nói khi Renton đội mũ lên và rời khỏi phòng.

Jack cảm thấy thông cảm với viên chánh thanh tra. Suy cho cùng, NYPD, chưa nói gì tới CIA, cũng hiếm khi cho FBI biết họ đang làm gì. Một lát sau, trung sỹ Frankham quay trở lại.

“Mời ông đi theo tôi”, anh ta nói, “chúng tôi đã cho xe chờ để đưa ông về khách sạn”.

“Cảm ơn”, Jack nói rồi đi theo viên trung sỹ ra khỏi phòng, leo lên cầu thang và bước ra phòng tiếp tân. Viên trung sỹ trực ban cúi chào khi anh bước ra khỏi tòa nhà. Jack bắt tay với trung sỹ Frankham. Anh ta có vẻ xấu hổ. Rồi Jack lên chiếc xe của cảnh sát đang đỗ ở trước cổng. Tom đã ngồi sẵn ở ghế sau.

“Thêm một bài tập thảo luận để Quantico đưa vào giáo trình của mình”, Tom nói đùa. “Lần này là về việc làm thế nào để gây ra những vụ việc nghiêm trọng trong quan hệ ngoại giao với một đồng minh lâu năm nhất”.

“Có lẽ tớ đã thêm nét nghĩa cho cụm từ mối quan hệ đặc biệt”, Jack nói. “Tuy nhiên, kẻ bị cáo buộc sẽ có cơ hội để lấy lại danh dự”, Tom nói.

“Cậu có gì trong đầu đấy?”, Jack hỏi. “Chúng ta đã được mời tới Lâu đài Wentworth để dùng bữa sáng với Phu nhân Arabella và Tiến sỹ Petrescu, và này, tớ đã biết tại sao cậu lại phải lòng Anna”.

Jack ra khỏi quán trọ Wentworth Arms lúc 7 giờ 30 phút. Một chiếc Rolls-Royce đã chờ sẵn ở cổng. Người tài xế mở cửa sau xe ngay khi vừa trông thấy anh.

“Xin chào ngài”, anh ta nói. “Phu nhân Arabella muốn tôi nói với ngài rằng Phu nhân đang rất mong chờ được đón tiếp ngài”.

“Tôi cũng vậy”, Jack vừa nói vừa bước lên xe.

“Chúng ta sẽ về tới Lâu đài trong vòng vài phút”, người tài xế nói khi anh ta cho xe chạy ra khỏi cổng quán trọ.

Sau khi cho xe dừng lại trước đại sảnh của tòa Lâu đài, người tài xế nhảy xuống và bước lại mở cửa sau cho Jack. Anh bước xuống con đường rải sỏi và nhìn lên. Người quản gia đang đứng trên bậc thềm cao nhất để chờ anh.

“Xin chào ngài”, ông ta nói, “chào mừng ngài đã tới Lâu đài Wentworth. Xin mời ngài đi theo tôi, Phu nhân Arabella đang chờ ngài”.

“Một nguồn tin đáng tin cậy”, Jack lẩm bẩm. Không hiểu người quản gia có nghe anh nói gì không, nhưng ông ta không bình luận gì trong lúc dẫn vị khách tới phòng khách.

“Ngài Delaney, thưa Phu nhân”, người quản gia nói. Hai con chó đứng dậy vẫy đuôi chào anh.

“Xin chào ông Delaney”, Arabella nói. “Tôi nghĩ chúng tôi nợ ông một lời xin lỗi vì sự nhầm lẫn của mình”.

Jack nhìn Anna chăm chăm. Trông cô có vẻ xấu hổ. Rồi anh quay sang Tom. Anh ta đang cười nhún nhún. Andrews xuất hiện ở cửa. “Bữa sáng đã chuẩn bị xong, thưa Phu nhân”.

Khi Krantz tỉnh dậy lần thứ hai, một vị bác sỹ trẻ đang thay băng cho cô ta.

“Mất bao lâu thì tôi mới có thể hồi phục hoàn toàn?” là câu hỏi đầu tiên của cô ta.

Viên bác sỹ có vẻ giật mình khi lần đầu tiên anh ta nghe thấy giọng nói của Krantz - một cái giọng the thé không hợp với những câu chuyện về cô ta. Anh ta không trả lời cho đến khi đã cắt xong một đoạn băng băng đôi kéo trong tay.

“Ba, cùng lắm là bốn ngày”, viên bác sỹ vừa đáp vừa nhìn cô ta. “Nhưng tôi sẽ không muốn xuất viện sớm, nếu tôi là cô, bởi vì sau khi tôi ký giấy xuất viện cho cô, điểm dừng chân tiếp theo của cô sẽ là Jilava, một nơi mà tôi tin là cô đã quá quen kể từ thời cô còn phục vụ chế độ cũ”. Krantz không thể quên tòa nhà với những bức tường bằng đá, đầy chuột cống mà đêm nào cô ta cũng viếng thăm để tra khảo những tù nhân mới nhất trước khi trở về ngôi nhà đầy đủ tiện nghi của cô ta ở ngoại ô thành phố.

“Tôi nghe nói các tù nhân ngày xưa rất muốn gặp lại cô sau một thời gian cô vắng mặt lâu như vậy”, viên bác sỹ nói thêm. Anh ta cúi xuống, cầm lấy mép dải băng rộng trên vai cô ta. “Hơi đau đấy”, anh ta nói rồi giật mạnh bằng một cử chỉ dứt khoát. Krantz không hề rên la. Cô ta

không thể để cho viên bác sỹ được hưởng niềm vui chứng kiến sự đau đớn của mình.

Viên bác sỹ cho iodine vào vết thương trước khi đặt lên đó một dải băng mới. Sau đó anh ta băng lại vết thương một cách thành thực và đặt cánh tay phải của cô ta vào một sợi dây đeo.

“Có bao nhiêu lính gác?”, cô ta làm như tình cờ hỏi.

“Sáu, và tất cả đều có vũ khí”, viên bác sỹ nói, “và để đề phòng cô tìm cách tẩu thoát, họ đã được lệnh bắn trước rồi báo cáo sau. Tôi cũng đã chuẩn bị trước một giấy chứng tử để họ chỉ việc ký vào”.

Krantz không hỏi gì thêm.

Khi viên bác sỹ đã ra khỏi phòng, cô ta cứ nằm yên và nhìn chăm chăm lên trần nhà. Nếu muốn trốn thoát, cô ta phải tìm cơ hội khi vẫn còn nằm trong bệnh viện. Không ai có thể trốn thoát khỏi nhà tù Jilava, kể cả Ceausescu.

8 tiếng đồng hồ sau đó, cô ta đã khẳng định được rằng lúc nào cũng có sáu lính gác, và có ba ca gác. Ca thứ nhất bắt đầu lúc 6 giờ, ca thứ hai lúc 2 giờ, và ca đêm bắt đầu lúc 10 giờ.

Sau một đêm dài không ngủ, Krantz đã phát hiện ra rằng toán lính gác đêm có vẻ như quá tin tưởng vào đội ngũ đông đảo của họ. Một người trong bọn họ ngủ gà ngủ gật suốt đêm. Một người khác thường lên ra ngoài để hút thuốc - không được phép hút thuốc trong bệnh viện. Người thứ ba là một anh chàng chỉ thích tán gái, một người nghĩ rằng mình sinh ra là để làm vui lòng mọi phụ nữ. Anh ta không bao giờ đứng cách xa các nữ hộ lý vài bước chân. Người thứ tư thì dành phần lớn thời gian để phàn nàn về khoản tiền lương ít ỏi của mình và khả năng tiêu tiền của bà vợ. Krantz biết mình có thể giải quyết vấn đề của anh ta nếu cô ta có cơ hội. Hai người lính gác còn lại thì cao tuổi hơn, và biết quá rõ cô ta từ thời chế độ cũ. Một trong hai người đó sẵn sàng bắn vỡ đầu cô ta nếu cô ta nhắc đầu lên khỏi gối. Nhưng kể cả hai người đó cũng cần phải ăn.

Jack ngồi xuống và dùng bữa sáng với trứng, thịt muối, cật nướng, nấm và cà chua, tiếp đến là bánh mì, mứt cam và cà phê.

“Chắc ông rất đói sau một thử thách như vậy”, Arabella nhận xét.

“Nếu không có Tom, chắc tôi sẽ phải chấp nhận cơm tù”.

“Và tôi e rằng chính tôi là người có lỗi”, Anna nói. “Bởi vì tôi đã chỉ điểm cho người ta bắt anh”, cô nói thêm và mỉm cười.

“Không đúng thế”, Tom nói. “Cô phải cảm ơn Arabella vì đã khiến Jack bị bắt, và cảm ơn Arabella vì đã giúp anh ấy được thả ra”.

“Không, tôi không dám nhận nhiều công trạng như thế đâu”, Arabella vừa nói vừa vuốt ve con chó đang nằm cạnh bà. “Tôi thừa nhận là đã yêu cầu người ta bắt Jack, nhưng chính ngài đại sứ của các ông là người đã giúp ông Jack được, gì nhỉ, theo cách nói của người Mỹ?, nhảy dù”.

“Nhưng có một điều mà tôi vẫn không hiểu”, Anna nói, “cho dù Tom đã nói cho chúng tôi biết mọi chi tiết. Là tại sao anh vẫn theo tôi tới Lâu đài Wentworth trong khi anh biết rằng tôi không còn giữ bức tranh?”.

“Bởi vì tôi nghĩ người phụ nữ đã giết người tài xế của cô sẽ đuổi theo cô tới London”.

“Nơi mà cô ta lập kế hoạch giết tôi?”, Anna trầm giọng hỏi. Jack gật đầu, nhưng không nói gì. “Lạy Chúa là tôi đã không bao giờ phải biết điều đó”, cô vừa nói vừa gạt đĩa thức ăn sang một bên.

“Nhưng đến lúc đó thì cô ta đã bị bắt vì tội giết chết Sergei?”, Arabella hỏi.

“Đúng thế”, Jack nói, “nhưng tôi không biết điều đó cho tới khi gặp Tom vào tối hôm qua”.

“Vậy là FBI cùng lúc cũng theo dõi luôn cả tôi?”, Anna vừa nói vừa quay sang nhìn Jack, lúc này đang phết bơ lên bánh mì.

“Trong một khoảng thời gian khá dài”, Jack thú nhận. “Có lúc, thậm chí chúng tôi còn băn khoăn không hiểu cô có phải là kẻ ám sát thuê hay không”.

“Dựa trên cơ sở nào?”, Anna hỏi. “Nghề tư vấn nghệ thuật là một bình phong tốt cho ai đó làm việc cho Fenston, đặc biệt nếu cô ta còn là một vận động viên, và tình cờ sinh ra tại Romania”.

“Và tôi bị điều tra trong bao lâu?”, Anna hỏi.

“Trong hai tháng qua”, Jack thú nhận. Anh nhấp một ngụm cà phê. “Thực tế là, chúng tôi vừa chuẩn bị khép hồ sơ về cô lại thì xảy ra chuyện cô đánh cắp bức tranh Van Gogh”.

“Tôi không đánh cắp nó”, Anna nói bằng một giọng gay gắt.

“Cô ấy tìm lại nó cho tôi, thay mặt tôi”, Arabella nói chen vào.

“Và bà vẫn hy vọng Fenston sẽ bán bức tranh để giúp bà thanh toán nợ nần?”.

“Không”, Arabella trả lời, hơi quá nhanh. “Đó là điều cuối cùng mà tôi muốn”.

Jack có vẻ ngạc nhiên.

“Ít nhất là cho đến khi cảnh sát tìm ra kẻ đã sát hại chị gái của Phu nhân”, Anna nói chen vào.

“Tất cả chúng ta đều biết kẻ nào đã sát hại chị gái tôi”, Arabella nói bằng một giọng căm thù, “và nếu kẻ đó bước qua đường của tôi, tôi sẽ bẻ gãy cổ nó”. Cả hai con chó cùng vểnh tai lên.

“Biết sự thực khác với việc chứng minh sự thực”, Jack nói.

“Vậy là Fenston sẽ thoát tội giết người”, Anna trầm giọng nói.

“Có lẽ đã nhiều lần, tôi ngờ là thế”, Jack thú nhận. “Cục đã vài lần đưa ông ta vào diện điều tra. Có bốn” anh dừng lại - “và bây giờ là năm vụ giết người mang dấu ấn của Krantz, ở những địa điểm khác nhau trên thế giới. Nhưng chúng ta vẫn chưa thể chứng minh mối quan hệ trực tiếp của cô ta với Fenston”.

“Krantz đã giết Victoria và Sergei”, Anna nói.

“Không nghi ngờ gì nữa”, Jack nói. “Và Đại tá Sergei Slatinaru là sỹ quan chỉ huy của cha cô”, Tom nói thêm, “đồng thời họ cũng là bạn thân của nhau”.

“Tôi sẽ làm tất cả những gì có thể”, Anna nói, giọng đầy nước mắt, “tôi muốn nói là tất cả”.

“Chúng tôi có một bước đột phá nhỏ”, Tom thừa nhận, “cho dù chúng tôi không biết là nó có dẫn tới đâu không. Khi Krantz bị đưa vào viện để các bác sỹ lấy viên đạn ra, thứ duy nhất người ta tìm thấy trên người cô ta, ngoài con dao và một ít tiền, là một chiếc chìa khoá”.

“Chắc chắn nó phải vừa với một ổ khoá nào đó ở Romania”, Anna nhận định.

“Chúng tôi không nghĩ như vậy”, Jack vừa nói vừa xúc một thìa nấm. “Nó có ký hiệu NYRC 13 trên đó. Không có nhiều hy vọng, nhưng nếu chúng tôi có thể tìm ra ổ khoá của nó, có thể điều đó sẽ giúp chúng tôi tìm ra mối quan hệ của cô ta với Fenston”.

“Vậy các anh có muốn tôi ở lại nước Anh trong khi các anh tiếp tục điều tra không?”, Anna hỏi.

“Không, tôi cần cô quay trở lại New York”, Jack nói. “Hãy để cho mọi người biết cô vẫn an toàn và mạnh khoẻ. Cứ tỏ ra bình thường, thậm chí là nên đi tìm việc. Đừng để cho Fenston nghi ngờ”.

“Tôi có nên tiếp xúc với các đồng nghiệp cũ trong văn phòng của ông ta không?”, Anna hỏi. “Bởi vì Tina, thư ký của Fenston, bạn thân nhất của tôi”.

“Cô có chắc chắn là như vậy không?”, Jack hỏi và bỏ thìa đĩa xuống.

“Ý anh là gì?”, Anna hỏi.

“Làm sao cô có thể giải thích chuyện Fenston luôn biết chính xác cô sắp làm gì, nếu Tina không nói cho ông ta biết?”.

“Tôi không biết”, Anna nói, “nhưng tôi biết chính xác rằng chị ấy cũng căm thù Fenston như tôi”.

“Cô có thể chứng minh được chuyện đó chứ?”, Jack hỏi.

“Tôi không cần phải có bằng chứng”, Anna nói bằng một giọng gay gắt.

“Còn tôi thì cần”, Jack nói một cách điềm đạm.

“Hãy cẩn thận, Jack, bởi vì nếu anh sai”, Anna nói, “tính mạng của chị ấy sẽ bị đe dọa”.

“Nếu thế, cô càng cần phải trở về New York và liên lạc với cô ta càng sớm càng tốt”, Tom nói để làm dịu bầu không khí.

Jack gật đầu đồng ý.

“Tôi đã đặt chỗ trên chuyến bay chiều nay”, Anna nói.

“Tôi cũng vậy”, Jack nói. “Heathrow à?”.

“Không, Stansted”, Anna nói.

“Này, thế thì một trong hai người phải đổi chuyến bay thôi”, Tom gợi ý.

“Không phải tôi”, Jack nói. “Tôi không muốn bị bắt lần thứ hai vì tội rình rập một phụ nữ”.

“Trước khi ra quyết định có nên đổi chuyến bay không”, Anna nói, “tôi cần phải biết mình có

còn nằm trong diện tình nghi và đang bị điều tra không. Bởi vì nếu tôi là kẻ bị tình nghi, anh vẫn có quyền theo dõi tôi”.

“Không”, Jack nói. “Tôi đã khép hồ sơ về cô cách đây vài ngày rồi”.

“Điều gì đã thuyết phục anh làm thế?”, Anna hỏi.

“Khi chị gái của Phu nhân Arabella bị giết, có một nhân chứng quan trọng có thể cung cấp chứng cứ ngoại phạm cho cô”.

“Và đó là ai vậy, liệu tôi có thể biết không?”.

“Tôi”, Jack đáp. “Bởi vì tôi đã theo dõi cô quanh công viên Central, nên cô không thể có mặt ở nước Anh được”.

“Anh chạy trong công viên Central à?”.

“Sáng nào cũng vậy, quanh đường chạy”, Jack nói. “Quanh hồ chứa nước vào các sáng Chủ nhật”.

“Tôi cũng vậy”, Anna nói. “Không bỏ ngày nào”.

“Tôi biết”, Jack nói. “Tôi đã vượt cô vài lần trong sáu tuần qua”.

Anna nhìn anh chăm chăm. “Người đàn ông mặc áo phông xanh ngọc”.

“Cô tuyệt lắm”.

“Anh không quá...”.

“Xin lỗi vì không tham dự được cuộc gặp gỡ của câu lạc bộ vận động viên điền kinh Central”, Tom nói và đẩy ghế ra sau, “nhưng tôi phải quay về văn phòng của mình. Có cả một chồng hồ sơ về vụ 11 /9 mà tôi thậm chí còn chưa có thời gian để mở. Cảm ơn Phu nhân về bữa sáng”, anh ta quay sang Arabella. “Tôi xin lỗi vì sáng nay ngài đại sứ đã quấy rầy bà vào lúc trời còn chưa sáng”.

“Điều này giúp tôi nhớ rằng”, Arabella vừa nói vừa đứng dậy khỏi ghế, “lôi phải viết nốt mấy bức thư, cảm ơn ngài đại sứ và xin lỗi một nửa lực lượng cảnh sát Surrey”.

“Thế còn tôi thì sao?”. Jack nói. “Tôi đang tính chuyện sẽ kiện Lâu đài Wentworth, cảnh sát Surrey và Bộ Nội vụ, có Tom làm nhân chứng”.

“Không có hy vọng”, Tom nói. “Tôi không muốn mất lòng Phu nhân Arabella”.

Jack mỉm cười. “Vậy thì chỉ cần cho tôi đi nhờ tới Wentworth Arms là đủ”.

“Đơn giản”, Tom nói.

“Và bây giờ, khi tôi đã cảm thấy an toàn nếu cùng đi với anh tới Heathrow”, Anna vừa nói vừa đứng dậy, “chúng ta sẽ gặp nhau ở đâu?”.

“Đừng lo”, Jack nói. “Tôi sẽ tìm thấy cô”.

Leapman được chở tới sân bay JFK để lấy bức tranh một giờ trước khi máy bay hạ cánh. Điều đó không ngăn được Fenston cứ mười phút lại gọi điện cho ông ta trên đường tới sân bay, và khi chiếc limousine đang trên đường trở lại Phố Wall cùng với chiếc thùng màu đỏ được khoá an toàn trong cốp xe, cứ năm phút Fenston lại gọi một lần.

Fenston đang đi đi lại lại trong phòng khi Leapman được thả xuống bên ngoài tòa nhà, và ông ta đang đợi ở hành lang khi Barry và người tài xế bước ra khỏi thang máy cùng với chiếc thùng màu đỏ.

“Mở ra”, Fenston ra lệnh, trước cả khi chiếc thùng được dựng vào tường trong văn phòng của ông ta. Barry và người lái xe mở những cái kẹp đặc biệt ra trước khi bắt đầu rút những chiếc đinh dài đã được vít chặt vào viền thùng, trong khi Fenston, Leapman và Tina đứng nhìn. Khi nắp thùng được mở và những lớp pôlixetiren ở bốn góc được bóc ra, Barry cẩn thận lấy bức tranh ra khỏi chiếc thùng gỗ và dựng nó lên vào bàn làm việc của Fenston. Ông ta lao tới và bắt đầu xé các lớp giấy bóng bằng đôi tay trần của mình, cho đến khi ông ta nhìn thấy thứ mà vì nó ông ta sẵn sàng giết người.

Fenston lùi lại và há hốc miệng. Không ai có mặt trong căn phòng dám mở miệng trước khi ông ta lên tiếng. Rồi bỗng nhiên ông ta nói một lời: “Đẹp hơn tôi tưởng. Màu sắc quá tươi, nét vẽ quá sắc. Đúng là một kiệt tác”. Leapman quyết định không bình luận.

“Tôi biết chính xác cần phải treo bức Van Gogh của tôi ở đâu”, Fenston nói.

Ông ta ngẩng lên và nhìn chăm chăm vào bức tường sau bàn làm việc của mình, nơi có treo một bức ảnh lớn chụp cảnh George W. Bush đang bắt tay ông ta trong lần ông ta tới thăm Bãi Trắng.

Anna nóng lòng chờ đợi chuyến bay trở về Mỹ, cùng cơ hội để tìm hiểu thêm về Jack trong hành trình dài bảy giờ đồng hồ. Cô thậm chí còn hy vọng rằng Jack sẽ trả lời một vài câu hỏi của mình. Làm thế nào mà anh ta có thể tìm được địa chỉ của mẹ cô, tại sao anh ta vẫn nghi ngờ Tina, và có bằng chứng nào cho thấy Fenston và Krantz có quan hệ với nhau?

Jack đang chờ Anna lúc cô bắt đầu làm thủ tục. Anna tranh thủ một chút thời gian để thư giãn bên người đàn ông đã bám theo cô trong suốt chín ngày, và điều tra cô trong tám tuần vừa qua. Đến khi họ bắt đầu bước lên các bậc cầu thang để lên máy bay, Jack đã biết rằng Anna là một fan hâm mộ của nhóm Knicks, thích mỳ ống của Ý và thích Dustin Hoffman, còn Anna thì biết rằng Jack cũng hâm mộ nhóm Knicks, rằng họa sỹ hiện đại mà anh ngưỡng mộ là Fernando Botero, và rằng không gì có thể thay thế món thịt hầm kiểu Ailen do mẹ anh nấu.

Anna đang băn khoăn không hiểu Jack có thích phụ nữ mập không thì thấy anh gục đầu vào vai cô. Vì cô là nguyên nhân khiến anh mất ngủ, Anna cảm thấy cô không có lý do gì để phàn nàn. Cô nhẹ nhàng đẩy đầu anh ra, cố không làm anh thức giấc. Cô bắt đầu liệt kê một loạt những việc mà cô cần làm một khi đã trở về New York. Jack lại gục đầu vào vai cô. Anna đành để mặc và cũng cố ngủ một chút. Cô đã từng đọc được ở đâu đó rằng chiếc đầu nặng bằng một phần bảy cơ thể, và giờ thì cô hoàn toàn tin điều đó.

Cô tỉnh dậy khoảng một tiếng trước khi máy bay hạ cánh. Jack vẫn còn đang ngủ, nhưng một tay anh lúc này vắt qua vai cô. Vẫn còn ngái ngủ, cô ngồi dậy và nhận cốc trà từ tay cô chiêu đãi

viên.

Lúc này Jack đã tỉnh ngủ. “Cô thường ngủ với đàn ông ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên à?”, anh vừa hỏi vừa nhe răng cười.

“Nếu anh ta chịu mời tôi bữa tối”.

“Thế điều đầu tiên mà cô sẽ làm là gì, sau khi cô đã thoát chết một cách thần kỳ như vậy?”.

“Gọi điện cho gia đình và bạn bè và báo cho họ biết rằng tôi vẫn còn sống khoẻ như thế nào, rồi sau đó tìm xem có ai muốn thuê tôi không. Thế còn anh?”.

“Tôi phải gặp sếp và báo cho ông ấy biết tôi chẳng tiến gần Fenston được bao nhiêu, và sẽ được nghe một trong hai câu nói quen thuộc của ông ấy. Lười biếng quá hoặc Chậm như rùa.”

“Không công bằng”, Anna nói, “nhất là bây giờ khi Krantz đã bị bắt”. “Không phải công sức của tôi”, Jack nói. “Và tôi sẽ phải đối mặt với sự quở trách còn đáng sợ hơn từ phía bà mẹ của tôi, khi tôi phải giải thích với bà lý do tại sao tôi không gọi cho bà từ London và xin lỗi vì không thể về nhà để thưởng thức món thịt hầm kiểu Ailen của bà. Không, tôi chỉ có thể lấy lại được thể diện nếu tôi điều tra ra ý nghĩa của các chữ cái NYRC”. Jack cho tay vào túi áo trên. “Sau khi rời quán trọ Wentworth Arms, tôi đi cùng Tom tới đại sứ quán, và nhờ công nghệ hiện đại, anh ấy có thể cho ra một bản sao chính xác chiếc chìa khoá ấy, cho dù chiếc chìa khoá gốc vẫn ở Romania”. Anh lấy từ trong túi ra một chiếc chìa khoá và đưa nó cho Anna.

Anna lật đi lật lại chiếc chìa khoá nhỏ bằng đồng ấy trong tay. “NYRC 13. Anh có suy nghĩ gì không?”.

“Chỉ là những cái tên mà ai cũng có thể nghĩ đến”, Jack nói.

“Câu lạc bộ đua ngựa New York? Câu lạc bộ đua thuyền New York, còn gì nữa?”.

“Câu lạc bộ quần vợt New York, nhưng nếu cô nghĩ ra được gì, hãy cho tôi biết, bởi vì tôi sẽ dành cả kỳ nghỉ cuối tuần để tìm hiểu xem nó có liên quan gì tới mấy cái tên mà chúng ta vừa kể ra hay không. Tôi phải có được cái gì đó khả quan trước khi gặp sếp vào thứ Hai”.

“Nếu anh tìm ra, anh hãy chạy chậm lại trên đường chạy vào buổi sáng để cho tôi biết với nhé”.

“Tôi hy vọng có thể cho cô biết chuyện đó trong bữa ăn tối hôm nay”, Jack nói.

“Không thể được. Tôi xin lỗi, Jack, mặc dù tôi rất muốn, tôi phải ăn tối với Tina”.

“Thế ư?”, Jack nói. “Phải cẩn thận đấy nhé”.

“6 giờ sáng mai có được không?”, Anna hỏi, phớt lờ câu nói của Jack. “Thế có nghĩa là tôi nên đặt đồng hồ báo thức vào lúc 6 giờ 30, nếu chúng ta hẹn gặp nhau giữa đường chạy”.

“Lúc ấy chắc tôi đã tắm xong”.

“Thế thì tôi không thể bỏ lỡ cơ hội ấy”.

“Tiện đây”, Anna nói, “anh có thể giúp tôi một việc được không?”.

Leapman bước vào văn phòng chủ tịch mà không gõ cửa.

“Ngài đã thấy cái này chưa?”, ông ta vừa hỏi vừa đặt một tờ *Thời báo New York* lên bàn và đưa tay chỉ vào một bài báo trong mục tin quốc tế. Fenston đọc kỹ tit báo: Cảnh Sát Romania Bắt Giữ Kẻ ám Sát. Ông ta đọc qua bài báo ngắn đó hai lần trước khi nói: “Tìm hiểu xem viên cảnh viên trưởng muốn bao nhiêu”.

“Chưa hẳn đã dễ như thế đâu”, Leapman nói.

“Bao giờ cũng dễ như vậy”, Fenston vừa nói vừa nhìn lên. “Chỉ có thoả thuận giá cả là khó thôi”.

Leapman cau mày: “Và còn một vấn đề nữa mà ngài phải cân nhắc”.

“Đó là chuyện gì vậy?”, Fenston hỏi. “Bức tranh Van Gogh. Ngài cần phải làm bảo hiểm, sau những gì xảy ra với bức Monet”.

“Tôi không bao giờ làm bảo hiểm cho các bức tranh của mình. Tôi không muốn IRS biết bộ sưu tập của tôi trị giá bao nhiêu, và dù sao thì chuyện đó cũng sẽ chẳng bao giờ xảy ra hai lần”.

“Nó đã xảy ra hai lần”, Leapman nói. Fenston nhăn mặt và một lúc sau mới trả lời.

“Thôi được, nhưng chỉ mình bức Van Gogh thôi đấy”, cuối cùng ông ta nói. “Bảo hiểm ở công ty Lloyd nhé, và nhớ là giá trị sổ sách của nó phải để dưới 20 triệu đôla”.

“Tại sao lại thấp như vậy?”, Leapman hỏi.

“Bởi vì điều cuối cùng tôi muốn là có được bức Van Gogh với trị giá thực là 100 triệu đôla trong khi tôi vẫn muốn được đặt tay lên những gì còn lại trong bộ sưu tập của Lâu đài Wentworth”.

Leapman gật đầu và quay mình bước đi.

“Tiện đây”, Fenston vừa nói vừa nhìn xuống tờ báo. “ông đã gửi nốt nửa triệu đôla còn lại vào tài khoản của Krantz chưa?”

“Chưa, tôi đang định...”.

“Vậy thì cứ từ từ”. Ông ta ngẩng lên nhìn Leapman và mỉm cười. “Hãy đợi cho đến khi cô ta trốn thoát đã”.

Krantz nằm yên trên giường và chờ đợi phiên gác lúc 2 giờ sáng đổi ca. Cô ta không có cách nào để biết thời gian ngoài việc theo dõi lính gác đổi phiên cho nhau. Một lính gác vừa đi ăn về, vì vậy cô ta đoán lúc đó là vào khoảng 2 giờ kém 10.

Đã đến giờ thực hiện thói quen hàng đêm. Krantz kéo tấm ga lên, nằm nghiêng sang bên hông, và tì gối vào cằm. Cô ta cho hai ngón tay vào hậu môn và lấy ra một chiếc bao cao su. Cô ta mở chiếc nút trên miệng bao, lấy ra một cuộn nhỏ những tờ 100 đôla được cuộn chặt. Cô ta bóc hai tờ, và dấu vào băng đeo. Sau đó cô ta làm lại tất cả những thao tác đó theo thứ tự ngược lại.

Krantz tính rằng lúc đó là hai giờ kém mười.

Cô ta chờ đợi.

Jack ngồi ở hàng ghế sau trên tắc xi và nhìn ra cửa sổ. Đám mây xám từ ngày 11/9 vẫn còn đó trên bầu trời Manhattan, cho dù người dân New York không còn nhìn lên với cái nhìn khiếp hãi nữa. Chủ nghĩa khủng bố là một cái gì đó mà thành phố sôi động nhất trên thế giới này đã phải học cách để thừa nhận sự tồn tại của nó.

Jack ngồi ngả người ra ghế và suy nghĩ về công việc mà anh đã hứa sẽ giúp Anna. Anh bấm số điện thoại mà cô đã đưa cho anh. Sam nhắc điện thoại lên. Jack nói với ông già rằng Anna vẫn còn sống và mạnh khỏe, và rằng cô đã đi thăm mẹ mình ở Romania, và tối nay cô sẽ trở về nhà. Thật là tuyệt vời khi bắt đầu một ngày mới bằng việc đem lại niềm vui cho ai đó, Jack nghĩ. Nhưng với cú điện thoại thứ hai của anh thì lại khác. Anh gọi cho sếp của mình để báo với ông ta rằng anh đã quay trở lại New York. Macy nói với anh rằng Krantz đã được đưa tới một bệnh viện địa phương ở Bucharest, và đã được phẫu thuật vai. Cô ta được canh giữ ngày đêm, mỗi ca gác gồm sáu người.

“Tôi sẽ cảm thấy vui hơn khi cô ta bị tổng giam”, Jack nói.

“Tôi nghe nói cậu đã có kinh nghiệm về việc này”, Macy nói.

Jack vừa định trả lời thì Macy nói thêm: “Tại sao cậu không nghỉ ngơi cho hết tuần đã, Jack? Cậu xứng đáng mà”.

“Hôm nay là thứ Bảy”, Jack nhắc sếp mình.

“Vậy thì tôi sẽ gặp cậu vào sáng thứ Hai nhé”, Macy nói Jack quyết định nhắn tin cho Anna. Đã báo cho Sam biết cô đang trở về nhà. Ông ta là người đàn ông duy nhất khác trong cuộc đời cô à? Anh chờ vài phút, nhưng không có tin trả lời. Anh gọi cho mẹ mình.

“Hôm nay con có về ăn tối không đấy?”, mẹ anh hỏi bằng một giọng gắt gỏng. Anh gần như có thể ngửi thấy mùi thịt hầm.

“Thế con đã bỏ bữa nào chưa, mẹ?”.

“Tuần trước rồi còn gì”.

“À, vâng, con định gọi cho mẹ”, Jack nói, “nhưng con phải đuổi theo một cô gái qua nửa vòng trái đất”.

“Một cô gái ngoan theo đạo Cơ đốc chứ?”, mẹ anh vội hỏi.

“Không, mẹ ơi”, Jack trả lời. “Cô ấy vừa mới ly dị chồng. Cô ấy đã có ba đời chồng rồi, hai trong số những người chồng trước của cô ấy bị chết bất đắc kỳ tử. Ô, và cô ấy có năm con rồi, mà không phải tất cả đều là con của ba người chồng kia, nhưng chắc là mẹ sẽ vui khi biết bốn trong số năm đứa con của cô ấy nghiện ma túy - thằng còn lại thì đang ngồi tù”

“Cô ấy có công việc ổn định không?”

“Ồ, có, mẹ ạ, đếm tiền ấy mà mẹ. Cô ấy phục vụ phần lớn khách hàng của mình vào kỳ nghỉ cuối tuần, nhưng cô ấy khẳng định với con rằng lúc nào cô ấy cũng có thể bỏ ra một giờ để tới nhà ta xin một bát thịt hầm kiểu Ailen của mẹ”.

“Vậy chứ thực sự cô ta làm nghề gì?”, mẹ anh hỏi.

“Cô ấy là một kẻ chuyên trộm tranh”, Jack nói, “và chỉ trộm tranh của Van Gogh. Kiếm rất nhiều

tiền sau mỗi phi vụ”.

“Vậy thì cô ta còn hơn khối những người bạn gái trước của con”.

“Tạm biệt mẹ”, Jack nói. “Con sẽ gặp mẹ tối nay”.

Anh kết thúc cuộc gọi, và nhận được một tin nhắn của Anna.

Hãy động não đi, Người Rình rập. Đã tìm ra nghĩa của chữ R, rất dễ. Anh chậm hơn tôi rồi nhé.

“Của nợ”, Jack nói. Tiếp đó anh gọi điện tới London cho Tom, nhưng tất cả những gì anh có là một thông điệp từ chiếc máy trả lời tự động: “Tom Crasanti, tôi ra ngoài vài phút, và sẽ trở lại ngay, xin để lại tin nhắn”.

Jack chẳng để lại tin nhắn làm gì, vừa lúc đó chiếc tắc xi dừng lại bên ngoài căn hộ của anh.

“Hết 32 đôla”.

Jack đưa cho người tài xế bốn tờ 10 đôla, anh không lấy lại tiền lẻ, cũng không nhận lời cảm ơn.

Mọi thứ ở New York đã trở lại bình thường.

Khi Krantz nghe thấy người lính gác đi ăn về, cô ta tính rằng lúc đó khoảng 1 giờ 40 phút. Cô ta chờ vài phút trước khi thực hiện công việc hàng đêm của mình.

Cô ta lấy chiếc bao cao su từ hậu môn ra, cởi nút, lấy cuộn tiền giấy ra, bóc lấy hai tờ 100 đôla, buộc nút lại, cất chiếc bao vào chỗ cũ, và chờ đợi. Krantz tính rằng lúc đó là vào khoảng 2 giờ kém 10.

Khi Krantz nghe thấy tiếng ca gác lúc 2 giờ đêm đến thay ca, cô ta tin rằng anh chàng kia sẽ xuất hiện sau vài phút nữa. Suy cho cùng, anh ta chỉ phải lấy cho cô ta một cốc nước, đổi lại anh ta có một gói Silk Cut. Không phải là một cuộc đổi chác tồi.

Chỉ 20 phút là anh ta sẽ lên ra ngoài châm một điếu thuốc. Đúng là một con nghiện. Đó cũng chính là ám hiệu để người đồng đội của anh ta xuất hiện với một chiếc bánh xăngđuych pho mát, một lon coke và một gói Silk Cut, mà nhờ nó anh ta hút túi được 100 đôla. Đến như khách sạn Ritz cũng không tính đắt như thế. Nhưng điều đó chỉ thể hiện rằng anh ta vừa ngu dốt vừa tham lam, một sự kết hợp mà cô ta có thể lợi dụng khi thời cơ đến để dạy cho anh ta ý nghĩa đích thực của cụm từ Silk Cut.

Không thèm tắm rửa và thay quần áo, Jack bắt đầu tra cứu danh bạ điện thoại của New York để tìm cái tên đầy đủ của các chữ viết tắt NYRC. Ngoài ba từ mà Jack đã nghĩ ra từ trước, anh không tìm thấy từ nào có chứa chữ R mà Anna nói là rất dễ tìm kia. Anh bật máy tính lên và vào trang Google để tìm kiếm cụm từ “Câu lạc bộ quần vợt sân trường New York - New York Racquet Club”. Anh tìm được phần lịch sử sơ lược của NYRC, một vài bức ảnh chụp một tòa nhà rất đẹp trên Đại lộ Park và một tấm hình của vị chủ tịch đương nhiệm, Darius T. Mablethorpe III. Jack biết chắc rằng cách thức duy nhất để anh có thể đi qua cửa trước là phải làm sao để trông không khác gì một hội viên. Đừng bao giờ làm cho Cục phải xấu hổ.

Sau khi tắm rửa, anh chọn một bộ comple đen, một chiếc sơ mi xanh và một chiếc caravat

Colombia cho công việc đặc biệt này. Anh rời khỏi căn hộ của mình và bắt taxi tới địa chỉ 370 Đại lộ Park. Anh bước xuống vỉa hè và đứng nhìn tòa nhà một lúc. Anh chiêm ngưỡng vẻ lộng lẫy của công trình kiến trúc bốn tầng theo kiểu phục hưng này. Anh bước lên các bậc thềm về phía một cánh cửa ra vào có các chữ cái NYRC dán trên cửa.

Người gác cửa chào Jack bằng câu “Xin chào ngài” và đứng giữ cánh cửa cho anh, như thể anh là một thành viên lâu năm. Anh bước vào một căn sảnh thanh nhã với những bức ảnh lớn chụp các vị cựu chủ tịch mặc quần dài màu trắng và áo cộc tay màu xanh, tay cầm vợt. Jack nhìn ngược lên chiếc cầu thang rộng. Ở trên đó thậm chí còn treo ảnh của nhiều vị cựu chủ tịch hơn, từ những năm tháng xa xưa hơn. Chỉ có chiếc vợt là dường như không thay đổi. Anh bước tới quầy tiếp tân.

“Tôi có thể giúp gì cho ngài không?”, một người đàn ông trẻ tuổi hỏi anh.

“Tôi sợ là không”, Jack thú nhận.

“Ngài cứ thử nói xem”, anh ta đề nghị.

Jack lấy chiếc chìa khoá sao bản kia từ trong túi ra rồi đặt lên mặt quầy. “Đã bao giờ trông thấy cái này chưa?”, anh hỏi.

Anh ta lật đi lật lại chiếc chìa khoá, nhìn kỹ các chữ cái một lúc, rồi nói, “Chưa, thưa ngài. Có thể là chìa khoá gửi đồ, nhưng không phải của chúng tôi”. Anh ta quay người lại và lấy một chiếc chìa khoá to bằng đồng từ chiếc bảng phía sau lưng. Có một tấm biển nhỏ đề tên của hội viên đính trên tay cầm, và các chữ cái NYRC màu đỏ được in trên thân chiếc chìa khoá.

“Có gợi ý gì không?”, Jack hỏi, và cố để không thể hiện sự thất vọng trong giọng nói.

“Không, thưa ngài”, anh ta trả lời. “Nhưng không biết đó có phải là loại chìa có từ trước khi tôi vào làm ở đây không. Tôi mới làm ở đây được hơn mười năm, nhưng có lẽ Abe có thể giúp. Ông ấy có mặt ở đây từ thời còn nhiều người chơi quần vợt sân trường hơn tennis”.

“Và các quý ông thực thụ chỉ chơi quần vợt sân trường thôi”, một người cao tuổi hơn vừa xuất hiện từ một văn phòng phía sau bước tới và nói. “Và chuyện mà tôi có thể giúp là gì vậy?”.

“Một chiếc chìa khoá”, người đàn ông trẻ tuổi nói. “Quý ông đây muốn biết liệu ông đã bao giờ trông thấy một chiếc chìa khoá như thế này hay chưa”, anh ta nói thêm rồi đưa chiếc chìa khoá cho Abe. Abe lật đi lật lại chiếc chìa trên tay. “Rõ ràng là không phải của chúng tôi”, ông ta khẳng định, “và chưa bao giờ là của chúng tôi, nhưng tôi biết chữ “R” là viết tắt của từ nào”, ông ta nói thêm bằng một giọng tự đắc, “bởi vì phải, ờ, gần 20 năm rồi, thời Thị trưởng Dinkins”. Ông ta dừng lại và ngược lên nhìn Jack. “Một người đàn ông trẻ tuổi, gần như không biết một từ tiếng Anh nào, bước vào và hỏi xem đây có phải là một câu lạc bộ của người Romania không”.

“Đúng thế”, Jack lầm bầm, “mình ngu quá”.

“Tôi còn nhớ là anh ta đã thất vọng như thế nào”, Abe tiếp tục nói, phớt lờ câu tự rủa của Jack, “khi biết chữ R là viết tắt của từ Racquet. Chắc không phải vì anh ta không biết nghĩa của từ Racquet là gì. Ông thấy đấy, anh ta không biết tiếng Anh.

Điều duy nhất khiến tôi có thể nhớ đôi điều về chuyện này là vì nó nằm đâu đó trên phố Lincoln”, ông ta nhấn mạnh tên phố. Ông ta liếc nhìn Jack. Anh quyết định không ngắt lời ông ta lần thứ hai. “Ở đâu đó trong khu Queens, nhưng tôi không nhớ chính xác”.

Jack cất chiếc chìa khoá vào túi, cảm ơn Abe và quay mình bước đi, trước khi ông ta có cơ hội để chia sẻ thêm về ký ức của mình.

Tina ngồi bên bàn làm việc và đang đánh máy một bài phát biểu, ông ta thậm chí cũng chẳng cảm ơn chị về việc chị đã phải đi làm cả vào ngày thứ Bảy.

Các chủ nhà băng ở mọi lúc, mọi nơi phải luôn đề ra những tiêu chuẩn cao hơn cả những bốn phận pháp lý của họ.

Fenston đã được Hiệp hội Ngân hàng New York mời phát biểu trong bữa tiệc tối thường niên của họ, được tổ chức tại Sherry Netherland. Fenston vừa ngạc nhiên vừa sung sướng vì lời mời này, cho dù ông ta đã phải vận động một thời gian để có được nó.

Ban tổ chức đã bị chia rẽ.

Fenston quyết tâm gây ấn tượng tốt với các đồng nghiệp trong ngành ngân hàng, và đã sửa đi sửa lại bài phát biểu của mình.

Sự phán quyết độc lập của chúng ta phải luôn là chỗ dựa vững chắc của khách hàng, và phải làm sao cho khách hàng luôn tin tưởng rằng chúng ta sẽ hành động vì lợi ích cao nhất của họ chứ không phải vì lợi ích của chúng ta.

Tina bắt đầu băn khoăn không hiểu có phải đây là một vở kịch mà Fenston là nhân vật thử giọng đầu tiên hay không. Leapman đóng vai nào trong bài răn dạy đạo đức này? Victoria Wentworth được sống qua bao nhiêu hồi trong vở kịch này? Chúng ta luôn luôn phải tự xem mình là những người bảo vệ tài sản cho khách hàng - đặc biệt là khi họ có một bức tranh Van Gogh, Tina muốn viết thêm vào - trong khi không bao giờ được xem nhẹ những quyền lợi tài chính của họ.

Những suy nghĩ của Tina lúc này đang hướng tới Anna, trong khi chị vẫn tiếp tục đánh máy ra những lời lẽ đạo đức giả của Fenston. Chị đã nói chuyện trên điện thoại với Anna ngay trước lúc ra khỏi nhà để đi làm vào sáng hôm đó. Anna muốn kể cho chị biết về người đàn ông mới trong cuộc đời mình, người mà Anna đã gặp trong những hoàn cảnh khác thường nhất. Họ đã đồng ý sẽ gặp nhau trong bữa ăn tối hôm đó, bởi vì chính Tina cũng có chuyện muốn chia sẻ.

Và xin đừng bao giờ quên rằng chỉ cần một ai đó trong chúng ta hạ thấp tiêu chuẩn nghề nghiệp, thì tất cả chúng ta cùng phải hứng chịu hậu quả.

Khi Tina sang trang mới, chị băn khoăn không hiểu mình có thể tiếp tục làm thư lý riêng của Fenston trong bao lâu nữa. Kể từ khi chị ném Leapman ra khỏi phòng mình, chị và ông ta chưa hề nói với nhau câu nào. Có thể ông ta sẽ tìm cách để chị bị sa thải càng sớm càng tốt, và khi điều đó xảy ra, chị đã thu thập đủ chứng cứ để đảm bảo rằng Fenston sẽ sống phần đời còn lại của ông ta trong một căn phòng nhỏ ở một trại giam lớn?

Và cho phép tôi được kết thúc bài phát biểu của mình bằng lời khẳng định rằng mục đích duy nhất trong suốt cuộc đời tôi là phục vụ và trả ơn cộng đồng, một cộng đồng đã cho tôi được sẻ chia giấc mơ Mỹ.

Đây là tài liệu duy nhất mà Tina không muốn lưu một bản sao của nó. Đèn trên điện thoại của Tina nhấp nháy và chị vội cầm ống nghe lên. “Vâng, có chuyện gì vậy, ngài chủ tịch?”.

“Cô đã đánh máy xong bài phát biểu tối nay của tôi chưa?”.

“Xong rồi, thưa chủ tịch”, Tina nói.

“Hay đấy chứ hả?”, Fenston nói.

“Rất đáng chú ý”, Tina trả lời.

Jack vẫy một chiếc tắc xi và yêu cầu tài xế chạy tới phố Lincoln, khu Queens. Người tài xế bật đồng hồ đo đường trong khi anh tìm địa chỉ trong cuốn danh bạ. Jack đã đi được nửa chặng đường tới sân bay trước khi anh được cho xuống một góc phố giữa phố Lincoln và phố Harris. Anh nhìn dọc con phố, và ý thức được rằng bộ comple mà anh đã chọn cho Đại lộ Park không hợp với chỗ này. Anh bước vào một quầy bán rượu bia ở góc phố.

“Tôi muốn tìm Câu lạc bộ Romania”, anh nói với người phụ nữ đứng tuổi đang đứng sau quầy.

“Đóng cửa từ lâu rồi”, bà ta nói. “Bây giờ đã thành một nhà nghỉ”, bà ta nói thêm rồi nhìn Jack từ đầu đến chân, “nhưng tôi không nghĩ là anh muốn trọ ở đó”.

“Bà có biết số nhà không?”, anh hỏi.

“Không, nhưng ở khoảng giữa phố, phía bên kia đường”.

Jack cảm ơn người phụ nữ, rồi bước trở ra phố và băng sang bên kia đường. Anh cố tính xem giữa phố là ở chỗ nào, rồi anh trông thấy một tấm biển với dòng chữ *Có phòng cho thuê* đã mờ. Anh dừng lại, nhìn xuống các bậc cầu thang và trông thấy một tấm biển có một dòng chữ còn mờ hơn phía trên cửa ra vào. Dòng chữ *NYRC, thành lập 1919* gần như không còn có thể luận ra nổi. Jack bước xuống cầu thang và khẽ đẩy chiếc cánh cửa kính đã bị rạn. Anh bước vào một hành lang tối mờ, bắn thủ và sặc mùi thuốc lá rẻ tiền. Có một cái bàn tiếp tân nhỏ đầy bụi ngay trước mặt anh, phía sau cái bàn mốc meo ấy, Jack trông thấy một ông già đang đọc tờ Bưu điện New York, bao quanh ông ta là một màn khói thuốc.

“Tôi cần thuê một phòng để ở qua đêm nay”, Jack cố nói bằng một giọng tự nhiên nhất.

Ông già nheo mắt nhìn Jack bằng một cái nhìn thể hiện sự ngờ vực. Anh ta có gái đang chờ ở ngoài không? “Hết 7 đôla”, ông ta nói, “trả tiền trước”.

“Và tôi cần có chỗ để cất đồ đạc có giá trị của mình”, Jack nói.

“Thêm 1 đôla nữa - trả trước”, ông già lặp lại, điều thuốc nẩy nẩy trên môi ông ta.

Jack đưa cho ông ta 8 đôla, và đổi lại anh nhận được một chiếc chìa khoá. “Tầng 2, số 3, tủ cất đồ ở cuối hành lang”, ông già vừa nói vừa đưa cho anh một chiếc chìa khoá nữa. Rồi ông ta lại cúi xuống tờ báo, điều thuốc vẫn không rời khỏi môi.

Jack chậm chậm đi về phía cuối hành lang, cho đến khi trước mặt anh là một dãy những ngăn tủ an toàn. Dù đã rất lâu năm, nhưng những ngăn tủ này trông có vẻ rất chắc chắn và không dễ dàng có thể phá ra, cho dù có ai đó muốn làm điều ấy. Anh mở ngăn tủ của mình ra và nhìn vào bên trong. Nó rộng khoảng 8 inch, và cao khoảng hai bộ. Jack liếc nhìn về phía bàn tiếp tân, ông già đang lật sang trang báo khác, điều thuốc vẫn ngậm chặt trên môi.

Jack đi thêm vài bước nữa, rồi rút chiếc chìa khoá sao bản từ trong túi ra. Thêm một cái liếc nhìn nữa, anh cho chiếc chìa vào ổ khoá ngăn tủ số 13. Anh nhìn vào bên trong và cố giữ bình tĩnh, cho dù tim anh đập thình thịch. Anh rút một tờ tiền từ trong đó ra và bỏ vào ví mình. Jack khoá ngăn tủ lại và cất chiếc chìa khoá vào túi. Ông già đã lật sang một trang báo khác và đang

đọc kết quả các cuộc đua ngựa khi Jack bước trở ra phố. Anh phải đi qua 11 tòa nhà trước khi vẫy được một chiếc xe tắc xi chưa có khách, nhưng anh không vội gọi cho Macy. Khi về tới nhà, anh mở cửa trước, chạy vào bếp và đặt tờ 100 đôla lên bàn. Sau đó anh hình dung lại kích thước của ngăn tủ, trước khi tính toán xem phải bao nhiêu tờ tiền 100 đôla mới có thể nhét đầy ngăn tủ đó. Đến khi anh gọi cho Macy, anh đã mất mấy tờ giấy để trợ giúp cho sự tính toán của mình.

“Tôi nghĩ tôi đã nói rằng cậu được nghỉ cho đến hết tuần”, Macy nói.

“Tôi đã tìm thấy ngăn tủ vừa với chiếc chìa khoá kia”.

“Trong đó có gì?”.

“Khó tin lắm”, Jack trả lời, “nhưng theo tôi tính thì phải có tới 2 triệu đôla”

“Kỳ nghỉ phép của cậu đã bị hoãn”, Macy nói.

“Tin tốt lành”, viên bác sỹ tuyên bố vào buổi sáng ngày thứ ba. “Vết thương của cô đã gần lành, và tôi sắp sửa đề nghị với nhà chức trách đưa cô tới trại giam Jilava vào ngày mai”.

Với câu nói này, viên bác sỹ đã quyết định giờ hành động của Krantz. Sau khi viên bác sỹ đã thay băng cho cô ta và bước ra khỏi phòng mà không nói một lời, Krantz nằm trên giường và nghiền ngẫm kế hoạch của cô ta. Cô ta ngủ ngon lành từ lúc 3 giờ chiều tới lúc 9 giờ đêm. Suy cho cùng, cô ta chỉ cần tỉnh táo vào ca đêm.

“Hôm nay cô ta không gây rối gì”, Krantz nghe thấy một trong người lính gác báo cáo khi anh ta giao chùm chìa khoá cho ca gác lúc 10 giờ đêm.

Krantz không cựa quậy trong suốt bốn tiếng đồng hồ sau đó, bởi vì cả bao thuốc lá Silk Cut lẫn tờ tiền 100 đôla đều không thể mua được nụ cười của hai người lính già. Họ dường như chỉ nóng lòng được tham dự lễ tang của cô ta.

Cô ta không ngủ.

Anna rời khỏi căn hộ của mình để thực hiện bài tập chạy buổi sáng ngay trước lúc 6 giờ. Sam đứng dậy khỏi chiếc bàn của mình để mở cửa cho cô - nụ cười không rời khỏi khuôn mặt ông già kể từ khi Anna trở về.

Anna băn khoăn không hiểu Jack sẽ đuổi kịp cô ở khúc nào. Cô phải thú nhận là cô đã nghĩ về Jack rất nhiều kể từ khi hai người chia tay nhau vào hôm trước, và cô đang hy vọng là mối quan hệ của họ sẽ vượt ra khỏi phạm vi quan hệ nghề nghiệp bình thường.

“Hãy cẩn thận”, Tina cảnh báo cô trong bữa ăn tối qua. “Một khi ông ta đã có được thứ mình muốn, ông ta vẫn sẽ không dừng lại”.

Một kẻ quái đản, cô nhớ là mình đã nghĩ như vậy.

“Fenston rất thích bức tranh Van Gogh”, Tina khẳng định với cô. “Ông ta đã treo nó ở vị trí trang trọng sau bàn làm việc của mình”.

Thực tế là Tina đã nói cho cô biết tất cả những gì mà Fenston và Leapman đã làm trong mười ngày qua. Tuy nhiên, với tất cả những sự thăm dò khôn khéo, những lời ám chỉ và những câu hỏi đúng chỗ, cô vẫn không tìm ra nguyên nhân tại sao Fenston luôn theo sát cô.

Anna nhớ tới lần cuối khi cô chạy quanh công viên Central là vào buổi sáng ngày 11. Đám mây xám xịt kia có lẽ cuối cùng cũng sẽ tan biến, nhưng còn nhiều thứ gợi nhớ tới cái ngày khủng khiếp đó, chưa nói gì đến hai tiếng Bãi Trống trên môi mọi người. Cổ gạt sang một bên những hình ảnh kinh hoàng của ngày hôm đó khi cô trông thấy Jack đang chạy bên dưới Artists Gate.

“Chờ lâu chưa, Người Rình rập?”, Anna hỏi khi cô chạy qua chỗ anh và vòng quanh chiếc ao.

“Chưa”, Jack trả lời khi anh đuổi kịp cô. “Tôi mới chạy quanh được hai vòng, vì vậy tôi sẽ xem

đây như là vòng chạy cho người bót nóng”.

“Bót nóng chưa?”, Anna nói và tăng tốc chạy đi. Cô biết mình không thể duy trì tốc độ đó lâu và chỉ ít giây sau anh đã lại chạy chậm chậm bên cô.

“Không tồi”, Jack nói, “nhưng cô có thể giữ tốc độ như vậy trong bao lâu?”.

“Tôi nghĩ đó là chuyện của đàn ông”, Anna nói và cố gắng giữ tốc độ. Cô biết hy vọng duy nhất của mình là làm anh sao nhãng. Cô chờ cho đến khi bảo tàng Frick hiện ra trước mắt. “Hãy kể tên năm họa sỹ có tranh treo trong bảo tàng kia”, cô yêu cầu, với hy vọng rằng sự thiếu kiến thức của anh trong lĩnh vực này sẽ bù đắp cho tốc độ của cô.

“Bellini, Mary Cassatt, Renoir, Rembrandt và Cromwell”.

“Đúng, nhưng Cromwell nào?”, Anna vừa hỏi vừa thở hỗn hển.

“Thomas, không phải Oliver”, Jack nói.

“Không tồi, Người Rình rập ạ”, Anna thú nhận.

“Cô có thể phê bình cha tôi về chuyện đó”, Jack nói. “Cứ mỗi khi ông đi tuần tra vào Chủ nhật, mẹ tôi lại đưa tôi tới các phòng tranh và các bảo tàng. Ban đầu tôi nghĩ đó là sự lãng phí thời gian, cho đến khi tôi thấy say mê”.

“Anh say mê ai?”, Anna hỏi khi họ chạy lên đồi Pilgrim.

“Rossetti, hoặc, nói một cách chính xác hơn, người yêu của ông là Jane Burden”.

“Các học giả vẫn đang tranh cãi xem Ông ấy đã ngủ với bà ta chưa”, Anna nói. “Và chồng của bà ta - William Morris - ngưỡng mộ Rossetti đến mức người ta nghĩ rằng ông ta sẽ không phản đối nếu chuyện đó xảy ra.”.

“Một người đàn ông xuẩn ngốc”, Jack nói.

“Anh vẫn còn say mê Jane chứ?”, Anna hỏi.

“Không, từ đó đến nay tôi đã thay đổi nhiều. Tôi bây giờ chỉ thích những phụ nữ có bộ ngực cao đến mang tai”.

“Vậy chắc là anh đã bỏ ra nhiều thời gian ở MIMA”.

“Một vài cuộc hẹn hú họa”, Jack thú nhận, “nhưng mẹ tôi không đồng ý”.

“Vậy bà muốn anh phải hẹn hò với những người như thế nào?”.

“Mẹ tôi cổ lắm, vì vậy bất kỳ cô Mary nào còn trinh là được, nhưng tôi đang cố làm bà thay đổi suy nghĩ”.

“Anh còn cố làm gì nữa không?”.

“Ví dụ? , Jack hỏi.

“Ví dụ như nghĩ xem chữ R là viết tắt của từ gì”, Anna vừa nói vừa thở hỗn hển.

“Cho tôi biết đi”, Jack nói.

“Tôi cá là Romania”, Anna nói như sắp đứt hơi.

“Cô nên gia nhập FBI”, Jack vừa nói vừa chạy chậm lại.

“Anh đã tự nghĩ ra rồi à?”, Anna hỏi.

“Không”, Jack thừa nhận, “Một người tên là Abe nói cho tôi biết”.

Và?

“Và cả cô lẫn ông ta đều đúng”.

“Vậy Câu lạc bộ Romania ở đâu?”.

“Ở một ngôi nhà xuống cấp tại khu Queens”, Jack đáp.

“Và anh đã nhìn tìm thấy gì khi mở nó ra?”.

“Tôi không hoàn toàn chắc chắn”, Jack nói.

“Đừng đùa nữa, Người Rình rập, nói cho tôi biết đi”.

“Khoảng hai triệu đôla”.

“Hai triệu?”, Anna lặp lại lời anh bằng một giọng thể hiện sự nghi ngờ.

“Ừ, cũng có thể không nhiều đến thế, nhưng chắc chắn đủ để sắp tôi vứt hết mọi thứ, cho theo dõi tòa nhà và hoãn kỳ nghỉ phép của tôi”.

“Loại người nào sẽ cất hai triệu đôla ở ngăn tủ gửi đồ tại một tòa nhà xuống cấp ở khu Queens?”, Anna hỏi.

“Một người không dám mở tài khoản tại bất kỳ một ngân hàng nào trên thế giới”.

“Krantz”, Anna nói.

“Bây giờ đến lượt cô. Bữa ăn tối của cô với Tina có cho kết quả gì không?”.

“Tôi nghĩ anh sẽ không bao giờ hỏi”, Anna đáp và chạy thêm 100 thước nữa trước khi nói tiếp, “Fenston nghĩ món đồ mới nhất trong bộ sưu tập của ông ta thật tuyệt vời. Nhưng quan trọng hơn là, khi Tina đưa cà phê vào phòng cho ông ta, chị ấy thấy có một tờ *Thời báo New York* trên mặt bàn, và được giở tới trang 17”.

“Chắc chắn không phải là chuyên mục thể thao”, Jack nói.

“Không, chuyên mục tin quốc tế”, Anna vừa nói vừa rút bài báo từ trong túi ra rồi đưa cho Jack.

“Đây là mời nhử để xem tôi có thể theo kịp cô trong khi vừa chạy vừa đọc không chứ gì?”.

“Không, đây là mời nhử để xem anh có biết đọc không, Người Rình rập ạ, và tôi lúc nào cũng có thể chạy chậm lại, bởi vì tôi biết trước kia chưa bao giờ anh đuổi kịp tôi”, Anna nói.

Jack đọc títt báo và gần như dừng hẳn khi họ chạy qua khu hồ. Một lát sau anh nói: “Một cô gái khôn ngoan, cô bạn Tina của cô ấy”.

“Và chị ấy càng ngày càng khôn ngoan hơn”, Anna nói. “Chị ấy đã nghe lỏm một cuộc nói chuyện điện thoại giữa Fenston với Leapman và thấy Fenston nói *Ông vẫn còn giữ chiếc chìa khoá thứ hai đấy chứ?* Chị ấy không hiểu ý nghĩa của câu nói này, nhưng...”

“Tôi xin rút lại tất cả những gì tôi đã nói về cô ấy”, Jack nói. “Cô ấy là đồng đội của chúng ta”.

“Không, Người Rình rập, chị ấy là đồng đội của tôi”, Anna vừa nói vừa tăng tốc chạy xuống khu strawberry Fields, Jack chạy song song bên cô.

“Tôi sẽ chia tay anh ở đây”, Anna nói khi họ chạy tới Artists Gate. Cô nhìn đồng hồ và mỉm cười: mười một phút bốn mươi tám giây.

“Ăn gì không?”.

“Xin lỗi, không thể”, Anna nói, “tôi phải gặp một người bạn cũ ở hãng Christie, thử tìm hiểu xem họ có cuộc đấu giá nào không”.

“Bữa tối thì thế nào?”.

“Tôi có vé vào xem triển lãm Rauschenberg tại bảo tàng Whitney. Nếu anh muốn đi với tôi, tôi sẽ có mặt tại đó vào lúc 6 giờ, Người Rình rập ạ”.

Cô chạy đi trước khi anh kịp trả lời.

Leapman chọn một ngày Chủ nhật bởi vì đó là ngày duy nhất trong tuần Fenston không tới văn phòng, cho dù hôm ấy Fenston đã gọi ông ta ba lần. Ông ta ngồi một mình trong căn hộ của mình và ăn bữa tối trước màn hình tivi, nghiền ngẫm kế hoạch của mình, cho đến khi ông ta tin chắc rằng sẽ không có sai sót nào. Ngày mai, và tất cả các ngày mai của ngày mai, ông ta sẽ ăn tối tại những nhà hàng sang trọng nhất, và chẳng cần phải chờ Fenston.

Sau khi đã vét đến mẫu thức ăn cuối cùng, ông ta quay về phòng ngủ của mình và cởi quần lót ra. Ông ta mở tủ lấy ra bộ đồ thể thao mà ông ta cần cho công việc đặc biệt này. Ông ta mặc lên người một chiếc áo phông, một chiếc quần đùi và một chiếc quần dài thụng màu xám mà các cô cậu thanh niên ngày nay không thể tin rằng cha mẹ họ đã từng mặc.

Cuối cùng ông ta đi một đôi tất trắng vào chân, và xỏ chân vào một đôi giày màu trắng. Ông ta không nhìn vào mình trong gương, ông ta bước qua phòng, quỳ xuống và quờ tay dưới gầm giường để lấy ra một chiếc túi thể thao. Một chiếc vợt chơi bóng quần thò cán ra khỏi miệng túi. Lúc này ông ta đã sẵn sàng cho công việc bất thường của mình. Tất cả những gì mà ông ta cần là một chiếc chìa khoá và một bao thuốc lá.

Ông ta bước vào căn bếp, mở một ngăn kéo có chứa một thùng các tông lớn đựng những tút thuốc Marlboro và lấy ra một bao. Ông ta không bao giờ hút thuốc. Hành động cuối cùng của ông ta trong nghi lễ này là luồn tay xuống đáy ngăn kéo và lấy ra một chiếc chìa khoá, vốn được dán chặt vào đáy tủ bằng băng dính. Bây giờ thì ông ta đã có tất cả những gì mình cần.

Ông ta khoá cửa trước bằng hai lần khoá rồi đi xuống tầng trệt. Ông ta mở cửa hậu, leo lên các bậc cầu thang và bước ra phố.

Đối với những người qua đường, ông ta trông giống như một người đang trên đường tới câu lạc bộ bóng quần của mình. Leapman chưa bao giờ chơi bóng quần trong cuộc đời mình. Ông ta đi bộ qua một tòa nhà rồi mới gọi tắc xi. Một thói quen không bao giờ thay đổi. Ông ta đưa cho tài xế địa chỉ cần tới, cách đó năm dặm, và không phải là địa chỉ của một câu lạc bộ bóng quần, ông ta ngồi ở băng ghế sau, cảm thấy nhẹ nhõm khi người tài xế rất ít lời, bởi vì ông ta cần tập trung. Ngày hôm nay, ông ta sẽ có một thay đổi trong lễ thói hàng ngày của mình, một sự thay đổi mà ông ta đã lên kế hoạch trong mười năm qua. Đây sẽ là lần cuối cùng ông ta đi làm những công việc lặt vặt cho Fenston, một kẻ đã lợi dụng ông ta suốt mười năm qua. Hôm nay thì không. Không bao giờ còn có chuyện đó nữa. Ông ta nhìn qua cửa xe. Ông ta thực hiện chuyến đi này một lần, đôi khi là hai lần trong một năm, để bỏ những khoản tiền lớn vào một ngân tử an toàn tại NYRC, mỗi khi Krantz vừa hoàn thành một công việc được giao. Trong suốt thời gian đó, ông ta đã đặt tổng cộng 5 triệu đôla vào ngân tử để đồ số 13 ở nhà nghỉ NYRC trên phố Lincoln, và ông ta biết đó luôn là những chuyến đi một chiều - cho đến ngày cô ta mắc sai lầm.

Khi ông ta đọc thấy trên tờ Thời báo rằng Krantz đã bị bắt sau khi bị bắn vào vai - kể mà bị bắn chết thì tốt biết mấy, ông ta nghĩ - Leapman biết đây là cơ hội có một không hai trong đời mình. Fenston thì thích gọi đó là cánh cửa cơ hội. Suy cho cùng, Krantz là người duy nhất biết trong ngân tử đó có bao nhiêu tiền mặt, trong khi ông ta là người duy nhất ngoài cô ta có chìa khoá ngân tử đó. “Chính xác là ở đâu?”, người tài xế hỏi.

Leapman nhìn qua cửa xe. “Hai tòa nhà nữa”, ông ta nói, “anh có thể cho tôi xuống tại góc phố”. Leapman lấy chiếc vợt chơi bóng quần ra khỏi túi rồi đặt nó lên ghế sau.

“23 đôla”, người tài xế vừa nói vừa cho xe dừng lại bên ngoài một cửa hàng bán rượu.

Leapman đưa cho anh ta ba tờ mệnh giá 10 đôla. “Tôi sẽ quay lại sau năm phút. Nếu anh vẫn còn ở quanh đây, anh sẽ được nhận 50 đôla nữa”.

“Tôi sẽ ở quanh đây”, người tài xế tắc xi vội trả lời.

Leapman cầm chiếc túi thể thao lên và bước xuống, để lại chiếc vợt trên xe. Ông ta bước qua đường, hài lòng khi thấy trên vỉa hè có rất đông người đi mua sắm. Một trong những lý do khiến ông ta luôn chọn ngày Chủ nhật. Tại khu Queens, một chiếc túi không đựng gì cũng có thể bị cướp giật.

Leapman bước nhanh cho tới khi ông ta đến trước số nhà 61. Ông ta dừng lại một lát để kiểm tra xem có ai để ý đến mình không. Họ để ý đến Ông ta làm gì? ông ta bước xuống cầu thang về phía tầng hầm NYRC và đẩy chiếc cánh cửa chưa bao giờ bị khoá ra. Người gác cửa ngược nhìn lên và khi nhìn thấy vị khách mới bước vào, ông ta gật đầu - hành động nhiệt thành nhất của ông ta trong ngày - rồi lại tập trung vào chuyên mục thể thao. Leapman đặt bao Marlboro lên mặt bàn, và biết rằng nó sẽ biến mất trước khi ông ta quay đi. Ai cũng có giá của mình. Leapman nhìn dọc chiếc hành lang tối mờ được chiếu sáng nhờ một ngọn đèn 40 watt. Đôi khi ông ta băn khoăn tự hỏi không hiểu mình có phải là người duy nhất bước qua chiếc bàn tiếp tân hay không.

Cho dù hành lang rất tối, ông ta vẫn biết chính xác ngăn tủ cần tìm nằm ở vị trí nào. Không phải vì ông ta có thể đọc con số trên cửa, bởi vì giống như mọi thứ khác, nó đã bị mờ đi theo thời gian, ông ta nhìn về phía đầu hành lang, một điều thuốc nửa đang cháy đỏ trên môi ông già.

Ông ta lấy chiếc chìa khoá trong túi quần ra, cho vào ổ khoá, xoay một vòng rồi mở cửa ra. Ông ta mở khoá chiếc túi thể thao trước khi ngoái nhìn lại phía đầu hành lang. Không quan tâm. Chỉ cần không delay một phút, ông ta đã vét sạch ngăn tủ, chất đầy chiếc túi, và kéo khoá lại. Leapman đóng cửa tủ và khoá lại lần cuối cùng, ông ta nhấc chiếc túi lên, hơi ngạc nhiên vì sức nặng của nó, rồi bước trở lại chỗ bàn tiếp tân. Ông ta đặt chiếc chìa khoá lên mặt bàn. “Tôi sẽ không cần nó nữa”, ông ta nói với ông già gác cửa. Ông già không ngẩng đầu lên mà vẫn chăm chú đọc chuyên mục thể thao. Leapman bước qua cửa, trèo lên các bậc cầu thang và bước ra ngoài, ông ta lại nhìn dọc con phố. An toàn, ông ta bắt đầu bước nhanh trên phố, tay nắm chặt quai túi, và cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy chiếc tắc xi vẫn đợi ông ta ở góc phố.

Ông ta vừa đi được khoảng 20 thước thì bất ngờ bị bao vây bởi hàng chục người mặc quần bò và áo gió, phù hiệu FBI màu vàng in đậm sau lưng áo. Họ lao về phía ông ta từ mọi phía. Vài giây sau, hai chiếc xe lao vào phố Lincoln từ hai phía, cho dù đây là đường một chiều, và thẳng gấp ngay sát kẻ tình nghi. Lần này thì những người qua đường dừng lại và nhìn chằm chằm người đàn ông mặc bộ đồ thể thao mang túi thể thao đang bị bắt giữ. Chiếc tắc xi chạy đi, mất 50 đôla, được một chiếc vợt. “Đọc cho ông ta nghe quyền lợi của mình”, Joe nói, khi một sỹ quan khác bẻ quặt tay Leapman ra sau và còng lại, trong khi một người thứ ba cầm lấy chiếc túi.

“Ông có quyền giữ im lặng...”, Leapman im lặng không nói gì.

Sau khi Leapman đã được nghe về những quyền lợi Miranda[3] của mình - đây không phải là lần đầu tiên - ông ta được dẫn tới một chiếc xe, không kèn không trống, và được đẩy vào hàng ghế sau, nơi Đặc vụ Delaney đang ngồi chờ ông ta.

[3] Điều luật của Mỹ quy định các sỹ quan cảnh sát phải cho người tình nghi biết một số quyền lợi pháp lý của mình trước khi bắt giữ và thẩm vấn họ (ND).

Anna đang ở trong Bảo tàng Whitney, và đang đứng trước một bức tranh của Rauschenberg có tựa đề Satellite khi chiếc điện thoại di động trong túi cô rung lên. Cô nhìn màn hình và thấy người gọi chính là Người Rình rập.

“Có đây”, Anna nói.

“Tôi tính sai rồi”.

“Cái gì sai?”, Anna nói.

“Hơn hai triệu”.

Krantz lắng nghe tiếng chuông đồng hồ trên tháp nhà thờ gần đó. Cô ta nằm im, cảnh giác, sẵn sàng cho một sự thay đổi.

Chỉ một lát sau, cô nghe thấy có tiếng chìa khoá tra vào ổ, tiếp đến là tiếng cánh cửa mở ra và khép lại. Cô ta không nhìn lên, tất cả đều như bình thường. Người lính gác bước lại gần, đặt một cốc nước lên chiếc bàn bên cạnh giường, lấy gói Silk Cut, và rời khỏi căn phòng mà không nói lấy một lời. Cô ta nghe thấy tiếng cánh cửa được khoá lại.

Cô ta không hề cử động, một tay nắm chặt tờ 100 đôla, một tay nắm chặt chiếc kéo của viên bác sỹ.

20 phút trôi qua trước khi cô ta nghe thấy tiếng chìa khoá xoay trong ổ và chiếc cánh cửa được mở ra lần thứ hai. Cánh cửa được khép lại. Người lính gác thứ hai bước nhanh qua phòng, đặt một chiếc bánh xăngđuych pho mát, một lon coke và một gói Silk Cut lên mặt bàn. Anh ta quay sang nhìn người tù nhân và chờ đợi.

Một nắm tay nhỏ luồn ra từ bên dưới tấm ga, và các ngón tay từ từ mở ra để lộ một tờ 100 đôla. Người lính gác mỉm cười. Khi anh ta cúi xuống để cầm lấy tờ tiền, tờ tiền rơi khỏi bàn tay cô ta và bay xuống sàn.

Người lính gác cúi xuống để nhặt tờ tiền lên, và đến khi anh ta đứng lên, với một nụ cười trên mặt, Krantz đã ngồi dậy và đang chờ trên mép giường. Anh ta vừa định cho tờ tiền vào túi thì Krantz nắm lấy mái tóc dày của anh ta bằng một tay, và bằng một động tác thành thục, cắt đứt họng anh ta bằng tay còn lại với chiếc kéo của viên bác sỹ. Không phải là vũ khí hiệu quả nhất, nhưng là thứ duy nhất mà cô ta có.

Anh ta ngã xuống đất, và nằm giữa vũng máu của chính mình, trong khi vẫn nắm chặt tờ đôla trong tay. Krantz rời khỏi giường, nhanh chóng tháo chiếc chìa khoá mà cô ta cần từ chum chìa khoá của anh ta, chạy lại phía cửa và khoá lại. Cô ta kéo chiếc giường lại gần, chỉ vài inch, và nhìn lên chiếc cửa sổ nhỏ không khoá. Krantz muốn tìm hiểu mức độ rủi ro trong công việc mà cô ta sắp làm.

Cô ta chạy ba bước tính từ cửa, nhảy lên tấm đệm, trèo lên thành giường, như thể đó là một thanh xà, tung người lên như một vận động viên nhào lộn, và luồn hai chân qua cửa sổ.

Cô ta bị kẹt, một nửa ở trong, một nửa ở ngoài. Krantz xoay người, vặn vẹo một lúc, cuối cùng cô ta đã chui qua được chiếc cửa sổ nhỏ và bám chặt tay vào mép cửa. Không nhìn xuống, không chần chừ. Cô ta thả tay ra, rơi qua hai tầng nhà xuống một luống hoa, và lăn tròn như thể cô ta vừa thả tay rơi xuống từ một chiếc xà cao.

Cô ta nhanh chóng đứng lên và chạy về phía bức tường được chằng dây thép gai, cũng là lúc người lính gác nghiện thuốc lá mở cửa ra để xem tại sao đồng đội của anh ta lại lâu đến vậy.

Mấy giây sau, tiếng còi báo động vang lên, và toàn bệnh viện ngập trong ánh đèn pha, giống như một sân bóng trong một trận đấu đêm. Krantz chỉ còn cách mục tiêu của mình vài thước khi cô ta nghe thấy tiếng chó sủa đầu tiên. Không bao giờ nhìn lại, bởi vì điều đó sẽ làm giảm tốc độ.

Krantz nhảy lên nắm lấy lớp dây thép gai, và những con chó đầu tiên cũng nhảy lên theo cô ta. Nhưng chúng chỉ còn biết sủa theo khi con người kia gác chân qua lớp dây thép gai trần và nhanh chóng rơi xuống phía bên kia bức tường. Ba người lính gác đã chạy đến chân tường, nhưng không ai dám bắt chước kẻ đào tẩu. Một người trong số họ rút súng ra khi Krantz bắt đầu chạy qua đường. Anh ta bắn phát thứ nhất - rất gần, nhưng chưa đủ. Và đến khi anh ta bóp cò lần thứ hai thì cô ta đã mất hút trong rừng.

Viên bác sỹ trẻ quỳ xuống bên cái xác để tìm hiểu xem thứ vũ khí giết người mà kẻ sát nhân sử dụng là gì. Anh ta phát hiện thấy chiếc kéo của mình trong gầm giường, và vội vàng cho chiếc kéo vào túi áo khoác. Anh ta nhìn lên và thấy người lính gác nghiện thuốc lá đang đứng nhìn chiếc cửa sổ nhỏ bằng một vẻ mặt kinh ngạc.

Rồi anh ta nhớ ra. Cô ta từng là vận động viên trong đội tuyển Olympic.

Một trong những nguyên tắc vàng của Anna khi cô thức dậy vào buổi sáng là không kiểm tra tin nhắn trước khi đã tắm rửa, mặc quần áo, ăn sáng và đọc tin trên tờ *Thời báo New York*. Nhưng vì cô đã phá vỡ rất nhiều những nguyên tắc vàng của mình trong hai tuần qua, lần này Anna đã kiểm tra tin nhắn thậm chí từ trước khi cô ngồi dậy khỏi giường. Một tin nhắn của Người Rình rập làm cô mỉm cười, và một tin nhắn của ông Nakamura làm cô cau mày - chỉ có vài từ, “Khẩn cấp, gọi lại ngay. Nakamura”.

Anna quyết định phải tắm trước khi gọi cho ông ta. Khi những dòng nước lạnh bắt đầu xối trên người Anna, cô nghĩ về nội dung tin nhắn của ông Nakamura. Cụm từ “Khẩn cấp” luôn khiến cô nghĩ đến những tình huống xấu nhất. jji Anna đã tỉnh hẳn khi cô bước ra khỏi vòi tắm. Tim cô đập mạnh như thể cô vừa chạy xong đường chạy buổi sáng. Cô ngồi xuống đầu giường và cố gắng giữ bình tĩnh.

Khi Anna cảm thấy nhịp tim mình đã trở lại bình thường, cô quay số của Nakamura ở Tokyo.

“Hai, Shacho-Shito desu”, cô nhân viên tiếp tân nói.

“Xin cho nói chuyện với ông Nakamura”.

“Xin cho biết tôi phải báo với ông ấy là ai đang gọi?”.

“Anna Petrescu”.

“À, vâng, ông ấy đang chờ điện thoại của bà”. Tim Anna đập mạnh hơn. “Xin chào, Tiến sỹ Petrescu, chúc cô một buổi sáng tốt lành”.

“Xin chào, ngài Nakamura, chúc ngài một buổi chiều tốt lành”, Anna nói và ước gì mình có thể nhìn thấy khuôn mặt của ông ta để biết rõ số phận của mình được nhanh hơn.

“Gần đây tôi vừa có một cuộc nói chuyện rất khó chịu với ông chủ cũ của cô là Bryce Fenston”, Nakamura tiếp tục. “Và tôi ề rằng” - Anna gần như tức thở - “điều đó đã khiến tôi phải đánh giá lại” - cô cảm thấy mình sắp phát sốt - “nhận xét của tôi về con người ông ta. Tôi muốn cho cô biết rằng mấy hôm nay mỗi ngày cô đã khiến tôi mất 500 đôla vì tôi đã đặt cọc năm triệu đôla theo yêu cầu của cô tại chỗ các luật sư của tôi ở London. Vì vậy tôi muốn nhìn thấy bức tranh Van Gogh càng sớm càng tốt.”

“Tôi có thể bay sang London trong vài ngày tới”. Anna khẳng định với ông ta, “nhưng đầu tiên tôi phải sang Anh quốc để lấy bức tranh đã”.

“Có lẽ không cần thiết phải làm thế”, Nakamura nói. “Tôi có một cuộc gặp với công ty Corns Steel tại London vào ngày thứ Tư, và sẽ sẵn lòng đến trước hẹn một ngày, nếu chuyện đó không gây phiền phức cho Phu nhân Arabella”.

“Chắc chắn mọi chuyện sẽ tốt đẹp”, Anna nói. “Tôi cần phải liên lạc với Arabella, và sau đó sẽ gọi cho thư ký của ông để thống nhất các chi tiết. Lâu đài Wentworth chỉ cách sân bay Heathrow ba mươi phút”.

“Tuyệt vời”, Nakamura nói. “Vậy thì tôi mong tối mai sẽ được gặp cả cô và Phu nhân Arabella ông ta dừng lại. “Tiện đây, Anna, cô đã suy nghĩ gì tới việc về làm giám đốc quỹ của chúng tôi chưa? Bởi vì ông Fenston đã thuyết phục tôi tin một điều: cô xứng đáng được hưởng 500 đôla một ngày”.

Cho dù đây là lần thứ ba Fenston đọc bài báo này, nụ cười vẫn chưa tắt trên khuôn mặt ông ta. Ông ta muốn chia sẻ tin tức này với Leapman ngay, mặc dù ông ta biết có lẽ giờ này Leapman cũng đã biết rõ mọi chuyện. Ông ta liếc nhìn đồng hồ, vừa qua 10 giờ. Leapman không bao giờ muộn, ông ta ở đâu?

Tina đã báo cho ông ta biết rằng ông Jackson, một người định giá bảo hiểm, đang chờ trong phòng khách, và phòng tiếp tân vừa gọi để báo rằng Chris Savage của hãng Christie đang trên đường tới.

“Ngay khi Savage tới”, Fenston ra lệnh, “đưa cả hai người bọn họ sang đây, và bảo ông Leapman tới phòng tôi luôn thể”.

“Sáng nay tôi chưa thấy ông Leapman đâu”, Tina nói.

“Thế thì khi ông ta tới, bảo ông ta sang phòng tôi ngay”. Fenston nói. Nụ cười trở lại khuôn mặt ông ta khi ông ta đọc lại bài báo, Kẻ Sát Nhân Bằng Dao Làm Bếp Tẩu Thoát.

Có tiếng gõ cửa, Tina đưa cả hai người khách sang văn phòng chủ tịch.

“Ông Jackson và ông Savage”, chị nói. Từ cách ăn mặc của họ, người ta có thể dễ dàng biết ai là người môi giới bảo hiểm, ai là người thẩm định nghệ thuật.

Fenston bước lên một bước và bắt tay với một người thấp lùn, hói đầu mặc comple màu xanh hải quân và đeo một chiếc caravat màu xanh dương, ông ta giới thiệu tên mình là Bill Jackson. Fenston gật đầu với Savage, người mà ông ta đã gặp tại hãng Christie vài lần trong mấy năm qua. Ông ta đeo một cái nơ mang nét điển hình nghề nghiệp của mình.

“Tôi muốn nói rõ ngay từ đầu”, Fenston bắt đầu, “rằng tôi chỉ bảo hiểm mỗi bức tranh này”, ông ta vừa nói vừa chỉ tay vào bức Van Gogh trên tường, “với trị giá là 20 triệu đôla”.

“Cho dù nó phải có cái giá gấp năm lần như thế nếu được đem ra đấu giá?”, Savage vừa hỏi vừa chăm chú ngắm nhìn bức tranh mà ông ta vừa mới được thấy lần đầu.

“Tất nhiên là điều đó cũng đồng nghĩa với một mức phí thấp hơn nhiều”, Jackson nói. “Đó là nếu các nhân viên an ninh của chúng tôi đã biết chắc chắn rằng bức tranh được bảo vệ một cách an toàn”.

“Ông cứ ngồi yên đó, ông Jackson, và ông có thể tự trả lời câu hỏi là nó có được bảo vệ một cách chu đáo hay không”.

Fenston bước về phía cửa, nhập một mã số gồm sáu con số lên bảng khoá gần bảng mạch điện rồi rời khỏi căn phòng. Ngay sau khi cánh cửa đóng lại sau lưng ông ta, một tấm lưới sắt xuất hiện từ trên trần, và tám giây sau, nó đã chạm xuống sàn nhà, che kín bức tranh Van Gogh. Đồng thời, những tiếng còi báo động chói tai cất lên.

Jackson vội lấy tay bịt tai lại và nhìn lại phía sau. Một tấm lưới khác đã chắn ngang lối thoát của ông ta ra chiếc cửa duy nhất, ông ta bước lại phía cửa sổ để nhìn xuống dòng người trên

đang chuyển động trên vỉa hè. Vài giây sau, tiếng còi dứt và các tấm lưới được nâng lên trần. Fenston bước trở lại vào phòng, trông ông ta có vẻ tự đắc.

“Rất ấn tượng”, Lackson nói mà cảm thấy tiếng còi vẫn còn xói vào tai mình. “Nhưng vẫn còn một vài câu hỏi mà tôi cần được trả lời”, ông ta nói thêm. “Có bao nhiêu người biết mã số bí mật?”.

“Chỉ có hai chúng tôi”, Fenston nói, “tôi và chánh văn phòng của tôi, và tôi đổi mật mã mỗi tuần một lần”.

“Thế còn chiếc cửa sổ kia”, Jackson nói, “có cách nào mở nó ra không?”.

“Không, đó là kính chống đạn hai lớp, và cho dù ông có thể phá vỡ nó ra, vẫn còn ba mươi hai tầng ở bên dưới nữa mới tới mặt đất”.

“Còn chiếc chuông báo động...?”.

“Nối trực tiếp với công ty bảo vệ Abbott”, Fenston nói. “Họ có một văn phòng trong tòa nhà này, và cam đoan sẽ có mặt trong phòng của ông sau hai phút”.

“Tôi cảm thấy bị thuyết phục rồi đấy”, Jackson nói. “Thuộc loại A theo cách gọi của chúng tôi, có nghĩa là phí chỉ dưới 1 %, tính ra là vào khoảng 200.000 đôla một năm”. Ông ta mỉm cười. “Tôi chỉ ước người Na Uy có được tầm nhìn như ông, ông Fenston ạ, và như thế có lẽ chúng tôi đã không phải trả quá nhiều cho bức tranh *Tiếng Thét*”.

“Nhưng các ông cũng đảm bảo giữ bí mật trong chuyện này chứ?”, Fenston hỏi.

“Tất nhiên”, Jackson khẳng định với ông ta. “Chúng tôi bảo hiểm một nửa kho báu của thế giới, và ông không thể biết khách hàng của chúng tôi là ai, cho dù ông có đột nhập vào trụ sở của chúng tôi ở London đi chăng nữa. Thậm chí tên của khách hàng cũng được mã hoá”.

“Nghe có vẻ thuyết phục đấy”, Fenston nói. “Vậy tất cả những gì cần làm là thủ tục giấy tờ”.

“Tôi sẽ làm ngay”, Jackson nói, “sau khi ông Savage khẳng định giá trị của bức tranh không dưới 20 triệu”.

“Điều đó không quá khó”, Fenston vừa nói vừa quay sang Chris Savage, lúc này đang chăm chú nhìn bức tranh. “Suy cho cùng, ông ấy đã nói khẳng định với chúng ta rằng bức Van Gogh này đáng giá 100 triệu đôla”.

“Bức Van Gogh của Lâu đài Wentworth thì đúng là đáng giá 100 triệu đôla”, Savage nói, “nhưng không phải bức tranh này”, ông ta dừng lại trước khi quay sang nhìn Fenston. “Thứ duy nhất còn nguyên bản là khung tranh”.

“Ông nói gì?”, Fenston vừa nói vừa nhìn chăm chăm lên bức tranh yêu thích như thể có ai đó vừa nói với ông ta rằng đứa con duy nhất của ông ta là con hoang.

“Tôi biết mình nói gì”, Savage nói. “Khung tranh là thật, nhưng bức tranh là giả”.

“Giả ư?”, Fenston lặp lại bằng một giọng lấp bắp. “Nhưng đây là bức tranh của Lâu đài Wentworth mà?”.

“Khung tranh có thể là của Wentworth”, Savage nói, “nhưng tôi có thể khẳng định với ông rằng bức tranh thì không”.

“Sao ông có thể biết chắc như vậy”, Fenston hỏi, “trong khi ông chưa thực hiện bất kỳ một công việc kiểm tra nào?”

“Không cần thiết phải thế”, Savage nói bằng một giọng thông cảm.

“Tại sao?”, Fenston nói bằng một giọng mất bình tĩnh.

“Bởi vì chiếc tai bị băng không phải là chiếc tai đó”, Savage trả lời ngay. “Không phải ư?”, Fenston vừa nói vừa nhìn chăm chăm lên bức tranh trên tường. “Đứa bé nào mà chẳng biết Van Gogh đã cắt tai trái của mình?”.

“Nhưng học sinh nào cũng biết Van Gogh nhìn vào gương khi vẽ chân dung của chính mình, đó là lý do tại sao chiếc tai bị băng là tai phải”. Fenston ngồi sụp xuống chiếc ghế bên bàn làm việc của mình, quay lưng lại phía bức tranh. Savage bước lại phía trước và bắt đầu xem xét bức tranh kỹ hơn. “Điều làm tôi ngạc nhiên là”, ông ta nói thêm, “dù bức tranh này là giả, có ai đó đã đưa nó vào khung tranh thật”. Fenston tím mặt vì giận dữ. “Và tôi phải thú nhận rằng”, Savage tiếp tục, “người đã vẽ nên bức tranh giả này là một họa sỹ tài năng”, ông ta dừng lại. “Tuy nhiên, tôi chỉ có thể định giá bức tranh này ở tầm mười nghìn đôla, và có lẽ” - ông ta lưỡng lự - “10.000 đôla nữa cho khung tranh, và như vậy mức phí 200.000 đôla một năm là hơi quá cao”. Fenston vẫn không nói gì. “Tôi xin lỗi vì đã nói ra những tin xấu như vậy”, Savage kết luận và bước tới trước mặt Fenston. “Tôi chỉ hy vọng là ông đã không phải chia tay với một món tiền quá lớn, và, nếu không may ông đã bỏ tiền ra, ông biết ai phải chịu trách nhiệm về sự lừa dối này”.

“Gọi Leapman cho tôi”, Fenston hét lên, Tina chạy vội sang văn phòng chủ tịch.

“Ông ấy vừa mới tới”, chị nói. “Tôi sẽ nói với ông ấy rằng ngài cần gặp”.

Cả nhân viên của hãng Lloyd và hãng Christie đều hiểu rằng đây không phải là lúc ngồi lại để kiểm một cốc cà phê. Họ yên lặng rút lui, cũng là lúc Leapman lao vào phòng.

“Đây là đồ giả”, Fenston la lên.

Leapman nhìn chăm chăm bức tranh một lúc trước khi đưa ra nhận xét. “Và cả ngài lẫn tôi đều biết ai là người phải chịu trách nhiệm”, cuối cùng ông ta nói.

“Petrescu”, Fenston rít lên.

“Đây là chưa kể đến kẻ đồng lõa của cô ta, kẻ đã cung cấp thông tin cho cô ta kể từ khi cô ta bị ngài sa thải”.

“Ông nói đúng”, Fenston nói và quay về phía chiếc cánh cửa đang mở rồi lại rít lên “Tina”. Một lần nữa, chị lại chạy sang văn phòng chủ tịch.

“Cô có thấy bức tranh kia không?”, ông ta nói, và vẫn chưa thể quay lại nhìn bức tranh. Tina gật đầu, nhưng không nói gì. “Tôi muốn cô cho nó vào thùng, và gửi ngay tới Lâu đài Wentworth, cùng với một yêu cầu...”.

“Trả ngay ba mươi hai triệu 892.000 đôla”, Leapman nói.

“Và sau đó”, Fenston nói, “cô có thể thu dọn đồ đạc của mình và rời khỏi nơi này trong vòng mười phút, bởi vì cô đã bị sa thải, đồ chó cái”.

Tina bắt đầu run khi Fenston đứng dậy và nhìn cô chăm chăm. “Nhưng trước khi rời đi, tôi còn một công việc cuối cùng cho cô”. Tina không thể cử động. “Hãy nói với Petrescu, bạn của cô rằng tôi vẫn chưa gạch tên cô ta khỏi danh sách những người mất tích, được cho là đã chết”.

Anna cảm thấy bữa trưa của cô với Ken Wheatley nhẽ ra đã có thể tốt đẹp hơn. Vì phó chủ tịch của hãng Christie đã nói thẳng ra rằng vụ việc không may khiến cô bị sa thải khỏi hãng vẫn chưa được các đồng nghiệp của cô trong giới nghệ thuật xếp vào kho chuyện của quá khứ. Và mọi chuyện còn tồi tệ hơn khi Fenston đã rêu rao rằng cô bị sa thải vì vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Wheatley thừa nhận rằng chẳng mấy ai tin lời Fenston. Tuy nhiên, họ cảm thấy khó có thể làm mất lòng một khách hàng giàu có như vậy, và điều đó có nghĩa là việc cô muốn quay trở lại nhà đấu giá này không phải là chuyện dễ. Những gì mà Wheatley nói càng khiến cô thêm quyết tâm giúp Jack đưa Fenston, một kẻ vô lương sẵn sàng huỷ hoại cuộc sống của bất kỳ ai, vào tù.

Theo lối nói khéo léo của Ken thì hiện nay không có công việc phù hợp với trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của cô, nhưng ông ta hứa sẽ giữ liên lạc.

Khi Anna rời khỏi tiệm ăn, cô vẫy một chiếc tắc xi. Có lẽ cuộc gặp thứ hai sẽ tốt đẹp hơn. “Số 26 Federal Plaza”, cô nói với người lái xe.

Jack đang đứng ở sảnh của văn phòng New York chờ Anna. Anh không ngạc nhiên khi thấy cô đến sớm mấy phút, mặc dù anh đã chờ cô được một lúc. Ba lính gác nhìn theo Anna khi cô đi xuống mười hai bậc cầu thang dẫn tới cửa ra vào tòa nhà số 26 đường Federal Plaza. Cô nói tên mình với một người lính gác, và anh ta hỏi xem giấy tờ tùy thân của cô. Cô đưa cho anh ta tấm bằng lái xe của mình, anh ta xem kỹ rồi viết tên cô vào sổ.

Jack mở cửa cho cô.

“Tôi không nghĩ cuộc hẹn hò đầu tiên sẽ như thế này”, Anna vừa nói vừa bước vào bên trong.

“Tôi cũng thế”, Jack nói, “nhưng sếp của tôi muốn cô không nghi ngờ gì về việc ông ấy đánh giá cuộc gặp này quan trọng đến mức nào”.

“Tại sao, bây giờ đến lượt tôi bị bắt à?”, Anna hỏi.

“Không, nhưng ông ấy hy vọng cô có thể giúp chúng tôi”.

“Vậy thì chúng ta cùng đi đeo chuông vào cổ mèo”.

“Một câu nói quen thuộc của cha cô”, Jack nói.

“Sao anh biết?”, Anna hỏi. “Anh cũng có hồ sơ điều tra về cha tôi à?”.

“Không”, Jack cười, cũng là lúc họ bước vào thang máy. “Đó là một trong những gì mà cô đã nói cho tôi biết trên máy bay trong đêm đầu tiên của chúng ta”.

Jack đưa Anna lên tầng thứ mười chín, nơi Dick Macy đang chờ ngoài hành lang để đón cô.

“Cảm ơn cô vì đã nhận lời mời đến đây, Tiến sỹ Petrescu”, ông ta nói như thể cô có quyền lựa chọn. Anna không bình luận gì. Macy đưa cô vào văn phòng của mình và mời cô ngồi xuống một chiếc ghế êm ái bên bàn làm việc của ông ta.

“Cho dù đây là một cuộc gặp không có ghi âm”, Macy bắt đầu, “tôi không thể nói hết mức độ quan trọng mà Cục của chúng tôi đánh giá về sự giúp đỡ của cô”.

“Tại sao các ông cần sự giúp đỡ của tôi?”, Anna hỏi. “Tôi nghĩ các ông đã bắt giữ Leapman và hiện nay ông ta đang được canh giữ cẩn thận”.

“Chúng tôi đã thả ông ta ra sáng nay”, Macy nói.

“Thả ông ta?” Anna nói. “Hai triệu không đủ à?”.

“Thừa đủ”, Macy thừa nhận. “Đó là lý do tại sao tôi phải can dự vào. Chuyên môn của tôi là thương thuyết với những người bị bắt về khả năng được hưởng sự khoan hồng của họ, và lúc 9 giờ sáng nay, Leapman đã ký một thoả thuận với Công tố Quận Nam để đảm bảo rằng nếu ông ta hợp tác đầy đủ với chúng tôi trong cuộc điều tra, ông ta sẽ chỉ phải ngồi tù 5 năm”.

“Nhưng đó chưa phải là lý do khiến các ông thả Leapman”, Anna nói.

“Bởi vì Leapman khẳng định ông ta có thể chứng minh mối quan hệ tài chính trực tiếp giữa Fenston và Krantz, nhưng ông ta phải trở lại văn phòng Phố Wall của mình để có thể lấy được những tài liệu cần thiết, bao gồm cả sổ tài khoản, và một số vụ chi trả bất hợp pháp vào các tài khoản ngân hàng khác nhau trên khắp thế giới”.

“Ông ta có thể lừa các ông”, Anna nói. “Suy cho cùng, phần lớn các tài liệu liên quan đều không còn sau khi Tháp Bắc sụp đổ”.

“Đúng vậy”, Macy nói, “nhưng nếu ông ta làm thế, tôi đã nói rõ với ông ta rằng ông ta chỉ còn nước ngồi tù cho đến hết đời tại Sing Sing”.

“Có vẻ như đó là một sáng kiến”, Anna nói.

“Leapman cũng đồng ý trở thành người làm chứng của chính phủ”, Jack nói, “nếu vụ việc được đưa ra tòa”.

“Vậy thì hãy tỏ lòng biết ơn khi Krantz đã bị bắt giữ, nếu không người làm chứng quý giá của các ông cũng chẳng làm gì nổi Fenston”. Macy nhìn Jack, và không che giấu nổi sự ngạc nhiên của mình. “Cô chưa đọc ấn bản của tờ *Thời báo New York* sáng nay à?”, ông ta quay sang Anna hỏi.

“Chưa”, Anna thú nhận. Cô vẫn chưa hiểu họ đang nói về chuyện gì.

Macy mở tập hồ sơ trước mặt, lấy ra một bài báo và đưa cho Anna.

Olga Krantz, được biết tới như là một sát thủ chuyên sử dụng dao làm bếp làm vũ khí giết người và vai trò đồng phạm của cô ta trong chế độ tàn bạo của Ceausescu, đã tẩu thoát khỏi một bệnh viện được canh gác nghiêm ngặt ở Bucharest vào tối hôm qua. Người ta cho rằng Krantz đã trốn đi trong một bộ quần áo của nhân viên bốc vác trong bệnh viện. Sau đó người ta đã phát hiện thấy một sỹ quan cảnh sát canh gác cô ta...

“Tôi sẽ phải liên tục ngoái nhìn qua vai trong suốt phần đời còn lại của mình”, Anna nói, trước cả khi cô đọc xong đoạn cuối.

“Tôi không nghĩ vậy”, Jack nói. “Krantz sẽ không vội trở về Mỹ, khi cô ta đã có tên trong danh sách chín người bị FBI truy nã gắt gao nhất. Cô ta cũng sẽ nhận ra rằng chúng ta đã đưa mô tả chi tiết về cô ta tới mọi cửa ngõ ra vào nước Mỹ, cũng như cho Interpol. Nếu cô ta bị chặn lại và

bị hỏi han, cô ta sẽ không thể giải thích được vết thương trên vai phải của mình”.

“Nhưng điều đó cũng không ngăn được hành động trả thù của Fenston”.

“Tại sao ông ta lại phải làm điều đó?”, Jack hỏi. “Một khi ông ta đã có bức tranh Van Gogh, và cô đã không còn gây nguy hiểm cho ông ta”.

“Nhưng ông ta chưa có được bức Van Gogh”, Anna vừa nói vừa cúi đầu.

“Cô muốn nói gì?”, Jack hỏi.

“Tôi mới nhận được một cú điện thoại của Tina, ngay trước lúc tôi rời nhà tới đây. Chị ấy cảnh báo với tôi rằng Fenston đã gọi một chuyên gia của hãng Christie tới để định giá bảo hiểm cho bức tranh. Một chuyện mà trước đây ông ta chưa bao giờ làm”.

“Nhưng thế thì có gì là lạ?”, Jack nói. Anna ngẩng đầu lên. “Bởi vì đó là tranh giả”.

“Một bức tranh giả à?”, cả hai người đàn ông cùng lên tiếng.

“Đúng thế, và đó là lý do tại sao tôi bay sang Bucharest. Tôi nhờ một người bạn, một họa sỹ thiên tài về thể loại chân dung, sao một bản của bức tranh đó”.

“Điều này giải thích tại sao trong phòng khách của cô lại có một bức tranh đẹp như vậy”, Jack nói.

“Anh đã ở trong phòng khách của tôi à?”, Anna nói.

“Chỉ khi tôi tin rằng cuộc sống của cô đang bị đe dọa”, Jack trầm giọng nói. “Nhưng...”, Anna bắt đầu.

“Và điều này cũng giải thích”, Macy nói chen vào, “tại sao cô lại gửi một chiếc thùng màu đỏ tới London, thậm chí còn để hãng Art Locations tham dự vào và chuyển nó tới New York cho Fenston”.

Anna gật đầu.

“Nhưng cô phải biết rằng đến một lúc nào đó, ông ta cũng sẽ phát hiện ra chứ?”, Jack hỏi.

“Đến một lúc nào đó, đúng vậy”, Anna nói. “Vấn đề là ở chỗ đó. Tất cả những gì tôi cần là có đủ thời gian để bán bức tranh gốc, trước khi Fenston biết rõ ý định của tôi”.

“Vậy là khi người bạn Anton của cô đang sao lại bức tranh, cô bay sang Tokyo để tìm cách bán bản gốc cho Nakamura”.

Anna gật đầu.

“Nhưng cô có thành công không?”, Macy hỏi.

“Có”, Anna nói. “Nakamura đồng ý mua bản gốc với giá 50 triệu đôla, như thế là thừa đủ để Arabella thanh toán hết các món nợ của chị mình với Fenston Finance trong khi vẫn giữ được toàn bộ những gì còn lại của Lâu đài”.

“Nhưng bây giờ khi Fenston đã biết rằng ông ta đang giữ một bức tranh giả, ông ta sẽ liên lạc với Nakamura và nói cho ông ta biết ý định của cô”.

“Ông ta đã làm thế”, Anna nói.

“Vây là cô về số không”, Macy nói. “Không”, Anna vừa nói vừa mỉm cười. “Nakamura đã gửi 5 triệu đôla tiền đặt cọc cho các luật sư của ông ta tại London, và đã đồng ý sẽ thanh toán hết ngay sau khi ông ta đã cho thẩm định bức tranh”.

“Cô có đủ thời gian không?”, Macy hỏi.

“Tối nay tôi sẽ bay đi London”, Anna nói, “và Nakamura có kế hoạch sẽ gặp chúng tôi tại Lâu đài Wentworth vào tối mai”.

“Có vẻ như rất gấp rút”, Jack nói. “Không, nếu Leapman không trở mặt”, Macy nói. “Đừng quên những gì mà ông ta đã lên kế hoạch cho tối nay”.

“Tôi có thể biết các anh định làm gì không?”, Anna hỏi.

“Không”, Jack nói một cách dứt khoát. “Cô cứ lên máy bay đi London và giải quyết công việc của mình đi, còn chúng tôi sẽ tiếp tục với nhiệm vụ của mình”.

“Công việc của các anh có bao gồm cả việc theo dõi Tina không?”, Anna trầm giọng hỏi.

“Tại sao chúng tôi lại phải làm việc đó?”, Jack hỏi.

“Chị ấy vừa bị đuổi việc sáng nay”.

“Vì lý do gì?”, Macy hỏi.

“Vì Fenston phát hiện ra rằng chị ấy đã báo cho tôi biết tất cả những ý định của ông ta, vì vậy tôi sợ rằng mình đã đặt cuộc đời chị ấy vào vòng nguy hiểm”.

“Tôi đã lầm về Tina”, Jack thú nhận, rồi anh nhìn sang Anna và nói thêm, “và tôi xin lỗi. Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao cô ấy lại nhận lời làm việc cho Fenston”.

“Tôi có cảm giác là tôi sẽ tìm ra câu trả lời vào tối nay”, Anna nói. “Chúng tôi sẽ gặp nhau và đi uống nước trước khi tôi ra sân bay”.

“Nếu cô có chút thời gian rảnh trước khi cất cánh, hãy gọi điện cho tôi. Tôi sẽ rất nóng lòng muốn được biết câu trả lời cho điều bí ẩn đó”.

Anna gật đầu.

“Còn một điều bí ẩn nữa mà tôi muốn làm rõ trước khi cô ra về. Tiến sỹ Petrescu ạ”, Macy nói.

Anna quay sang nhìn ông sếp của Jack.

“Nếu Fenston đang giữ một bức tranh giả, vậy thì bức tranh gốc ở đâu?”, ông ta hỏi.

“Ở Lâu đài Wentworth”, Anna trả lời. “Sau khi lấy lại bức tranh từ hãng Sotheby, tôi bắt tắc xi và đưa nó thẳng tới chỗ Arabella. Thứ duy nhất mà tôi mang theo là chiếc thùng màu đỏ và khung tranh gốc”.

“Rồi cô mang sang Bucharest để người bạn Anton của cô có thể lắp bức tranh giả vào khung tranh thật, và cô hy vọng như thế là đủ để thuyết phục Fenston tin rằng ông ta đã có được bức

chân dung đích thực của Van Gogh”.

“Và mọi chuyện sẽ là như vậy nếu ông ta không quyết định bảo hiểm cho bức tranh ấy”.

Yên lặng vài giây, rồi Macy nói: “Và cô đã làm tất cả những chuyện đó trước mặt Jack”.

“Đúng thế”, Anna vừa nói vừa mỉm cười.

“Vậy cho tôi hỏi một câu cuối cùng, Tiến sỹ Petrescu”, Macy tiếp tục, “bức tranh Van Gogh đã ở đâu khi hai nhân viên có kinh nghiệm nhất của tôi ăn sáng với cô và Phu nhân Arabella tại Lâu đài Wentworth?”.

“Thỉnh nguyện Tu chính Thứ Năm”, Jack nói bằng một giọng cầu xin.

“Trong phòng ngủ mang tên Van Gogh”, Anna trả lời, “ngay phía trên đầu họ, ở tầng hai”.

“Rất gần”, Macy nói.

Krantz đợi cho đến tiếng chuông thứ mười, và một giọng nói cất lên hỏi cô ta: “Cô đang ở đâu?”.

“Gần biên giới nước Nga”, cô ta nói. “Tốt, bởi vì cô không thể quay trở về New York lúc này khi tên của cô vẫn thường xuyên xuất hiện trên tờ *Thời báo New York*”.

“Đó là chưa kể tới danh sách truy nã đặc biệt của FBI”, Krantz thêm vào. “Mười lăm phút nổi tiếng”, Fenston nói. “Nhưng tôi có một công việc mới cho cô đây”.

“Ở đâu?”, Krantz hỏi.

“Lâu đài Wentworth”.

“Tôi không thể liều quay trở lại đó lần thứ hai...”.

“Cho dù tôi trả gấp đôi tiền?”.

“Vẫn quá mạo hiểm”.

“Cô sẽ không nghĩ thế nếu tôi cho cô biết tôi muốn cắt cổ ai”.

“Tôi đang nghe đây”, cô ta nói, và khi Fenston nói ra cái tên mà ông ta muốn trở thành nạn nhân tiếp theo của mình, cô ta chỉ nói: “ông sẽ trả tôi 2 triệu đôla cho việc đó?”.

“3 triệu, nếu cô có thể giết luôn Petrescu - cô ta sẽ ở đó qua đêm”. Krantz lưỡng lự.

“Và sẽ là 4, nếu cô ta là nhân chứng khi cái họng thứ nhất bị cắt đứt”, Fenston nói thêm.

Yên lặng một lúc, trước khi Krantz nói: “Tôi muốn được trả trước 2 triệu”.

“Ở chỗ cũ à?”.

“Không”, cô ta trả lời, và nói cho ông ta biết một mã số tài khoản ở Moscow.

Fenston đặt ống nghe xuống và bấm nút chuyển đường dây để gọi cho Leapman.

“Tôi cần phải gặp ông - ngay bây giờ”.

Trong khi chờ Leapman, Fenston bắt đầu viết ra những gì mà ông ta muốn bàn: Van Gogh, Tiền, Tài sản của Wentworth, Petrescu. Ông ta vẫn đang còn đang ngoáy bút khi có tiếng gõ cửa.

“Cô ta đã trốn thoát”, Fenston nói khi Leapman đã khép cửa lại.

“Vây là *Thời báo New York* đã đưa tin chính xác”, Leapman nói, và hy vọng giọng nói của mình không để lộ sự lo lắng.

“Đúng, nhưng điều họ không biết là cô ta đang trên đường tới Moscow”.

“Cô ta có dự định quay trở lại New York không?”

“Không phải trong lúc này”, Fenston nói. “Cô ta không thể mạo hiểm trong khi lực lượng an ninh đang lùng sục như vậy”.

“Đúng là như vậy”, Leapman nói, và cố để giọng nói của mình không để lộ sự nhẹ nhõm.

“Trong khi đó, tôi đã giao cho cô ta một công việc khác”, Fenston nói. “Lần này sẽ là ai vậy?”, Leapman hỏi.

Leapman lắng nghe và không tin ở tai mình khi Fenston nói ra tên nạn nhân tiếp theo của ông ta, và tại sao cô ta không thể cắt tai trái của họ. “Bức tranh giả đã được gửi tới Lâu đài Wentworth rồi chứ?”, Fenston hỏi, trong khi Leapman đang nhìn chăm chăm lên bức ảnh chụp cảnh vị chủ tịch đang bắt tay với George W. Bush khi vị Tổng thống tới thăm Bãi Trống. Lúc này bức ảnh đó đã quay trở lại vị trí trang trọng của nó sau bàn làm việc của Fenston.

“Chuyện đó đã xong, thưa ngài. Art Locations đã nhận bức tranh vào sáng nay”, Leapman trả lời, “và sẽ đưa nó tới Lâu đài Wentworth vào ngày mai. Tôi cũng đã nói chuyện với luật sư của chúng ta tại London. Lệnh tạm thời tịch biên tài sản sẽ được một quan tòa xem xét vào thứ Tư, vì vậy đến lúc đó nếu bà ta chưa trả lại bức tranh gốc cho chúng ta, Tài sản của Lâu đài Wentworth sẽ nghiễm nhiên trở thành tài sản của ngài, và chúng ta có thể bắt đầu bán toàn bộ phần còn lại của bộ sưu tập cho đến khi thu hồi hết nợ. Xin nhắc ngài là chuyện đó phải mất nhiều năm”.

“Nếu Krantz thực hiện tốt công việc của cô ta tối nay, Lâu đài Wentworth sẽ không bao giờ trả được nợ”, Fenston nói, “đó là lý do tôi gọi ông sang đây. Tôi muốn ông đưa toàn bộ phần còn lại trong bộ sưu tập của Wentworth ra đấu giá trong một ngày gần nhất khi có cơ hội. Hãy chia đều các bức tranh cho Christie, Sotheby, Phillips và Bonhams, và hãy nhớ là phải bán tất cả cùng một lúc”.

“Nhưng như thế sẽ làm thị trường bị chìm ngập, và chắc chắn sẽ kéo giá hạ xuống”.

“Đó chính là điều tôi cần”, Fenston nói. “Nếu tôi nhớ không nhầm, Petrescu đã đánh giá toàn bộ các bức tranh còn lại trong bộ sưu tập ấy đáng giá khoảng 30 triệu đôla, và tôi sẽ rất hài lòng nếu thu về được khoảng 15 hay 20 triệu từ đó”.

“Nhưng như thế vẫn còn thiếu 10 triệu nữa”.

“Buồn thế”, Fenston vừa nói vừa mỉm cười. “Trong trường hợp đó, tôi sẽ không còn cách nào

khác ngoài việc rao bán Lâu đài Wentworth và tất cả những gì có trong đó, cho tới bộ áo giáp cuối cùng". Fenston dừng lại. "Vì vậy ông hãy đặt khu bất động sản ấy vào tay ba đại lý hàng đầu ở London. Hãy nói với họ rằng họ có thể in những tờ rơi màu mè nhất, quảng cáo trên những tờ tạp chí lớn nhất, và thậm chí có thể bao cả nửa trang báo trên một tờ báo cấp quốc gia nào đó. Đến khi tôi giải quyết xong vụ này với Phu nhân Arabella, bà ta không những sẽ bị trắng tay mà còn, ông biết báo chí Anh quốc đấy, sẽ bị hạ nhục không còn đất sống".

"Thế còn Petrescu?".

"Đơn giản là cô ta không gặp may khi cô ta có mặt ở chỗ không nên có mặt", Fenston nói và nở một nụ cười nham hiểm.

"Vậy là Krantz có thể bắn chết hai con chim bằng một mũi tên", Leapman nói.

"Đó là lý do tại sao tôi muốn ông tập trung vào việc làm cho Lâu đài Wentworth phải phá sản, để Phu nhân Arabella phải chịu đựng một cái chết từ từ".

"Tôi sẽ bắt tay ngay vào việc đó", Leapman nói và quay người bước đi. "Chúc ngài may mắn với bài phát biểu của mình, thưa chủ tịch", ông ta nói thêm khi ra đến cửa.

"Bài phát biểu của tôi?", Fenston nói. Leapman quay lại nhìn Fenston. "Tôi nghĩ ngài sẽ có bài phát biểu trong bữa tiệc tối thường niên của các chủ nhà băng vào tối nay tại Sherry Netherlands".

"Chúa ơi, đúng thế. Không biết con chó cái Tina đã vút bài phát biểu của tôi ở đâu?".

Leapman mỉm cười, nhưng là khi ông ta đã khép cánh cửa văn phòng chủ tịch lại sau lưng mình, ông ta quay trở về phòng, ngồi xuống bàn làm việc và cân nhắc tất cả những gì mà Fenston vừa mới nói với mình. Một khi FBI biết rõ tối mai Krantz sẽ có mặt ở đâu, và ai là nạn nhân tiếp theo của cô ta, ông ta tin chắc rằng văn phòng chương lý quận sẽ đồng ý giảm án tù của ông ta hơn nữa. Và nếu ông ta có thể đưa ra những bằng chứng quan trọng cho thấy mối quan hệ trực tiếp giữa Fenston và Krantz, họ thậm chí còn có thể chấp nhận cho ông ta được hưởng tù treo.

Leapman lấy chiếc camera, do FBI cung cấp, từ túi áo trong ra và bắt đầu tính xem ông ta có thể chụp được bao nhiêu trang tài liệu trong khi Fenston đi dự tiệc.

Vào lúc 7 giờ 16 phút tối, Leapman tắt điện trong phòng làm việc của mình và bước ra hành lang, ông ta đóng cửa lại, nhưng không khoá. Ông ta bước về phía thang máy, và biết rõ chỉ còn một vệt ánh sáng duy nhất hắt ra từ dưới chân cánh cửa văn phòng chủ tịch, ông ta bước vào một buồng thang máy không có người và nhanh chóng xuống dưới tầng trệt. Ông ta chậm chậm bước lại quầy tiếp tân và ký vào sổ theo dõi. Lúc đó là 7 giờ 19 phút. Một người phụ nữ đứng sau ông ta tiến lên ký vào sổ khi Leapman lùi lại một bước, mắt ông ta vẫn không rời hai người bảo vệ sau quầy. Một người đang theo dõi dòng người chậm chậm rời khỏi tòa nhà, trong khi người kia thì đang nhận một gói hàng cần phải có ký nhận. Leapman tiếp tục lùi cho đến khi ông ta tới chiếc thang máy không người, ông ta bước vào trong và đứng sang một bên để hai người bảo vệ không thể trông thấy mình. Ông ta bấm nút 31. Không đầy một phút sau, ông ta đã bước ra một hành lang vắng lặng.

Ông ta đi về phía cuối hành lang, mở cánh cửa thoát hiểm ra và bước lên các bậc cầu thang tới tầng ba mươi hai. Ông ta đẩy nhẹ cánh cửa, cố không gây tiếng động nào dù là nhỏ nhất. Rồi ông ta rón rén đi dọc chiếc hành lang dài trải thảm về phía phòng mình. Ông ta nhìn quanh, chỉ có một vệt sáng mờ hắt ra từ dưới chân chiếc cánh cửa của văn phòng chủ tịch. Ông ta khẽ đẩy chiếc cánh cửa phòng mình, bước vào trong và khoá lại. Ông ta ngồi xuống chiếc ghế sau bàn làm việc, nhưng không bật đèn.

Ông ta ngồi trong bóng tối và kiên nhẫn chờ đợi.

Fenston đang cân nhắc đơn xin vay tiền của một người tên là Michael Karraway. Người này muốn vay 14 triệu đôla để đầu tư vào các nhà hát địa phương, ông ta là một nghệ sỹ thất nghiệp không tên tuổi. Nhưng bù lại, ông ta có một bà mẹ luôn nuông chiều ông ta, và đã để lại cho ông ta một bức tranh của Matisse, *Nhìn từ phòng ngủ*, và một trang trại rộng một nghìn mẫu ở Vermont. Fenston ngắm nhìn người phụ nữ trẻ khoả thân đang nhìn ra ngoài cửa sổ trong bức tranh và quyết định sẽ chỉ đạo Leapman soạn thảo một bản hợp đồng. Fenston đặt tờ đơn sang một bên và bắt đầu xem xét kỹ catalog mới nhất của hãng Christie, ông ta dừng lại một lúc trước bản chụp bức tranh *Vũ nữ trước gương* của Degas, nhưng rồi lật ngay sang trang khác khi thấy nó được định giá quá thấp. Suy cho cùng, Pierre de Rochelle đã cung cấp cho ông ta một bức của Degas, *Người dạy nhảy*, với một cái giá hợp lý hơn nhiều.

Fenston tiếp tục xem xét giá cả của từng bức tranh, và một nụ cười thường xuất hiện trên môi ông ta mỗi khi ông ta thấy bộ sưu tập của mình đang lên giá như thế nào. Ông ta nhìn đồng hồ: 7 giờ 43 phút. “Chết tiệt”, Fenston chửi thề vì nhận thấy rằng ông ta có nhiều khả năng sẽ bị muộn, không kịp để đọc bài phát biểu của mình tại bữa tiệc của các chủ nhà băng, ông ta cầm cuốn catalog lên và đi vội ra phía cửa. Ông ta nhập mật mã gồm sáu con số lên bảng mã gần công tắc điện, bước ra hành lang và đóng cửa lại. Tám giây sau khi Fenston khoá cửa, ông ta nghe thấy tiếng những tấm lưới bảo vệ hạ xuống.

Lúc ở trong buồng thang máy khi đi xuống, Fenston ngạc nhiên khi thấy bức *Những người quét đường* của Caillebotte lại được định giá thấp như vậy. Ông ta đã kiếm được một phiên bản lớn hơn với cái giá bằng một nửa từ một khách hàng vừa bị ông ta làm cho phá sản trong thời gian gần đây. Khi cửa buồng thang máy mở ra, ông ta đi vội tới quầy tiếp tân và ký vào sổ theo dõi. 7 giờ 48 phút tối.

Trong lúc sải bước qua sảnh, ông ta có thể nhìn thấy người lái xe riêng của mình đang chờ ở dưới chân thềm. Ông ta vẫn chăm chú vào cuốn catalog trong khi leo lên xe và ngồi vào ghế sau. Ông ta cảm thấy bức mình khi giở sang trang bên và thấy bức tranh *Thợ gặt trên đồng* của Van Gogh, được định giá thấp, 27 triệu đôla. Ông ta chửi thề. Nó không cùng loại với bức *Chân dung người cụt tai*. “Xin lỗi ngài”, người lái xe nói, “nhưng ngài vẫn đi dự bữa tiệc của hiệp hội ngân hàng chứ ạ?”.

“Ừ, vì thế phải nhanh lên”, Fenston vừa nói vừa giở sang trang khác của cuốn catalog.

“Nhưng mà...”, người lái xe vừa nói vừa cầm một tấm thiệp có nhũ vàng từ chiếc ghế bên cạnh lên.

“Nhưng mà cái gì?”, Fenston hỏi. “Giấy mời nói là mặc áo xmoêckinh”. Anh ta quay lại phía sau và đưa tấm thiệp cho Fenston.

“Chết tiệt”, Fenston nói và vứt cuốn catalog sang một bên. Nếu còn Tina thì chắc chắn là chị đã chuẩn bị áo xmoêckinh cho ông ta. Ông ta nhảy ra khỏi xe, trước cả khi người tài xế kịp mở cửa sau, và nhảy qua hai bậc thềm một tới cửa ra vào, đi nhanh qua quầy tiếp tân, và không dừng lại để ký sổ. Ông ta đi vội tới chiếc thang máy đang chờ và bấm nút lên tầng ba mươi hai.

Khi bước ra khỏi thang máy, thứ đầu tiên ông ta nhận thấy là một vệt ánh sáng thoát ra từ dưới khe cửa văn phòng của mình, ông ta có thể thề là đã tắt điện sau khi đặt chuông báo động, hay là ông ta đã quá chú tâm vào cuốn catalog và đã quên làm chuyện đó? ông ta vừa chuẩn bị nhập mã số vào bảng mã bên cánh cửa thì nghe thấy một tiếng động phát ra từ bên trong.

Fenston lưỡng lự, băn khoăn không hiểu đó là kẻ nào. Ông ta đứng yên trong khi chờ để xem kẻ đột nhập có phát hiện ra sự có mặt của mình không. Không. Ông ta thận trọng lùi lại, lách mình vào căn phòng bên cạnh và nhẹ nhàng khép cửa lại.

Ông ta ngồi xuống ghế của cô thư ký của mình và bắt đầu tìm chiếc công tắc. Leapman đã cảnh báo với ông ta rằng Tina có thể theo dõi mọi thứ diễn ra trong phòng ông ta. Sau khi tìm kiếm một lúc, ông ta đã phát hiện ra chiếc công tắc dưới chiếc bàn làm việc. Ông ta bật chiếc công tắc, và một màn hình nhỏ ở góc bàn sáng lên. Ông ta có thể nhìn rõ toàn bộ bên trong căn phòng của mình. Fenston nhìn chăm chăm vào màn hình và không tin ở mắt mình.

Leapman đang ngồi ở bàn làm việc của chủ tịch, với một tập hồ sơ trước mặt. Ông ta đang chậm chậm lật từng trang, đôi khi dừng lại đọc kỹ một đầu mục nào đó, và lúc lúc lại lấy ra một tờ giấy nào đó từ tập hồ sơ, đặt lên bàn và chụp ảnh bằng một thiết bị nào đó trông giống như một chiếc máy ảnh kỹ thuật cao.

Nhiều suy nghĩ lướt qua đầu Fenston. Chắc chắn Leapman đang thu thập tài liệu, để một lúc nào đó sẽ tổng tiền ông ta. Có thể Leapman đang muốn bán tài liệu cho một ngân hàng đối thủ nào đó. IRS cuối cùng đã xiết được Leapman và buộc Leapman phải đánh đổi ông chủ của mình để lấy sự an toàn. Nhiều khả năng là tổng tiền.

Rõ ràng Leapman không vội. Ông ta đã tính toán để chọn thời điểm này. Sau khi kết thúc với một tập hồ sơ, ông ta trả nó lại chỗ cũ và chọn một tập hồ sơ khác. Cách làm của ông ta vẫn không có gì thay đổi: chậm chậm xem kỹ nội dung, nghiên cứu cẩn thận một số mục nào đó, và lúc lúc lại lấy ra một tờ nào đó trong tập hồ sơ rồi chụp ảnh.

Fenston cân nhắc một vài phương án giải quyết, trước khi cuối cùng lựa chọn một cách làm mà ông ta cho là xứng đáng với Leapman.

Đầu tiên, Fenston viết ra trình tự của các sự kiện cần có để đảm bảo ông ta không bị mắc kẹt.

Sau khi tin chắc rằng mình đã nắm vững trình tự đó, ông ta tắt một chiếc công tắc để chặn mọi cuộc gọi đến và đi từ văn phòng của mình, ông ta kiên nhẫn ngồi đợi tại bàn làm việc của thư ký cho đến khi ông ta thấy Leapman mở một tập hồ sơ khác. Ông ta lén ra hành lang, và dừng lại trước cánh cửa văn phòng của mình. Fenston nhắm lại trình tự đã sắp đặt trong đầu mình, rồi bước lên phía trước. Đầu tiên, ông ta nhập mã số chính xác, 170690, lên bảng mã, như thể ông ta đang chuẩn bị ra về. Rồi ông ta xoay chìa khoá trong ổ và thận trọng hé mở chiếc cánh cửa ra, không quá 1 inch. Sau đó ông ta ngay lập tức đóng cửa lại. Tiếng chuông báo động chói tai vang lên, và Fenston đợi tám giây cho đến khi các tấm lưới bảo vệ đã hạ xuống. Rồi ông ta nhanh chóng nhập mã số của tuần trước, 170680, mở cánh cửa ra rồi đóng lại ngay. Ông ta có thể nghe thấy tiếng Leapman chạy qua căn phòng; rõ ràng Leapman hy vọng rằng nếu nhập mã số chính xác, ông ta có thể khiến chuông báo động ngừng kêu và khiến các tấm lưới bảo vệ rút lên trần. Nhưng đã quá muộn, bởi vì các tấm lưới bảo vệ đã bám chặt xuống sàn, và những tiếng chuông báo động chói tai vẫn vang lên dồn dập. Fenston biết mình chỉ còn vài giây để kết thúc việc này mà không bị bắt. Ông ta chạy trở vào phòng bên cạnh và vội đọc lướt qua những ghi chú mà ông ta đã để lại trên bàn làm việc của thư ký. Ông ta quay số báo động khẩn cho công ty bảo vệ Abbott.

Một giọng nói cất lên: “Trực ban xin nghe”.

“Tôi là Bryce Fenston, chủ tịch ngân hàng Fenston Finance”, ông ta nói một cách chậm rãi, nhưng bằng một giọng thể hiện quyền lực. “Chuông báo động đã bị kích hoạt tại văn phòng của tôi trên tầng ba mươi hai. Có lẽ tôi đã nhập mã số của tuần trước vì nhầm lẫn, và tôi muốn báo cho các ông biết rằng đây không phải là báo động khẩn”.

“Xin ngài nhắc lại tên mình?”.

“Bryce Fenston”, ông ta phải nói như quát vào tai nghe điện thoại để át tiếng chuông.

“Ngày sinh?”.

“12 tháng 2 năm 1962”.

“Tên khai sinh?”.

“Madejski”.

“Mã số cá nhân?”.

“1-0-0-2-1”

“Cảm ơn ngài. Chúng tôi sẽ cho người lên tầng ba mươi hai ngay. Các kỹ sư đang giải quyết một sự cố tại tầng mười bảy, nơi có một người bị kẹt trong thang máy, và vậy có lẽ phải mất vài phút họ mới tới chỗ ngài”.

“Không cần phải vội”, Fenston nói bằng một giọng như không có chuyện gì xảy ra, “hiện nay không có ai làm việc trên tầng này và văn phòng của tôi sẽ không mở cửa trước bảy giờ sáng ngày hôm sau”.

“Chắc chắn là không cần phải mất nhiều thời gian như thế đâu”, viên bảo vệ trực ban nói, “nhưng nếu ngài cho phép, chúng tôi sẽ chuyển từ mức báo động sang mức ưu tiên”.

“Được thôi”, Fenston nói to trong tiếng chuông báo động đổ liên hồi. “Nhưng còn một khoản tiền phí ngoài giờ là 500 đôla”.

“Có vẻ hơi đắt”, Fenston nói.

“Đó là quy định chung cho những trường hợp như thế này thưa ngài”, viên bảo vệ trực ban trả lời. “Tuy nhiên, nếu ngài có thể đích thân tới quầy tiếp tân để thông báo, và ký vào sổ trực của chúng tôi, thì phí tổn sẽ chỉ còn 250 đôla”.

“Tôi đang tới đây”, Fenston nói. “Nhưng tôi cần phải nói rằng”, viên bảo vệ trực ban nói tiếp, “nếu ngài làm như thế, ngài sẽ được đưa xuống hàng bình thường và trong trường hợp đó, chúng tôi sẽ không thể giúp ngài cho đến khi chúng tôi đã giải quyết tất cả các trường hợp khẩn cấp và ưu tiên khác”.

“Không thành vấn đề”, Fenston nói “Nhưng dù gì thì ngài hãy tin rằng dù chúng tôi có bao nhiêu cuộc gọi đi chẳng nữa, trường hợp của ngài sẽ được giải quyết trong vòng bốn giờ tới”.

“Cảm ơn”, Fenston nói. “Tôi sẽ đi xuống báo với quầy tiếp tân ngay bây giờ”.

Ông ta gác ống nghe và bước trở ra hành lang. Khi đi qua văn phòng của mình, ông ta có thể nghe thấy tiếng Leapman đang dậm thình thình lên cửa như một con thú bị bẫy. Nhưng tiếng la hét của Leapman bị những tiếng chuông báo động át đi. Fenston tiếp tục đi về phía thang máy. Cho dù ở khoảng cách gần năm mươi bộ, tiếng chuông báo động vẫn làm ông ta đình tại nhức óc.

Sau khi bước ra khỏi buồng thang máy ở tầng trệt, ông ta đi thẳng tới quầy tiếp tân.

“A, ngài Fenston”, viên bảo vệ trực ban nói. “Xin ngài ký vào đây, và điều đó sẽ giúp ngài tiết kiệm được 250 đôla”.

Fenston đưa cho viên bảo vệ một tờ 10 đôla. “Cảm ơn ngài”, anh ta nói. “Không cần phải vội, tôi là người cuối cùng”, Fenston nói rồi đi vội ra phía cửa trước.

Khi xuống tới chỗ chiếc xe đang chờ, Fenston liếc nhìn lên chỗ văn phòng của mình, ông ta có thể nhìn thấy một bóng người rất nhỏ đang dậm lên cửa sổ. Người tài xế đóng cửa xe lại và quay về chỗ ngồi của mình sau vô lăng. Anh ta có vẻ ngạc nhiên.

Ông chủ của anh ta vẫn chưa thay quần áo.

Jack dừng xe lại trên phố Broad lúc 9 giờ 30 phút. Anh bật radio lên và lắng nghe bài “Cousin Brucie” trên sóng FM 101.1, trong khi anh ngồi ngả người ra sau để chờ Leapman. Điểm hẹn của họ là do Leapman chọn, và ông ta đã yêu cầu người của FBI chờ mình trong khoảng thời gian từ 10 đến 11 giờ, vì ông ta hy vọng tới lúc đó, ông ta đã chụp đủ các tài liệu làm bằng chứng để buộc tội Fenston.

Jack đang thiu thiu trong tiếng nhạc thì nghe thấy tiếng còi hú. Giống như tất cả những người làm công việc thực thi pháp luật khác, anh có thể phân biệt rõ ràng sự khác nhau giữa tiếng còi hú của xe cảnh sát, xe cứu thương và xe cứu hỏa chỉ trong vòng một tích tắc. Đây là tiếng hú của xe cứu thương, có lẽ là trên phố St Vincent.

Anh nhìn đồng hồ: 11 giờ 15 phút. Leapman đã muộn, nhưng ông ta đã cảnh báo trước với Jack rằng có thể cần phải chụp ảnh hàng trăm tài liệu, vì vậy không nên nóng ruột nếu ông ta có đến muộn vài phút. Các nhân viên kỹ thuật của FBI đã hướng dẫn Leapman cách sử dụng chiếc máy ảnh công nghệ cao để ông ta có thể chụp được những bức ảnh tốt nhất. Nhưng đó là trước khi có cú điện thoại kia. Leapman đã gọi tới văn phòng của Jack vào lúc vừa sau bảy giờ để báo rằng Fenston đã nói với ông ta một chuyện có giá trị hơn nhiều so với bất kỳ tài liệu nào. Nhưng ông ta không muốn tiết lộ tin tức đó trên điện thoại. Tín hiệu đường dây tắt trước khi Jack kịp căn dặn ông ta. Jack biết rằng những người đang muốn được hưởng sự khoan hồng của pháp luật thường tuyên bố rằng mình có những thông tin mới giúp làm sáng tỏ vụ việc, và vì vậy FBI cần phải cân nhắc lại mức án tù của họ. Anh biết sếp của mình sẽ không đồng ý giảm nhẹ tội cho Leapman nếu ông ta không kiếm được những bằng chứng mới để chứng minh mối quan hệ trực tiếp giữa Fenston và Krantz.

Tiếng còi hú mỗi lúc một to hơn.

Jack quyết định ra khỏi xe và vận động chân tay một chút. Chiếc áo khoác của anh có vẻ quá nhàu nát. Anh đã mua nó từ cửa hàng Brooks Brothers vào cái thời khi anh muốn mọi người biết rằng mình là một người bên an ninh, nhưng khi anh càng được thăng cấp thì anh lại càng muốn người ta đừng biết về điều đó. Nếu anh được đề bạt làm trưởng phòng, thậm chí có thể anh sẽ mua một chiếc áo khoác mới, loại áo khoác giúp anh trông giống với một luật sư hay một chủ nhà băng, và cha anh hẳn sẽ hài lòng hơn.

Anh nghĩ tới Fenston, kẻ giờ này đang rao giảng về Trách nhiệm Đạo đức trước các Chủ nhà băng Hiện đại, rồi anh nghĩ tới Anna, người lúc này đang trên đường bay qua Đại Tây Dương để tới London gặp Nakamura. Anna đã gửi một tin nhắn tới điện thoại di động của anh, cho biết cô đã hiểu tại sao Tina lại nhận làm thư ký riêng của Fenston, và bằng chứng nằm ở ngay trước mắt cô trong suốt thời gian qua. Đường dây đang bận khi cô gọi, nhưng Anna cho biết cô sẽ gọi lại vào sáng ngày mai. Lúc đó chắc hẳn là khi Leapman đang nói chuyện với anh. Cái thằng cha khốn kiếp ấy. Jack đứng trên vỉa hè của một đường phố New York vào lúc nửa đêm, mệt mỏi và đói cồn cào, để chờ nhận một chiếc máy ảnh. Cha anh nói đúng. Nhẽ ra anh nên theo nghề luật thì hơn.

Tiếng còi hú lúc này chỉ còn cách hai tòa nhà.

Jack sai bước đi về phía cuối phố và ngược nhìn lên tòa nhà nơi Leapman làm việc, ở đâu đó trên tầng ba mươi hai. Có một dãy ánh đèn sáng chói ở khoảng giữa tòa nhà, tất cả các cửa sổ ở những tầng khác đều tối đen. Jack bắt đầu đến các tầng nhà từ dưới lên, nhưng khi anh đếm

đến tầng thứ mười tám, anh không còn dám chắc nữa, và khi anh đếm đến tầng thứ ba mươi hai, đó có thể là tầng có đầy đèn sáng kia. Nhưng không thể có chuyện đó, bởi vì trên tầng làm việc của Leapman, giờ này nếu có ánh đèn thì chỉ có một khung cửa sổ sáng mà thôi. Chắc chắn ông ta không dại gì mà đi thu hút sự chú ý về mình.

Jack nhìn qua đường và quan sát chiếc xe cứu thương vừa phanh gấp ngay trước cổng tòa nhà. Cửa sau của chiếc xe mở ra, và ba nhân viên y tế, hai nam và một nữ trong những bộ đồng phục màu xanh đậm của họ, nhảy lên vỉa hè. Một người đẩy cáng, người thứ hai vác bình ô xy, trong khi người thứ ba xách một chiếc túi cấp cứu to. Jack nhìn theo khi họ bước lên các bậc cầu thang vào trong tòa nhà.

Anh hướng sự chú ý tới quầy tiếp tân, nơi một nhân viên bảo vệ vừa chỉ tay vào một tấm bảng vừa nói gì đó với một người đàn ông mặc comple, có lẽ là sếp của anh ta, trong khi nhân viên bảo vệ thứ hai đang bận nói chuyện trên điện thoại. Nhiều người ra vào thang máy, nhưng chuyện đó cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên, bởi vì họ đang ở trung tâm của một thành phố mà các hoạt động tài chính được thực hiện 24/24 giờ. Phần lớn người New York ngủ khi tiền bạc đang được trao tay tại Sydney, Tokyo, Hong Kong và lúc này là London, nhưng bao giờ cũng có một nhóm người New York sống trên thời gian của người khác.

Dòng suy nghĩ của Jack bị cắt đứt khi một buồng thang máy mở ra và ba nhân viên y tế xuất hiện, hai người đẩy chiếc cáng, còn người thứ ba vẫn ôm chiếc bình ô xy. Khi họ chậm chậm đi về phía thang máy, mọi người đứng tránh sang hai bên để nhường lối cho họ. Jack bước lên các bậc thềm để nhìn cho rõ hơn. Lại có tiếng còi hú từ phía xa, lần này là tiếng hú của xe cảnh sát, NYPD, nhưng vào giờ này thì tiếng còi ấy có thể chạy về bất kỳ hướng nào, và lại lúc này Jack chỉ tập trung nhìn vào chiếc cáng. Anh đứng bên cửa khi các nhân viên y tế bước ra khỏi tòa nhà và chậm chậm đưa bệnh nhân của họ xuống qua các bậc thềm. Anh nhìn chăm chăm vào khuôn mặt tái nhợt của người bệnh trên cáng; đôi mắt của người ấy mở trừng trừng. Mãi đến khi chiếc cáng được đẩy qua chỗ anh, Jack mới nhận ra đó là ai. Anh phải quyết định ngay. Anh nên đi theo chiếc xe cứu thương trở lại St Vincent, hay anh nên lên thẳng tầng ba mươi hai? Tiếng còi xe cảnh sát nghe có vẻ như đang hướng về phía họ. Một cái nhìn qua khuôn mặt ấy, và Jack hiểu rõ phải còn rất lâu Leapman mới có thể nói chuyện với bất kỳ ai. Anh chạy vào tòa nhà khi tiếng còi xe cảnh sát chỉ còn cách đó vài trăm mét. Anh biết mình chỉ có vài phút trước khi đội quân của NYPD có mặt. Anh dừng lại trước quầy tiếp tân mấy giây để cho họ xem thẻ FBI của mình.

“Anh phải trở lại ngay”, một nhân viên bảo vệ nói, nhưng Jack không trả lời mà vẫn đi thẳng về phía thang máy. Người nhân viên bảo vệ bắn khoăn không hiểu tay nhân viên FBI kia làm sao có thể biết mình cần lên tầng nào.

Jack len vào buồng thang máy khi nó sắp đóng lại, và bấm nút 32. Khi cửa buồng thang máy lại mở ra, anh nhìn lướt khắp hành lang để xem ánh sáng phát ra từ đâu. Anh quay mình chạy về phía cuối hành lang, nơi có một nhân viên bảo vệ, hai kỹ sư và một nhân viên vệ sinh đang đứng bên một chiếc cánh cửa mở toang. “Anh là ai?”, người nhân viên bảo vệ hỏi.

“FBI”, Jack nói và chìa thẻ FBI ra, nhưng không cho anh ta xem tên mà bước thẳng vào trong phòng. Thứ đầu tiên mà anh trông thấy là một bức ảnh phóng to chụp cảnh Fenston đang bắt tay với George W. Bush treo trên bức tường ở sau chiếc bàn làm việc, ánh mắt Jack lướt qua căn phòng cho đến khi anh nhìn thấy thứ mà anh đang tìm kiếm. Nó nằm giữa bàn, trên một tập hồ sơ đang được mở ra.

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?”, Jack hỏi bằng một giọng của người có thẩm quyền.

“Có một người bị kẹt trong văn phòng này trong suốt ba giờ và đã kích hoạt chuông báo động”.

“Đó không phải là lỗi của chúng tôi”, một kỹ sư nói chen vào, “chúng tôi được yêu cầu hạ thấp mức độ khẩn cấp của cuộc gọi, và chúng tôi đã ghi lại điều đó bằng giấy tờ hẳn hoi, nếu không chúng tôi đã có mặt ở đây từ lâu rồi”.

Jack không cần phải hỏi cũng biết ai đã kích hoạt chuông báo động và khiến Leapman lâm vào tình cảnh này. Anh bước về phía chiếc bàn, mắt anh lướt nhanh trên các trang hồ sơ. Anh nhìn lên và thấy cả bốn người kia đang nhìn mình chằm chằm. Jack nhìn thẳng vào người nhân viên bảo vệ. “Đi tới chỗ thang máy, và khi cảnh sát lên đến nơi, hãy đưa họ thẳng tới chỗ tôi”. Người nhân viên bảo vệ biến vào hành lang mà không nói lấy một lời và đi thẳng lại chỗ buồng thang máy. “Còn ba người các anh, ra ngoài”, Jack ra lệnh. “Đây có thể là hiện trường tội ác, và tôi không muốn các anh làm xáo trộn các chứng cứ”. Ba người kia quay đi, và ngay khi họ vừa ra khỏi phòng, Jack chụp lấy chiếc máy ảnh và cho vào túi áo khoác.

Anh cầm điện thoại trên bàn làm việc của Fenston lên. Không có tín hiệu thông đường dây, chỉ có tiếng vo vo không ngớt. Ai đó đã ngắt đường dây. Chắc chắn vẫn là kẻ đã kích hoạt chuông báo động. Jack không đụng vào bất cứ thứ gì khác trong căn phòng. Anh bước trở ra hành lang và lên vào căn phòng bên cạnh. Một chiếc màn hình gắn trên góc bàn làm việc vẫn còn sáng và cho thấy rõ những hình ảnh trong văn phòng của Fenston. Fenston chắc chắn không chỉ chứng kiến việc làm của Leapman, mà còn có đủ thời gian để nghĩ ra trò báo thù thâm hiểm kia. Đôi mắt Jack dừng lại trên bảng mạch điện. Một chiếc công tắc đang ở chế độ mở, nhấp nháy ánh đèn màu da cam, cho thấy đường dây đang bận. Ông ta đã cắt đứt mọi cơ hội để Leapman có thể liên lạc với thế giới bên ngoài. Jack nhìn xuống chiếc ghế nơi chắc hẳn trước đó Fenston đã ngồi để nghĩ ra cách báo thù kia. Ông ta đã viết ra một danh sách những bước cần thực hiện để không bị nhầm lẫn. Tất cả các bằng chứng đều còn đó để NYPD có thể thu thập và đánh giá. Nếu đây là một cuộc điều tra của Columbo, bảng mạch, danh sách viết tay để trên mặt bàn và thời điểm kích hoạt chuông báo động sẽ thừa đủ để vị thám tử tài ba này đưa ra lời kết tội, và Fenston sẽ phải thú thủ và thú tội sau mục quảng cáo. Nhưng đáng tiếc đây không phải là một bộ phim truyền hình, và có một điều chắc chắn là Fenston sẽ không bao giờ chịu thú thủ, không bao giờ chịu thú tội. Jack cau mày. Điểm giống nhau duy nhất giữa anh và Columbo là chiếc áo khoác. Jack nghe thấy tiếng cửa buồng cầu thang mở ra và một giọng nói cất lên: “Đi theo tội”. Anh biết đó là cảnh sát New York. Anh tập trung chú ý vào màn hình khi hai người mặc sắc phục cảnh sát bước vào văn phòng của Fenston và bắt đầu hỏi chuyện bốn nhân chứng. Những người mặc thường phục chắc chắn cũng sắp tới. Anh bước ra khỏi căn phòng và nhẹ nhàng đi về phía thang máy. Khi anh vừa tới cửa buồng thang máy thì một sỹ quan cảnh sát bước ra khỏi văn phòng của Fenston và quát lên: “Này, anh kia”. Jack nhấn nút đi xuống và xoay ngang mình để viên sỹ quan cảnh sát không thể nhìn thấy mặt anh. Ngay khi cửa mở ra, anh lách mình vào trong buồng thang máy. Anh ấn và giữ chặt ngón tay trên nút có chữ L và cửa buồng thang máy ngay lập tức đóng lại. Khi cánh cửa mở ra ba mươi giây sau đó tại tầng trệt, anh đi nhanh qua chỗ quầy tiếp tân, ra khỏi tòa nhà, nhảy xuống qua các bậc thềm, và chạy lại chỗ chiếc xe của anh.

Jack nhảy lên xe và khởi động máy. Một viên cảnh sát xuất hiện ở góc phố. Anh cho xe xoay một vòng, trèo lên vỉa hè, lùi lại xuống đường, và lao thẳng về phía bệnh viện St Vincent.

“Hãng Sotheby xin nghe”.

“Xin cho gặp Lord Poltimore”.

“Thưa bà, tôi cần phải nói với ông ấy là ai đang cần gặp?”.

“Phu nhân Wentworth”. Arabella không cần phải đợi lâu trước khi giọng nói của Mark vang lên trong điện thoại.

“Thật vui khi được nhận điện thoại của bà, Arabella”, Mark nói. “Cho tôi đánh liều hỏi một chút”, anh ta nói đùa, “lần này bà là người mua hay người bán?”.

“Một người cần lời khuyên”, Arabella trả lời. “Nhưng nếu tôi là người bán...”.

Mark bắt đầu ghi chú trong khi anh ta lắng nghe những câu hỏi nghiêm túc mà rõ ràng là Arabella đã chuẩn bị cẩn thận.

“Vào cái thời khi tôi còn là một nhà buôn tranh”, Mark trả lời, “trước khi tôi về làm cho Sotheby, tiền hoa hồng là 10% nếu giá bán thấp hơn 1 triệu. Từ 1 triệu trở lên, tôi sẽ thương lượng với người bán”.

“Và anh sẽ nêu ra mức phí nào, nếu tôi yêu cầu anh bán bức tranh Van Gogh cho tôi?”.

Mark cảm thấy mừng vì Arabella không thể trông thấy vẻ mặt của anh ta lúc đó. Sau khi đã trấn tĩnh lại, anh ta chờ một lát rồi mới nêu ra một con số, trước khi vội nói thêm, “nếu bà cho phép Sotheby đưa bức tranh ấy ra đấu giá, bà sẽ không phải trả một đồng tiền phí nào, và bà sẽ nhận được toàn bộ tiền đấu giá”.

“Vậy các anh kiếm lời bằng cách nào?”, Arabella hỏi.

“Chúng tôi yêu cầu người mua trả một mức phí nào đó”, Jack giải thích.

“Tôi đã có người mua”, Arabella nói, “nhưng cảm ơn anh vì lời khuyên nhé”.

Krantz rẽ vào con phố, và cảm thấy nhẹ nhõm khi trên vỉa hè có rất nhiều người qua lại. Cô ta đi thêm khoảng 100 thước rồi dừng lại bên ngoài một khách sạn nhỏ. Cô ta đảo mắt nhìn quanh. Không có ai theo dõi cô ta.

Cô ta kéo cánh cửa và bước vào bên trong khách sạn, nhìn thẳng về phía trước, đi qua chỗ quầy tiếp tân, phớt lờ người gác cửa, lúc này đang nói chuyện với một khách du lịch có lẽ đến từ New York. Mắt cô ta vẫn dán vào một dãy những ngăn tủ gửi đồ ở phía trái quầy tiếp tân. Krantz đợi cho đến khi cả ba cô nhân viên tiếp tân đều đang bận rộn mới bắt đầu bước tiếp. Cô ta liếc nhìn lại phía sau để biết chắc là không có ai theo dõi mình. Hài lòng, cô ta bước nhanh hơn, và lấy ra một chiếc chìa khoá từ túi áo trong, khi cô ta tới ngăn tủ số 19. Cô ta tra chìa vào ổ và mở ngăn tủ ra. Tất cả mọi thứ đều vẫn còn nguyên vẹn. Krantz lấy hết tiền và hai cuốn hộ chiếu, rồi cất vào túi. Sau đó cô ta khoá ngăn tủ lại, bước ra khỏi khách sạn và trở ra phố Herzen, vẫn không phải nói với ai một lời nào.

Cô ta vẫy một chiếc tắc xi, một điều gì đó mà cô ta không thể làm vào cái thời chế độ cũ còn đang huấn luyện tay nghề cho cô ta. Cô ta đưa cho người lái xe địa chỉ của một ngân hàng ở Cheryomushki, rồi ngả người ra sau ghế, nghĩ tới Đại tá Sergei Slatinaru - nhưng chỉ thoáng qua.

Cô ta chỉ tiếc là không có đủ thời gian để cắt tai trái ông ta. Krantz rất muốn có cái gì đó để gửi cho Petrescu, để nhắc Petrescu luôn nhớ tới chuyến trở về Romania. Dầu vậy, những gì mà cô ta còn nhớ về Petrescu cũng thừa đủ để bù đắp cho nỗi thất vọng ấy.

Nhưng trước hết cô ta cần tập trung vào việc tìm cách thoát ra khỏi nước Nga. Việc thoát khỏi tay máy gã nghiệp dư ở Romania thật quá dễ dàng, nhưng để lọt được vào nước Anh không phải dễ dàng như thế. Các đảo quốc bao giờ cũng có nhiều vấn đề; núi non thì dễ vượt hơn là biển cả. Khi tới được thủ đô của nước Nga vào sáng hôm đó, cô ta đã kiệt sức, vì phải liên tục di chuyển kể từ khi thoát khỏi bệnh viện.

Krantz đã lên tới đường cao tốc khi còi báo động vang lên. Cô ta quay lại và thấy toàn khu bệnh viện ngập trong ánh đèn pha. Một tài xế xe tải đã giúp cô ta vượt biên, sau khi làm tình với cô ta hai lần. Cần thêm một chuyến tàu hỏa, một chuyến máy bay, 300 đôla và mười bảy tiếng đồng hồ nữa trước khi cô ta đặt chân xuống Moscow. Cô ta ngay lập tức đi tới khách sạn Isla, và không có ý định ngủ qua đêm tại đó. Mỗi quan tâm duy nhất của cô ta là ngăn tủ gửi đồ có chứa hai cuốn hộ chiếu và mấy trăm rúp.

Trong khi chờ đợi thời cơ an toàn để trở về Mỹ, Krantz lên kế hoạch kiếm tiền ở Moscow. Mức sinh hoạt ở thủ đô của nước Nga rẻ hơn New York nhiều, và mạng người cũng rẻ hơn, 5000 đôla cho một bà vợ, 10.000 đôla cho một ông chồng. Người Nga vẫn chưa đạt được quyền bình đẳng giới tính. Một đại tá của KGB có thể kiếm tới 50.000 đôla, trong khi Krantz có thể đòi 100.000 đôla để làm việc cho một trùm mafia. Nhưng nếu Fenston đã gửi cho cô ta 2 triệu đôla theo như lời hứa, các ông chồng và bà vợ mệt mỏi kia còn phải chờ đó. Thực tế là, giờ đây khi nước Nga đã chấp nhận nền kinh tế thị trường tự do, cô ta có thể đầu quân cho một nhà tài phiệt nào đó và tận tình phục vụ ông ta.

Chiếc tắc xi dừng lại bên ngoài chiếc cổng ra vào kín đáo của một ngân hàng mà niềm tự hào của nó là có rất ít khách hàng. Hai chữ cái G và Z được khắc trên gờ đá cẩm thạch trắng. Krantz

bước ra khỏi tắc xi, trả tiền và chờ cho đến khi chiếc tắc xi đã khuất tầm nhìn mới bước vào trong tòa nhà.

Ngân hàng Geneva và Zurich là một ngân hàng chuyên đáp ứng nhu cầu của lớp người Nga mới, những người đã vớ bẫm từ sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản. Chính trị gia, trùm mafia (doanh nhân), cầu thủ bóng đá và ca sỹ nhạc pop chỉ là những đồng tiền lẻ nếu so với những siêu sao mới nổi, các nhà tài phiệt.

Dù ai cũng biết tên bọn họ, đó là một giống người mới mà không ai có thể sờ vào người họ.

Krantz bước tới chiếc quầy tiếp tân bằng gỗ được thiết kế theo lối cũ, nơi có một dãy nhân viên mặc comple xám, sơ mi trắng và đeo caravat lụa đang ngồi chờ phục vụ khách. Trông họ không khác gì như đang ngồi tại Geneva hay Zurich.

“Tôi có thể giúp gì cho bà?”, người nhân viên giao dịch mà cô ta lựa chọn hỏi. Anh ta băn khoăn không hiểu mình đang giao dịch với loại người nào - vợ của trùm mafia, hay con gái của một nhà tài phiệt. Trông cô ta không giống ca sỹ nhạc pop.

“1-0-7-2-0-9-5-9”, cô ta nói.

Anh ta gõ dãy số đó vào máy tính, và khi những con số hiện lên trên màn hình, anh ta bắt đầu quan tâm hơn. “Tôi có thể xem hộ chiếu của bà được không?”, anh ta hỏi.

Krantz đưa cho anh ta một cuốn hộ chiếu mà cô ta vừa lấy ở khách sạn Isla.

“Trong tài khoản của tôi còn bao nhiêu?”, cô ta hỏi.

“Theo bà nghĩ thì còn khoảng bao nhiêu?”, anh ta trả lời.

“Khoảng trên 2 triệu đôla”, cô ta nói. “Vậy bà muốn rút bao nhiêu?” anh ta hỏi.

“10.000 đôla, và mười nghìn rúp”. Anh ta lôi một chiếc khay từ dưới quầy ra và bắt đầu chậm chậm đếm. “Đã lâu rồi chúng ta không giao dịch với giá trị lớn như thế này”, anh ta nhìn lên màn hình và gọt chuyện. “Đúng thế”, cô ta công nhận, “nhưng các ông sẽ thấy có nhiều hoạt động hơn khi giờ đây tôi đã quay trở lại Moscow”, cô ta nói thêm mà không giải thích gì.

“Vậy thì tôi mong đợi được phục vụ bà”, người nhân viên giao dịch nói, trước khi đẩy hai gói tiền được buộc lại một cách gọn gàng qua mặt bàn. Không có một thứ giấy tờ nào cho biết khoản tiền đó đến từ đâu, và dĩ nhiên là cũng chẳng có thứ giấy tờ nào cho thấy đã có một giao dịch vừa diễn ra. Krantz cầm hai gói tiền lên, cho vào túi áo trong và chậm chậm bước ra khỏi ngân hàng. Cô ta vẫy một chiếc tắc xi.

“Khách sạn Kalstern”, cô ta nói, rồi trèo lên ghế sau xe và tập trung suy nghĩ về phần hai trong kế hoạch của mình.

Fenston đã thực hiện phần của ông ta. Giờ đây cô ta phải giữ lời hứa của mình nếu cô ta muốn nhận được 2 triệu đôla còn lại. Ý nghĩ về việc giữ lấy 2 triệu đôla hiện có và quên đi chuyện sang nước Anh thoáng qua trong đầu cô ta. Nhưng cô ta biết Fenston có mối quan hệ với KGB, và họ sẽ rất vui nếu được thuê xử lý cô ta với một mức phí thấp hơn nhiều. Khi chiếc tắc xi dừng lại mười phút sau đó, Krantz đưa cho người lái xe 400 rúp và không chờ để lấy lại tiền lẻ. Cô ta bước ra khỏi tắc xi và lẩn vào giữa một toán du khách đang ngó nghiêng nhìn vào cửa sổ một cửa hiệu với hy vọng sẽ kiếm được một món đồ kỷ niệm để chứng minh họ đã từng đặt chân đến một đất nước bị tàn phá bởi một chế độ bạo tàn. Được trưng bày ở giữa chiếc cửa sổ là những món đồ ăn khách của họ: một bộ quân phục cấp tướng bốn sao với tất cả những thứ

kèm theo - mũ, dây lưng, bao súng và ba dây huân chương. Không thấy đề giá, nhưng Krantz biết giá bán là 20 đôla. Bên cạnh đó là bộ quân phục của một đô đốc hải quân, 15 đôla, và phía sau là bộ quân phục của một đại tá KGB, 10 đôla. Cho dù Krantz không muốn chứng minh cho các đồng hương Mỹ của mình rằng cô ta đã từng có mặt tại Moscow, những người có thể đặt tay mình lên những bộ đồng phục của những vị tướng lục quân, đô đốc hải quân, đại tá KGB chắc chắn có thứ mà cô ta đang cần.

Krantz bước vào cửa hiệu và được một cô gái bán hàng đón tiếp.

“Tôi có thể giúp gì cho bà?”, cô gái hỏi.

“Tôi cần nói chuyện riêng với ông chủ của cô”, Krantz nói.

Cô gái bán hàng có vẻ bối rối, nhưng Krantz cứ nhìn cô ta chăm chăm cho đến khi cô ta nói “Đi theo tôi” và dẫn vị khách của mình vào sâu trong cửa hàng, rồi gõ nhẹ lên một chiếc cánh cửa trước khi mở nó ra.

Ngồi sau chiếc bàn làm việc lớn bằng gỗ đầy giấy tờ, bao thuốc lá, và một chiếc bánh xăngđuýt đang ăn dở là một người đàn ông béo phì mặc một bộ complê thụng màu nâu. Ông ta mặc một chiếc áo sơ mi màu đỏ hở cổ trông có vẻ như đã lâu không giặt.

Mái tóc hói và bộ râu rậm của ông ta khiến Krantz khó có thể đoán tuổi con người đó, cho dù rõ ràng ông ta là chủ tiệm.

Ông ta đặt cả hai tay lên mặt bàn và nhìn lên một cách dè chừng, ông ta mỉm cười, nhưng tất cả những gì mà Krantz nhận thấy là chiếc cổ hai cằm của ông ta. Khó đàm phán.

“Tôi có thể giúp gì cho cô?”, ông ta hỏi bằng một giọng cho thấy ông ta không muốn mất thời gian.

Krantz nói với ông ta thứ mà mình cần. Người chủ tiệm yên lặng lắng nghe với một sự kinh ngạc rồi cười phá lên.

“Không rẻ đâu”, cuối cùng ông ta nói, “và cũng mất nhiều thời gian đấy”.

“Tôi cần bộ đồng phục ấy ngay chiều nay”, Krantz nói.

“Không thể được”, ông ta nói với một cái nhún vai.

Krantz lấy một bó tiền từ trong túi ra, rút một tờ 100 đôla và đặt lên bàn trước mặt ông ta. “Ngay chiều nay”, cô ta nhắc lại.

Người chủ tiệm nhướng mày. “Có thể tôi có một mối quan hệ”.

Krantz đặt một tờ 100 đôla nữa lên bàn.

“Vâng, tôi nghĩ mình có một mối quan hệ lý tưởng”.

“Và tôi cần cả hộ chiếu của cô ta nữa”, Krantz nói.

“Không thể được”.

Thêm hai tờ 100 đôla nữa.

“Có thể được”, ông ta nói, “nhưng không dễ”

Thêm hai tờ nữa. Tất cả là sáu tờ. “Nhưng tôi cảm thấy có thể thu xếp được”, ông ta dừng lại, “với một cái giá phù hợp”. Ông ta nhìn lên vị khách hàng của mình trong khi hai tay ông ta để lên bụng mình.

“1000 đôla nếu những gì tôi cần đều sẵn sàng vào chiều nay”.

“Tôi sẽ cố hết sức mình”, người chủ tiệm nói.

“Tôi cảm thấy ông sẽ thành công”, Krantz nói. “Bởi vì nếu sau giờ hẹn mà tôi vẫn không có thứ tôi cần, cứ mười lăm phút tôi sẽ lấy lại một tờ”, cô ta nhìn đồng hồ, “2 giờ chiều nhé”. Người chủ tiệm định phản đối, nhưng rồi ông ta nghĩ lại.

Khi chiếc xe tắc xi chở Anna chạy qua chiếc cổng của Lâu đài Wentworth, cô ngạc nhiên khi thấy Arabella đang đứng chờ ở bậc cầu thang trên cùng, với một khẩu súng săn trong tay phải và hai con chó Brunswick và Picton ngồi bên cạnh. Người quản gia mở cửa xe tắc xi trong khi bà chủ của ông ta và hai con chó bước xuống các bậc thềm để đón chào Anna.

“Thật vui khi được gặp lại cô”, Arabella nói và hôn lên hai bên má Anna. “Cô tới vừa kịp giờ uống trà”. Anna vuốt ve hai con chó rồi bước theo Arabella lên các bậc thềm, trong khi một gia nhân khác lấy chiếc vali của cô từ cốp xe ra. Khi Anna bước vào đại sảnh, cô dừng lại và chăm chăm nhìn khắp căn phòng, từ bức tranh này sang bức tranh khác. “Vâng, thật là tuyệt vời khi vẫn giữ được gia đình quanh mình”, Arabella nói, “cho dù đây có thể đây là kỳ nghỉ cuối tuần cuối cùng của họ tại nước Anh này”.

“Phu nhân muốn nói gì?”, Anna hỏi một cách chăm chú.

“Các luật sư của Fenston đã chuyển cho tôi một bức thư vào sáng nay, nhắc nhở tôi rằng nếu tôi không thanh toán hết nợ cho chủ của họ vào trưa ngày mai, tôi cần phải sẵn sàng để chia tay với tất cả các tài sản của gia đình”.

“Ông ta định bán tất cả các bức tranh trong bộ sưu tập à?”, Anna hỏi.

“Có vẻ như đó là mục đích của ông ta”, Arabella nói.

“Nhưng như thế thì vô lý quá”, Anna nói. “Nếu Fenston đưa tất cả các bức tranh trong bộ sưu tập ra thị trường cùng lúc, ông ta sẽ không thể thu hết nợ”.

“Ông ta có thể thu hết nợ, nếu sau đó ông ta bán nốt Lâu đài này”, Arabella nói.

“Ông ta không thể...”. Anna bắt đầu.

“Ông ta sẽ làm thế”, Arabella nói. “Vì vậy chúng ta chỉ có thể hy vọng rằng ông Nakamura vẫn còn say mê bức tranh Van Gogh, bởi vì nói thật, ông ấy là hy vọng cuối cùng của tôi”.

“Bức tranh ấy ở đâu?”, Anna hỏi trong khi Arabella dẫn cô qua phòng khách.

“Đã được trả lại phòng ngủ của Van Gogh, nơi ông ấy đã ngụ trong suốt 100 năm qua” - Anna dừng lại - “trừ một ngày tới Heathrow tham quan”. Trong khi Arabella ngồi xuống chiếc ghế ưa thích của mình bên bếp lửa, mỗi con chó nằm một bên, Anna bước quanh căn phòng, và nghĩ về bộ sưu tập các bức tranh của Ý do vị bá tước đệ tứ xây dựng.

“Nếu những con người thân yêu này của tôi phải sang New York”, Arabella nói, “họ cũng sẽ không phàn nàn gì. Suy cho cùng, nó cũng giống như một truyền thống của Mỹ”.

Anna cười khi cô nhìn từ Titian sang Veronese và sang Caravaggio. “Tôi đã quên mất là Caravaggio tuyệt vời như thế nào”, cô nói và lùi lại ngắm nhìn bức *Đám cưới tại Cana*.

“Tôi tin là cô quan tâm tới những người Ý quá cố hơn là những người Ailen còn sống”, Arabella nói.

“Nếu Caravaggio còn sống đến ngày nay”, Anna nói, “Jack sẽ đi theo ông ấy chứ không theo tôi”.

“Cô muốn nói gì?”, Arabella hỏi.

“Ông ấy đã giết một người đàn ông trong lúc say rượu. Chạy trốn trong những năm cuối đời, nhưng mỗi khi ông ấy tới một thành phố mới, mọi người đều vờ như không biết chuyện đó, chừng nào ông ấy còn vẽ những bức tranh tuyệt vời về *Đức Mẹ đồng trinh và Chúa hài đồng*”.

“Anna, cô là một vị khách tuyệt vời, hãy tới ngồi bên tôi”, Arabella nói khi một chị hầu gái bê một chiếc khay bạc bước vào phòng khách. Chị ta bắt đầu bày biện cho một tiệc trà nhỏ bên lò sưởi.

“Nào, Anna, cô dùng trà Ấn Độ hay trà Trung quốc?”.

Vừa lúc đó, Andrews bước vào nói: “Thưa Phu nhân, có một quý ông ngoài cửa đem đến một gói hàng cho Phu nhân. Tôi đã yêu cầu ông ta đưa tới chỗ nhận hàng, nhưng ông ta nói rằng ông ta không thể giao gói hàng ấy nếu không có chữ ký của Phu nhân”.

“Chắc là một nhân vật Viola kiểu mới”, Arabella nói. “Tôi phải đi xem người sứ giả hay hòn dơi này đem đến cái gì”, bà nói thêm rồi hơi cúi đầu chào và theo chân Andrews bước ra ngoài.

Anna đang ngắm nghía bức tranh Perseus và Andromeda của Tintoretto khi Arabella quay trở lại, nụ cười trước đó đã bị thay thế bằng một vẻ mặt cau có.

“Có chuyện gì à, Phu nhân?”, Anna quay sang hỏi.

“Sứ giả đã gửi trả lại chiếc nhẫn”, Arabella nói. “Hãy đi theo tôi”.

Anna bước theo Arabella và đi ra đại sảnh. Cô thấy Andrews và một gia nhân khác đang mở chiếc thùng màu đỏ mà cô nghĩ là mình sẽ không bao giờ còn nhìn thấy nữa.

“Chắc chắn được gửi tới từ New York”, Arabella vừa nói vừa nhìn kỹ chiếc nhẫn dán trên nắp thùng, “có lẽ trên cùng chuyến bay với cô”.

“Có vẻ như nó không muốn rời tôi”, Anna nói.

“Cô hoá ra rất được đàn ông chú ý”, Arabella nói.

Cả hai người cùng chăm chú theo dõi trong khi Andrews bóc các lớp giấy bọc ra và để lộ bức tranh mà Anna đã nhìn thấy lần cuối tại phòng tranh của Anton.

“Điều tốt duy nhất trong chuyện này là”, Anna nói, “chúng ta có thể trả khung tranh gốc cho bức tranh gốc”.

“Nhưng chúng ta phải làm gì với ông kia?”, Arabella vừa hỏi vừa đưa tay chỉ bức tranh giả. Người quản gia húng hắng ho. “ông có gợi ý à, Andrews?” Arabella hỏi. “Nếu có, ông hãy nói ra đi”.

“Không, thưa Phu nhân”, Andrews trả lời, “nhưng tôi nghĩ Phu nhân muốn biết rằng vị khách khác của Phu nhân đang sắp tới cổng Lâu đài”.

“Ông ta có khả năng bấm giờ thiên tài”, Arabella nói rồi vội nhìn vào gương và sửa lại mái tóc. “Andrews”, bà nói, “phòng Wellington đã được chuẩn bị cho ông Nakamura chưa?”

“Rồi, thưa Phu nhân. Và Tiến sỹ Petrescu sẽ ở trong phòng Van Gogh”.

“Thật là hợp”, Arabella nói rồi quay sang Anna, “khi ông ta trải qua đêm cuối cùng ở đây với cô”.

Anna cảm thấy yên tâm khi Arabella nhanh chóng lấy lại được vẻ nhanh nhẹn, và cô có cảm giác Arabella sẽ rất hợp với Nakamura.

Người quản gia mở cửa trước ra và bước xuống các bậc thềm với một tốc độ đảm bảo rằng ông ta sẽ xuống đến lớp sỏi vừa khi chiếc Toyota Lexus dừng lại. Andrews mở cửa sau chiếc limousine để ông Nakamura bước ra ngoài, ông ta ôm một gói nhỏ hình vuông.

“Người Nhật Bản đi đâu cũng có quà”, Anna thì thầm, “nhưng Phu nhân không nên mở quà ra trước mặt họ”.

“Được”, Arabella nói, “nhưng tôi không chuẩn bị quà cho ông ta”.

“Không cần phải thế. Phu nhân đã mời ông ta làm khách trong nhà của mình, và đó là niềm vinh hạnh đối với bất kỳ người Nhật Bản nào”.

“Thế thì may quá”, Arabella nói vừa lúc ông Nakamura xuất hiện ở cửa trước.

“Phu nhân Arabella”, ông ta nói và cúi chào, “tôi thật hân hạnh khi được mời tới Lâu đài lộng lẫy của Phu nhân”.

“Ngài đã đem vinh dự đến cho ngôi nhà của tôi, ngài Nakamura”, Arabella nói, hy vọng không mắc sai sót gì trong lễ nghi.

Vị khách người Nhật Bản cúi đầu thậm chí còn thấp hơn nữa, và khi ngẩng đầu lên, ông ta đối diện với bức chân dung của *Wellington* do Lawrence vẽ.

“Thật là tuyệt vời”, ông ta nói. “Có phải con người vĩ đại này đã ăn tối tại Lâu đài Wentworth vào buổi tối trước khi lên đường tới Waterloo không?”.

“Đúng thế”, Arabella nói, “và ngài sẽ được ngủ trên chiếc giường mà ngài Công tước Thép đã ngủ lần đó”. Nakamura quay sang Petrescu và cúi chào. “Thật vui vì được gặp lại cô, Tiến sỹ Petrescu”.

“Tôi cũng vậy, rất vui vì được gặp lại ngài, Nakamura San”, Anna nói. “Tôi hy vọng ngài đã có một chuyến đi dễ chịu”.

“Vâng, xin cảm ơn cô. Chúng tôi thậm chí còn hạ cánh đúng giờ, một sự thay đổi lớn”, Nakamura nói và vẫn đứng yên tại chỗ trong khi lướt nhìn khắp căn phòng. “Cô làm ơn sửa sai cho tôi nếu tôi có nhầm lẫn nhé, Anna. Rõ ràng căn phòng này được dành riêng cho trường phái Anh quốc. Gainsborough?”, ông ta hỏi trong khi ngắm nhìn bức chân dung toàn thân của Catherine, Phu nhân Wentworth. Anna gật đầu, trước khi Nakamura tiếp tục. “Landseer, Morland, Romney, Stubbs, nhưng mà tôi vấp rồi - không biết tôi dùng từ có đúng không?”.

“Ông nói rất chuẩn”, Anna nói, “và những anh em người Mỹ của chúng tôi chưa hẳn đã nói chuẩn như ông. Và ông bị vấp bởi Lely”.

“À, ngài Peter, người phụ nữ kia trông mới tuyệt vời làm sao” - ông ta dừng lại - “nét đặc trưng của gia đình”, ông ta nói và quay sang nhìn chủ nhà.

“Và tôi có thể thấy, ngài Nakamura, nét đặc trưng của gia đình ngài là biết cách làm vui lòng phụ nữ”, Anna nói đùa.

Nakamura cười phá lên. “Với nguy cơ phải thi lại, thưa Phu nhân Arabella, nếu phòng nào cũng như phòng này, có lẽ tôi sẽ phải hoãn cuộc gặp của mình với mấy anh chàng nhà quê ở công ty thép Corns Steel”. Đôi mắt Nakamura tiếp tục nhìn quanh căn phòng, “Wheatley, Lawrence, West và Wilkie”, ông ta nói cho đến khi ánh mắt ông ta dừng lại trên bức chân dung dựng sát tường.

Nakamura không bình luận gì trong một lúc. “Tuyệt vời”, cuối cùng ông ta nói. “Một tác phẩm của một bàn tay hiếm có” - ông ta dừng lại - “nhưng không phải là bàn tay của Van Gogh”.

“Sao ông có thể biết chắc như vậy, Nakamura San?”, Anna hỏi.

“Bởi vì chiếc tai bị băng không phải là chiếc tai kia”, Nakamura trả lời. “Nhưng ai cũng biết Van Gogh đã cắt tai trái của mình”, Anna nói. Nakamura quay sang và mỉm cười với Anna. “Cô biết rõ hơn cả những người khác”, ông ta nói thêm, “rằng Van Gogh đã nhìn vào gương để vẽ bức tranh này, vì vậy chiếc tai bị băng hoá ra phải là tai khác”.

“Tôi thực sự cứ mong có ngày nào đó có người sẽ giải thích điều này cho tôi hiểu”, Arabella nói rồi dẫn các vị khách sang phòng khách.

Krantz quay trở lại cửa hiệu đó vào lúc 2 giờ chiều, nhưng không thấy bóng dáng người chủ đâu. “Ông ấy sẽ quay về ngay bây giờ”, cô gái bán hàng khẳng định với cô ta.

Cái gọi là ngay bây giờ ấy biến thành 30 phút, và đến lúc đó thì cô gái bán hàng kia cũng chẳng còn thấy đâu. Khi người chủ cửa hàng xuất hiện, Krantz hài lòng khi thấy ông ta vác một chiếc túi nhựa lớn. Không nói một lời, Krantz đi theo người chủ cửa hiệu và bước vào văn phòng của ông ta. Chỉ đến khi cánh cửa đã được khép lại, một nụ cười nhăn nhó mới xuất hiện trên khuôn mặt đầy thịt của ông ta.

Người chủ cửa hiệu đặt chiếc túi lên mặt bàn. Ông ta dừng lại một lát, rồi lấy ra bộ đồ màu đỏ mà cô ta đã yêu cầu.

“Cô ta có thể cao hơn cô một chút”, ông ta nói bằng một giọng nửa như xin lỗi, “nhưng tôi có kim và chỉ, không tính tiền”, ông ta bắt đầu cười to, nhưng dừng lại ngay khi thấy người khách hàng của mình không hưởng ứng.

Krantz cầm bộ đồng phục ướm thử lên vai. Người chủ trước của bộ đồng phục ấy cao hơn Krantz ít nhất là 3 hay 4 inch, nhưng chỉ nặng hơn cô ta vài pao; không có vấn đề gì - như người chủ cửa hiệu đã gợi ý - chỉ cần một cây kim và một sợi chỉ là đủ.

“Thế còn cuốn hộ chiếu?”, Krantz hỏi. Một lần nữa, người chủ cửa hiệu lại cho tay vào chiếc túi, và, giống như một nhà ảo thuật lấy ra một con thỏ từ chiếc mũ của mình, ông ta lấy ra một cuốn hộ chiếu của Nga. Ông ta đưa nó cho Krantz và nói: “Cô ta được nghỉ phép ba ngày, vì vậy có thể phải đến ngày thứ Sáu cô ta mới phát hiện thấy mình bị mất hộ chiếu”.

“Nó đã hoàn thành sứ mệnh của mình từ trước đó”, Krantz vừa nói vừa bắt đầu lật giở các trang trong cuốn hộ chiếu.

Cô ta nhận thấy Sasha Prestakavich trẻ hơn cô ta ba tuổi, cao hơn cô ta 8 cm, và không có nét đặc biệt nào.

Một vấn đề mà một đôi giày cao gót có thể giải quyết, trừ phi một viên chức quá mẫn cán nào đó quyết định bắt cô ta cởi hết quần áo ra để kiểm tra và phát hiện thấy vết thương trên vai cô ta.

Khi Krantz lật đến trang có vết dán ảnh của Sasha Prestakavich, người chủ cửa hiệu không dấu nổi một nụ cười ranh ma. Ông ta lấy từ dưới quầy ra một chiếc máy ảnh chụp lấy ngay.

“Cười lên đi”, ông ta nói. Cô ta không cười.

Vài giây sau, một tấm ảnh được đẩy ra. Tiếp đến là một chiếc kéo xuất hiện và người chủ cửa hiệu bắt đầu cắt viền của tấm ảnh cho đến khi nó vừa với hình chữ nhật có viền chấm chấm ở trang thứ ba của cuốn hộ chiếu. Tiếp đến là một lọ keo dán. Việc cuối cùng của ông ta là bỏ một cây kim và một sợi chỉ vào chiếc túi. Krantz bắt đầu nhận ra rằng đây không phải là lần đầu tiên ông ta cung cấp dịch vụ này. Cô ta cho bộ đồng phục và cuốn hộ chiếu vào chiếc túi, trước khi chìa ra 800 đôla. Người chủ cửa hiệu cẩn thận đếm đi đếm lại.

“Cô nói là 1000 cơ mà”, ông ta phản đối.

“Ông chậm 30 phút”, Krantz nhắc nhở ông ta rồi cầm lấy chiếc túi và quay gót bước đi.

“Hãy tới thăm chúng tôi nhé”, người chủ cửa hiệu nói với theo, “bất kỳ khi nào cô cần”.

Krantz không muốn giải thích với ông ta rằng trong nghề của mình, cô ta không gặp ai hai lần, trừ khi cần phải đảm bảo rằng ai đó sẽ không thể có cơ hội nhìn thấy cô ta lần thứ ba.

Khi đã trở ra phố, cô ta chỉ phải đi qua vài tòa nhà trước khi tới một cửa hiệu mà cô ta đang tìm kiếm. Cô ta mua một đôi giày cao gót màu đen, không hợp với cô ta, nhưng có thể giúp cô ta đạt được mục đích. Cô ta thanh toán bằng tiền rúp và rời khỏi cửa hiệu, xách theo hai chiếc túi.

Tiếp đó, Krantz vẫy một chiếc tắc xi, đưa cho người lái xe một địa chỉ và cho anh ta biết cô ta muốn xuống chính xác chỗ nào. Khi chiếc tắc xi dừng lại bên một chiếc cánh cửa đề “Chỉ dành cho nhân viên”, Krantz trả tiền, bước vào tòa nhà và đi thẳng vào phòng vệ sinh nữ. Cô ta nhốt mình trong một ngăn nhỏ và ở đó suốt bốn mươi phút. Với cây kim và sợi chỉ mà người chủ cửa hiệu đưa cho, cô ta nâng gấu váy lên vài inch, và khâu vài nếp gấp ở phần eo. Sẽ chẳng ai có thể thấy những nếp gấp ấy vì chiếc áo khoác sẽ che lấp chúng. Sau đó cô ta cởi bỏ tất cả quần áo ngoài trước khi thử bộ đồng phục - không vừa lắm, nhưng cái công ty mà cô ta đang muốn vào làm nhân viên không phải là một công ty nổi tiếng về sự cầu kỳ trong cách ăn mặc. Tiếp đến, cô ta thay đôi giày thể thao bằng đôi giày cao gót vừa mua, trước khi cho quần áo của mình vào chiếc túi. Sau khi rời khỏi phòng vệ sinh, cô ta đi tìm những ông chủ mới của mình. Bước đi của cô ta không được tự nhiên lắm, bởi vì cô ta không quen với giày cao gót. Anh mắt Krantz dừng lại trên người một phụ nữ mặc một bộ đồng phục giống hệt của cô ta. Cô ta bước lại quầy tiếp tân và hỏi: “Cô có còn một ghế trống nào trên một chuyến bay bất kỳ nào đó của chúng ta tới London không?”

“Không thành vấn đề”, cô gái ở quầy tiếp tân trả lời. “Tôi có thể xem hộ chiếu của cô không?”. Krantz đưa cho cô nhân viên tiếp tân cuốn hộ chiếu mà cô ta vừa kiếm được.

Người đại diện của công ty xem kỹ các chi tiết về Sasha Prestakavich trong cơ sở dữ liệu của công ty.

Theo hồ sơ của họ, Sasha Prestakavich đang được nghỉ ba ngày. “Có vẻ ổn”, cuối cùng cô nhân viên tiếp tân nói và đưa trả Krantz cuốn hộ chiếu. “Hãy là người cuối cùng lên máy bay, để phòng chúng ta có khách đến muộn”.

Krantz bước về phía cửa dành cho khách bay quốc tế, và sau khi làm thủ tục hải quan, cô ta quanh quẩn ở khu bán đồ miễn thuế cho đến khi cô ta nghe thấy thông báo mời các hành khách đi chuyến bay 413 tới London lên máy bay. Khi cô ta tới cửa, ba hành khách cuối cùng đang làm thủ tục. Một lần nữa, hộ chiếu của cô ta lại được đối chiếu với các chi tiết trong cơ sở dữ liệu của công ty trước khi người nhân viên làm thủ tục ở cửa nhìn màn hình và nói: “Tất cả các ghế đều đã có người, vậy cô chọn chỗ đi”.

“Hàng ghế sau cùng, hạng tiết kiệm”, Krantz nói một cách dứt khoát.

Người nhân viên kia có vẻ ngạc nhiên, nhưng rồi anh ta in một tấm thẻ lên máy bay rồi đưa nó cho cô ta. Krantz bước qua cửa, và lên chuyến bay 413 của hãng Aeroflot tới London.

Anna chậm chậm bước xuống các bậc cầu thang rộng bằng đá hoa cương, và cứ sau vài ba bậc lại dừng lại để ngắm nhìn tác phẩm của một họa sỹ bậc thầy nào đó. Dù đã ngắm những bức tranh này nhiều lần... cô nghe thấy tiếng động sau lưng mình, và ngẩng đầu lên nhìn. Andrews đang bước ra từ phòng ngủ của cô. Ông ta vác theo một bức tranh. Cô mỉm cười trong khi ông ta đi vội ra cầu thang phía sau.

Anna tiếp tục ngắm kỹ các bức tranh trong lúc chậm chậm đi xuống các bậc cầu thang. Khi bước vào đại sảnh, cô dừng lại ngắm nhìn Catherine, Phu nhân Wentworth, một lát trước khi chậm chậm bước đi trên nền đá hoa cương đen trắng về phía phòng khách.

Điều đầu tiên mà Anna trông thấy là Andrews đang đặt bức Van Gogh lên một chiếc giá ở giữa phòng.

“Cô thấy thế nào?”, Arabella hỏi và lùi lại một bước để ngắm bức chân dung.

“Phu nhân không sợ là ngài Nakamura sẽ cho rằng điều đó hơi...”, Anna nói, và dĩ nhiên là không muốn làm mất lòng chủ nhà. “Thô lỗ, trắng trợn, lộ liễu? Cô muốn tìm từ nào, Tiến sỹ Petrescu yêu quý?”, Arabella vừa nói vừa quay lại nhìn Anna. Anna cười phá lên. “Hãy đối mặt với thực tế”, Arabella nói, “Tôi bị mắc kẹt trong các vấn đề tài chính và không còn thời gian, vì vậy tôi chẳng có nhiều lựa chọn”.

“Không ai có thể tin điều đó, nếu họ nhìn thấy Phu nhân lúc này”, Anna vừa nói vừa chiêm ngưỡng chiếc váy dài lộng lẫy bằng lụa hồng và chuỗi hạt kim cương mà Arabella đang đeo. Cô cảm thấy bộ quần áo mà mình đang mặc có vẻ quá quê mùa.

“Cảm ơn cô đã động viên, Anna yêu quý, nhưng nếu tôi có được vẻ đẹp và vóc dáng của cô, tôi chẳng cần phải che kín từ đầu đến chân như thế này”.

Anna mỉm cười, và thầm phục cách mà Arabella giúp cô cảm thấy thoải mái.

“Cô nghĩ khi nào ông ta sẽ đưa ra quyết định?”, Arabella hỏi, cố không để lộ sự tuyệt vọng trong giọng nói. “Cũng giống như các nhà sưu tầm lớn khác”, Anna nói, “ông ta sẽ quyết định rất nhanh. Một nghiên cứu khoa học gần đây cho thấy đàn ông chỉ cần tám giây để quyết định xem mình có muốn ngủ với một phụ nữ nào đó hay không”.

“Lâu thế cơ à?”, Arabella hỏi.

“Ông Nakamura cũng sẽ cần chừng ấy thời gian để quyết định xem ông ta có muốn mua bức tranh này không”, cô vừa nói vừa nhìn thẳng vào bức Van Gogh.

“Hãy uống mừng vì điều đó”, Arabella nói.

Andrews bước tới ngay sau câu nói đó của chủ, tay ông ta đỡ một chiếc khay có ba chiếc ly trên đó.

“Một ly sâm panh nhé, thưa bà?”, ông ta hỏi.

“Cảm ơn ông”, Anna nói và cầm lấy một chiếc ly để cao. Khi Andrews lùi lại, ánh mắt cô bắt gặp

một chiếc bình màu đồi mồi mà cô chưa từng thấy trước đó.

“Đẹp quá”, cô nói.

“Quà tặng của ông Nakamura”, Arabella nói. “Ngại quá. Tôi hy vọng mình không thất lễ khi trưng bày nó lúc ông Nakamura vẫn còn đang làm khách trong nhà tôi?”. Bà dừng lại. “Nếu như thế là thất lễ, Andrews sẽ cất nó đi ngay”.

“Tất nhiên là không”, Anna nói. “Ông Nakamura sẽ cảm thấy sung sướng khi Phu nhân cho đặt món quà tặng của ông ta giữa những kiệt tác này”. “Cô có chắc không?”, Arabella hỏi. “Chắc chắn là như thế. Chiếc bình ấy đẹp lắm, và rất hợp với căn phòng này. Đối với các tài năng nghệ thuật thì chỉ có một nguyên tắc duy nhất”, Anna nói. “Mọi tác phẩm nghệ thuật thuộc bất kỳ thể loại nào đều phải được đặt giữa những tác phẩm tương xứng khác. Bức tranh của Raphael trên tường, chuỗi hạt kim cương của Phu nhân, chiếc bàn mà phu nhân đã chọn để đặt chiếc bình kia, chiếc lò sưởi kia, bức tranh Van Gogh, tất cả đều được sáng tạo bởi những bàn tay bậc thầy. Tôi không biết nghệ nhân đã làm nên chiếc bình này là ai”, Anna nói và vẫn không rời mắt khỏi chiếc bình màu đồi mồi như đang ngả sang màu đen giống một ngọn nến đang tan chảy, “nhưng tôi tin chắc rằng ở đất nước của mình, ông ta được xem là một bậc thầy”.

“Dùng cụm từ “bậc thầy” chưa hẳn đã chính xác lắm”, một giọng nói cất lên sau lưng họ.

Arabella và Anna cùng quay lại và thấy ông Nakamura đã bước vào phòng. Ông ta mặc một bộ đồ xêmôkinh và đeo một chiếc nơ mà chắc hẳn Andrews rất ngưỡng mộ khi được trông thấy.

“Không gọi là bậc thầy?”, Arabella hỏi.

“Không”, Nakamura nói. “Ở đất nước này, người ta vinh danh những người “vĩ đại” bằng cách phong tước cho họ, hiệp sỹ hay nam tước, trong khi ở Nhật Bản, chúng tôi xem những tài năng như thế là “kho báu quốc gia”. Thật hợp lẽ khi chiếc bình này tìm được một chỗ đứng trong Lâu đài Wentworth, bởi vì trong số 12 người thợ gốm tài ba nhất trong lịch sử, các chuyên gia đã công nhận rằng 11 người trong số họ là người Nhật Bản. Trường hợp ngoại lệ duy nhất là Bernard Leach, một người xứ Cornwall. Người Anh đã quên không phong tước hiệp sỹ hay Lãnh Chúa cho ông ấy, vì vậy chúng tôi tuyên bố ông ấy là kho báu quốc gia danh dự của Nhật Bản”.

“Thật là một nền văn minh vĩ đại”, Arabella nói, “vì tôi phải thú nhận rằng gần đây người Anh chúng tôi chỉ biết ban tước hiệu cho ca sỹ nhạc pop, cầu thủ bóng đá, và những nhà trọc phú”. Nakamura phá lên cười. Andrews bước tới và đưa cho ông ta một ly sâm panh. “Ngài có phải là kho báu quốc gia không, ngài Nakamura?”, Arabella hỏi.

“Tất nhiên là không”, Nakamura đáp. “Đồng bào tôi không bao giờ nghĩ rằng những nhà trọc phú lại xứng đáng với danh hiệu ấy”.

Arabella đỏ mặt, trong khi Anna tiếp tục ngắm chiếc bình, như thể cô không nghe thấy lời nhận xét đó. “Nếu tôi không lầm, ngài Nakamura, hình như chiếc bình này không cần?”

“Xuất sắc”, Nakamura đáp. “Nhẽ ra cô phải là thành viên của phái Bộ Ngoại giao mới đúng, Anna. Không những cô đã xoay chuyển đề tài, mà đồng thời còn đưa ra một câu hỏi *Cần được trả lời*”.

Nakamura bước qua chỗ bức tranh Van Gogh như thể ông ta không nhìn thấy nó và ngắm chiếc bình một lúc rồi nói thêm, “Nếu cô gặp một tác phẩm bằng gốm nào đó hoàn toàn cần đổi, thì chắc chắn đó là sản phẩm của máy móc. Với đồ gốm, ta nên tìm những sản phẩm gần với sự hoàn hảo. Nếu cô nhìn kỹ, cô sẽ phát hiện ra một vài tí vết nhỏ giúp chúng ta biết rằng nó được

làm ra bằng tay. Càng mất nhiều thời gian hơn để phát hiện tì vết, nghệ nhân làm ra tác phẩm ấy càng tài ba hơn, bởi vì chỉ có Giootto mới vẽ được những vòng tròn hoàn hảo”.

“Đối với tôi, đó là một tác phẩm hoàn hảo”, Arabella nói. “Đơn giản là tôi thích nó, và trong những năm tới, dù cho Fenston có lấy đi bao nhiêu thứ của tôi, ông ta cũng sẽ không bao giờ có được tác phẩm của kho báu quốc gia ấy”.

“Có lẽ ông ta không cần phải lấy đi bất kỳ một thứ gì từ Lâu đài này”, Nakamura nói và quay sang nhìn bức tranh Van Gogh như thể ông ta mới thấy nó lần đầu. Arabella nín thở trong khi Anna theo dõi nét mặt của Nakamura. Cô không biết chắc. Nakamura chỉ nhìn bức tranh vài giây trước khi quay sang Anna và nói, “Có những lúc trọc phú cũng có thể lợi của họ, bởi vì cho dù họ không thể trở thành kho báu quốc gia, họ có thể sưu tập các tác phẩm từ các kho báu quốc gia”.

Anna muốn chúc mừng, nhưng cô chỉ đơn giản giơ ly rượu lên. Ông Nakamura đáp trả cử chỉ ấy và cả hai quay sang nhìn Arabella. Nước mắt đang chảy dài trên khuôn mặt bà.

“Tôi không biết phải cảm ơn ông bằng cách nào”, bà nói.

“Không phải cảm ơn tôi”, ông Nakamura nói. “Phu nhân hãy cảm ơn Tiến sỹ Petrescu. Bởi vì nếu không nhờ lòng dũng cảm và tài năng của cô ấy, câu chuyện này sẽ không thể có được một hồi kết tốt đẹp”.

“Đúng thế”, Arabella nói, “và đó là lý do tại sao tôi sẽ yêu cầu Andrews đưa bức chân dung này vào phòng ngủ của Anna, để cô ấy là người cuối cùng được chiêm ngưỡng nó trước khi nó bắt đầu một hành trình dài sang Nhật Bản”.

“Thật là một sự sắp xếp tuyệt vời”, Nakamura nói. “Nhưng nếu Anna trở thành giám đốc quỹ của chúng tôi, cô ấy có thể ngắm bức tranh này bất kỳ khi nào cô ấy thích”.

Anna vừa định trả lời thì Andrews bước vào phòng và nói, “Bàn ăn đã được chuẩn bị xong, thưa Phu nhân”.

Krantz chọn chỗ ngồi ở cuối máy bay để không có mấy hành khách chú ý đến cô ta, ngoài phi hành đoàn. Cô ta cần phải làm thân với một người trong số họ trước khi máy bay hạ cánh xuống sân bay Heathrow.

Krantz ngồi yên quan sát, và cố tìm xem ai trong số các đồng nghiệp mới của cô ta sẽ giúp cô ta đạt được mục đích.

“Trong nước hay quốc tế?” trưởng nhóm tiếp viên hỏi, ngay khi máy bay vừa lấy được độ cao đường dài. “Trong nước”, Krantz đáp lại, kèm theo một nụ cười.

“À, hèn chi tôi chưa từng gặp cô”.

“Tôi vừa vào làm cho công ty được ba tháng”, Krantz nói.

“Thế thì phải rồi. Tôi là Nina”.

“Sasha”, Krantz nói và nở một nụ cười thân thiện.

“Nếu cần gì cứ nói với tôi, Sasha”.

“Vâng, cảm ơn chị”, Krantz nói.

Việc cố gắng thư giãn trong khi không thể dựa vào vai phải cũng đồng nghĩa với việc Krantz sẽ phải thức gần suốt chuyến bay. Cô ta bỏ ra khoảng thời gian đó để tìm hiểu về Nina, để đến khi máy bay hạ cánh, người tiếp viên trưởng này sẽ sẵn lòng đóng một vai trò quan trọng trong kế hoạch của cô ta. Đến khi cuối cùng Krantz gục xuống ngủ, Nina đã trở thành người trông nom cô ta.

“Cô có muốn lên ngồi phía trên không, Sasha?” Nina hỏi sau khi phi cơ trưởng đã yêu cầu các tiếp viên về chỗ ngồi để chuẩn bị hạ cánh. “Như thế cô có thể xuống trước ngay khi cửa mở ra”.

Krantz lắc đầu. “Đây là lần đầu tiên tôi tới nước Anh”, cô ta nói bằng một giọng có vẻ lo âu, “và tôi muốn đi cùng chị với phi hành đoàn”.

“Thế cũng tốt”, Nina nói. “Và nếu cô muốn, cô có thể lên xe minibuýt với chúng tôi”.

“Cảm ơn chị”, Krantz nói.

Krantz ngồi trên ghế của mình cho đến khi hành khách cuối cùng đã rời khỏi máy bay. Sau đó cô ta cùng phi hành đoàn xuống máy bay và đi về phía cửa kiểm tra hộ chiếu. Krantz không rời khỏi trưởng nhóm tiếp viên trong suốt thời gian họ đi dọc những hành lang dài dằng dặc, trong khi Nina mãi mê nói về đủ thứ chuyện, từ Putin tới Rasputin.

Khi phi hành đoàn của Aeroflot cuối cùng đi đến cửa kiểm tra hộ chiếu, Nina dẫn người được mình bảo trợ vượt qua một dãy dài hành khách đang xếp hàng chờ và đi về phía một chiếc cửa để Chỉ dành cho phi hành đoàn. Krantz cứ bám lấy Nina, còn cô này thì vẫn không ngừng nói chuyện kể cả trong khi đang đưa hộ chiếu ra để kiểm tra. Người nhân viên kiểm tra hộ chiếu chậm chậm giở từng trang, nhìn kỹ ảnh rồi ra hiệu cho Nina bước qua. “Người tiếp theo”

Krantz đưa hộ chiếu ra. Một lần nữa, anh ta lại nhìn ảnh rồi nhìn người. Anh ta thậm chí còn mỉm cười rồi ra hiệu cho Krantz bước qua. Krantz bỗng cảm thấy đau nhói ở vai phải. Trong vài giây, cơn đau khiến cô ta không thể bước đi. Cô ta cố không nhăn nhó. Người nhân viên kiểm tra hộ chiếu lại vẫy cho cô ta bước qua, nhưng cô ta vẫn đứng nguyên tại chỗ.

“Đi nào, Sasha”, Nina gọi, “cô đang cản đường mọi người đấy”.

Krantz cố nén cơn đau và loạng choạng bước qua chiếc cửa. Người nhân viên nhìn theo cô ta. Không bao giờ được ngoái nhìn lại. Cô ta mỉm cười với Nina và khoác tay cô này rồi cả hai người cùng bước về phía cửa ra vào. Người nhân viên kiểm tra hộ chiếu không nhìn theo Krantz nữa mà quay sang làm nhiệm vụ của mình.

“Cô sẽ đi xe buýt với chúng tôi chứ?” Nina hỏi lúc họ bước ra khỏi sân bay. “Không”, Krantz nói. “Tôi có bạn trai đến đón”.

Nina trông có vẻ ngạc nhiên. Cô ta nói lời tạm biệt, trước khi bước qua đường để đi cùng với một đồng nghiệp.

“Ai đấy”, đồng nghiệp của Nina hỏi, trước khi trèo lên chiếc xe buýt của hãng Aeroflot.

“Không có gì trong những thước phim này có thể giúp ích cho chúng ta à?” Macy hỏi.

“Chẳng có gì”, Jack ngẩng lên nhìn sếp mình qua chiếc bàn làm việc và trả lời. “Leapman mới chỉ chụp được tám tài liệu trước khi bị Fenston phát hiện”.

“Thế tám tài liệu đó nói lên điều gì?” Macy hỏi.

“Đều là những chuyện chúng ta đã biết”, Jack vừa nói vừa mở tập hồ sơ trước mặt ra. “Chủ yếu là các hợp đồng khẳng định rằng Fenston vẫn đang lừa gạt các khách hàng trên khắp thế giới, những người hoặc là ngây thơ, hoặc là tham lam. Và mỗi khi có một ai đó trong số họ muốn bán tài sản để trả nợ cho Fenston Finance, thì tôi e là lúc đó chúng ta lại có một án mạng. Không, hy vọng duy nhất của tôi là NYPD đã thu thập đủ bằng chứng”.

“Không có hy vọng gì”, Macy nói, “bởi vì khi tôi nói chuyện với sếp của họ, hay đúng hơn là ông ta nói chuyện với tôi, điều đầu tiên mà ông ta muốn biết là chúng ta có đặc vụ FBI nào tên là Delaney không, nếu có, có phải là anh ta có mặt ở hiện trường tội ác trước khi người của ông ta tới đó hay không”.

“Sếp nói gì với ông ta?” Jack hỏi, và cố không cười.

“Tôi sẽ xem xét vấn đề và gọi anh ta về”. Macy dừng lại. “Nhưng có thể xoa dịu họ đôi chút nếu cậu vui lòng trao đổi một vài thông tin với họ”, ông ta gợi ý.

“Nhưng tôi không nghĩ là họ lại có một thông tin nào đó mà chúng ta chưa biết”, Jack nói, “và họ cũng không thể lạc quan khi Leapman vẫn còn chưa được thẩm vấn”.

“Có tin gì từ bệnh viện về cơ hội bình phục của Leapman không?” Macy hỏi.

“Không tốt lắm”, Jack nói. “Khi ở trong văn phòng của Fenston, ông ta đã bị đột quỵ vì cao huyết áp. Thuật ngữ y tế gọi là chứng mất ngôn ngữ”.

“Mất ngôn ngữ à?”

“Vùng ngôn ngữ trong não bộ của ông ta đã bị tổn thương nghiêm trọng, vì vậy ông ta không thể nói.”

Nói thật, bác sỹ của ông ta mô tả rằng lúc này ông ta đang ở trong trạng thái thực vật, và cảnh báo với tôi rằng quyết định duy nhất mà bệnh viện có thể đưa ra là rút phích cắm để ông ta được chết một cách nhẹ nhàng”.

“NYPD nói với tôi rằng Fenston ngồi suốt ngày bên giường bệnh và tỏ vẻ rất lo lắng”.

“Vậy thì họ không nên để ông ta ngồi lại với Leapman một mình, dù chỉ là một phút”, Jack nói, “bởi vì nếu ông ta có cơ hội, các bác sỹ sẽ không còn phải mất công rút phích cắm”.

“NYPD cũng muốn biết có phải anh đã lấy chiếc máy ảnh khỏi hiện trường hay không”.

“Đó là tài sản của FBI”.

“Không. Nếu đó là một bằng chứng phục vụ một cuộc điều tra tội ác, như cậu đã biết quá rõ, Jack ạ. Tại sao cậu không gửi cho họ một tập ảnh mà Leapman đã chụp và cố gắng có thái độ hợp tác hơn trong tương lai? Nhắc họ nhớ rằng cha cậu đã phục vụ 20 sáu năm trong lực lượng ấy - điều đó có thể có ích”.

“Nhưng họ có gì để đổi lại?” Jack hỏi.

“Một tấm ảnh có tên của cậu ở mặt sau. Họ muốn biết nó có ý nghĩa gì với cậu không, bởi vì rõ ràng nó chẳng có ý nghĩa gì đối với họ, hay đối với tôi”, Macy thú nhận.

Viên chỉ huy trưởng FBI đẩy hai tấm ảnh qua mặt bàn và để cho Jack vài phút để cân nhắc. Tấm ảnh thứ nhất chụp cảnh Fenston đang bắt tay với George W. Bush tại Bãi Trống. Jack nhớ lại tấm ảnh phóng to mà anh đã thấy treo trên tường sau bàn làm việc của Fenston. Anh giờ tấm ảnh lên và hỏi, “Làm thế nào NYPD có được tấm ảnh này?”

“Họ tìm thấy trên bàn làm việc của Leapman. Chắc chắn là ông ta đang định đem đến cho cậu vào tối hôm qua, cùng với một lời giải thích cho những gì mà ông ta đã viết ở mặt sau”.

Jack nhìn tấm ảnh thứ hai và đang ngẫm nghĩ về mấy từ viết ở mặt sau, *Delaney, đây là tất cả những bằng chứng mà anh cần*, thì chuông điện thoại trên bàn làm việc của Macy đổ. Ông ta cầm ống nghe lên. “Nói máy cho anh ta”, Macy nói rồi đặt ống nghe xuống và ấn một nút để cả hai người cùng có thể theo dõi cuộc nói chuyện. “Đó là Tom Crasanti, gọi về từ London”, Macy nói. “Chào Tom, Dick Macy đây. Jack đang có mặt trong văn phòng cùng với tôi. Chúng tôi đang thảo luận về trường hợp của Fenston, bởi vì chúng tôi vẫn chưa tiến được bao xa”.

“Đó là lý do tại sao tôi gọi”, Tom nói. “Đã có sự thay đổi, tới thời điểm này, và tin tức không được tốt. Chúng tôi nghĩ Krantz đã lọt vào nước Anh”.

“Không thể như thế được”, Jack nói. “Làm thế nào cô ta qua được cửa kiểm tra hộ chiếu?”

“Bằng cách đóng giả là một chiêu đãi viên của hãng Aeroflot, có vẻ là như vậy”, Tom nói. “Người của tôi tại đại sứ quán Nga gọi tới để cảnh báo rằng một người phụ nữ đã xâm nhập vào nước Anh dưới cái tên Sasha Prestakavich”.

“Nhưng tại sao họ lại nghĩ rằng người mang tên Sasha Prestakavich ấy chính là Krantz?” Jack hỏi.

“Không, họ không nói thế”, Tom nói. “Họ cũng không biết cô ta là ai. Tất cả những gì họ có thể nói với tôi là kẻ tình nghi đã làm thân với tiếp viên trưởng của Aeroflot trong chuyến bay của họ tới London. Sau đó cô ta đã lừa để người tiếp viên trưởng ấy đưa mình qua cửa kiểm tra hộ chiếu. Đó là những gì chúng tôi được nghe họ nói. Đến khi viên phi công phụ hỏi người tiếp viên trưởng xem cô ta là ai, và khi nghe tiếp viên trưởng nói rằng đó là Sasha Prestakavich, anh ta nói không thể có chuyện như vậy vì anh ta thường xuyên bay cùng cô tiếp viên ấy, và rõ ràng người vừa đi cùng tiếp viên trưởng không phải là Sasha Prestakavich”.

“Nhưng như thế vẫn chưa thể khẳng định được rằng đó chính là Krantz”, Macy vặn.

“Tôi sắp nói tới chỗ đó, thưa sếp, cho tôi một ít thời gian”.

Jack mừng vì bạn mình không nhìn thấy sự nôn nóng trên mặt sếp.

“Phi công phụ”, Tom tiếp tục, “báo cáo với phi công trưởng, và phi công trưởng ngay lập tức cảnh báo bộ phận an ninh của hãng. Chẳng mất nhiều thời gian, họ đã phát hiện ra rằng Sasha

Prestakavich đang được nghỉ ba ngày, và hộ chiếu của cô ta đã bị đánh cắp, cùng với bộ đồng phục. Và thế là chuông báo động vang lên”. Macy bắt đầu gõ ngón tay lên mặt bàn. “Người của tôi ở đại sứ quán Nga gọi tới trên tinh thần cảnh giác sau sự kiện 11/9”, Tom nói, “sau khi đã thông báo cho Interpol”.

“Sắp tới chỗ quan trọng rồi chứ, Tom?”

“Vâng, thưa sếp”. Anh ta dừng lại. “Tôi tới đâu rồi nhỉ?”

“Tới chỗ nhận điện thoại từ người của cậu ở đại sứ quán Nga”, Jack nói.

“à, ừ”, Tom nói. “Sau khi tôi mô tả nhận dạng của Krantz cho anh ta, cao năm bộ, nặng 100 pao, tóc húi cua, họ yêu cầu tôi fax một tấm ảnh của cô ta cho họ. Tôi làm ngay. Sau đó anh ta gửi bản fax tấm ảnh ấy tới một khách sạn ở London cho viên phi công phụ. Anh ta khẳng định đó chính là Krantz”.

“Làm tốt lắm, Tom”, Macy nói, “kỹ lưỡng như thường lệ, nhưng cậu đã nghĩ ra lý do tại sao Krantz lại phải mạo hiểm sang Anh quốc vào lúc này chưa?”

“Để giết Petrescu, tôi cá là như vậy”, Tom nói.

“Cậu nghĩ gì?” Macy nhìn Jack và hỏi.

“Tôi đồng ý với Tom”, Jack đáp.

“Anna rõ ràng là mục tiêu”. Anh ngập ngừng. “Nhưng tôi không hiểu tại sao Krantz lại phải liều như vậy vào lúc này”.

“Tôi đồng ý”, Macy nói, “nhưng tôi không thể đánh cược mạng sống của Petrescu trong khi chúng ta chưa tìm ra động cơ đích thực của Krantz”. Macy ngả người về phía trước.

“Nghe đây Tom, bởi vì tôi chỉ nói với cậu có một lần mà thôi”, ông ta bắt đầu lật nhanh các trang hồ sơ về Fenston. “Tôi cần cậu liên lạc với - đợi tôi một giây”, ông ta nói và tiếp tục lật các trang hồ sơ. “A, đây rồi, Chánh thanh tra Renton của khu vực Surey. Sau khi đọc báo cáo của Jack, tôi có ấn tượng rất rõ ràng Renton là một con người của những quyết định khó khăn, thậm chí dám nhận trách nhiệm cả khi một cấp dưới của mình mắc tội. Tôi biết cậu đã thông báo cho ông ta về Krantz, nhưng hãy cảnh báo với ông ta rằng chúng ta nghĩ là cô ta sắp tiếp tục phạm tội ác, và nhiều khả năng mục tiêu là ai đó trong Lâu đài Wentworth. Ông ta sẽ không muốn chuyện đó xảy ra hai lần trong địa hạt của mình, và chắc cũng chưa quên rằng vừa mới bị bắt, Krantz đã lại trốn thoát. Điều đó sẽ giúp ông ta tỉnh ngủ suốt đêm. Và nếu ông ta muốn nói chuyện với tôi vào bất cứ lúc nào, tôi luôn có mặt ở đầu dây”.

“Và cho tôi gửi lời hỏi thăm ông ta”, Jack nói thêm.

“Thế là tạm ổn”, Macy nói. “Tom, hãy khẩn trương lên”.

“Vâng, thưa sếp”, Tom đáp.

Macy tắt loa điện thoại. “Và này, Jack, tôi muốn cậu bay chuyển bay sắp tới, đi London. Nếu Krantz vẫn tính tới chuyện làm hại Petrescu, hãy đảm bảo là chúng ta đã chờ sẵn cô ta, bởi vì nếu cô ta thoát một lần nữa, tôi sẽ phải về hưu non và các cậu đừng có nghĩ đến chuyện được đề bạt”.

Jack cau mày nhưng không nói gì. “Trông cậu có vẻ như đang nghĩ tới một điều gì đó”, Macy

nói.

“Tôi không hiểu tại sao bức ảnh chụp Fenston đang bắt tay với Tổng thống lại là *tất cả những bằng chứng mà anh cần*” - anh dừng lại - “mặc dù tôi nghĩ mình đã biết tại sao Krantz lại liều lĩnh mò tới Lâu đài Wentworth lần thứ hai”.

“Tại sao?”, Macy hỏi.

“Cô ta sẽ đánh cắp bức tranh Van Gogh”, Jack nói, “rồi sau đó sẽ tìm cách đem nó về Mỹ cho Fenston”.

“Vậy là Petrescu không phải là lý do khiến cô ta quay trở lại nước Anh”.

“Đúng vậy”, Jack nói, “nhưng một khi cô ta phát hiện ra Petrescu có mặt ở đó, có thể cô ta sẽ giết Petrescu để lấy thưởng”.

Lúc này là 7 giờ 41 phút tối ngày 25 tháng Chín. Krantz đợi cho đến lúc sau 8 giờ tối mới xuất hiện tại khu vực phụ cận của Wentworth. Khi ấy Arabella đang dẫn các vị khách của mình sang phòng ăn.

Krantz mặc một bộ đồ thể thao bó sát người. Cô ta đi vòng qua khu Lâu đài hai lần trước khi quyết định sẽ xâm nhập từ chỗ nào. Tất nhiên là không thể qua cổng trước. Cho dù chắn những bức tường đá cao bao quanh khu Lâu đài khi mới xây là bất khả xâm phạm, thời gian đã tạo ra nhiều chỗ để các chú bé trong vùng có thể len vào ăn trộm vài quả táo.

Sau khi đã chọn được điểm đột nhập, Krantz dễ dàng trèo lên bức tường trong tích tắc, rồi thả mình rơi xuống và lăn tròn, những động tác mà cô ta đã thực hành hàng nghìn lần khi tập trên xà cao.

Krantz nằm yên và chờ đợi một lát để mặt trăng khuất sau một đám mây. Sau đó cô ta chạy một đoạn khoảng ba hay bốn chục thước tới một địa điểm an toàn bên một lùm cây gần bờ sông. Cô ta chờ cho đến khi mặt trăng lại lộ ra để có thể quan sát khu đất cẩn thận hơn, và cô ta hiểu rõ rằng phải thật kiên nhẫn. Trong cái nghề của cô ta, sự thiếu kiên nhẫn sẽ dẫn đến sai lầm, và sai lầm không dễ sửa như trong các nghề khác.

Krantz nhìn rõ phía trước của tòa Lâu đài, nhưng cô ta phải chờ bốn mươi phút trước khi chiếc cánh cửa to bằng gỗ sồi được một người đàn ông mặc áo khoác đuôi tôm màu đen và thắt nơ trắng mở ra để hai con chó có thể ra ngoài dạo đêm. Chúng nghech mũi lên đánh hơi, và ngay lập tức chúng bắt được mùi của Krantz. Hai con chó sủa ầm lên và lao về phía cô ta. Nhưng cô ta đang đợi chúng - một cách kiên nhẫn.

Người huấn luyện viên của Krantz đã nói với cô ta rằng người Anh rất yêu động vật, và ta có thể biết đẳng cấp của một ai đó nếu ta biết những con chó mà họ nuôi. Người lao động thích chó săn thỏ, tầng lớp trung lưu thích giống chó cốc của Tây Ban Nha và những nhà giàu mới nổi thích chó chăn cừu của Đức để bảo vệ tài sản mới kiếm được của họ. Tầng lớp thượng lưu thường chọn giống chó tha mồi Labrador, một giống chó không thích hợp cho việc giữ nhà bởi vì chúng chỉ thích liếm vào mặt chủ và cướp thức ăn của chủ. Khi Krantz được giảng giải về vấn đề này, lần đầu tiên cô ta nghe thấy cụm từ “mùi mẫn”. Chỉ có Nữ Hoàng mới nuôi chó corgi, một giống chó của xứ Wales.

Krantz không động đậy khi hai con chó lao về phía cô ta, thi thoảng dừng lại để đánh hơi, và lúc này đã phát hiện thêm một thứ mùi nữa khiến chúng càng vẫy đuôi loạn xạ. Krantz trước đó đã đến tiệm Curnick ở đường Fulham và chọn những miếng bít tết sirloin mềm nhất, những miếng bít tết mà giờ này các vị khách trong Lâu đài đang thưởng thức.

Krantz cảm thấy không được tiếc. Suy cho cùng, đó là bữa ăn cuối cùng của chúng.

Krantz đặt những miếng bít tết quanh mình thành một vòng tròn và ngồi bất động ở giữa, giống một người bồi bàn bị câm. Khi trông thấy những miếng bít tết, Brunswick và Picton liền quên ngay cái hình người đang ngồi ở giữa vòng tròn. Krantz quì xuống và bỏ thêm các miếng bít tết vào những chỗ vừa bị trống trên vòng tròn. Thi thoảng hai con chó lại ngược lên nhìn cô ta, đuôi vẫy lia lịa, rồi lại cúi xuống nhiệt tình thưởng thức bữa tiệc.

Sau khi đặt miếng bít tết cuối cùng xuống trước mặt hai con chó, Krantz bắt đầu vuốt ve lớp

lông mềm mại trên đầu Picton, con chó non hơn.

Picton thậm chí chẳng thèm ngược đầu lên khi cô ta rút con dao ra. Thép Sheffield, cũng được mua từ một cửa hiệu trên đường Fulham vào chiều hôm đó.

Một lần nữa, cô ta lại vuốt ve cái đầu của con chó giống Labrador màu sôcôla, rồi nhanh như chớp, cô ta đâm vào mang tai Picton, nhắc đầu con chó lên, và bằng một động tác lách dao, cắt đứt cổ họng con vật. Con chó còn lại già hơn nhưng cũng chẳng khôn hơn. Nó nhìn lên và gầm gừ, và điều đó khiến nó phải mất một giây đồng hồ. Thừa đủ để Krantz liếc lưỡi dao dưới họng nó. Không chính xác lắm. Con chó giãy dụa dưới đất. Krantz nghiêng người về phía trước, nắm lấy hai tai con chó và kết thúc công việc của cô ta.

Krantz kéo hai con chó lại chỗ bụi cây và vớt sau thân một cây sồi bị đổ. Sau đó cô ta xuống sông rửa tay và bực mình khi thấy bộ quần áo thể thao mới mua của mình dính đầy máu. Sau đó cô ta chùi lưỡi dao xuống cỏ, trước khi cất nó vào bao. Cô ta nhìn đồng hồ. Cô ta đã trừ tính dành hai giờ đồng hồ cho công việc vừa rồi, vì vậy cô ta nghĩ mình sẽ còn một giờ nữa trước khi những người trong Lâu đài kia, vì bận rộn với việc tiếp khách hoặc được tiếp, nhận ra rằng hai con chó chưa trở lại sau buổi dạo đêm thường lệ của chúng. Krantz ước lượng khoảng cách giữa bụi cây và đầu phía bắc của tòa Lâu đài là khoảng từ 100 đến 120 thước. Với ánh trăng sáng như vậy, cô ta biết rằng chỉ có một cách di chuyển duy nhất không gây nên sự chú ý.

Cô ta quỳ xuống trước khi nằm bẹp xuống cỏ. Cô ta đặt một tay lên trước, tiếp đến là một chân, đến tay còn lại, rồi đến chân còn lại, và bò về phía trước. Kỷ lục mà cô ta ghi được trong cái trò Người Cua này với quãng đường 100 thước là bảy phút mười chín giây. Chốc chốc cô ta lại dừng lại, ngóc đầu nhìn tòa nhà phía trước để tìm điểm đột nhập. Tầng trệt rực sáng ánh đèn, trong khi tầng hai gần như tối đen. Tầng ba, nơi ở của các gia nhân, chỉ có một bóng đèn sáng. Krantz không quan tâm tới tầng ba. Mục tiêu của cô ta lúc này chắc chắn đang ở tầng trệt và một lát nữa sẽ ở tầng hai.

Khi chỉ còn cách tòa nhà khoảng 10 thước, Krantz di chuyển chậm lại cho đến khi cô ta thấy ngón tay mình chạm vào một bức tường. Cô ta nằm yên, nghiêng đầu sang một bên và nhờ ánh trăng để nhìn mọi thứ một cách kỹ lưỡng. Chỉ có những tòa nhà lớn mới có những đường ống nước như vậy. Sau khi đã luyện tập trên những thanh xà có đường kính bốn inch, một đường ống nước như vậy có thể được xem là một chiếc thang. Tiếp đến, Krantz nhìn kỹ những cửa sổ của căn phòng lớn mà tiếng động đang chủ yếu phát ra từ đó. Cho dù những tấm rèm dày đã được kéo lại, cô ta phát hiện thấy có một khe hở nhỏ. Cô ta di chuyển thậm chí còn chậm hơn lúc trước về phía những tiếng cười nói. Khi tới bên chiếc cửa sổ, cô ta nhồm dậy trên đầu gối cho đến khi cô ta có thể ghé một mắt vào khe hở trên tấm rèm.

Đầu tiên, cô ta trông thấy một người đàn ông mặc một bộ đồ xmoêckinh. Ông ta đang đứng, tay cầm một ly sâm banh như sắp chúc tụng. Krantz không nghe thấy người đàn ông đó nói gì, nhưng cô ta cũng chẳng quan tâm tới chuyện đó. Ánh mắt cô ta quét khắp lượt những gì cô ta có thể trông thấy trong căn phòng. Ở một đầu bàn có một phụ nữ mặc áo dài bằng lụa đang ngồi quay lưng ra phía cửa sổ và chăm chú nhìn người đàn ông đang nói. Ánh mắt Krantz dừng lại trên chuỗi hạt kim cương mà người phụ nữ ấy đang đeo, nhưng đó không phải là thứ cô ta quan tâm.

Cô ta quan tâm tới một điểm cách những viên đá sáng lấp lánh kia khoảng ba inch.

Cô ta hướng sự chú ý sang phía đầu bàn còn lại. Cô ta gần như mỉm cười khi nhận ra người đang ăn thịt gà lôi và nhấp nháp ly rượu vang kia là ai. Khi Petrescu quay trở lại phòng mình sau buổi tối, cô ta sẽ chờ sẵn ở một chỗ mà Petrescu ít ngờ nhất.

Krantz lại liếc nhìn về phía người đàn ông mặc áo khoác đuôi tôm màu đen. Ông ta là người đã

mở cửa cho hai con chó ra ngoài. Lúc này ông ta đang đứng sau người phụ nữ mặc áo dài, rót rượu cho người phụ nữ ấy, trong khi những người hầu khác dọn những chiếc đĩa đã hết thức ăn và một người trong số họ chỉ có một nhiệm vụ là dọn các mẩu vụn bánh mỳ trên bàn vào một chiếc khay bạc. Krantz không gây một tiếng động nào trong khi ánh mắt cô ta tiếp tục lướt quanh căn phòng, tìm kiếm chiếc hòng thứ hai mà Fenston đã đặt hàng.

“Phu nhân Arabella, tôi đứng lên để cảm ơn lòng tốt và sự hiếu khách của bà. Món cá hồi bắt ở sông Test, và món gà lôi bắn trong khu đất của Lâu đài quả là rất ngon. Hai người phụ nữ ngồi cùng bàn ăn với tôi hôm nay thật tuyệt vời. Và ngày mai, khi tôi rời Lâu đài Wentworth, tôi sẽ có thêm một kiệt tác và một chuyên gia bậc thầy, một người đã đồng ý là giám đốc quỹ của chúng tôi. Ngài bá tước đệ ngũ quả là khôn ngoan khi đã mua của Tiến sỹ Gachet bức chân dung một người bạn thân của ông ta, Vincent Van Gogh, vào năm 1889, hơn một thế kỷ trước. Ngày mai, kiệt tác đó sẽ bắt đầu một chuyến đi qua nửa vòng trái đất, nhưng tôi xin cảnh báo với Phu nhân, rằng sau vài giờ ở trong Lâu đài của Phu nhân, tôi đã để mắt đến một kho báu quốc gia khác của Phu nhân và lần này tôi sẵn lòng trả giá cao”.

“Tôi có thể biết đó là thứ gì không?” Arabella hỏi.

Krantz quyết định đó là thời điểm thích hợp để di chuyển.

Cô ta chậm chậm bò về phía bắc của tòa nhà. Cô ta không cần biết rằng những bệ đá lớn ở nền nhà là niềm tự hào về kiến trúc của Ngài John Vanbrugh; đối với cô ta, đó chỉ là những chỗ bám chân thích hợp để trèo lên tầng hai.

Cô ta trèo lên ban công tầng hai chỉ mất không đầy hai phút, và dừng lại vài giây để đếm xem có bao nhiêu phòng ngủ. Cô ta biết rằng khi Lâu đài có khách, sẽ không có một phòng nào được gắn chuông báo động, và với sự già nua của tòa nhà, việc đột nhập vào một phòng ngủ nào đó không phải là chuyện khó. Với sự trợ giúp của con dao, Krantz cạy chốt cửa sổ của căn phòng đầu tiên. Sau khi đã lên vào trong, cô ta không tìm công tắc đèn điện mà bật một chiếc đèn pin lên. Chiếc đèn pin chỉ nhỏ bằng một chiếc bút bi và chỉ chiếu sáng một khoảng rộng bằng màn hình của một chiếc ti vi nhỏ. Khoảng sáng nhỏ ấy di chuyển trong căn phòng, lướt từ bức tranh này sang bức tranh khác, và cho dù Hals, Hobbema và Van Goyen luôn làm hài lòng mọi con mắt tinh tường, cô ta lướt qua các bức tranh của họ để tìm bức tranh của họa sỹ người Hà Lan khác. Sau khi đã xem lướt qua tất cả các bức tranh trong căn phòng, cô ta tắt đèn pin và quay trở ra ban công. Khi cô ta bước vào phòng ngủ thứ hai cũng là lúc Arabella đứng dậy đáp lời ông Nakamura. Một lần nữa, Krantz lại kiểm tra từng bức tranh, và một lần nữa không có bức tranh nào đem lại nụ cười cho cô ta. Cô ta vội trở ra ban công, cũng là lúc người quản gia rót mời ông Nakamura một ly rượu poóctô và mở hộp đựng xì gà ra. Ông Nakamura để người quản gia rót cho mình một ly đầy. Khi người quản gia quay lại chỗ bà chủ của mình ở đầu bàn phía bên kia, Arabella từ chối không uống rượu nữa, nhưng bà dùng ngón cái và ngón trỏ về mấy điếu xì gà trước khi chọn một điếu Monte Cristo. Khi người quản gia bật diêm cho bà, Arabella mỉm cười. Mọi chuyện đều suôn sẻ.

Krantz đã kiểm tra được năm căn phòng ngủ khi Arabella mời các vị khách của mình sang phòng khách để dùng cả phê. Vẫn còn chín phòng nữa, và Krantz hiểu rõ rằng không những cô ta chẳng còn nhiều thời gian, mà đồng thời cô ta cũng chẳng thể có một cơ hội thứ hai.

Cô ta vội di chuyển sang căn phòng bên cạnh, mà ai đó đã mở cửa sổ để đón gió. Cô ta bật đèn pin lên, và được đón tiếp bằng cái nhìn lạnh lùng của vị Công tước Thép. Cô ta di chuyển tới bức tranh khác, cũng là lúc ông Nakamura đặt cốc cà phê xuống chiếc bàn con bên cạnh và đứng dậy. “Tôi nghĩ đã đến lúc tôi nên đi ngủ, thưa Phu nhân”, ông ta nói, “nếu không, những anh chàng ngốc ở công ty thép Corns Steel sẽ nhận ra rằng tôi ăn nói không còn sắc bén”. Ông ta quay sang Anna. “Tôi mong chờ được gặp lại cô vào sáng mai, khi chúng ta có thể thảo luận trong bữa ăn sáng về những ý tưởng của cô trong việc phát triển bộ sưu tập của tôi, và có thể là cả chuyện lương bổng của cô nữa”. “Nhưng ngài đã nói rõ là tôi đáng giá là bao nhiêu rồi mà”, Anna nói.

“Tôi không nhớ”, Nakamura nói và trông ông ta có vẻ bối rối.

“Ồ, vâng”, Anna nói và mỉm cười.

“Tôi nhớ rất rõ là Fenston đã thuyết phục ngài tin rằng tôi đáng giá 500 đôla một ngày”.

“Cô đã lợi dụng người già”, Nakamura vừa nói vừa mỉm cười, “nhưng tôi sẽ không rút lại những lời nói của mình”.

Krantz nghĩ cô ta nghe thấy tiếng một chiếc cánh cửa được đóng lại và không nhìn lại Wellington lần thứ hai, cô ta lên vội ra ban công. Cô ta phải cẩn tới con dao của mình để đột nhập căn phòng tiếp theo. Cô ta rón rén bước qua phòng, và dừng lại ở đuôi giường. Cô ta bật đèn pin lên, nghĩ là sẽ được đón tiếp bằng một bức tường trống không. Nhưng không phải.

Đôi mắt dài dại của một thiên tài đang nhìn cô ta chằm chằm. Đôi mắt điên dại của kẻ sát nhân nhìn trả lại. Krantz mỉm cười lần thứ hai trong ngày. Cô ta trèo lên giường và chằm chằm bò về phía nạn nhân tiếp theo của mình. Khi còn cách bức tranh vài inch, cô ta rút dao ra khỏi bao, giơ lên cao khỏi đầu và chuẩn xọc lưỡi dao vào cổ Van Gogh thì cô ta nhớ lại những gì mà cô ta cần làm theo chỉ đạo của Fenston để được lĩnh bốn triệu đôla thay vì chỉ được lĩnh ba triệu. Cô ta tắt đèn pin, bò xuống và chui vào gầm giường. Cô ta nằm ngửa mình lên và chờ đợi.

Khi Arabella và các vị khách rời phòng khách và bước ra hành lang, bà hỏi Andrews xem Brunswick và Picton đã trở lại chưa.

“Chưa, thưa Phu nhân”, người quản gia trả lời, “nhưng đêm nay có rất nhiều thỏ ra ngoài kiếm ăn”.

“Vậy thì để tôi đích thân đi gọi mấy tên hư đốn đó”, Arabella nói rồi quay sang phía các vị khách. “Chúc ngủ ngon, tôi sẽ gặp lại hai người vào bữa ăn sáng ngày mai”.

Nakamura cúi chào trước khi đưa Anna đi lên cầu thang, và chốc chốc hai người lại dừng chân để ngắm nhìn các vị tổ tiên của Arabella. Họ cũng trả lại hai người những cái nhìn chằm chằm.

“Xin cô hiểu cho tôi, Anna”, ông ta nói, “vì tôi sẽ không có cơ hội được gặp lại các quý ông này

lần thứ hai". Anna mỉm cười và bước đi, để ông Nakamura đứng lại ngắm nhìn Bà Siddons của Romney.

Cô tiếp tục đi dọc hành lang, và dừng lại bên ngoài phòng Van Gogh. Cô mở cửa căn phòng ra và bật đèn lên, rồi dừng lại một lát để ngắm nhìn chân dung Van Gogh. Cô cởi váy ra và treo vào tủ quần áo, rồi cô đặt những quần áo còn lại của mình lên chiếc ghế sofa ở chân giường.

Sau đó cô bật ngọn đèn ở cạnh giường lên và xem đồng hồ. Vừa qua mười một giờ. Cô đi vào phòng tắm. Khi Krantz nghe thấy tiếng nước chảy từ một chiếc vòi hoa sen, cô ta bò ra khỏi gầm giường và quỳ bên cạnh giường. Cô ta giởng tai lên, giống một con thú đang đánh hơi trong gió. Vòi nước vẫn đang chảy. Cô ta đứng lên, bước tới cửa và tắt chiếc bóng đèn trong phòng ngủ, trong khi vẫn để ngọn đèn đọc sách bên cạnh giường. Cô ta nhắc đầu tấm chăn phía bên kia giường, cẩn thận treo lên và chui vào chăn. Cô ta nhìn Van Gogh lần cuối, trước khi kéo chăn lại che kín đầu. Krantz nằm yên không động đậy. Cô ta nhỏ con tới mức gần như biến mất trong thứ ánh sáng mờ mờ. Cho dù đang ẩn mình dưới lớp chăn, cô ta vẫn nghe rõ tiếng vòi nước được vặn lại. Tiếp đến là sự yên lặng. Chắc Anna đang lau khô người, rồi cô ta nghe thấy tiếng một chiếc công tắc được tắt - đèn phòng tắm, tiếp đến là tiếng một chiếc cánh cửa được khép lại.

Krantz rút con dao từ trong chiếc bao ra và nắm chặt cán dao khi Anna bước trở ra phòng ngủ. Anna chui xuống dưới chăn phía giường của cô và xoay mình sang một bên, vươn một cánh tay để tắt ngọn đèn bên cạnh giường. Cô ngả đầu xuống chiếc gối lông ngỗng mềm mại. Khi chuẩn bị bước vào giấc ngủ, những suy nghĩ cuối cùng của cô là bữa tiệc thật tuyệt vời. Ông Nakamura không những đã quyết định chuyển mua bán, mà còn mời cô về làm việc. Cô còn cần gì hơn thế?

Anna đang trong trạng thái chợp chờn khi Krantz nhoài người sang bên và sờ vào lưng cô bằng đầu ngón tay trở. Cô ta rê ngón tay dọc xương sống Anna xuống mông cô, dừng lại trên đùi cô. Anna thở ra một hơi dài. Krantz dừng lại vài giây, trước khi cho tay vào giữa hai đùi Anna.

Cô đang mơ ngủ, hay có ai đó sờ vào cô, Anna băn khoăn tự hỏi trong trạng thái nửa thức nửa ngủ. Cô nằm yên. Không thể có chuyện có ai đó đang nằm trên giường cùng cô. Chắc chắn là mơ. Đó là lúc cô cảm thấy cái lạnh của một lưỡi dao bằng thép khi nó luồn vào giữa hai đùi cô. Thình lình Anna tỉnh như sáo, tất cả các suy nghĩ đều chạy khỏi đầu cô. Cô vừa chuẩn bị tung chăn ra và lăn xuống sàn thì một giọng nói cất lên, nhỏ nhưng rõ ràng, "Đừng nghĩ tới chuyện cử động, dù chỉ là một sợi gân; mày có một con dao dài sáu inch ở giữa hai đùi, và lưỡi dao hướng lên". Anna nằm yên. "Nếu mày lên tiếng, dù chỉ là thì thầm, tao sẽ rạch đôi mày từ háng lên họng, và mày sẽ chỉ có đủ thời gian để ước được chết".

Anna cảm thấy cái lạnh của lưỡi dao bằng thép giữa hai đùi cô và cố không động đậy, cho dù người cô vẫn run lên.

"Nếu mày nghe theo chỉ dẫn của tao", Krantz nói, "thì mày có thể sống, nhưng đừng tin lắm vào điều đó". Anna không tin, và biết rằng nếu muốn có cơ hội sống sót, cô phải kéo dài thời gian. "Cô muốn gì?" Anna hỏi.

"Tao đã bảo là không được mở miệng", Krantz nói và đẩy con dao lên cho đến khi lưỡi dao chỉ còn cách âm vật của cô một xentimét. Anna không dám nói gì thêm.

"Có một ngọn đèn bên cạnh giường ở phía mày", Krantz nói. "Hãy vươn người ra, rất chậm và bật nó lên". Anna vươn người ra và cảm thấy lưỡi dao di chuyển cùng cô khi cô bật ngọn đèn lên.

"Tốt", Krantz nói. "Bây giờ tao sẽ kéo phần chăn phía mày, trong khi mày phải nằm yên. Tao sẽ

không rút dao ra - chưa đến lúc”.

Anna nhìn chăm chăm về phía trước mặt cô, trong khi Krantz chậm chậm kéo chặn phía cô ra.

“Bây giờ hãy co gối lên trước ngực”, Krantz nói, “chậm thôi”.

Anna làm theo lệnh cô ta, và lại cảm thấy lưỡi dao di chuyển cùng cô.

“Bây giờ ngồi dậy trên đầu gối và nhìn vào bức tường trước mặt mày”. Anna tì khuỷu tay trái lên giường, đẩy mình ngồi dậy một cách chậm chậm trên đầu gối và xoay mình từng inch một cho đến khi cô đối diện với bức tường. Cô nhìn chăm chăm vào Van Gogh. Khi cô nhìn thấy chiếc tai bị băng, cô không thể không nhớ tới những gì mà Krantz đã làm đối với Victoria.

Krantz lúc này đang quỳ ngay sát phía sau cô, tay vẫn cầm chặt cán dao.

“Từ từ cúi về phía trước”, Krantz nói, “và cầm lấy hai bên khung bức tranh”.

Anna làm theo lệnh của cô ta, trong khi từng chiếc cơ trên người cô đều run lên.

“Bây giờ nhắc bức tranh ra khỏi móc treo và từ từ đặt nó xuống gối”.

Anna gắng sức để làm theo mệnh lệnh của cô ta, dù cô đã bủn rủn cả chân tay. Cô đặt bức tranh xuống gối.

“Bây giờ tao sẽ lấy con dao ra khỏi háng mày, rất chậm, trước khi gí lưỡi dao vào cổ mày. Đừng tính đến chuyện cử động khi con dao được rút ra, bởi vì nếu mày ngu xuẩn đến mức thử làm điều gì đó, tao xin đảm bảo với mày rằng tao chỉ cần không đầy ba giây để giết mày, và mười giây để thoát ra từ chiếc cửa sổ kia. Tao muốn mày nghĩ về điều đó trước khi tao rút lưỡi dao ra”.

Anna nghĩ về điều đó, và không nhúc nhích. Vài giây sau, cô cảm thấy lưỡi dao đã được rút ra khỏi hai chân mình, và chỉ tích tắc sau, lưỡi dao đã kề vào cổ cô.

“Nâng bức tranh lên khỏi chiếc gối”, Krantz ra lệnh, “rồi quay lại và nhìn tao. Hãy nhớ rằng lưỡi dao sẽ không bao giờ rời cách họng mày quá vài inch. Bất kỳ một cử động nào, và tao muốn nhấn mạnh là bất kỳ một cử động nào mà tao cho là khả nghi, sẽ là cử động cuối cùng của mày”.

Anna tin lời cô ta. Cô cúi xuống, nâng bức tranh lên khỏi chiếc gối và chậm chậm xoay mình trên hai đầu gối cho đến khi cô đối diện với Krantz. Khi Anna lần đầu tiên nhìn thấy cô ta, cô ngạc nhiên trong một giây lát thoáng qua. Người phụ nữ này trông thật bé nhỏ, thậm chí có vẻ dễ bị tổn thương - một nhận định sai lầm mà nhiều người đàn ông đã mắc phải trong quá khứ - quá khứ của họ. Sergei còn không thể hạ được Krantz thì cô còn có cơ hội gì? Suy nghĩ lạ lùng ấy lướt qua đầu Anna trong khi cô chờ đợi mệnh lệnh tiếp theo của cô ta.

Tại sao cô lại từ chối khi Andrews đề nghị đem cho cô một cốc cacao lên phòng trước khi cô đi ngủ?

“Bây giờ tao muốn mày xoay bức tranh lại để nó nhìn thẳng vào tao”, Krantz nói, “và đừng rời mắt khỏi con dao”, cô ta nói thêm rồi nhắc con dao khỏi họng cô và giơ lên cao khỏi đầu. Trong khi Anna xoay bức tranh lại, Krantz giữ con dao chĩa thẳng vào vị trí mà cô ta thường chọn.

“Nắm chặt lấy khung tranh”, Krantz nói, “bởi vì bạn mày, ông Van Gogh, sắp mất thêm một cái tai nữa”. “Nhưng tại sao?” Anna kêu lên, cô không thể cố im lặng được nữa.

“Tao thấy vui là mày đã hỏi”, Krantz nói, “bởi vì mệnh lệnh của ông Fenston không thể rõ ràng hơn. Ông ấy muốn mày là người cuối cùng được nhìn thấy bức tranh này trước khi nó bị đi tiêu”.

“Nhưng tại sao?” Anna lặp lại.

“Bởi vì ông Fenston không thể có bức tranh cho riêng mình, ông ấy muốn đảm bảo rằng chẳng ai có thể sở hữu nó”, Krantz nói, lưỡi dao chỉ cách cổ họng Anna vài inch. “Bao giờ cũng là sai lầm nếu làm trái ý ông Fenston. Thật tiếc khi mày không có cơ hội để nói lại với bà mày là Phu nhân Arabella về những gì mà ông Fenston sẽ dành cho bà ta”. Krantz dừng lại. “Nhưng tao có cảm giác ông ấy không phiền lòng nếu tao nói cho mày biết. Một khi bức tranh này đã bị phá hủy - thật đáng tiếc là bà ta không có tiền để mua bảo hiểm cho nó, thì đó cũng là lúc ông Fenston sẽ bắt đầu bán các bức tranh còn lại trong bộ sưu tập của Lâu đài này cho đến khi bà ta thanh toán hết nợ. Cái chết của bà ta, không giống như cái chết của mày, sẽ diễn ra một cách từ từ và dai dẳng. Người ta phải khâm phục đầu óc tư duy logic và gãy gọn của ông Fenston”. Cô ta dừng lại lần nữa. “Tao sợ không còn thời gian, cả cho mày lẫn cho ông Van Gogh”.

Krantz bất ngờ giơ cao con dao khỏi đầu và xọc mạnh lưỡi dao xuống bức tranh. Anna cảm nhận được rằng Krantz đã dồn toàn lực để làm việc đó khi cô ta rạch qua cổ Van Gogh, và bằng tất cả sức lực của mình, tiếp tục đẩy lưỡi dao cho đến khi cô ta đã tạo nên một vòng tròn không đều, cuối cùng làm chiếc đầu của Van Gogh rơi ra, để lại một lỗ hổng nhăm nhở ở giữa bức tranh. Krantz hơi ngửa người ra để chiêm ngưỡng chiến tích của mình, và cho phép mình được tự mãn trong giây lát. Cô ta cảm thấy mình đã hoàn thành hợp đồng với Fenston, và giờ đây, khi Anna đã chứng kiến toàn bộ cảnh này, đã đến lúc cô ta kết thúc mọi chuyện để lĩnh bốn triệu đôla tiền công và tiền thưởng. Anna nhìn chiếc đầu Van Gogh rơi xuống tấm ga cạnh cô, không một giọt máu. Khi Krantz ngồi thẳng lên để tận hưởng chiến thắng của mình, Anna nâng chiếc khung tranh lên và đập thẳng xuống đầu cô ta. Nhưng Krantz nhanh hơn cô tưởng; cô ta xoay mình và giơ tay trái lên đỡ. Anna nhảy xuống giường khi Krantz gạt chiếc khung tranh xuống và nhoài người về phía trước. Anna đã kịp đứng dậy và thậm chí đã nhảy được một bước về phía cửa trước khi Krantz lao theo và đâm lưỡi dao vào chân cô. Anna loạng choạng và ngã xuống, chỉ cách cánh cửa vài inch, máu phun ra từ vết thương. Krantz chỉ cách cô một bước chân khi tay Anna chạm vào tay cầm trên cánh cửa, nhưng quá muộn. Krantz đã nhảy chồm lên cô trước khi cô kịp xoay tay cầm. Krantz túm lấy tóc Anna và kéo cô ngã xuống sàn. Krantz giơ con dao lên, và những từ cuối cùng mà Anna nghe là: “Lần này là chuyện cá nhân”.

Krantz vừa chuẩn bị thực hiện cú cắt họng theo nghi lễ quen thuộc của cô ta thì cánh cửa mở toang. Không phải là người quản gia với một cốc cacao, mà là một phụ nữ với khẩu súng săn dưới cánh tay phải, đôi bàn tay và chiếc áo dài của bà nhuộm đầy máu.

Trong một giây lát thoáng qua, Krantz cứng người khi cô ta nhìn thấy Phu nhân Victoria Wentworth. Không đúng là cô ta đã giết chết người đàn bà này rồi sao? Trước mặt cô ta là ma ư? Krantz chần chừ, như bị thôi miên, khi con ma tiến lại phía cô ta. Krantz không rời mắt khỏi Arabella, trong khi vẫn nắm chặt con dao, lưỡi dao chỉ cách cổ họng Anna vài inch.

Arabella nâng khẩu súng lên khi Krantz lùi lại, kéo theo con mồi của mình trên sàn về phía cửa sổ. Arabella lên cò. “Chỉ cần một giọt máu nữa”, bà nói, “và tao sẽ bắn mày thành một đồng thịt vụn. Tao sẽ bắt đầu từ hai chân của mày, và sau đó tao sẽ dành ổ đạn thứ hai cho cái bụng của mày. Nhưng tao sẽ chưa bắn chết mày ngay. Không, tao hứa sẽ dành cho mày một cái chết từ từ, đau đớn, và tao sẽ không gọi cứu thương cho đến khi tao biết chắc rằng họ chẳng thể làm gì để cứu mày”. Arabella hơi hạ nòng súng xuống và Krantz lưỡng lự. “Thả cô ta ra”, bà nói, “và tao sẽ không bắn”. Arabella chờ đợi. Bà ngạc nhiên khi thấy Krantz có vẻ hoảng hốt như vậy, trong khi Anna lại có vẻ khá điềm tĩnh.

Bất ngờ Krantz bỏ tóc Anna ra và lặn mình qua cửa sổ ra ban công. Arabella nâng súng lên và

bắn về phía cái bóng đang chuyển động.

Đạn thối bay cánh cửa sổ và để lại một lỗ hổng lớn. Arabella lao về lỗ hổng đang toả khói ấy và gọi, “Andrews, nhanh lên”, như thể bà đang đi săn gà lôi. Một giây sau, đèn pha bảo vệ được bật lên và bãi cỏ trước Lâu đài ngập trong ánh sáng giống như một sân bóng trong một trận đấu đêm, nhưng chỉ có một cầu thủ đang lao về phía cầu gôn.

Đôi mắt Arabella bám theo cái bóng đen nhỏ đang chạy hình chữ chi qua bãi cỏ. Arabella nâng súng lên lần thứ hai, tì chặt báng vào vai, ngắm nhìn, hít sâu một hơi và kéo cò. Tích tắc sau, Krantz ngã xuống đất, nhưng vẫn cố bò về phía bức tường. “Chết tiệt”, Arabella nói, “tôi chỉ bắn trúng cánh nó”. Bà chạy ra khỏi phòng, lao xuống cầu thang và kêu to trước khi xuống đến tầng trệt, “Hai các tút đạn nữa, Andrews”.

Andrews mở cánh cửa trước bằng tay phải và đưa cho bà chủ hai các tút đạn bằng tay trái. Arabella nhanh chóng nạp đạn trước khi nhảy xuống các bậc cầu thang và chạy về phía bãi cỏ. Bà chỉ còn nhìn thấy một cái bóng đen rất nhỏ đang đổi hướng chạy về phía cổng, nhưng bà nhanh chóng rút ngắn khoảng cách với Krantz. Sau khi Krantz đã nằm trong tầm ngắm, bà dừng lại giữa bãi cỏ. Bà nâng súng lên và tì vào vai. Bà lấy mục tiêu và vừa chuẩn bị bóp cò thì thành linh từ đâu có ba chiếc xe cảnh sát và một chiếc xe cứu thương lao qua cổng, ánh đèn pha làm bà loá mắt và không nhìn thấy mục tiêu đầu nữa.

Chiếc xe đầu tiên phanh khựng lại ngay sát chân bà, và khi nhận ra người vừa bước xuống xe, bà miễn cưỡng hạ khẩu súng xuống.

“Chào ông chánh thanh tra”, bà vừa nói vừa đưa tay che ngang trán để ngăn dòng ánh sáng đang chói thẳng vào bà.

“Chúc một buổi tối tốt lành, Arabella”, viên chánh thanh tra cảnh sát đáp lời, như thể ông ta đã đến muộn vài phút trong một tiệc rượu nhỏ mà bà tổ chức. “Mọi thứ đều ổn chứ?” ông ta hỏi.

“Đều ổn trước khi ông tới đây”, Arabella nói, “và thò mũi vào công việc của người khác. Và cho phép tôi hỏi, làm sao ông có thể tới đây nhanh như thế?”

“Bà có một người bạn Mỹ, Jack Delaney, để cảm ơn về điều đó”, viên chánh thanh tra cảnh sát nói. “Anh ta cảnh báo với chúng tôi rằng có thể bà cần một vài sự giúp đỡ. Vì vậy chúng tôi đã theo dõi khu vực này suốt một giờ qua.

“Tôi không cần bất kỳ sự giúp đỡ nào”, Arabella nói và lại nâng khẩu súng lên. “Nếu ông cho tôi yên thêm được vài phút, tôi đã kết liễu đời nó, và vui sướng được đối mặt với những hậu quả”.

“Tôi không hiểu bà đang nói gì”, viên chánh thanh tra cảnh sát nói rồi quay trở lại chiếc xe và tắt đèn pha. Chiếc xe cứu thương và hai chiếc xe cảnh sát còn lại không thấy đâu nữa.

“Ông đã để nó chạy mất, đồ ngu”, Arabella vừa nói vừa nâng súng lên lần thứ ba, cũng là lúc ông Nakamura xuất hiện bên cạnh bà trong bộ quần áo ngủ.

“Tôi nghĩ Anna-”

“Ôi, Chúa ơi”, Arabella nói rồi quay mình chạy vào trong tòa nhà, không thèm để ý đến viên chánh thanh tra cảnh sát. Bà tiếp tục chạy lên các bậc thềm, qua cửa, trước khi lao lên cầu thang, và không dừng lại cho đến khi tới căn phòng khách dành cho Anna. Bà thấy Andrews đang quỳ trên sàn, và đang băng bó vết thương ở chân Anna một cách thành thực. Ông Nakamura lao qua cửa. Ông ta dừng lại một lát để lấy hơi trước khi nói, “Trong nhiều năm, Arabella, tôi vẫn cứ băn khoăn không biết trong một bữa tiệc kiểu thôn dã của Anh quốc sẽ có

những gì”, Ông ta dừng lại. “Giờ thì tôi đã biết rõ”. Arabella cười phá lên, và quay sang phía Nakamura, ông ta đang nhìn chăm chăm vào bức tranh trên sàn nhà bên cạnh chiếc giường.

“Ôi, Chúa ơi”, Arabella kêu lên khi ánh mắt bà dừng lại trên bức tranh.

“Thằng Fenston con hoang kia cuối cùng đã cũng đã đánh bại chúng ta. Bây giờ tôi hiểu tại sao hẳn lại tự tin đến thế về việc tôi sẽ buộc phải bán hết tất cả những gì còn lại trong bộ sưu tập của mình, và thậm chí cuối cùng sẽ mất luôn cả Lâu đài này”. Anna chậm chậm đứng lên và ngồi xuống đầu giường. “Tôi không nghĩ như vậy”, cô nói và nhìn thẳng vào chủ nhà. Arabella trông có vẻ ngạc nhiên. “Nhưng Phu nhân hãy cảm ơn Andrews về điều đó”.

“Andrews à?” Arabella lặp lại.

“Đúng vậy. Ông ấy đã cảnh báo với tôi rằng sáng mai ngài Nakamura sẽ phải rời khỏi Lâu đài từ rất sớm nếu muốn kịp giờ hẹn với hãng Corns Steel, và Andrews gợi ý rằng nếu tôi không muốn bị đánh thức vào một cái giờ không thích hợp, thì có lẽ ông ấy nên lấy bức tranh đi trong lúc chúng ta còn đang ăn tối. Điều đó không những cho phép người của ông ấy trả bức tranh vào khung tranh gốc mà còn giúp họ có đủ thời gian để đóng gói bức tranh, chuẩn bị sẵn sàng để ông Nakamura có thể đem đi vào sáng sớm ngày mai”. Anna dừng lại. “Tôi nói với Andrews rằng có thể Phu nhân sẽ không được hài lòng nếu ông ấy làm trái ý Phu nhân, trong khi rõ ràng tôi đã lợi dụng lòng hiếu khách của Phu nhân. Tôi nghĩ mình vẫn còn nhớ chính xác những lời của Andrews”, Anna nói. ““Nếu cô cho phép tôi thay kiệt tác ấy bằng bức tranh nhái, tôi tin là Phu nhân sẽ không để ý”.”

Đó là một trong những lần hiếm hoi trong suốt bốn mươi chín năm qua, Andrews được chứng kiến cảnh bà chủ của mình phải ghen lời không nói nên lời.

“Tôi nghĩ Phu nhân nên sa thải ông ấy ngay lập tức vì tội không nghe lời”, Nakamura nói, “để tôi có thể mời ông ấy về chỗ tôi làm. Nếu ông chấp nhận”, ông ta vừa nói vừa quay sang Andrews, “tôi sẵn lòng trả ông một mức lương cao gấp đôi hiện nay”.

“Không có hy vọng”, Arabella nói, trước khi người quản gia có cơ hội trả lời. “Andrews là một kho báu quốc gia mà tôi sẽ không bao giờ chịu mất”.

Ông Nakamura thức dậy vào lúc vừa qua 6 giờ, khi ông ta nghĩ mình nghe thấy tiếng một chiếc cánh cửa được đóng lại. Ông ta nghĩ về những chuyện đã xảy ra tối hôm trước, và cố thuyết phục mình rằng đó không phải là một giấc mơ.

Ông ta thả chân xuống thảm, tìm đôi dép lê và chiếc áo khoác mỏng bên cạnh giường, ông ta xỏ chân vào dép lê, khoác chiếc áo lên mình và đi về phía đuôi giường, nơi trước khi đi ngủ ông ta đã để chiếc áo xmoêckinh, áo sơ mi và những quần áo khác trên một chiếc ghế. Ông ta đã định thức dậy để đóng gói hành lý trước khi rời đi, nhưng không thấy ở đó nữa. Ông ta cố nhớ lại xem mình có cất vào vali không, ông ta mở vali ra và thấy chiếc áo sơ mi đã được giặt là và được gấp lại, còn chiếc áo xmoêckinh đã được là ủi và được treo vào chiếc móc dành riêng để treo comple.

Ông ta bước vào phòng tắm và thấy chiếc bồn tắm lớn đã được lấy đầy nước. Ông ta cho tay vào nước: ấm nhưng không nóng. Rồi ông ta nhớ lại là đã nghe thấy tiếng cửa phòng mình được khép lại. Rõ ràng là vừa đủ gây tiếng động để đánh thức ông ta nhưng không làm ảnh hưởng đến người khác, ông ta cởi chiếc áo ngủ ra và bước vào bồn.

Anna bước ra khỏi phòng tắm và bắt đầu mặc quần áo. Cô đang đeo chiếc đồng hồ của Tina vào thì thấy một chiếc phong bì trên chiếc bàn nhỏ bên cạnh giường. Có lẽ Andrews đã đưa nó tới phòng cô trong khi cô đang tắm? Cô biết chắc chắn là nó không có ở đó khi cô thức dậy. Trên chiếc phong bì có đề chữ Anna, kiểu chữ mạnh mẽ của Arabella.

Cô ngồi xuống đuôi giường và bóc chiếc phong bì ra.

Lâu đài Wentworth

Ngày 26 tháng Chín năm 2001

Anna vô cùng yêu quý,

Nữ hoàng Elizabeth đệ nhất tặng thưởng vàng bạc và châu báu cho một vị tổ tiên của tôi vì lòng dũng cảm và những chiến công của ngài. Vì vậy sẽ hợp lý khi mà sau khi cô đã cứu vãn danh dự...

Anna bật cười vì lỗi nói là lạ trong thư, khiến cho hai tờ giấy rơi ra khỏi phong bì. Anna cúi xuống nhặt lên. Tờ thứ nhất là một tấm séc ghi tên người lĩnh là Anna có trị giá một triệu bảng. Tờ thứ hai...

Sau khi Nakamura mặc quần áo xong, ông ta cầm chiếc điện thoại di động từ chiếc bàn con bên cạnh giường lên và bấm một số để gọi về Tokyo. Ông ta chỉ thị cho giám đốc tài chính chuyển bốn trăm triệu đôla bằng hình thức chuyển tiền điện tử vào tài khoản của ông ta tại London. Ông ta không cần phải báo cho các luật sư của mình biết, bởi vì ông ta đã yêu cầu họ chuyển toàn bộ khoản tiền đó tới ngân hàng Coutts & Co, nơi gia đình Wentworth vẫn gửi gắm tiền bạc của mình trong suốt hai thế kỷ qua.

Trước khi rời khỏi phòng để xuống ăn sáng, ông Nakamura dừng lại một lát trước bức chân dung của Wellington, ông ta khẽ cúi chào ngài Công tước Thép, và cảm thấy rằng chắc hẳn ngài Công tước đã rất thích thú với cuộc giao tranh nhỏ tối hôm qua.

Trong lúc bước xuống những bậc cầu thang bằng đá hoa cương, ông ta trông thấy Andrews trong đại sảnh. Andrews đang chỉ đạo việc vận chuyển chiếc thùng màu đỏ, trong đó đựng bức tranh Van Gogh đã được lắp vào khung tranh gỗ. Người phụ việc của Andrews dựng chiếc thùng cạnh cửa trước để có thể đưa nó lên xe của Nakamura ngay khi tài xế riêng của Nakamura xuất hiện. Arabella bước vội ra khỏi phòng ăn sáng khi vị khách của bà xuống đến bậc cầu thang cuối cùng.

“Chúc một buổi sáng tốt lành, ngài Nakamura”, bà nói. “Tôi hy vọng rằng, bất chấp những chuyện đã xảy ra, ngài vẫn ngon giấc”.

“Ồ, vâng, xin cảm ơn Phu nhân”, ông ta đáp lời, vừa lúc Anna khập khiễng bước xuống sau lưng ông ta.

“Tôi không biết phải cảm ơn Phu nhân như thế nào”, Anna nói. “Sotheby chắc hẳn sẽ bắt tôi phải trả tiền phí cao hơn nhiều”, Arabella nói mà không giải thích gì thêm.

“Và tôi biết rằng Tina-” Anna bắt đầu, vừa lúc đó có một tiếng gõ dứt khoát ở cửa trước. Nakamura dừng lại, và Andrews bước qua sảnh về phía cửa.

“Có lẽ là tài xế của tôi”, ông ta nói khi người quản gia mở chiếc cánh cửa sồi ra.

“Xin chào ngài”, Andrews nói.

Arabella quay người lại và mỉm cười với vị khách không mời.

“Chào anh, Jack”, bà nói. “Tôi không biết là anh sẽ tới ăn sáng cùng chúng tôi. Anh vừa từ Mỹ qua à, hay đêm qua anh ngủ ở chỗ đồn cảnh sát địa phương?”

“Không, thưa Phu nhân, tôi không ghé qua đồn cảnh sát ấy, nhưng tôi nghe nói nhẽ ra phu nhân phải vào đó ngủ đêm qua”, Jack trả lời, kèm theo một nụ cười nhản nhở.

“Xin chào, người hùng của tôi”, Anna nói và hôn lên má Jack. “Anh vừa kịp tới để cứu chúng tôi”.

“Không công bằng”, Arabella nói chen vào, “bởi vì chính Jack là người đã báo với cảnh sát địa phương”. Anna mỉm cười. Cô quay sang Nakamura và nói, “Đây là bạn của tôi, Jack Fitzgerald Delaney”.

“Chắc hẳn tên thánh là John”, ông Nakamura nói khi bắt tay với Jack. “Chính xác, thưa ngài”.

“Cái tên do một bà mẹ người Ailen lựa chọn, và có lẽ anh sinh ngày 20 hai tháng Mười, năm 1963?”

“Hoàn toàn chính xác”, Jack thú nhận.

“Kỳ lạ thật”, Arabella nói và dẫn các vị khách sang phòng ăn sáng, và Anna giải thích với Jack lý do tại sao chân cô lại bị băng bó.

Arabella mời Nakamura ngồi bên phải mình. Bà ra hiệu cho Jack và nói, “Lại ngồi bên trái tôi,

chàng trai. Còn một vài câu hỏi mà tôi muốn có câu trả lời”. Jack nhìn món cật nướng khi anh cầm dao và đĩa lên. “Và anh đừng mơ đến thức ăn”, Arabella nói thêm, “trước khi giải thích tại sao tôi lại không được lên mặt báo sau những nỗ lực dũng cảm của mình đêm qua”.

“Tôi không hiểu Phu nhân nói gì”, Jack nói, lúc đó Andrews đang rót cho anh một cốc cà phê.

“Này, đừng có thế”, Arabella nói.

“Chẳng trách gì mà nhiều người tin vào các giả thuyết về đủ thứ âm mưu và sự che đậy của cảnh sát. Cố lên một chút đi, Jack”.

“Khi tôi hỏi các đồng nghiệp của mình ở MI5 lúc sáng nay”, Jack trả lời rồi đặt dao và đĩa xuống bàn, “họ có thể cam đoan với tôi rằng trong 20 bốn giờ qua, không có tên khủng bố nào đột nhập vào đất nước này”.

“Nói một cách khác, ả kia đã trốn thoát”, Anna nói.

“Không hẳn là như thế”, Jack nói, “nhưng tôi có thể nói rằng một phụ nữ cao khoảng năm bộ, nặng khoảng 100 pao, có một vết thương do súng săn gây ra, đã ngủ qua đêm tại nhà lao Belmarsh”.

“Nơi mà ả có thể trốn thoát dễ dàng”, Arabella nói.

“Tôi có thể cam đoan với Phu nhân rằng không kẻ nào có thể trốn thoát khỏi nhà lao Belmarsh”.

“Nhưng cuối cùng họ sẽ dẫn độ ả sang Bucharest”.

“Không thể có chuyện đó”, Jack nói, “bởi vì không có hồ sơ nào cho thấy cô ta từng vào nước Anh, và sẽ không có ai tìm kiếm một phụ nữ ở nhà lao đặc biệt đó”.

“Nếu đúng là như vậy, tôi sẽ cho phép anh ăn một chút nấm”.

Jack cầm dao và đĩa lên.

“Một món mà tôi đánh giá rất cao”, ông Nakamura nói và đứng dậy, “nhưng tôi e là tôi phải tạm biệt bà, Phu nhân Arabella ạ, nếu tôi muốn kịp giờ cho cuộc hẹn của mình”.

Jack đặt dao và đĩa xuống lần thứ hai, khi mọi người đều đứng lên tiễn ông Nakamura ra đại sảnh.

“Tôi nghĩ”, ông Nakamura vừa nói vừa quay sang Arabella, “rằng cụm từ *đáng ghi nhớ* sẽ mô tả một cách thích hợp chuyến đi ngắn ngủi của tôi tới Lâu đài Wentworth”. Ông ta mỉm cười, trước khi nhìn bức chân dung của Catherine lần cuối. “Hãy giúp tôi nếu tôi nói sai nhé, Phu nhân”, ông ta tiếp tục, “nhưng đó có phải là chuỗi hạt mà bà đã đeo trong bữa tiệc tối qua không?”

“Chính là chuỗi hạt ấy”, Arabella mỉm cười và trả lời. “Phu nhân là một nữ diễn viên, ngày nay có thể gọi là một vũ nữ, vì vậy chỉ có Chúa mới biết ai trong số những người hâm mộ của Phu nhân đã tặng cho bà chuỗi hạt này. Nhưng tôi không phàn nàn gì về điều đó, bởi vì tất nhiên nhờ có bà mà tôi được hưởng chuỗi hạt ấy”.

“Thế còn khuyên tai”, Anna nói.

“Khuyên tai, thật đáng buồn”, Arabella nói và sờ lên dải tai phải của mình.

“Khuyên tai”, Jack lặp lại và nhìn lên bức tranh. “Tôi ngu quá”, anh nói thêm. “Nó ở ngay trước mặt tôi, thế mà tôi không nhìn ra”.

“Và cái gì ở ngay trước mặt anh mà anh không nhìn ra?” Anna hỏi. “Leapman đã viết lên mặt sau tấm ảnh chụp cảnh Fenston đang bắt tay với Tổng thống Bush rằng: *“Đây là tất cả những bằng chứng mà anh cần”*”.

“Tất cả những bằng chứng mà anh cần cho chuyện gì?” Arabella hỏi.

“Để chứng minh chính Fenston là người đã sát hại chị gái Phu nhân”, Jack đáp.

“Tôi không nhìn thấy mối quan hệ giữa Phu nhân Wentworth với Tổng thống Mỹ”, Arabella nói.

“Đó cũng chính là sai lầm mà tôi đã mắc phải”, Jack nói. “Không phải là mối quan hệ giữa Phu nhân Wentworth với ngài Bush, mà là giữa Phu nhân Wentworth với Fenston. Và đầu mối luôn ở ngay trước mặt chúng ta”.

Mọi người đều nhìn lên bức chân dung do chính Gainsborough vẽ.

Sau một lúc yên lặng, Anna là người đầu tiên lên tiếng.

“Cả hai đều đeo cùng một chiếc khuyên tai”, cô trầm giọng nói. “Tôi cũng hoàn toàn không để ý đến chuyện đó. Tôi thậm chí còn thấy Fenston đeo chiếc khuyên tai đó vào hôm ông ta sa thải tôi, nhưng tôi đã không tìm ra mối quan hệ ấy”.

“Leapman ngay lập tức nhận ra tầm quan trọng của nó”, Jack nói và gần như xoa hai tay vào nhau, “ông ta đã nhận thấy rằng đây là một bằng chứng quan trọng mà chúng ta cần để kết tội Fenston”.

Andrews húng hắng ho.

“Ông nói đúng, Andrews”, Arabella nói. “Chúng ta không nên giữ ngài Nakamura lâu hơn nữa. Người đàn ông tội nghiệp này đã phải chịu đựng quá nhiều mối quan hệ gia đình trong một ngày”.

“Quả là thế thật”, ông Nakamura nói. “Tuy nhiên, tôi xin được chúc mừng anh Delaney vì phát hiện này của anh”.

“Chậm, nhưng cuối cùng thì cũng tới đích”, Anna nói và cầm lấy tay Jack. Ông Nakamura mỉm cười khi Arabella tiễn ông ta xuống chỗ chiếc xe hơi đang đợi, trong khi Jack và Anna đứng chờ trên bậc thềm cao nhất.

“Giỏi đấy, Người Rình rập. Tôi đồng ý với ông Nakamura, rằng đó không phải là một phát hiện tồi”.

Jack mỉm cười và quay sang nhìn Anna. “Thế còn những nỗ lực của cô thì sao? Cô đã phát hiện ra tại sao Tina”.

“Tôi cứ tưởng anh sẽ không bao giờ hỏi”, Anna nói, “cho dù tôi phải thú nhận rằng chính tôi cũng bỏ qua rất nhiều đầu mối hiển nhiên, mà ngay cả một người nghiệp dư cũng có thể nhìn thấy”.

“Ví dụ?” Jack hỏi.

“Một cô gái hâm mộ đội 49ers và đội Lakers, hiểu biết về nền nghệ thuật Mỹ, có sở thích là đi trên một chiếc thuyền buồm gọi là Christina, được đặt theo tên một trong hai người con của người chủ”.

“Cô ấy là con gái của Chris Adam?”, Jack nói.

“Và là em gái của Chris Adam Jr”, Anna nói.

“Đúng, điều đó có thể giải thích mọi chuyện”.

“Gần hết mọi chuyện”, Anna nói, “bởi vì Tina Adam không chỉ mất nhà và chiếc du thuyền sau khi anh trai chị ấy bị Krantz cắt cổ chết, mà chị ấy còn phải bỏ học ở trường luật”.

“Vậy là Fenston đã dùng nhằm người”.

“Và còn nữa”, Anna nói. “Tina đổi tên và tới New York, học qua một lớp thư ký, xin vào làm một công việc tạm thời ở ngân hàng, chờ cho cô thư ký từ chức - một chuyện thường xuyên xảy ra - trước khi bước vào chỗ khuyết”.

“Và bám chặt lấy vị trí đó cho đến khi cô ấy bị sa thải vào tuần trước”, Jack nói, cũng là lúc ông Nakamura cúi chào Arabella trước khi bước vào trong xe.

“Còn chuyện này nữa, Người Rình rập ạ”, Anna tiếp tục sau khi vẫy tay chào Nakamura. “Tina đã tải tất cả các tài liệu có thể chứng minh tội ác của Fenston về máy tính của mình. Chị ấy có tất cả, từ thư từ đến hợp đồng, thậm chí cả các rác thư cá nhân mà Fenston nghĩ là đã bị hủy hết khi Tháp Bắc sụp đổ. Vì vậy tôi có cảm giác là chẳng bao lâu nữa anh có thể khép hồ sơ về vụ Fenston lại”.

“Nhờ có cô và Tina”, Jack nói. Anh dừng lại. “Nhưng cô ấy vẫn mất mọi thứ”.

“Không phải mọi thứ”, Anna nói, “bởi vì anh sẽ vui khi biết rằng Arabella đã tặng chị ấy một triệu đôla cho vai trò của chị ấy trong việc cứu vãn gia tài của Lâu đài Wentworth”.

“Một triệu đôla?”, Jack nói.

“Không kể đến một triệu bảng mà bà ấy đã tặng cho tôi, “vì người lao động đáng được hưởng thành quả từ công sức của mình” là lý do mà Arabella viết trong thư”.

“Thánh Luke”, Jack nói. ““Và trong cùng một ngôi nhà, cùng ăn uống những gì được ban cho: bởi vì người lao động đáng được hưởng thành quả từ công sức của mình”.”

“Rất ấn tượng”, Anna nói.

“Và tôi vẫn còn chưa ăn sáng”.

“Đáng thương quá, Người Rình rập ạ, vậy hãy cùng ăn trưa với tôi ở ghế hạng nhất trên chuyến bay về nhà”. Jack quay sang Anna và mỉm cười. “Tôi rất muốn cô tới dự bữa tối với chúng tôi vào thứ Bảy”.

“Món thịt hầm của mẹ anh à?”, Anna nói. “Còn trên cả hạng nhất. Tất nhiên là tôi sẵn lòng”.

“Nhưng trước khi cô đồng ý, Anna, còn một chuyện này nữa mà tôi muốn nói với cô”, Jack nói, cũng là lúc chiếc xe của Nakamura khuất sau cổng.

“Chuyện gì vậy?”, Anna hỏi và quay sang nhìn anh.

“Mẹ tôi chỉ biết là cô đã qua ba đời chồng, có năm đứa con, không phải tất cả đều là con của ba người chồng đó. Bốn trong năm đứa con của cô nghiện ma túy và đứa còn lại đang ngồi tù”. Anh dừng lại. “Mẹ tôi cũng nghĩ rằng cô làm một cái nghề lâu đời hơn rất nhiều nghề tư vấn nghệ thuật”.

Anna cười phá lên. “Nhưng anh sẽ nói gì nếu bà phát hiện ra rằng không có bất kỳ một sự thật nào trong những chuyện đó?”

“Cô không phải là người Alien”, Jack nói.

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>